

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2562



NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN X

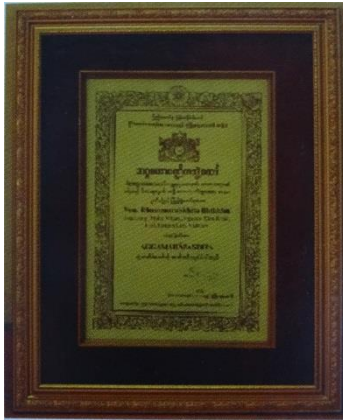
PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ
(VIPASSANĀBHĀVANĀ)

(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

TỶ KHƯU HỘ PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṆḌITA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018



BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU
dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita
tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011
(Rằm tháng 2 P.L.2554)

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.”
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN X
PHÁP-HẠNH THIỀN-TUỆ

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp



Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đánh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2562

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỂN X

PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ
(VIPASSANĀBHĀVANĀ)

(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

TỬ-KHƯU HỘ-PHÁP
(DHAMMARAKKHITA BHIKKHU)
(AGGAMAHĀPAṄḌITA)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2018

Lời Nói Đầu

(Tái bản lần thứ nhất có sửa và bổ sung)

Tái bản lần thứ nhất “Quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ” có sửa và bổ sung, sắp xếp phần nội dung, để giúp cho độc giả dễ hiểu.

Pháp-Hành Thiên-Tuệ này được là đề tài sâu sắc trong Phật-giáo, bản sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt từ các nguồn tài liệu trình bày trong quyển pháp-hành thiên-định này, giúp cho độc giả hiểu biết một phần cơ bản của pháp-hành thiên-tuệ.

Tuy bản sư đã cố gắng hết sức mình tái bản quyển Pháp-Hành Thiên-Tuệ lần này cho được hoàn thiện, nhưng vì khả năng có hạn, nên cũng chỉ thực hiện được bấy nhiêu thôi! Bản sư tin chắc rằng:

*“Soạn phẩm này vẫn còn nhiều chỗ sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai nữa, ngoài khả năng hiểu biết của bản sư. Kính mong các bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta ai cũng có bổn phận đóng góp, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hoá, sự an-lạc cho phần đông.”*

Bản sư chân thành biết ơn quý vị.

*PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*

*Tỳ-Khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn ấy,
Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

Paṇāmagāthā

*Tilokekagaruṃ Buddhaṃ,
pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Ādimajjhantakalyāṇaṃ,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Tassa sāvakaṣaṅghaṅca,
puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ,
gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Buddhaṃ Dhammaṅca Saṅghaṅca,
abhivandīya sādaraṃ.
Mūlabuddhasāsanā ' ti,
Ayaṃ gantho mayā kato.*

Kệ Đánh Lễ Tam-Bảo

*Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*

*Pháp của Ngài như linh dược nhiệm màu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.*

*Tăng bậc Thánh thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.*

*Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Soạn phẩm này gọi “**Nền-Tảng-Phật-Giáo**”.*

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn ấy,
Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

**NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)**

QUYỂN X

**PHÁP-HẠNH THIỀN-TUỆ
(VIPASSANĀBHĀVANĀ)**

*Soạn giả: Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

Lời Nói Đầu

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo là một bộ sách gồm có 9 chương chia ra làm 10 quyển. Mỗi chương được khái quát như sau:

*1- Chương I: **Ba Ngôi Cao Cả** (Tiyagga)*

- Đức-Phật (Buddha).*
- Đức-Pháp (Dhamma).*
- Đức-Tăng (Saṃgha).*

*2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)*

- Đức-Phật-bảo (Buddharatana).*
- Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).*
- Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana)*

3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (*Ratanattayagūṇa*)

- Ân-Đức Phật-bảo (*Buddhagūṇa*).
- Ân-Đức Pháp-bảo (*Dhammagūṇa*).
- Ân-Đức Tăng-bảo (*Samghagūṇa*).

4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (*Tisarāṇa*)

- Quy-y Phật-bảo (*Buddhasarāṇa*).
- Quy-y Pháp-bảo (*Dhammasarāṇa*).
- Quy-y Tăng-bảo (*Samghasarāṇa*).

5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (*Sīlācāra*)

- Giới của người tại gia cư-sĩ (*Gaṭṭhasīla*).
- Giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (*Pabbajitasīla*).

6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp**
(*Kamma-kammaphala*)

- Bốn loại nghiệp (*Kammacatuka*).
- Bất-thiện-nghiệp (*Akusalakamma*).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (*Akusalavipāka*).
- Thiện-nghiệp (*Kusalakamma*).
- Quả của thiện-nghiệp (*Kusalavipāka*).

7- Chương VII: **Phước-Thiện** (*Puñña-Kusala*)

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (*Puññakriyāvatthu*).

8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (*Pāramī*)

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (*Tiṃsapāramī*).

9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (*Bhāvanā*)

- Pháp-hành thiền-định (*Samathabhāvanā*).
- Pháp-hành thiền-tuệ (*Vipassanābhāvanā*).

9 chương chia ra làm **10 quyển** như sau:

1- Quyển I: **Tam-Bảo** (*Ratanattaya*) gồm có 2 chương là chương I và chương II.

2- *Quyển II: Quy-Y Tam-Bảo (Tiarana)* gồm có 2 chương là chương III và chương IV.

3- *Quyển III: Pháp-Hành-Giới (Sīlācāra)* có 1 chương là chương V.

4- *Quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp (Kamma-kammaphala)* có 1 chương là chương VI.

5- *Quyển V: Phước-Thiện (Puñña-Kusala)* có 1 chương là chương VII.

6- *Quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1.*

7- *Quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2.*

8- *Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 3.*

Quyển VI, Quyển VII, Quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, 2, 3 thuộc về chương VIII.

9- *Quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định (Samāthabhāvanā)*

10- *Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ (Vipassanābhāvanā)*

Quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định và Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ thuộc về chương IX.

Như vậy, bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo* gồm có 9 chương chia ra thành 10 quyển.

Bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo* gồm có 9 chương được trình bày theo thứ tự trước sau như sau:

1- *Chương I: Ba Ngôi Cao Cả (Tiyagga)*

Phật-giáo có 3 ngôi cao cả thật xứng đáng tôn kính là:

- Đức-Phật (Buddha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Pháp (Dhamma) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.
- Đức-Tăng (Saṃgha) từ khi bắt đầu cho đến kết thúc.

2- Chương II: **Tam-Bảo** (Ratanattaya)

- Đức-Phật có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Phật-bảo (Buddharatana).

- Đức-Pháp có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Pháp-bảo (Dhammaratana).

- Đức-Tăng có 5 đức-tính quý báu cao thượng nên gọi là Đức-Tăng-bảo (Saṃgharatana).

3- Chương III: **Ân-Đức Tam-Bảo** (Ratanattayaḡuṇa)

- Đức-Phật có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Phật-bảo (Buddhaḡuṇa).

- Đức-Pháp có 6 ân-đức nên gọi là ân-đức Pháp-bảo (Dhammaḡuṇa).

- Đức-Tăng có 9 ân-đức nên gọi là ân-đức Tăng-bảo (Saṃghaḡuṇa).

4- Chương IV: **Quy-Y Tam-Bảo** (Tisarāṇa)

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tha thiết muốn trở thành hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, người ấy kính xin làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo:

- Quy-y Phật-bảo (Buddhasarāṇa),

- Quy-y Pháp-bảo (Dhammasarāṇa),

- Quy-y Tăng-bảo (Saṃghasarāṇa).

5- Chương V: **Pháp-Hành-Giới** (Sīlācāra)

Các hàng thanh-văn biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi thì giữ gìn giới của mình được trong sạch trọn vẹn, giữ gìn giới là giữ gìn phẩm-hạnh cao quý của hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng.

- Đối với hàng tại gia là cận-sự-nam (upāsaka) hoặc cận-sự-nữ (upāsikā) cần phải giữ gìn giới của mình cho

được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của người tại gia cư-sĩ (*Gahaṭṭhasīla*).

- Đối với hàng xuất-gia là tỳ-khưu, sa-di, tu-nữ cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là giới của bậc xuất-gia tu-sĩ (*Pabbajitasīla*).

6- Chương VI: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp**

(*Kamma-kammaphala*)

Các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, cần phải có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Các hàng thanh-văn phải nên học hỏi hiểu rõ:

- Bốn loại nghiệp (*Kamma-catuka*).
- Bất-thiện-nghiệp (*Akusalakamma*).
- Quả của bất-thiện-nghiệp (*Akusalavipāka*).
- Thiện-nghiệp (*Kusalakamma*).
- Quả của thiện-nghiệp (*Kusalavipāka*).

7- Chương VII: **Phước-Thiện** (*Puñña-kusala*)

- 10 nhân phát sinh phước-thiện (*Puññakriyāvattu*).

Các thanh-văn đệ-tử tin nghiệp và quả của nghiệp của mình, nên lựa chọn tạo 10 phước-thiện để trở thành **tam-nhân đại-thiện-nghiệp bậc cao** (*tihetuka-ukkaṭṭhakusalakamma*) để cho quả tái-sinh kiếp sau trở thành hạng **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*).

8- Chương VIII: **Pháp-Hạnh Ba-La-Mật** (*Pāramī*)

- 30 pháp-hạnh ba-la-mật (*Timsapāramī*).

* Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-

mật bậc thượng, mới trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác độc nhất vô nhị trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

* Để trở thành Đức-Phật Độc-Giác, Đức-Bồ-tát Độc-Giác cần phải tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, mới trở thành Đức-Phật Độc-Giác. Đức-Phật Độc-Giác có thể có nhiều Vị trong cùng một thời-kỳ.

* Để trở thành bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử, bậc Thánh thanh-văn đệ-tử hạng thường, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đều cần phải tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ theo mỗi ngôi vị của mình.

Đến thời-kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác ấy xuất hiện trên thế gian, chư vị Bồ-tát thanh-văn đệ-tử ấy đến hầu đánh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán là bậc Thánh thanh-văn đệ-tử Đức-Phật, tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi ngôi vị đúng như ý nguyện trong tiền-kiếp quá-khứ của mỗi vị.

Trong chương VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo chỉ lựa chọn 30 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành 30 pháp-hạnh ba-la-mật mà thôi, được chia ra làm 3 quyển:

* Trong quyển VI: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 1, trình bày 3 pháp-hạnh ba-la-mật là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh giữ-giới ba-la-mật, pháp-hạnh

xuất-gia ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 3 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 9 tích.

** Trong quyển VII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 2, trình bày 1 pháp-hạnh trí-tuệ ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật bậc ấy, cho nên, có 3 tích.*

** Trong quyển VIII: pháp-hạnh ba-la-mật (Pāramī) 3, trình bày 6 pháp-hạnh ba-la-mật là pháp-hạnh tinh-tấn ba-la-mật, pháp-hạnh nhẫn-nại ba-la-mật, pháp-hạnh chân-thật ba-la-mật, pháp-hạnh phát-nguyện ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật, pháp-hạnh tâm-xả ba-la-mật. Mỗi pháp-hạnh ba-la-mật có 3 bậc, mỗi bậc được lựa chọn 1 tích tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama tiêu biểu thực-hành pháp-hạnh ba-la-mật mỗi bậc ấy, cho nên, 6 pháp-hạnh ba-la-mật gồm có 18 tích.*

9- Chương IX: **Pháp-Hành-Thiền** (Bhāvanā)

Pháp-hành thiền có 2 pháp-hành là:

- *Pháp-hành thiền-định (Samathabhāvanā).*
- *Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā).*

** Hành-giả là hạng người tam-nhân thực-hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới, 5 phép thần-thông thế gian, tùy theo khả năng của mỗi vị hành-giả.*

Nếu hành-giả chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả chết, chỉ có bậc thiền vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào cao cuối cùng, mới có quyền ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm

vị phạm-thiên trên tầng trời tương xứng với bậc thiên vô-sắc-giới quả-tâm ấy. Các bậc thiên thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

* Hành-giả là hạng **người tam-nhân** thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, 9 chương của bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo được trình bày theo thứ tự trước sau, mà chương trước làm nền tảng hỗ-trợ cho chương sau, cho nên, chương 9 cuối cùng là cứu cánh Niết-bàn của tất cả mọi hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

Quyển IX: Pháp-Hành Thiên-Định (Samathabhāvanā) là pháp-hành có trong Phật-giáo và có ngoài Phật-giáo.

Pháp-hành thiên-định gồm có 40 đề-mục thiên-định:

Trong 40 đề-mục thiên-định, mà mỗi đề-mục thiên-định được giảng giải phương pháp thực-hành từ giai đoạn ban đầu cho đến giai đoạn cuối dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, tùy theo mỗi đề-mục thiên-định ấy.

Và đặc biệt còn trình bày phương pháp luyện tập 5 phép-thần-thông tam-giới (lokiya-abhiññā) đối với hành-giả đã chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm.

Nếu hành-giả nào chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm gìn giữ cho tới lúc lâm chung. Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

Nếu hành-giả nào có khả năng chứng đắc đến 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm. Sau khi hành-giả ấy chết, vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo có 10 quyển, quyển I: Tam-Bảo, quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, quyển III: Pháp-Hành-Giới, quyển IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, quyển V: Phước-Thiện, quyển VI: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 1, quyển VII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 2, quyển VIII: Pháp-Hạnh Ba-La-Mật (Pāramī) 3, quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định đã được trình bày xong, tiếp theo quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ sẽ được trình bày trong quyển này.

* **Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ**

Trong khoảng thời gian chưa có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, thì chỉ có **pháp-hành thiền-định** mà không có **pháp-hành thiền-tuệ**, mãi cho đến khi **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, khi ấy, mới có **pháp-hành thiền-tuệ**.

Thật vậy, khi **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian đồng thời **pháp-hành thiền-tuệ** cũng xuất hiện cùng một lúc.

Pháp-hành thiền-tuệ đặc biệt như thế nào?

Trong thời-kỳ **Đức-Phật Gotama** chưa xuất hiện trên thế gian, các hành-giả là bậc thiện-trí thực-hành **pháp-hành-giới**, giữ gìn giới cho được trong sạch và trọn vẹn, tạo dục-giới thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai, trong 7 cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới.

Nếu hành-giả nào là hạng **người tam-nhân** (tīhetuka-puggala) nương nhờ nơi giới trong sạch và trọn vẹn, thực-hành **pháp-hành thiên-định**, có khả năng chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, hành-giả hưởng an-lạc khi nhập bậc thiên trong kiếp hiện-tại. Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm tột đỉnh cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên quả-tâm** gọi là **vô-sắc-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phạm sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời **Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên tột đỉnh** có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất trong tam-giới.

Vị phạm-thiên hưởng sự an-lạc trên tầng trời này cho đến khi hết tuổi thọ, rồi dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau xuống cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới.

Như vậy, hành-giả thực-hành **pháp-hành-giới** tạo dục-giới thiện-nghiệp, thực-hành **pháp-hành thiên-định** dù đã tạo được 5 sắc-giới thiện-nghiệp và 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp vẫn còn luân quản trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, chưa giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Pháp-hành thiên-tuệ là pháp-hành như thế nào?

Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, Đức-Phật thuyết dạy **pháp-hành tứ-niệm-xứ** trong bài **kinh Đại-niệm-xứ** (Mahāsatiṭṭhānasutta), đó là con đường duy nhất dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Tứ-niệm-xứ có 4 pháp:

- **Thân niệm-xứ**: **Thân** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác. **Đối-tượng thân** thuộc về **sắc-pháp**.

- **Thọ niệm-xứ**: **Thọ** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác. **Đối-tượng thọ** thuộc về **danh-pháp**.

- **Tâm niệm-xứ**: **Tâm** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác. **Đối-tượng tâm** thuộc về **danh-pháp**.

- **Pháp niệm-xứ**: **Pháp** là đối-tượng của chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác. **Đối-tượng pháp** thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp**.

Thân, thọ, tâm, pháp hoặc **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp**, không phải là **chế-định-pháp**.

* **Pháp-hành thiên-tuệ** là pháp-hành có đối-tượng thiên-tuệ đó là **sắc-pháp, danh-pháp** trong bài kinh Đại-tứ-niệm-xứ, thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma), không phải là **chế-định-pháp** (paññattidhamma).

Như vậy, **pháp-hành tứ-niệm-xứ** với **pháp-hành thiên-tuệ** chỉ có khác nhau về danh từ mà thôi, còn phần đối-tượng là hoàn toàn giống nhau.

Đối-tượng thiên-tuệ đó là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma) có thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp; có **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp; có **3 trạng-thái chung**: trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

Còn **chế-định-pháp** (paññattidhamma) là pháp do danh từ ngôn ngữ chế định, sự-thật của chế-định-pháp do danh từ ngôn ngữ chế định, nên không có thật-tánh, không có **sự sinh, sự diệt**, nên không có **3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

Cho nên, **chế-định-pháp** (paññattidhamma) không phải là đối-tượng thiên-tuệ.

Trước khi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, hành-giả nên học hỏi hiểu rõ, phân biệt rõ đối-tượng thuộc về **chế-định-pháp** với đối-tượng thuộc về **chân-nghĩa-pháp**, bởi vì đối-tượng thuộc về chế-định-pháp không có thật-tánh, không có sự sinh, sự diệt; không có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, không thể làm đối-tượng thiên-tuệ được.

Chỉ có đối-tượng thuộc về **chân-nghĩa-pháp** mới có **thật-tánh** rõ ràng, có **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp; có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp mà thôi, nên làm **đối-tượng thiên-tuệ** được.

Hành-giả cần phải hiểu rõ “**yonisomanasikāra**” bởi vì đó là pháp hỗ trợ trực tiếp cho pháp-hành thiên-tuệ được phát triển.

* **Yonisomanasikāra** nghĩa là gì?

Yoniso+manasi+kāra:

- Yoniso: với trí-tuệ,
- manasi: trong tâm,
- kāra: nghĩa là sự hiểu biết.

Yonisomanasikāra nghĩa là sự hiểu biết ở trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là:

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là vô-thường (anicca).
- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là khổ (dukkha).
- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là vô-ngã (anattā).

- *Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là bất-tịnh (asubha).*

Yonisomanasikāra nghĩa là sự hiểu biết ở trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh trong tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, làm nhân-duyên phát sinh **chánh-niệm** và **trí-tuệ tỉnh-giác**, hỗ trợ cho hành-giả thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Hành-giả là hạng **người tam-nhân (tīhetukapuggala)** thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** có đối-tượng thiền-tuệ là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)**, đến khi trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, danh-pháp; thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới; dẫn đến **chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế**, chứng đắc **4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả** và **Niết-bàn**, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* **Ayonisomanasikāra** nghĩa là gì?

Trái nghĩa với **yonisomanasikāra** là **ayonisomanasikāra**
Ayoniso + manasi + kāra:

- Ayoniso: do si-mê,
- manasi: trong tâm,
- kāra: nghĩa là sự biết.

Ayonisomanasikāra nghĩa là sự biết ở trong tâm do si-mê biết sai lầm 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là:

- *Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì do si-mê biết sai lầm cho là thường (nicca).*

- *Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì do si-mê biết sai lầm cho là lạc (sukha).*

- *Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì do si-mê biết sai lầm cho là ngã (attā).*

- *Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì do si-mê biết sai lầm cho là tịnh (subha).*

Ayonisomanasikāra nghĩa là sự biết ở trong tâm do si-mê biết sai lầm trong tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho rằng: **Thường, lạc, ngã, tịnh**, nên làm nhân-duyên phát sinh **pháp đảo-điên** (vipallāsa).

*** Pháp đảo-điên** (vipallāsa)

Thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh, thì pháp đảo-điên do si-mê biết sai lầm đảo ngược lại cho là: thường, lạc, ngã, tịnh.

Pháp đảo-điên (vipallāsa) có 3 loại:

1- **Tưởng đảo-điên** (saññāvipallāsa): *Tưởng sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là: thường, lạc, ngã, tịnh.*

2- **Tâm đảo-điên** (cittavipallāsa): *Tâm biết sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là: thường, lạc, ngã, tịnh.*

3- **Tà-kiến đảo-điên** (diṭṭhivipallāsa): *Tà-kiến thấy sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới cho là: Thường, lạc, ngã, tịnh.*

Như vậy, 3 pháp đảo-điên nhân với 4 điều sai lầm (thường, lạc, ngã, tịnh) thành **12 pháp đảo-điên**.

12 pháp đảo-điên này làm nhân-duyên phát sinh mọi tham-ái, mọi phiền-não tùy theo mỗi đối-tượng làm che phủ thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, nên chỉ có **yonisomanasikāra** hiểu biết ở trong tâm với trí-tuệ biết đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tĩnh trong tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, mới ngăn chặn được 12 pháp đảo-điên này mà thôi.

Pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Tứ Thánh-đế đó là 4 sự-thật chân-lý mà chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ:

- **Khổ Thánh-đế** đó là **sắc-pháp, danh-pháp** là pháp nên biết bằng trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới và là **pháp đã được biết** bằng trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới.

- **Nhân sinh khổ-Thánh-đế** đó là **tham-ái** là pháp nên diệt bằng trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới và là **pháp đã được diệt** bằng trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới.

- **Diệt khổ Thánh-đế** đó là **Niết-bàn** là pháp nên chứng ngộ bằng trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới và là **pháp đã được chứng ngộ** bằng trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới.

- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế** đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** là pháp nên tiến hành bằng trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới và là **pháp đã được tiến hành** bằng trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới.

Quyển X: **Pháp-Hành Thiên-Tuệ** này được giảng giải về các đối-tượng thiên-tuệ **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), trình bày phương pháp thực-hành pháp-hành thiên-tuệ từ khi bắt đầu thực-hành cho đến cuối, theo tuần tự trải qua 16

loại *trí-tuệ thiên-tuệ*, từ *trí-tuệ thứ nhất* đến *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13* thuộc về *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* (*lokiyavipassanā*).

Tiếp theo 2 *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* và *thứ 15*, chứng đắc *Thánh-đạo*, *Thánh-quả* và *Niết-bàn*.

Cuối cùng, *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 16* quán-triệt mỗi *Thánh-đạo*, mỗi *Thánh-quả* và *Niết-bàn*, *phiền-nã* đã diệt tận được và *phiền-nã* chưa diệt được.

Thực hành pháp-hành thiên-tuệ

- Hành-giả *phàm-nhân* nào thuộc *hạng người tam-nhân* (*tihetukapuggala*) đã từng tích-lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, từ vô số kiếp quá-khứ, có 5 pháp-chủ (*indriya*): *Tín-pháp-chủ*, *tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ*.

Kiếp hiện-tại hành-giả ấy là người có pháp-hành-giới trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, có khả năng phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ* theo tuần tự trải qua 16 loại *trí-tuệ thiên-tuệ lần thứ nhất*, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả* và *Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại *phiền-nã* là *tà-kiến* (*ditṭhi*) và *hoài-nghi* (*vicikicchā*), không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

- Hành-giả *bậc Thánh Nhập-lưu* nào có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, đặc biệt có 5 pháp-chủ: *tín-pháp-chủ*, *tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ* có nhiều năng thì *Bậc Thánh Nhập-lưu* ấy tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ* theo tuần tự trải qua 16 loại *trí-tuệ thiên-tuệ lần thứ nhì*, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y

theo Đức-Phật, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân loại thô** (dosa) không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

- Hành-giả **bậc Thánh Nhất-lai** nào có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, đặc biệt có 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ có nhiều năng lực thì **Bậc Thánh Nhất-lai** ấy tiếp tục thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** có khả năng phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ **lần thứ ba**, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân loại vi-tế** (dosa) không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Bất-lai**.

- Hành-giả **bậc Thánh Bất-lai** nào có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, đặc biệt có 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ có nhiều năng lực thì **Bậc Thánh Bất-lai** ấy tiếp tục thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** có khả năng phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự trải qua 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ **lần thứ tư**, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là **tham** (lobha), **si** (moha) **ngã-mạn** (māna), **buồn-chán** (thina), **phóng-tâm** (uddhacca), **không biết hổ-thẹn tội-lỗi** (ahirika), **không biết ghê-sợ tội-lỗi** (anottappa) không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cao thượng.

Mỗi bậc Thánh-nhân có khả năng giảm dần kiếp tái sinh như sau:

* Sau khi **bậc Thánh Nhập-lưu** chết, tuyệt đối không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ có đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm** gọi là paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới là cõi người, hoặc cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp mà thôi. Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi **bậc Thánh Nhất-lai** chết, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **đại-quả-tâm** gọi là paṭisandhicitta: Tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới là cõi người, hoặc cõi trời dục-giới 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi **bậc Thánh Bất-lai** chết, không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm nào cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **bậc thiên sắc-giới quả-tâm** ấy gọi là paṭisandhicitta: Sắc-giới tái-sinh-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy. Vị phạm-thiên Bất-lai ấy chắc chắn trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* **Bậc Thánh A-ra-hán**, ngay kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, **pháp-hành thiên-tuệ** chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo, hành-giả thuộc về hạng người tam-nhân (tīhetukapuggala) có pháp-hành giới trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ này, bản sư đã cố gắng hết sức mình sưu tầm, gom nhặt nhiều nguồn tài liệu từ Tam-tạng Pāli, Chú-giải Pāli, đặc biệt từ bộ Visuddhimagga, Visuddhimaggamahāṭīkā, toàn bộ sách giáo khoa Paramatthajotika của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika, giảng giải về bộ môn Abhidhamma, hiện đang sử dụng giảng dạy trong phân khoa Abhidhammajotikavijjālaya của trường đại-học Mahā-ṇṇalōkornrājavijjālaya tại Bangkok, Thái-lan.

Trong quyển sách “**Pháp-Hành Thiên-Tuệ**” này, bản sư đã cố gắng sưu tầm, gom nhặt những nguồn tài liệu có liên quan đến pháp-hành thiên-tuệ chỉ được bấy nhiêu thôi!

Tuy bản sư cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về pháp-hành thiên-tuệ, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ suất, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của chung** mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng

góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an lạc cho phân đông chúng ta.

Bản sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.

Quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ tái bản lần thứ nhất có chỉnh sửa và bổ sung được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành quyển sách; các thí-chủ trong nước và ngoài nước có đức-tin trong sạch lo ấn hành và đã được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép tái bản ấn hành.

Bản sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vamsarakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhãn (chùa Thiên-Lâm, Huế) cùng chư Đại-Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Imaṃ puññābhāgaṃ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañ ceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha.

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các cõi trời sắc-giới, ... Xin tất cả quý vị hoan hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ

hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-sura, nga-quỷ, súc-sinh; và cũng do năng lực phước-thiện thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong cõi thiện-giới: cõi người, các cõi trời dục-giới... mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, mong diệt tận mọi phiền-não trầm-luân, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Trong kiếp tử sinh luân-hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con liền phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc, có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo chánh-pháp của Đức-Phật, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Nay, chúng con hết lòng thành kính **quy-y Tam-bảo**: quy-y nơi Đức-Phật-bảo, quy-y nơi Đức-Pháp-bảo, quy-

y nơi Đức-Tăng-bảo, và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.

Do nhờ năng lực phước-thiện thanh cao này, cầu mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được thiện nhân sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi người (*manussasampatti*) hưởng được mọi sự an-lạc đầy đủ trong cõi người như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù cho được thành tựu quả-báu ở cõi trời (*devasampatti*) hưởng được mọi an-lạc đầy đủ trong cõi trời như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con chỉ có cầu mong sớm thành tựu quả-báu chứng ngộ Niết-bàn (*Nibbānasampatti*) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

*Ichchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.*

Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.

PL. 2562/ DL. 2018

Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(*Dhammarakkhita Bhikkhu*)
(*Aggamahāpaṇḍita*)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BAI TAM-BẢO
LỜI NÓI ĐẦU
MỤC LỤC

CHƯƠNG IX PHÁP-HÀNH THIỀN PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ

* Định nghĩa Vipassanā	2
- Sắc-pháp, danh-pháp là những pháp nào?.....	4
- Paramatthadhamma: chân-nghĩa-pháp.....	5
- Chế-định-pháp là những pháp nào?.....	6
- Paññattidhamma với paramatthadhamma.....	10
* Đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ	14
- Lộ-trình-tâm có 6 loại.....	15
- Ngũ-môn lộ-trình-tâm.....	15
▸ Đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm.....	17
- Ý-môn lộ-trình-tâm.....	18
I- Tadanuvattikamanodvāravīthicitta như thế nào?.....	19
• Phân biệt đối-tượng paramattha và paññatti.....	20
1- Nhãn-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm...20	
- Đồ biểu atītaggahaṇavīthicitta.....	21
- Đồ biểu samūhaggahaṇavīthicitta.....	21
- Đồ biểu atthaggaṇavīthicitta.....	22
- Đồ biểu nāmaggaṇavīthicitta.....	23
2- Nhĩ-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm.....	24
3-4-5-Tỷ-môn lộ-trình-tâm, thiết-môn lộ-trình-tâm, thân-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm...30	
II- Suddhamanodvāravīthicitta có dục-giới tác-hành-tâm đơn thuần như thế nào?.....	31
- Đối-tượng paramatthadhamma.....	32
- Đồ biểu 4 ý-môn lộ-trình-tâm đơn thuần.....	33
- Đối-tượng paññattidhamma.....	33
- Đồ biểu 4 ý-môn lộ-trình-tâm đơn thuần.....	35

- Sự-thật trong đời có 2 sự-thật hiện hữu.....	35
1- Paramatthasacca: Sự-thật chân-nghĩa-pháp.....	35
2- Sammutisacca: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định.....	36
- Tâm phát sinh do nhân-duyên.....	38
- Sắc-pháp, danh-pháp trong 6 vatthurūpa	39
- Nhân-duyên phát sinh mỗi tâm	42
* Sắc-pháp, danh-pháp.....	45
1- Rūpadhamma: Sắc-pháp.....	45
▸ Phận-sự của sắc-pháp.....	46
2- Nāmadhamma: Danh-pháp.....	47
2.1- Citta: Tâm.....	47
2.2- Cetasika: Tâm-sở.....	48
▸ Phận-sự của danh-pháp.....	50
- Phân biệt sắc-pháp, danh-pháp theo vatthurūpa.....	51
- Nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, danh-pháp.....	53
- Nhân-duyên phát sinh danh-pháp.....	53
▸ Danh-pháp phát sinh do nương nhờ sắc-pháp.....	54
- Sắc-pháp phát sinh do nương nhờ danh-pháp.....	56
▸ Nhân-duyên phát sinh 4 oai-nghi.....	57
- Vai trò quan trọng của danh-pháp, sắc-pháp.....	59
- Phiền-não nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp.....	61
1- Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp...61	
2- Tham-ái nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp.....	65
3- Ngã-mạn nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp.....	66
- Tà-kiến thấy sai tự làm khổ mình, khổ người.....	67
- Chánh-kiến-thiên-tuệ không làm khổ mình, khổ người.....	68
- Sắc-pháp, danh-pháp làm đối-tượng thiên-tuệ.....	69
- Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.....	71
- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp.....	72
1- Sự sinh, sự diệt của danh-pháp.....	73
2- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp.....	74
* Trạng-thái-chung, trạng-thái-riêng.....	78
- Ba trạng-thái-chung.....	79
1- Trạng-thái vô-thường.....	79

2- Trạng-thái khô	80
3- Trạng-thái vô-ngã	82
- Sự liên quan giữa 3 trạng-thái-chung	84
- Quan niệm vô-thường, khô, vô-ngã theo đời	85
- Trạng-thái chi tiết của 3 trạng-thái-chung	87
- Pháp che án 3 trạng-thái-chung	91
• Vô-minh trong pháp paṭiccasamuppāda	92
• Thời kỳ Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện	94
• Phương pháp diệt vô-minh	96
1- Giai đoạn ngăn ngừa vô-minh, cho minh phát sinh bằng cách nào?	96
▸ Ayonisomanasikāra là thế nào?	98
▸ Yonisomanasikāra là thế nào?	98
▸ Phương pháp ngăn ngừa vô-minh, cho minh phát sinh	99
2- Giai đoạn diệt tận vô-minh bằng cách nào?	99
- Ba pháp che phủ 3 trạng-thái-chung, - phương pháp diệt 3 pháp che phủ	101
- Phương pháp làm cho trạng-thái vô-thường hiện rõ ..	103
- Phương pháp làm cho trạng-thái khô hiện rõ	107
- Phương pháp làm cho trạng-thái vô-ngã hiện rõ	112
- Giảng giải về tâm, phạm-sự, đối-tượng	113
* Tứ Thánh-Đế (Ariyasacca)	115
- Kinh Chuyển-Pháp-Luân đầu tiên	117
- Tìm hiểu thật-tánh của tứ Thánh-đế	120
- Tam-tuệ-luân (tiparivaṭṭa)	121
1- Saccañāṇa: Trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế	122
▸ Bát-chánh-đạo theo tam-giới và siêu-tam-giới	129
2- Kiccañāṇa: Trí-tuệ-hành phạm-sự trong tứ Thánh-đế ..	134
3- Katañāṇa: Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phạm-sự trong tứ Thánh-đế	137
▸ Quan hệ nhân quả của tam-tuệ-luân	140
▸ 4 Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 loại tham-ái	141
- Tứ Thánh-đế trong Phật-giáo	142
- Nhân-quả liên quan của tứ Thánh-đế	148

* Pháp-hành tứ-niệm-xứ	150
- Đối-tượng tứ-niệm-xứ với đối-tượng thiền-tuệ	151
- Giảng giải theo Chú-giải	152
- Đối-tượng tứ-niệm-xứ	155
1- Thân niệm-xứ	156
2- Thọ niệm-xứ	156
3- Tâm niệm-xứ	157
4- Pháp niệm-xứ	158
4.1- Nīvaranapabba: 5 pháp-chướng-ngại	158
4.2- Khandhapabba: Ngũ-uẩn chấp-thủ	160
4.3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ	160
4.4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi	162
4.5- Saccapabba: Tứ Thánh-đế	163
- Đối-tượng tứ-niệm-xứ	165
- Nhận xét về đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra trong thân niệm-xứ	171
- Nhân-duyên sinh-diệt của sắc-pháp, danh-pháp	175
- Nhận xét về đoạn chót của mỗi đối-tượng	176
- Hành-giả thích hợp với đối-tượng tứ-niệm-xứ	182
▸ Tích Suvanṇakārattheravatthu	184
▸ Tích Aniccalakkhaṇavatthu	188
▸ Tích Dukkhalakkhaṇavatthu	189
▸ Tích Anattalakkhaṇavatthu	190
- Không ai biết được nghiệp tiềm tàng của mình	191
▸ Tích Cūḷapanthakattheravatthu	192
- Pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ	200
- Nhận xét về 21 đối-tượng trong tứ-niệm-xứ	203
* Iriyāpathapabba: Đối-tượng tứ-oai-nghi	204
▸ Đối-tượng tứ-oai-nghi, bài kinh Mahāsatiṭṭhānasutta	206
▸ Nhận xét về đối-tượng tứ-oai-nghi	214
• Tứ-oai-nghi là nơi nương nhờ của tà-kiến	215
• Tứ-oai-nghi là nơi nương nhờ của chánh-kiến	216
• Tứ-oai-nghi là đối-tượng thiền-tuệ	218
▸ Mahābhūtarūpa: Sắc-tứ-đại	219
▸ Tâm phát sinh tứ-oai-nghi	220

1- Phân pháp-học tứ-oai-nghi	221
• Nhân-duyên phát sinh tứ-oai-nghi.....	222
• Phân biệt đối-tượng tứ-oai-nghi thuộc về chế-định-pháp, chân-nghĩa-pháp	230
- Tứ-oai-nghi thuộc về chế-định-pháp.....	231
- Tứ-oai-nghi thuộc về chân-nghĩa-pháp	232
2- Phân pháp-hành tứ-oai-nghi	237
2.1- Đối-tượng oai-nghi đi.....	238
2.2- Đối-tượng oai-nghi đứng.....	241
2.3- Đối-tượng oai-nghi ngồi.....	244
2.4- Đối-tượng oai-nghi nằm.....	246
• Tứ oai-nghi với oai-nghi phụ	249
• Thay đổi oai-nghi	250
* Chánh-niệm, trí-tuệ tĩnh-giác.....	254
- Nhân-duyên phát sinh chánh-niệm, trí-tuệ tĩnh-giác.....	259
• Ý nghĩa yonisomanasikāra	260
• Tính chất đặc biệt của yonisomanasikāra.....	260
• Ý nghĩa ayonisomanasikāra	261
* Pháp-hành trung-đạo (majjhimāpatipadā).....	264
- Bắt đầu thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo.....	266
- Pháp-hành trung-đạo là pháp-hành tứ-niệm-xứ	267
- Pháp-hành trung-đạo có 2 giai đoạn.....	268
- Thực-hành pháp-hành trung-đạo	270
▸ Thực-hành không đúng theo pháp-hành trung-đạo ...	270
▸ Thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo	272
* Pháp-hành giới-định-tuệ.....	276
1- Ba pháp-hành thuộc về tam-giới thực-hành thế nào?..	276
▸ 7 pháp visuddhi.....	283
▸ Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-tuệ	288
2- Phân giới, phân thiền-định, phân thiền-tuệ thuộc về siêu tam-giới như thế nào?	288
* Trí-tuệ thiền-tuệ có 16 loại.....	291
- Trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới.....	291
- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu tam-giới	292

- Ba loại trí-tuệ thiền-tuệ.....	420
9- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa.....	423
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 phát sinh như thế nào?	424
- Tính chất của Muñcitukamyatāñāṇa như thế nào? ...	427
10- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa ...	429
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ 53 trạng-thái chi-tiết	430
11- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 Saṅkhārupekkhāñāṇa	436
- Pháp-hữu-vi là hoàn toàn không.....	438
- Tính chất của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11	442
- Ba trí-tuệ thiền-tuệ cùng mục đích	445
- Tính chất của Saṅkhārupekkhāñāṇa	446
- Nguyên nhân của mỗi pháp-hành	447
- 7 nhóm thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.....	452
- Đối-tượng trước Thánh-đạo lộ-trình-tâm	454
12- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 Saccānulomañāṇa.....	455
- Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna)	458
- Tính chất đặc biệt trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12	462
13- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa.....	464
- Anulomañāṇa và gotrabhuñāṇa	468
14- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14 Maggañāṇa.....	471
15- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 Phalañāṇa	471
- Giảng giải	473
▸ Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 14 Maggañāṇa.....	473
• Thánh-đạo-tâm phát sinh đối với hành-giả	476
▸ Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 15 Phalañāṇa.....	478
• 4 Thánh-quả-tuệ (Phalañāṇa).....	479
• Gotrabhuñāṇa với Maggañāṇa.....	481
• Maggañāṇa với Phalañāṇa	482
16- Trí-tuệ-thứ 16 Paccavekkhanañāṇa	484
- Ví dụ 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ	486
- Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).....	491
- Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).....	494
- Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)	497

- Bạc Thánh-nhân (Ariyapuggala)	501
- Bạc Thánh Nhập-lưu.....	501
- Bạc Thánh Nhập-lưu đặc biệt	502
- Bạc Thánh Nhất-lai.....	503
- Bạc Thánh Bất-lai	503
- Bạc Thánh Bất-lai có 5 hạng	504
- Bạc Thánh A-ra-hán	505
- 16 trí-tuệ thiên-tuệ liên quan với 5 pháp Visuddhi.....	506
- 16 trí-tuệ thiên-tuệ liên quan với 3 pháp Pariññā	508
- 16 trí-tuệ thiên-tuệ liên quan với 3 pháp Pahāna.....	508
- Bốn Thánh-đạo-tuệ (Maggañāna)	509
- 3 loại tham-ái (tanhā).....	509
- 4 pháp trầm-luân (āsava)	511
- 10 loại phiền-não (kilesa)	512
- 12 bất-thiện-tâm (akusalacitta)	513
- 14 bất-thiện-tâm-sở (akusalacetasika)	513
- Quả báu của pháp-hành thiên-tuệ.....	515
- Thiện-tâm và quả-tâm	516
- Nhập Thánh-quả hưởng an-lạc Niết-bàn	520
- Phương pháp nhập Thánh-quả.....	521
- Niết-bàn là đối-tượng của Thánh-quả lộ-trình-tâm	523
- Phương pháp xả Thánh-quả lộ-trình-tâm.....	524
- Nhập diệt-thọ-tướng (nirodhasamāpatti)	525
- Phương pháp nhập diệt-thọ-tướng	526
- Nhập diệt-thọ-tướng cần phải có đầy đủ 5 chi-pháp	526
- Giải thích	526
1- Hai năng lực.....	526
2- Khả năng chế ngự 3 pháp-hành	527
3- 16 pháp-hành thiên-tuệ	527
4- Chín pháp-hành thiên-định	528
5- Năm pháp thuận thực	528
- Nhập diệt-thọ-tướng nhờ 2 năng lực	529
A - Bạc Thánh Bất-lai nhập diệt-thọ-tướng	529
- Bốn phận-sự trước khi nhập diệt-thọ-tướng.....	530
B- Bạc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tướng	533

- Người chết khác với bậc Thánh nhập diệt-thọ-tưởng...	534
- Tóm lược kết-quả của pháp-hành thiền-tuệ.....	535
- 7 nhóm thánh nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả...	537
- Pháp-hành thiên-định và pháp-hành thiền-tuệ.....	538
- Điểm khác biệt giữa thiên-định với thiền-tuệ.....	539
* Nghi thức thọ pháp-hành thiền-tuệ.....	552
1- Nghi thức sám hối	552
2- Lễ thọ tam-quy và chánh-mạng đệ bát-giới	553
▸ Nhận xét về giới ājīvaṭṭhamakasīla.....	558
3- Lễ hiến dâng sinh-mạng	562

ĐOẠN KẾT

TÀI LIỆU THAM KHẢO

*Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính dâng lễ Đức-Thế-Tôn ấy,
Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.*

PHÁP-HÀNH-THIÊN-TUỆ (VIPASSANĀBHĀVANĀ)

Chương IX: Bhāvanā: Pháp-hành thiền của bộ Nền-Tảng Phật-Giáo có 2 quyển:

- **Quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định** đã được trình bày xong, tiếp theo:

- **Quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ**

* **Pháp-hành thiền-tuệ (Vipassanābhāvanā)** là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. **Pháp-hành thiền-tuệ** có từ khi **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, và **giáo pháp của Đức-Phật** còn đang lưu truyền trên thế gian, do nhờ các hàng thanh-văn đệ-tử trí-tuệ của Đức-Phật, đã cố gắng tinh-tân theo học **pháp-học Phật-giáo** và theo thực-hành **pháp-hành Phật-giáo**, nhất là thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ**.

Theo các Chú-giải, Phật-giáo chỉ được tồn tại trên thế gian khoảng 5.000 năm mà thôi, đến nay thời gian đã trải qua 2.562 năm, Phật-giáo chỉ còn 2.438 năm.

Giáo pháp của Đức-Phật sẽ bị suy đồi, bị tiêu hoại dần dần theo thời gian, bởi vì các hàng thanh-văn đệ-tử không có khả năng trí-tuệ giữ gìn duy trì **pháp-học Phật-giáo**, **pháp-hành Phật-giáo** nữa, cho nên, **pháp-hành thiền-tuệ (vipassanābhāvanā)** sẽ bị suy đồi, sẽ bị tiêu hoại trước.

Pháp-hành thiên-tuệ là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành 4 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán cao-thượng trong Phật-giáo.

Vì vậy, **pháp-hành thiên-tuệ** là pháp-hành vô cùng vi-tế, sâu sắc, khó hiểu về phần **pháp-học** lại càng khó thực-hành đúng về phần **pháp-hành thiên-tuệ**.

Sở dĩ phần **pháp-học** của **pháp-hành thiên-tuệ** khó hiểu, là vì những danh từ ngôn-ngữ chế-định (vijjamānapaññatti) sắc-pháp, danh-pháp có thật-tánh-pháp. Song thật-tánh-pháp (sabhāvadhamma) của sắc-pháp, của danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), hoàn toàn không phải là danh từ ngôn-ngữ chế-định.

Phần **pháp-học** này cốt yếu là để hiểu biết, phân biệt trạng-thái, tính chất của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, cho nên phần **pháp-học** này là điều thiết yếu đầu tiên đối với hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ**.

Phần **thực-hành pháp-hành thiên-tuệ** lại càng khó hơn, bởi vì các đối-tượng của **pháp-hành thiên-tuệ** là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** hoặc **thật-tánh-pháp** (sabhāvadhamma), hoàn toàn không phải là danh từ ngôn-ngữ chế-định.

Định Nghĩa Vipassanā

“Rūpādi ārammaṇesu paññattiyā ca niccasukha attasubhasaññāya ca visesena nāmarūpabhāvena vā aniccādi ākārena vā passatī’ti vipassanā.”

Định nghĩa có 2 phần:

- Phần đầu là:

“Rūpādi ārammaṇesu paññattiyā visesena nāmarūpabhāvena passatī’ti vipassanā.”

Trí-tuệ đặc biệt nào thấy rõ, biết rõ các đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tiếp xúc nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*), thoát ra khỏi 2 loại chế-định-pháp (*paññattidhamma*): Ý-nghĩa chế-định (*atthapaññatti*) và danh-từ chế-định (*saddapaññatti*).

Trí-tuệ ấy gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ** (*vipassanāñāṇa*) có chi pháp là **trí-tuệ tâm-sở** đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hoặc 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ.

- Phần sau là:

“*Rūpādi ārammaṇesu nicca-sukha-atta-subha-saññāya viśesena aniccādi ākārena passatī’ti vipassanā.*”

Trí-tuệ đặc biệt nào thấy rõ, biết rõ các đối-tượng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tiếp xúc nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về chân-nghĩa-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng, hiện rõ **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh**, nên diệt được tướng đảo-điên (*saññāvīpallāsa*), tâm đảo-điên (*cittavīpallāsa*), tà-kiến đảo-điên (*ditthivīpallāsa*), cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**.

Trí-tuệ ấy gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ** (*vipassanāñāṇa*) có chi pháp là **trí-tuệ tâm-sở** đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hoặc 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ.

Hoặc

“*Pañcakkhandhesu vivīdhena aniccādi ākārena passatī’ti vipassanā.*”

Trí-tuệ đặc biệt nào thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn sinh rồi diệt, có **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh**.

Trí-tuệ ấy gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ** (*vipassanāñāṇa*), có chi pháp là **trí-tuệ tâm-sở** đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ hoặc 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ.

Phân giảng giải

Sắc-pháp, danh-pháp là những pháp nào?

* **Sắc-pháp**: *Rūpadhamma* là pháp bị huỷ hoại do sự nóng, sự lạnh, sự đói, sự khát, v.v... **Sắc-pháp** có 28 pháp.

Mỗi người bình thường không bệnh tật có đầy đủ 27 sắc-pháp.

- Nếu là người nam thì trừ sắc-nữ-tính.

- Nếu là người nữ thì trừ sắc-nam-tính.

- Nếu người nào bị mù mắt, bị tai điếc, v.v... thì trừ sắc-pháp liên quan đến bệnh tật của người ấy.

Sắc-pháp là **sắc-uẩn** (*rūpakkhandha*).

* **Danh-pháp**: *Nāmadhamma* là pháp hướng tâm biết các đối-tượng. **Danh-pháp** đó là **tâm** với **tâm-sở**.

- **Tâm** gồm có 89 hoặc 121 tâm.

- **Tâm-sở** gồm có 52 tâm-sở.

- **Tâm** có 89 hoặc 121 tâm thuộc về **thức-uẩn**.

- **Tâm-sở** có 52 tâm-sở với 4 trạng-thái:

- Đồng sinh với tâm (*ekuppāda*).

- Đồng diệt với tâm (*ekanirodha*).

- Đồng đối-tượng với tâm (*ekālabhāna*).

- Đồng nơi sinh với tâm (*ekavattuka*).

- **Thọ tâm-sở** đồng sinh với tâm thuộc về **thọ-uẩn**.

- **Tưởng tâm-sở** đồng sinh với tâm thuộc về **tưởng-uẩn**.

- **50 tâm-sở** (trừ **thọ tâm-sở** và **tưởng tâm-sở**) đồng sinh với tâm thuộc về **hành-uẩn**.

Như vậy, mỗi *tâm* nào phát sinh, chắc chắn có một số *tâm-sở đồng sinh, đồng diệt, đồng đối-tượng, đồng nơi sinh với tâm ấy*.

Trong mỗi tâm đều có đầy đủ 4 uẩn:

- *Thọ tâm-sở (vedanācetasika)* đồng sinh với tâm thuộc về *thọ-uẩn (vedanākkhandha)*.

- *Tưởng tâm-sở (saññācetasika)* đồng sinh với tâm thuộc về *tưởng-uẩn (saññākkhandha)*.

- *Số tâm-sở* còn lại (trừ *thọ* và *tưởng tâm-sở*) đồng sinh với tâm thuộc về *hành-uẩn (saṅkhārakkhandha)*.

- *Tâm (citta)* ấy thuộc về *thức-uẩn (viññānakkhandha)*.

* *Vatthurūpa* sắc-pháp là nơi sinh của *tâm với tâm-sở* thuộc về *sắc-uẩn*.

Sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn đều thuộc về *chân-nghĩa-pháp*, là *đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ*.

* ***Paramatthadhamma***: *Chân-nghĩa-pháp* là pháp chân-thật, có thật-tánh bất biến thể theo thời gian và không gian, nghĩa là *chân-nghĩa-pháp* nào đã phát sinh trong thời quá-khứ như thế nào thì *chân-nghĩa-pháp* ấy đang phát sinh trong thời hiện-tại và sẽ phát sinh trong thời vị-lai cũng như thế ấy, thật-tánh không hề biến thể.

Chân-nghĩa-pháp nào phát sinh nơi chúng-sinh này, ở nơi này như thế nào, thì *chân-nghĩa-pháp* ấy phát sinh nơi chúng-sinh kia, ở nơi kia cũng như thế ấy, thật-tánh không hề biến thể.

Paramatthadhamma: *Chân-nghĩa-pháp* có 4 pháp:

1- ***Citta***: *Tâm có trạng-thái biết đối-tượng. Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm.*

2- ***Cetasika***: *Tâm-sở có trạng-thái luôn luôn nương nhờ nơi tâm với 4 trạng-thái: Đồng sinh với tâm, đồng*

diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi sinh với tâm. Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở.

Tâm và tâm-sở thuộc về **danh-pháp**.

3- **Rūpadhamma**: Sắc-pháp có trạng-thái bị huỷ hoại bởi sự nóng, sự lạnh, sự đói, sự khát, v.v... Sắc-pháp gồm có 28 sắc-pháp.

Tâm, tâm-sở, sắc-pháp đều thuộc về pháp hữu-vi (saṅkhatadhamma).

4- **Nibbāna**: Niết-bàn có trạng-thái tịch tịnh, vắng lặng mọi phiền-não và ngũ-uẩn, an-lạc tuyệt đối.

Niết-Bàn là pháp vô-vi (asaṅkhatadhamma) thuộc về **danh-pháp** đặc biệt, hoàn toàn khác với danh-pháp: Tâm và tâm-sở.

* **Chế-định-pháp** là những pháp nào?

Paññattidhamma: Chế-định-pháp là danh từ ngôn-ngữ do con người chế định, đặt ra để gọi, diễn tả cho người khác hiểu biết được.

Chế-định-pháp cần phải nương nhờ nơi chân-nghĩa-pháp, để chế định ra ý nghĩa, hình dạng, ... rồi chế định đặt ra danh từ ngôn-ngữ gọi ý nghĩa, hình dạng, ... ấy.

Paññattidhamma: Chế-định-pháp có 2 pháp:

- *Atthapaññatti*: Ý nghĩa, hình dạng, ... chế định.

- *Saddapaññatti*: Danh từ ngôn-ngữ chế-định.

1- *Atthapaññatti*: Ý nghĩa, hình dạng, ... chế định cho biết được sự khác biệt của mỗi pháp, mỗi đối-tượng, có rất nhiều loại. Ví dụ:

- Nương nhờ nơi tứ-đại (đất, nước, lửa, gió) kết dính liền lại với nhau trở thành khối có hình dạng khác nhau như: Mặt đất bằng, núi cao, sông dài, biển rộng, v.v...

2- **Saddapaññatti**: Danh từ ngôn-ngữ *chế-định* đặt ra danh từ ngôn-ngữ gọi, diễn tả làm cho người nghe biết được ý nghĩa, hình dạng của *atthapaññatti* ấy và hiểu biết được ý nghĩa của *atthapaññatti* ấy.

Mỗi ngôn ngữ có danh từ nói, gọi khác nhau, nếu biết ngôn ngữ thì hiểu được ý nghĩa của *atthapaññatti* ấy.

Saddapaññatti hoặc nāmapaññatti⁽¹⁾

Saddapaññatti hoặc *nāmapaññatti* có 6 loại:

- 1- *Vijjamānapaññatti*.
- 2- *Avijjamānapaññatti*.
- 3- *Vijjamānena avijjamānapaññatti*.
- 4- *Avijjamānena vijjamānapaññatti*.
- 5- *Vijjamānena vijjamānapaññatti*.
- 6- *Avijjamānena avijjamānapaññatti*.

Giải

1- ***Vijjamānapaññatti*** là danh từ ngôn-ngữ *chế-định-pháp* (*nāmapaññatti*) có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) làm nền tảng.

Paramatthadhamma: *Chân-nghĩa-pháp* có 4 pháp là:

- *Citta*: Tâm có 89 hoặc 121 tâm.
- *Cetasika*: Tâm-sở có 52 tâm-sở.
- *Rūpadhamma*: Sắc-pháp có 28 sắc-pháp.
- *Nibbāna*: Niết-bàn có 2 hoặc 3 loại⁽²⁾.

Như vậy, danh từ ngôn-ngữ gọi *citta*: Tâm, *cetasika*: Tâm-sở, *rūpadhamma*: Sắc-pháp, *Nibbāna*: Niết-bàn không phải là *chân-nghĩa-pháp*, mà chỉ là *chế-định-pháp* thuộc về *vijjamānapaññatti* mà thôi.

¹ Nên xem quyển “Tìm Hiểu Pháp-Hành Thiên-Tuệ” phần *chế-định-pháp*, cùng soạn giả, để hiểu rõ.

² Xem bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển I: “Tam-Bảo”, trang 311.

Vậy, *citta*: Tâm, *cetasika*: Tâm-sở, *rūpadhamma*: Sắc-pháp, *Nibbāna*: Niết-bàn là thật-tánh chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*) như thế nào?

- Trạng-thái biết đối-tượng là thật-tánh chân-nghĩa-pháp của *citta*: Tâm.

- Trạng-thái đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng với tâm, đồng nơi sinh với tâm, hoặc trạng-thái của mỗi tâm-sở là thật-tánh chân-nghĩa-pháp của *cetasika*: Tâm-sở.

- Trạng-thái huỷ hoại bởi sự nóng, sự lạnh, sự đói, sự khát, v.v... là thật-tánh chân-nghĩa-pháp của *rūpadhamma*: Sắc-pháp.

- Trạng-thái tịch tịnh, vắng lặng mọi phiền-não và ngũ-uẩn, an-lạc tuyệt đối là thật-tánh chân-nghĩa-pháp của *Nibbāna*: Niết-bàn.

Như vậy, thật-tánh của mỗi *chân-nghĩa-pháp* không phải là danh từ ngôn-ngữ chế-định mà là *trạng-thái của mỗi chân-nghĩa-pháp*.

Để phân biệt sự khác nhau của mỗi *chân-nghĩa-pháp*, cần phải học hỏi 4 pháp trong *lakkhaṇacatukka*: *Lakkhaṇa*, *rasa*, *paccupaṭṭhāna*, *padaṭṭhāna* của mỗi *chân-nghĩa-pháp*.

2- Avijjamānapaññatti là danh từ ngôn-ngữ chế-định-pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Mặt đất, cái nhà, chiếc xe, con người, người nam, người nữ, con voi, v.v...* là những danh từ ngôn-ngữ không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

3- Vijjamānena avijjamānapaññatti là danh từ ngôn-ngữ chế-định-pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Chalabhiñño, tevijjo, paṭisambhidappatto, sotāpanno, v.v....* những danh từ ngôn-ngữ Pāli này ám chỉ rằng: *Chalabhiññapuggala, tevijjapuggala, paṭisambhidappattapuggala, sotāpannapuggala.*

- *Chalabhiññapuggala*: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc lục-thông (6 abhiññācitta).

- *Tevijjapuggala*: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc tam-minh (3 vijjāñāṇa).

- *Paṭisambhidappattapuggala*: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc tứ-tuệ *paṭisambhidā* (4 *paṭisambhidāñāṇa*).

- *Sotāpannapuggala*: Bậc Thánh-Nhập-lưu (*Sotāpatti-phalacitta*), v.v...

Những danh từ ngôn-ngữ Pāli *ché-định-pháp chalabhiñño, v.v...* này có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với *puggala* (người) không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *vijjamānena avijjamānapaññatti*.

4- Avijjamānena vijjamānapaññatti là danh từ ngôn-ngữ *ché-định-pháp* không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Itthisaddo*: Âm thanh đàn bà, *suvanṇavaṇṇo*: Màu vàng, *pupphagandho*: Mùi hương hoa, v.v...

Danh từ ngôn-ngữ Pāli gọi *Itthi*: Đàn bà, *suvanṇa*: Vàng, *puppha*: Cái hoa, ... là những danh từ ngôn-ngữ Pāli không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng; với danh từ ngôn-ngữ Pāli gọi *saddo*: Âm thanh, *vaṇṇo*: Màu sắc, *gandho*: Mùi hương, ... là những danh từ ngôn-ngữ Pāli có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *avijjamānena vijjamānapaññatti*.

5- Vijjamānena vijjamānapaññatti là danh từ ngôn-

ngữ chế-định-pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Cakkhuvinnāṇa*: *Nhãn-thức-tâm* là *thức-tâm* phát sinh do nương nhờ *nhãn-tịnh-sắc*, *cakkhusamphassa*: *Nhãn xúc* là *xúc tâm-sở* đồng sinh với *nhãn-thức-tâm*, v.v...

Danh từ ngôn-ngữ Pāli gọi *cakkhu* đó là *cakkhu-pasāda*: *Nhãn-tịnh-sắc*, *vinnāṇa* đó là *citta*: *Tâm*; *phassa* đó là *phassacetasika*: *Xúc tâm-sở*, ... đều là những danh từ ngôn-ngữ Pāli có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *vijjamānena vijjamānapaññatti*.

6- Avijjamānena avijjamānapaññatti là danh từ ngôn-ngữ chế-định-pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng với pháp không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng.

Ví dụ: *Rājaputto*: *Hoàng tử của Đức vua*, *setṭhibharyā*: *Phụ nhân của phú hộ*, *jeṭṭhabhaginī*: *Chị cả*, v.v... Những danh từ ngôn-ngữ Pāli gọi *Rāja*: *Đức vua*, *putto*: *Hoàng tử*; *setṭhi*: *Phú hộ*, *bharyā*: *Phụ nhân*; *jeṭṭha*: *Lớn, cả*, *bhaginī*: *Chị*, v.v... đều là những danh từ ngôn-ngữ Pāli không có thật-tánh của *chân-nghĩa-pháp* làm nền tảng, nên gọi là *avijjamānena avijjamānapaññatti*.

Paññattidhamma với paramatthadhamma

* *Paññattidhamma*: *Chế-định-pháp* luôn luôn nương nhờ nơi *chân-nghĩa-pháp* để chế định ra danh từ ngôn-ngữ gọi, nói chuyện, v.v...

* *Paramatthadhamma*: *Chân-nghĩa-pháp* nương nhờ *chế-định-pháp* (*paññattidhamma*) để hiểu biết, phân biệt trạng-thái của mỗi *chân-nghĩa-pháp*.

Trong mỗi đối-tượng có thể phân biệt về *chế-định-pháp* và *chân-nghĩa-pháp*.

Ví dụ: “*Con người*” được phân biệt về *chế-định-pháp* và *chân-nghĩa-pháp* như sau:

*** Paññattidhamma: Chế-định-pháp**

- *Danh từ ngôn-ngữ gọi “con người” thuộc về saddapaññatti hoặc nāmapaññatti.*

- *Hình dạng toàn thân thể con người thuộc về atthapaññatti, thuộc về paññattidhamma: Chế-định-pháp.*

*** Paramatthadhamma: Chân-nghĩa-pháp**

- “*Con người*” có đủ ngũ-uẩn (*sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn*), có 2 pháp là *sắc-pháp* và *danh-pháp*.

- “*Con người*” có đầy đủ 6 thức (*nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm*).

- “*Con người*” có đầy đủ 6 đối-tượng (*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*), v.v... thuộc về *chân-nghĩa-pháp*.

- Tất cả ý nghĩa, hình dạng của các pháp có sinh mạng và không có sinh mạng, ... thuộc về *atthapaññatti*.

- Tất cả danh từ của các loại ngôn ngữ đều thuộc về *saddapaññatti* hoặc *nāmapaññatti*.

- Tất cả thật-tánh của sắc-pháp và danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*.

Thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp không hiện rõ do nguyên nhân nào?

Thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp* vốn có thật hiển nhiên, nghĩa là sắc-pháp, danh-pháp có ***sự sinh, sự diệt***, có ***trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái-bất-tịnh***.

Thế mà, khi hành-giả *thực-hành pháp-hành thiên-tuệ* không thấy rõ, biết rõ được **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp; không thấy rõ, biết rõ được **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp; không thấy rõ, biết rõ được *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái-bất-tịnh* của sắc-pháp, của danh-pháp, bởi vì **vô-minh** (*avijjā*) che phủ **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp, do **tham-ái** (*taṇhā*) lôi cuốn theo *đôi-tượng ngũ dục*: *Sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục*, nên say mê trong các *đôi-tượng* ấy.

Vì vậy, hành-giả biết sai, thấy sai, tưởng sai chấp lầm đảo ngược với **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên gọi là **vipallāsa**: *Pháp-đảo-điên* như sau:

- **Saññāvipallāsa**: *Tưởng đảo-điên tưởng sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

- **Cittavipallāsa**: *Tâm đảo-điên biết sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

- **Diṭṭhivipallāsa**: *Tà-kiến đảo-điên thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là thường, lạc, ngã, tịnh.*

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm* nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là **thường** (*nicca*), nhưng **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp có *trạng-thái vô-thường* (*anicca*).

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm* nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là **lạc** (*sukha*), nhưng **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp có *trạng-thái khổ* (*dukkha*).

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm* nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là **ngã** (*atta*), nhưng **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp có *trạng-thái vô-ngã* (*anattā*).

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm* nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là **tịnh** (*subha*), nhưng *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh* (*asubha*).

- Do 3 pháp-đảo-điên nên *tưởng sai chấp lầm, biết sai chấp lầm, thấy sai chấp lầm* nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**; làm cho chúng-sinh say mê trong sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn bên trong của mình, và ngũ-uẩn bên ngoài mình, của người khác; nên không thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh*.

Pháp-hành thiên-tuệ là pháp-hành mà hành-giả thực-hành để phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ đúng theo *thật-tánh hiển nhiên của sắc-pháp, của danh-pháp có sự sinh, sự diệt liên tục không ngừng, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh* của sắc-pháp, của danh-pháp, mới diệt được 3 pháp-đảo-điên là *tưởng đảo-điên, tâm đảo-điên, tà-kiến đảo-điên* nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**, diệt vô-minh (*avijjā*) che phủ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, diệt tham-ái* (*taṇhā*) trong các *đối-tượng ngũ dục*.

Pháp-hành thiên-tuệ chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, để phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não* không

còn dư sót, trở thành *bậc Thánh-A-ra-hán*, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Đối-Tượng Của Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ có 6 loại:

- 1- *Rūpārammaṇa*: *Đối-tượng sắc đó là các hình dạng.*
- 2- *Saddārammaṇa*: *Đối-tượng thanh đó là các âm thanh.*
- 3- *Gandhārammaṇa*: *Đối-tượng hương đó là các mùi hương.*
- 4- *Rasārammaṇa*: *Đối-tượng vị đó là các thứ vị.*
- 5- *Phoṭṭhabbārammaṇa*: *Đối-tượng xúc đó là cứng mềm, nóng lạnh, ...*
- 6- *Dhammārammaṇa*: *Đối-tượng pháp đó là 81 tam-giới-tâm (trừ 8 siêu-tam-giới-tâm), 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn, (trừ chế-định-pháp).*

Trong 6 đối-tượng này có 5 đối-tượng là *đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc* thuộc về **sắc-pháp**.

Đối-tượng pháp thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp**.

Đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp của pháp-hành thiền-tuệ chỉ thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) mà thôi, không phải là *chế-định-pháp* (*paññattidhamma*).

- 6 *đối-tượng* của pháp-hành thiền-tuệ là *đối-tượng của 6 lộ-trình-tâm* (*vīthicitta*) phát sinh do nương nhờ nơi 6 môn (*dvāra*).

Dvāra: Môn (cửa) có 6 môn:

- 1- *Cakkhuvāra*: *Nhãn-môn đó là cakkhupasāda: Nhãn-tịnh-sắc.*
- 2- *Sotadvāra*: *Nhĩ-môn đó là sotapasāda: Nhĩ-tịnh-sắc.*

- 3- *Ghānadvāra*: Tỷ-môn đó là *ghānapasāda*: Tỷ-tịnh-sắc.
- 4- *Jivhādvāra*: Thiệt-môn đó là *jivhāpasāda*: Thiệt-tịnh-sắc.
- 5- *Kāyadvāra*: Thân-môn đó là *kāyapasāda*: Thân-tịnh-sắc.
- 6- *Manodvāra*: Ý-môn đó là 19 *bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm.

6 môn là 6 cửa vào ra của 6 loại lộ-trình-tâm.

Lộ-trình-tâm có 6 loại:

- 1- *Cakkhudvāravīthi*: Nhãn-môn lộ-trình-tâm.
- 2- *Sotadvāravīthi*: Nhĩ-môn lộ-trình-tâm.
- 3- *Ghānavāravīthi*: Tỷ-môn lộ-trình-tâm.
- 4- *Jivhādvāravīthi*: Thiệt-môn lộ-trình-tâm.
- 5- *Kāyadvāravīthi*: Thân-môn lộ-trình-tâm.
- 6- *Manodvāravīthi*: Ý-môn lộ-trình-tâm.

Mỗi lộ-trình-tâm phát sinh, gồm có một số tâm, mỗi tâm nào sinh làm phạm sự của tâm ấy, rồi diệt theo tuần tự trong lộ-trình-tâm ấy.

Pañcadvāravīthi: Ngũ-môn lộ-trình-tâm

Ngũ-môn lộ-trình-tâm có 5 lộ-trình-tâm:

* *Cakkhudvāravīthi*: Nhãn-môn lộ-trình-tâm tiếp xúc với đối-tượng sắc hiện-tại (*rūpārammaṇa*) rõ ràng, gồm có các tâm sinh làm phạm sự rồi diệt theo tuần tự trải qua đủ 17 sát-na-tâm sinh rồi diệt trong nhãn-môn lộ-trình-tâm như sau:

- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm là quá-tâm làm phạm sự bảo hộ giữ gìn kiếp của mỗi chúng-sinh, có đối-tượng cũ từ kiếp trước. (viết tắt bha)

Cakkhudvāravīthi: Nhãn-môn lộ-trình-tâm

1- *Aññabhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm quá-khứ là hộ-kiếp-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm vẫn còn giữ đối-tượng

cũ kiếp trước, dù có *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt atī)

2- **Bhavaṅgacalanacitta:** *Hộ-kiếp-tâm rung động* là hộ-kiếp-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm bị rung động, khi có *đối-tượng sắc mới* hiện-tại xuất hiện. (viết tắt na)

3- **Bhavaṅgupacchedacitta:** *Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt* phát sinh 1 sát-na-tâm, do *đối-tượng sắc mới* hiện tại có năng lực làm cho hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt cùng với đối-tượng cũ kiếp trước, để cho *ngũ-môn hướng-tâm* tiếp nhận *đối-tượng sắc mới* hiện-tại ấy. (viết tắt da)

4- **Pañcadvāravajjanacitta:** *Ngũ-môn hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự tiếp nhận 5 đối-tượng mới hiện-tại (sắc, thanh, hương, vị, xúc). (viết tắt pañ)

Trong *nhãn-môn lộ-trình-tâm* này, *ngũ-môn hướng-tâm* chỉ tiếp nhận *đối-tượng sắc mới* hiện-tại mà thôi.

5- **Cakkhuvīññānacitta:** *Nhãn-thức-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự *nhìn thấy đối-tượng sắc hiện-tại*. (viết tắt cak)

6- **Sampaṭicchana-citta:** *Tiếp-nhận-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự *tiếp nhận đối-tượng sắc hiện-tại* từ *nhãn-thức-tâm*. (viết tắt sam).

7- **Santīraṇacitta:** *Suy-xét-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự suy xét *đối-tượng sắc tốt hoặc xấu*. (viết tắt san)

8- **Voṭṭhabbanacitta:** *Xác-định-tâm*, đó là *y-môn hướng-tâm (manodvāravajjanacitta)* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự xác-định đối-tượng của *bất-thiện-tâm* hoặc *đại-thiện-tâm* hoặc *đại-duy-tác-tâm*, tùy theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt vot)

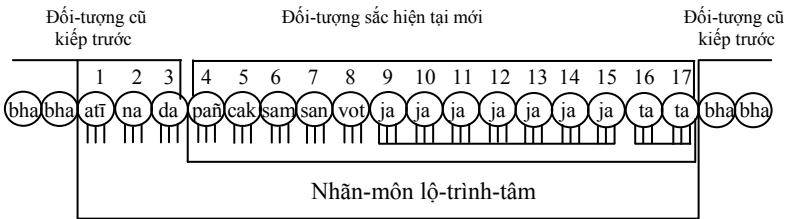
9- 15- **Javanacitta:** *Tác-hành-tâm* đó là *bất-thiện-tâm* hoặc *đại-thiện-tâm* hoặc *đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phạm sự tạo *bất-*

thiện-nghiệp hoặc *đại-thiện-nghiệp* tùy theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh, hoặc *đại-duy-tác-tâm đối với bậc Thánh A-ra-hán không thành đại-thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp nào cả.* (viết tắt ja)

16-17- Tadāmbanacitta: *Tiếp-đối-tượng-tâm* thuộc về *quả-tâm đặc biệt* phát sinh 2 sát-na-tâm làm phạm sự tiếp *đối-tượng sắc hiện-tại* từ *tác-hành-tâm* còn thừa 2 sát-na-tâm hết tuổi thọ 17 sát-na-tâm của *đối-tượng sắc hiện-tại*, để chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm.* (viết tắt ta)

- **Bhavaṅgacitta:** *Hộ-kiếp-tâm* sau phát sinh có *đối-tượng cũ* từ kiếp trước, đồng thời chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm.*

Đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm



Tương tự như vậy, *nhĩ-môn lộ-trình-tâm, tỷ-môn lộ-trình-tâm, thiết-môn lộ-trình-tâm, thân-môn lộ-trình-tâm* có sự diễn tiến *lộ-trình-tâm* có phần giống như *nhãn-môn lộ-trình-tâm*, nhưng mỗi *lộ-trình-tâm* chỉ có khác nhau về **thức tâm** và **đối-tượng** như sau:

- Nếu *ngũ-môn hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự tiếp nhận *đối-tượng âm thanh hiện-tại* thì *nhĩ-thức-tâm* phát sinh làm phạm sự nghe âm thanh trong *nhĩ-môn lộ-trình-tâm.*

- Nếu *ngũ-môn hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự tiếp nhận *đối-tượng hương hiện-tại* thì *tỷ-thức-tâm* phát sinh làm phạm sự ngửi mùi hương trong *tỷ-môn lộ-trình-tâm.*

- Nếu *ngũ-môn-hương-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận *đối-tượng vị hiện-tại* thì *thiệt-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *ném vị* trong *thiệt-môn lộ-trình-tâm*.

- Nếu *ngũ-môn-hương-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận *đối-tượng xúc nóng lạnh, ... hiện-tại* thì *thân-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *xúc giác nóng lạnh, ...* trong *thân-môn lộ-trình-tâm*.

Ngũ môn lộ-trình-tâm chỉ có thể nhận biết 5 *đối-tượng sắc-pháp*: *Sắc, thanh, hương, vị, xúc hiện-tại* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mà thôi.

Ngũ-môn lộ-trình-tâm hoàn toàn không thể nhận biết *đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma)*.

Manodvāravīthicitta: Ý-môn lộ-trình-tâm

Ý-môn lộ-trình-tâm là *lộ-trình-tâm* phát sinh liên tục trong *ý-môn lộ-trình-tâm*, có khả năng biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* hoặc *đối-tượng chế-định-pháp*.

- Nếu khi nào *ý-môn lộ-trình-tâm* biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* thì khi ấy không biết *đối-tượng chế-định-pháp*.

- Nếu khi nào *ý-môn lộ-trình-tâm* biết *đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma)* thì khi ấy không biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*.

Ý-môn lộ-trình-tâm có 2 loại:

1- *Kāmajavanamanodvāravīthicitta*: *Ý-môn lộ-trình-tâm* có *dục-giới tác-hành-tâm*.

2- *Appanājavanamanodvāravīthicitta*: *Ý-môn-lộ-trình-tâm* có *sắc-giới, vô-sắc-giới, siêu-tam-giới tác-hành-tâm*.

Trong phần này chỉ đề cập đến *ý-môn lộ-trình-tâm* có *dục-giới tác-hành-tâm* mà thôi, để phân biệt *đối-tượng paramatthadhamma* với *đối-tượng paññattidhamma*.

Ý-môn lộ-trình-tâm dục-giới tác-hành-tâm có 2 loại:

1- *Tadanuvattikamanodvāravīthiccita* hoặc *anubandhakamanodvāravīthiccita*: Ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm luôn luôn phát sinh theo sau ngũ-môn lộ-trình-tâm. Ý-môn lộ-trình-tâm này không thể một mình đơn phương phát sinh được.

2- *Suddhamanodvāravīthiccita*: Ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm đơn thuần phát sinh, không tùy thuộc vào ngũ-môn lộ-trình-tâm.

Giải giải

1- *Tadanuvattikamanodvāravīthiccita* như thế nào?

Tadanuvattikamanodvāravīthiccita là ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm phát sinh liền tiếp theo sau ngũ-môn lộ-trình-tâm chấm dứt, theo định luật tự nhiên.

Sau khi ngũ-môn lộ-trình-tâm chấm dứt, liền tiếp theo ý-môn lộ-trình-tâm này có dục-giới tác-hành-tâm phát sinh theo tuần tự 4 ý-môn lộ-trình-tâm làm phận sự biết đối-tượng *paramatthadhamma* quá-khứ từ ngũ-môn lộ-trình-tâm, và tiếp theo biết đối-tượng *paññattidhamma* từ đối-tượng *paramatthadhamma* quá-khứ ấy.

Tadanuvattikamanodvāravīthiccita có 4 ý-môn lộ-trình-tâm như sau:

1- *Aṭṭaggahaṇavīthiccita*: Ý-môn lộ-trình-tâm tiếp nhận đối-tượng quá-khứ, phát sinh liền sau ngũ-môn lộ-trình-tâm, làm phận sự biết đối-tượng chân-nghĩa-pháp quá-khứ từ ngũ-môn lộ-trình-tâm, tiếp theo:

2- *Samūhaggahaṇavīthiccita*: Ý-môn lộ-trình-tâm liền kết phát sinh sau lộ-trình-tâm *aṭṭaggahaṇavīthiccita* làm phận sự liền kết lại các phần của đối-tượng quá-khứ ấy được ghi nhớ trong tâm.

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này có đối-tượng chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) quá-khứ.

3- **Atthaggaṇaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm biết ý-nghĩa, hình dạng phát sinh sau lộ-trình-tâm samūhaggaṇaṇavīthicitta, làm phận sự biết atthapaññatti: Ý-nghĩa, hình dạng, v.v... chế-định từ đối-tượng của ý-môn lộ-trình-tâm liên kết ghi nhớ trong tâm.

4- **Nāmaggaṇaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm biết danh từ, ngôn-ngữ chế-định, phát sinh sau lộ-trình-tâm atthaggaṇaṇavīthicitta, làm phận sự biết nāmapaññatti: Danh từ, ngôn-ngữ chế-định, gọi danh từ (tên) của atthapaññatti ấy.

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này có đối-tượng chế-định-pháp.

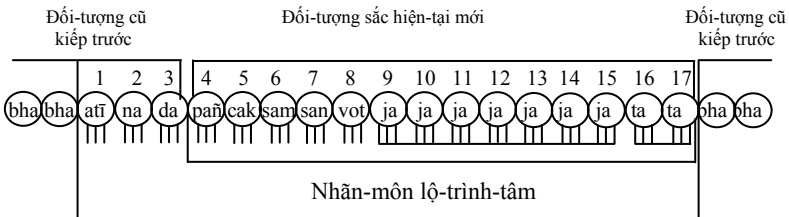
Phân biệt đối-tượng paramattha và paññatti

Theo định luật tự nhiên hễ sau khi ngũ-môn lộ-trình-tâm chấm dứt là liền theo sau có 4 ý-môn lộ-trình-tâm tuần tự phát sinh làm phận sự biết đối-tượng chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) và tiếp theo biết đối-tượng chế-định-pháp (paññattidhamma) từ ngũ-môn lộ-trình-tâm ấy. Ví dụ:

1- Nhãn-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm

Khi có đối-tượng sắc mới hiện-tại (rūpārammaṇa) rõ ràng tiếp xúc với nhãn-môn thì nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhuvāravīthicitta) có đối-tượng sắc-pháp hiện-tại:

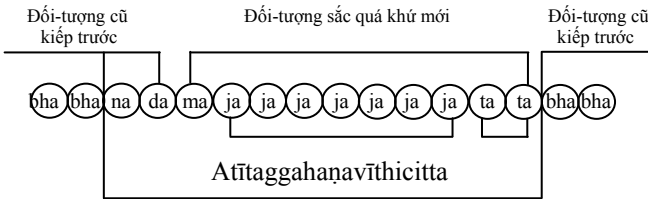
Đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm



Mỗi *nhãn-môn lộ-trình-tâm* có khả năng thấy và biết được *đối-tượng sắc hiện-tại* điểm nào, phần nào, rồi chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm*:

1- *Atītaggaṇavīthicitta*: *Ý-môn lộ-trình-tâm* tiếp nhận *đối-tượng sắc quá-khứ* ấy phát sinh liền sau *nhãn-môn lộ-trình-tâm* như sau:

Đồ biểu atītaggaṇavīthicitta



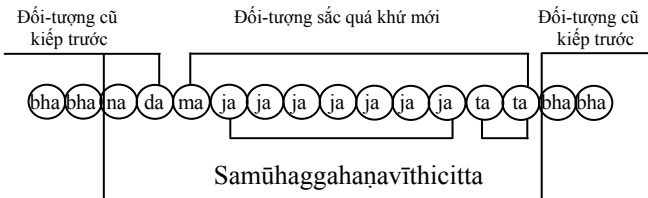
Ý-môn lộ-trình-tâm atītaggaṇavīthicitta phát sinh làm phận sự biết *đối-tượng sắc quá-khứ* điểm ấy, phần ấy của *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

Như vậy, nếu có bao nhiêu *nhãn-môn lộ-trình-tâm* thấy và biết *đối-tượng sắc hiện-tại* vừa chấm dứt thì cũng liền có bấy nhiêu *lộ-trình-tâm atītaggaṇavīthicitta* phát sinh biết *đối-tượng sắc quá-khứ* của *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

Sau khi *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggaṇavīthicitta* vừa chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm*:

2- *Samūhaggaṇavīthicitta*: *Ý-môn lộ-trình-tâm* liên kết phát sinh liền sau *lộ-trình-tâm atītaggaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu samūhaggaṇavīthicitta



Ý-môn lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* phát sinh làm phận sự liên kết lại các phần của đối-tượng sắc quá-khứ của lộ-trình-tâm *atītaggaṇavīthicitta*, rồi ghi nhớ trong tâm.

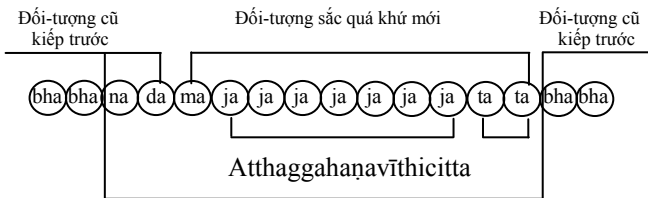
Như vậy, nếu có bao nhiêu lộ-trình-tâm *atītaggaṇavīthicitta* biết đối-tượng sắc quá-khứ thì cũng có bấy nhiêu lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* liên kết lại các phần của lộ-trình-tâm *atītaggaṇavīthicitta*.

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này biết **đối-tượng sắc quá-khứ chân-nghiã-pháp** (*paramatthadhamma*).

Sau khi lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* chấm dứt, liền tiếp theo ý-môn lộ-trình-tâm:

3- **Atthaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn-lộ-trình-tâm biết ý nghĩa, hình dạng, phát sinh sau lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu atthaggahaṇavīthicitta

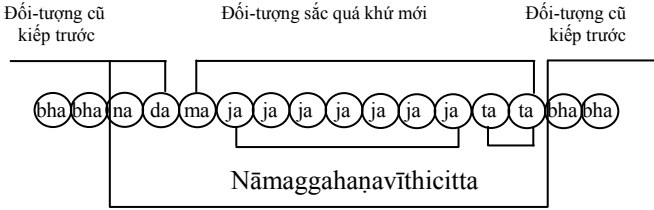


Ý-môn lộ-trình-tâm *atthaggahaṇavīthicitta* làm phận sự biết *atthapaññatti*: Ý nghĩa, hình dạng, v.v... chế định từ đối-tượng sắc quá-khứ của ý-môn lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* liên kết lại với nhau, rồi ghi nhớ trong tâm, có khái niệm về ý nghĩa, hình dạng nào đó như hình dạng con người, chiếc xe, v.v... mà chưa có danh từ ngôn-ngữ chế định gọi.

Như vậy, nếu có bao nhiêu lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* liên kết lại các đối-tượng sắc quá-khứ thì cũng có bấy nhiêu lộ-trình-tâm *atthaggahaṇavīthicitta* biết ý nghĩa, hình dạng, v.v...

4- *Nāmaggaṇavīthicitta*: Ý-môn lộ-trình-tâm biết danh từ, ngôn-ngữ chế-định, phát sinh sau lộ-trình-tâm *atthaggahaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu *nāmaggaṇavīthicitta*



Ý-môn lộ-trình-tâm *nāmaggaṇavīthicitta* làm phận sự biết *nāmapaññatti*: Danh từ, ngôn ngữ, chế định gọi tên của *atthapaññatti* ý nghĩa, hình dạng ấy, như hình dạng con người, chiếc xe, v.v... được gọi là “con người, chiếc xe, v.v...”

Như vậy, nếu có bao nhiêu lộ-trình-tâm *atthaggahaṇavīthicitta* biết *atthapaññatti* thì cũng có bấy nhiêu lộ-trình-tâm *nāmaggaṇavīthicitta* biết *nāmapaññatti*: Danh từ, ngôn ngữ, chế định gọi tên.

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này biết **đối-tượng chế-định-pháp**.

Tóm lược *nhãn-môn lộ-trình-tâm* với 4 ý-môn lộ-trình-tâm theo sau, phân biệt *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) và *đối-tượng chế-định-pháp* (*paññattidhamma*) như sau:

Ví dụ: *Đối-tượng sắc* (*rūpārammaṇa*) hình dạng được chế định ra tiếng Việt gọi là “con người”.

Khi *đối-tượng sắc hiện-tại* (*rūpārammaṇa*) rõ ràng hình dạng tiếp xúc với *nhãn-môn*, sự diễn tiến qua *nhãn-môn lộ-trình-tâm* và 4 ý-môn lộ-trình-tâm như sau:

- *Nhãn-môn lộ-trình-tâm* (*cakkhudvāravīthicitta*) phát sinh

thấy và biết *đối-tượng sắc hình dạng hiện-tại*, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta* phát sinh liền sau *nhãn-môn lộ-trình-tâm*, làm phận sự tiếp nhận *đối-tượng sắc quá-khứ* ấy từ *nhãn-môn lộ-trình-tâm*, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta* phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthicitta*, làm phận sự liên kết lại các phần của *đối-tượng sắc quá-khứ* ấy, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*, tiếp theo:

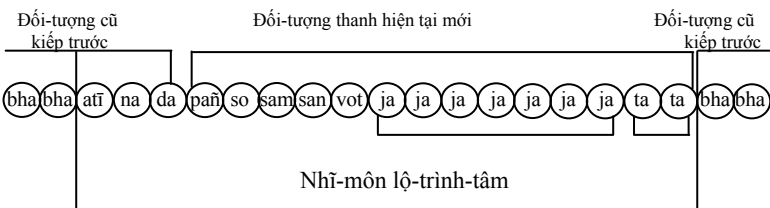
- *Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggaṇavīthicitta* phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthicitta*, làm phận sự biết *atthapaññatti*, hình dạng con người, thuộc về *đối-tượng paññattidhamma*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggaṇavīthicitta* phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm atthaggaṇavīthicitta*, làm phận sự biết *nāmapaññatti*, gọi danh từ ngôn-ngữ tiếng Việt hình dạng con người ấy là “con người” thuộc về *đối-tượng paññattidhamma*.

2- Nhĩ-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm

Khi có *đối-tượng âm thanh mới hiện-tại (saddārammaṇa)* rõ ràng tiếp xúc với *nhĩ-môn* thì *nhĩ-môn lộ-trình-tâm (sotadvāravīthicitta)* có *đối-tượng sắc-pháp hiện-tại* như sau:

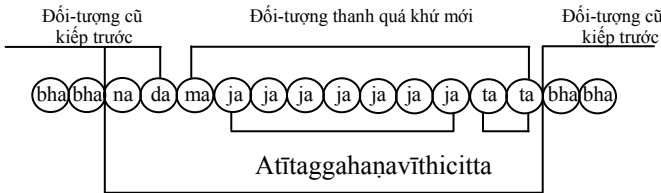
Đồ biểu sotadvāravīthicitta



Mỗi *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* có khả năng nghe và biết được *đôi-tượng âm thanh hiện-tại* âm thanh nào, rồi chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm*:

1- ***Atātaggahaṇavīthicitta***: *Ý-môn lộ-trình-tâm tiếp nhận đôi-tượng âm thanh quá-khứ ấy* phát sinh liền sau *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* như sau:

Đồ biểu atātaggahaṇavīthicitta



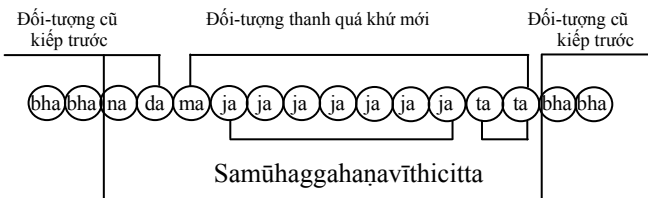
Ý-môn lộ-trình-tâm atātaggahaṇavīthicitta phát sinh làm phân sự biết *đôi-tượng âm thanh quá-khứ* ấy, của *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*.

Như vậy, nếu có bao nhiêu *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* nghe và biết *đôi-tượng âm thanh hiện-tại* vừa chấm dứt thì cũng liền có bấy nhiêu *lộ-trình-tâm atātaggahaṇavīthicitta* phát sinh biết *đôi-tượng âm thanh quá-khứ* của *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*.

Sau khi *ý-môn lộ-trình-tâm atātaggahaṇavīthicitta* vừa chấm dứt, liền tiếp theo *ý-môn lộ-trình-tâm*:

2- ***Samūhaggahaṇavīthicitta***: *Ý-môn lộ-trình-tâm liên kết* phát sinh liền sau *lộ-trình-tâm atātaggahaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu samūhaggahaṇavīthicitta



Ý-môn lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* phát sinh làm phận sự liên kết các đối-tượng âm thanh quá-khứ của lộ-trình-tâm *atītaggahaṇavīthicitta* lại với nhau, rồi ghi nhớ trong tâm.

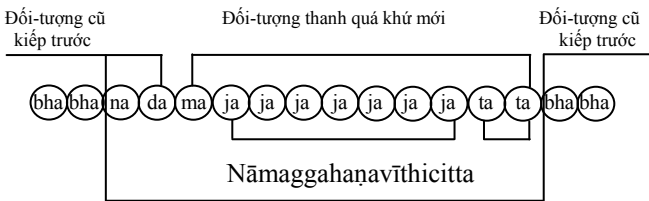
Như vậy, nếu có bao nhiêu lộ-trình-tâm *atītaggahaṇavīthicitta* biết đối-tượng âm thanh quá-khứ thì cũng có bấy nhiêu lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* liên kết lại các âm thanh của lộ-trình-tâm *atītaggahaṇavīthicitta*.

Hai ý-môn lộ-trình-tâm này có **đối-tượng âm thanh quá-khứ chân-nghe-áp** (*paramatthadhamma*).

Sau khi lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* chấm dứt, liền tiếp theo ý-môn lộ-trình-tâm:

3- **Nāmaggahaṇavīthicitta**: Ý-môn lộ-trình-tâm biết danh từ, ngôn-ngữ chế-định, phát sinh sau lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* như sau:

Đồ biểu nāmaggahaṇavīthicitta



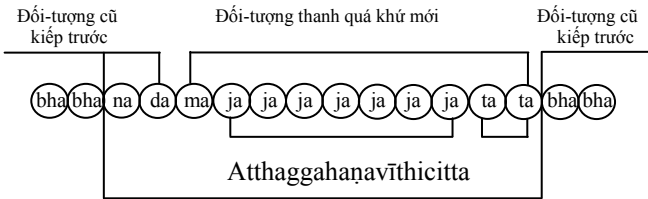
Ý-môn lộ-trình-tâm *nāmaggahaṇavīthicitta* làm phận sự biết *nāmapaññatti*: Danh từ, ngôn ngữ, chế định ra tiếng Việt gọi là “Con người” mà chưa biết ý nghĩa, hình dạng con người như thế nào.

Như vậy, nếu có bao nhiêu lộ-trình-tâm *samūhaggahaṇavīthicitta* liên kết các âm thanh lại thì cũng có bấy nhiêu lộ-trình-tâm *nāmaggahaṇavīthicitta* biết *nāmapaññatti*, danh từ, ngôn ngữ, chế định.

Sau khi *y-môn lộ-trình-tâm nāmaggaṇavāthicitta* biết *nāmapaññatti* chấm dứt, liền tiếp theo *y-môn lộ-trình-tâm*:

4- *Atthaggaṇavāthicitta*: *Y-môn lộ-trình-tâm* biết *y nghĩa, hình dạng*, phát sinh sau *lộ-trình-tâm nāmaggaṇavāthicitta* như sau:

Đồ biểu atthaggaṇavāthicitta



Y-môn lộ-trình-tâm atthaggaṇavāthicitta làm phân sự biết *atthapaññatti*: *Y nghĩa, hình dạng chế định* ấy gọi *nāmapaññatti*: *Danh từ, ngôn ngữ tiếng Việt* gọi là “*Con người*”.

Như vậy, nếu có bao nhiêu *lộ-trình-tâm nāmaggaṇavāthicitta* biết *nāmapaññatti*: *Danh từ, ngôn-ngữ chế-định* thì cũng có bấy nhiêu *atthaggaṇavāthicitta* biết *atthapaññatti, y nghĩa, hình dạng*.

Hai *y-môn lộ-trình-tâm* này có ***đối-tượng chế-định-pháp***.

Tóm lược *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* với 4 *y-môn lộ-trình-tâm* theo sau, phân biệt *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* và *đối-tượng chế-định-pháp* như sau:

Ví dụ: *Đối-tượng âm thanh (saddārammaṇa)* được chế định ra tiếng Pāli gọi là “***Bud-dho***”.

Khi *đối-tượng âm thanh hiện-tại (saddārammaṇa)* rõ ràng gồm có 2 âm: “***Bud***” và “***dho***” tiếp xúc với *nhĩ-môn*, sự diễn tiến qua *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* và 4 *y-môn lộ-trình-tâm* như sau:

1- *Nhĩ-môn lộ-trình-tâm (sotadvāravāthicitta)* thứ nhất

phát sinh nghe và biết *đối-tượng âm thanh hiện-tại* 1 âm "**Bud**" với *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhất, bởi vì mỗi *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* chỉ nghe và biết được mỗi âm mà thôi, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atāggaṇavīthi* thứ nhất phát sinh liền sau *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*, làm phận sự tiếp nhận *đối-tượng âm thanh quá-khứ* gồm có 1 âm "**Bud**" ấy từ *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhất, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthi* thứ nhất phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm atāggaṇavīthi*, làm phận sự liên kết ghi nhớ 1 âm "**Bud**" của *đối-tượng âm thanh quá-khứ* ấy, thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggaṇavīthi* thứ nhất phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthi*, làm phận sự biết *nāmapaññatti*, danh từ ngôn-ngữ chế định ra tiếng Pāli gọi là "**Bud**" mà chưa biết ý nghĩa như thế nào, thuộc về *đối-tượng paññattidhamma*.

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthi* thứ nhất phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggaṇavīthi*, làm phận sự biết *atthapaññatti*, ý nghĩa "**Bud**". Tiếp theo *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhì là:

2- *Nhĩ-môn lộ-trình-tâm (sotadvāravīthi)* thứ nhì phát sinh nghe và biết *đối-tượng âm thanh hiện-tại* 1 âm "**dho**" với *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhì thuộc về *đối-tượng sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atāggaṇavīthi* thứ nhì phát sinh liền sau *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*, làm phận sự tiếp nhận *đối-tượng âm thanh quá-khứ* gồm có 1 âm

“**dho**” ấy từ *nhĩ-môn lộ-trình-tâm* thứ nhì, thuộc về *đôi-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthiccita* thứ nhì phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm atītaggahaṇavīthiccita*, làm phận sự liên kết âm “**Bud**” với âm “**dho**” của *đôi-tượng âm thanh quá-khứ* ấy, thuộc về *đôi-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*, tiếp theo:

- *Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthiccita* thứ nhì phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm samūhaggahaṇavīthiccita*, làm phận sự biết *nāmapaññatti*, danh từ ngôn-ngữ chế định ra tiếng Pāli gọi là “**Bud+dho**” mà chưa biết ý nghĩa như thế nào, thuộc về *đôi-tượng paññattidhamma*.

- *Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggahaṇavīthiccita* thứ nhì phát sinh liền sau *ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthiccita*, làm phận sự biết *atthapaññatti*, ý nghĩa “**Buddho**” nghĩa là **Đức-Phật** tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán đầu tiên trong toàn cõi thế giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác** độc nhất vô nhị.

Đức-Phật thuyết pháp giáo huấn chúng-sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc Thánh-đạo nào, Thánh-quả ấy và Niết-bàn tùy theo năng lực của các pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của hạng Thanh-văn đệ-tử ấy.

Danh từ Pāli gọi “**Buddho**” thuộc về *đôi-tượng paññattidhamma*.

Trường hợp *ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggahaṇavīthiccita* làm phận sự biết *nāmapaññatti*, danh từ ngôn-ngữ chế định ra tiếng Pāli gọi là “**Buddho**”. Nếu không hiểu

ý nghĩa thì *y-môn lộ-trình-tâm atthaggaṇavāthicitta* không phát sinh lên được.

3-4-5-Tỷ-môn lộ-trình-tâm, thiết-môn lộ-trình-tâm, thân-môn lộ-trình-tâm với 4 ý-môn lộ-trình-tâm, sự diễn tiến qua các lộ-trình-tâm tương tự như trường hợp *nhân-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *tỷ-môn lộ-trình-tâm* ngửi và biết đối-tượng hương, thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại*.

- Khi *thiết-môn-lộ-trình-tâm* nếm và biết đối-tượng vị, thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại*.

- Khi *thân-môn lộ-trình-tâm* xúc giác và biết đối-tượng xúc (đất, lửa, gió), thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma hiện-tại*.

Mỗi lộ-trình-tâm chấm dứt, liền theo sau có 4 *y-môn lộ-trình-tâm* tuần tự phát sinh làm phận sự biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* và tiếp theo biết *đối-tượng chế-định-pháp* từ *tỷ-môn-lộ-trình-tâm, thiết-môn-lộ-trình-tâm, thân-môn-lộ-trình-tâm* ấy.

1- Ý-môn lộ-trình-tâm *atītaggaṇavāthicitta*

- Ngửi và biết đối-tượng hương, thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*.

- Nếm và biết đối-tượng vị, thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*.

- Xúc giác và biết đối-tượng xúc (đất, lửa, gió) thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*.

2- Ý-môn lộ-trình-tâm *samūhaggaṇavāthicitta*

- Liên kết lại các phần hương từ *y-môn lộ-trình-tâm atītaggaṇavāthicitta* thuộc về *sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*.

- Liên kết lại các phần vị từ *ý-môn lộ-trình-tâm atātaggaṇavāthicitta*, thuộc về *sắc-pháp paramattha-dhamma quá-khứ*.

- Liên kết lại các phần xúc từ *ý-môn lộ-trình-tâm atātaggaṇavāthicitta* thuộc về *sắc-pháp paramattha-dhamma quá-khứ*.

Hai *ý-môn lộ-trình-tâm atātaggaṇavāthicitta* và *samūhaggaṇavāthicitta* có *đôi-tượng sắc-pháp paramatthadhamma quá-khứ*.

3- *Ý-môn lộ-trình-tâm atthaggaṇavāthicitta* biết *đôi-tượng atthapaññatti*, *ý nghĩa chế định* từ *lộ-trình-tâm samūhaggaṇavāthicitta*, *liên kết lại các phần ở trong tâm, chưa có danh từ ngôn-ngữ gọi*.

4- *Ý-môn lộ-trình-tâm nāmaggaṇavāthicitta* biết *đôi-tượng nāmapaññatti*, *danh từ ngôn-ngữ chế định gọi atthapaññatti*, *ý nghĩa của đôi-tượng liên kết lại ấy*.

Hai *ý-môn lộ-trình-tâm atthaggaṇavāthicitta* và *nāmaggaṇavāthicitta* có *đôi-tượng paññattidhamma*.

II- Suddhamanodvāravāthicitta: Ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm đơn thuần như thế nào?

Ý-môn lộ-trình-tâm có *dục-giới tác-hành-tâm đơn thuần* là *ý-môn lộ-trình-tâm* phát sinh không tùy thuộc vào *ngũ-môn lộ-trình-tâm*.

Ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần này có khả năng rộng lớn nhận biết được 6 *đôi-tượng*: *Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* trong 3 *thời (tekālika)*: *Quá-khứ, hiện-tại, vị-lai*; và *đôi-tượng Niết-bàn, đôi-tượng chế-định-pháp* thuộc về *đôi-tượng ngoài 3 thời (kālavimutta)*. (*không phải quá-khứ, hiện-tại, vị-lai*).

Ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần rất đặc biệt, do nhiều nguyên nhân như sau:

- Đã từng biết 6 đối-tượng.

- Đã từng có 6 đối-tượng trong tâm, nên đối-tượng ấy hiện rõ trong ý-môn lộ-trình-tâm-đơn-thuần.

Do đó, ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần không tùy thuộc vào ngũ-môn lộ-trình-tâm.

Ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần có nhiều loại, trong phần này chỉ đề cập đến *kāmajavanamanodvāravīthi-citta*: Ý-môn lộ-trình-tâm có dục-giới tác-hành-tâm.

* Đối-tượng paramatthadhamma

- Nếu có 1 trong 6 đối-tượng thuộc về *paramatthadhamma* thật rõ ràng nhất hiện rõ trong tâm thì ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần có 12 sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự như sau:

- **Bhavaṅgacitta**: Hộ-kiếp-tâm là quả tâm làm phận sự bảo hộ giữ gìn kiếp của mỗi chúng-sinh, có đối-tượng cũ từ kiếp trước. (viết tắt bha)

1- **Bhavaṅgacalanacitta**: Hộ-kiếp-tâm rung động phát sinh 1 sát-na-tâm, khi có 1 trong 6 đối-tượng mới hiện rõ ràng trong tâm, làm cho hộ-kiếp-tâm rung động, nhưng vẫn còn giữ đối-tượng cũ kiếp trước. (viết tắt na)

2- **Bhavaṅgupacchedacitta**: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt phát sinh 1 sát-na-tâm, do đối-tượng mới có năng lực làm cho hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt cùng với đối-tượng cũ kiếp trước, để cho ý-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng mới ấy. (viết tắt da)

3- **Manodvāravajjanacitta**: Ý-môn-hướng-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận đối-tượng mới ấy, xác định đối-tượng của bất-thiện-tâm, hoặc của đại-thiện-tâm, hoặc của đại-duy-tác-tâm, theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt ma)

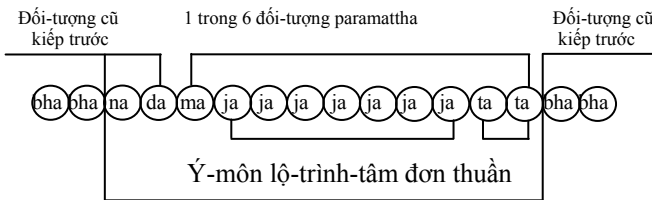
4- 10- **Javanacitta:** Tác-hành-tâm đó là *bất-thiện-tâm* hoặc *đại-thiện-tâm* hoặc *đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phận sự tạo *bất-thiện-nghiệp* hoặc *dục-giới thiện-nghiệp* tùy theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh, hoặc *đại-duy-tác-tâm* đối với bậc Thánh A-ra-hán không thành *thiện-nghiệp*, *bất-thiện-nghiệp* nào cả. (viết tắt ja)

11-12- **Tadāmbanacitta:** Tiếp-đối-tượng-tâm thuộc về *quả-tâm* đặc biệt phát sinh 2 sát-na-tâm làm phận sự tiếp *đối-tượng* từ *tác-hành-tâm*, để chấm dứt ý-môn lộ-trình-tâm. (viết tắt ta)

- **Bhavaṅgacitta:** Hộ-kiếp-tâm phát sinh có đối-tượng cũ từ kiếp trước, đồng thời chấm dứt ý-môn lộ-trình-tâm.

Mỗi ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần chỉ có thể biết một đối-tượng nào trong 6 đối-tượng mà thôi, và có thể diễn tiến liên tục vô số ý-môn lộ-trình-tâm, để biết rõ đối-tượng ấy, rồi sang đối-tượng khác tùy theo nhân-duyên.

Đồ biểu ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần
(*đối-tượng paramatthadhamma*)



*** Đối-tượng paññattidhamma**

- Nếu có *đối-tượng chế-định-pháp* (*paññattidhamma*) hiện rõ trong tâm thì ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần chỉ có 10 sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự (trừ 2 sát-na-tâm *tadāmbanacitta*) như sau:

- **Bhavaṅgacitta:** *Hộ-kiếp-tâm* là *quả-tâm* làm phận sự giữ gìn kiếp của mỗi chúng-sinh, có *đối-tượng cũ* từ kiếp trước. (viết tắt bha)

1- **Bhavaṅgacalanacitta:** *Hộ-kiếp-tâm* rung động phát sinh 1 sát-na-tâm, khi có *đối-tượng mới* hiện rõ ràng trong tâm, làm cho *hộ-kiếp-tâm* rung động, nhưng vẫn còn giữ *đối-tượng cũ* kiếp trước. (viết tắt na)

2- **Bhavaṅgupacchedacitta:** *Hộ-kiếp-tâm* bị cắt đứt phát sinh 1 sát-na-tâm, do *đối-tượng mới* có năng lực làm cho *hộ-kiếp-tâm* bị cắt đứt cùng với *đối-tượng cũ* kiếp trước, để cho *ý-môn-hướng-tâm* tiếp nhận *đối-tượng mới* ấy. (viết tắt da)

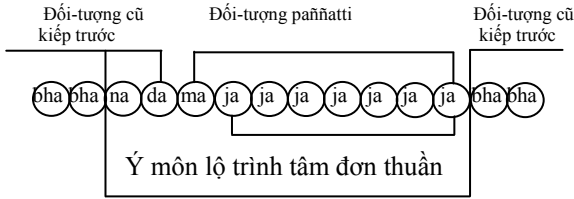
3- **Manodvāravajjanacitta:** *Ý-môn-hướng-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận *đối-tượng mới* ấy, xác định *đối-tượng* của *bất-thiện-tâm*, hoặc của *đại-thiện-tâm*, hoặc của *đại-duy-tác-tâm*, theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt ma)

4- 10- **Javanacitta:** *Tác-hành-tâm* đó là *bất-thiện-tâm* hoặc *đại-thiện-tâm* hoặc *đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phận sự tạo *bất-thiện-nghiệp* hoặc *dục-giới thiện-nghiệp* tùy theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh, hoặc *đại-duy-tác-tâm* đối với *bậc Thánh A-ra-hán* không thành *thiện-nghiệp*, *bất-thiện-nghiệp* nào cả. (viết tắt ja)

- **Bhavaṅgacitta:** *Hộ-kiếp-tâm* phát sinh có *đối-tượng cũ* từ kiếp trước, đồng thời chấm dứt *ý-môn lộ-trình-tâm*. (viết tắt bha)

Mỗi *ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần* chỉ có thể biết một *đối-tượng* nào mà thôi, và có thể diễn tiến liên tục vô số *ý-môn lộ-trình-tâm*, để biết rõ *đối-tượng* ấy, rồi sang *đối-tượng* khác tùy theo nhân-duyên.

Đồ biểu ý-môn lộ-trình-tâm đơn-thuần
(*đối-tượng paññattidhamma*)



Sự-thật trong đời

Trong đời sống con người có 2 sự-thật hiện hữu là:

- *Paramatthasacca*: Sự-thật chân-nghĩa-pháp.
- *Sammutisacca*: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định.

1- Paramatthasacca: Sự-thật chân-nghĩa-pháp có 4 pháp là:

- 1- *Citta*: Tâm có trạng-thái biết đối-tượng.
- 2- *Cetasika*: Tâm-sở có 4 trạng-thái:
 - Đồng sinh với tâm (*ekuppāda*).
 - Đồng diệt với tâm (*ekanirodha*).
 - Đồng đối-tượng với tâm (*ekālambana*).
 - Đồng nơi sinh với tâm (*ekavatthuka*).

3- *Rūpadhamma*: Sắc-pháp có trạng-thái hủy hoại do nóng lạnh, đói khát, v.v...

4- *Nibbāna*: Niết-bàn có trạng-thái tịch tịnh, vắng lặng mọi phiền-não, ngũ-uẩn.

Paramatthadhamma: Chân-nghĩa-pháp có 4 pháp chia ra 2 loại:

1- *Saṅkhatadhamma*: Pháp-hữu-vi có 3 pháp là *citta*: Tâm, *cetasika*: Tâm-sở, *rūpadhamma*: Sắc-pháp là pháp được cấu tạo do 4 nhân-duyên là *kamma*; nghiệp, *citta*: Tâm, *utu*: Thời-tiết, *āhāra*: Vật-thực, có thật-tánh-pháp,

có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

2- *Asaṅkhatadhamma*: Pháp-vô-vi có 1 pháp là *nibbāna*: Niết-bàn là pháp có thật-tánh-pháp thuộc về pháp-vô-ngã (anattā), không bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên là *kamma*: Nghiệp, *citta*: Tâm, *utu*: Thời-tiết, *āhāra*: Vật-thực, không có sự sinh, sự diệt, không có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Sự-thật chân-nghiã-pháp hoàn toàn không phải là danh từ ngôn-ngữ chế-định, còn danh từ ngôn-ngữ Pāli gọi là "*citta, cetasika, rūpadhamma, Nibbāna*" mà Đức-Phật chế định để thuyết giảng, thuộc về *vijjamānapaññatti* là danh từ ngôn-ngữ chế-định-pháp (*nāmapaññatti*) có thật-tánh của *chân-nghiã-pháp* làm nền tảng.

Khi Đức-Phật sử dụng sự-thật ngôn-ngữ chế-định này để thuyết pháp tế độ chúng-sinh hiểu biết rõ được chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành đúng theo chánh-pháp dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

2- **Sammutisacca: Sự-thật ngôn-ngữ chế-định** có 2 pháp chính là:

1- *Atthapaññatti*: Ý nghĩa, hình dạng, ... chế-định.

2- *Saddapaññatti*: Danh từ ngôn-ngữ chế-định.

Hai chế-định-pháp (*paññattidhamma*) này gọi là *sự-thật*, bởi vì mỗi dân tộc, mỗi đất nước thường chế định, đặt ra danh từ ngôn-ngữ riêng, từ người xưa được lưu truyền lại cho đến ngày nay. Mọi người đã có quy ước

với nhau cho là *lời nói thật* (*saccavācā*), đó là sự-thật theo danh từ ngôn-ngữ *chế-định* ở trong đời.

Ví dụ: Hình dáng toàn thân màu xám có 4 chân, 2 cái sừng đang đi ăn cỏ, mà mọi người đã có quy ước với nhau gọi là **“con trâu”**.

Nếu người nào có tác-ý nói dối, nói sai sự-thật với những điều đã thấy, đã nghe, đã biết, ... để lừa dối người khác nói rằng: **“Con bò”** thì người ấy đã nói dối, nói sai sự-thật, nói không đúng sự-thật, *phạm điều-giới nói-dối* (*musāvāda*).

Sự-thật trong đời đời với các hạng người như sau:

- Trong đời đời với *hạng người phạm-nhân* bình thường, theo thói quen chỉ biết *sự-thật ngôn-ngữ chế-định* (*sammūṭṭisacca*) mà thôi, nghĩa là biết mọi đối-tượng thuộc về *chế-định-pháp*. Còn *sự-thật chân-nghĩa-pháp* tuy có hiện hữu nhưng không biết được, bởi vì **vô-minh** (*avijjā*) che phủ *thật-tánh của các pháp ấy*, nên không thấy rõ, không biết rõ được các đối-tượng *chân-nghĩa-pháp*.

Cho nên, *hạng người phạm-nhân* có tà-kiến thấy sai, chấp lầm cho là *ta, của ta, người, của người, v.v...*

- Đối với các *hành-giả khi đang thực-hành đúng pháp-hành thiên-tuệ*, nếu khi nào *tri-tuệ thiên-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* thì ngay khi ấy, hành-giả có thể thấy rõ, biết rõ được *sự-thật chân-nghĩa-pháp*.

Nếu khi hành-giả *ngủ không thực-hành pháp-hành thiên-tuệ* hoặc thực-hành *không đúng pháp-hành thiên-tuệ* thì chỉ biết *sự-thật ngôn-ngữ chế-định* mà thôi.

- Đối với 4 *bậc Thánh-nhân* đã từng thấy rõ, từng biết rõ *sự-thật chân-nghĩa-pháp* (*paramatthasacca*), đã chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, đã chứng đắc *Thánh-đạo*,

Thánh-quả và Niết-bàn, đã trở thành *bậc Thánh-nhân* là *bậc Thánh Nhập-lưu*, hoặc *bậc Thánh Nhất-lai*, hoặc *bậc Thánh Bất-lai*, hoặc *bậc Thánh A-ra-hán*.

Trong cuộc sống hằng ngày, 4 *bậc Thánh-nhân* ấy thấy rõ, biết rõ đủ 2 sự-thật: *Sự-thật chân-nghĩa-pháp* và *sự-thật ngôn-ngữ chế-định*, dù tiếp xúc các *đối-tượng chế-định-pháp*, vẫn không bao giờ có tà-kiến thấy sai, chấp lầm rằng: “*Ta, người, chúng-sinh, v.v...*” nữa, bởi vì ngay khi chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* đã diệt tận được *sakkāyadit̥ṭhi*: *Tà-kiến trong ngữ-uẩn*, nghĩa là *bậc Thánh Nhập-lưu* không còn 4 *tham-tâm hợp với tà-kiến (dit̥ṭhigatasampayutta)* nữa.

Thật ra, khi nào tâm biết *đối-tượng chế-định-pháp* thì khi ấy tâm không thể biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp*, bởi vì mỗi tâm chỉ có thể biết một *đối-tượng* duy nhất mà thôi. Và trái lại, khi nào tâm biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* thì khi ấy tâm không biết *đối tượng chế-định-pháp*.

- Khi nào tâm có khái niệm về *atthapaññatti*: *Ý nghĩa, hình dạng, v.v...* và còn biết *nāmapaññatti*: *Danh từ ngôn-ngữ chế-định gọi atthapaññatti* ấy, thì khi ấy, tâm hoàn toàn không biết *đối-tượng chân-nghĩa-pháp*.

Tâm phát sinh do nhân-duyên

Tâm (citta) có 6 loại phát sinh do nương nhờ nơi 6 *ārāmaṇa (đối-tượng)* tiếp xúc với 6 *vatthurūpa (nơi sinh của tâm và tâm-sở)*.

Citta: Tâm, gồm có 89 (hoặc 121) tâm chia ra 6 loại:

- 1- *Cakkhaviññāṇacitta*: *Nhãn-thức-tâm có 2 tâm.*
- 2- *Sotaviññāṇacitta*: *Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm.*
- 3- *Ghānaviññāṇacitta*: *Tỷ-thức-tâm có 2 tâm.*
- 4- *Jivhāviññāṇacitta*: *Thiệt-thức-tâm có 2 tâm.*

5- *Kāyaviññānacitta*: Thân-thức-tâm có 2 tâm.

6- *Manoviññānacitta*: Ý-thức-tâm có 75 tâm (trừ 4 vô sắc-giới quả tâm không nương nhờ nơi *vatthurūpa*).

Ārāmmaṇa: Đối-tượng thiền-tuệ có 6 loại:

1- *Rūpārammaṇa*: Đối-tượng sắc, hình dạng.

2- *Saddārammaṇa*: Đối-tượng thanh, âm thanh.

3- *Gandhārammaṇa*: Đối-tượng hương, mùi hương.

4- *Rasārammaṇa*: Đối-tượng vị, các vị.

5- *Phoṭṭhabbārammaṇa*: Đối-tượng xúc, cứng mềm, nóng lạnh, ...

6- *Dhammārammaṇa*: Đối-tượng pháp đó là tâm, tâm-sở, 5 tịnh sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn (trừ chế-định-pháp không phải là đối-tượng thiền-tuệ).

Vatthurūpa: Nơi sinh của tâm và tâm-sở có 6 loại:

1- *Cakkhuvatthu* đó là *cakkhupasāda* (nhãn-tịnh-sắc).

2- *Sotavatthu* đó là *sotapasāda* (nhĩ-tịnh-sắc).

3- *Ghānavatthu* đó là *ghānapasāda* (tỷ-tịnh-sắc).

4- *Jivhāvatthu* đó là *jivhāpasāda* (thiệt-tịnh-sắc).

5- *Kāyavatthu* đó là *kāyapasāda* (thân-tịnh-sắc).

6- *Hadayavatthu* đó là *hadayarūpa* (sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm).

Sắc-pháp, danh-pháp trong 6 *vatthurūpa*

Mỗi tâm với tâm-sở phát sinh do nương nhờ mỗi đối-tượng tiếp xúc với mỗi *vatthurūpa*, phân biệt sắc-pháp, danh-pháp theo mỗi tâm, mỗi đối-tượng với mỗi *vatthurūpa* như sau:

1- *Cakkhaviññānacitta*: Nhãn-thức-tâm có 2 tâm phát sinh do nương nhờ đối-tượng sắc, hình dạng, tiếp xúc với *cakkhuvatthu* (nhãn-tịnh-sắc):

* *Rūpārammaṇa* và *cakkhupasāda* thuộc về **sắc-pháp**.

* *Cakkhuvīññāṇacitta* thuộc về **danh-pháp**.

2- **Sotaviññāṇacitta**: Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm phát sinh do nương nhờ đối-tượng thanh, âm thanh, tiếp xúc với *sotavatthu* (nhĩ-tịnh-sắc):

* *Saddārammaṇa* và *sotapasāda* thuộc về **sắc-pháp**.

* *Sotaviññāṇacitta* thuộc về **danh-pháp**.

3- **Ghānaviññāṇacitta**: Ty-thức-tâm có 2 tâm phát sinh do nương nhờ đối-tượng hương, mùi hương tiếp xúc với *ghānavatthu* (ty-tịnh-sắc):

* *Gandhārammaṇa* và *ghānapasāda* thuộc về **sắc-pháp**.

* *Ghānaviññāṇacitta* thuộc về **danh-pháp**.

4- **Jivhāviññāṇacitta**: Thiệt-thức-tâm có 2 tâm phát sinh do nương nhờ đối-tượng vị, các vị tiếp xúc với *jivhāvatthu* (ty-tịnh-sắc):

* *Rasārammaṇa* và *jivhāpasāda* thuộc về **sắc-pháp**.

* *Jivhāviññāṇacitta* thuộc về **danh-pháp**.

5- **Kāyaviññāṇacitta**: Thân-thức-tâm có 2 tâm phát sinh do nương nhờ đối-tượng xúc, cứng mềm, nóng lạnh, tiếp xúc với *kāyavatthu* (thân-tịnh-sắc):

* *Phoṭṭhabbārammaṇa* và *kāyapasāda* thuộc về **sắc-pháp**.

* *Kāyaviññāṇacitta* thuộc về **danh-pháp**.

6- **Manoviññāṇacitta**: Ý-thức-tâm có 75 tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm không nương nhờ nơi *vatthurūpa*) phát sinh do nương nhờ đối-tượng pháp, tiếp xúc với *hadayavatthurūpa* (sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm).

* *Dhammārammaṇa* và *hadayavatthurūpa* thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp**.

* *Manoviññāṇacitta* thuộc về **danh-pháp**.

Giải giải

Tâm với tâm-sở nương nhờ nơi 6 *vatthurūpa*, phát sinh có 85 tâm⁽¹⁾ với 52 tâm-sở tùy theo mỗi tâm, cũng ví như mặt đất là nơi nương nhờ của tất cả các loài sinh vật có sự sống gồm có con người, các loài động vật, thực vật, cây cỏ, v.v... phát sinh và tăng trưởng, có sự sinh và sự diệt tùy theo nhân-duyên của mỗi vật.

Cũng như vậy, mỗi *tâm với tâm-sở* nương nhờ nơi 6 *vatthurūpa*, phát sinh tùy theo nhân-duyên của mỗi tâm.

Tâm nào hội đủ nhân-duyên thì tâm ấy phát sinh, nếu thiếu nhân-duyên thì tâm ấy không thể phát sinh được.

Những pháp làm nhân-duyên cho *tâm với tâm-sở* nương nhờ 6 *vatthurūpa* phát sinh có 3 *nhân-duyên* chính là:

1- *Atītakamma*: *Nghiệp quá-khứ*.

2- *Vatthurūpa*: *Sắc-pháp là nơi sinh của tâm, tâm-sở*.

3- *Ārammaṇa*: *Đôi-tượng*.

Nếu khi hội đủ 3 nhân-duyên này thì *tâm với tâm-sở* nương nhờ *vatthurūpa* ấy phát sinh.

Như vậy, 6 *vatthurūpa* này chỉ có đối với chúng-sinh trong cõi *pañcavokārabhūmi*, cõi chúng-sinh có ngũ-uẩn: *Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* mà thôi. Còn đối với chư Phạm-thiên ở trong cõi trời vô-sắc-giới, *catuvokārabhūmi*, chư Phạm-thiên này chỉ có tứ-uẩn: *Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* mà thôi, không có sắc-uẩn, nên không có 6 *vatthurūpa*.

Nhân-duyên chính để phát sinh *tâm với tâm-sở* nơi chư Phạm-thiên trong cõi trời vô-sắc-giới, chỉ có 2 *nhân-duyên* mà thôi là:

¹ Tâm gồm có $89-4=85$ tâm, trừ 4 *arūpavipākacitta*: vô-sắc-giới-quả-tâm, bởi vì chư Phạm-thiên ở trong cõi vô-sắc-giới chỉ có 4 uẩn, không có sắc-uẩn, nên không có 6 *vatthurūpa*.

1- *Atītakamma*: Nghiệp quá-khứ.

2- *Ārammaṇa*: Đối-tượng.

Nhân-duyên phát sinh mỗi tâm

Theo bộ *Abhidhammatthasaṅgaha*: *Vi-Diệu-Pháp-Yếu* Nghĩa giảng giải rằng:

* ***Cakkhuvīññānacitta***: Nhãn-thức-tâm với 7 tâm-sở phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Cakkhuvatthu* đó là cakkhupasāda (nhãn-tịnh-sắc) tốt (mắt không bị mù).

2- *Đối-tượng sắc (rūpārammaṇa)* hình dạng rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc.

3- *Ánh sáng đủ nhìn thấy.*

4- *Pañcadvāravajjanacitta*: Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận *đối-tượng sắc*.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *cakkhuvīññānacitta*: Nhãn-thức-tâm với 7 tâm-sở phát sinh làm *phận sự thấy đối-tượng sắc ấy*.

Nhãn-thức-tâm có 2 tâm:

- *Nhãn-thức-tâm* là *quả-tâm* của *bất-thiện-nghiệp*, nhìn thấy *đối-tượng sắc* xấu, không đáng hài lòng.

- *Nhãn-thức-tâm* là *quả-tâm* của *đại-thiện-nghiệp*, nhìn thấy *đối-tượng sắc* tốt, đáng hài lòng.

* ***Sotavīññānacitta***: Nhĩ-thức-tâm với 7 tâm-sở phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Sotavatthu* đó là sotapasāda (nhĩ-tịnh-sắc) tốt (tai không bị điếc).

2- *Đối-tượng âm thanh (saddārammaṇa)* âm thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc.

3- *Khoảng trống không gian không bị vật cản.*

4- *Pañcadvāravajjanacitta*: Ngũ-môn-hương-tâm tiếp nhận đối-tượng âm thanh.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *sota-viññāṇacitta*: Nhĩ-thức-tâm với 7 tâm-sở phát sinh làm phận sự nghe đối-tượng âm thanh ấy.

Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm:

- *Nhĩ-thức-tâm* là quả-tâm của bất-thiện-nghiệp, nghe đối-tượng âm thanh dở, không đáng hài lòng.

- *Nhĩ-thức-tâm* là quả-tâm của đại-thiện-nghiệp nghe đối-tượng âm thanh hay, đáng hài lòng.

* *Ghānaviññāṇacitta*: Tỷ-thức-tâm với 7 tâm-sở phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Ghānavatthu* đó là *ghānapasāda* (tỷ-tịnh-sắc) không bị bệnh.

2- *Đối-tượng hương* (*gandhārammaṇa*) mùi hương rõ ràng tiếp xúc với tỷ-tịnh-sắc.

3- *Phong đại* (gió) thổi đưa mùi hương đến mũi.

4- *Pañcadvāravajjanacitta*: Ngũ-môn-hương-tâm tiếp nhận đối-tượng hương.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *ghānaviññāṇacitta*: Tỷ-thức-tâm với 7 tâm-sở phát sinh làm phận sự ngửi đối-tượng hương ấy.

Tỷ-thức-tâm có 2 tâm:

- *Tỷ-thức-tâm* là tâm-quả của bất-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng hương hôi hám, không đáng hài lòng.

- *Tỷ-thức-tâm* là tâm-quả của đại-thiện-nghiệp, ngửi đối-tượng mùi hương thơm tho, đáng hài lòng.

* *Jivhāviññāṇacitta*: Thiệt-thức-tâm với 7 tâm-sở phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Jivhāvatthu* đó là *jivhāpasāda* (thiệt-tịnh-sắc) tốt.

2- *Đối-tượng vị (rasārammaṇa)* vị rõ ràng tiếp xúc với *thiệt-tĩnh-sắc*.

3- *Chất nước miếng*.

4- *Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hương-tâm* tiếp nhận *đối-tượng vị*.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *jivhāviññānacitta: Thiệt-thức-tâm* với 7 *tâm-sở* phát sinh làm phạm sự nếm *đối-tượng vị* ấy.

Thiệt-thức-tâm có 2 tâm:

- *Thiệt-thức-tâm* là *quả-tâm của bất-thiện-nghiệp*, nếm *đối-tượng vị* dở, không đáng hài lòng.

- *Thiệt-thức-tâm* là *quả-tâm của đại-thiện-nghiệp*, nếm *đối-tượng vị* ngon, đáng hài lòng.

* *Kāyaviññānacitta: Thân-thức-tâm* với 7 *tâm-sở* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

1- *Kāyavatthu* đó là *kāyapasāda (thân-tĩnh-sắc)* khỏe mạnh (không bị bại liệt).

2- *Đối-tượng xúc (phoṭṭhabbārammaṇa)* cứng mềm, nóng lạnh, căng phồng, rõ ràng tiếp xúc với *thân-tĩnh-sắc*.

3- *Địa đại cứng mềm, nóng lạnh, ...*

4- *Pañcadvāravajjanacitta: Ngũ-môn-hương-tâm* tiếp nhận *đối-tượng xúc*.

Nếu khi hội đầy đủ 4 nhân-duyên này thì *kāyaviññānacitta: Thân-thức-tâm* với 7 *tâm-sở* phát sinh làm phạm sự xúc giác *đối-tượng xúc* ấy.

Thân-thức-tâm có 2 tâm:

- *Thân-thức-tâm* là *quả-tâm của bất-thiện-nghiệp*, xúc giác *đối-tượng xúc* xấu, không đáng hài lòng.

- *Thân-thức-tâm* là *quả-tâm của đại-thiện-nghiệp*, xúc giác *đối-tượng xúc* tốt, đáng hài lòng.

* **Manoviññānacitta:** Ý-thức-tâm với số tâm-sở tùy theo mỗi ý-thức-tâm phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên:

1- *Hadayavatthu* đó là hadayarūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của manoviññāna: Ý-thức-tâm.

2- *Đối-tượng pháp (dhammārammaṇa)* là 1 pháp nào trong số *đối-tượng pháp (trừ chế-định-pháp)*, thật rõ ràng tiếp xúc với hadayavatthurūpa: Sắc-pháp là nơi sinh của manoviññāna: Ý-thức-tâm.

3- *Manodvāravajjanacitta:* Ý-môn-hướng-tâm tiếp nhận *đối-tượng pháp* ấy.

Nếu khi hội đầy đủ 3 nhân-duyên này thì *manoviññānacitta:* Ý-thức-tâm với số tâm-sở tùy theo mỗi ý-thức-tâm ấy phát sinh làm phạm sự biết *đối-tượng pháp* ấy.

Ý-thức-tâm có 75 tâm gồm có 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ ra 10 thức-tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

* **6 vatthurūpa** là nơi sinh của tâm với tâm-sở.

* **6 dvāra** là cửa để cho tâm với tâm-sở biết *đối-tượng* theo 6 lộ-trình-tâm.

Sắc-Pháp, Danh-Pháp

Đối-tượng thiên-tuệ đó là **sắc-pháp** (*rūpadhamma*), **danh-pháp** (*nāmadhamma*) thuộc về **chân-nghĩa-pháp**, không phải là **chế-định-pháp** (*paññattidhamma*).

1- Rūpadhamma: Sắc-pháp

Rūpadhamma: **Sắc-pháp** là pháp có trạng-thái bị huỷ hoại do nóng, lạnh, đói, khát, ... (*ruppanalakkhaṇam*).

Rūpadhamma: **Sắc-pháp** gồm có 28 sắc-pháp, phân chia ra 2 loại:

- *Mahābhūtarūpa*: *Sắc-tứ-đại* có 4 sắc-pháp là *sắc-địa-đại*, *sắc-thủy-đại*, *sắc-hoả-đại*, *sắc-phong-đại*.

- *Upādāyarūpa*: *Sắc-phụ-thuộc* vào *sắc-tứ-đại* có 24 sắc-pháp.

Trong thân thể của mỗi người bình thường không bị bệnh tật khiếm khuyết, có đầy đủ 27 sắc-pháp:

- Nếu là người nam thì trừ ra *sắc-nữ-tính*.
- Nếu là người nữ thì trừ ra *sắc-nam-tính*.
- Nếu người nào bị mất mù, bị tai điếc thì người ấy bị giảm số sắc-pháp theo bệnh tật ấy.

Phận sự của sắc-pháp

Rūpadhamma: *Sắc-pháp* có 2 phận sự:

1- **Sắc-pháp** có phận sự làm *đối-tượng* của *tâm với tâm-sở* hoặc là *đối-tượng* của **danh-pháp**. Sắc-pháp trong thân của chúng-sinh hoàn toàn không thể biết được *đối-tượng*, cũng không có cảm giác nào cả.

Sở dĩ, thân con người biết cảm giác nóng, lạnh, đói, khát, đau nhức, v.v... là do *tâm với tâm-sở* gọi là *danh-pháp*.

Nếu *thân* của con người không còn *tâm với tâm-sở* nương nhờ thì trở thành **tử thi** không biết cảm giác nóng, lạnh, đói, khát, đau nhức, v.v... nào nữa.

Thân của con người còn hơi thở vào, hơi thở ra, đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, v.v... gọi là **sắc-pháp phát sinh do tâm** (*cittajarūpa*) đều do **tâm** chủ động.

2- **Sắc-pháp** đó là 6 *vatthurūpa* trong thân con người có phận sự *tiếp xúc* với 6 *đối-tượng*, làm nơi nương nhờ để phát sinh *tâm với tâm-sở* hoặc **danh-pháp**.

Thật vậy, **mắt** đó là (*cakkhupasādarūpa*: *Nhãn-tịnh-sắc*) không thể nhìn thấy *đối-tượng* sắc, hình dạng nào cả, mà *nhãn-tịnh-sắc* tốt là nơi tiếp xúc của *đối-tượng* sắc, hình dạng, làm nơi nương nhờ để phát sinh *nhãn-*

thức-tâm. Chính **nhãn-thức-tâm** mới có khả năng làm phận sự *nhìn thấy đối-tượng sắc*, hình dạng ấy mà thôi.

Cũng như vậy, *nhĩ-tịnh-sắc, tỷ-tịnh-sắc, thiết-tịnh-sắc, thân-tịnh-sắc, hadayavatthurūpa sắc-pháp* là nơi sinh của *manoviññāṇa: Ý-thức-tâm*, chỉ là những nơi tiếp xúc của đối-tượng riêng biệt của mỗi *vatthurūpa* mà thôi.

2- Nāmadhamma: Danh-pháp

Nāmadhamma: Danh-pháp là pháp có trạng-thái hướng tâm biết đối-tượng (*nāmanalakkhaṇam*).

Nāmadhamma: Danh-pháp đó là **citta**: Tâm và *cetasika*: Tâm-sở.

- **Citta: Tâm** gồm có 89 hoặc 121 tâm.

- **Cetasika: Tâm-sở** gồm có 52 tâm-sở.

2.1- **Citta: Tâm** có trạng-thái biết đối-tượng (*ārammaṇam cintetī'ti cittaṃ*).

Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm, phân chia theo cõi giới.

- *Dục-giới-tâm* gồm có 54 tâm.

- *Sắc-giới-tâm* gồm có 15 tâm.

- *Vô-sắc-giới-tâm* gồm có 12 tâm.

- *Siêu-tam-giới-tâm* gồm có 8 hoặc 40 tâm.

* **Dục-giới-tâm** gồm có 54 tâm như sau:

- *Bất-thiện-tâm* có 12 tâm.

- *Vô-nhân-tâm* có 18 tâm.

- *Đại-thiện-tâm* có 8 tâm.

- *Đại-quả-tâm* có 8 tâm.

- *Đại-đuy-tác-tâm* có 8 tâm.

* **Sắc-giới-tâm** gồm có 15 tâm:

- *Sắc-giới-thiện-tâm* có 5 tâm.

- *Sắc-giới-quả-tâm* có 5 tâm.

- *Sắc-giới-đuy-tác-tâm* có 5 tâm.

* **Vô-sắc-giới-tâm** gồm có 12 tâm:

- Vô-sắc-giới-thiện-tâm có 4 tâm.
- Vô-sắc-giới-quả-tâm có 4 tâm.
- Vô-sắc-giới-duy-tác-tâm có 4 tâm.

* **Siêu-tam-giới tâm** gồm có 8 hoặc 40 tâm.

- Siêu-tam-giới-thiện-tâm đó là Thánh-đạo-tâm có 4 hoặc 20 tâm.
- Siêu-tam-giới-quả-tâm đó là Thánh-quả-tâm có 4 hoặc 20 tâm.

Đối-tượng thiền-tuệ chỉ có 81 tam-giới-tâm mà thôi, bởi vì tam-giới-tâm này thuộc về khổ Thánh-đế là pháp nên biết (*pariññeyyadhamma*). Còn 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm không phải đối-tượng thiền-tuệ, bởi vì không phải là pháp nên biết.

2.2- **Cetasika: Tâm-sở** luôn luôn nương nhờ nơi tâm, không thể tách rời khỏi tâm với 4 trạng-thái:

- **Đồng sinh với tâm** (*ekuppāda*), khi tâm nào sinh thì ắt có số tâm-sở đồng sinh với tâm ấy.

- **Đồng diệt với tâm** (*ekanirodha*), khi tâm nào diệt thì ắt có số tâm-sở đồng diệt với tâm ấy.

- **Đồng đối-tượng với tâm** (*ekālabana*), khi tâm nào biết đối-tượng nào thì ắt có số tâm-sở đồng biết đối-tượng ấy với tâm ấy.

- **Đồng vatthurūpa nơi sinh với tâm** (*ekavatthuka*), khi tâm nào nương nhờ *vatthurūpa* nào sinh thì ắt có số tâm-sở đồng nương nhờ *vatthurūpa* ấy sinh với tâm ấy.

Cetasika: Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở, được phân loại như sau⁽¹⁾:

¹ Tìm hiểu chi tiết trong quyển Vi-Diệu-Pháp Hiện Thực Trong Cuộc Sống.

- **Sabbacittasādharaṇacetāsika**: Đồng-sinh toàn-tâm tâm-sở, có 7 tâm-sở.

7 tâm-sở này đồng sinh với tất cả 89 hoặc 121 tâm.

- **Pakiṇṇakacetāsika**: Đồng-sinh tùy-tâm tâm-sở, có 6 tâm-sở.

6 tâm-sở này đồng sinh tùy theo tâm, rải rác trong một số tâm, trừ 10 thức-tâm (2 nhãn-thức-tâm, 2 nhĩ-thức-tâm, 2 tỷ-thức-tâm, 2 thiệt-thức-tâm, 2 thân-thức-tâm).

- **Akusalacetāsika**: Bất-thiện tâm-sở có 14 tâm-sở.

14 tâm-sở đồng sinh rải rác trong 12 bất-thiện-tâm.

- **Sobhaṇasādharaṇacetāsika**: Đồng-sinh toàn-tâm tịnh-hảo tâm-sở, có 19 tâm-sở.

19 tâm-sở này đồng sinh với tất cả 59 hoặc 91 tịnh-hảo-tâm.

- **Viratīcetāsika**: Chế-ngự-tâm-sở, có 3 tâm-sở.

3 tâm-sở này chỉ phát sinh riêng rẽ từng mỗi tâm-sở với 8 dục-giới thiện-tâm; nhưng 3 tâm-sở này chắc chắn đồng sinh cùng một lúc với 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm.

Như vậy, 3 chế-ngự-tâm-sở này đồng sinh với 16 hoặc 48 tâm.

- **Appamaññācetāsika**: Vô-lượng tâm-sở, có 2 tâm-sở.

2 tâm-sở này chỉ sinh riêng rẽ từng mỗi tâm-sở với 8 dục-giới thiện-tâm, 8 dục-giới duy-tác-tâm, 12 sắc-giới-tâm trừ ra 3 đệ ngũ thiền sắc-giới-tâm.

Như vậy, vô-lượng-tâm-sở đồng sinh với 28 tâm.

- **Paññindriyacetāsika**: Tuệ-chủ tâm-sở, có 1 tâm-sở.

Tuệ-chủ tâm-sở (trí-tuệ tâm-sở) đồng sinh với 4 dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 dục-giới quả-tâm hợp với trí-tuệ, 4 dục-giới duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 15 sắc-giới-tâm, 12 vô-sắc-giới-tâm, 8 hoặc 40 siêu-tam-giới tâm.

Như vậy, **tuệ-chủ tâm-sở** (*trí-tuệ tâm-sở*) này đồng sinh với 47 hoặc 79 *tâm*.

Phận sự của danh-pháp

Danh-pháp có 2 phận sự:

1- **Danh-pháp** làm phận sự *chủ thể* biết đối-tượng:

- **Nhãn-thức-tâm** nương nhờ *cakkhuvatthurūpa* làm phận sự nhìn thấy đối-tượng sắc, hình dạng.

- **Nhĩ-thức-tâm** nương nhờ *sotavatthurūpa* làm phận sự nghe đối-tượng thanh, các loại âm thanh.

- **Tỷ-thức-tâm** nương nhờ *ghānavatthurūpa* làm phận sự ngửi đối-tượng hương, các thứ mùi.

- **Thiệt-thức-tâm** nương nhờ *jivhāvatthurūpa* làm phận sự nếm đối-tượng vị, các thứ vị.

- **Thân-thức-tâm** nương nhờ *kāyavatthurūpa* làm phận sự xúc giác đối-tượng xúc, cứng mềm, nóng lạnh, ...

- **Ý-thức-tâm** nương nhờ *hadayavatthurūpa* làm phận sự biết các *đối-tượng pháp*: *Tâm, tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp*.

2- **Danh-pháp** làm phận sự *đối-tượng* của *pháp-hành thiên-tuệ*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ *đối-tượng danh-pháp* đúng theo *thật-tánh-pháp* thuộc về *chân-ngheĩa-pháp*.

Danh-pháp là *đối-tượng thiên-tuệ* đó là 81 *tam-giới-tâm, 52 tâm-sở*.

* **Niết-bàn** thuộc về *pháp-vô-vi (asaṅkhatadhamma)* không bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên: *Nghiệp, tâm, thời tiết, vật thực*; cũng thuộc về danh-pháp, nhưng thuộc loại *danh-pháp đặc biệt chỉ làm đối tượng của siêu-tam-giới-tâm mà thôi*.

Danh-pháp Niết-bàn chỉ là *đối-tượng siêu-tam-giới* của 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm* và 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* mà thôi.

Phân biệt sắc-pháp, danh-pháp theo vatthurūpa

Sắc-pháp và **danh-pháp** phát sinh do nương nhờ nơi mỗi *vatthurūpa* như sau:

1- **Cakkhuvatthurūpa**: Khi *đối-tượng rūpārammaṇa* (*đối-tượng sắc*) tiếp xúc với *cakkhuvatthurūpa* đó là *cakkhupasāda*, phát sinh tâm *cakkhaviññānacitta*: *Nhãn-thức-tâm*, có 2 tâm làm phận sự thấy *đối-tượng sắc*, hình dạng hiện-tại.

- *Cakkhuvatthurūpa* đó là *cakkhupasādarūpa* và *rūpārammaṇa* thuộc về **sắc-pháp**.

- *Cakkhaviññānacitta* thuộc về **danh-pháp**.

2- **Sotavatthurūpa**: Khi *đối-tượng saddārammaṇa* (*đối-tượng thanh*) tiếp xúc với *sotavatthurūpa* đó là *sotapasāda*, phát sinh tâm *sotaviññānacitta*: *Nhĩ-thức-tâm*, có 2 tâm làm phận sự nghe *đối-tượng thanh*, các âm thanh hiện-tại.

- *Sotavatthurūpa* đó là *sotapasādarūpa* và *saddārammaṇa* thuộc về **sắc-pháp**.

- *Sotaviññānacitta* thuộc về **danh-pháp**.

3- **Ghānavatthurūpa**: Khi *đối-tượng gandhārammaṇa* (*đối-tượng hương*) tiếp xúc với *ghānavatthurūpa* đó là *ghānapasāda*, phát sinh tâm *ghānaviññānacitta*: *Tỷ-thức-tâm*, có 2 tâm làm phận sự ngửi *đối-tượng hương*, các thứ hương hiện-tại.

- *Ghānavatthurūpa* đó là *ghānapasādarūpa* và *gandhārammaṇa* thuộc về **sắc-pháp**.

- *Ghānaviññānacitta* thuộc về **danh-pháp**.

4- **Jivhāvatthurūpa**: Khi *đối-tượng rasārammaṇa*

(*đối-tượng vị*) tiếp xúc với *jivhāvattthurūpa* đó là *jivhāpasāda*, phát sinh tâm *jivhāviññānacitta*: *Thiệt-thức-tâm*, có 2 tâm làm phạm sự nếm *đối-tượng vị*, các loại *vị* hiện-tại.

- *Jivhāvattthurūpa* đó là *jivhāpasādarūpa* và *rasārammaṇa* thuộc về **sắc-pháp**.

- *Jivhāviññānacitta* thuộc về **danh-pháp**.

5- **Kāyavattthurūpa**: Khi *đối-tượng phoṭṭhabbārammaṇa* (*đối-tượng xúc*) tiếp xúc với *kāyavattthurūpa* đó là *kāyapasāda*, phát sinh tâm *kāyaviññānacitta*: *Thân-thức-tâm*, có 2 tâm làm phạm sự xúc giác *đối-tượng xúc*, cứng mềm, nóng lạnh, căng phồng hiện-tại.

- *Kāyavattthurūpa* đó là *kāyapasādarūpa* và *phoṭṭhabbārammaṇa* thuộc về **sắc-pháp**.

- *Kāyaviññānacitta* thuộc về **danh-pháp**.

5- **Hadayavattthurūpa**: Khi *đối-tượng dhammārammaṇa* (*đối-tượng pháp*) tiếp xúc với *hadayavattthurūpa* phát sinh các tâm *manoviññānacitta*: *Ý-thức-tâm* gồm có 75 tâm (trừ ra 10 thức-tâm và 4 vô-sắc-giới-quả-tâm) làm phạm sự biết các *đối-tượng pháp* đó là *tâm*, *tâm-sở*, 5 *tịnh-sắc*, 16 *sắc vi-tế* trong 3 thời (*quá-khứ*, *hiện-tại*, *vị-lai*), *Niết-bàn* và *chế-định-pháp* ngoài 3 thời (*quá-khứ*, *hiện-tại*, *vị-lai*), bởi vì *Niết-bàn*, *chế-định-pháp* không có sự sinh, sự diệt.

- *Hadayavattthurūpa* và *rūpadhammārammaṇa* (*đối-tượng sắc-pháp*) thuộc về **sắc-pháp**.

- *Nāmadhammārammaṇa* (*đối-tượng danh-pháp*) đó là *tâm*, *tâm-sở* thuộc về **danh-pháp**.

- *Niết-bàn* thuộc về **danh-pháp đặc biệt** là *đối-tượng siêu-tam-giới* của 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới tâm*.

- *Chế-định-pháp* không thuộc về **sắc-pháp** và **danh-pháp** nào cả.

- *Manoviññānacitta* có 75 tâm thuộc về **danh-pháp**.

Nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, danh-pháp

Mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp phát sinh do hội đủ nhân-duyên, nếu thiếu nhân-duyên nào thì sắc-pháp, danh-pháp không thể phát sinh được.

Nhân-duyên phát sinh danh-pháp

Nhân-duyên phát sinh *danh-pháp* đối với các chúng-sinh trong tam-giới có sự khác nhau như sau:

* **Danh-pháp** đối với các chúng-sinh ở trong 11 cõi dục-giới (4 cõi ác-giới, cõi người, 6 cõi trời-dục-giới), những chúng-sinh có đầy đủ ngũ-uẩn, *danh-pháp (tâm với tâm-sở)* phát sinh cần phải nương nhờ nơi 3 pháp:

1- *Atītakamma*: Nghiệp quá-khứ, đó là ác-nghiệp hoặc dục-giới thiện-nghiệp quá-khứ.

2- *Vatthurūpa*: Nơi phát sinh tâm với tâm-sở, có 6 loại (*Cakkhuvatthurūpa, Sotavatthurūpa, Ghānavatthurūpa, Jivhāvatthurūpa, Kāyavatthurūpa, Hadayavatthurūpa*).

3- *Ārammaṇa*: Đối-tượng, đó là 6 đối-tượng (đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng hương, đối-tượng vị, đối-tượng xúc, đối-tượng pháp).

* **Danh-pháp** đối với các chư phạm-thiên ở trong 15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tướng-thiên), chư phạm-thiên có đủ ngũ-uẩn, *danh-pháp (tâm với tâm-sở)* phát sinh cần phải nương nhờ nơi 3 pháp:

1- *Atītakamma*: Nghiệp quá-khứ, đó là sắc-giới thiện-nghiệp quá-khứ.

2- *Vatthurūpa*: Nơi phát sinh tâm với tâm-sở, chỉ sử dụng 3 loại (*Cakkhuvatthurūpa, Sotavatthurūpa, Hadayavatthurūpa*).⁽¹⁾

¹ Mất để nhìn Đức-Phật, tai để nghe chánh-pháp của Đức-Phật, tâm để hiểu biết, còn các vatthurūpa khác không sử dụng.

3- *Ārammaṇa*: *Đối-tượng*, chỉ có 3 *đối-tượng* (*đối-tượng sắc, đối-tượng thanh, đối-tượng pháp*) mà thôi.

* **Danh-pháp** đối với các chư phạm-thiên ở trong 4 tầng trời vô-sắc-giới, chư phạm-thiên này chỉ có 4 *uẩn* là *thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* mà thôi, không có *sắc-uẩn*, nên *danh-pháp* (*tâm với tâm-sở*) phát sinh chỉ cần phải nương nhờ nơi 2 pháp mà thôi:

1- *Atītakamma*: *Nghiệp quá-khứ*, đó là vô-sắc-giới *thiện-nghiệp quá-khứ*.

2- *Ārammaṇa*: *Đối-tượng* chỉ có 1 *đối-tượng pháp*.

Danh-pháp phát sinh do nương nhờ sắc-pháp

Danh-pháp đó là *tâm với tâm-sở* phát sinh do nương nhờ nơi *sắc-pháp* đó là nương nhờ nơi *ārammaṇa*: *Đối-tượng* và *vatthurūpa*: *Nơi phát sinh tâm với tâm-sở*.

Ví dụ: *Cakkhuvīññānacitta*: *Nhãn-thức-tâm* phát sinh do nương nhờ nơi *rūpārammaṇa*: *Đối-tượng sắc* tiếp xúc với mắt *cakkhupasādarūpa*: *Nhãn-tịnh-sắc*.

Khi đối-tượng sắc tiếp xúc với *nhãn-tịnh-sắc*, do sự tiếp xúc ấy, nên phát sinh *nhãn-thức-tâm* làm phận sự thấy *đối-tượng sắc* ấy.

Cũng ví như “*tiếng chuông*” phát sinh do cái dùi chuông đánh đụng vào cái chuông.

Thật ra, trong dùi chuông không có tiếng chuông, và trong cái chuông cũng không có tiếng chuông. Sở dĩ, tiếng chuông phát sinh là do dùi chuông đụng vào cái chuông.

Cũng như vậy, khi *đối-tượng sắc, hình dạng* tiếp xúc với *nhãn-tịnh-sắc*, do nhờ nhân-duyên tiếp xúc ấy, nên phát sinh *nhãn-thức-tâm* là *tâm* phát sinh do nương nhờ *nhãn-tịnh-sắc*, nên gọi là *nhãn-thức-tâm* làm phận sự thấy *đối-tượng sắc* ấy.

Nếu chỉ có riêng **mắt** (*nhãn-tịnh-sắc*) thì không thể nhìn thấy đối-tượng sắc được, và nếu chỉ có riêng **tâm** cũng không thể nhìn thấy đối-tượng sắc được.

Thật vậy, khi **mở mắt** mà **tâm** chăm chú đăm chiêu suy nghĩ sâu sắc về điều gì thuộc nội tâm, dù **mở mắt** vẫn không thấy rõ hình ảnh gì trước mắt; hoặc chỉ có **tâm** cũng không thể thấy được đối-tượng sắc, như khi **nhắm mắt**, **bịt mắt**, dù **tâm** muốn thấy hình ảnh gì cũng không thể thấy được, bởi vì, cả 2 trường hợp này không hội đủ nhân-duyên để phát sinh *nhãn-thức-tâm*, nên không thể thấy *đối-tượng sắc* được.

Để *thấy đối-tượng sắc, hình dạng*, thì chỉ có **tâm** phát sinh do nương nhờ nơi **mắt** (*nhãn-tịnh-sắc*) mà thôi, **tâm** ấy gọi là **nhãn-thức-tâm** làm phận sự *thấy đối-tượng sắc* ấy.

Vì vậy, **mắt** không thể thấy đối-tượng sắc, và **tâm** cũng không thể thấy đối-tượng sắc được, mà chỉ có **nhãn-thức-tâm** là **tâm** phát sinh do nương nhờ nơi *nhãn-tịnh-sắc*, làm phận sự *thấy đối-tượng sắc, hình dạng* mà thôi.

Ngoài *nhãn-thức-tâm* ra, người nam, người nữ, chúng-sinh, v.v... không có khả năng *thấy đối-tượng sắc, hình dạng* được.

Nhãn-thức-tâm có 2 tâm, ngoài 2 tâm này ra, không có tâm nào khác có khả năng *làm phận sự thấy đối-tượng sắc* được.

Tương tự như vậy, nếu chỉ có riêng **tai** (*nhĩ-tịnh-sắc*) thì không thể nghe *đối-tượng thanh, âm thanh* được, và nếu chỉ có riêng **tâm** cũng không thể nghe *đối-tượng thanh âm thanh* được.

Thật vậy, khi nằm ngủ say, **tai** không nghe biết được âm thanh nào, hoặc chỉ có **tâm** cũng không thể nghe

được âm thanh, như khi bịt kín 2 tai lại, dù tâm muốn nghe âm thanh gì cũng không thể nghe được, bởi vì, cả 2 trường hợp này không hội đủ nhân-duyên để phát sinh *nhĩ-thức-tâm*, nên không thể nghe *đối-tượng thanh* được.

Để nghe *đối-tượng thanh*, âm thanh thì chỉ có **tâm** phát sinh do nương nhờ nơi *tai* (*nhĩ-tịnh-sắc*) mà thôi, *tâm* ấy gọi là **nhĩ-thức-tâm** làm phạm sự nghe *đối-tượng thanh* ấy.

Vì vậy, *tai* không thể nghe *đối-tượng thanh*, và *tâm* cũng không thể nghe *đối-tượng thanh* được, mà chỉ có **nhĩ-thức-tâm** làm phạm sự nghe *đối-tượng thanh*, âm thanh mà thôi.

Ngoài *nhĩ-thức-tâm* ra, người nam, người nữ, chúng-sinh,... không thể nghe *đối-tượng thanh*, âm thanh được.

Nhĩ-thức-tâm có 2 tâm, ngoài 2 tâm này ra, không có tâm nào khác có thể làm phạm sự nghe *đối-tượng thanh*, âm thanh được.

Người ta nói “*mắt thấy, tai nghe,...*” nhưng sự thật, *mắt không thể thấy, tai không thể nghe, hoặc ta không thể thấy, ta không thể nghe, người không thể thấy, người không thể nghe, v.v...* mà nên hiểu biết đúng *thật-tánh của chân-nghĩa-pháp*, chỉ có **nhãn-thức-tâm** làm phạm sự *thấy đối-tượng sắc, hình dạng*, **nhĩ-thức-tâm** làm phạm sự nghe *đối-tượng thanh, âm thanh* mà thôi.

Tương tự như vậy, 2 *tỷ-thức-tâm*, 2 *thiệt-thức-tâm*, 2 *thân-thức-tâm*, 75 *ý-thức-tâm* đều làm phạm sự theo khả năng của mỗi tâm.

Sắc-pháp phát sinh do nương nhờ danh-pháp

Sắc-pháp trong thân thể của mỗi chúng-sinh phát sinh do nương nhờ nơi *danh-pháp (tâm)*. Ví dụ:

Iriyāpathapabba: Tứ-oai-nghi

Trong kinh *Đại-Niệm-Xứ Mahāsatipaṭṭhānasutta*,⁽¹⁾ phần **Iriyāpathapabba**: *Phần tứ-oai-nghi*: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm, và **Samajāna-pabba** các **oai-nghi phụ** như bước tới, bước lui, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân, duỗi tay, duỗi chân, v.v... đều là những sắc-pháp phát sinh do tâm (danh-pháp), gọi là (cittajarūpa).

Nhân-duyên phát sinh 4 oai-nghi

Trong Chú-giải bài kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta, phần Iriyāpathapabba giảng giải về nhân-duyên phát sinh 4 oai-nghi như sau:

4 oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

1- "**Oai-nghi đi**" gọi là "*thân đi*" hoặc "*sắc-đi*" là sắc-pháp phát sinh do tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân-duyên như sau:

- Tâm nghĩ "đi".
- Do tâm nghĩ đi làm cho phát sinh *chất gió*.
- *Chất gió* phát sinh do tâm ấy làm cho *toàn thân cử động*.
- *Toàn thân di chuyển bước đi* từng bước do năng lực của *chất gió* phát sinh do tâm ấy (*cittakiriyavāyodhātu-vipphārena sakalakāyassa purato abhinīhāro gamanan'ti vuccati*).

Do đó, gọi là "*thân đi*" hoặc "*sắc-đi*" là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa).

2- "**Oai-nghi đứng**" gọi là "*thân đứng*" hoặc "*sắc-đứng*" là sắc-pháp phát sinh do tâm, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân-duyên như sau:

¹ Bộ Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā.

- Tâm nghĩ “*đứng*”.
- Do tâm nghĩ đứng làm cho phát sinh *chất gió*.
- *Chất gió* phát sinh do tâm ấy làm cho *toàn thân cử động*.
- *Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên một chỗ* theo mỗi dáng đứng, tư thế đứng yên, do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Do đó, gọi là “*thân đứng*” hoặc “*sắc-đứng*” là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

3- “*Oai-nghi ngồi*” gọi là “*thân ngồi*” hoặc “*sắc-ngồi*” là *sắc-pháp phát sinh do tâm*, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân-duyên như sau:

- Tâm nghĩ “*ngồi*”.
- Do tâm nghĩ ngồi làm cho phát sinh *chất gió*.
- *Chất gió* phát sinh do tâm ấy làm cho *toàn thân cử động*.
- *Toàn thân ngồi*: Thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co theo mỗi dáng ngồi, tư thế ngồi yên, do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Do đó, gọi là “*thân ngồi*” hoặc “*sắc-ngồi*” là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

4- “*Oai-nghi nằm*” gọi là “*thân nằm*” hoặc “*sắc-nằm*” là *sắc-pháp phát sinh do tâm*, qua quá trình diễn biến liên tục do nhiều nhân-duyên như sau:

- Tâm nghĩ “*nằm*”.
- Do tâm nghĩ nằm làm cho phát sinh *chất gió*.
- *Chất gió* phát sinh do tâm ấy làm cho *toàn thân cử động*.
- *Toàn thân nằm ngang* theo mỗi dáng nằm, mỗi tư thế nằm yên, do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Do đó, gọi là “*thân nằm*” hoặc “*sắc-nằm*” là *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*.

Nếu trường hợp thiếu nhân-duyên nào thì *sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm* không thể phát sinh được. Ví

như người bị bại liệt, dù **tâm** muốn đi, muốn đứng, muốn ngồi, muốn nằm, v.v... với tư thế này hoặc tư thế kia cũng không thể đi, đứng, ngồi, nằm, v.v... theo ý muốn của mình được, bởi vì *chất gió phát sinh do tâm không đủ năng lực làm cho toàn thân đất, nước nặng nề cử động theo ý của họ được.*

Sở dĩ con người bình thường khỏe mạnh đi, đứng, ngồi, nằm, v.v... cử động được dễ dàng là do nhờ **năng lực của chất gió phát sinh do tâm** có khả năng điều hoà được tứ đại, đất, nước, lửa, gió trong thân thể của họ.

Đức Phật dạy: “**Thân**” này ví như một **chiếc xe**, “**tâm**” này ví như **người lái xe**.

Chiếc xe chạy mau, chạy chậm, rẽ trái, rẽ phải, ngừng lại, v.v... đều do **người lái xe** điều khiển.

Cũng như vậy, **thân** này đi, đứng, ngồi, nằm, bước tới, bước lui, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... đều do **tâm** điều khiển.

Vì vậy, gọi là **sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)**.

Sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm, v.v... được phát sinh do nhiều nhân-duyên, nên là **pháp-vô-ngã**.

Vai trò quan trọng của danh-pháp, sắc-pháp

Sắc-pháp, danh-pháp thuộc về **chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)** có vai trò tối ưu quan trọng trong **pháp-hành thiên-tuệ**, bởi vì **sắc-pháp, danh-pháp** là **đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ**.

Thật vậy, **pháp-hành thiên-tuệ** có 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ, mà trí-tuệ đầu tiên gọi là **nāmarūpapariccheda-ñāna: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân tích rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp là pháp-vô-ngã, không phải**

ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh này, chúng-sinh kia, vật này, vật kia, v.v... mà chỉ là **sắc-pháp, danh-pháp** mà thôi.

Những *trí-tuệ thiên-tuệ* tiếp theo cũng đều có **sắc-pháp, danh-pháp** làm đối-tượng, để **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của **sắc-pháp, của danh-pháp**; thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của **sắc-pháp, của danh-pháp**; *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **tội chướng** của **sắc-pháp, của danh-pháp**; *trí-tuệ thiên-tuệ* nhằm **chán sắc-pháp, danh-pháp**; *trí-tuệ thiên-tuệ* muốn **giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp**, v.v...

Cho đến *trí-tuệ thiên-tuệ* thứ 12 gọi là **saccā-nulomañña** có khả năng buông bỏ được **đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới** tiếp đến *trí-tuệ thiên-tuệ* thứ 13 gọi là **gotrabhuñña** tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, tiếp theo *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* thứ 14 và 15 gọi là **Maggañña** và **Phalañña** đều có **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**.

Vì vậy, **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** có vai trò tối ư quan trọng trong **pháp-hành thiên-tuệ**.

Cho nên, hành-giả có ý nguyện muốn **thực-hành pháp-hành thiên-tuệ**, điều trước tiên cần phải học hỏi, hiểu biết rõ ràng, phân biệt rõ về **mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp** như thế nào thuộc về **chế-định-pháp (paññattidhamma)** và như thế nào thuộc về **chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)**. Đó là điều tối ư quan trọng trước tiên của hành-giả có ý nguyện muốn **thực-hành pháp-hành thiên-tuệ**, để mong **giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi** trong ba giới bốn loài.

Ví dụ như người đọc sách, điều quan trọng là có chữ để đọc, người đọc cần phải học hỏi hiểu biết mỗi phụ

âm, mỗi nguyên âm, biết cách ráp vần thành chữ để đọc, rồi hiểu biết rõ ý nghĩa từng chữ, từng câu, mới hiểu biết từng đoạn, hiểu được giá trị quyền sách ấy.

Cũng như vậy, hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi, hiểu biết rõ ràng rẽ, phân biệt rõ về *mỗi sắc-pháp*, *mỗi danh-pháp* như thế nào thuộc về *chế-định-pháp* (*paññattidhamma*) và như thế nào thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), bởi vì tất cả *mọi sắc-pháp*, *mọi danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) mới là *đối-tượng* của *pháp-hành thiền-tuệ*.

Đó là điều tối ưu quan trọng trước tiên đối với hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Phiền-não nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp

Tất cả mọi phiền-não nhất là *tà-kiến* (*ditṭhi*), *tham-ái* (*taṇhā*), *ngã-mạn* (*māna*) đều nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp mà phát sinh.

1- Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp

Trong đời này, một số người không gần gũi thân cận với chư bậc thiện-trí trong Phật-giáo, *không có cơ hội nghe chánh-pháp, không học hỏi hiểu biết về chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), *không hiểu biết về môn Abhidhamma: Vi-diệu-pháp*, nên không hiểu biết về *sắc-pháp, danh-pháp, không thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, không thấy rõ, biết rõ thật-tánh* của *sắc-pháp, của danh-pháp* là *pháp-vô-ngã*.

Tà-kiến đó là *tà-kiến tâm-sở* (*ditṭhīcetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm* hợp với *tà-kiến* (*ditṭhigatasampayuttam*) thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-pháp*, nơi *danh-pháp* cho là *ta*, là *ngã*.

* *Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi danh-pháp, nơi sắc-pháp* cho là *ta*, là *ngã* như sau:

- Nếu khi *nhãn-thức-tâm* thấy *đối-tượng sắc*, hình dạng thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể “nhãn-thức-tâm”* cho là *“ta thấy”* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi đối-tượng sắc* ấy cho là *“người này, hoặc người kia, hoặc chúng-sinh, hoặc vật này hoặc vật kia, ...”*

- Nếu khi *nhĩ-thức-tâm* nghe *đối-tượng thanh*, âm thanh thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể “nhĩ-thức-tâm”* cho là *“ta nghe”* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi đối-tượng âm thanh* ấy cho là *“tiếng nói người nam, hoặc tiếng nói người nữ, hoặc tiếng Việt, hoặc tiếng Anh, tiếng Pháp, ...”*

- Nếu khi *tỷ-thức-tâm* ngửi *đối-tượng hương*, các loại mùi thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể “tỷ-thức-tâm”* cho là *“ta ngửi”* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi đối-tượng hương* ấy cho là *“mùi thơm nước hoa, hoặc mùi hôi tử thi, ...”*

- Nếu khi *thiệt-thức-tâm* nếm *đối-tượng vị*, các thứ vị thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể “thiệt-thức-tâm”* cho là *“ta nếm”* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi đối-tượng vị* ấy cho là *“vị ngọt của đường, hoặc vị chua của chanh, ...”*

- Nếu khi *thân-thức-tâm* tiếp xúc với *đối-tượng xúc*, cứng mềm, nóng lạnh, ... thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể “thân-thức-tâm”* cho là *“ta xúc giác”* và *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi đối-tượng xúc* ấy cho là *“sắt cứng, vải mềm, hoặc trời nóng, trời lạnh, ...”*

- Nếu khi *ý-thức-tâm* biết *đối-tượng sắc-pháp*, thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể “ý-thức-tâm”* cho là *“ta biết đối-tượng ấy”*.

- Nếu khi **y-thức-tâm** biết *đối-tượng danh-pháp* thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi chủ thể “y-thức-tâm” cho là “ta biết các điều ấy”*.

- Nếu có **“tham-tâm”** phát sinh thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi tham-tâm ấy cho là “ta tham”, ...*

- Nếu có **“sân-tâm”** phát sinh thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sân-tâm ấy cho là “ta sân”, ...*

- Nếu có **“tâm-sở phóng-tâm”** phát sinh thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi phóng-tâm tâm-sở ấy cho là “ta phóng tâm”, v.v...*

* *Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp cho là ta, là ngã như sau:*

- Nếu khi **thân đi** hoặc **sắc-đi** thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-đi ấy cho là “ta đi”*.

- Nếu khi **thân đứng** hoặc **sắc-đứng** thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-đứng ấy cho là “ta đứng”*.

- Nếu khi **thân ngồi** hoặc **sắc-ngồi** thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-ngồi ấy cho là “ta ngồi”*.

- Nếu khi **thân nằm** hoặc **sắc-nằm** thì *tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-nằm ấy cho là “ta nằm” v.v...*

Như vậy, có rất nhiều **“cái ta”**.

Ta có thật hay không ?

Đức Phật dạy rằng:

“*Sabbe dhammā anattā...*”

Tất cả các pháp-hữu-vi, các pháp-vô-vi đều là pháp-vô-ngã.

- *Pháp-hữu-vi* đó là *sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự tánh (dhātu), v.v...* là **pháp-vô-ngã**.

- *Pháp-vô-vi* đó là *Niết-bàn* gồm cả *chế-định-pháp* cũng là **pháp-vô-ngã**.

Thật vậy, Đức-Phật dạy:

“*Aniccā sbbe saṅkhārā, dukkhānattā ca saṅkhatā.
Nibbānañceva paññatti, anattā iti nicchayā.*”⁽¹⁾

Tất cả các pháp-hữu-vi,
Là sắc-pháp, danh-pháp,
Đều có đủ ba trạng-thái,
Vô-thường, khổ, vô-ngã.
Niết-bàn và chế-định-pháp,
Đều thuộc về pháp-vô-ngã.

Sắc-pháp, danh-pháp là pháp-vô-ngã, không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, không phải ai cả,...

Nếu có cái ta thật, có cái ngã thật thì cái ta nào, cái ngã nào gọi là ta thật sự ?

Đúng theo thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, cho nên không có **cái ngã**, không có **cái ta thật sự**.

Nếu không có **cái ta thật**, không có **cái ngã thật** thì cũng không có phương pháp **diệt ngã** được!

Vậy, gọi là “**cái ngã, cái ta**” do đâu mà có?

Sở dĩ có sự chấp thủ cho là “**ta**” là “**ngã**”, là vì có **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp cho là “**ngã**” là “**ta**”.

Như vậy, **tà-kiến** có thật sự.

Trong bộ *Abhidhammatthasaṅgaha: Bộ Vi-diệu-pháp-yếu-nghĩa*, chương 1 *Cittasaṅgaha* và chương 2 *Cetasikaṅgaha* trình bày phần **bất-thiện-tâm** và phần **bất-thiện-tâm-sở** giảng giải như sau:

Tà-kiến (*diṭṭhi*) đó là **tà-kiến tâm-sở** (*diṭṭhīcetasika*)

¹ Vinayapīṭakapāli, Parivārapāli, Samuttāhanāsīsasāṅkhepa, ...

đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* (*diṭṭhigatasam-payuttacitta*) thấy sai, chấp làm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp cho là *ta*, là *ngã*, v.v...

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ***thật-tánh*** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là ***pháp-vô-ngã***, trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp, trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ biết rõ **3 *trạng-thái-chung***: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, chính Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* có khả năng diệt tận (*samucchadappahāna*) được 2 loại phiền-não là *tà-kiến* (*diṭṭhi*) và *hoài-nghi* (*vicikicchā*) không còn dư sót.

Như vậy, ***Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ*** có khả năng diệt tận được ***tà-kiến tâm-sở*** đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* và ***hoài-nghi tâm-sở*** đồng sinh với 1 *si-tâm hợp* với *hoài-nghi*. *Bậc Thánh-Nhập-lưu* đã diệt tận được 5 *bất-thiện-tâm* này không còn dư sót. Chỉ còn lại 7 *bất-thiện-tâm* chưa diệt được.

Cho nên ***bậc Thánh Nhập-lưu*** vĩnh viễn không còn thấy sai, chấp làm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp cho là “*ngã*” là “*ta*”, là người, người nam, người nữ, chúng-sinh nào nữa.

2- *Tham-ái nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp*

Tham-ái (taṇhā) đó là *tham-tâm-sở* (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 8 *tham-tâm* (*lobhacitta*) nương nhờ nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp mà phát sinh.

Tham-tâm-sở đồng sinh với 8 *tham-tâm* (*lobhacitta*) chắc chắn có ***si-tâm-sở*** (*mohacetāsika*) nên không biết

chân-lý *tứ Thánh-đế*: *Khổ Thánh-đế, nhân sinh khổ Thánh-đế, diệt khổ Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế*; không biết *thật-tánh* của sắc-pháp, của danh-pháp; không biết *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, của danh-pháp; không biết 3 *trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp; không biết *sắc-pháp, danh-pháp* chỉ có ***khổ thật sự*** mà thôi.

Vì vậy, ***tham-ái*** hài lòng, thoả thích, say mê trong *sắc-pháp, danh-pháp*, bởi cho là *tốt đẹp, đem lại sự lợi ích, sự an-lạc*.

Sở dĩ ***tham-ái*** say mê trong *sắc-pháp, danh-pháp* cho là tốt đẹp, đem lại sự lợi ích, sự an-lạc, là vì không có *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp là khổ đế*; không có *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp*.

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* khi chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* mới có khả năng diệt tận được ***tâm tham-ái*** không còn dư sót nữa.

Như vậy, chỉ có ***bậc Thánh A-ra-hán*** mới không còn ***tâm tham-ái*** mà thôi.

3- Ngã-mạn nương nhờ nơi sắc-pháp, danh-pháp

Ngã-mạn (māna) đó là *ngã-mạn tâm-sở (māna-cetasika)* đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp với tà-kiến (diṭṭhigatavippayutta)*. *Ngã-mạn tâm-sở* nương nhờ sắc-pháp, danh-pháp mà phát sinh tự cho là: “*Ta hơn người, ta bằng người, ta kém thua người*”.

Sở dĩ ***tâm ngã-mạn*** tự cho là “*ta hơn người, ta bằng người, ta kém thua người*” là vì không có *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-*

pháp là vô-thường; không có *tri-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, của danh-pháp; không có *tri-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp.

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* khi chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* mới có khả năng diệt tận được *tâm ngã-mạn* không còn dư sót nữa.

Như vậy, chỉ có *bậc Thánh A-ra-hán* mới không còn *tâm ngã-mạn* mà thôi.

Tà-kiến thấy sai tự làm khổ mình, khổ người

Tà-kiến thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng: “*Ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v...*” nên *tham-ái* phát sinh, *tâm ngã-mạn* phát sinh, và các tâm phiền-não khác cũng có cơ hội phát sinh, tự làm khổ mình, làm khổ người, làm khổ mình khổ người.

Ví dụ: *Ban đêm, một người đi đường nhìn thấy lò mớ sợi dây ngoằn ngoèo giống như con rắn nằm giữa đường, người ấy nhìn thấy sợi dây ấy, thấy sai, chấp lầm, tưởng lầm cho là “con rắn độc”* nên phát sinh tâm sợ hãi tự làm khổ mình, lại còn nói cho người khác nghe, làm cho người khác khổ nữa.

Cũng như vậy trong đời này, số người là người si-mê bị *vô-minh* che phủ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, có *tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp cho là “*ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v...*”. Vì vậy, mọi phiền-não có cơ hội phát sinh tự làm khổ mình, làm khổ người, làm khổ mình khổ người không chỉ trong kiếp hiện-tại mà còn nhiều kiếp vị-lai nữa.

Chánh-kiến-thiên-tuệ không làm khổ mình, khổ người

Trong đời này, số người thường được gần gũi thân cận với *bậc Thánh-nhân, bậc thiện-trí* trong Phật-giáo, thường được lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, được học hỏi hiểu biết về môn học *abhidhamma; vi-diệu-pháp*, hiểu biết *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*, có cơ hội *thực-hành pháp-hành thiên-tuệ*, phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của *sắc-pháp, của danh-pháp*, có **chánh-kiến thiên-tuệ** thấy đúng, biết đúng *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp* là:

- *Danh-pháp chỉ là danh-pháp.*
- *Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp.*
- *Danh-pháp nương nhờ sắc-pháp.*
- *Sắc-pháp nương nhờ danh-pháp.*
- *Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, không phải vật này, vật kia, v.v... Tất cả các pháp đều là **pháp-vô-ngã**.*

Bậc Thánh-thanh-văn có *chánh-kiến-thiên-tuệ* diệt tận được *tà-kiến theo chấp ngã (attānudiṭṭhi)* đồng thời diệt được *mọi tà-kiến khác*, nên không bao giờ tự làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình khổ người nữa.

Ví dụ: *Ban đêm, một người đi đường, có người nói cho biết có sợi dây ngoằn ngoèo nằm giữa đường, người ấy tay cầm đèn chiếu ánh sáng, nhìn thấy sợi dây ấy chỉ là sợi dây, không hề phát sinh tâm sợ hãi, nên không tự làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình khổ người.*

Cũng như vậy trong đời này, bậc Thánh Thanh-văn có

chánh-kiến thiên-tuệ thấy đúng, biết đúng thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp là:

- *Danh-pháp chỉ là danh-pháp.*
- *Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp.*
- *Danh-pháp nương nhờ sắc-pháp.*
- *Sắc-pháp nương nhờ danh-pháp.*
- *Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, nên không bao giờ tự làm khổ mình, không làm khổ người, không làm khổ mình khổ người nữa.*

Sắc-pháp, danh-pháp làm đối-tượng thiên-tuệ

Sắc-pháp, danh-pháp thuộc về *chân-nghĩa-pháp* sinh rồi diệt liên tục không ngừng, nên có 3 thời: *Quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.*

- *Sắc-pháp, danh-pháp đã diệt rồi, thuộc về quá-khứ.*
- *Sắc-pháp, danh-pháp đang sinh, thuộc về hiện-tại.*
- *Sắc-pháp, danh-pháp chưa sinh, thuộc về vị-lai.*

Sắc-pháp, danh-pháp thuộc về thời nào làm đối-tượng thiên-tuệ?

- **Sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ** đã sinh rồi đã diệt, nên không thể sử dụng làm đối-tượng thiên-tuệ được, bởi vì *tri-tuệ thiên-tuệ* không thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp *quá-khứ* ấy, và *tri-tuệ thiên-tuệ* cũng không thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp quá khứ ấy được.

Vì vậy, *sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ* không trực tiếp làm đối-tượng thiên-tuệ.

- **Sắc-pháp, danh-pháp vị-lai** chưa sinh, chưa diệt, nên không thể sử dụng làm đối-tượng thiên-tuệ được, bởi vì *tri-tuệ thiên-tuệ* không thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự**

diệt của sắc-pháp, của danh-pháp *vi-lai* ấy, và *trí-tuệ thiền-tuệ* cũng không thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp *vi-lai* ấy được.

Vì vậy, *sắc-pháp, danh-pháp vi-lai* cũng không trực tiếp làm đối-tượng thiền-tuệ.

- **Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại** đang sinh, đang diệt, nên có thể sử dụng làm *đối-tượng thiền-tuệ* được, bởi vì *trí-tuệ thiền-tuệ* có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp *hiện-tại* ấy, và *trí-tuệ thiền-tuệ* cũng có khả năng thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp *hiện-tại* ấy được.

Vì vậy, chỉ có **sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại** trực tiếp làm đối-tượng thiền-tuệ mà thôi.

Dĩ nhiên, khi *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại** có **sự sinh, sự diệt**, thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã**, thì *trí-tuệ thiền-tuệ* cũng có khả năng thấu triệt, thấu suốt được **sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ** cũng đã có **sự sinh, sự diệt**, cũng đã có **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã**, cũng như **sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại** này.

Và *trí-tuệ thiền-tuệ* cũng có khả năng thấu triệt, thấu suốt được **sắc-pháp, danh-pháp vi-lai** cũng sẽ có **sự sinh, sự diệt**, cũng sẽ có **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã**, cũng như **sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại** này.

Sắc-pháp, danh-pháp là *pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma)* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mới có **sự sinh, sự diệt**, nên **sắc-pháp, danh-pháp** có 3 thời:

- **Sắc-pháp, danh-pháp đã diệt** thuộc về *quá-khứ*.

- *Sắc-pháp, danh-pháp đang sinh rồi diệt thuộc về hiện-tại.*
- *Sắc-pháp, danh-pháp chưa sinh thuộc về vị-lai.*

Niết-bàn (*Nibbāna*) là *pháp-vô-vi* (*asaṅkhatadhamma*) tuy cũng thuộc về *chân-nghĩa-pháp* nhưng không có **sự sinh, sự diệt** thuộc về *kālavimutti*: *Niết-bàn ngoài 3 thời, không có quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.* Và *chế-định-pháp* cũng thuộc về ngoài 3 thời, không có quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.

Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại

Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại có 4 loại:

1- *Addhā paccuppanna*: *Kiếp hiện-tại* là *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp*, kể từ khi tái-sinh cho đến khi *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* tan rã (chết) là khoảng thời gian hiện-tại của một kiếp hiện-tại.

2- *Samaya paccuppanna*: *Buổi hiện-tại* là *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* lúc buổi sáng, lúc buổi trưa, lúc buổi chiều, lúc buổi tối, thời gian hiện-tại trong một buổi một lúc.

3- *Santati paccuppanna*: *Liên tục hiện-tại* là *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* sinh rồi diệt liên tục không ngừng qua các lộ-trình-tâm (*vīthiccitta*).

4- *Khaṇa paccuppanna*: *Sát-na hiện-tại* là *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* ở sát-na-trụ (*ṭhitikhaṇa*).

Trong 4 loại hiện-tại này, *addhā paccuppanna*: *Kiếp hiện-tại* và *samaya paccuppanna*: *Buổi hiện-tại*, *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* có thời gian quá dài, nên không thể làm đối-tượng thiền-tuệ được, và *khaṇa paccuppanna*: *Sát-na hiện-tại* là *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* có thời gian quá ngắn, nên cũng không thể làm đối-tượng thiền-tuệ được.

Chỉ có *santati paccuppanna*: Liên tục hiện-tại là ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng qua các lộ-trình-tâm (*vīthiccita*), có thời gian không quá dài, cũng không quá ngắn, nên có thể làm **đối-tượng thiền-tuệ** được.

Khi *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại sinh rồi diệt, trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp**, nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp. Lẽ dĩ nhiên, **trí-tuệ thiền-tuệ** hoàn toàn không có hoài-nghi về sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, và sắc-pháp, danh-pháp vị-lai là **thường, lạc, ngã** nữa.

Cho nên, chắc chắn **trí-tuệ thiền-tuệ** cũng có khả năng thấu triệt, thấu suốt được sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ đã sinh rồi đã diệt, nên đã có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, và sắc-pháp, danh-pháp vị-lai cũng sẽ sinh rồi sẽ diệt, cũng sẽ có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, cũng như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này.

Danh-pháp với **sắc-pháp** nương nhờ lẫn nhau phát sinh như sau:

- *Danh-pháp phát sinh do nương nhờ sắc-pháp.*
- *Sắc-pháp phát sinh do nương nhờ danh-pháp.*
- *Danh-pháp phát sinh do nương nhờ danh-pháp.*

Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp

Sắc-pháp, danh-pháp là pháp-hữu-vi (*saṅkhatadhamma*) bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên: Nghiệp (*kamma*), tâm (*citta*), thời-tiết (*utu*), vật-thực (*āhāra*), thuộc về chân-ngheĩa-pháp (*paramatthadhamma*), nên sắc-pháp, danh-pháp có **sự sinh, sự diệt** liên tục không ngừng, có 3

trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Nibbāna: Niết-bàn là pháp-vô-vi (*asaṅkhatadhamma*) cũng thuộc về **danh-pháp đặc biệt**, hoàn toàn khác với danh-pháp (tâm với tâm-sở), Niết-bàn không bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên: Nghiệp (*kamma*), tâm (*citta*), thời-tiết (*utu*), vật-thực (*āhāra*), cũng thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*).

Niết-bàn và **ché-định-pháp** (*paññattidhamma*) đều không có **sự sinh, sự diệt**, nên không có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Tuy nhiên Niết-bàn và **ché-định-pháp** vẫn thuộc về pháp-vô-ngã.

1- Sự sinh, sự diệt của danh-pháp

Danh-pháp là **tâm với tâm-sở** có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ, như Đức Phật dạy:

- *Này chư tỳ-khưu! Như-lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm⁽¹⁾.*

Trong bộ Chú-giải Pāli dạy rằng:

“*Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt 1.000 tỷ lần.*”⁽²⁾

Mỗi **tâm với tâm-sở** có 3 sát-na:

1- *Uppāda khaṇa: Sát-na-sinh.*

2- *Ṭhiti khaṇa: Sát-na-trụ.*

3- *Bhaṅga khaṇa: Sát-na-diệt.*

Mỗi lộ-trình-tâm (*vīthiccitta*) có số **tâm với tâm-sở sinh rồi diệt** theo tuần tự, chấm dứt bằng *bhavaṅgacitta*.

¹ Bộ Aṅguttaranikāya, phần ekakanipāta.

² Chú-giải Samyuttanikāya, Khandhavagga, Phenapindupamāsuttavaṅṅaṇā.

Trong mỗi lộ-trình-tâm có các *tâm với tâm-sở* phát sinh *biết đối-tượng hiện-tại, hoặc đối-tượng quá-khứ, hoặc đối-tượng vị-lai, hoặc chế-định-pháp (paññatti-dhamma)* tuần tự sinh rồi diệt liên tục từ lộ-trình-tâm này sang lộ-trình-tâm khác liên tục không ngừng, trong đời sống bình thường của mỗi chúng-sinh.

Khi nằm ngủ say, *lộ-trình-tâm không phát sinh*, chỉ có *bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm* sinh rồi diệt liên tục không ngừng biết đối-tượng quá-khứ kiếp trước, cho đến khi tỉnh giấc. Cho nên, khi ngủ say không có mộng, tâm không biết đối-tượng trong kiếp hiện-tại.

Mỗi *tâm với tâm-sở* phát sinh đều có 3 sát-na: *Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt*.

2- Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp

Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp chậm hơn *sự sinh, sự diệt của danh-pháp* theo sự so sánh với 3 sát-na: *Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt của danh-pháp* như sau:

* ***Sát-na-sinh*** và ***sát-na-diệt*** của *sắc-pháp* giống như *sát-na-sinh* và *sát-na-diệt* của *danh-pháp*.

* ***Sát-na-trụ*** (*thời-gian-trụ*) của *sắc-pháp* có 49 *sát-na-nhỏ* lâu hơn 1 *sát-na-trụ* của *danh-pháp*. Ví dụ:

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhudvāravīthicitta) có *đối-tượng sắc, hình dạng rõ ràng*, gồm có 17 tâm liên tục sinh rồi diệt, mỗi tâm có 3 sát-na: *Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt*. Như vậy, suốt *nhãn-môn lộ-trình-tâm* gồm có 51 *sát-na-nhỏ*.

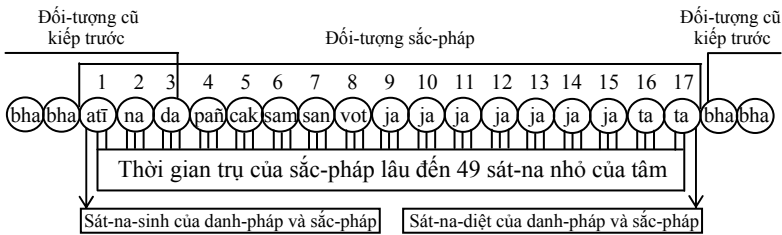
Đối-tượng sắc, hình dạng rõ ràng làm đối-tượng của *nhãn-môn lộ-trình-tâm*, có khả năng tồn tại trải qua suốt lộ-trình-tâm gồm có 17 tâm mà mỗi tâm có 3 sát-na: *Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt* liên tục, gồm có 51 *sát-na-nhỏ*.

Trong 51 sát-na-nhỏ của đối-tượng sắc-pháp ấy, có 1 sát-na-sinh và 1 sát-na-diệt, còn lại 49 sát-na-trụ (thời-gian-trụ) của đối-tượng sắc-pháp.

Như vậy, 1 sát-na-sinh và 1 sát-na-diệt của sắc-pháp giống với 1 sát-na-sinh và 1 sát-na-diệt của danh-pháp, nhưng **sát-na-trụ** (thời-gian-trụ) của sắc-pháp chậm hơn 49 sát-na-nhỏ so sánh với 1 sát-na-trụ của tâm.

Xem đồ biểu nhãn-môn lộ-trình-tâm có đối-tượng sắc, hình dạng rõ ràng, để có sự so sánh giữa 3 sát-na: Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt của danh-pháp với sắc-pháp.

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (cakkhuvāravīthicitta)



Giải thích: Nhãn-môn lộ-trình-tâm

Nhãn-môn lộ-trình-tâm gồm có những sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự liên tục, có đối-tượng sắc rõ ràng. Bắt đầu từ hộ-kiếp-tâm quá-khứ thứ nhất cho đến tiếp-đổi-tượng-tâm thứ 17 là chấm dứt nhãn môn lộ-trình-tâm.

Nhãn-thức-tâm phát sinh có đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc, theo nhãn-môn lộ-trình-tâm sinh rồi diệt tuần tự như sau:

- Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm viết tắt (bha)
- 1- Aṭītabhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm quá-khứ vt (aṭī)
- 2- Bhavaṅgalana: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (na)
- 3- Bhavaṅgupaccheda: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (da)

- 4- *Pañcadvāravajjanacitta*: Ngũ-môn-hướng-tâm vt (*pañ*)
 5- *Cakkhuvīññānacitta*: Nhãn-thức-tâm vt (*cak*)
 6- *Sampaṭicchanacitta*: Tiếp-nhận-tâm vt (*sam*)
 7- *Santīraṇacitta*: Suy-xét-tâm vt (*san*)
 8- *Votṭhabbanacitta*: Xác-định-tâm vt (*vot*)
 9- 15- *Javanacitta*: Tác-hành-tâm vt (*ja*)
 16- 17- *Tadālabhāna*: Tiếp-đổi-tượng-tâm vt (*ta*)
 Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm vt (*bha*)

Nhãn-môn lộ-trình-tâm (*cakkhudvāravāthacitta*)

Bhavaṅgacitta: Hộ-kiếp-tâm là quả-tâm có đối-tượng cũ từ kiếp trước, làm phận sự giữ gìn hộ trì kiếp sống của mỗi kiếp chúng-sinh cho đến cuối cùng. (viết tắt *bha*)

1- ***Aṭṭabhavaṅgacitta***: Hộ-kiếp-tâm quá-khứ phát sinh 1 sát-na-tâm vẫn còn giữ đối-tượng cũ kiếp trước, dù có đối-tượng sắc mới hiện-tại xuất hiện. (viết tắt *aṭṭi*)

2- ***Bhavaṅgacalanacitta***: Hộ-kiếp-tâm rung động phát sinh 1 sát-na-tâm bị rung động, khi có đối-tượng sắc mới hiện-tại xuất hiện. (viết tắt *na*)

3- ***Bhavaṅgupacchedacitta***: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt phát sinh 1 sát-na-tâm rồi diệt cùng với đối-tượng cũ kiếp trước, do đối-tượng sắc mới hiện-tại xuất hiện. (viết tắt *da*)

4- ***Pañcadvāravajjanacitta***: Ngũ-môn hướng-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận 5 đối-tượng mới hiện-tại (sắc, thanh, hương, vị, xúc). (viết tắt *pañ*)

(Trong nhãn-môn lộ-trình-tâm này chỉ tiếp nhận **đối-tượng sắc** mới hiện-tại mà thôi.)

5- ***Cakkhuvīññānacitta***: Nhãn-thức-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự thấy đối-tượng sắc hiện-tại. (viết tắt *cak*)

6- ***Sampaṭicchanacitta***: Tiếp-nhận-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự tiếp nhận đối-tượng sắc hiện-tại từ nhãn-thức-tâm. (viết tắt *sam*)

7- **Santīraṇacitta**: *Suy-xét-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự suy xét đối-tượng sắc tốt hoặc xấu. (viết tắt san)

8- **Voṭṭhabbanacitta**: *Xác-định-tâm*, đó là *y-môn-hướng-tâm* (*manodvāravajjanacitta*) phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự xác định đối-tượng của *bất-thiện-tâm* hoặc của *đại-thiện-tâm* hoặc của *đại-duy-tác-tâm*, tùy theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh ấy. (viết tắt vot)

9-15- **Javanacitta**: *Tác-hành-tâm* đó là *bất-thiện-tâm*, hoặc *đại-thiện-tâm*, hoặc *đại-duy-tác-tâm* phát sinh liên tục 7 sát-na-tâm cùng loại tâm làm phạm sự tạo *bất-thiện-nghiệp* hoặc *đại-thiện-nghiệp* tùy theo trình độ hiểu biết của chúng-sinh, hoặc *đại-duy-tác-tâm* đối với *bậc Thánh A-ra-hán* không thành *đại-thiện-nghiệp*, *bất-thiện-nghiệp* nào cả. (viết tắt ja)

16-17- **Tadāmbanacitta**: *Tiếp-đối-tượng-tâm* thuộc về *quả-tâm* đặc biệt phát sinh 2 sát-na-tâm làm phạm sự tiếp *đối-tượng sắc* hiện-tại từ *tác-hành-tâm* còn thừa 2 sát-na-tâm, hết tuổi thọ 17 sát-na-tâm của *đối-tượng sắc* hiện-tại, để chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm*. (viết tắt ta)

- **Bhavaṅgacitta**: *Hộ-kiếp-tâm* phát sinh có *đối-tượng* cũ từ *kiếp* trước trở lại, đồng thời chấm dứt *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

Xem đồ biểu *nhãn-môn lộ-trình-tâm* có *đối-tượng sắc*, hình dạng rõ ràng, có đủ 17 sát-na-tâm sinh rồi diệt theo tuần tự thấy rằng:

- *Sát-na-sinh* của *atītabhavaṅgacitta* thứ nhất là **1 sát-na-sinh** chung của *danh-pháp* và *sắc-pháp* (*đối-tượng sắc*)

- *Sát-na-diệt* của *tadāmbanacitta* thứ 17 cuối cùng là **1 sát-na-diệt** chung của *danh-pháp* và *sắc-pháp* (*đối-tượng sắc*).

- Thời gian **sát-na-trụ** của *danh-pháp* trong mỗi *sát-na-tâm*.

- Thời gian **sát-na-trụ** của sắc-pháp bắt đầu **sát-na-trụ** của *atītabhavaṅgacitta* thứ nhất cho đến **sát-na-trụ** của *tadāmbanacitta* thứ 17 cuối cùng, gồm có 49 sát-na nhỏ của tâm.

Trạng-Thái-Chung (Sāmaññalakkhaṇa)

Tất cả mọi **danh-pháp** (*nāmadhamma*) mọi **sắc-pháp** (*rūpadhamma*) là **pháp-hữu-vi** (*saṅkhatadhamma*) thuộc về **chân-nghĩa-pháp** đều có **sự sinh, sự diệt**, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung** (*sāmaññalakkhaṇa*) là:

- 1- *Aniccalakkhaṇa*: Trạng-thái vô-thường.
- 2- *Dukkhalakkhaṇa*: Trạng-thái khổ.
- 3- *Anattalakkhaṇa*: Trạng-thái vô-ngã.

Trạng-Thái-Riêng (Visesalakkhaṇa)

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều có 3 **trạng-thái-chung** (*sāmaññalakkhaṇa*). Riêng mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đều có **trạng-thái-riêng** của mỗi pháp.

- **Citta**: Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm cùng có một trạng-thái-riêng là: *Ārammaṇavijānanalakkhaṇa*: Trạng-thái biết các đối-tượng.

- **Cetasika**: Tâm-sở gồm có 52 tâm-sở, mỗi tâm-sở có mỗi trạng-thái-riêng, nên có 52 trạng-thái-riêng.

- **Rūpadhamma**: Sắc-pháp gồm có 28 sắc-pháp, mỗi sắc-pháp có mỗi trạng-thái-riêng, nên có 28 trạng-thái-riêng.

- **Nibbāna**: Niết-bàn có trạng-thái-riêng là *Santilakkhaṇa*: Trạng-thái làm vắng lặng mọi phiền-não, mọi nỗi khổ của sắc-pháp, của danh-pháp.

Trạng-thái-riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp có tầm quan trọng, để phân biệt sự khác nhau của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.⁽¹⁾

¹ Tìm hiểu trong quyển Vi-diệu-pháp hiện thực trong cuộc sống, cùng soạn giả.

Ba trạng-thái-chung (Sāmaññalakkhaṇa)

1- Trạng-thái vô-thường (Aniccalakkhaṇa)

Ý nghĩa *anicca*:

“*Aniccam khayatṭhena*”⁽¹⁾: Vô-thường có ý nghĩa diệt, bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp sinh rồi diệt cả thảy. Hoặc

“*Hutvā abhāvattṭhena aniccā*”: Có rồi lại không, có ý nghĩa là vô-thường.

Anicca: Vô-thường có 3 loại:

1- *Anicca: Vô-thường*

“*Sabbe saṅkhārā aniccā*”: Tất cả các pháp-hữu-vi đều là vô-thường.

Saṅkhārā: Pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (*dhātu*), v.v... đều là vô-thường, bởi vì các pháp-hữu-vi sinh rồi diệt theo tự nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

2- *Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp liên tục không ngừng, nên hiện rõ **trạng-thái vô-thường** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy.

3- *Aniccānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ* dõi theo trạng-thái vô-thường

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-thường**, rồi *dõi theo trạng-thái vô-thường*, nên diệt được **sự tưởng lầm, chấp lầm** rằng: **Sắc-pháp, danh-pháp là thường** (*niccasaññā*).

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañānakathā.

Nếu hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *tri-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ danh-pháp hoặc sắc-pháp có *trạng-thái vô-thường*, rồi ***dôi theo trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp hoặc danh-pháp ấy, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là ***amittanibbāna***: *Vô-hiện-tượng Niết-bàn*, *Niết-bàn không có hiện tượng các pháp-hữu-vi*.

Hành-giả chứng ngộ ***amittanibbāna***: *Vô-hiện-tượng Niết-bàn* do ***tín-pháp-chủ*** (*saddhindriya*) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *đỉnh-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ*) hoặc do năng lực của ***giới trong sạch*** (*sīla*).

2- Trạng-thái khổ (*dukkhalakkhaṇa*)

Ý nghĩa *dukkha*:

“*Dukkham bhayaṭṭhena*”⁽¹⁾ *khổ có ý nghĩa đáng kinh sợ*, bởi vì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng, vô-thường, diệt mất, nên đáng kinh sợ.

“*Uppādavayapaṭipīlanatṭhena dukkhā*”: *Sự sinh, sự diệt luôn luôn hành hạ có ý nghĩa là khổ*.

Tính chất khổ có 3 loại:

1- *Dukkhadukkha*: *Khổ-thật-khổ* đó là *thọ-khổ* (*dukkha-vedanā*) khổ khó chịu đựng nổi, như *khổ thân*, *khổ tâm*.

2- *Vipariṇāmadukkha*: *Biến-chất-khổ* đó là *thọ-lạc* (*sukhavedanā*) bị vô-thường sinh rồi diệt làm biến chất, nên *thọ lạc* biến đổi thành *khổ-đế*. Dù *khổ* vẫn còn dễ chịu đựng được.

3- *Saṅkhāradukkha*: *Pháp-hành-khổ* đó là tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt liên tục, không ngừng hành hạ, nên chỉ có ***khổ*** mà thôi.

¹ Bộ *Visuddhimagga*, phần *Sammasanañānakathā*.

Dukkha: Khổ có 3 loại:

1- *Dukkha: Khổ thân, khổ tâm*

“*Sabbe saṅkhārā dukkhā*”: Tất cả các pháp-hữu-vi đều là khổ.

Saṅkhārā: Pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (*dhātu*), v.v... đều là khổ, bởi vì sinh rồi diệt liên tục không ngừng, vô-thường luôn luôn hành hạ (*abhinhapatipīḷana*).

2- *Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ*

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều có trạng-thái vô-thường, nên tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp cũng có trạng-thái khổ.

Đức-Phật dạy trong kinh *Anattalakkhaṇasutta*:

“*Yadaniccaṃ taṃ dukkhaṃ.*”

Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp nào có trạng-thái vô-thường, thì *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* ấy có trạng-thái khổ.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp liên tục không ngừng luôn luôn hành hạ, nên hiện rõ **trạng-thái khổ** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy.

3- *Dukkhānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dôi theo trạng-thái khổ.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ, rồi dôi theo trạng-thái khổ, nên diệt được *sự tưởng làm, chấp làm* rằng: *Sắc-pháp, danh-pháp* là **lạc** (*sukhasaññā*).

Nếu hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ danh-pháp hoặc sắc-pháp

có *trạng-thái khổ*, rồi *dõi theo trạng-thái khổ* của danh-pháp hoặc sắc-pháp ấy, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là **appañihitanibbāna**: *Vô-ái Niết-bàn, Niết-bàn không tham-ái nương nhờ*.

Hành-giả chứng ngộ **appañihitanibbāna**: *Vô-ái Niết-bàn* do **định-pháp-chủ** (*samādhindriya*) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ*), hoặc do năng lực của **định** (*samādhi*).

3- Trạng-thái vô-ngã (anattalakkhaṇa)

Ý nghĩa *Anattā*

“*Anattā asāraṅkatṭhena*”⁽¹⁾: *Vô-ngã có ý nghĩa vô dụng, bởi vì không phải ta, không phải của ta, không chiều theo ý muốn của ta. Hoặc*

Anattā: *Vô-ngã còn có 4 ý nghĩa theo Chú-giải là:*

- *Avasavattanatṭha*: *Vô-ngã có ý nghĩa là không chiều theo ý muốn của một ai cả.*

- *Asāmikaṭṭha*: *Vô-ngã có ý nghĩa là vô chủ, không có ai làm chủ cả.*

- *Suññataṭṭha*: *Vô-ngã có ý nghĩa là không, không phải ta, không phải của ta, không phải của ai cả.*

- *Attapaṭikkhepaṭṭha*: *Vô-ngã có ý nghĩa là phủ nhận thuyết tà-kiến chấp ngã của nhóm ngoại đạo.*

Anattā: Vô-ngã có 3 loại:

1- *Anattā*: *Pháp-vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.*

“*Sabbe dhammā anattā*”: *Tất cả các pháp-hữu-vi và pháp-vô-vi đều là vô-ngã.*

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Sammasanañānakathā.

Pháp-hữu-vi (*saṅkhatadhamma*) đó là **sắc-pháp**, **danh-pháp tam-giới**, **ngũ-uẩn**, **12 xứ**, **18 tự-tánh** (*dhātu*), v.v... là các pháp bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên: **Nghiệp**, **tâm**, **thời tiết**, **vật thực** đều là **pháp-vô-ngã**.

Pháp-vô-vi (*asaṅkhatadhamma*) đó là **Niết-bàn** và gom cả **ché-định-pháp** (*paññattidhamma*) là những pháp không bị cấu tạo bởi 4 nhân-duyên: **Nghiệp**, **tâm**, **thời tiết**, **vật thực**, nên cũng là **pháp-vô-ngã**.

2- *Anattalakkhaṇa*: Trạng-thái vô-ngã

Tất cả sắc-pháp, danh-pháp đều có **trạng-thái khổ**, thì tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp cũng có **trạng-thái vô-ngã**.

Đức-Phật dạy trong kinh *Anattalakkhaṇasutta*:

“*Yaṃ dukkhaṃ tadanattā.*”

Ngũ-uẩn, **sắc-pháp**, **danh-pháp** nào có **trạng-thái khổ**, thì **ngũ-uẩn**, **sắc-pháp**, **danh-pháp** ấy có **trạng-thái vô-ngã**.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh**, **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp liên tục không ngừng, không chiều theo ý muốn của một ai cả, nên hiện rõ **trạng-thái vô-ngã** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy.

3- *Anattānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dôi theo trạng-thái khổ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-ngã**, rồi **dôi theo trạng-thái vô-ngã**, nên diệt được **sự tưởng lầm**, **chấp lầm** rằng: **Sắc-pháp**, **danh-pháp** là **ngã** (*attasaññā*).

Nếu hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ danh-pháp hoặc sắc-pháp

có *trạng-thái vô-ngã*, rồi *dõi theo trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp hoặc sắc-pháp ấy, dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* gọi là *suññatanibbāna*: *Chơn-không Niết-bàn, Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta.*

Hành-giả chứng ngộ *suññatanibbāna*: *Chơn-không Niết-bàn* do *tuệ-pháp-chủ* (*paññindriya*) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tín-pháp-chủ, tán-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ*), hoặc do năng lực của *trí-tuệ* (*paññā*).

Sự liên quan giữa 3 trạng-thái-chung

Ba trạng-thái-chung: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp có sự liên quan lẫn nhau.

Đức-Phật dạy:

“*Yadaniccam, tam dukkham.*
Yaṃ dukkham, tadanattā.”⁽¹⁾

Pháp nào có trạng-thái vô-thường, thì pháp ấy có trạng-thái khổ.

Pháp nào có trạng-thái khổ, thì pháp ấy có trạng-thái vô-ngã.

Như vậy, mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đều có **3 trạng-thái-chung:** *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

Thật ra, *trí-tuệ thiên-tuệ* là *trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ*, hoặc *đại-duy-tác-tâm* hợp với *trí-tuệ*, mỗi tâm ấy chỉ có khả năng thấy rõ, biết rõ một đối-tượng mà thôi (*một tâm không thể biết nhiều đối-tượng cùng một lúc*). Cho nên,

¹ Samyuttanikāya, Khandhavagga, Anattalakkhaṇasutta.

- Khi nào **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ đối-tượng **trạng-thái vô-thường** (*aniccalakkhaṇa*) của sắc-pháp nào, của danh-pháp nào, thì khi ấy, **trạng-thái khổ**, **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp ấy, của danh-pháp ấy không hiện rõ.

- Khi nào **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ đối-tượng **trạng-thái khổ** (*dukkhalakkhaṇa*) của sắc-pháp nào, của danh-pháp nào, thì khi ấy, **trạng-thái vô-thường**, **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp ấy, của danh-pháp ấy không hiện rõ.

- Khi nào **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ đối-tượng **trạng-thái vô-ngã** (*anattalakkhaṇa*) của sắc-pháp nào, của danh-pháp nào, thì khi ấy, **trạng-thái vô-thường**, **trạng-thái khổ** của sắc-pháp ấy, của danh-pháp ấy không hiện rõ.

Vậy, khi **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-chung** nào của sắc-pháp nào, của danh-pháp nào làm đối-tượng thiên-tuệ, thì 2 **trạng-thái-chung** còn lại mặc dù không hiện rõ, nhưng tiềm năng của **trí-tuệ thiên-tuệ** ấy vẫn có khả năng diệt được sự tướng làm, chấp làm cho rằng: **Sắc-pháp, danh-pháp là thường, lạc, ngã**, bởi vì 3 **trạng-thái-chung**: **Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** có liên quan lẫn nhau.

Quan niệm vô-thường, khổ, vô-ngã theo đời

Trong thời kỳ Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác chưa xuất hiện trên thế gian, hoặc đối với những người không hiểu biết về giáo pháp của Đức-Phật, có các quan niệm:

- **Quan niệm về vô-thường**: Đối với số người, những gì có tính chất không được bền vững lâu dài, có rồi lại bị hư hại, hoặc mất đi, v.v... người ta cho là **vô-thường**.

Ví dụ: *Khi nghe người chết, chiếc xe bị hư, cái ly bị bể, xảy ra sự biến đổi, v.v...* Người ta nói với nhau rằng: “*Vô-thường!*”

- **Quan niệm về khổ:** Đối với số người, khi gặp sự *khổ thân* như: *Bị bệnh hoạn ốm đau, bị tai nạn, bị đánh đập tàn nhẫn, bị nóng lạnh, bị đói khát, v.v...* Người ta nói với nhau rằng: “*Khổ quá!*”

Hoặc khi gặp *nỗi khổ tâm* như: *Sầu não khóc than thương tiếc đến người thân đã chết, của cải tài sản bị mất, v.v...* Người ta nói với nhau rằng: “*Khổ quá!*”

- **Quan niệm về vô-ngã:** Đối với số người không từng học hỏi giáo-pháp của Đức-Phật, không từng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, thì **không có quan niệm về vô-ngã**, bởi vì số người ấy vốn là người thường **chấp ngã, chấp thủ có ta**.

Dù cho số người ấy có *quan niệm về vô-thường, quan niệm về khổ* cũng chỉ là một cách thô thiển mà thôi.

Thật vậy, một người sống qua bấy nhiêu năm, rồi mới chết, một chiếc xe chạy qua thời gian, rồi mới bị hư, một cái ly đã sử dụng qua, rồi mới bị bể, v.v...

Như vậy, *quan niệm về vô-thường* đối với họ chờ có thời gian.

Và *quan niệm về khổ* đối với họ phải chờ có bệnh hoạn ốm đau, bị tai nạn thương tích, v.v...

Trong Phật-giáo, hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, nếu hành-giả nào là hạng **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*) có đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, có đủ 5 pháp-chủ: *Tín-pháp-chủ, tâm-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ*, có duyên lành lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi hành-giả ấy thực-

hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng phát sinh *tri-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, cho đến *tri-tuệ thiên-tuệ thứ 4 gọi là uddayabbayānupassanāñāṇa*: *Tri-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái chung*: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp hiện-tại ấy, mỗi danh-pháp hiện-tại ấy, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Thật ra, **thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp; sự sinh, sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp; 3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới vẫn luôn luôn hiện hữu, nhưng không có một ai có khả năng chỉ dạy cho biết, cho thấy, mãi cho đến khi **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, Đức-Phật Gotama mới thuyết pháp, giảng dạy các pháp ấy, để tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ.

Trạng-thái chi tiết của 3 trạng-thái-chung

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thuộc về pháp-hữu-vi đều có 3 trạng-thái-chung: **Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã**.

Trong mỗi trạng-thái-chung của sắc-pháp, của danh-pháp ấy có nhiều trạng-thái chi-tiết được trình bày trong bộ *Visuddhimagga* phần *Maggāmaggañāṇadassana-visuddhi* như sau:

1- Aniccalakkhaṇa: Trạng-thái vô-thường

Trạng-thái vô-thường có 10 trạng-thái chi tiết:

- 1- *Aniccato*: Với trạng-thái vô-thường.
- 2- *Palokato*: Với trạng-thái tiêu diệt.
- 3- *Calato*: Với trạng-thái biến đổi.
- 4- *Pabaṅguto*: Với trạng-thái tan rã.
- 5- *Addhuvato*: Với trạng-thái không bền vững.
- 6- *Vipariṇāmadhammato*: Với trạng-thái biến đổi là thường.
- 7- *Asārakato*: Với trạng-thái vô dụng, không cốt lõi.
- 8- *Vibhavato*: Với trạng-thái bị suy.
- 9- *Saṅkhatato*: Với trạng-thái bị cấu tạo.
- 10- *Maraṇadhammato*: Với trạng-thái diệt, chết là thường.

10 trạng-thái chi tiết của **trạng-thái vô-thường** cũng là đối-tượng của *trí-tuệ thiên-tuệ aniccānupassanā*. Mỗi trạng-thái chi tiết phát sinh tùy theo năng lực *trí-tuệ thiên-tuệ* của mỗi hành-giả.

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ

Trạng-thái khổ có 25 trạng-thái chi-tiết:

- 1- *Dukkhatato*: Với trạng-thái khổ khó chịu.
- 2- *Rogato*: Với trạng-thái khổ như bệnh tật.
- 3- *Gaṇdato*: Với trạng-thái khổ như ung nhọt.
- 4- *Sallato*: Với trạng-thái khổ như mũi tên độc.
- 5- *Aghato*: Với trạng-thái khổ bất hạnh.
- 6- *Ābādhato*: Với trạng-thái khổ như ốm đau.
- 7- *Ītito*: Với trạng-thái khổ suy đồi.
- 8- *Upaddavato*: Với trạng-thái khổ tai nạn.
- 9- *Bhayato*: Với trạng-thái khổ đáng kinh sợ.
- 10- *Upasaggato*: Với trạng-thái khổ cản trở.
- 11- *Atāṇato*: Với trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ.

- 12- *Aleṇato*: Với trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu.
 13- *Asaraṇato*: Với trạng-thái khổ vì không có nơi nương nhờ.
 14- *Ādīnavato*: Với trạng-thái khổ vì tội chướng.
 15- *Aghamūlato*: Với trạng-thái nguồn gốc của khổ.
 16- *Vadhakato*: Với trạng-thái khổ như kẻ sát hại.
 17- *Sāsavato*: Với trạng-thái khổ do phiền-não trầm-luân.
 18- *Mārāmisato*: Với trạng-thái khổ như mối của Ma.
 19- *Jātidhammato*: Với trạng-thái khổ sinh là thường.
 20- *Jarādhammato*: Với trạng-thái khổ già là thường.
 21- *Byādhidhammato*: Với trạng-thái khổ bệnh là thường.
 22- *Sokadhammato*: Với trạng-thái khổ sầu não là thường.
 23- *Paridevadhammato*: Với trạng-thái khổ than khóc là thường.
 24- *Upāyāsadhammato*: Với trạng-thái nỗ lực thống khổ cùng cực.
 25- *Samkilesikadhammato*: Với trạng-thái khổ bị ô nhiễm bởi phiền-não.

25 trạng-thái chi-tiết của **trạng-thái khổ** cũng là đối tượng của *trí-tuệ thiên-tuệ dukkhānupassanā*. Mỗi trạng-thái chi tiết phát sinh tùy theo năng lực *trí-tuệ thiên-tuệ* của mỗi hành-giả.

3- **Anattalakkhaṇa**: Trạng-thái vô-ngã

Trạng-thái vô-ngã có 5 trạng-thái chi-tiết:

- 1- *Anattato*: Với trạng-thái vô-ngã, không phải ta.
 2- *Parato*: Với trạng-thái khác lạ (không phải ta).
 3- *Rittato*: Với trạng-thái rỗng không, không có thường, lạc, ngã.
 4- *Tucchato*: Với trạng-thái không có thật là ta.
 5- *Suññato*: Với trạng-thái hoàn toàn không phải ta, không phải của ta.

5 *trạng-thái chi-tiết* của **trạng-thái vô-ngã** cũng là đối-tượng của *tri-tuệ thiên-tuệ anattānupassanā*. Mỗi *trạng-thái chi tiết* phát sinh tùy theo năng lực *tri-tuệ thiên-tuệ* của mỗi hành-giả.

Như vậy, **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp* được phân loại ra **trạng-thái chi tiết** gồm có **40 trạng-thái chi-tiết**, mà mỗi loại *trạng-thái chi-tiết* của *sắc-pháp, của danh-pháp* này được hiện rõ đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, tùy theo **10 pháp-hạnh ba-la-mật**, tùy theo năng lực của **5 pháp-chủ**: *Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ pháp-chủ* và tùy theo năng lực của *pháp-hành giới, pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ của mỗi hành-giả*.

Mỗi loại *trạng-thái chi-tiết* ấy đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo* như sau:

- Nếu hành-giả có **tín-pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn **4 pháp-chủ** còn lại (*tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*), và có *pháp-hành giới* có nhiều năng lực thì **trạng-thái vô-thường** hiện rõ, dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-nã không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong Phật-giáo*.

Hành-giả trở thành *Thánh-nhân* bậc nào tùy theo **10 pháp-hạnh ba-la-mật**, và năng lực của **5 pháp-chủ** của hành-giả.

- Nếu hành-giả có **định-pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn **4 pháp-chủ** còn lại (*tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ pháp-chủ*) và có *pháp-hành thiên-*

định có nhiều năng lực thì **trạng-thái khổ** hiện rõ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong Phật-giáo.*

Hành-giả trở thành *Thánh-nhân* bậc nào tùy theo 10 pháp-hạnh ba-la-mật, và năng lực của 5 pháp-chủ của hành-giả.

- Nếu hành-giả có **tuệ-pháp-chủ** có nhiều năng lực hơn 4 *pháp-chủ* còn lại (*tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ*) và có *pháp-hành thiền-tuệ* có nhiều năng lực thì **trạng-thái vô-ngã** hiện rõ, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán trong Phật-giáo.*

Hành-giả trở thành *Thánh-nhân* bậc nào tùy theo 10 pháp-hạnh ba-la-mật, và năng lực của 5 pháp-chủ của hành-giả.

Bốn bậc Thánh-nhân

Trong Phật-giáo có 4 bậc Thánh-nhân:

- 1- *Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).*
- 2- *Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmi).*
- 3- *Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi).*
- 4- *Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).*

Pháp che án 3 trạng-thái-chung

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp là *pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma)* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* có những sự thật hiển nhiên như sau:

- *Thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp.*
- *Sắc-pháp, danh-pháp có sự sinh, sự diệt.*
- *Sắc-pháp, danh-pháp có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.*

Đó là thật-tánh hiển nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Vấn: - Do nguyên nhân nào che phủ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp?

- Do pháp nào che phủ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp?

*** Nguyên nhân che phủ thật-tánh**

Đáp: - Do **vô-minh** (*avijjā*) là nguyên nhân che phủ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Vô-minh đó là **si-tâm-sở** (*mohacetāsika*) si-mê đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm làm cho tâm si-mê tối tăm, như màn vô-minh che phủ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp. Cho nên, thật-tánh hiển nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp không hiện rõ.

- Do **tà-kiến** (*ditṭhi*) đó là tà-kiến tâm-sở (*ditṭhi-cetasika*) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến thấy sai, chấp làm nơi danh-pháp, nơi sắc-pháp cho là **ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh**, v.v...

- Do chấp thủ theo danh từ ngôn-ngữ chế-định được lưu truyền từ ngàn xưa cho đến ngày nay, trở thành thói quen, nên chỉ có biết sự-thật ngôn-ngữ chế-định-pháp (*paññattidhamma*) theo đời mà thôi, không biết đến sự thật chân-nghe-pháp (*paramatthadhamma*).

Đó là những nguyên nhân che phủ thật-tánh hiển nhiên của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp. Nguyên nhân chính là **vô-minh** đó là **si-tâm-sở** (*mohacetāsika*).

Vô-minh trong pháp paṭiccasamuppāda

Trong pháp **paṭiccasamuppāda**: Thập-nhị-nhân-sinh có 12 pháp theo nhân quả liên hoàn:

“*Avijjāpaccayā saṅkhārā, ...*”

“*Do vô-minh làm duyên, nên các pháp-hành sinh, ...*”

Hay *các pháp-hành phát sinh do vô-minh làm duyên*.

- **Vô-minh** (*avijjā*) đó là **si tâm-sở** (*mohacetasika*) đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm.

- **Các pháp-hành** (*saṅkhārā*) đó là **tác-y tâm-sở** (*cetanācetasika*) đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm, với 8 dục-giới thiện-tâm, với 5 sắc-giới thiện-tâm, với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm.

Tác-y tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm và các tam-giới thiện-tâm này phát sinh do **vô-minh** làm duyên.

Hay nói cách khác, **vô-minh** làm nhân phát sinh, **các pháp-hành** (*saṅkhārā*) ấy là **quả** (*quả của vô-minh*).

Không biết pháp nào gọi là vô-minh?

Không biết 8 pháp gọi là **vô minh**, 8 pháp đó là:

1- *Dukkhe añāṇaṃ*: Không biết ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là khổ Thánh-đế.

2- *Dukkhasamudaye añāṇaṃ*: Không biết tham-ái là nhân sinh khổ Thánh-đế.

3- *Dukkhanirodhe añāṇaṃ*: Không biết Niết-bàn là pháp diệt khổ Thánh-đế.

4- *Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāya añāṇaṃ*: Không biết pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế.

5- *Pubbante añāṇaṃ*: Không biết ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (*dhātu*) trong quá-khứ.

6- *Aparante añāṇaṃ*: Không biết ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (*dhātu*) trong vị-lai.

7- *Pubbantāparante añāṇaṃ*: Không biết ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (*dhātu*) trong quá-khứ và trong vị-lai.

8- *Idappaccayatāpatīccasamuppannesu dhammesu*

*añānaṃ: Không biết sắc-pháp, danh-pháp phát sinh trong **thập-nhị-duyên-sinh** (paṭṭicasamuppāda) theo 12 pháp nhân-quả liên-hoàn với nhau như sau:*

“*Avijjāpaccayā saṅkhārā,*

Saṅkhārāpaccayā viññānaṃ, v.v...

- *Các pháp-hành đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm, 17 thiện-tâm trong tam-giới phát sinh do vô-minh làm duyên.*

- *19 quả-tâm làm phận sự tái-sinh kiếp sau phát sinh do các pháp-hành trên làm duyên, v.v...*

*Nhân và quả liên-hoàn trong **thập-nhị-duyên-sinh**, không thuần là nhân, không thuần là quả, mỗi pháp là quả của pháp trước, rồi làm nhân của pháp sau tiếp diễn liên hoàn với nhau như vậy⁽¹⁾.*

Như vậy, **vô-minh** không biết 8 pháp này, ngoài ra, vô-minh có thể biết các pháp khác, hoặc các bộ môn khác trong đời, nhưng không trực tiếp hỗ trợ cho chúng-sinh giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Thời-kỳ Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện

Trong thời-kỳ **Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác** chưa xuất hiện trên thế gian, toàn thể chúng-sinh trong tam-giới bị **vô-minh** che phủ *thật-tánh* của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp, không có một sa-môn, bà-la-môn, đạo-sư nào có khả năng biết đến *thật-tánh* của sắc-pháp, của danh-pháp, bởi vì **vô-minh** che phủ, nên toàn thể chúng-sinh trong tam-giới đắm chìm trong biển khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Đến thời kỳ **Đức-Bồ-tát Siddhattha** sinh ra đời tại khu vườn Lumbīnī, vào ngày rằm tháng tư.

¹ Tìm hiểu rõ trong quyển Tìm Hiểu Pháp-Hành Thiên-Tuệ, cùng soạn giả.

35 năm sau, **Đức-Bồ-tát Siddhattha** ngự đi đến ngôi tại cội Đại-Bồ-đề tại khu rừng Uruvelā, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng thiên-tuệ là **thập-nhi-duyên-sinh và thập-nhi-nhân-diệt**, theo chiều thuận và nghịch, *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh, thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế đầu tiên không thấy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận **vô-minh, tham-ái, mọi phiền-não trầm-luân** không còn dư sót, trở thành bậc **Thánh A-ra-hán đầu tiên** trong toàn cõi-giới chúng-sinh, gọi là **Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác** độc nhất vô nhị, có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama**, vào canh chót đêm rằm tháng tư, tại khu rừng Uruvelā, tròn đúng 35 tuổi.

Đức-Phật thuyết dạy chánh-pháp tế độ chúng-sinh có duyên lành nên tế độ. Nếu những chúng-sinh nào thuộc về hạng người tam-nhân (tīhetukapuggala), đã tích-lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ, có đủ 5 pháp-chủ (indriya): *Tín-pháp-chủ, tân-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ*, thì những chúng sinh ấy có duyên lành lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ diệt được **vô-minh** tối tăm, thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* được hiển nhiên hiện rõ; *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự sinh sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật*, chứng đắc Thánh-đạo nào, Thánh-quả ấy tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5

pháp-chủ (indriya): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi hành-giả như sau:

- Có số chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến (diṭṭhi)* và *hoài-nghi (vicikicchā)*, trở thành ***bực Thánh Nhập-lưu***.

- Có số chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại thô*, trở thành ***bực Thánh Nhất-lai***.

- Có số chứng đắc đến *Bát-lai Thánh-đạo, Bát-lai Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân (dosa) loại vi-tế*, trở thành ***bực Thánh Bát-lai***.

- Có số chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahīka), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa)* không còn dư sót, trở thành ***bực Thánh A-ra-hán cao thượng***.

Phương pháp diệt vô-minh

Diệt vô-minh có 2 giai đoạn:

- *Giai đoạn ngăn ngừa vô-minh, cho minh phát sinh.*
- *Giai đoạn diệt tận được vô-minh.*

1- Giai đoạn ngăn ngừa vô-minh, cho minh phát sinh bằng cách nào?

- ***Vô-minh (avijjā)*** đó là ***si tâm-sở (mohacetāsika)*** đồng sinh với 12 ***bất-thiện-tâm***.

- ***Minh (vijjā)*** đó là ***trí-tuệ tâm-sở (paññācetasika)***

đồng sinh với 4 *dục-giới thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ*, 4 *dục-giới quả-tâm hợp* với *trí-tuệ*, 4 *dục-giới duy-tác-tâm hợp* với *trí-tuệ*, 15 *sắc-giới-tâm*, 12 *vô-sắc-giới-tâm*, 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm*, gồm có 47 hoặc 79 *tâm*.

Mohacetasika: Si tâm-sở có 4 đặc tính riêng biệt:

1- *Aññalakkhaṇo*: *Si tâm-sở* có *trạng-thái* không biết *thật-tánh* của *sắc-pháp*, của *danh-pháp*, hoặc không biết *chân-lý* từ *Thánh-đế*.

2- *Ārammaṇasabhāvacchādanaraso*: *Si tâm-sở* có *phận sự* che phủ *thật-tánh* của *sắc-pháp*, của *danh-pháp*.

3- *Andhakārapaccupaṭṭhāno*: *Si tâm-sở* làm cho *tâm* tối tăm là *quả* hiện hữu.

4- *Ayonisomanasikārapadaṭṭhāno*: *Biết sai lầm* trong *tâm* với *si-tâm* không đúng với 4 *trạng-thái* của *sắc-pháp*, của *danh-pháp* là *nguyên nhân* gần *phát sinh si tâm-sở*.

Paññācetasika: Trí-tuệ tâm-sở có 4 đặc tính riêng biệt:

1- *Yathābhūtaṭivedhalakkhaṇā*: *Trí-tuệ tâm-sở* có *trạng-thái* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của *sắc-pháp*, của *danh-pháp*, chứng ngộ *chân-lý* từ *Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả* và *Niết-bàn*.

2- *Visayobhāsanarasā*: *Trí-tuệ tâm-sở* có *phận sự* làm rõ ràng *thật-tánh* các *sắc-pháp*, các *danh-pháp*.

3- *Asammohapaccupaṭṭhānā*: *Trí-tuệ tâm-sở* không mê muội, *tâm* sáng suốt là *quả* hiện hữu.

4- *Yonisomanasikārapadaṭṭhānā*: *Hiểu biết* trong *tâm* với *trí-tuệ* đúng với 4 *trạng-thái* của *sắc-pháp*, của *danh-pháp* là *nguyên nhân* gần *phát sinh trí-tuệ tâm-sở*.

Như vậy, *si tâm-sở* phát sinh do *nguyên nhân* gần là *ayonisomanasikāra* và *trí-tuệ tâm-sở* phát sinh do *nguyên nhân* gần là *yonisomanasikāra*.

Ayonisomanasikāra là như thế nào?

Ayonisomanasikāra biết sai lầm trong tâm với si-tâm không đúng 4 trạng-thái của sắc-pháp, của danh-pháp như sau:

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái **vô-thường** (*anicca*), thì si-tâm biết sai lầm cho là **thường** (*nicca*).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái **khổ** (*dukkha*), thì si-tâm biết sai lầm cho là **lạc** (*sukha*).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái **vô-ngã** (*anattā*), thì si-tâm biết sai lầm cho là **ngã** (*attā*).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái **bất-tịnh** (*asubha*), thì si-tâm biết sai lầm cho rằng: **Tịnh, tốt đẹp** (*subha*).

Do *ayonisomanasikāra* biết sai lầm trong tâm cho là **thường, lạc, ngã, tịnh** như vậy, nên si tâm-sở (*moha-cetasika*), gọi là **vô-minh** (*avijjā*), phát sinh làm che phủ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp.

Yonisomanasikāra là như thế nào?

Yonisomanasikāra hiểu biết trong tâm với trí-tuệ đúng 4 trạng-thái của sắc-pháp, của danh-pháp như sau:

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (*anicca*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-thường** (*anicca*).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (*dukkha*), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **khổ** (*dukkha*).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (*anattā*), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-ngã** (*anattā*).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (*asubha*), thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **bất tịnh** (*asubha*).

Do *yonisomanasikāra* hiểu biết trong tâm với trí-tuệ đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ,

trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của sắc-pháp, của danh-pháp như vậy, nên trí-tuệ tâm-sở (paññācetasika), gọi là minh (vijjā) phát sinh làm hiện rõ thật-tánh hiển nhiên của sắc-pháp, của danh-pháp.

Phương pháp ngăn ngừa vô minh, cho minh phát sinh

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ luôn luôn có *yonisomanasikāra* hiểu biết đúng trong tâm với trí-tuệ đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của sắc-pháp, của danh-pháp, nên ngăn ngừa được **vô-minh** không phát sinh, đồng thời làm nguyên nhân gần phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ (*vipassananā*), gọi là **minh** (*vijjā*) làm hiện rõ thật-tánh hiển nhiên của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới là:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái-riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh hiển nhiên của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

2- Giai đoạn diệt tận vô-minh bằng cách nào?

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *yonisomanasikāra* hiểu biết đúng trong tâm với trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới làm

nguyên nhân gần phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* (*lokiyavipassanā*) cho đến phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* (*lokittaravipassanā*) chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đề*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* và *Niết-bàn*.

4 **Thánh-đạo-tuệ** (*Maggañāṇa*) trong 4 *Thánh-đạo-tâm* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*, nên diệt tận được **vô-minh** đó là *si tâm-sở* (*mohacetasika*) đồng sinh với 12 **bất-thiện-tâm** theo khả năng của mỗi *Thánh-đạo-tuệ* như sau:

1- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **vô-minh** đó là *si tâm-sở* (*mohacetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* và 1 *si-tâm hợp* với *hoài-nghi*, gồm có 5 *si-tâm-sở* trong 5 *bất-thiện-tâm* không còn dư sót.

2- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **vô-minh** đó là *si tâm-sở* (*mohacetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp* với *tà-kiến loại thô* trong cõi *đục-giới*, với 2 *sân-tâm loại thô* không còn dư sót.

3- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **vô-minh** đó là *si tâm-sở* (*mohacetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp* với *tà-kiến loại vi-tế* trong cõi *đục-giới*, với 2 *sân-tâm loại vi-tế* không còn dư sót.

4- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được **vô-minh** đó là *si tâm-sở* (*mohacetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp* với *tà-kiến* và 1 *si-tâm hợp* với *phóng-tâm*, gồm có 5 *si tâm-sở* trong 5 *bất-thiện-tâm* còn lại không còn dư sót.

Bậc Thánh A-ra-hán hoàn toàn không còn **vô-minh** và cũng không còn *tham-ái*, *phiền-não* nào nữa.

*** Ba pháp che phủ 3 trạng-thái-chung,
phương pháp diệt 3 pháp che phủ**

Ba trạng-thái-chung của sắc-pháp, của danh-pháp là:

- 1- *Aniccalakkhaṇa*: Trạng-thái vô-thường.
- 2- *Dukkhalakkhaṇa*: Trạng-thái khổ.
- 3- *Anattalakkhaṇa*: Trạng-thái vô-ngã.

Ba trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới là sự thật hiển nhiên. Sở dĩ 3 trạng-thái-chung này không hiện rõ là vì bị che phủ bởi 3 pháp đó là:

1- **Santati**: Dòng sinh diệt liên tục vô cùng mau lẹ làm che phủ **trạng-thái vô-thường** không hiện rõ.

2- **Iriyāpatha**: Các oai-nghi thay đổi làm che phủ **trạng-thái khổ** không hiện rõ.

3- **Ghana**: Ngã-tướng đồng-nhất làm che phủ **trạng-thái vô-ngã** không hiện rõ.

Giải giải

1- **Santati**: Dòng sinh diệt liên tục vô cùng mau lẹ làm che phủ **trạng-thái vô-thường** không hiện rõ như thế nào?

Đức-Phật dạy:

“*Sabbe saṅkhārā aniccā.*”

Tất cả các pháp-hữu-vi đều có trạng-thái vô-thường.

Pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), v.v... đều có **trạng-thái vô-thường**, bởi vì mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng vô cùng mau lẹ, có rồi lại không.

Như vậy, **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới là sự thật hiển nhiên, do nguyên nhân nào làm cho **trạng-thái vô-thường** không hiện rõ?

Trong bộ *Visuddhimagga*, *Thanh-Tịnh-đạo* giải rằng:

“*Aniccalakkhaṇaṃ tāva udayabbayānaṃ amanasikārā santatīyā paṭicchannattā na upaṭṭhāti.*”⁽¹⁾

Trước hết, trạng-thái vô-thường không hiện rõ, vì dòng sinh diệt liên tục (santati) vô cùng mau lẹ của danh-pháp, sắc-pháp tam-giới, làm che phủ trạng-thái vô-thường, do không có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.

Dòng sinh diệt liên tục (santati) che phủ trạng-thái vô-thường như thế nào?

Ví dụ thô thiển dễ hiểu để so sánh như:

- Khi ta thấy những hình ảnh trên màn hình chiếu phim, cứ 1 giây đồng hồ có khoảng 24 tấm hình liên tục quay nhanh qua máy chiếu phim, ta thấy hình ảnh những tài tử diễn viên có những cử chỉ, hành động, lời nói tự nhiên bình thường. Ta không thể thấy từng tấm phim cách khoảng nhau và cũng không nghe từng tiếng nói cách khoảng nhau.

Đó là sự liên tục của cuộn phim quay nhanh.

- Khi ta thấy bóng đèn đang cháy sáng, cứ mỗi giây đồng hồ có khoảng 50-60 lần dòng điện tắt rồi cháy sáng liên tục không ngừng trong suốt thời gian bóng đèn cháy sáng. Ta không thể thấy bóng đèn cháy sáng rồi tắt liên tục.

Đó là sự liên tục của dòng điện tắt rồi cháy sáng.

Còn **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới thì vô cùng mau lẹ phi thường.

Trong Chú-giải giảng giải rằng:

¹ Bộ *Visuddhimagga*, phần *Paṭipadāññadassanavisuddhiniddesa*.

“*Ekaccharakkhaṇe koṭisatasahassasaṅkhā uppajitvā nirujjhati.*”⁽¹⁾

“*Chỉ một lần búng đầu ngón tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt liên tục 1.000 tỷ lần.*”

Như vậy, chỉ có *tri-tuệ thiên-tuệ thứ 4* gọi là *udayabbayā-nupassanāñāna* sắc bén nhanh nhạy có khả năng thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại mà thôi.

Nếu không có *tri-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayā-nupassanāñāna* thì không thấy rõ, biết rõ được ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên chắc chắn không thể cắt đứt ***santati: Dòng sinh diệt liên tục*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Vì vậy, hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Sở dĩ, hành-giả không thấy rõ, biết rõ ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại là vì ***dòng sinh diệt liên tục*** vô cùng mau lẹ của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, làm che phủ ***trạng-thái vô-thường*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Phương pháp làm cho trạng-thái vô-thường hiện rõ

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, đến khi *tri-tuệ thiên-tuệ thứ 4* gọi là *udayabbayānupassanāñāna* phát sinh sắc bén nhanh nhạy thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, mới có khả năng ***cắt đứt dòng sinh diệt liên tục*** vô cùng mau lẹ của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, thì sự

¹ Bộ Sam. Khandhavaggaṭṭhakathā, Kinh Phenapiṇḍupamāsuttavaṇṇanā

thật hiển nhiên **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện rõ.

Như bộ Visuddhimagga giải rằng:

“Udayabbayampana pariggahetvā santatiyā vikopitāya aniccalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti.”⁽¹⁾

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh, thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, mới có khả năng cắt đứt **dòng sinh diệt liên tục** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại. Khi ấy, **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó.

Trí-tuệ thiền-tuệ nào có khả năng thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp?

Trong 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự của pháp-hành thiền-tuệ, thì đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** gọi là udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp của danh-pháp tam-giới hiện-tại.

Thật vậy, **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa này là **trí-tuệ thiền-tuệ** bắt đầu thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại là:

- **Danh-pháp** nào sinh, do nhân-duyên nào sinh,
- **Danh-pháp** ấy diệt, do nhân-duyên ấy diệt.
- **Sắc-pháp** nào sinh, do nhân-duyên nào sinh,
- **Sắc-pháp** ấy diệt, do nhân-duyên ấy diệt.

Cho nên **trí-tuệ thiền-tuệ thứ tư** udayabbayānupassanāñāṇa này chính thức được gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ**,

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

bởi vì **trí-tuệ thiên-tuệ thứ tư** *udayabbayānupassanāñāṇa* có khả năng cắt đứt **dòng sinh diệt liên tục** (*santati*) mau lẹ không ngừng của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Như vậy, sự thật **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại được hiển nhiên hiện rõ.

Thật ra, không chỉ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại được hiển nhiên hiện rõ, mà còn **trạng-thái khổ**, **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại cũng được hiển nhiên hiện rõ, bởi vì 3 trạng-thái-chung này có sự liên quan với nhau.

Bắt đầu từ **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* này cho đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12** gọi là *saccānulomañāṇa* đều có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-thường**, **trạng-thái khổ**, **trạng-thái-vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Nếu hành-giả nào là hạng **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*) thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có khả năng phát sinh đến **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới hiện-tại**, thì hành-giả ấy thật là cao quý.

Như trong Dhammapadagāthā, Đức-Phật dạy rằng:

*“Yo ca vassasatam jīve, apassam udaybbayam.
Ekāham jīvitam seyyo, passato udaybbayam.”⁽¹⁾*

*Người nào dù sống đến trăm năm,
Mà không có trí-tuệ thiên-tuệ,
Không thấy sự sinh và sự diệt.*

¹ Dhammapadagāthā thứ 113.

*Không bằng hành-giả sống một ngày,
Có trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh,
Thấy rõ sự sinh và sự diệt,
Của sắc-pháp danh-pháp hiện-tại,
Cuộc đời cao quý biết đường nào!*

2- Iriyāpatha: *Các oai-nghi thay đổi làm che phủ trạng-thái khổ không hiện rõ như thế nào?*

Đức-Phật dạy rằng:

“Sabbe saṅkhārā dukkhā.”

Tất cả các pháp-hữu-vi đều có trạng-thái khổ.

Pháp-hữu-vi đó là sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), ... đều có **trạng-thái khổ**.

Như vậy, **trạng-thái khổ** của sắc-pháp, của danh-pháp là sự thật hiển nhiên, do nguyên nhân nào làm cho **trạng-thái khổ** không hiện rõ?

Trong bộ Visuddhimagga Thanh-Tịnh-Đạo giải rằng:

“Dukkhalakkhaṇaṃ abhiñhasampatipīlanassa amanasikārā iriyāpathehi paṭicchannattā na upatṭhāti.”⁽¹⁾

Trạng-thái khổ không hiện rõ, vì các oai-nghi thay đổi che phủ, do không có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt, trạng-thái vô-thường của sắc-pháp, các oai-nghi luôn luôn hành hạ.

Các oai-nghi làm che phủ trạng-thái khổ không hiện rõ như thế nào?

Tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm và các oai-nghi phụ* là bước tới trước, bước lui sau, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v...

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāññadassanavisuddhiniddesa.

Tứ-oai-nghi và các oai-nghi phụ thuộc về **sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)**, có *sự sinh, sự diệt liên tục* không ngừng, có *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ các oai-nghi, nên oai-nghi có **trạng-thái khổ**.

Thế mà mỗi khi có oai-nghi nào phát sinh khổ, theo thói quen liên thay đổi từ oai-nghi cũ ấy sang oai-nghi mới ngay, mà không có *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của oai-nghi cũ ấy, nên không có *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** của oai-nghi cũ ấy.

Vì vậy, oai-nghi mới làm che phủ *trạng-thái khổ* của oai-nghi cũ.

Phương pháp làm cho **trạng-thái khổ** hiện rõ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, trước khi thay đổi mỗi oai-nghi, cần phải có *trí-tuệ thiên-tuệ* biết rõ nguyên nhân chính đáng, đó là **sự khổ** bắt buộc phải thay đổi từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới.

Khi thay đổi oai-nghi, hành-giả có *trí-tuệ thiên-tuệ* theo dõi nhất cử nhất động từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới, *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của các sắc-pháp oai-nghi cũ ấy, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ các oai-nghi cũ ấy.

Vì vậy, **trạng-thái khổ** của sắc-pháp các oai-nghi ấy hiện rõ.

Như bộ Visuddhimagga giải rằng:

“Abhiñhapatiṣampañipīlanam manasikatvā iriyāpathe ugghāṭite dukkhalakkhaṇam yathāvasarasato upaṭṭhāti.”⁽¹⁾

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp oai-nghi ấy, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường* luôn luôn

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāññāḍassanavisuddhiniddesa.

hành hạ oai-nghi ấy, nên diệt được các oai-nghi che phủ trạng-thái khô.

*Khi ấy, **trạng-thái khô** của sắc-pháp oai-nghi ấy hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñña* phát sinh thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của mỗi sắc-pháp oai-nghi, mỗi danh-pháp hiện-tại, hiện rõ *trạng-thái vô-thường* luôn luôn hành hạ, nên **trạng-thái khô** của sắc-pháp oai-nghi, của danh-pháp biết oai-nghi ấy hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó.

3- Ghana: Ngã-tướng đồng-nhất làm che phủ trạng-thái vô-ngã không hiện rõ như thế nào?

Đức-Phật dạy rằng:

“*Sabbe dhammā anattā.*”

*Tất cả các pháp đều có **trạng-thái vô-ngã**.*

Dhammā đó là *pháp-hữu-vi*, sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu), v.v... đều có **trạng-thái vô-ngã**, bởi vì các pháp-hữu-vi ấy đều có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô*, nên có *trạng-thái vô-ngã*.

Như vậy, *trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp là sự thật hiển nhiên, do nguyên nhân nào **trạng-thái vô-ngã** không hiện rõ?

Trong bộ Visuddhimagga Thanh-Tịnh-Đạo giải rằng:

“*Anattalakkhaṇam nānādhātuvinibhogassa amanasi-kārā ghanena paṭicchannattā na upaṭṭhāti.*”⁽¹⁾

Trạng-thái vô-ngã không hiện rõ, vì ngã-tướng đồng-nhất che phủ, do không có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân tích rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp riêng biệt với nhau.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāññadassanavisuddhiniddesa.

Ngã-tướng đồng-nhất che phủ trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, như thế nào?

Ghana: *Ngã-tướng đồng-nhất có 3 loại:*

1- *Samūhaghana:* *Ngã-tướng đồng-nhất tổng-hợp là gom mọi danh-pháp và mọi sắc-pháp lại cho là ta.*

2- *Kiccaghana:* *Ngã-tướng đồng-nhất phận sự là gom mọi phận sự của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp lại cho là ta.*

3- *Ārammaṇaghana:* *Ngã-tướng đồng-nhất đối-tượng là gom mọi đối-tượng lại cho là ta.*

Sự thật theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* thì *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* được phân biệt như sau:

* **Danh-pháp** (*nāmadhamma*) đó là tâm với tâm-sở:

- *Tâm (citta)* gồm có 89 hoặc 121 tâm.

- *Tâm-sở (cetasika)* gồm có 52 tâm-sở.

* **Sắc-pháp** (*rūpadhamma*) gồm có 28 sắc-pháp.

- Mỗi tâm, tâm-sở đều có trạng thái riêng, có phận sự riêng, có đối-tượng riêng.

- Mỗi sắc-pháp có trạng thái riêng, v.v...

Thế mà, *ngã-tướng đồng-nhất do tà-kiến thấy sai chấp lầm nơi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp gom lại cho là ta theo 3 loại ngã-tướng đồng-nhất: Ngã-tướng đồng-nhất tổng-hợp, ngã-tướng đồng-nhất phận sự, ngã-tướng đồng-nhất đối-tượng, nên che phủ trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp như sau:*

1- *Samūhaghana:* *Ngã-tướng đồng-nhất tổng-hợp là gom mọi danh-pháp và mọi sắc-pháp lại cho là ta như thế nào?*

Ví dụ: Sờ dĩ gọi là “**chiếc xe**” là vì có các bộ phận được lắp ráp lại với nhau. Nếu tháo rời mỗi bộ phận ra riêng rẽ thì không còn thấy **chiếc xe** nữa.

Gọi là “**ngôi nhà**” vì được xây bằng cát, xi-măng cốt sắt. Nếu phá vỡ ra thành mảnh vụn thì không còn thấy **ngôi nhà** nữa, như thế nào

Cũng như vậy, sở dĩ gọi là “**con người**” gọi là **ta** là vì có ngũ-uẩn: *Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* nương nhờ, liên kết lại lẫn nhau. Nếu có trí-tuệ phân tích ra mỗi uẩn riêng rẽ thì không có uẩn nào gọi là **con người** cũng không gọi là **ta** nữa.

Ngũ-uẩn có 5 uẩn:

- *Sắc-uẩn* đó là 28 sắc-pháp.
- *Thọ-uẩn* đó là *thọ tâm-sở* đồng sinh với tâm.
- *Tưởng-uẩn* đó là *tưởng tâm-sở* đồng sinh với tâm.
- *Hành-uẩn* đó là 50 *tâm-sở* còn lại (*trừ thọ tâm-sở* và *tưởng tâm-sở*) đồng sinh với tâm.
- *Thức-uẩn* đó là *tâm* gồm có 89 hoặc 121 *tâm*.

Trong 5 uẩn này:

- *Phần sắc-uẩn* thuộc về **sắc-pháp** gọi là **thân người**.
- *Phần thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* gồm có 4 uẩn này thuộc về **danh-pháp** (*tâm với tâm-sở*) luôn luôn nương nhờ lẫn nhau, không thể tách rời được.

Tuy nhiên, trong trường-hợp khi con người hết tuổi thọ (chết), thì 4 *danh-uẩn* (*tâm với tâm-sở*) tách rời ra khỏi *sắc-uẩn* (*thân*). Khi ấy, thân trở thành *tử thi* rồi theo thời gian sẽ trở thành bột.

2- **Kiccaghana**: *Ngã-tướng đồng-nhất phận sự* là gom mọi phận sự của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp lại cho là **ta** như thế nào?

Theo *chân-nghiã-pháp* (*paramatthadhamma*), mỗi *tâm* với *tâm-sở* có mỗi phận sự như sau:

- *Cakkhuviññāna*: *Nhãn-thức-tâm* có 2 *tâm* làm phận sự thấy đối-tượng sắc.

- *Sotaviññāna*: *Nhĩ-thức-tâm* có 2 tâm làm phạm sự nghe đối-tượng thanh.

- *Ghānaviññāna*: *Tỷ-thức-tâm* có 2 tâm làm phạm sự ngửi đối-tượng hương.

- *Jivhāviññāna*: *Thiệt-thức-tâm* có 2 tâm làm phạm sự nếm đối-tượng vị.

- *Kāyaviññāna*: *Thân-thức-tâm* có 2 tâm làm phạm sự xúc-giác đối-tượng xúc.

- *Manoviññāna*: *Ý-thức-tâm* có 79 tâm (trừ 10 thức-tâm) làm phạm sự biết đối-tượng pháp.

Thế mà, *ngã-tướng đồng-nhất phạm sự* cho là *ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta xúc-giác, ta biết*, nên che phủ *trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp*.

3- *Ārammaṇaghana*: *Ngã-tướng đồng-nhất đối-tượng* là *gồm mọi đối-tượng lại cho là ta như thế nào?*

Theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*, đối-tượng có 6 loại, mỗi đối-tượng được biết bằng mỗi loại tâm riêng biệt như sau:

- *Đối-tượng sắc* được thấy bằng *nhãn-thức-tâm*.
- *Đối-tượng thanh* được nghe bằng *nhĩ-thức-tâm*.
- *Đối-tượng hương* được ngửi bằng *tỷ-thức-tâm*.
- *Đối-tượng vị* được nếm bằng *thiệt-thức-tâm*.
- *Đối-tượng xúc* được xúc-giác bằng *thân-thức-tâm*.
- *Đối-tượng pháp* được thấy bằng *ý-thức-tâm*.

Sáu loại đối-tượng này vốn thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*, thế mà, *ngã-tướng đồng-nhất đối-tượng* cho là *ta biết các đối-tượng ấy* theo *chế-định-pháp (paññattidhamma)*, nên che phủ *trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp*.

Phương pháp làm cho trạng-thái vô-ngã hiện rõ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 phát sinh* gọi là *uddayabbayānupassanā-ñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp, thấy rõ, biết rõ 3 trạng-thái chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

Như bộ Visuddhimagga giải rằng:

“*Nānādhātuyo vinibbhujitvā ghanavinibbhoge kate anattalakkhaṇaṃ yathāvasarasato upaṭṭhāti.*”⁽¹⁾

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân-tích, phân-biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp khác nhau, nên ngã-tướng đồng-nhất bị tách rời ra từng mỗi tâm khác nhau, phận sự của mỗi tâm khác nhau, mỗi tâm biết mỗi đối-tượng khác nhau, nên trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, nên **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp hiển nhiên hiện rõ sự thật của nó.

Trạng-thái-chung của sắc-pháp, của danh-pháp có 3 là:

- Trạng-thái vô-thường (*aniccalakkhaṇa*).
- Trạng-thái khổ (*dukkhalakkhaṇa*).
- Trạng-thái vô-ngã (*anattalakkhaṇa*).

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, nên hiển rõ **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã**.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Paṭipadāñāṇadassanavisuddhiniddesa.

Thật ra, trong 3 *trạng-thái-chung* này, **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ 1 *trạng-thái-chung* nào của *sắc-pháp* nào, *danh-pháp* nào hiện rõ, 2 *trạng-thái-chung* kia không hiện rõ.

Tuy 2 *trạng-thái-chung* kia không hiện rõ, nhưng chắc chắn tiềm năng của *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* *udayabbayānupassanāñāṇa* này cũng có khả năng diệt được 3 *pháp-đảo-điên* (*vipallāsa*), bởi vì 3 *trạng-thái-chung* có sự liên quan lẫn nhau.

- Nếu khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường** của *sắc-pháp*, của *danh-pháp* thì diệt được *tướng-đảo-điên*, *tâm-đảo-điên*, *tà-kiến-đảo-điên* cho rằng: *Sắc-pháp*, *danh-pháp* là **thường** (*nicca*).

- Nếu khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** của *sắc-pháp*, của *danh-pháp* thì diệt được *tướng-đảo-điên*, *tâm-đảo-điên*, *tà-kiến-đảo-điên* cho rằng: *Sắc-pháp*, *danh-pháp* là **lạc** (*sukha*).

- Nếu khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-ngã** của *sắc-pháp*, của *danh-pháp* thì diệt được *tướng-đảo-điên*, *tâm-đảo-điên*, *tà-kiến-đảo-điên* cho rằng: *Sắc-pháp*, *danh-pháp* là **ngã** (*attā*).

Do sự liên quan của 3 *trạng-thái-chung*, nên *trạng-thái-chung* nào hiện rõ đều có khả năng diệt được *tướng-đảo-điên*, *tâm-đảo-điên*, *tà-kiến-đảo-điên* cho rằng: *Sắc-pháp*, *danh-pháp* là **thường, lạc, ngã**.

Giải thích về tâm, phạm sự, đối-tượng

Tâm gồm có 89 hoặc 121 tâm chia ra làm 6 loại tâm có 14 phạm sự biết 6 đối-tượng như sau:

- *Nhãn-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có 1 *phạm sự* thấy 1 *đối-tượng sắc hiện-tại*, các hình dạng mà thôi.

Ngoài ra, *nhĩ-thức-tâm* không có phạm sự biết các đối-tượng khác.

- *Nhĩ-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có 1 phạm sự nghe 1 đối-tượng thanh hiện-tại, các âm thanh mà thôi.

Ngoài ra, *nhĩ-thức-tâm* không có phạm sự biết các đối-tượng khác.

- *Tỷ-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có 1 phạm sự ngửi 1 đối-tượng hương hiện-tại, các loại mùi hương mà thôi.

Ngoài ra, *tỷ-thức-tâm* không có phạm sự biết các đối-tượng khác.

- *Thiệt-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có 1 phạm sự nếm 1 đối-tượng vị hiện-tại, các thứ vị mà thôi.

Ngoài ra, *thiệt-thức-tâm* không có phạm sự biết các đối-tượng khác.

- *Thân-thức-tâm* có 2 tâm chỉ có 1 phạm sự xúc giác 1 đối-tượng xúc hiện-tại, cứng mềm, nóng lạnh, v.v... mà thôi.

Ngoài ra, *thân-thức-tâm* không có phạm sự biết các đối-tượng khác.

- *Ý-thức-tâm* gồm có 79 hoặc 111 tâm (trừ 10 thức-tâm) có nhiều phạm sự biết cả 6 đối-tượng (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, đặc biệt biết đối-tượng siêu-tam-giới Niết-bàn, và chế-định-pháp nữa.

(Tìm hiểu rõ 14 phạm sự của mỗi tâm trong bộ Abhidhammatthasaṅgaha: Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa, trong chương 3, phần Pakiṇakasaṅgaha.)

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, cốt để phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, của danh-pháp, để thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*.

Trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh theo tuần tự từ *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* (*lokiyavipassanā*) đến *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* (*lokuttaravipassanā*) trải qua 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 gọi là *udayabbayānumupassanā-nāna* mới có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, bắt đầu chính thức gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ** (*vipassanānāna*).

Đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** gọi là *gotrabhuñña* có đối-tượng *Niết-bàn siêu-tam-giới*, tiếp theo **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** gọi là *Maggāñña* chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đế*, chứng đắc *4 Thánh-đạo-tuệ*.

Tứ Thánh-Đế (Ariyasacca)

Tứ Thánh-đế (*ariyasacca*) đó là *4 sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân* đã chứng ngộ, đó là:

1- Khổ Thánh-đế (*dukkha ariyasacca*) là *sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là ngũ-uẩn chấp-thủ, hoặc sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới*.

2- Nhân sinh khổ Thánh-đế (*dukkhasamudaya ariyasacca*) là *sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là 3 loại tham-ái*:

- *Dục-ái* (*kāmatanḥā*) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng: *Sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái*.

- *Hữu-ái* (*bhavatanḥā*) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng (*sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái*) hợp với **thường-kiến**, và **tham-ái** trong *thiền sắc-giới-tâm, thiền*

vô-sắc-giới-tâm, tầng-trời sắc-giới phạm-thiên, tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

- *Phi-hữu-ái* (*vibhāvataṇhā*) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với **đoạn-kiến**.

3- Diệt khổ Thánh-đế (*dukkhanirodha ariyasacca*) là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là Niết-bàn, pháp diệt tham-ái, diệt khổ tái-sinh kiếp sau.

4- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế (*dukkhanirodhagamini paṭipadā ariyasacca*) là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.

Tứ Thánh-đế là sự-thật chân-lý là nền tảng căn bản trong giáo pháp của **chư Phật-Chánh-Đẳng-Giác** quá-khứ, hiện-tại và vị-lai.

Thật vậy, trong 9 ân-Đức-Phật, Đức-Thế-Tôn có ân-đức **Sammāsambuddha**: Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tự mình chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, đặc biệt diệt được mọi tiền-khiên-tật (*vāsanā*) đã tích lũy từ vô số kiếp quá-khứ, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh gọi là **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** độc nhất vô nhị.

Và ân-đức **Buddha**: Đức-Phật tự mình chứng ngộ chân-lý **tứ Thánh-đế** đầu tiên không thầy chỉ dạy, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** đầu tiên trong toàn cõi-giới chúng-sinh.

Đức-Phật thuyết pháp tế độ những chúng-sinh có duyên lành nên tế độ. Những chúng-sinh ấy thuộc về hạng *người tam-nhân (tīhetukapuggala)* đã từng tích-lũy 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ, kiếp hiện-tại là người có giới-hạnh trong sạch, có duyên lành đến hầu đánh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ cũng dẫn đến chứng ngộ *chân-ly tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, cũng chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn*, trở thành *bậc Thánh-nhân* nào tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử ấy.

Kinh Chuyển-Pháp-luân đầu tiên

Sau khi trở thành **Đức-Phật-Chánh-Đấng-Giác** có danh hiệu là **Đức-Phật Gotama** vào *canh chót đêm rằm tháng tư* tại cõi Đại-Bồ-đề trong khu rừng Uruvelā (nay gọi *Buddhagayā, nước Ấn-độ*).

Đúng 2 tháng sau, **Đức-Phật Gotama** từ khu rừng Uruvelā ngự đến khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần kinh-thành Bārāṇasī, có nhóm 5 tỳ-khuru trú tại nơi ấy, vào *ngày rằm tháng 6 (âm lịch)*, **Đức-Phật Gotama** thuyết giảng bài kinh **Dhammacakkappavattana-sutta: Kinh Chuyển-Pháp-Luân**⁽¹⁾ lần đầu tiên, để tế độ nhóm 5 tỳ-khuru: *Ngài Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji.*

Nội dung cốt lõi toàn bài *kinh Chuyển-Pháp-Luân* này, Đức-Phật đề cập đến *tứ Thánh-đế*. Trong bài kinh này, có một đoạn Đức-Phật khẳng định truyền dạy toàn cõi thế giới chúng-sinh rằng:

¹ Xem ý nghĩa bài kinh trong quyển I: Tam-bảo, phần Đức-Pháp, cùng soạn giả.

“Yāvakīvañca me bhikkhave, imesu catūsu ariya-saccesu evaṃ **tīparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ** yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ **na suvisuddhaṃ** ahoṣi, neva tāvāhaṃ bhikkhave, sadevake loke samāraḷe sabrahmaḷe sassa-
maṇabrahmaṇiyā pajāya sadevamaṇussāya anuttaraṃ
sammāsambodhiṃ abhisambuddho ’ti paccaññāsiṃ.

“Yato ca kho me bhikkhave, imesu catūsu ariya-saccesu evaṃ **tīparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ** yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ **suvisuddhaṃ** ahoṣi, athāhaṃ bhikkhave, sadevake loke samāraḷe sabrahmaḷe sassamaṇa-
brahmaṇiyā pajāya sadevamaṇussāya anuttaraṃ sammā-
sambodhiṃ abhisambuddho ’ti paccaññāsiṃ.

Ñāṇaṇca pana me dassanaṃ udapādī, akuppā me vimutti, ayamantimā jāti, natthi dāni punabbhavo.”⁽¹⁾

Ý nghĩa: - “Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ Thánh-đế theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành) thành **12 loại trí-tuệ** hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh **chưa phát sinh** đến với Như-Lai.

- Này chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai vẫn chưa truyền dạy rằng: “Như-Lai chứng đắc thành Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên cả thấy.

- Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **tứ Thánh-đế** theo **tam-tuệ-luân** (trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành) thành **12 loại trí-tuệ** hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh **đã phát sinh** đến với Như-Lai.

¹ Bộ Saṃyuttanikāya, Mahāvaggasaṃyutta, kinh Dhammacakkappavattasutta.

- *Này chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “Như-Lai đã chứng đắc thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** vô thượng trong toàn cõi-giới chúng-sinh nhân-loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên cả thảy.”*

*Trí-tuệ quán triệt đã phát sinh đến với Như-Lai, biết rõ rằng: “A-ra-hán Thánh-quả-tuệ giải thoát của Như-Lai không bao giờ bị mất, **kiếp này là kiếp chót**, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau nữa.”*

Khi Đức-Phật Gotama thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân xong, nhóm 5 tỳ-khuru phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ với lời giáo huấn của Đức-Phật, cùng toàn thể chư thiên từ mặt đất, 6 cõi trời dục-giới, cho đến chư phạm-thiên 15 cõi trời sắc-giới, phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ đồng thanh tán dương ca tụng rằng:

“Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển-Pháp-Luân vô thượng tại khu rừng phóng sinh nơi gọi là Isipatana, gần kinh thành Bārāṇasī, chưa từng có sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên hay bất cứ ai trong đời này có thể thuyết giảng như vậy được.”

Khi ấy, **Ngài Đại Trưởng-lão Koṇḍañña** là vị thanh-văn đệ-tử phát sinh **pháp-nhãn** (dhammacakkhu) chứng ngộ chân-lý tứ **Thánh-đế** đầu tiên y theo Đức-Phật, chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo**, **Nhập-lưu Thánh-quả**, và **Niết-bàn**, trở thành bậc **Thánh Nhập-lưu** là bậc **Thánh Thanh-văn đầu tiên** trong giáo pháp của Đức-Phật Gotama, cùng với **180 triệu chư-thiên, phạm-thiên** cũng chứng ngộ chân-lý tứ **Thánh-đế** y theo Đức-Phật, chứng đắc **Thánh-đạo**, **Thánh-quả** bậc nào tùy theo 10 **pháp-hạnh ba-la-mật** và năng lực 5 **pháp-chủ**: **Tín-pháp-chủ**, **tán-pháp-chủ**, **niệm-pháp-chủ**, **định-pháp-chủ**, **tuệ-pháp-chủ** của mỗi vị.

Như vậy, **tứ Thánh-đế** là *sự-thật chân-lý* có tầm quan trọng lớn không chỉ đối với chư *Phật-Chánh-Đẳng-Giác*, mà còn *các hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* nữa, bởi vì, để trở thành *Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác* đều phải *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, rồi mới chứng đắc *4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*.

Và để trở thành *bậc Thánh Thanh-văn-giác đệ-tử* của Đức-Phật bậc nào cũng phải *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, rồi mới chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận tham-ái, phiền-não, trở thành Thánh-nhân bậc nào*, hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực của *10 pháp-hạnh ba-la-mật và năng lực của 5 pháp-chủ* của mỗi vị Thánh Thanh-văn ấy.

Tìm hiểu thật-tánh của tứ Thánh-đế

Trong bộ *Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo* giảng giải 16 thật-tánh của tứ Thánh-đế⁽¹⁾ như sau:

1- **Khổ Thánh-đế** (*dukkha ariyasacca*) đó là *ngũ-uẩn-chấp-thủ, hoặc sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới*, có 4 thật-tánh là:

- *Thật-tánh khổ là luôn luôn hành hạ.*
- *Thật-tánh khổ là do nhân-duyên cấu tạo.*
- *Thật-tánh khổ làm nóng nảy.*
- *Thật-tánh khổ là do luôn luôn biến đổi.*

2- **Nhân sinh khổ Thánh-đế** (*dukkhasamudaya ariyasacca*) đó là *3 loại tham-ái, là nhân sinh khổ Thánh-đế*, có 4 thật-tánh là:

- *Thật-tánh làm nhân sinh khổ-đế.*
- *Thật-tánh làm cho phát sinh khổ-đế.*
- *Thật-tánh ràng buộc trong khổ-đế, không thoát ra khỏi khổ-đế được.*

¹ Bộ *Visuddhimagga*, phần *Pariññādikiccakathā*.

- *Thật-tánh dính mắc trong khổ-đề.*

3- **Diệt khổ Thánh-đề** (*dukkhanirodha ariyasacca*) đó là Niết-bàn, là pháp diệt khổ Thánh-đề, có 4 thật-tánh là:

- *Thật-tánh giải thoát khổ Thánh-đề.*
- *Thật-tánh không bị ràng buộc trong khổ Thánh-đề.*
- *Thật-tánh không bị nhân-duyên nào cấu tạo.*
- *Thật-tánh không còn tử sinh luân-hồi.*

4- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đề** (*dukkhanirodhagamini paṭipadā ariyasacca*) đó là pháp-hành bát-chánh-đạo: Chánh-kiến, chánh-tu-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định, có 4 thật-tánh là:

- *Thật-tánh là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn.*
- *Thật-tánh là pháp-hành chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đề.*
- *Thật-tánh là pháp-hành giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*
- *Thật-tánh là pháp-hành dẫn đầu làm phận sự: Biết khổ Thánh-đề, diệt tham-ái, nhân sinh khổ Thánh-đề, chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đề.*

Tất cả 16 thật-tánh của tứ Thánh-đề này đồng thành tựu cùng một lúc trong 4 Thánh-đạo-tâm.

Tam-tuệ-luân (Tiparivaṭṭa)

Đức-Phật dạy rằng:

“*Yato ca kho me bhikkhave, imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ suvisuddhaṃ ahoṣi, athāhaṃ bhikkhave, sadevake loke samārake sabrahmake sassamaṇa-brahmaṇiyā pajāya sadevamanussāya anuttaraṃ sammāsambodhiṃ abhisambuddho ’ti paccaññāsiṃ...*”

“- *Này chư tỳ-khuru! Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của tứ Thánh-đề theo tam-tuệ-luân*

(*trí-tuệ-học, trí-tuệ-hành, trí-tuệ-thành*) thành **12 loại trí-tuệ** hoàn toàn trong sáng thanh-tịnh **đã phát sinh** đến với Như-Lai...”

- Này chư tỳ-khuru! Khi ấy, Như-Lai đồng dạy khẳng định truyền dạy rằng: “Như-Lai đã chứng đắc thành **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** vô thượng trong toàn cõi giới chúng-sinh nhân loại, vua chúa, sa-môn, bà-la-môn, chư-thiên, ma-vương, phạm-thiên cả thảy”.

Tứ Thánh-đế theo tam-tuệ-luân là thế nào?

Tam-tuệ-luân đó là 3 loại trí-tuệ luân chuyển theo tuần tự trong **tứ Thánh-đế** là:

- 1- *Saccañāṇa*: Trí-tuệ-học trong **tứ Thánh-đế**.
- 2- *Kiccañāṇa*: Trí-tuệ-hành phận sự trong **tứ Thánh-đế**.
- 3- *Katañāṇa*: Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phận sự trong **tứ Thánh-đế**.

Giải giảng

1- *Saccañāṇa*: Trí-tuệ-học trong **tứ Thánh-đế**

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, điều trước tiên cần phải học về **phần pháp-học** của **tứ Thánh-đế**, đó là **4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế** cho hiểu rõ các chi pháp của **mỗi Thánh-đế** như sau:

1.1- Trí-tuệ-học trong **khổ Thánh-đế**

Trí-tuệ-học trong **khổ Thánh-đế** đó là học về **ngũ-uẩn chấp-thủ** (*pañcupadānakkhandha*) nghĩa là **ngũ-uẩn** là đối-tượng của 4 **pháp-chấp-thủ** (*tham-dục chấp-thủ, tà-kiến chấp-thủ, pháp-thường-hành chấp-thủ, ngã-kiến chấp-thủ*).

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

1- **Sắc-uẩn chấp-thủ** đó là 28 **sắc-pháp** là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

2- *Thọ-uẩn chấp-thủ* đó là *thọ tâm-sở* đồng sinh với *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

3- *Tướng-uẩn chấp-thủ* đó là *tướng tâm-sở* đồng sinh với *81 tâm tam-giới* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

4- *Hành-uẩn chấp-thủ* đó là *50 tâm-sở* (trừ ra *thọ* và *tướng tâm-sở*) đồng sinh với *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

5- *Thức-uẩn chấp-thủ* đó là *81 tam-giới-tâm* là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

* Mỗi *tâm* phát sinh chắc chắn có một *số tâm-sở* đồng sinh với *tâm ấy*, nên có *4 uẩn phát sinh*:

- *Tâm ấy* thuộc về *thức-uẩn*.
- *Thọ tâm-sở* đồng sinh với *tâm ấy* thuộc về *thọ-uẩn*.
- *Tướng tâm-sở* đồng sinh với *tâm ấy* thuộc về *tướng-uẩn*.
- *Số tâm-sở còn lại* đồng sinh với *tâm ấy* thuộc về *hành-uẩn*.
- Và *vatthurūpa* là nơi sinh của *tâm* với *tâm-sở ấy* thuộc về *sắc-uẩn*.

* Đối với tất cả chúng-sinh trong *11 cõi dục-giới* và chư phạm-thiên trú trong *15 tầng trời sắc-giới phạm-thiên* (trừ tầng trời sắc-giới phạm-thiên Vô-tướng-thiên) đều có đủ *ngũ-uẩn*.

* Đối với tất cả chư phạm-thiên trong *4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên* chỉ có *4 danh-uẩn* mà thôi, không có *sắc-uẩn*.

* Đối với tất cả chư phạm-thiên trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên *Vô-tướng-thiên* chỉ có *1 uẩn* là *sắc-uẩn* mà thôi.

Ngũ-uẩn chấp-thủ:

- *Sắc-uẩn chấp thủ* thuộc về *sắc-pháp*.

- Thọ-uẩn chấp-thủ, tướng-uẩn chấp-thủ, hành-uẩn chấp-thủ, thức-uẩn chấp-thủ thuộc về **danh-pháp**.

Như vậy, ngũ-uẩn chấp-thủ hoặc sắc-pháp danh-pháp trong tam-giới là khổ Thánh-đế mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ.

1.2- Trí-tuệ-học trong nhân sinh khổ Thánh-đế

Trí-tuệ-học trong **nhân sinh khổ Thánh-đế** đó là học về các loại **tham-ái**.

Tham-ái có 3 loại, 6 loại, 18 loại, 54 loại, 108 loại.

* **Tham-ái** có 3 loại là:

1- *Kāmatanḥā*: Dục-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng: Sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái.

2- *Bhavatanḥā*: Hữu-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với **thường-kiến** và **tham-ái** trong thiên sắc-giới-tâm, thiên vô-sắc-giới-tâm, trong cõi trời sắc-giới phạm-thiên, cõi trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

3- *Vibhavatanḥā*: Phi-hữu-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái) hợp với **đoạn-kiến**.

* **Tham-ái** có 6 loại là:

- *Rūpatanḥā*: Sắc-ái là **tham-ái** trong đối-tượng sắc.

- *Saddatanḥā*: Thanh-ái là **tham-ái** trong đối-tượng thanh.

- *Gandhatanḥā*: Hương-ái là **tham-ái** trong đối-tượng hương.

- *Rasatanḥā*: Vị-ái là **tham-ái** trong đối-tượng vị.

- *Phoṭṭhabbatanḥā*: Xúc-ái là **tham-ái** trong đối-tượng xúc.

- *Dhammatanḥā*: Pháp-ái là **tham-ái** trong đối-tượng pháp.

* **Tham-ái** có 18 loại là 3 loại *tham-ái* nhân với 6 *đối-tượng* thành 18 loại *tham-ái*.

* **Tham-ái** có 54 loại là 18 loại *tham-ái* nhân với 3 thời:

- Thời quá-khứ có 18 loại *tham-ái*.
- Thời hiện-tại có 18 loại *tham-ái*.
- Thời vị-lai có 18 loại *tham-ái*.

Trong 3 thời gồm có 54 loại *tham-ái*.

* **Tham-ái** có 108 loại là 54 loại *tham-ái* nhân với 2 *bên*:

- Bên trong của mình có 54 loại *tham-ái*.
- Bên ngoài mình, của người khác, vật khác có 54 loại *tham-ái*.

Hai bên gồm có 108 loại *tham-ái*.

Các loại **tham-ái** đều thuộc về *nhân sinh khổ Thánh-đế* mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ.

1.3- Trí-tuệ-học trong diệt khổ Thánh-đế

Trí-tuệ-học trong **diệt khổ Thánh-đế** đó là học về các loại **Niết-bàn**.

* **Niết-bàn** có 2 loại:

1- **Sa upādisesanibbāna**: *Hữu-dư Niết-bàn* là **Niết-bàn** đối với chư bậc Thánh *A-ra-hán* đã diệt tận mọi *tham-ái*, mọi *phiền-não* không còn dư sót, còn gọi là *phiền-não Niết-bàn (kilesaparinibbāna)*, nhưng ngũ-uẩn vẫn còn tồn tại cho đến khi hết tuổi thọ.

2- **Anupādisesanibbāna**: *Vô-dư Niết-bàn* là **Niết-bàn** đối với chư bậc Thánh *A-ra-hán* đã diệt tận mọi *tham-ái*, mọi *phiền-não* không còn dư sót; đến lúc hết tuổi thọ, bậc Thánh *A-ra-hán* tịch diệt **Niết-bàn**, còn gọi là *ngũ-uẩn Niết-bàn (khandhaparibbāna)*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* **Niết-bàn** có 3 loại:

1- **Animittanibbāna**: Vô-hiện-tượng Niết-bàn là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh-pháp hoặc sắc-pháp, hiện rõ **trạng-thái vô-thường** (*aniccalakkhaṇa*) hơn **trạng-thái khô**, **trạng-thái vô-ngã**, do năng lực của **tín-pháp-chủ** (*sadhindriya*) hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ*). Hoặc do năng lực của **giới** (*sīla*), dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn. **Niết-bàn** ấy gọi là **Animittanibbāna**: Vô-hiện-tượng Niết-bàn, là Niết-bàn không có hiện tượng của các pháp-hữu-vi.

2- **Appaṇihitanibbāna**: Vô-ái-Niết-bàn là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh-pháp hoặc sắc-pháp, hiện rõ **trạng-thái khổ** (*dukkhalakkhaṇa*) hơn **trạng-thái vô-thường**, **trạng-thái vô-ngã**, do năng lực của **định-pháp-chủ** (*samādhindriya*) hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tín-pháp-chủ*, *tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ*). Hoặc do năng lực của **định** (*samāधि*) dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn. **Niết-bàn** ấy gọi là **Appaṇihitanibbāna**: Vô-ái-Niết-bàn, là Niết-bàn không có tham-ái nương nhờ.

3- **Suññatanibbāna**: Chơn-không-Niết-bàn là **Niết-bàn** đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của danh-pháp hoặc sắc-pháp, hiện rõ **trạng-thái vô-ngã** (*anattalakkhaṇa*) hơn **trạng-thái vô-thường**, **trạng-thái khổ**, do năng lực của **tuệ-pháp-chủ** (*paññindriya*) hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tín-pháp-chủ*, *tán-pháp-chủ*, *niệm-*

pháp-chủ, định-pháp-chủ). Hoặc do năng lực của *tuệ* (*paññā*), dẫn đến chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đề*, chứng đắc *Thánh-đạo, Thánh-quả* và *Niết-bàn*. **Niết-bàn** ấy gọi là ***Suññatanibbāna***: *Chơn-không-Niết-bàn*, là *Niết-bàn hoàn toàn vô-ngã, không phải ta, không phải của ta*.

Những ***Niết-bàn*** này đều thuộc về *diệt khổ Thánh-đề* mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ.

1.4- Trí-tuệ-học trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đề

Trí-tuệ-học trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đề đó là học về *pháp-hành bát-chánh-đạo*.

Bát-chánh-đạo có 8 chánh:

1- ***Sammādiṭṭhi***: *Chánh-kiến* là trí-tuệ chân-chính, trí-tuệ thiên-tuệ chứng ngộ chân-lý *tứ Thánh-đề*.

2- ***Sammāsaṅkappa***: *Chánh-tư-duy* là tư duy chân-chính, có 3 pháp:

- *Tư duy thoát ra khỏi ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục).*
- *Tư duy không làm khổ mình, khổ người.*
- *Tư duy không làm hại mình, hại người.*

3- ***Sammāvācā***: *Chánh-ngữ* là lời nói chân-chính, có 4

- *Không nói dối.*
- *Không nói lời chia rẽ.*
- *Không nói lời thô tục.*
- *Không nói lời vô ích.*

4- ***Sammākammanta***: *Chánh-nghiệp* là nghề nghiệp chân-chính, có 3 điều:

- *Không sát sinh.*
- *Không trộm cắp.*
- *Không tà dâm.*

5- **Sammā ājīva**: Chánh-mạng là nuôi mạng chân-chánh là tránh xa cách sống tà-mạng do thân hành ác-nghiệp, do khẩu nói ác-nghiệp.

6- **Sammāvāyāma**: Chánh-tinh-tấn là tinh-tấn chân chính, có 4 pháp:

- Tinh-tấn ngăn ác pháp chưa sinh, không cho sinh.
- Tinh-tấn diệt ác pháp đã phát sinh.
- Tinh-tấn làm cho thiện pháp chưa sinh, được phát sinh.
- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

7- **Sammāsati**: Chánh-niệm là niệm chân chính, có 4 pháp-hành tứ-niệm-xứ:

- Thân niệm-xứ: **Thân** là đối-tượng của chánh-niệm.
- Thọ niệm-xứ: **Thọ** là đối-tượng của chánh-niệm.
- Tâm niệm-xứ: **Tâm** là đối-tượng của chánh-niệm.
- Pháp niệm-xứ: **Tháp** là đối-tượng của chánh-niệm.

8- **Sammāsamādhī**: Chánh-định là định-tâm chân chính trong 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm thuộc về siêu-tam-giới-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Bát-chánh-đạo đó là 8 loại tâm-sở:

- Chánh-kiến có chi pháp là trí-tuệ tâm-sở.
- Chánh-tư-duy có chi pháp là hướng-tâm tâm-sở.
- Chánh-ngữ có chi pháp là chánh-ngữ tâm-sở.
- Chánh-nghiệp có chi pháp là chánh-nghiệp tâm-sở.
- Chánh-mạng có chi pháp là chánh-mạng tâm-sở.
- Chánh-tinh-tấn có chi pháp là tinh-tấn tâm-sở.
- Chánh-niệm có chi pháp là niệm tâm-sở.
- Chánh-định có chi pháp là nhất-tâm tâm-sở.

8 loại tâm-sở này gọi là **bát-chánh-đạo** chỉ cùng đồng sinh với 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm mà thôi, bởi vì trong bát-chánh-đạo có 3 chế-ngự-tâm-sở (viraticetasika):

Chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng thuộc về loại **niyata ekatocetasika**, 3 tâm-sở cố định chỉ cùng đồng sinh với 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới mà thôi.

Tuy nhiên *chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng* là 3 *chế-ngự-tâm-sở* thuộc về loại *anivatayogīcetasika*: *Bất-định-tâm-sở* còn thuộc loại *nānākadāci*: Mỗi tâm-sở riêng rẽ đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, bởi vì mỗi tâm-sở này có mỗi đối tượng khác nhau.

Bất-chánh-đạo theo tam-giới và siêu-tam-giới

Bất-chánh-đạo có 8 chánh mà mỗi chánh có nhiều loại, phân biệt *bất-chánh-đạo tam-giới* và *bất-chánh-đạo siêu-tam-giới* như sau:

* **Chánh-kiến** (*sammādiṭṭhi*) là trí-tuệ chân chính thấy đúng, biết đúng, có 5 loại:

1- *Kammassatā sammādiṭṭhi*: *Chánh-kiến sở-nghiệp* là trí-tuệ thấy đúng, biết đúng thiện-nghiệp và ác-nghiệp mà ta đã tạo rồi là thuộc của riêng ta, chỉ có ta là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp và chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy mà thôi.

2- *Vipassanā sammādiṭṭhi*: *Chánh-kiến thiên-tuệ* là trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*) thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

3- *Magga sammādiṭṭhi*: *Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ* là trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới (*lokuttaravipassanā*) chứng đắc Thánh-đạo-tuệ có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

4- *Phala sammādiṭṭhi*: *Chánh-kiến Thánh-quả-tuệ* là trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới (*lokuttaravipassanā*) chứng đắc Thánh-quả-tuệ có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

5- *Paccavekkhaṇā sammādiṭṭhi*: Chánh-kiến quán-triệt là trí-tuệ quán-triệt Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn đã chứng ngộ, phiền-não nào đã bị diệt tận được và phiền-não nào chưa bị diệt tận được.

Trong 5 loại chánh-kiến này, chánh-kiến sở-nghiệp, chánh-kiến thiên-tuệ, và chánh-kiến quán-triệt thuộc về tam-giới.

Chánh-kiến Thánh-đạo-tuệ và chánh-kiến Thánh-quả-tuệ thuộc về siêu-tam-giới.

Chánh-kiến đó là tuệ-chủ tâm-sở (*paññindriya-cetasika*) đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm.

- Nếu khi tuệ-chủ tâm-sở (trí-tuệ tâm-sở) đồng sinh với tam-giới-tâm ấy thì chánh-kiến thuộc về tam-giới.

- Nếu khi tuệ-chủ-tâm-sở (trí-tuệ tâm-sở) đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thì chánh-kiến thuộc về siêu-tam-giới.

* **Chánh-tư-duy** (*sammāsaṅkappa*) là tư-duy chân-chính, có 3 điều:

1- Tư-duy thoát ra khỏi ngũ-dục.

2- Tư-duy không làm khổ mình, khổ người.

3- Tư-duy không làm hại mình, hại người.

Chánh-tư-duy đó là hướng-tâm tâm-sở (*vitakka-cetasika*) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, đệ nhất thiên sắc-giới thiện-tâm, đệ nhất thiên sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm.

- Nếu khi hướng-tâm tâm-sở đồng sinh với tam-giới-tâm ấy thì chánh-tư-duy thuộc về tam-giới.

- Nếu khi hướng-tâm tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-

đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thì chánh-tư-duy thuộc về siêu-tam-giới.

* **Chánh-ngữ** (*Sammāvācā*) là lời nói chân-chính, có 3 loại:

1- *Kathā sammāvācā*: Chánh-ngữ lời-nói là lời nói hay, nói thật, lời nói chân-chính đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài đến cho người nghe.

2- *Cetanā sammāvācā*: Chánh-ngữ tác-y là tác-y thiện-tâm tránh xa 4 tà-ngữ:

- Tránh xa lời nói-dối, mà nói lời chơn-thật.
- Tránh xa lời nói chia-rẽ, mà nói lời hòa-hợp.
- Tránh xa lời thô-tục, mà nói lời dịu dàng dễ nghe.
- Tránh xa lời vô-ích, mà nói lời hữu-ích.

3- *Virati sammāvācā*: Chánh-ngữ chế-ngự, là chánh-ngữ tâm-sở tránh xa tà-ngữ, khi đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Trong 3 loại chánh-ngữ này, chánh-ngữ lời-nói và chánh-ngữ tác-y thuộc về tam-giới.

Chánh-ngữ chế-ngự đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thuộc về siêu-tam-giới.

Chánh-ngữ đó là chánh-ngữ tâm-sở (*sammāvācā-cetasika*) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.

- Nếu khi chánh-ngữ tâm-sở đồng sinh với tam-giới-tâm ấy thì chánh-ngữ thuộc về tam-giới.

- Nếu khi chánh-ngữ tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thì chánh-ngữ thuộc về siêu-tam-giới.

* **Chánh-nghiệp** (*sammākammanta*) là nghề nghiệp chân-chính, có 3 loại:

1- *Kiriyā sammākamanta*: Chánh-nghiệp hành-động, là hành động đại-thiện-nghiệp đem lại sự lợi ích, sự tiên hóa, sự an-lạc lâu dài đến cho mọi người.

2- *Cetanā sammākamanta*: Chánh-nghiệp tác-ý là tác-ý thiện-tâm tránh xa tà-nghiệp:

- Tránh xa sự sát-sinh.
- Tránh xa sự trộm-cắp.
- Tránh xa sự tà-dâm.

3- *Virati sammākamanta*: Chánh-nghiệp chế-ngự, là chánh-nghiệp tâm-sở tránh xa tà-nghiệp, khi đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

Trong 3 loại chánh-nghiệp này, chánh-nghiệp hành-động và chánh-nghiệp tác-ý thuộc về tam-giới.

- Chánh-nghiệp chế-ngự đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thuộc về siêu-tam-giới.

Chánh-nghiệp đó là chánh-nghiệp tâm-sở (*sammā-kammantacetāsika*) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm.

- Nếu khi chánh-nghiệp tâm-sở đồng sinh với tam-giới-tâm ấy thì chánh-nghiệp thuộc về tam-giới.

- Nếu khi chánh-nghiệp tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thì chánh-nghiệp thuộc về siêu-tam-giới.

* **Chánh-mạng** (*sammā ājīva*) là nuôi mạng chân-chính, có 2 loại:

1- *Viriya sammā ājīva*: Chánh-mạng tinh-tấn, là tinh-tấn nuôi mạng chân-chính, từ bỏ cách sống tà-mạng do thân hành ác-nghiệp, khẩu nói ác-nghiệp.

2- *Virati sammā ājīva*: Chánh-mạng chế-ngự, là chánh-mạng tâm-sở tránh xa cách sống tà-mạng, khi đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

Trong 2 loại chánh-mạng này, *chánh-mạng tinh-tần* thuộc về *tam-giới*.

Chánh-mạng chế-ngự đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* thuộc về *siêu-tam-giới*.

Chánh-mạng đó là *chánh-mạng tâm-sở* (*sammā ājīva*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*.

- Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-mạng* thuộc về *tam-giới*.

- Nếu khi *chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh-mạng* thuộc về *siêu-tam-giới*.

* **Chánh-tinh-tần** (*sammāvāyāma*) là *tinh-tần chân-chính*, có 4 điều:

- *Tinh-tần* ngăn ác pháp chưa sinh, không cho sinh.
- *Tinh-tần* diệt ác pháp đã phát sinh.
- *Tinh-tần* làm cho thiện pháp chưa sinh, được phát sinh.
- *Tinh-tần* làm tăng trưởng thiện pháp đã phát sinh.

Chánh-tinh-tần đó là *tinh-tần tâm-sở* (*viriyacetasika*) đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, 8 *đại-duy-tác-tâm*, 5 *sắc-giới thiện-tâm*, 5 *sắc-giới duy-tác-tâm*, 4 *vô-sắc-giới thiện-tâm*, 4 *vô-sắc-giới duy-tác-tâm*, 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm*.

- Nếu khi *tinh-tần tâm-sở* đồng sinh với *tam-giới-tâm* ấy thì *chánh-tinh-tần* thuộc về *tam-giới*.

- Nếu khi *tinh-tần tâm-sở* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* thì *chánh-tinh-tần* thuộc về *siêu-tam-giới*.

* **Chánh-niệm** (*sammāsati*) là *niệm chân-chính* trong 4 pháp-hành tứ-niệm-xứ:

- *Thân niệm-xứ*: **Thân** là đối-tượng của *chánh-niệm*.
- *Thọ niệm-xứ*: **Thọ** là đối-tượng của *chánh-niệm*.

- *Tâm niệm-xứ*: **Tâm** là đối-tượng của chánh-niệm.

- *Pháp niệm-xứ*: **Pháp** là đối-tượng của chánh-niệm.

Chánh-niệm đó là niệm-âm-sở (*saticetasika*) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm.

- Nếu khi niệm tâm-sở đồng sinh với tam-giới-tâm ấy thì chánh-niệm thuộc về tam-giới.

- Nếu khi niệm tâm-sở đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm thì chánh-niệm thuộc về siêu-tam-giới.

* **Chánh-định** (*sammāsamādhī*) là định chân-chính trong 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Chánh-định đó là nhất-tâm tâm-sở (*ekaggatācetasika*) đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 5 sắc-giới thiện-tâm, 5 sắc-giới duy-tác-tâm, 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm, 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm, 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.

- Nếu khi nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với tam-giới-tâm ấy thì chánh-định thuộc về tam-giới.

- Nếu khi nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm và 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm thì chánh-định thuộc về siêu-tam-giới.

Đó là 4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế thuộc về pháp-học Phật-giáo (*pariyattisāsana*).

2- Kiccañāṇa: Trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế

Sau khi học hỏi, hiểu rõ trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế xong thuộc về phần pháp-học Phật-giáo, luân chuyển sang trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế thuộc về phần pháp-hành Phật-giáo.

Hành-giả bắt đầu thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* là thực-hành theo ***trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế***.

Trí-tuệ-hành phận sự trong mỗi Thánh-đế khác nhau như sau:

- *Trí-tuệ-hành phận sự nên biết khổ Thánh-đế.*
- *Trí-tuệ-hành phận sự nên diệt nhân sinh khổ Thánh-đế.*
- *Trí-tuệ-hành phận sự nên chứng-ngộ diệt khổ Thánh đế.*
- *Trí-tuệ-hành phận sự nên tiến-hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế.*

2.1- Trí-tuệ-hành phận sự trong khổ Thánh-đế

Khổ Thánh-đế (*dukkha ariyasacca*) đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp* trong tam-giới là ***pháp*** mà hành-giả có ***trí-tuệ-hành phận sự nên biết*** (*pariññeyyam*) ***khổ-đế*** với *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* thấy rõ, *biết rõ sắc-pháp, danh-pháp* ấy là ***khổ-đế*** (không phải nên diệt, nên chứng ngộ, nên tiến hành).

2.2- Trí-tuệ-hành phận sự trong nhân sinh khổ Thánh-đế

Nhân sinh khổ Thánh-đế (*dukkhasamudaya ariyasacca*) đó là *tham-ái*, là ***pháp*** mà hành-giả có ***trí-tuệ-hành phận sự nên diệt***⁽¹⁾ (*pahātabbam*) ***nhân sinh khổ***

¹ ***Diệt tham-ái*** có 5 cách:

- *Vikkhambhanappahāna*: Diệt bằng cách chế ngự tham-ái do năng lực của bậc thiền.
- *Tadaṅgappahāna*: Diệt-từng-thời tham-ái do năng lực của trí-tuệ thiên-tuệ Tam-giới.
- *Samucchedappahāna*: Diệt tận được tham-ái do năng lực của Thánh-đạo-tuệ.
- *Paṭippassadhippahāna*: Diệt bằng cách làm vắng-lặng tham-ái do năng lực của Thánh-quả-tuệ.
- *Nissaraṇappahāna*: Diệt khỏi tham-ái do năng lực của đối-tượng Niết-bàn.

Thánh-đế với *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới diệt từng thời tham-ái* (không phải nên biết, nên chứng ngộ, nên tiến hành).

2.3- Trí-tuệ-hành phạm sự trong diệt khổ Thánh-đế

Diệt khổ Thánh-đế (*dukkhanirodha ariyasacca*) đó là Niết-bàn, là **pháp** mà hành-giả có **trí-tuệ-hành phạm sự nên chứng ngộ** (*sacchikātabbam*) *diệt khổ-đế với trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới chứng ngộ từng-thời Niết-bàn*⁽¹⁾ (không phải nên biết, nên diệt, nên tiến hành).

2.4- Trí-tuệ-hành phạm sự trong pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế

Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế (*dukkhanirodha-gaminī paṭipadā ariyasacca*) đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo**, là **pháp** mà hành-giả có **trí-tuệ-hành phạm sự nên tiến hành** (*bhāvetabbam*) *pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế với trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới đang tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo* (không phải nên biết, nên diệt, nên chứng ngộ).

Trong 4 *trí-tuệ-hành phạm sự* trong *tứ Thánh-đế* này, thì *trí-tuệ-hành phạm sự nên biết khổ Thánh-đế* là chính, đóng vai trò quan trọng trong pháp-hành thiên-tuệ.

Thật vậy, - khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, nếu có *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* thấy rõ, biết rõ *sắc-*

¹ *Nirodho nibbānam* Niết-bàn có nghĩa là diệt, có 5 loại:

- *Vikkhambhananibbāna*: Diệt bằng cách chế ngự phiền-não do năng lực của bậc thiên.
- *Tadaṅganibbāna*: Diệt-từng-thời phiền-não do năng lực của trí-tuệ thiên-tuệ tam giới.
- *Samucchedanibbāna*: Diệt tận được phiền-não do năng lực của Thánh-đạo-tuệ.
- *Paṭippassadinibbāna*: Diệt bằng cách làm vắng lặng phiền-não do năng lực của Thánh-quả tuệ.
- *Nissaraṇanibbāna*: Diệt khỏi phiền-não do năng lực của đối-tượng Niết-bàn.

pháp hoặc danh-pháp là **khổ-đế** thì đó là *trí-tuệ-hành phạm sự nên biết khổ-đế*.

- Khi *trí-tuệ-hành phạm sự nên biết khổ-đế* ấy, thì *tham-ái* không thể nương nhờ nơi sắc-pháp ấy hoặc danh-pháp ấy mà phát sinh, nghĩa là diệt tham-ái, đó là *trí-tuệ-hành phạm sự nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna) tham-ái, nhân sinh khổ-đế*.

- Khi *trí-tuệ-hành phạm sự nên diệt từng-thời (tadaṅgappahāna) tham-ái, nhân-sinh khổ Thánh-đế*, thì đó là *trí-tuệ-hành phạm sự nên chứng ngộ từng-thời (tadaṅganibbāna) Niết-bàn, diệt khổ-đế*.

- Khi *trí-tuệ-hành phạm sự nên biết khổ-đế, trí-tuệ-hành phạm sự nên diệt từng-thời tham-ái, nhân-sinh khổ Thánh-đế, trí-tuệ-hành phạm sự nên chứng ngộ từng-thời Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế*, đó là *trí-tuệ-hành phạm sự nên tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế*.

Như vậy, 4 *trí-tuệ-hành phạm sự* trong *tứ đế* này, thì *trí-tuệ-hành phạm sự nên biết khổ-đế* là chính, đồng thời *trí-tuệ-hành phạm sự nên diệt từng-thời nhân sinh khổ-đế, trí-tuệ-hành phạm sự nên chứng ngộ từng-thời diệt khổ-đế, trí-tuệ-hành phạm sự nên tiến hành pháp-hành dẫn đến diệt-đế* cũng thành tựu cùng một lúc không trước không sau.

Bốn trí-tuệ-hành phạm sự trong *tứ đế* này thuộc về *pháp-hành Phật-giáo (paṭipattisāsana)*.

3- Katañña: Trí-tuệ-thành hoàn thành xong phạm-sự trong tứ Thánh-đế

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi có 4 *trí-tuệ-hành phạm sự tứ đế* với *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* đã *hoàn thành xong phạm sự tứ đế*, thì được luân chuyển

đến 4 *trí-tuệ-thành phạm sự tứ Thánh-đế* với *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* đã hoàn thành xong *phạm sự tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả* và *Niết-bàn*.

- Khi ấy, *khổ Thánh-đế* đó là *sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới* là *pháp* mà *trí-tuệ-hành phạm sự nên biết* (*pariññeyyam*) *sắc-pháp danh-pháp tam-giới* là *khổ-đế* với *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới*, rồi được luân chuyển đến *trí-tuệ-thành phạm sự đã biết xong* (*pariññātam*) *khổ Thánh-đế* với *Thánh-đạo-tuệ* thuộc về *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*.

- Cũng đồng thời, *nhân-sinh khổ Thánh-đế* đó là *tham-ái* là *pháp* mà *trí-tuệ-hành phạm sự nên diệt* (*pahātabbam*) *tham-ái, nhân sinh khổ-đế* với *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới*, rồi được luân chuyển đến *trí-tuệ-thành phạm sự đã diệt xong* (*pahīnam*) *nhân sinh khổ Thánh-đế* với *Thánh-đạo-tuệ* thuộc về *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*.

- Cũng đồng thời, *diệt khổ Thánh-đế* đó là *Niết-bàn* là *pháp* mà *trí-tuệ-hành phạm sự nên chứng ngộ* (*sacchikātabbam*) *Niết-bàn từng-thời* là *diệt khổ-đế* với *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới*, rồi được luân chuyển đến *trí-tuệ-thành phạm sự đã chứng ngộ xong* (*sacchikatam*) *Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế* với *Thánh-đạo-tuệ* thuộc về *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*.

- Cũng đồng thời, *pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế* đó là *bát-chánh-đạo* là *pháp* mà *trí-tuệ-hành phạm sự nên tiến hành* (*bhāvetabbam*) *bát-chánh-đạo, pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế*, với *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới*, rồi được luân chuyển đến *trí-tuệ-thành phạm sự đã tiến hành xong* (*bhāvitam*) *pháp-hành dẫn đến diệt khổ*

Thánh-đế với **Thánh-đạo-tuệ** thuộc về *tri-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn siêu tam-giới*, đã hoàn thành 4 phạm sự là:

- *Khổ Thánh-đế là pháp nên biết, thì đã biết xong.*
- *Nhân sinh khổ Thánh-đế là pháp nên diệt, thì đã diệt xong.*
- *Diệt khổ Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ, thì đã chứng ngộ xong.*
- *Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế là pháp nên tiến hành, thì đã tiến hành xong.*

Trong 4 **tri-tuệ-thành** đã hoàn thành xong 4 phạm sự trong tứ Thánh-đế, thì **tri-tuệ-thành phạm sự đã tiến hành xong pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ Thánh-đế** là chính yếu, còn lại 3 **tri-tuệ-thành phạm sự** trong mỗi Thánh-đế kia cũng đã hoàn thành xong mỗi phạm sự đồng thời cùng một lúc không trước, không sau.

4 **tri-tuệ-thành** hoàn thành xong 4 phạm sự trong tứ Thánh-đế thuộc về **Pháp-thành Phật-giáo (paṭivedha-sāsana)**.

Trong Visuddhimagga có ví dụ rằng: Một đèn dầu thấp sáng trong đêm tối có 4 sự việc xảy ra cùng một lúc, không trước không sau:

- *Ánh sáng tỏa ra.*
- *Bóng tối biến mất.*
- *Dầu hao dần.*
- *Tim cháy dần.*

4 sự việc này xảy ra đồng thời cùng một lúc, không trước không sau.

Cũng như vậy, 4 **tri-tuệ-hành phạm sự**, và 4 **tri-tuệ-thành** đã hoàn thành xong phạm sự trong tứ Thánh-đế đồng thời, cùng một lúc, không trước không sau.

Quan hệ nhân quả của tam-tuệ-luân

Quan hệ từ quả đến nhân, từ nhân đến quả

4 trí-tuệ-thành trong tứ Thánh-đế chứng ngộ chân-lý từ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, đó là kết quả của 4 trí-tuệ-hành phận sự đã hoàn thành xong trong tứ Thánh-đế.

4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế đã thực-hành đúng theo phận sự trong mỗi Thánh-đế, đó là kết quả của 4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế đã hiểu biết rõ mỗi chi pháp của mỗi Thánh-đế.

Như vậy, *4 trí-tuệ-học trong tứ Thánh-đế* hiểu biết rõ các chi pháp của mỗi Thánh-đế làm nền tảng cơ bản, làm nhân phát sinh dẫn đến quả là 4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế đúng theo phận sự của mỗi Thánh-đế.

4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế đã hoàn thành xong làm nhân phát sinh dẫn đến quả là *4 trí-tuệ-thành trong tứ Thánh-đế* chứng ngộ chân-lý từ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, phạm hạnh cao thượng đã hoàn thành xong, kiếp này là kiếp chót, không còn tái-sinh kiếp nào nữa, chắc chắn sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vai trò 4 trí-tuệ-hành và 4 trí-tuệ-thành

Trong *4 trí-tuệ-hành phận sự trong tứ Thánh-đế* ở giai đoạn đầu, thì trí-tuệ-hành phận sự nên biết sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là *khổ-đế* với trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới, đóng vai trò chính yếu, còn 3 trí-tuệ-hành phận sự của mỗi Thánh-đế kia cũng được thành tựu đồng thời cùng một lúc, không trước không sau.

Trong 4 **trí-tuệ-thành** đã hoàn thành phận sự trong tứ Thánh-đế ở giai đoạn cuối, thì trí-tuệ-thành đã hoàn thành xong phận sự đã tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo dẫn đến diệt khổ Thánh-đế với 4 Thánh-đạo-tuệ thuộc về trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới đóng vai trò chính yếu, còn 3 trí-tuệ-thành phận sự của mỗi Thánh-đế kia cũng được thành tựu đồng thời cùng một lúc, không trước không sau.

Bốn Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 3 loại tham-ái

1- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được 2 loại tham-ái là **vibhavataṇhā**: Tham-ái hợp với đoạn-kiến, và **bhavataṇhā**: Tham-ái hợp với thường-kiến, trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến (còn lại 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, thì chưa diệt được).

2- **Nhất-lai-Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được 1 loại tham-ái là **kāmataṇhā**: Tham-ái trong 5 đối-tượng ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) loại thô ở cõi dục-giới, trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến (còn 5 đối-tượng ngũ-dục loại vi-tế chưa diệt được).

3- **Bất-lai-Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được 1 loại tham-ái là **kāmataṇhā**: Tham-ái trong 5 đối-tượng ngũ-dục vi-tế ở cõi dục-giới, trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến (còn tham-ái trong các bậc thiên sắc-giới-tâm, các bậc thiên vô-sắc-giới-tâm, trong tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên thì chưa diệt được).

4- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** có khả năng diệt tận được 1 loại tham-ái là **bhavataṇhā**: Tham-ái trong các bậc thiên sắc-giới duy-tác-tâm, các bậc thiên vô-sắc-giới

duy-tác-tâm, các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, các tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.

Như vậy, bậc Thánh A-ra-hán có khả năng đặc biệt diệt tận được hoàn toàn mọi tham-ái không còn dư sót nữa.

Tứ Thánh-đế trong Phật-giáo

Tứ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của *chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ*, là chánh-pháp cốt lõi căn bản trọng yếu trong giáo pháp của *chư Phật quá-khứ, Đức-Phật hiện-tại và chư Phật vị-lai.*

Tứ Thánh-đế:

1- *Dukkha ariyasacca*: *Khổ Thánh-đế*, đó là *ngũ-uẩn chấp thủ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.*

Trong giáo pháp của Đức-Phật, tất cả *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong cõi dục-giới, cõi sắc-giới, và danh-pháp trong cõi vô-sắc-giới*, đúng theo sự-thật chân-lý thì chỉ có *dukkhasacca*: **Khổ-đế** mà thôi, không có pháp nào gọi là **lạc-đế** cả.

Tuy trong *thọ tâm-sở (vedanācetasika)* có **sukha-vedanā**: **Thọ lạc**, nhưng *sukhavedanā*: *Thọ-lạc* ấy gọi là **vipariṇāmadukkha**: *Biến-chất-khổ*, bởi vì *thọ-lạc (sukha-vedanā)* sinh rồi diệt vô-thường làm biến chất, luôn luôn hành hạ, nên chỉ là **khổ-đế** mà thôi.

Thọ lạc dù là khổ vẫn còn dễ chịu đựng.

Như vậy, *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thuộc về pháp-hữu-vi* đúng theo sự-thật chân-lý thì chỉ có **khổ-đế** mà thôi, không có **lạc-đế**.

Nếu có **lạc (sukha)** thì lạc ấy gọi là **sukhavipallāsa**: **Lạc-đảo-điên** do *tướng-đảo-điên (saññāvipallāsa)*, *tâm-đảo-điên (cittavipallāsa)*, *tà-kiến-đảo-điên (ditṭhivipallāsa).*

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới thuộc về pháp-hữu-vi đều sinh rồi diệt, nên có 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh, nhưng do tướng-đạo-điên, tâm-đạo-điên, tà-kiến-đạo-điên tướng sai, biết sai, thấy sai, chấp làm cho sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới là thường, lạc, ngã, tịnh.

Đúng theo sự-thật chân-lý thì *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới thuộc về pháp-hữu-vi chỉ là dukkhasacca: Khổ-đế* mà thôi, không có *lạc-đế* nào cả.

2- Dukkhasamudaya ariyasacca: Nhân sinh khổ Thánh-đế đó là **tanhā: Tham-ái.**

Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai.

*** Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp hiện-tại**

- Nếu **tâm tham-ái** muốn được điều gì đó, vật gì đó, ... mà không được thoả mãn như ý, thì **sân-tâm** phát sinh không vừa lòng, làm cho **khổ-tâm**.

- Nếu **tâm tham-ái** muốn được điều gì đó, vật gì đó, ... mà được thoả mãn như ý, thì **tham-tâm** phát sinh chấp thủ cho là **của ta**, cũng làm nhân phát sinh tâm lo lắng, giữ gìn, tâm sầu não **khổ-tâm**.

Đức-Phật dạy trong Dhammapadagāthā câu kệ:

“*Tanhāya jāyati soko, tanhāya jāyatī bhayaṃ.
Tanhāya vipamuttassa, natthi soko kuto bhayaṃ.*”⁽¹⁾

*Sự sầu não phát sinh do tham-ái,
Sự lo sợ phát sinh do tham-ái,
Bậc Thánh A-ra-hán diệt tham-ái,
Không còn sầu não, từ đâu có lo sợ?*

¹ Bộ Dhammapadagāthā thứ 216.

*** Tham-ái là nhân sinh khổ trong kiếp vị-lai**

Tất cả mọi chúng-sinh nào hễ còn **tham-ái** là còn phải tái-sinh kiếp sau, các chúng-sinh ấy gồm có cả 3 bậc *Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai*, bởi vì 3 bậc *Thánh-nhân* này vẫn còn *một ít tham-ái*.

Nếu chúng-sinh còn có **tham-ái** thì sau khi chết, *tham-ái sẽ dẫn dắt nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau (*tanhā ponobbhavikā*), kiếp sau như thế nào hoàn toàn tùy thuộc vào *nghiệp và quả của nghiệp* của mỗi chúng-sinh ấy.

- Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu có *ác-nghiệp nào có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau* thì sinh vào 1 trong 4 cõi ác-giới (*địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*), chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

- Sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu có *đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau* thì đầu thai làm người trong cõi người hoặc hóa-sinh làm *vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ* trên cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, rồi chuyển kiếp sang cõi-giới khác, tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

- Hành-giả nào đã chứng đắc được *bậc thiên-sắc-giới thiện-tâm* nào giữ gìn cho đến lúc lâm chung, sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên* trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiên sắc-giới quả-tâm* ấy. Vị phạm-thiên hưởng quả an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi chuyển kiếp sang cõi-giới khác, tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

- Hành-giả nào đã chứng đắc đến *bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm*, sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên *tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên*, tương xứng với *bậc thiên vô-sắc-giới quả-tâm* ấy. Vị phạm-thiên hưởng quả an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi chuyển kiếp sang cõi-giới khác, tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Ba bậc Thánh hữu học (Sekha ariya)

* Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu* chết, không còn tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ có *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp sau làm người trong cõi người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành bậc *Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi *bậc Thánh Nhất-lai* chết, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái sinh kiếp sau làm người trong cõi người hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới chỉ có 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai* chắc chắn sẽ trở thành bậc *Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi *bậc Thánh-Bát-lai* chết, không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp* trong *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm* nào cho quả tái-sinh hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời *sắc-giới phạm-thiên* tương xứng với *bậc thiên sắc-giới quả-tâm* ấy.

Vị phạm-thiên *Bát-lai* ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc *Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời

sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* **Bậc Thánh A-ra-hán** đã diệt tận được mọi **tham-ái** không còn dư sót, nên ngay kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ, **bậc Thánh A-ra-hán** tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- Dukkhanirodha ariyasacca: Diệt khổ Thánh-đế đó là **Niết-bàn**.

Niết-bàn là pháp diệt nhân sinh khổ Thánh-đế và cũng là pháp diệt quả khổ Thánh-đế.

- Diệt nhân sinh khổ Thánh-đế

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót*, gọi là **phiền-não Niết-bàn (kilesaparinnibbāna)**, nghĩa là *mọi tham-ái, mọi phiền-não đã bị diệt tận rồi*, mọi phiền-não vĩnh viễn không còn phát sinh nữa.

Như vậy, **Niết-bàn** là pháp diệt *nhân sinh khổ Thánh-đế*.

- Diệt quả khổ Thánh-đế

Chư Thánh A-ra-hán đã diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót nữa, đến khi hết tuổi thọ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, gọi là **ngũ-uẩn Niết-bàn (khandhaparinnibbāna)** nghĩa là sau khi tịch diệt Niết-bàn rồi, không còn tái-sinh kiếp nào nữa.

Như vậy, **Niết-bàn** là pháp diệt quả *khổ Thánh-đế*.

4- Dukkhanirodhagaminī paṭipadā ariyasacca: Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo**.

Bát-chánh-đạo có 8 chánh: *Chánh-kiến, chánh-tu-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định*, đó là 8 tâm-sở:

- *Chánh-kiến* đó là *tri-tuệ tâm-sở*.
- *Chánh-tu-đuy* đó là *hướng-tâm tâm-sở*.
- *Chánh-ngữ* đó là *chánh-ngữ tâm-sở*.
- *Chánh-nghiệp* đó là *chánh-nghiệp tâm-sở*.
- *Chánh-mạng* đó là *chánh-mạng tâm-sở*.
- *Chánh-tinh-tấn* đó là *tinh-tấn tâm-sở*.
- *Chánh-niệm* đó là *niệm tâm-sở*.
- *Chánh-định* đó là *nhất-tâm tâm-sở*.

8 tâm-sở này gọi là *bát-chánh-đạo* cùng với 28 tâm-sở khác gồm có 36 tâm-sở đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Tuy nhiên, trong 8 tâm-sở này có 3 tâm-sở là *chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở* thuộc về *aniyatayogīcetasika*: *Bất-định tâm-sở* thuộc về loại *nānākadācīcetasika*: *Mỗi bất-định tâm-sở riêng rẽ đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, bởi vì mỗi tâm-sở này có mỗi đối-tượng khác nhau.*

Trong *bát-chánh-đạo* gồm có 8 chánh đó là 8 tâm-sở, trong 8 tâm-sở này có 3 tâm-sở là *chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở* thuộc về *niyata ekatocetasika* *chắc chắn đồng sinh với nhau trong 4 Thánh-đạo-tâm và 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn hoàn thành xong 4 phận sự:*

- *Khổ Thánh-đề là pháp nên biết, thì Thánh-đạo-tuệ đã biết xong.*

- *Nhân sinh khổ Thánh-đề là pháp nên diệt, thì Thánh-đạo-tuệ đã diệt xong.*

- Diệt khổ Thánh-đế là pháp nên chứng ngộ, thì Thánh-đạo-tuệ đã chứng ngộ xong.

- Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế là pháp nên tiến hành, thì Thánh-đạo-tuệ đã tiến hành xong.

Do đó, bát-chánh-đạo là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế.

Tứ Thánh-đế là nền tảng căn bản, là cốt lõi chính yếu trong giáo pháp của **chư Phật Chánh-Đẳng-Giác** quá-khứ, hiện-tại, vị-lai, bởi vì hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, ban đầu dù có những đối-tượng thiên-tuệ khác nhau như **thân, thọ, tâm, pháp, sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 12 xứ, 18 tự-tánh (dhātu)**, v.v... đến giai đoạn cuối, cũng đều dẫn đến **chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế**, rồi mới **chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn**.

Cho nên, **tứ Thánh-đế** là sự-thật chân-lý của chư **bậc Thánh-nhân**, là căn bản cốt yếu trong giáo pháp của **chư Phật quá-khứ, hiện-tại, vị-lai**.

Nhân-quả liên quan của tứ Thánh-đế

Chân-lý tứ Thánh-đế có nhân-quả liên quan với nhau:

- **Khổ Thánh-đế** đó là **ngũ-uẩn chấp-thủ** hoặc **sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới**, là **quả** của **nhân sinh khổ Thánh-đế**.

- **Nhân sinh khổ Thánh-đế** đó là **tham-ái**, là **nhân** dẫn dắt tái-sinh kiếp sau (*taṇhā ponobbhavikā*).

- **Diệt khổ Thánh-đế** đó là **Niết-bàn** không thuộc về quả của một nhân nào cả, bởi vì, **Niết-bàn là pháp-vô-vi (asankhata dhamma)** hoàn toàn không có một nhân-duyên nào cấu tạo.

- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế** đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** là pháp-hành dẫn đến *chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế*.

Như vậy, *pháp-hành bát-chánh-đạo* là *pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ Thánh-đế*, không phải là *nhân phát sinh Niết-bàn*, và *diệt khổ Thánh-đế* đó là *Niết-bàn* cũng không phải là **quả** của *pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế*, mà *Niết-bàn* chỉ là *đối-tượng siêu-tam-giới* của *pháp-hành bát-chánh-đạo* trong 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* mà thôi.

Ví dụ nôm na rằng: “*Con đường dẫn đến kinh đô.*”

- **Con đường** ví như *bát-chánh-đạo* là *pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế*.

- **Kinh đô** ví như *Niết-bàn* là pháp *diệt khổ Thánh-đế*.

Con đường dẫn đến kinh đô, chứ không phải là nhân phát sinh kinh đô.

Cũng như vậy, *pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế* đó là *pháp-hành bát-chánh-đạo* là *pháp-hành dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn*, chứ không phải là *nhân phát sinh Niết-bàn*.

Pháp-Hành Tứ-Niệm-Xứ

Trong kinh *Mahāsatipaṭṭhānasutta*: Kinh Đại-niệm-xứ, Đức-Phật thuyết giảng rằng:

“*Ekāyano ayam bhikkhave maggo* ⁽¹⁾ ...”

- Đây chư tỳ-khuru! Đạo này là con đường duy nhất, để dẫn đến sự thanh-tĩnh hoàn toàn trong sạch khỏi mọi phiền-não ô nhiễm trong tâm của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Phật Độc-Giác, chư Thánh Thanh-văn-giác; để diệt sự sầu não, khóc than; để diệt sự khổ tâm, khổ thân; để chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả; để chứng ngộ Niết-bàn.

Đạo duy nhất này là **pháp-hành tứ-niệm-xứ**.

- Đây chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru hoặc hành-giả trong Phật-giáo này:

1- Hành-giả có tâm tinh-tân không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **thân trong phần thân niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

2- Hành-giả có tâm tinh-tân không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **các thọ trong phần thọ niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

3- Hành-giả có tâm tinh-tân không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **tâm trong phần tâm niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

¹ Dīghanikāya, Mahāvagga, Kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta.

4- Là hành-giả có tâm tinh-tân không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ các pháp trong phần pháp niệm-xứ, để diệt tham-tâm hài lòng, và diệt sân-tâm không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này,..."

Tứ niệm-xứ

1- **Thân niệm-xứ** (*kāyānupassanāsatiṭṭhāna*): **Thân** (*kāya*) là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

2- **Thọ niệm-xứ** (*vedanānupassanāsatiṭṭhāna*): **Thọ** (*vedanā*) là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

3- **Tâm niệm-xứ** (*cittānupassanāsatiṭṭhāna*): **Tâm** (*citta*) là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

4- **Pháp niệm-xứ** (*dhammānupassanāsatiṭṭhāna*): **Pháp** (*dhamma*) là đối-tượng của chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác.

* **Thân, thọ, tâm, pháp** là đối-tượng của pháp-hành tứ niệm-xứ.

Đối-tượng tứ niệm-xứ với đối-tượng thiên-tuệ

Đối-tượng tứ niệm-xứ với đối-tượng thiên-tuệ chỉ khác nhau về danh từ gọi, còn giống nhau về thật-tánh-pháp.

- **Thân** thuộc về **sắc-pháp** cũng là đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ.

- **Thọ** thuộc về **danh-pháp** cũng là đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ.

- **Tâm** thuộc về **danh-pháp** cũng là đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ.

- **Pháp** thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp** cũng là đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ.

Giảng giải theo Chú-giải

Trong đoạn kinh có những câu:

“*Ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhā domanassaṃ.*”

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* có các chi pháp quan trọng:

* **Ātāpī**: Thiêu đốt mọi phiền-não đó là *pháp-tinh-tán*:

- *Tinh-tán* ngăn ác-pháp không cho phát sinh.
- *Tinh-tán* diệt ác-pháp đã phát sinh.
- *Tinh-tán* làm cho thiện-pháp phát sinh.
- *Tinh-tán* làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

* **Satimā**: Chánh-niệm trực nhận trực tiếp đối-tượng thân, thọ, tâm, pháp. Chánh-niệm có 4 pháp là:

- Niệm-thân: **Thân** là đối-tượng của chánh-niệm.
- Niệm-thọ: **Thọ** là đối-tượng của chánh-niệm.
- Niệm-tâm: **Tâm** là đối-tượng của chánh-niệm.
- Niệm-pháp: **Pháp** là đối-tượng của chánh-niệm.

* **Sampajāno**: Trí-tuệ tỉnh-giác trực giác ngay đối-tượng mà chánh-niệm đã trực nhận. Trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ thật-tánh của thân, thọ, tâm, pháp hoặc sắc-pháp, danh-pháp đúng theo sự-thật chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*).

* **Vineyya**: Ngăn chặn, diệt-tùng-thời (*tadaṅgapahāna*) hoặc chế-ngự (*vikkhambhanappahāna*).

* **Abhijjhā**: Tham-tâm hài lòng trong đối-tượng thân, thọ, tâm, pháp.

* **Domanassaṃ**: Sân-tâm không hài lòng, bởi vì tham-tâm hài lòng trong đối-tượng thân, thọ, tâm, pháp không được như ý, nên phát sinh sân-tâm không hài lòng.

* *Kāye kāyānupassī viharati,*

- * *Vedanāsu vedanānupassī viharati,*
- * *Citte cittānupassī viharati,*
- * *Dhammesu dhammānupassī viharati.*
- * *Kāye kāyānupassī viharati.*

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ, dõi theo **toàn thân** trong **thân niệm-xứ**.

- * *Vedanāsu vedanānupassī viharati.*

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ, dõi theo **các thọ** trong **thọ niệm-xứ**.

- * *Citte cittānupassī viharati.*

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ, dõi theo **tâm** trong **tâm niệm-xứ**.

- * *Dhammesu dhammānupassī viharati.*

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ, dõi theo **các pháp** trong **pháp niệm-xứ**.

Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ-tỉnh-giác dõi theo **đối-tượng niệm-xứ** nào trong cùng **niệm-xứ** ấy riêng biệt, không nên lẫn lộn sang **đối-tượng niệm-xứ** khác.

Như Chú-giải kinh Tứ-niệm-xứ giảng giải rằng:

“Hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiên-tuệ chỉ nên dõi theo **đối-tượng toàn thân** trong **thân niệm-xứ** mà thôi, không nên lẫn lộn với **niệm-xứ** khác.

Khi nào hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo **đối-tượng toàn thân** trong **thân niệm-xứ**, khi ấy không nên dõi theo **đối-tượng các thọ** hoặc **đối-tượng tâm** hoặc **đối-tượng các pháp** trong **thân niệm-xứ**.”

Như vậy,

- Khi hành-giả có chánh-niệm, có trí-tuệ thiên-tuệ chỉ nên dõi theo **đối-tượng toàn thân** trong **thân niệm-xứ**,

*không nên lẫn lộn trong **thọ niệm-xứ**, trong **tâm niệm-xứ**, trong **pháp niệm-xứ**.*

- Khi hành-giả có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ chỉ nên dõi theo *đối-tượng các **thọ** trong **thọ niệm-xứ**, không nên lẫn lộn trong **thân niệm-xứ**, trong **tâm niệm-xứ**, trong **pháp niệm-xứ**.*

- Khi hành-giả có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ chỉ nên dõi theo *đối-tượng **tâm** trong **tâm niệm-xứ**, không nên lẫn lộn trong **thân niệm-xứ**, trong **thọ niệm-xứ**, trong **pháp niệm-xứ**.*

- Khi hành-giả có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ chỉ nên dõi theo *đối-tượng **các pháp** trong **pháp niệm-xứ**, không nên lẫn lộn trong **thân niệm-xứ**, trong **thọ niệm-xứ**, trong **tâm niệm-xứ**.*

Ví dụ:

Một đất nước có kinh-thành, cung điện của Đức-vua ở trung tâm, có 4 con đường từ 4 hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc đều dẫn đến cung điện của Đức-vua.

- Dân chúng ở hướng Đông, đi đến chầu Đức-vua bằng con đường từ hướng Đông.

- Dân chúng ở hướng Tây, đi đến chầu Đức-vua bằng con đường từ hướng Tây.

- Dân chúng ở hướng Nam, đi đến chầu Đức-vua bằng con đường từ hướng Nam.

- Dân chúng ở hướng Bắc, đi đến chầu Đức-vua bằng con đường từ hướng Bắc.

Dân chúng ở hướng nào đi đến chầu Đức-vua bằng con đường riêng của hướng ấy. Cũng như vậy,

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *đối-tượng **toàn thân** trong **thân niệm-xứ** có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-*

thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *đối-tượng các thọ* trong *thọ niệm-xứ* có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *đối-tượng tâm* trong *tâm niệm-xứ* có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có chánh-niệm, có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ *đối-tượng các pháp* trong *pháp niệm-xứ* có sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Đối-tượng tứ niệm-xứ

- 1- Thân niệm-xứ gồm có 14 đối-tượng.
- 2- Thọ niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ.
- 3- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm.
- 4- Pháp niệm-xứ gồm có 5 đối-tượng.

Như vậy, *đối-tượng tứ niệm-xứ* gồm có 21 đối-tượng.

1- Thân niệm-xứ gồm có 14 phần (pabba)

- Niệm hơi thở vào, hơi thở ra,
- Niệm tứ-oai-nghi: Đi, đứng, ngồi, nằm.
- Niệm các oai-nghi-phụ: Đi tới trước, đi lui sau, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, ...
- Niệm 32 thể trọc (trọc) trong thân: Tóc, lông, móng, răng, da, ...
- Niệm tứ-đại: Địa-đại (đất), thủy-đại (nước), hoả-đại (lửa), phong-đại (gió).
- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa đã trải qua 1-2-3 ngày.
- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, bị quạ, diều, chó rừng, ... cắn xé ăn thịt.
- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương dính máu và thịt, có gân rành rịt.
- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương dính máu, thịt rã rời.
- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương khô, không còn máu và thịt nữa.
- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương rã rời, rải rác mọi nơi.
- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bộ xương màu trắng.
- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn đồng xương trắng.
- Niệm tưởng thân của mình như tử thi bỏ nghĩa địa, chỉ còn bột xương trắng.

14 đối-tượng của than niệm-xứ thuộc về **sắc-pháp**.

2- Thọ niệm-xứ có 1 đối-tượng thọ chia ra làm 9 loại thọ

- *Sukhavedanā*: Thọ lạc.

- *Dukkavedanā*: Thọ khổ.
- *Adukkhamasukhavedanā*: Thọ không khổ không lạc.
- *Sāmisasukhavedanā*: Thọ lạc nương nhờ ngũ-dục.
- *Nirāmisasukhavedanā*: Thọ lạc không nương nhờ ngũ-dục.
- *Sāmisadukkavedanā*: Thọ khổ nương nhờ ngũ-dục.
- *Nirāmisadukkavedanā*: Thọ khổ không nương nhờ ngũ-dục.
- *Sāmisa adukkhamasukhavedanā*: Thọ không khổ không lạc nương nhờ ngũ-dục.
- *Nirāmisa adukkhamasukhavedanā*: Thọ không khổ không lạc không nương nhờ ngũ-dục.

Một đối-tượng của thọ niệm-xứ chia ra làm 9 loại thọ thuộc về **danh-pháp**.

3- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng tâm chia ra làm 16 loại tâm

- *Sarāgacitta*: Tâm có tham đó là 8 tham-tâm.
- *Vītarāgacitta*: Tâm không có tham đó là ngoài 8 tham-tâm ra, các tam-giới-tâm còn lại đều là tâm không có tham.
- *Sadosacitta*: Tâm có sân đó là 2 sân-tâm.
- *Vītidosacitta*: Tâm không có sân đó là ngoài 2 sân-tâm ra, các tam-giới-tâm còn lại đều là tâm không có sân.
- *Samohacitta*: Tâm có si đó là 12 bất-thiện-tâm có si-tâm-sở đồng sinh.
- *Vītamohacitta*: Tâm không có si đó là ngoài 12 bất-thiện-tâm ra, các tam-giới-tâm còn lại đều tâm không có si.
- *Samkhittacitta*: Tâm buồn-chán, buồn-ngủ đó là 4 tham-tâm cần tác-động và 1 sân-tâm cần tác-động, gồm có 5 bất-thiện-tâm cần tác-động.
- *Vikkhittacitta*: Tâm phóng-tâm đó là si-tâm hợp với phóng-tâm tâm-sở và phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm.

- *Mahaggatacitta*: Tâm bậc cao đó là 15 sắc-giới-tâm và 12 vô-sắc-giới-tâm.

- *Amahaggatacitta*: Tâm không phải bậc cao đó là 54 dục-giới-tâm.

- *Sa uttaracitta*: Tâm có tâm cao hơn đó là dục-giới-tâm, sắc-giới-tâm.

- *Anuttaracitta*: Tâm không có tâm cao hơn đó là vô-sắc-giới-tâm.

- *Samāhitacitta*: Tâm có định đó là tâm cận-định, tâm an-định.

- *Asamāhitacitta*: Tâm không có định đó là tâm không có cận-định, tâm không có an-định.

- *Vimuttacitta*: Tâm thoát khỏi phiền-não bằng cách diệt từng-thời (*tadaṅgappahāna*) và diệt bằng cách chế-ngự (*vikkhambhanappahāna*) đó là tam-giới thiện-tâm.

- *Avimuttacitta*: Tâm không thoát khỏi phiền-não, đó là bất-thiện-tâm, tam-giới quả-tâm.

Một đối-tượng của tâm niệm-xứ chia ra làm 16 loại tâm thuộc về **danh-pháp**.

4- Pháp niệm-xứ gồm có 5 đối-tượng

- *Nīvaraṇapabba*: Năm pháp-chướng-ngại.

- *Khandhapabba*: Ngũ-uẩn chấp-thủ.

- *Āyatanapabba*: Thập-nhị-xứ.

- *Bojjhaṅgapabba*: Thất-giác-chi.

- *Saccapabba*: Tứ Thánh-đế.

4.1- Nīvaraṇapabba: 5 pháp-chướng-ngại

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, ban đầu thường gặp các pháp chướng ngại làm cản trở mọi thiện-pháp không phát triển được.

Năm pháp-chương-ngại (nīvaraṇa) là:

- *Kāmacchanda*: Tham-dục trong ngũ-dục⁽¹⁾ là pháp-chương-ngại đó là tham tâm-sở đồng sinh với 8 tham-tâm.

- *Byāpāda*: Sân-hận là pháp-chương-ngại đó là sân-tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm.

- *Thinamiddha*: Buồn-chán, buồn-ngủ là pháp-chương-ngại đó là buồn-chán tâm-sở và buồn-ngủ tâm-sở đồng sinh với 4 tham-tâm và 1 sân-tâm cần tác động.

- *Uddhaccakukkucca*: Phóng-tâm, hối-hận là pháp-chương-ngại đó là phóng-tâm tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm và hối-hận tâm-sở đồng sinh với 2 sân-tâm.

- *Vicikicchā*: Hoài-nghi là pháp-chương-ngại đó là hoài-nghi tâm-sở đồng sinh với si-tâm hợp với hoài-nghi.

Năm pháp-chương-ngại của pháp niệm-xứ này thuộc về **danh-pháp**.

Năm pháp-chương-ngại này trực tiếp làm chướng ngại đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định, nhưng đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ thì 5 pháp-chương-ngại này là đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ.

- Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ, khi pháp-chương-ngại nào phát sinh, hành-giả có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ đối-tượng pháp-chương-ngại ấy thuộc về **danh-pháp** có **sự sinh**, **sự diệt**, có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của danh-pháp ấy, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn được.

Cho nên, 5 pháp-chương-ngại là 1 trong 5 đối-tượng của phần pháp-niệm-xứ.

¹ Ngũ dục: sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục.

4.2- Khandhapabba: Ngũ-uẩn chấp-thủ

Ngũ-uẩn chấp-thủ (pañcupadānakkhandha) nghĩa là ngũ-uẩn là đối-tượng của 4 pháp-chấp-thủ (*tham-dục chấp-thủ, tà-kiến chấp-thủ, pháp-thường-hành chấp-thủ, ngã-kiến chấp-thủ, do tham tâm-sở và tà-kiến tâm-sở*).

Ngũ-uẩn chấp-thủ có 5 uẩn là:

- *Sắc-uẩn chấp-thủ* đó là 28 sắc-pháp là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

- *Thọ-uẩn chấp-thủ* đó là thọ tâm-sở đồng sinh với 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

- *Tưởng-uẩn chấp-thủ* đó là tưởng tâm-sở đồng sinh với 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

- *Hành-uẩn chấp-thủ* đó là 50 tâm-sở (trừ thọ tâm-sở và tưởng tâm-sở) đồng sinh với 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

- *Thức-uẩn chấp-thủ* đó là 81 tam-giới-tâm là đối-tượng của pháp-chấp-thủ.

Ngũ-uẩn chấp-thủ của pháp niệm-xứ thuộc về **sắc-pháp và danh-pháp**.

4.3- Āyatanapabba: Thập-nhị-xứ

Thập nhị xứ có 12 xứ chia ra 2 bên:

Bên trong có 6 xứ và bên ngoài có 6 xứ như sau:

*** 6 xứ bên trong:**

- *Cakkhāyatana: Nhãn-xứ* đó là nhãn-tịnh-sắc làm duyên cho tâm với tâm-sở phát sinh.

- *Sotāyatana: Nhĩ-xứ* đó là nhĩ-tịnh-sắc làm duyên cho tâm với tâm-sở phát sinh.

- *Ghāṇāyatana: Tỷ-xứ* đó là tỷ-tịnh-sắc làm duyên cho tâm với tâm-sở phát sinh.

- *Jivhāyatana*: *Thiệt-xứ* đó là *thiệt-tịnh-sắc* làm duyên cho *tâm* với *tâm-sở* phát sinh.

- *Kayāyatana*: *Thân-xứ* đó là *thân-tịnh-sắc* làm duyên cho *tâm* với *tâm-sở* phát sinh.

- *Manāyatana*: *Ý-xứ* đó là *tất cả tâm* làm duyên cho *tâm* với *tâm-sở* phát sinh.

*** 6 xứ bên ngoài**

- *Rūpāyatana*: *Sắc-xứ* làm duyên cho *tâm* với *tâm-sở* phát sinh.

- *Saddāyatana*: *Thanh-xứ* làm duyên cho *tâm* với *tâm-sở* phát sinh.

- *Gandhāyatana*: *Hương-xứ* làm duyên cho *tâm* với *tâm-sở* phát sinh.

- *Rasāyatana*: *Vị-xứ* làm duyên cho *tâm* với *tâm-sở* phát sinh.

- *Phoṭṭhabbāyatana*: *Xúc-xứ* làm duyên cho *tâm* với *tâm-sở* phát sinh.

- *Dhammāyatana*: *Pháp-xứ* đó là 52 *tâm-sở*, 16 *sắc-pháp vi-tế*, *Niết-bàn* làm duyên cho *tâm* với *tâm-sở* phát sinh.

Khi 6 *xứ bên trong* tiếp xúc với 6 *xứ bên ngoài*, phát sinh 6 *lộ-trình-tâm*, nên *tâm* với *tâm-sở* phát sinh:

- Khi *nhãn-xứ* tiếp xúc với *sắc-xứ*, nên phát sinh *nhãn-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *nhĩ-xứ* tiếp xúc với *thanh-xứ*, nên phát sinh *nhĩ-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *tỷ-xứ* tiếp xúc với *hương-xứ*, nên phát sinh *tỷ-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *thiệt-xứ* tiếp xúc với *vị-xứ*, nên phát sinh *thiệt-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi *thân-xứ* tiếp xúc với *xúc-xứ*, nên phát sinh *thân-môn lộ-trình-tâm*.

- Khi ý-xứ tiếp xúc với pháp-xứ, nên phát sinh ý-môn lộ-trình-tâm.

Thập-nhi-xứ của phần pháp niệm-xứ thuộc về **sắc-pháp và danh-pháp**.

4.4- Bojjhaṅgapabba: Thất-giác-chi

Thất-giác-chi có 7 giác-chi, là 7 pháp làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.

Thất-giác-chi có 7 pháp

1- *Satisambojjhaṅga*: Pháp niệm giác-chi làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, có chi pháp là niệm tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiên-tâm (appanājavanacitta).⁽¹⁾

2- *Dhammavicayasambojjhaṅga*: Pháp phân-tích giác-chi làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, có chi pháp là trí-tuệ tâm-sở đồng sinh với 4 đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, 4 đại-duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ, 26 tác-hành-thiên-tâm.

3- *Vīriyasambojjhaṅga*: Pháp tinh-tân giác-chi làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, có chi pháp là tinh-tân tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiên-tâm.

4- *Pītisambojjhaṅga*: Pháp hỷ giác-chi làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, có chi pháp là hỷ tâm-sở đồng

¹ 26 Appanājavanacitta: 26 tác-hành-thiên-tâm đó là 5 sắc-giới thiện-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới thiện-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm + 4 Thánh-đạo-tâm + 4 Thánh-quả-tâm.

sinh với 4 đại-thiện-tâm đồng sinh với hỷ, 4 đại-duy-tác-tâm đồng sinh với hỷ, 3 sắc-giới thiện-tâm, 3 sắc-giới duy-tác-tâm.

5- *Passaddhisambojjhaṅga*: Pháp an-tĩnh giác-chi làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, có chi pháp là an-tĩnh tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.

- *Samādhisambojjhaṅga*: Pháp định-giác-chi làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, có chi pháp là nhất-tâm tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.

- *Upekkhāsambojjhaṅga*: Pháp xả-giác-chi làm nhân-duyên chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, có chi pháp là trung-dung tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 26 tác-hành-thiền-tâm.

Thất-giác-chi của phần pháp niệm-xứ thuộc về **danh-pháp**.

4.5- Saccapabba: Tứ Thánh-đế

Tứ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ đã chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

1- *Dukkha ariyasacca*: Khổ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là:

- *Tái-sinh kiếp sau là khổ, già là khổ, chết là khổ, sầu não, khóc than, khổ thân, khổ tâm, khổ cùng cực.*

- *Phải gần gũi, thân cận với người không yêu thương là khổ.*

- Phải xa lìa người yêu thương là khổ.

- Mong muốn đừng có sinh, có già, có bệnh, có chết, ... mà không thể nào được như ý là khổ.

Tóm lại, chấp-thủ trong ngũ-uẩn do tham muốn và tà-kiến là khổ.

2- *Dukkhasamudaya ariyasacca*: Nhân sinh khổ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là tham-ái dắt dẫn tái-sinh kiếp sau hợp với tham muốn, hài lòng, say mê trong các đối-tượng, đắm say trong kiếp sống. Nhân sinh khổ Thánh-đế ấy là:

- Dục-ái (*kāmatanḥā*) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái (sắc-ái, thanh-ái, hương-ái, vị-ái, xúc-ái, pháp-ái).

- Hữu-ái (*bhavatanḥā*) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái hợp với **thường-kiến**, và **tham-ái** trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, trong cõi sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới phạm-thiên.

- Phi-hữu-ái (*vibhavatanḥā*) là **tham-ái** trong 6 đối-tượng ái hợp với **đoạn-kiến**.

3- *Dukkhanirodha ariyasacca*: Diệt khổ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là Niết-bàn là pháp diệt tận mọi say mê do tham-ái ấy không còn dư sót bằng 4 Thánh-đạo-tuệ, xả ly, từ bỏ chấp-thủ trong ngũ-uẩn, giải thoát khổ, không còn luyến ái, không còn dính mắc nữa.

4- *Dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca*: Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế là sự-thật chân-lý của chư bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định.

Đối-tượng tứ-niệm-xứ

- Thân niệm-xứ có 14 đối-tượng.
- Thọ-niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ.
- Tâm niệm-xứ có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm.
- Pháp niệm-xứ có 5 đối-tượng.

Như vậy, tứ-niệm-xứ gồm có 21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ, mà mỗi đối-tượng có đoạn kết đều tương tự chỉ có khác danh từ gọi của mỗi phần mà thôi.

* **Thân niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

“Iti - ajjhattaṃ vā kāye kāyānupassī viharati,
 - Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati,
 - Ajjhatabhiddhā vā kāye kāyānupassī viharati.
 - Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati
 - Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati,
 - Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati,
 - Atthi **kāyo**’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti,
 yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
 anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.
 Evaṃpi kho bhikkhave, bhikkhu kāye kāyānupassī
 Viharati.”

* **Thọ niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

“Iti - ajjhattaṃ vā vedanāsu vedanānupassī viharati,
 - Bahiddhā vā vedanāsu vedanānupassī viharati,
 - Ajjhatabhiddhā vā vedanāsu vedanānupassī
 viharati.
 - Samudayadhammānupassī vā vedanāsu viharati,
 - Vayadhammānupassī vā vedanāsu viharati,
 - Samudayavayadhammānupassī vā vedanāsu viharati,
 - Atthi **vedanā**’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti

*yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.
Evaṃ pi kho bhikkhave, bhikkhu vedanāsu
vedanānupassī viharati.”*

* **Tâm niệm-xú** có đoạn kết như sau:

*“Iti - ajjhataṃ vā citte cittānupassī viharati,
- Bahiddhā vā citte cittānupassī viharati,
- Ajjhatabahiddhā vā citte cittānupassī viharati.
- Samudayadhammānupassī vā cittasmiṃ viharati,
- Vayadhammānupassī vā cittasmiṃ viharati,
- Samudayavayadhammānupassī vā cittasmiṃ viharati,
- Atthi **cittan**’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti
yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.
Evaṃ pi kho bhikkhave, bhikkhu citte cittānupassī
Viharati.”*

* **Pháp niệm-xú** có đoạn kết như sau:

*“Iti - ajjhataṃ vā dhammesu dhammānupassī
viharati,
- Bahiddhā vā dhammesu dhammānupassī viharati,
- Ajjhatabahiddhā vā dhammesu dhammānupassī
viharati.
- Samudayadhammānupassī vā dhammesu viharati,
- Vayadhammānupassī vā dhammesu viharati,
- Samudayavayadhammānupassī vā dhammesu viharati
- Atthi **dhammā**’ti vā panassa sati paccupaṭṭhitā hoti
yāvadeva ñāṇamattāya paṭissatimattāya.
anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.
Evaṃ pi kho bhikkhave, bhikkhu dhammesu
dhammānupassī viharati.”*

Ý nghĩa

* **Thân niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

*Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân niệm-xứ** bên trong của mình.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân niệm-xứ** bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân niệm-xứ** khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh trong thân.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong thân.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh, **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong thân.*

*Chánh-niệm của hành-giả trực nhận rằng: “Chỉ là **thân** mà thôi”. Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.*

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ thể), không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

*- Đây chư tỳ-khuru! Như vậy, gọi là tỳ-khuru hoặc hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân niệm-xứ**.*

* **Thọ niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các thọ trong thọ niệm-xứ bên trong của mình.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các thọ trong thọ niệm-xứ bên ngoài mình, của người khác.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các thọ trong thọ niệm-xứ khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái sinh do nhân-duyên nào sinh trong các thọ.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-diệt do nhân-duyên ấy diệt trong các thọ.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-sinh do nhân-duyên nào sinh, trạng-thái-diệt do nhân-duyên ấy diệt trong các thọ.

Chánh-niệm của hành-giả trực nhận rằng: “Chỉ là thọ mà thôi”. Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ thể), không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

- *Này chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là tỳ-khưu hoặc hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các thọ trong thọ niệm-xứ.*

* **Tâm niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

*Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm niệm-xứ** bên trong của mình.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm niệm-xứ** bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm niệm-xứ** khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh trong tâm.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong tâm.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái sinh** do nhân-duyên nào sinh, **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong tâm.*

*Chánh-niệm của hành-giả trực nhận rằng: “Chỉ là **tâm** mà thôi”. Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.*

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ thể), không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

- *Này chư tỳ-khuru! Như vậy, gọi là tỳ-khuru hoặc hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm niệm-xứ**.*

* **Pháp niệm-xứ** có đoạn kết như sau:

*Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các **pháp** trong **pháp niệm-xứ** bên trong của mình.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các **pháp** trong **pháp niệm-xứ** bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các **pháp** trong **pháp niệm-xứ** khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh trong các pháp.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong các pháp.*

*Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái-sinh** do nhân-duyên nào sinh, **trạng-thái-diệt** do nhân-duyên ấy diệt trong các pháp.*

*Chánh-niệm của hành-giả trực nhận rằng: “Chỉ là **pháp** mà thôi”. Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.*

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ thể), không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

*- Đây chư tỳ-khuru! Như vậy, gọi là tỳ-khuru hoặc hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ các **pháp** trong **pháp niệm-xứ**.*

Nhận xét về đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra trong thân-niệm-xứ

Ānāpānabba: Đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra vốn là đề-mục thiền-định gọi là *ānāpānassati*, còn gọi là *assāsapassāsa*: Hơi thở vào, hơi thở ra.

Theo bộ Chú-giải Pāḷi⁽¹⁾, kinh *Mahāsatiṭṭhānasutta-vannaṇā* giảng giải về *ānāpānabba*: Đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra có trong thân-niệm-xứ, bởi vì hơi thở vào, hơi thở ra luôn luôn nương nhờ nơi thân.

Hành-giả thực-hành *ānāpānabba*: Đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra có 2 giai đoạn:

1- Giai đoạn đầu: Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục thiền-định *ānāpānassati*: Niệm hơi thở vào, hơi thở ra cho đến khi chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm⁽²⁾ trước.

2- Giai đoạn chót: Sau khi xả thiền sắc-giới với đề-mục thiền-định *ānāpānassati* ra, lấy bậc thiền ấy làm nền tảng, làm đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ (thuộc về phần niệm tâm) hoặc làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ (danh-pháp).

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ (niệm tâm) hoặc thực-hành pháp-hành thiền-tuệ bằng các cách như sau:

* **Hơi thở vào, hơi thở ra**⁽³⁾ tiếp xúc nơi thân (*kāya*), là đối-tượng xúc (phong-đại) (*vāyophoṭṭhabbārammaṇa*) thuộc về sắc-pháp làm đối-tượng thiền-tuệ, và dục-giới

¹ Dī. Mahāvaggatṭhakathā. Kinh *Mahāsatiṭṭhānasuttavannaṇā*.

² Chứng đắc đến bậc thiền sắc-giới thiện-tâm nào cũng được.

³ Hơi thở vào, hơi thở ra tiếp xúc với thân làm đối-tượng thiền-tuệ là đối-tượng xúc (phong-đại), không phải là hơi thở vào, hơi thở ra dài hoặc ngắn như pháp-hành thiền-định.

đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ biết đối-tượng xúc ấy thuộc về **danh-pháp**.

- Hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác với *đối-tượng xúc* (*phong-đại*) (*hơi thở vào, hơi thở ra*) thuộc về **sắc-pháp** ấy, khi *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của **sắc-pháp hiện-tại** ấy, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp ấy, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* và Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

* *Cách niệm-thọ: Chi thiên lạc (sukha) (hoặc chi-thiên xả upekkhā) trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm của đề-mục thiên-định ānāpānassati.*

Thọ lạc thuộc về **danh-pháp** làm *đối-tượng thiên-tuệ*, và *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm* nương nhờ *hadaya-vatthurūpa* là *nơi sinh của ý-thức-tâm* thuộc về **sắc-pháp**.

- Hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác với *đối-tượng thọ lạc* thuộc về **danh-pháp**, khi *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của **danh-pháp hiện-tại** ấy, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp, sắc-pháp ấy, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* và Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

* *Cách niệm-tâm: Bậc thiên sắc-giới thiện-tâm của đề-mục thiên-định ānāpānassati.*

Sắc-giới thiện-tâm thuộc về **danh-pháp** làm *đối-tượng thiên-tuệ*, và *sắc-giới thiện-tâm* nương nhờ *hadaya-vatthurūpa* là *nơi sinh của ý-thức-tâm* thuộc về **sắc-pháp**.

- Hành-giả thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** có *chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác với *đối-tượng sắc-giới thiện-tâm* thuộc về **danh-pháp**, khi *trí-tuệ thiền-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của *danh-pháp hiện-tại* ấy, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *danh-pháp, sắc-pháp* ấy, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý* từ **Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả** và **Niết-bàn**, trở thành bậc **Thánh A-ra-hán**.

Giải giải

Đoạn kết của *ānāpānappabbavaṇṇanā* theo Chú-giải Pāli bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā* như sau:

Iti - ajjhatam vā'ti evaṃ attano vā assāsapassāsa-kāye kāyānupassī viharati.

- **Bahiddhā vā'ti** *parassa assāsapassāsakāye ...*

- **Ajjhattabahiddhā vā'** *ti kālena attano, kālena parassa assāsapassāsakāye...*

- *Atthi kāyo'ti vā panassā' ti kāyo atthi, na satto, na puggalo, na itthī, na puriso, na attā, na attaniyaṃ, nā'ham, na mama, na koci, na kassacīti evamassa sati paccupaṭṭhitā hoti.*

Ý nghĩa

Iti - ajjhatam vā: Tỳ-khuru, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác đối theo thấy rõ, biết rõ *toàn thân* trong phần *hơi thở vào, hơi thở ra bên trong* của mình.

- **Bahiddhā vā**: Hoặc tỳ-khuru, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác đối theo thấy rõ, biết rõ *toàn thân* trong phần *hơi thở vào, hơi thở ra bên ngoài* mình, của người khác, của chúng-sinh khác.

- *Ajjhattabahiddhā vā*: Hoặc tỳ-khuru, hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác dõi theo thấy rõ, biết rõ *toàn thân* trong phần *hơi thở vào, hơi thở ra* khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác, của chúng-sinh khác, v.v...

- *Atthi kāyo*: Chỉ là *thân* mà thôi, trong phần này là *hơi thở vào, hơi thở ra* thuộc về *sắc-pháp* phát sinh do *tâm* (*cittajarūpa*) là *pháp vô-ngã*, không phải chúng-sinh (*na satto*), không phải người (*na puggalo*), không phải người nữ (*na itthī*), không phải người nam (*na puriso*), không phải ngã (*na attā*), không phải thuộc về ngã (*na attaniyam*), không phải ta (*nā'ham*), không phải của ta (*na mama*), không phải ai (*na koci*), không phải của ai (*na kassaci*), v.v...

- *Anissito ca viharati*: Hành-giả có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh, không có *tà-kiến* và *tham-ái* nương nhờ nơi *hơi thở vào, hơi thở ra* ấy.

- *Na ca kiñci loke upādīyati*: Tâm không còn chấp-thủ do *tà-kiến* và *tham-ái* cho rằng: "*Ta, của ta*" nào trong ngũ-uẩn này nữa (*đó là tâm của bậc Thánh A-ra-hán*).

Như vậy, *đối-tượng hơi thở vào, hơi thở ra* trong phần *thân niệm-xứ* này có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả; Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả; Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng*.

Còn lại 20 *đối-tượng của tứ-niệm-xứ* cũng có ý nghĩa tương tự như *phần hơi thở vào, hơi thở ra*, song mỗi phần chỉ có khác *đối-tượng riêng biệt* mà thôi.

Như vậy, 21 *đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ* mà hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành

pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng nào trong 21 đối-tượng ấy cũng đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* và Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* như nhau cả thảy.

Nhân-duyên sinh-diệt của sắc-pháp, của danh-pháp

*** Sắc-pháp sinh do 5 nhân-duyên-sinh**

- *Sắc-pháp sinh do vô-minh sinh.*
- *Sắc-pháp sinh do tham-ái sinh.*
- *Sắc-pháp sinh do nghiệp sinh.*
- *Sắc-pháp sinh do vật-thực sinh.*
- *Trạng-thái-sinh của sắc-pháp.*

*** Sắc-pháp diệt do 5 nhân-duyên-diệt**

- *Sắc-pháp diệt do vô-minh diệt.*
- *Sắc-pháp diệt do tham-ái diệt.*
- *Sắc-pháp diệt do nghiệp diệt.*
- *Sắc-pháp diệt do vật-thực diệt.*
- *Trạng-thái-diệt của sắc-pháp.*

*** Danh-pháp sinh do 5 nhân-duyên-sinh**

- *Danh-pháp sinh do vô-minh sinh.*
- *Danh-pháp sinh do tham-ái sinh.*
- *Danh-pháp sinh do nghiệp sinh.*
- *Danh-pháp sinh do sắc-pháp, danh-pháp sinh.*
- *Trạng-thái-sinh của danh-pháp.*

*** Danh-pháp diệt do 5 nhân-duyên-diệt**

- *Danh-pháp diệt do vô-minh diệt.*
- *Danh-pháp diệt do tham-ái diệt.*
- *Danh-pháp diệt do nghiệp diệt.*
- *Danh-pháp diệt do sắc-pháp, danh-pháp diệt.*
- *Trạng-thái-diệt của danh-pháp.*

Nhận xét về đoạn chót của mỗi đối-tượng

Tứ-niệm-xứ gồm có tất cả 21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ, mà đoạn kết của mỗi phần trong tứ-niệm-xứ đều có:

Iti - ajjhatam vā... đối-tượng bên trong của mình như “hơi thở vào, hơi thở ra bên trong của mình; hoặc 4 oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm bên trong của mình; hoặc thân hoặc thọ, hoặc tâm, hoặc pháp bên trong của mình; v.v...”

Điều ấy là dễ hiểu, không có gì đáng thắc mắc.

- *Bahiddhā vā ... đối-tượng bên ngoài mình, của người khác, của chúng-sinh khác như “hơi thở vào, hơi thở ra bên ngoài mình, của người khác; hoặc 4 oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm bên ngoài mình, của người khác, của chúng-sinh khác; hoặc thân hoặc thọ, hoặc tâm, hoặc pháp bên ngoài mình, của người khác, của chúng-sinh khác; v.v...”*

Điều ấy nên hiểu như thế nào?

Thật ra, đoạn kết của mỗi đối-tượng trong tứ-niệm-xứ là *kết quả* đã trải qua quá trình thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ đã có khả năng phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ theo tuần tự từ bậc thấp cho đến bậc cao, trải qua 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ, từ trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới:

- Khi trí-tuệ thứ nhất phát sinh gọi là *nāmarūpa-paricchedañāṇa*: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) đều là pháp-vô-ngã (không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, v.v...), có

chánh-kiến thiên-tuệ (vipassanāsammā-diṭṭhi), đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **diṭṭhivissuddhi**: Chánh-kiến thanh-tịnh, nên diệt-tùng-thời (*tadaṅgappahāna*) được **tà-kiến** (chưa diệt tận được tà-kiến).

- **Trí-tuệ thứ nhì** phát sinh gọi là **nāmarūpapaccaya-pariggahañña**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình với **paccakkhañña**: Trí-tuệ trực-tiếp thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp **bên trong của mình** (*ajjhatta*) như thế nào, và với **anumānañña**: Trí-tuệ gián-tiếp biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp **bên ngoài mình**, (*bahiddhā*) của người khác, của chúng-sinh khác cũng như thế ấy.

Cho nên, **trí-tuệ thứ nhì** này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, nên diệt-tùng-thời (*tadaṅgappahāna*) được **hoài-nghi** (chưa diệt tận được hoài-nghi).

Như vậy, hành-giả đang thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ**, * khi **trí-tuệ thứ nhất** **nāmarūpaparicchedañña** phát sinh, thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp, đạt đến **diṭṭhivissuddhi**: Chánh-kiến thanh-tịnh, nên diệt-tùng-thời được **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, hành-giả có **chánh-kiến thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, không phải vật này, vật kia, v.v... mà trí-tuệ này chỉ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp mà thôi.

Tiếp theo * khi **trí-tuệ thứ nhì** **nāmarūpapaccaya-pariggahañña** phát sinh, thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-

sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, đạt đến **kañkhā-vitarāṇavisuddhi**: Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, nên diệt-tùng-thời được **hoài-nghi** với **paccakkhañāṇa**: Trí-tuệ trực-tiếp thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp **bên trong của mình** (*ajjhatta*) như thế nào, và với **anumānañāṇa**: Trí-tuệ gián-tiếp biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp **bên ngoài mình** (*bahiddhā*), của người khác, của chúng-sinh khác, của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp hiện-tại, quá-khứ, vị-lai cũng như thế ấy.

Cho nên, hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi trí-tuệ thứ nhất **nāmarūpaparicchedañāṇa** phát sinh diệt-tùng-thời được **tà-kiến**, đến khi trí-tuệ thứ nhì **nāmarūpapaccayapariggahañāṇa** phát sinh diệt-tùng-thời được **hoài-nghi**.

Với 2 loại trí-tuệ đầu trong 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ, hành-giả có khả năng diệt-tùng-thời được **tà-kiến** và **hoài-nghi**, nên hành-giả được gọi là **cūlasotāpanna**: **Tiểu-nhập-lưu**. (chưa phải là bậc Thánh Nhập-lưu, bởi vì bậc Thánh Nhập-lưu đã diệt tận được tà-kiến và hoài-nghi).

* **Atthi kāyo**: Chỉ là **thân** mà thôi. **Thân** thuộc về **sắc-pháp** là **pháp-vô-ngũ**.

* **Anissito ca viharati**: Hành-giả đang tiến triển đúng theo **pháp-hành tứ-niệm-xứ** hoặc **pháp-hành thiên-tuệ**, có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh, nên không có **tà-kiến** và **tham-ái** nương nhờ nơi chủ thể và đối-tượng **danh-pháp** hoặc **sắc-pháp** ấy.

* **Na ca kiñci loke upādīyati**: **Tâm** của hành-giả không còn chấp-thủ do **tà-kiến** và **tham-ái** cho rằng: **“Ta, của ta, ...”** nào trong ngũ-uẩn này nữa.

Đó là tâm của bậc Thánh A-ra-hán.

Tóm lại, **tứ-niệm-xứ** gồm có 21 đối-tượng của **pháp-hành tứ-niệm-xứ** hoặc **pháp-hành thiền-tuệ**:

- **Thân-niệm-xứ** có 14 đối-tượng, **thân** thuộc về **sắc-pháp** là đối-tượng của **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác**.

- **Thọ-niệm-xứ** có 1 đối-tượng chia ra làm 9 loại thọ, **thọ** thuộc về **danh-pháp** là đối-tượng của **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác**.

- **Tâm-niệm-xứ** có 1 đối-tượng chia ra làm 16 loại tâm, **tâm** thuộc về **danh-pháp** là đối-tượng của **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác**.

- **Pháp-niệm-xứ** có 5 đối-tượng, **pháp** thuộc về **sắc-pháp** và **danh-pháp** là đối-tượng của **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác**.

Như vậy, **tứ-niệm-xứ** gồm có 21 đối-tượng, mà mỗi đối-tượng đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả; Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả; Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả; A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, và Niết-bàn**.

Hành-giả trở thành Thánh-nhân bậc nào hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực của 10 **pháp-hạnh ba-la-mật** và 5 **pháp-chủ (indriya)**: **Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ** của hành-giả.

Đối-tượng thân, thọ, tâm, pháp của **pháp-hành tứ-niệm-xứ** ý nghĩa như thế nào?

Theo Chú-giải Pāli giảng giải rằng:

* **Kāyo'va atthi**: **Thân** chỉ là **sắc-thân** mà thôi. **Sắc-thân** thuộc về **sắc-pháp** là **pháp-vô-ngã (anattā)** nghĩa là **na satto**: Không phải là chúng-sinh, **na puggalo**: Không phải là người, **na itthī**: Không phải là người nữ,

na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã, na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã, nā'ham: Không phải là ta, na mama: Không phải là của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...

* **Vedanā'va atthi:** Thọ chỉ là **thọ** mà thôi. **Thọ** thuộc về **danh-pháp** là **pháp-vô-ngã** (*anattā*) nghĩa là *na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã, na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã, nā'ham: Không phải là ta, na mama: Không phải là của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...*

* **Cittaṃ'va atthi:** Tâm chỉ là **tâm** mà thôi. **Tâm** thuộc về **danh-pháp** là **pháp-vô-ngã** (*anattā*) nghĩa là *na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã, na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã, nā'ham: Không phải là ta, na mama: Không phải là của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...*

* **Dhammo'va atthi:** Pháp chỉ là **pháp** mà thôi. **Pháp** thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp** là **pháp-vô-ngã** (*anattā*) nghĩa là *na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã, na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã, nā'ham: Không phải là ta, na mama: Không phải là của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...*

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, có chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân niệm-xứ** là **sắc-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), thì hành-giả không biết đến *chế-định-pháp* (*paññattidhamma*) nghĩa là không biết *ta đi, ... người, người nam, người nữ, v.v...* mà chỉ thấy rõ, biết rõ **toàn thân di chuyển**, ... là **sắc-pháp hiện hữu** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, có chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác thấy rõ, biết rõ **các thọ** trong **thọ-niệm-xứ** là **danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), thì hành-giả không còn biết đến *chế-định-pháp* (*paññattidhamma*) nghĩa là không biết *ta khổ, ... người khổ, người nam khổ, người nữ khổ, v.v...* mà chỉ thấy rõ, biết rõ **thọ khổ**, ... là **danh-pháp hiện hữu** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, có chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm-niệm-xứ** là **danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), thì hành-giả không biết đến *chế-định-pháp* (*paññattidhamma*) nghĩa là không biết *ta biết, người biết, người nam biết, người nữ biết, v.v...* mà chỉ thấy rõ, biết rõ **tâm biết** là **danh-pháp hiện hữu** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, có chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác thấy rõ, biết rõ **pháp** trong **pháp-niệm-xứ** là **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), thì hành-giả không biết đến *chế-định-pháp* (*paññattidhamma*) nghĩa là không biết *ta, người, người nam, người nữ, v.v...* mà chỉ thấy rõ, biết rõ **pháp** là **sắc-pháp, danh-pháp hiện hữu** mà thôi.

Hành-giả thích hợp với đối-tượng tứ-niệm-xứ

Trong pháp-hành thiên-định, hành-giả được phân loại theo 6 loại bản-tính: *Tính-tham, tính-sân, tính-si, tính-suy-diễn, tính-tín, tính-giác.*

Trong pháp-hành thiên-tuệ, hành-giả được phân loại theo 2 loại bản-tính, có 4 hạng hành-giả:

- 1- Hành-giả có bản-tính tham-ái, trí-tuệ kém.
- 2- Hành-giả có bản-tính tham-ái, trí-tuệ nhiều.
- 3- Hành-giả có bản-tính tà-kiến, trí-tuệ kém.
- 4- Hành-giả có bản-tính tà-kiến, trí-tuệ nhiều.

Nếu hành-giả biết chọn đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiên-tuệ phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình thì việc thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ, trong giai đoạn ban đầu rất thuận lợi cho sự phát triển trí-tuệ thiên-tuệ.

Đến giai đoạn giữa và giai đoạn cuối, đối-tượng thiên tuệ ban đầu có thể thay đổi tùy theo phước duyên mà hành-giả đã từng tạo trong những tiền-kiếp và các pháp-hành ba-la-mật.

Trong Chú-giải kinh Đại-niệm-xứ giảng giải rằng:

1- Nếu hành-giả có **bản-tính tham-ái, trí-tuệ kém** thì nên thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng **thân-niệm-xứ** thuộc về **sắc-pháp thô**. Khi chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác dễ thấy rõ, biết rõ **toàn thân** này là **bất-tịnh**, nên diệt được **tham-ái** nương nhờ nơi **thân** này cho là **"tịnh, xinh đẹp"**.

2- Nếu hành-giả có **bản-tính tham-ái, trí-tuệ nhiều** thì nên thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng trong **thọ-niệm-xứ** thuộc về **danh-pháp**. Khi chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác dễ thấy

rõ, biết rõ các **thọ** này là **khổ**, nên diệt được **tham-ái** nương nhờ nơi các **thọ** này cho là “**lạc**”.

3- Nếu hành-giả có **bản-tính tà-kiến, trí-tuệ kém** thì nên thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng trong **tâm-niệm-xứ** thuộc về **danh-pháp**. Khi chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác dễ thấy rõ, biết rõ **tâm** này là **vô-thường**, nên diệt được **tà-kiến** nương nhờ nơi **tâm** này cho là “**thường**”.

4- Nếu hành-giả có **bản-tính tà-kiến, trí-tuệ nhiều** thì nên thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng trong **pháp-niệm-xứ** thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp vi-tế**. Khi chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác dễ thấy rõ, biết rõ các **pháp** này là **vô-ngã**, nên diệt được **tà-kiến** nương nhờ nơi các **pháp** này cho là “**ngã**”.

Bốn đối-tượng trong tứ-niệm-xứ: **Thân** là bất-tĩnh, **thọ** là khổ, **tâm** là vô-thường, **pháp** là vô-ngã, đó chỉ là đề cập đến tính chất đặc biệt của mỗi đối-tượng mà thôi, nhưng thực ra, 4 đối-tượng tứ-niệm-xứ: **Thân, thọ, tâm, pháp** đều có sự sinh, sự diệt, đều có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tĩnh, đều có khả năng diệt được 3 pháp-đảo-điên là tướng điên-đảo, tâm điên-đảo, tà-kiến điên-đảo cho **thân, thọ, tâm, pháp** là **tĩnh, lạc, thường, ngã**.

Vấn: Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ có nên lựa chọn đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiên-tuệ hay không?

Đáp: Hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ, nếu lựa chọn được đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiên-tuệ phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình thì pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ chắc chắn sẽ được thuận lợi, được

phát triển tốt, trí-tuệ thiên-tuệ sẽ phát sinh, dẫn đến chứng ngộ chân-lý từ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Nhưng sự thật, hành-giả không có khả năng biết lựa chọn được đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiên-tuệ nào phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình, thậm chí ngay vị thiên sư cũng không biết nữa, huống gì đệ-tử.

Trích dẫn những tích như sau:

* *Tích Suvannakārattheravatthu*⁽¹⁾ đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta được tóm lược như sau:

Người con trai của người thợ vàng còn trẻ xuất gia trở thành tỳ-khuru, là đệ-tử của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, Ngài nghĩ rằng: “*Người trai trẻ thường có tham-ái*”, nên Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy đệ-tử với **đề-mục thiền-định asubha: Bất tịnh**, để diệt tham-ái, nhưng đề-mục thiền-định này không phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của vị tỳ-khuru trẻ.

Thật vậy, vị tỳ-khuru trẻ đi vào rừng cố gắng tinh-tân không ngừng suốt 4 tháng mà vẫn không phát sinh *nimitta* nào cả. Vị tỳ-khuru trở về đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, thầy tế độ, trình bạch về pháp-hành của mình như vậy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nghĩ rằng: “*Vị tỳ-khuru trẻ này thuộc về sự tế độ của Đức-Phật*”.

Cho nên, Ngài Đại-Trưởng-lão dẫn người đệ-tử đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con dạy đề-mục thiền-định cho vị tỳ-khuru trẻ này, vị tỳ-khuru này đã thực-hành pháp-hành thiền-định suốt 4 tháng mà vẫn không thể*

¹ Bộ Chú-giải Dhammapadattakathā, Tích Suvannakārattheravatthu.

phát sinh nimitta nào, nên con nghĩ rằng: Vị tỳ-khuru này thuộc sự tế độ của Đức-Thế-Tôn, nên con dẫn vị tỳ-khuru này đến hầu Đức-Thế-Tôn.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- *Này Sāriputta! Con dạy đề-mục thiền-định nào cho đệ-tử của con vậy?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con dạy đề-mục thiền-định asubha: Bất tịnh cho đệ-tử của con.*

- *Này Sāriputta! Con không có trí-tuệ đặc biệt āsayānusayañāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ bản-tính có hữu và mọi phiền-não ngám ngòm của chúng-sinh, nên con dạy đề-mục thiền-định không phù hợp với đệ-tử.*

- *Này Sāriputta! Con nên trở về, người đệ-tử ở lại.*

Đức-Thế-Tôn suy xét thấy vị tỳ-khuru trẻ xuất thân từ gia đình người thợ vàng, và tiền-kiếp suốt 500 kiếp đều sinh trong gia đình thợ vàng, y cũng là người thợ làm vàng giỏi khéo tay, nên quen thấy vàng, cho nên *đề-mục thiền-định asubha: Bất tịnh* là đề-mục thiền-định không phù hợp với tỳ-khuru trẻ này.

Đức-Thế-Tôn hóa ra **một đóa hoa sen hồng** bằng gang tay thật là xinh đẹp ban cho tỳ-khuru trẻ với lời truyền dạy rằng:

- *Này tỳ-khuru! Con hãy đem đóa hoa sen này cắm trên gò đất đằng sau tảng đá, rồi ngồi thực-hành pháp-hành thiền-định, hướng tâm đến đóa hoa sen ấy bằng cách niệm thầm trong tâm rằng: “Lohitakaṃ, ... Lohitakaṃ, ... Lohitakaṃ, ... Màu đỏ, ... Màu đỏ, ... Màu đỏ, ...”*

Khi đón nhận đóa hoa sen từ trên tay của Đức-Phật, vị tỳ-khuru trẻ cảm nhận vô cùng hoan hỷ, vâng theo lời dạy của Đức-Phật, vị tỳ-khuru trẻ đi đến sau tảng đá, cắm

đóa hoa sen trên gò đất, rồi ngồi thực-hành pháp-hành thiên-định, hướng tâm đến đóa hoa sen ấy *bằng cách niệm thầm trong tâm rằng*:

“Lohitakam, ... Lohitakam, ... Lohitakam, ... Màu đỏ, ... Màu đỏ, ... Màu đỏ, ...”

Vị tỳ-khuru trẻ chế ngự được 5 pháp-chương-ngại, nên *đối-tượng uggahanimitta* phát sinh, rồi tiếp theo *đối-tượng paṭibhāganimitta* phát sinh, chứng đắc *đệ nhất thiên sắc-giới thiện-tâm*, rồi tiếp tục chứng đắc *đệ nhị thiên sắc-giới thiện-tâm*, cho đến chứng đắc *đệ tứ thiên sắc-giới thiện-tâm* cuối cùng tại nơi ấy, chưa thay đổi chỗ ngồi.

Đức-Phật dõi theo biết rõ vị tỳ-khuru trẻ này đã chứng đắc các *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm* rồi. Ngài suy xét rằng: *“Tỳ-khuru ấy có khả năng tự mình chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn hay không?”*

Biết rõ tỳ-khuru ấy không có khả năng, nên Đức-Phật biến đóa hoa sen ấy cho héo tàn, các cánh sen rơi rụng xuống đất.

Vị tỳ-khuru xả thiên ra, ngồi thấy đóa sen héo tàn như vậy, nên nghĩ rằng: *“Đóa hoa sen nở thật là xinh đẹp vừa mới đây, nay đóa hoa sen bị héo tàn, các cánh sen rơi rụng cả, đến nhụy sen cũng không còn, nay chỉ còn tro trọi gương sen mà thôi. Sự già của đóa hoa sen như thế nào, rồi sự già ấy chắc chắn cũng sẽ xảy đến trong thân của ta. Các pháp-hữu-vi thật là vô-thường!”*

Vị tỳ-khuru bắt đầu thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ, trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ **toàn thân** đó là **sắc-pháp** có **sự sinh, sự diệt**, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Khi ấy, dõ theo biết tâm của vị tỳ-khuru đã phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ rồi, nên Đức-Phật từ Gandhakuṭi phóng hào quang như ngợ đèn trước mặt thuyết dạy bài kệ rằng:

“*Ucchinda sinehamattano,
kumudaṃ sāradaṃva pāṇinā.
Santimaggameva brūhaya,
Nibbānaṃ Sugatena desitaṃ.*”⁽¹⁾

- Nay tỳ-khuru! Con hãy nên diệt tận tâm tham-ái say mê trong thân của con bằng A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ, như người cắt đứt đóa hoa sen trắng trong mùa sārada tháng 10 bằng lưỡi dao sắc bén.

Con hãy nên tiến hành pháp-hành bát-chánh-đạo chứng ngộ Niết-bàn mà Như-Lai đã thuyết giảng.

Sau khi lắng nghe bài kệ xong, vị tỳ-khuru liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác có 2 loại trí-tuệ đặc biệt:

1- **Indriyaparopariyattañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ già dặn hoặc non yếu của mỗi chúng-sinh.

2- **Āsayānusayañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ bản-tính cố hữu, thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, và mọi phiền-não ngấm ngấm của mỗi chúng-sinh.

Ngoài Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác ra, các bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử không có một vị nào có 2 loại trí-tuệ đặc biệt này, dù Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là bậc Thánh Tối-thượng-Thanh-văn-giác có trí-tuệ siêu-việt cũng không có 2 loại trí-tuệ đặc biệt này.

¹ Dhammapadagāthā thứ 285.

Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có 2 loại trí-tuệ đặc biệt này, nên mỗi khi Đức-Phật thuyết pháp tế độ chúng-sinh nào, chắc chắn chúng-sinh ấy được sự lợi ích, sự tiến hóa sự an-lạc lâu dài.

* *Tích Aniccalakkhaṇavatthu*⁽¹⁾

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvattthī. Khi ấy, 500 vị tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính xin đề-mục-thiền.

Đức-Phật suy xét rằng: “*Đề mục thiền nào là pháp-hành phù hợp với nhóm tỳ-khưu này?*”

Đức-Phật biết rõ nhóm tỳ-khưu này trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa thường hay thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của ngũ-uẩn, đặc biệt quan tâm đến **trạng-thái vô-thường**, nên Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khưu! Tất cả các pháp-hữu-vi trong tam-giới: Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới đều có sự sinh, sự diệt là vô-thường, có nghĩa là có rồi không có.*

Đức-Phật thuyết dạy bài kệ rằng:

*“Sabbe saṅkhārā aniccā ’ti, yadā paññāya passati.
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā.”*

Tất cả các pháp-hữu-vi đều là vô-thường.

*Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ trạng-thái vô-thường.
Khi thấy rõ như vậy, trí-tuệ thiên-tuệ nhằm chán khổ trong ngũ-uẩn này.*

Hành-giả chứng ngộ khổ Thánh-đế đã biết, nhân sinh khổ Thánh-đế đã diệt, v.v...

Đó là Thánh-đạo thanh-tịnh trong sạch này.

¹ Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, tích Aniccalakkhaṇavatthu.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng xong bài kệ, tất cả nhóm 500 tỳ-khuru thực-hành pháp-hành thiên-tuệ liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cả thầy.*

** Tích Dukkhalakkhaṇavatthu⁽¹⁾*

Cũng như trường hợp trên, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh thành Sāvattthī. Khi ấy, 500 vị tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, kính xin đề-mục-thiền.

Đức-Thế-Tôn suy xét rằng: “*Đề-mục-thiền nào là pháp-hành phù hợp với nhóm tỳ-khuru này?*”

Đức-Phật biết rõ nhóm tỳ-khuru này trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, thường hay thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của *ngũ-uẩn*, đặc biệt quan tâm đến **trạng-thái khổ**, bởi vì *ngũ-uẩn* sinh rồi diệt vô-thường, *trạng-thái khổ* luôn luôn hành hạ, nên Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Đây chư tỳ-khuru! Tất cả các pháp-hữu-vi trong tam-giới: Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới đều có sự sinh, sự diệt là vô-thường, nên sự thật chỉ có khổ mà thôi, có nghĩa là luôn luôn hành hạ.

Đức-Phật thuyết dạy bài kệ rằng:

*“Sabbe saṅkhārā dukkhā ’ti, yadā paññāya passati.
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā.”*

*Tất cả các pháp-hữu-vi đều là khổ,
Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ **trạng-thái khổ**,
Khi thấy rõ như vậy, trí-tuệ thiên-tuệ nhằm chán khổ
trong *ngũ-uẩn* này.*

¹ Bộ Dhammapadattakathā, tích Dukkhalakkhaṇavatthu.

Hành-giả chứng ngộ khổ Thánh-đế đã biết, nhân sinh khổ Thánh-đế đã diệt, v.v...

Đó là Thánh-đạo thanh-tịnh trong sạch này.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng xong bài kệ, tất cả nhóm 500 tỳ-khuru thực-hành pháp-hành thiên-tuệ liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cả thầy.*

* *Tích Anattalakkhaṇavatthu*⁽¹⁾

Cũng như trường hợp trên, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh thành Sāvattthī. Khi ấy, 500 vị tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Phật, kính xin đề-mục-thiền.

Đức-Phật suy xét rằng: “*Đề-mục-thiền nào là pháp-hành phù hợp với nhóm tỳ-khuru này?*”

Đức-Phật biết rõ nhóm tỳ-khuru này trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa thường hay thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của *ngũ-uẩn*, đặc biệt quan tâm đến ***trạng-thái vô-ngã***, bởi vì ngũ-uẩn sinh rồi diệt là *vô-thường, khổ* luôn luôn hành hạ, vô chủ, không chiều theo ý muốn của ai, nên Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Tất cả ngũ-uẩn này là pháp-vô-ngã thật sự, có nghĩa là không chiều theo ý muốn của ai cả, nên không thể muốn rằng: Xin ngũ-uẩn của tôi đừng già, đừng bệnh, đừng chết.*

Đức-Phật thuyết dạy bài kệ rằng:

*“Sabbe dhammā anattā’ti, yadā paññāya passati.
Atha nibbindati dukkhe, esa maggo visuddhiyā.”*

Tất cả ngũ-uẩn này đều là vô-ngã.

¹ Bộ Dhammapadaṭṭhakathā, Tích Anattalakkhaṇavatthu.

*Khi nào trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ **trạng-thái vô-ngã**,
 Khi thấy rõ như vậy, trí-tuệ thiên-tuệ nhằm chán khổ
 trong ngũ-uẩn này.*

*Hành-giả chứng ngộ khổ Thánh-đế đã biết, nhân sinh
 khổ Thánh-đế đã diệt, v.v...*

Đó là Thánh-đạo thanh-tịnh trong sạch này.

Sau khi lắng nghe Đức-Phật thuyết giảng xong bài kệ, tất cả nhóm 500 tỳ-khưu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cả thầy.

Những trường hợp như vậy hầu như rất nhiều trong Tam-Tạng Pāli và các Chú-giải Pāli, bởi vì chỉ có Đức-Phật mới biết được bản-tính, thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, 10 pháp-hạnh ba-la-mật, 5 pháp-chủ già dặn hoặc non yếu, mọi phiền-não ngấm ngấm của mỗi chúng-sinh mà thôi.

Ngoài Đức-Phật-Chánh-Đẳng-giác ra, không có một bậc Thánh Thanh-văn nào có khả năng biết được như vậy.

Không ai biết được tiềm tàng của mình

Kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh nói chung, của mỗi người nói riêng là kết quả một phần nhỏ quả của nghiệp được biểu hiện. Còn phần lớn tất cả mọi thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp tiềm tàng trong tâm của mình được tích lũy từ vô thủy trải qua vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, tự mình không có khả năng biết được và những người khác cũng không thể biết rõ được. Tuy nhiên, duy nhất chỉ có **Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác** mới biết được khả năng tiềm tàng của mỗi chúng-sinh mà thôi.

Thật vậy, Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthakathera trong

tích *Cūḷapanthakatheravatthu* ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Ngài *Trưởng-lão Cūḷapanthakathera* có sư huynh là Ngài *Trưởng-lão Mahāpanthakathera* xuất gia trước, đã trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Về sau, Ngài *Trưởng-lão Mahāpanthakathera* dẫn dắt người em là *Cūḷapanthaka* xuất gia trở thành *tỳ-khuru*. Sau khi trở thành *tỳ-khuru*, *tỳ-khuru Cūḷapanthaka* trở thành *tỳ-khuru* kém trí nhớ.

Thật vậy, Ngài *Trưởng-lão Mahāpanthakathera* dạy *tỳ-khuru Cūḷapanthaka* một bài kệ gồm có 4 câu mà suốt 4 tháng Ngài vẫn chưa học thuộc lòng được.

Một hôm, Ngài *Trưởng-lão Mahāpanthakathera* bảo với *sư đệ Cūḷapanthaka* rằng:

- *Này Cūḷapanthaka! Dường như sư đệ không có đầy đủ phước duyên trong Phật-giáo, cho nên một bài kệ mà sư đệ học suốt 4 tháng vẫn chưa thuộc lòng được. Còn phận sự thực-hành phạm-hạnh cao thượng để giải thoát khổ làm sao được!*

Vậy, sư đệ nên rời khỏi ngôi chùa Ambavana này, trở về nhà trở thành cận-sự-nam tạo bồi bổ thêm các pháp-hạnh ba-la-mật.

Nghe sư huynh của *tỳ-khuru Cūḷapanthaka* truyền bảo như vậy, thật tâm của *tỳ-khuru Cūḷapanthaka* hoàn toàn không muốn trở lại đời sống của người tại gia, bởi vì *tỳ-khuru Cūḷapanthaka* có đức-tin trong sạch tha thiết trong Phật-giáo, nhưng đành phải vâng lời sư huynh.

Hôm ấy, *cận-sự-nam Jīvaka Komārabhacca* là quan ngự-y của Đức-vua Bimbisāra trong kinh-thành Rājagaha đến ngôi chùa Ambavana đánh lễ Đức-Phật, rồi lắng nghe Đức-Phật thuyết-pháp.

¹ Bộ *Dhammapadattakathā*, tích *Cūḷapanthakatheravatthu*.

Sau khi nghe pháp xong, cận-sự-nam Jīvaka đến gặp Ngài Trưởng-lão Mahāpanthakathera bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, trong ngôi chùa này có bao nhiêu vị tỳ-khuru?

- Nay cận-sự-nam Jīvaka! Trong chùa có 500 vị tỳ-khuru.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, sáng ngày mai, con xin kính thỉnh Đức-Phật ngự cùng với chư Đại-đức-Tăng gồm có 500 vị đến tư thất của con, để cho con cúng dường vật thực.

- Nay cận-sự-nam Jīvaka! Sáng ngày mai, Đức-Phật cùng với chư Đại-đức-Tăng gồm có 499 vị đến tư thất của con, trừ tỳ-khuru Cūlapanthaka ra.

Nghe sư huynh của tỳ-khuru Cūlapanthaka nói với cận-sự-nam Jīvaka như vậy, thì tỳ-khuru Cūlapanthaka không còn hy vọng ở lưu lại tại ngôi chùa Ambavana này được nữa. Tỳ-khuru Cūlapanthaka cảm thấy vô cùng khổ tâm cùng cực.

Canh chót đêm hôm ấy, Đức-Phật xả đại-bi thiên, xem xét chúng-sinh nào có phước duyên nên tế độ, thì thấy rõ tỳ-khuru Cūlapanthaka hiện ra, Đức-Phật thấy rõ, biết rõ tỳ-khuru Cūlapanthaka sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật tế độ tỳ-khuru Cūlapanthaka

Sáng sớm hôm ấy, Đức-Phật ngự ra trước cổng chùa đi kinh hành chờ gặp tỳ-khuru Cūlapanthaka.

Cũng sáng sớm hôm ấy, tỳ-khuru Cūlapanthaka rời khỏi ngôi chùa Ambavana, đi trở về nhà. Nhìn thấy Đức-Phật tỳ-khuru Cūlapanthaka liền đến đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật.

Đức-Phật truyền hỏi rằng:

- *Này Cūḷapanthaka! Con đi đâu từ sáng sớm vậy?*

Tỳ-khuru Cūḷapanthaka kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sư huynh của con bảo rằng:*

“Con nên rời khỏi ngôi chùa Ambavana, trở về nhà, trở thành cận-sự-nam, bởi vì con là người kém trí nhớ.”
Bạch Ngài.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này Cūḷapanthaka! Con là tỳ-khuru trong giáo pháp của Như-Lai, sư huynh bảo con rời khỏi ngôi chùa Ambavana, sao con không đến với Như-Lai?*

- *Này Cūḷapanthaka! Con hãy đến với Như-Lai.*

Đức-Phật đưa bàn tay mềm mại có dấu bánh xe sò trên đầu của tỳ-khuru Cūḷapanthaka, rồi dẫn đến cốc Gandhakuṭi. Đức-Phật truyền bảo tỳ-khuru Cūḷapanthaka ngồi trước cốc Gandhakuṭi, ban cho một miếng vải trắng mới sạch sẽ phát sinh do thần thông, rồi truyền dạy rằng:

- *Này Cūḷapanthaka! Con nên ngồi quay mặt về hướng Đông, hai tay vò miếng vải này, đồng thời niệm trong tâm rằng: “Rajoharaṇaṃ, ... Rajoharaṇaṃ, ... Rajoharaṇaṃ, ... Vải lau bụi dơ, ... Vải lau bụi dơ, ... Vải lau bụi dơ, ...”*

Khi ấy đến giờ, cận-sự-nam Jīvaka bảo gia nhân đến kính thỉnh Đức-Phật ngự cùng với chư Đại-đức-Tăng gồm có 499 vị đến tư thất của ông (không có tỳ-khuru Cūḷapanthaka).

Tỳ-khuru Cūḷapanthaka trở thành bậc Thánh A-Ra-Hán

Vâng theo lời dạy của Đức-Phật, tỳ-khuru Cūḷapanthaka ngồi nhìn về phía mặt trời, vò miếng vải ấy, đồng thời niệm trong tâm rằng: *“Rajoharaṇaṃ, ... Rajoharaṇaṃ, ... Rajoharaṇaṃ, ...”* *“Vải lau bụi dơ, ... Vải lau bụi dơ, ... Vải lau bụi dơ, ...”*

Khi vò miếng vải mới sạch sẽ ấy, miếng vải ấy trở nên dơ bẩn, tỳ-khuru Cūlapanthaka thấy miếng vải ấy dơ bẩn như vậy, nên nghĩ rằng: “*Miếng vải mới sạch sẽ thật sự, nhưng khi tiếp xúc với thân thể này của ta, miếng vải mới sạch sẽ không còn sạch như trước nữa, nay miếng vải ấy trở nên dơ bẩn như vậy.*”

Tất cả pháp-hữu-vi đều là vô-thường nhi!

Tỳ-khuru Cūlapanthaka thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, phát sinh *tri-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của *sắc-pháp, của danh-pháp*, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *sắc-pháp, của danh-pháp*.

Đức-Phật dõi theo biết rõ rằng: “*Tâm của Cūlapanthaka đã có tri-tuệ thiên-tuệ rồi*”. Đức-Phật phóng hào quang hiện đến ngồi trước mặt tỳ-khuru Cūlapanthaka truyền dạy rằng:

- *Này Cūlapanthaka! Con không chỉ biết đến miếng vải ấy dơ bẩn vì bụi dơ, mà con còn phải biết những bụi dơ đó là rāga: Tham-dục, dosa: Sân-hận, moha: Si-mê ngấm ngấm ở trong tâm của con.*

Con hãy nên diệt tận tham-dục, sân-hận, si-mê không còn nữa.

Đức-Phật thuyết dạy 3 bài kệ rằng:

“*Rāgo rajo na ca pana reṇu vuccati... ”*

“*Doso rajo na ca pana reṇu vuccati... ”*

“*Moho rajo na ca pana reṇu vuccati... ”*

Ý Nghĩa

- *Bụi dơ đó là tham-dục, bụi dơ không có nghĩa là bụi dơ, mà bụi dơ là tên gọi của tham-dục.*

Chư tỳ-khuru đã diệt tận được bụi dơ tham-dục ấy rồi, sống trong giáo-pháp của Đức-Phật không còn bụi dơ ấy.

- Bụi dơ đó là sân-hận, bụi dơ không có nghĩa là bụi dơ, mà bụi dơ là tên gọi của sân-hận.

Chư tỳ-khuru đã diệt tận được bụi dơ sân-hận ấy rồi, sống trong giáo-pháp của Đức-Phật không còn bụi dơ ấy.

- Bụi dơ đó là si-mê, bụi dơ không có nghĩa là bụi dơ, mà bụi dơ là tên gọi của si-mê.

Chư tỳ-khuru đã diệt tận được bụi dơ si-mê ấy rồi, sống trong giáo-pháp của Đức-Phật không còn bụi dơ ấy.

Sau khi lắng nghe 3 bài kệ xong, Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka thực-hành pháp-hành thiên-tuệ liền chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được tham-dục, sân-hận, si-mê không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ-tuệ-phân-tích (paṭisambhidā), các phép-thần-thông (abhiññā), đặc biệt thông suốt Tam-Tạng Pāli (tīṇi piṭakāni).

Tại tư thất, cận-sự-nam Jīvaka Komārabhacca đem dâng nước đến kính dâng lên Đức-Phật.

Đức-Phật truyền bảo cận-sự-nam Jīvaka rằng:

- Nay Jīvaka! Trong ngôi chùa Ambavana còn có tỳ-khuru phải không ?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài Trưởng-lão Mahāpanthaka cho con biết không còn tỳ-khuru nào trong ngôi chùa Ambavana nữa.

- Nay Jīvaka! Trong ngôi chùa Ambavana vẫn còn có tỳ-khuru.

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, cận-sự-nam Jīvaka bảo gia nhân rằng:

- Nay người! Người hãy mau lẹ đến ngôi chùa Ambavana, để biết còn có tỳ-khuru nào, hãy mau trở về báo ngay!

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka hóa ra ngàn tỳ-khuru

Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka nghĩ rằng: *Ta sẽ hóa ra ngàn tỳ-khuru mà mỗi nhóm đều làm mỗi công việc khác nhau như học kinh, may y, v.v... quét dọn sạch sẽ trong ngôi chùa Ambavana này.*

Gia nhân của ông cận-sự-nam Jīvaka đến chùa, nhìn thấy nhiều vị tỳ-khuru trong ngôi chùa, nên y liền trở về trình cho ông chủ Jīvaka biết trong ngôi chùa Ambavana có nhiều vị tỳ-khuru.

Cận-sự-nam Jīvaka kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, trong ngôi chùa Ambavana có nhiều vị tỳ-khuru.*

Đức-Phật truyền bảo rằng:

- *Này Jīvaka! Con hãy nên bảo gia nhân rằng: “Đức-Thế-Tôn truyền bảo tỳ-khuru tên Cūḷapanthaka đến hầu”.*

Khi gia nhân đi đến ngôi chùa Ambavana, nói lời truyền bảo của Đức-Phật, thì cả ngàn vị tỳ-khuru đều xưng tên rằng: *“Tôi là tỳ-khuru Cūḷapanthaka, tôi là tỳ-khuru Cūḷapanthaka”.*

Người nhà trở về kính bạch lên Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nghe cả ngàn vị tỳ-khuru đều xưng tên mình là tỳ-khuru Cūḷapanthaka.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này con! Nếu như vậy thì con nghe vị tỳ-khuru nào xưng tên trước rằng: “Tôi là tỳ-khuru Cūḷapanthaka”.*

Con hãy đến thỉnh vị tỳ-khuru ấy, các vị tỳ-khuru còn lại sẽ đều biến mất.

Vâng lời dạy của Đức-Phật, gia nhân của cận sự nam Jīvaka đến thỉnh vị tỳ-khuru xưng tên trước, các vị tỳ-khuru còn lại đều biến mất ngay tức khắc.

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka thuyết pháp

Sau khi Đức-Phật cùng chư Đại-đức Tăng thọ thực xong, Đức-Phật truyền bảo cận-sự-nam Jīvaka rằng:

- Nay Jīvaka! Con hãy nên đón nhận bát của tỳ-khuru Cūḷapanthaka, rồi thỉnh tỳ-khuru Cūḷapanthaka thuyết pháp và nói lời chúc phúc hoan hỷ phước-thiện bố-thí cúng dường của con hôm nay.

Vâng lời truyền dạy của Đức-Phật, cận-sự-nam Jīvaka đến nhận bát của tỳ-khuru Cūḷapanthaka, rồi thỉnh Ngài Trưởng-lão thuyết pháp.

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka thuyết pháp với giọng hay, thông thuộc, thấu suốt Tam-Tạng Pāḷi, nói lời chúc phúc hoan hỷ làm cho số đông phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan hỷ trong lời dạy của Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka.

Đức-Phật ngự trở về ngôi chùa Ambavana cùng với nhóm chư Đại-đức-Tăng gồm có đủ 500 vị tỳ-khuru.

Nghiệp quá-khứ của Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka là 1 trong 80 vị Thánh A-ra-hán Đại-Thanh-văn, có phép thần thông biến hóa theo tâm xuất sắc nhất trong các hàng Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama.

Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka vốn là vị đã từng tạo 10 pháp-hạnh ba-la-mật suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất, kể từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara cho đến kiếp chót trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama.

Vấn: *Do nguyên nhân nào mà kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka khi xuất gia trở thành tỳ-khuru, thì Ngài Trưởng-lão trở nên vị tỳ-khuru kém trí nhớ, học một bài kệ gồm có 4 câu, dù Ngài Trưởng-lão*

cố gắng tinh-tán ngày đêm suốt 4 tháng vẫn không thuộc lòng được. Cho nên sư huynh của Ngài là Ngài Trưởng-lão Mahāpanthaka là bậc Thánh A-ra-hán nghĩ rằng:

Tỳ-khuru Cūḷapanthaka không có đủ phước duyên trong Phật-giáo, nên khuyên Ngài trở về nhà trở thành cận-sự-nam tạo bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật vậy?

Đáp: Trong thời-kỳ Đức-Phật Kassapa, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka là vị tỳ-khuru có nhiều trí-tuệ, thông suốt Tam-Tạng Pāli.

Khi tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão nghe vị tỳ-khuru học Pāli, đọc đi đọc lại nhiều lần mà không thuộc, nên Ngài cười chế nhạo, làm cho vị tỳ-khuru ấy cảm thấy hổ thẹn, rồi bỏ học thuộc lòng Pāli.

Do ác-nghiệp quá-khứ ấy trong tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão cho quả, nên kiếp hiện-tại khi xuất gia trở thành tỳ-khuru thì trở nên vị tỳ-khuru kém trí nhớ, học một bài kệ gồm có 4 câu, dù tỳ-khuru cố gắng tinh-tán ngày đêm suốt 4 tháng vẫn không thuộc lòng được.

Vấn Do nguyên nhân nào mà Đức-Phật ban cho tỳ-khuru Cūḷapanthaka miếng vải mới sạch sẽ, rồi truyền dạy tỳ-khuru dùng 2 tay vò miếng vải ấy, đồng thời niệm tưởng trong tâm rằng: “Rajoharaṇaṃ, ...” như vậy?

Đáp: Trong thời quá-khứ, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Cūḷapanthaka là Đức-vua. Một hôm, Đức-vua ngự trên con voi báu đi quan sát quanh kinh-thành lúc trời nắng nóng, mồ hôi chảy ra trên trán.

Đức-vua dùng khăn vải trắng mới sạch sẽ lau mồ hôi trên trán, làm cho chiếc khăn vải trắng ấy đã bị dơ bẩn. Đức-vua phát sinh động tâm về vô-thường, bất-tịnh rằng: “Chiếc khăn vải trắng mới sạch sẽ khi tiếp xúc, lau sắc-thân này thì không còn sạch sẽ như xưa nữa. Chiếc khăn bị dơ bẩn, bởi vì thân thể của ta dơ bẩn”.

Tất cả các pháp-hữu-vi đều là vô-thường cả!

Đức-Phật thấy rõ, biết rõ nguyên nhân quá-khứ ấy, nên kiếp hiện-tại Đức-Phật ban cho tỳ-khuru Cūḷapanthaka miếng vải trắng sạch sẽ, rồi truyền dạy Ngài Trưởng-lão dùng 2 tay vò miếng vải ấy, đồng thời niệm tưởng trong tâm rằng: “*Rajoharaṇam, ...*” như vậy. Khi thấy miếng vải bị dơ mà Ngài thấy rõ thân ô trọc, đó là đối-tượng thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Đức-Phật-Chánh-Đẳng-Giác có 2 loại trí-tuệ đặc biệt:

1- *Indriyaparopariyattañāṇa*: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ 5 pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ già dặn hoặc non yếu của mỗi chúng-sinh.

2- *Āsayānusayañāṇa*: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ bản-tính có hữu, thiện-nghiệp, bất-thiện-nghiệp, và mọi phiền-não ngấm ngấm của mỗi chúng-sinh.

Vì vậy, Đức-Phật thấy rõ, biết rõ quá-khứ, hiện-tại và vị-lai của mỗi chúng-sinh, cho nên, khi Đức-Phật tế độ chúng-sinh nào, chắc chắn chúng-sinh ấy được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ

Pháp-hành tứ-niệm-xứ có 4 đối-tượng là **thân, thọ, tâm, pháp** đó là **sắc-pháp, danh-pháp**, là đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ, là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, không có ngoài Phật-giáo, cho nên, pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ là pháp-hành duy nhất dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Vấn: *Tại sao đối-tượng thiền-tuệ thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) mà không phải là chế-định-pháp (paññattidhamma)?*

Đáp: **Chế-định-pháp** (paññattidhamma) là pháp không có **thật-tánh**, không có **sự sinh**, **sự diệt**, không có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, không dẫn đến **chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế**, không **chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn**, không giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Cho nên, **đối-tượng thiền-tuệ** không thuộc về chế-định-pháp (paññattidhamma) được.

* **Chân-nghĩa-pháp** (paramatthadhamma) đó là sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, có **sự sinh**, **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới. Cho nên, **đối-tượng thiền-tuệ** thuộc về chân-nghĩa-pháp mà không phải là chế-định-pháp (paññattidhamma) được.

Tứ-niệm-xứ có 4 pháp:

- **Thân niệm-xứ**: **Thân** là đối-tượng của chánh-niệm, gồm có 14 đối-tượng thuộc về **sắc-pháp**.

- **Thọ niệm-xứ**: **Thọ** là đối-tượng của chánh-niệm, có 1 đối-tượng chia ra 9 loại thọ thuộc về **danh-pháp**.

- **Tâm niệm-xứ**: **Tâm** là đối-tượng của chánh-niệm, có 1 đối-tượng chia ra 16 loại tâm thuộc về **danh-pháp**.

- **Pháp niệm-xứ**: **Pháp** là đối-tượng của chánh-niệm, gồm có 5 đối-tượng thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp**.

Như vậy, **thân, thọ, tâm, pháp** gồm có 21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ, hoặc **các sắc-pháp, các danh-pháp** là đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ đều thuộc về **chân-ngheã-pháp** (*paramatthadhamma*), không phải là **ché-định-pháp** (*paññattidhamma*).

Thật ra, trong 21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ, hoặc trong các đối-tượng sắc-pháp, các đối-tượng danh-pháp của pháp-hành thiên-tuệ, hành-giả khó biết được **đối-tượng nào** là đối-tượng phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình, để thực-hành pháp-hành thiên-tuệ ban đầu cho được thuận lợi, để phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ.

Cho nên, hành-giả cần phải nên học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ 21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ, hoặc tất cả mọi đối-tượng sắc-pháp, mọi đối-tượng danh-pháp của pháp-hành thiên-tuệ, rồi **thực-hành thử nghiệm** mỗi đối-tượng để biết kết quả ban đầu.

Nếu hành-giả xét thấy đối-tượng ấy phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình thì tiếp tục thực-hành đối-tượng ấy, để dẫn đến kết quả cuối cùng theo ý nguyện mong giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Để thực-hành đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ, hành-giả cần phải nên học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ bài **kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta** và Chú-giải của bài **kinh Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā** trong Trường-bộ-kinh (*Dīghanikāya*), phần **Mahāvagga-pāli** và Trung-bộ-kinh (*Majjhimanikāya*), phần **Mūlapaṇṇāsapāli** và bộ Chú-giải (*Aṭṭhakathā*) của bài **kinh Mahāsatipaṭṭhānasutta** này, để làm nền tảng căn bản của pháp-hành tứ-niệm-xứ.

Và hành-giả còn cần phải học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ bộ *Visuddhimagga: Thanh-tịnh-đạo* và bộ *Visuddhi-maggamahāṭīkā: Thanh-tịnh-đạo Phụ-chú-giải* làm nền tảng căn bản của *pháp-hành thiên-tuệ*, để hành-giả hiểu biết cách thực-hành *pháp-hành giới, pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ*.

Nhận xét về 21 đối-tượng trong tứ-niệm-xứ

Trong 21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ, đối-tượng nào cũng có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* cả thấy.

Trong 21 đối-tượng ấy đều là những đối-tượng vô cùng vi-tế và vô cùng sâu sắc, bởi vì **thật-tánh** của mỗi đối-tượng đều thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma)*, không phải *chế-định-pháp (paññattidhamma)*.

Danh từ ngôn-ngữ gọi mỗi đối-tượng ấy tuy là *chế-định-pháp (paññattidhamma)* nhưng thuộc về *vijjamāna-paññatti: Danh từ ngôn-ngữ chế-định có thật-tánh-pháp hiện hữu làm nền tảng*, mà **thật-tánh thật sự** đó là **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* hoàn toàn không phải danh từ ngôn-ngữ chế định nào cả.

Cho nên, **thân, thọ, tâm, pháp** là đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*, mà **thân** thuộc về **sắc-pháp, thọ** và **tâm** thuộc về **danh-pháp**, còn **pháp** thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp** là đối-tượng của *pháp-hành thiên-tuệ*.

Như vậy, *đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ* và *đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ* chỉ có khác nhau về danh từ ngôn-ngữ mà thôi, còn **thật-tánh của đối-tượng** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* là hoàn toàn giống nhau.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ chỉ có đối-tượng là thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*) mà thôi, bởi vì chỉ có đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp mới có **thật-tánh** có **sự sinh, sự diệt, có 3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Còn **chế-định-pháp** thuộc về danh từ ngôn ngữ thì hoàn toàn **không có thật-tánh, không có sự sinh, sự diệt, không có 3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên không thể làm đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ, cũng không thể dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thể chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, không thể giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Iriyāpathapabba: Đối-Tượng Tứ-Oai-Nghi

Nếu hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ mà không có khả năng biết được đối-tượng nào phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình, thì hành-giả nên thử lựa chọn **iriyāpathapabba**: Đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm trong thân-niệm-xứ thuộc về **sắc-pháp** phát sinh từ tâm làm đối-tượng, để thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, bởi vì *iriyāpathapabba* là 1 trong 21 đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-Đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Xét thấy **iriyāpathapabba**: *Đôi-tượng tứ-oai-nghi*: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm trong thân-niệm-xứ thuộc về **sắc-pháp** phát sinh từ tâm là một *đôi-tượng tương đối thô*, rõ ràng hiện rõ nhiều trong thời hiện-tại, so với các *đôi-tượng tứ-niệm-xứ* khác, bởi vì khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm, nếu có oai-nghi phụ nào phát sinh như cử động tay, chân, quay bên phải, quay bên trái, v.v... thì khi ấy, oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm không còn hiện hữu rõ ràng nữa.

Iriyāpathapabba: *Đôi-tượng tứ-oai-nghi*: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm này trong thân-niệm-xứ phù hợp với hành-giả có bản-tính tham-ái, trí-tuệ kém.

Nếu hành-giả có bản-tính tham-ái, trí-tuệ kém có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ thì nên lựa chọn *đôi-tượng tứ-oai-nghi*: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm, trong phần thân-niệm-xứ, gọi là **thân đi, thân đứng, thân ngồi, thân nằm** hoặc **sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm** dùng làm *đôi-tượng thiên-tuệ*, lúc ban đầu thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ.

Trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi, tìm hiểu biết rõ về **phần pháp-học** của *đôi-tượng tứ-oai-nghi*, và **phần pháp-hành** của *đôi-tượng tứ-oai-nghi*, **phương pháp thực-hành** của mỗi oai-nghi.

Hành-giả thử nghiệm thực-hành pháp-hành thiên-tuệ với *đôi-tượng tứ-oai-nghi* ấy, nếu xét thấy phù hợp với bản-tính và trí-tuệ của mình thì tiếp tục thực-hành *đôi-tượng* ấy để dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Nếu hành-giả xét thấy đối-tượng **tứ-oai-nghi** này không phù hợp với *bản-tính và trí-tuệ của mình* thì thay đổi đối-tượng khác. Đó là việc bình thường trong *pháp-hành thiên-tuệ*.

Thật ra, đối-tượng *tứ-oai-nghi* là những oai-nghi bình thường trong đời sống hằng ngày của mỗi người, nên khi hành-giả sử dụng *tứ-oai-nghi* làm đối-tượng thiên-tuệ, để thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* ban đầu, đó là điều rất thuận lợi cho hành-giả, dù chưa dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả* nào, cũng làm nền tảng cho mọi thiện-pháp phát sinh và tăng trưởng.

Nếu trong những tiền kiếp của hành-giả đã từng thực-hành những *đối-tượng thiên-tuệ* nào khác đã thành thói quen, phù hợp với *bản-tính và trí-tuệ* của mình thì kiếp hiện-tại này đến giai đoạn tự động chuyển sang đối *đối-tượng thiên-tuệ* ấy, đó là điều rất bình thường trong *pháp-hành thiên-tuệ*, bởi vì *pháp-hành thiên-tuệ* gồm *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới*, không có sự phân biệt nào cả (*khác với hành-giả thực-hành pháp-hành-thiền định bắt buộc giới hạn một số đối-tượng thiền-định*).

Kāyānupassanā Iriyāpathapabba

Đối-tượng tứ-oai-nghi

Bài *kinh Mahāsatipatṭhānasutta*⁽¹⁾ phần *Iriyāpathapabba* như sau:

Đức-Phật thuyết giảng rằng:

“*Puna ca paraṃ bhikkhave, bhikkhu*

¹ Dīghanikāya, Mahāvaggapāli, kinh Mahāsatipatṭhānasutta.

- *Gacchanto vā gacchāmī'ti pajānāti,*
- *Ṭhito vā ṭhitomhī'ti pajānāti,*
- *Nisinno vā nisinnomhī'ti pajānāti,*
- *Sayāno vā sayānomhī'ti pajānāti,*
- *Yathā yathā vā pana'ssa kāyo paṇihito hoti, ihi tathā tathā naṃ pajānāti.*

Iti ajjhataṃ vā kāye kāyānupassī viharati,
Bahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati,
Ajjhattabahiddhā vā kāye kāyānupassī viharati,
Samudayadhammānupassī vā kāyasmim viharati.
Vayadhammānupassī vā kāyasmim viharati.
Samudayavayadhammānupassī vā kāyasmim viharati.

“ Atthi kāyo ”ti vā pana'ssa sati paccupaṭṭhitā hoti,
yāvadeva ñāṇamattāya patissatimattāya.

Anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādiyati.

Evampi kho bhikkhave, bhikkhu kāye kāyānupassī viharati.”

(Iriyāpathapabbam niṭṭhitam.)

Ý nghĩa

Sau khi thuyết giảng “*ānāpānapabba*” xong, Đức Phật tiếp tục thuyết giảng “*Iriyāpathapabba*” rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Một đối-tượng khác,*
- *Khi đang đi, tỳ-khuru có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ rằng: “Thân đi” hoặc “sắc-đi”.*
- *Hoặc khi đang đứng, tỳ-khuru có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ rằng: “Thân đứng” hoặc “sắc-đứng”.*
- *Hoặc khi đang ngồi, tỳ-khuru có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ rằng: “Thân ngồi” hoặc “sắc-ngồi”.*
- *Hoặc khi đang nằm, tỳ-khuru có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ rằng: “Thân nằm” hoặc “sắc-nằm”.*

- Hoặc toàn thân của hành-giả đang ở trong tư thế (dáng) như thế nào, thì hành-giả nên có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ toàn thân đang ở trong tư thế (dáng) như thế ấy.

Như vậy, hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân-niệm-xứ bên trong của mình.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân-niệm-xứ bên ngoài mình, của người khác.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân-niệm-xứ, khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-sinh do nhân-duyên nào sinh trong thân.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-diệt do nhân-duyên ấy diệt trong thân.

Hoặc hành-giả có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ trạng-thái-sinh do nhân-duyên nào sinh, và trạng-thái-diệt do nhân-duyên ấy diệt trong thân.

Chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác của hành-giả biết rõ rằng: “Chỉ là thân mà thôi”. Đối-tượng hiện-tại chỉ để phát triển chánh-niệm, chỉ để phát triển trí-tuệ tỉnh-giác mà thôi.

Hành-giả không có tham-ái và tà-kiến nương nhờ (nơi đối-tượng và chủ-thể); không có chấp-thủ nào (ta và của ta) trong ngũ-uẩn này.

- *Này chư tỳ-khuru! Như vậy, gọi là tỳ-khuru có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thường dõ theo thấy rõ, biết rõ toàn thân trong thân-niệm-xứ.*

(Xong phần đôi-tượng tứ-oai-nghi)

Giải giải

Đoạn kinh này có những động từ:

- *Gacchāmi*: Theo nghĩa thường là “tôi đi”, theo chân-nghĩa-pháp nghĩa là “thân đi” hoặc “sắc-đi”.

- *Thito ’mhi*: Theo nghĩa thường là “tôi đứng”, theo chân-nghĩa-pháp nghĩa là “thân đứng” hoặc “sắc-đứng”.

- *Nisinno ’mhi*: Theo nghĩa thường là “tôi ngồi” theo chân-nghĩa-pháp nghĩa là “thân ngồi” hoặc “sắc-ngồi”.

- *Sayāno ’mhi*: Theo nghĩa thường là “tôi nằm” theo chân-nghĩa-pháp nghĩa là “thân nằm” hoặc “sắc-nằm”.

Phần Chú-giải iriyāpathapabba

Phần Aṭṭhakathā⁽¹⁾ (Chú-giải) của iriyāpathapabba:

- *Iti ajjhattaṃ vā ’ti evaṃ attano vā catu iriyā-pathapariggaṇhanena kāye kāyānupassī viharati...*

- *Bahiddhā vā ’ti parassa catu iriyāpathapariggaṇhanena ...*

- *Ajjhattabahiddhā vā ’ti kālena attano, kālena parassa vā catu iriyāpathapariggaṇhanena kāye kāyānupassī viharati...*

- *Samudayadhammānupassī vā ’ti ādīsu pana “avijjā-samudayā rūpasamudayo” ti ādinā nayena pañcahākārehi rūpakkhandhassa samudayo ca vayo ca nīharitabbo.*

Tañhi sandhāya idha “samudayadhammānupassīvā” ti ādi vuttaṃ.

¹ Bộ Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, kinh Mahāsatiṭṭhānasuttavaṇṇanā.

- *Atthi kāyo'ti vā panassā'* ti kāyo atthi, na satto, na puggalo, na ithī, na puriso, na attā, na attaniyaṃ, nā'haṃ, na mama, na koci, na kassacīti evamassa sati paccupaṭṭhitā hoti.

Ý nghĩa

- *Iti ajjhataṃ vā*: Tỳ-khuru hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ toàn thân trong *thân-niệm-xứ* đó là *tứ-oai-nghi bên trong của mình*.

- *Bahiddhā vā*: Hoặc tỳ-khuru hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ toàn thân trong *thân-niệm-xứ* đó là *tứ-oai-nghi bên ngoài mình, của người khác*.

- *Ajjhattabahiddhā vā*: Hoặc tỳ-khuru hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ toàn thân trong *thân-niệm-xứ* đó là *tứ-oai-nghi, khi thì bên trong của mình, khi thì bên ngoài mình, của người khác*.

- *Samudayadhammānupassī vā*: Hoặc hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-sinh* do 5 *nhân-duyên-sinh* của *tứ-oai-nghi* là *vô-minh, tham-ái, nghiệp, vật-thực, trạng-thái-sinh của tứ-oai-nghi* trong thân.

- *Vayadhammānupassī vā*: Hoặc hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-diệt* do 5 *nhân-duyên-diệt* của *tứ-oai-nghi* là *vô-minh, tham-ái, nghiệp, vật-thực, trạng-thái-diệt của tứ-oai-nghi* trong thân.

- *Samudayavayadhammānupassī vā*: Hoặc hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thường dõi theo thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-sinh* do 5 *nhân-duyên-sinh* của *tứ-oai-nghi* là *vô-minh, tham-ái,*

nghiệp, vật thực, trạng-thái-sinh của tứ-oai-nghi, và trạng-thái-diệt do 5 nhân-duyên-diệt của tứ-oai-nghi là vô-minh, tham-ái, nghiệp, vật-thực, trạng-thái-diệt của tứ-oai-nghi trong thân.

- "**Kāyo** 'va **atthi**: Thân chỉ là **sắc-thân** mà thôi. **Thân** thuộc về **sắc-pháp** là **pháp-vô-ngã** (*anattā*) nghĩa là *na satto*: Không phải là chúng-sinh, *na puggalo*: Không phải là người, *na itthī*: Không phải là người nữ, *na puriso*: Không phải là người nam, *na attā*: Không phải là ngã, *na attaniyam*: Không phải thuộc về ngã, *nā'ham*: Không phải là ta, *na mama*: Không phải là của ta, *na koci*: Không phải là ai cả, *na kassaci*: Không phải thuộc về của ai cả, ..."

Chánh-niệm trực nhận dáng đi, tư thế đi; dáng đứng, tư thế đứng; dáng ngồi, tư thế ngồi; dáng nằm, tư thế nằm, ...

Trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **sắc-pháp** ấy, cốt để cho **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** càng phát triển và tăng trưởng (*satisampajaññānam vuḍḍhatthāya*).

- **Anissito ca viharati**: Hành-giả có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh, không có **tà-kiến** và **tham-ái** nương nhờ nơi **sắc-pháp 4 oai-nghi** ấy.

- **Na ca kiñci loke upādīyati**: Tâm không còn chấp-thủ do **tà-kiến** và **tham-ái** cho rằng: "**Ta, của ta**" nào trong ngũ-uẩn này nữa (đó là tâm của bậc Thánh-A-ra-hán).

Như vậy, **đôi-tượng tứ-oai-nghi**: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm trong **thân-niệm-xứ** này có khả năng dẫn đến **chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế**:

- **Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là tà-kiến**

(*diṭṭhi*) và *hoài-nghi* (*vicikicchā*) không còn dư sót, trở thành bậc **Thánh Nhập-lưu**.

- Chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là sân (*dosa*) loại thô, trở thành bậc **Thánh Nhất-lai**.

- Chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 1 loại phiền-não là sân (*dosa*) loại vi-tế không còn dư sót, trở thành bậc **Thánh Bất-lai**.

- Chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham (*lobha*), si (*moha*), ngã-mạn (*māna*), buồn-chán (*thīna*), phóng-tâm (*uddhacca*), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (*ahirika*), không biết ghê-sợ tội-lỗi (*anottappa*) không còn dư sót, trở thành bậc **Thánh A-ra-hán** cao thượng.

Hành-giả trở thành Thánh-nhân bậc nào hoàn toàn tùy thuộc vào năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ: (*Indriya*) tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của hành-giả.

Đoạn kết của tứ-niệm-xứ so với trí-tuệ thiên-tuệ

Đoạn kết của đôi-tượng tứ-oai-nghi có thể so sánh tương đương với mỗi trí-tuệ thiên-tuệ như sau:

- **Ajjhattam vā**: Hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của (*tứ-oai-nghi*) bên trong của mình có thể so sánh tương đương với **trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañña**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ *thật-tánh* của sắc-pháp, của danh-pháp là pháp-vô-ngã.

- **Bahiddhā vā, ajjhatabhiddhā vā, samudayadhammānupassī vā**: Hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ *trạng-thái-sinh* do nhân-duyên-sinh của **sắc-pháp** phát sinh từ tâm (*tứ-oai-*

nghi) bên trong của mình (ajjhatta) như thế nào, và trạng-thái-sinh do nhân-duyên-sinh của **sắc-pháp** phát sinh từ tâm (tứ-oai-nghi) bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác cũng như thế ấy có thể so sánh tương đương với **trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh bên trong của mình (ajjhatta) với **paccakkhañāṇa**: Trí-tuệ trực tiếp thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình (ajjhatta) như thế nào, và với **anumānañāṇa**: Trí-tuệ gián tiếp biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, của chúng-sinh khác, cũng như thế ấy.

- **Vayadhammānupassī vā**: Hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ trạng-thái-diệt do nhân-duyên-diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, có thể so sánh tương đương với **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp diệt do nhân-duyên-diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới, nên **trí-tuệ thiên-tuệ** thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.

- **Samudayavayadhammānupassī vā**: Hành-giả có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của **sắc-pháp và danh-pháp hiện-tại** phát sinh từ tâm (tứ-oai-nghi), nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, có thể so sánh tương đương với **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ

thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

- **Anissito ca viharati, na ca kiñci loke upādīyati**: Tiếp theo các **trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới** tuần tự phát sinh không có **tà-kiến** và **tham-ái** nương nhờ nơi sắc-pháp nơi danh-pháp tam-giới, cho đến **2 trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** gọi là **4 Thánh-đạo-tuệ**, và **thứ 15** gọi là **4 Thánh-quả-tuệ**, trở thành bậc Thánh A-ra-hán không còn chấp thủ do **tà-kiến** và **tham-ái** nữa.

Kāya: Thân nghĩa là gì?

- “**Kāyo’va atthi**: Thân chỉ là **sắc-thân** mà thôi. **Thân** thuộc về **sắc-pháp** là **pháp-vô-ngã** (*anattā*) nghĩa là **na satto**: Không phải là chúng-sinh, **na puggalo**: Không phải là người, **na itthī**: Không phải là người nữ, **na puriso**: Không phải là người nam, **na attā**: Không phải là ngã, **na attaniyaṃ**: Không phải thuộc về ngã, **nā’haṃ**: Không phải là ta, **na mama**: Không phải là của ta, **na koci**: Không phải là ai cả, **na kassaci**: Không phải thuộc về của ai cả, ...”

* **Kāya** trong phần *kāyānupassanāsati*paṭṭhāna: **Thân-niệm-xứ** trong kinh *Mahāsati*paṭṭhānasutta: Kinh **Đại-niệm-xứ**, có nghĩa là **toàn thân** thuộc về **sắc-pháp** gồm có 28 sắc-pháp do **tâm** điều khiển mọi oai-nghi đi, đứng, ngồi, nằm, v.v...

Nhận xét về đối-tượng tứ-oai-nghi

Tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm là những oai-nghi bình thường của chúng-sinh có 2 chân, 4 chân, ...

Đức-Phật thuyết giảng *phân tứ-oai-nghi (iriyāpatha-pabba)* trong *thân-niệm-xứ (kāyānupassanāsatipaṭṭhāna)*, bởi vì **tứ-oai-nghi**: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là **sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)** làm đối-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ*.

Tứ-oai-nghi là nơi nương nhờ của tà-kiến

Trong đời có số người nào không gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, không có cơ hội học hỏi nghiên cứu về *chân-nghiã-pháp (paramatthadhamma)*, không hiểu biết về bộ *Abhidhammatthasaṅgaha: Vi-diệu-pháp yếu nghiã*, không hiểu biết về **sắc-pháp, danh-pháp** là **pháp-vô-ngã**, cho nên số người ấy mỗi khi đi, đứng, ngồi, nằm không diệt được sự chấp-thủ chúng-sinh (*satūpaladdhiṃ na pajahati*) và không từ bỏ ngã-tướng cho là ta (*attasaññaṃ na ugghāṭeti*).

Vì vậy, *tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là nơi nương nhờ của **tà-kiến** phát sinh thấy sai, chấp lầm như sau:

- Khi *thân đi* hoặc *sắc-đi*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm từ **sắc-đi** cho là **ta đi**.

- Khi *thân đứng* hoặc *sắc-đứng*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm từ **sắc-đứng** cho là **ta đứng**.

- Khi *thân ngồi* hoặc *sắc-ngồi*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm từ **sắc-ngồi** cho là **ta ngồi**.

- Khi *thân nằm* hoặc *sắc-nằm*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm từ **sắc-nằm** cho là **ta nằm**, ...

Khi có **sắc-đi** thì **tà-kiến** nương nhờ nơi **sắc-đi** ấy, thấy sai, chấp lầm rằng: “**Ta đi**”.

Sự thật, **ta đi** không có mà chỉ có **sắc-đi** mà thôi.

Tà-kiến đó là *tà-kiến tâm-sở* (*diṭṭhīcetasika*) đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* (*diṭṭhigatasampayutta*).

Sở dĩ có sự chấp thủ cho là **ta đi** là vì *tà-kiến tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* thấy sai, chấp lầm từ **sắc-đi** cho là **ta đi**.

Khi có *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* nào phát sinh thì ắt hẳn có *si tâm-sở* đồng sinh với *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* ấy, làm che phủ **thật-tánh của sắc-đi** là **sắc-pháp phát sinh do tâm** (*cittajarūpa*).

Đúng theo **thật-tánh của mọi sắc-pháp**, mọi **danh-pháp** đều là **pháp-vô-ngã**, không có **ngã**.

Như vậy, **ngã không có thật thì không có phương pháp diệt ngã được**.

Sở dĩ có **sự chấp ngã** là vì *tà-kiến* thấy sai, chấp lầm nơi **sắc-pháp**, nơi **danh-pháp** cho là **ngã**, là **ta**.

Như vậy, **ngã, ta không có thật, mà chỉ có tà-kiến có thật mà thôi, nên chắc chắn có phương pháp diệt tà-kiến**.

Nếu khi hành-giả **thực-hành pháp-hành thiên-tuệ** dẫn đến **chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế**, **chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo**, **Nập-lưu Thánh-quả**, **Niết-bàn**, diệt tận được **tà-kiến** trong 4 *tham-tâm hợp* với *tà-kiến* và diệt tận được **hoài-nghi** trong *si-tâm hợp* với *hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** vĩnh viễn không còn có **chấp ngã, chấp ta** nữa.

Tứ-oai-nghi là nơi nương nhờ của chánh-kiến

Trong đời có số người trí thường gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, có cơ hội học hỏi, nghiên cứu về bộ *Abhidhammatthasaṅgaha: Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa*, hiểu biết về **sắc-pháp, danh-pháp** là **pháp-vô-ngã**.

Hành-giả thiện-trí có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, có giới-hạnh trong sạch thanh-tịnh, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với *đôi-tượng tứ-oai-nghi*: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *chánh-kiến* khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm, diệt từng thời được tà-kiến chấp-thủ chúng-sinh (*satūpaladdhiṃ pajahati*) và ngăn từng thời được ngã-tướng cho là ta (*attasaññaṃ ugghātetī*).

Vì vậy, *tứ-oai-nghi*: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là nơi nương nhờ của *chánh-kiến* phát sinh thấy đúng, biết đúng như sau:

- Khi thân đi hoặc sắc-đi, thì *chánh-kiến* thấy đúng, biết đúng *oai-nghi đi* đó là *tư thế đi, dáng đi* gọi là *sắc-đi* (không phải là ta đi).

- Khi thân đứng hoặc sắc-đứng, thì *chánh-kiến* thấy đúng, biết đúng *oai-nghi đứng* đó là *tư thế đứng, dáng đứng* gọi là *sắc-đứng* (không phải là ta đứng).

- Khi thân ngồi hoặc sắc-ngồi, thì *chánh-kiến* thấy đúng, biết đúng *oai-nghi ngồi* đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi* gọi là *sắc-ngồi* (không phải là ta ngồi).

- Khi thân nằm hoặc sắc-nằm, thì *chánh-kiến* thấy đúng, biết đúng *oai-nghi nằm* đó là *tư thế nằm, dáng nằm* gọi là *sắc-nằm* (không phải là ta nằm).

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *chánh-niệm* trực nhận, *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác nơi *đôi-tượng thiền-tuệ sắc-đi* đó là *tư thế đi, dáng đi*; *sắc-đứng* đó là *tư thế đứng, dáng đứng*; *sắc-ngồi* đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi*; *sắc-nằm* đó là *tư thế nằm, dáng nằm*; *trí-tuệ* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-*

nằm đúng theo *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), nên **chánh-kiến** phát sinh thấy đúng, biết đúng theo *thật-tánh* của mọi *sắc-pháp*, mọi *danh-pháp* là **pháp-vô-ngã**.

Chánh-kiến-thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của mọi *sắc-pháp*, mọi *danh-pháp* là **pháp-vô-ngã**, không phải là *chúng-sinh* (*na satto*), không phải là *người* (*na puggalo*), không phải là *người nữ* (*na itthī*), không phải là *người nam* (*na puriso*), không phải là *ngã* (*na attā*), không phải *thuộc về ngã* (*na attaniyaṃ*), không phải là *ta* (*nā'haṃ*), không phải *thuộc về của ta* (*na mama*), không phải là *ai* (*na koci*), không phải *thuộc về của ai cả* (*na kassaci*), đúng theo *sự-thật chân-nghĩa-pháp* là *pháp-vô-ngã* như sau:

- *Sắc-pháp* nào là *sắc-pháp* ấy.
- *Danh-pháp* nào là *danh-pháp* ấy.

Tứ-oai-nghi là đối-tượng thiên-tuệ

Iriyāpathapabba: *Đối-tượng tứ-oai-nghi* là 1 trong 14 *đối-tượng* trong *thân-niệm-xứ* thuộc về **sắc-pháp** phát sinh do tâm làm *đối-tượng* của *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*.

Tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi* là *sắc-đi*, *oai-nghi đứng* là *sắc-đứng*, *oai-nghi ngồi* là *sắc-ngồi*, *oai-nghi nằm* là *sắc-nằm* đều là **sắc-pháp** phát sinh do tâm (*cittajarūpa*) thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*).

Thật vậy, trong Chú-giải Pāli kinh *Mahāsatiṭṭhāna-suttavaṇṇanā*, phần *iriyaṭṭhāna* giảng giải rằng:

“*Paramatthato hi dhātūnaṃ yeva gamanaṃ, dhātūnaṃ ṭhānaṃ, dhātūnaṃ nisajjaṃ, dhātūnaṃ sayanaṃ.*”⁽¹⁾

¹ *Majjhimanikāya, Mūlapaṇṇāsa*. kinh *Mahāsatiṭṭhāna-suttavaṇṇanā*.

Thật vậy, xét theo chân-nghiã-pháp thì “oai-nghi đi” chỉ là sắc-tứ-đại mà thôi, “oai-nghi đứng” chỉ là sắc-tứ-đại mà thôi, “oai-nghi ngồi” chỉ là sắc-tứ-đại mà thôi, “oai-nghi nằm” chỉ là sắc-tứ-đại mà thôi.

Như vậy, *tứ-oai-nghi*: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm là sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa) là **pháp-vô-ngã**, nên không phải là ta, không phải là của ta, không phải là người, không phải là người nam, không phải là người nữ, không phải là chúng-sinh nào cả.

Mahābhūtarūpa: Sắc-tứ-đại

1- *Pathavīdhātu*: Sắc-địa-đại là chất đất.

2- *Āpodhātu*: Sắc-thủy-đại là chất nước.

3- *Tejodhātu*: Sắc-hoả-đại là chất lửa.

4- *Vāyodhātu*: Sắc-phong-đại là chất gió.

Sắc-tứ-đại là sắc-pháp căn bản chính làm nền tảng cho 24 sắc-pháp phụ thuộc đồng sinh với sắc-tứ-đại.

Đôi-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm là sắc-pháp toàn thân phát sinh do tâm, không phải một phần nào của sắc-thân.

Rūpadhamma: Sắc-pháp gồm có 28 sắc-pháp phân ra 2 loại:

1- *Mahābhūtarūpa*: Sắc-tứ-đại có 4 sắc-pháp là sắc-địa-đại, sắc-thủy-đại, sắc-hoả-đại, sắc-phong-đại làm nền tảng.

2- *Upādāyarūpa*: Sắc-phụ-thuộc có 24 sắc-pháp là sắc-pháp phụ thuộc đồng sinh với sắc-tứ-đại.

Toàn thân của mỗi người bình thường gồm có 27 sắc-pháp đó là 4 sắc-tứ-đại và 23 sắc-phụ-thuộc.

* Nếu là người nam thì trừ ra sắc-nữ-tính.

* Nếu là người nữ thì trừ ra sắc-nam-tính.

Tâm phát sinh tứ-oai-nghi

Tâm (*citta*) có khả năng phát sinh *tứ-oai-nghi*: *Oai-nghi đi là sắc-đi, oai-nghi đứng là sắc-đứng, oai-nghi ngồi là sắc-ngồi, oai-nghi nằm là sắc-nằm* và các *oai-nghi phụ như quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra, v.v...*

Tâm ấy gồm có 32 tâm, đó là 8 *tham-tâm* + 2 *sân-tâm* + 2 *si-tâm* + 8 *đại-thiện-tâm* + 8 *đại-duy-tác-tâm* + 1 *tiểu-sinh-tâm* + 1 *ý-môn-hướng-tâm* + đặc biệt 2 *thần-thông-tâm*.

Ví dụ:

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***tham-tâm*** thì đi, đứng, ngồi, nằm,... với dáng điệu khoan thai, nhẹ nhàng đáng yêu.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***sân-tâm*** thì đi, đứng, ngồi, nằm, ... với dáng điệu nóng nảy, vội vàng mạnh bạo.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***si-tâm*** thì đi, đứng, ngồi, nằm, ... với dáng điệu ngẩn ngơ, phóng-tâm.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do **4 *đại-thiện-tâm không hợp với trí-tuệ*** thì đi, đứng, ngồi, nằm, ... với dáng điệu tự thể tự nhiên, nhưng không có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do **4 *đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ*** thì đi, đứng, ngồi, nằm,... với dáng điệu tự thể tự nhiên, có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Nếu đi, đứng, ngồi, nằm phát sinh do ***đại-duy-tác-tâm, tâm của bậc Thánh A-ra-hán*** thì đi, đứng, ngồi, nằm, ... với dáng điệu tự thể tự nhiên, dù hợp với trí-tuệ,

dù không hợp với trí-tuệ tùy theo đối-tượng, vẫn luôn luôn có trí nhớ.

Tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm thuộc về sắc-pháp phát sinh do tâm, nên oai-nghi đi gọi là sắc-đi, oai-nghi đứng gọi là sắc-đứng, oai-nghi ngồi gọi là sắc-ngồi, oai-nghi nằm gọi là sắc-nằm thuộc về sắc-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp.*

Cho nên, mỗi oai-nghi nào phát sinh, đối với tất cả mọi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ cũng đều do hội đủ nhân-duyên của nó. Nếu trường hợp thiếu nhân-duyên nào thì oai-nghi ấy không thể phát sinh.

1- Phần pháp-học tứ-oai-nghi

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng *iriyā-pathapabba*: *Đôi-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi là sắc-đi, oai-nghi đứng là sắc-đứng, oai-nghi ngồi là sắc-ngồi, oai-nghi nằm là sắc-nằm làm đối-tượng thiên-tuệ.*

Trước tiên, hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu biết rõ mỗi oai-nghi là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

Hành-giả có trí-tuệ sáng suốt, có chánh-kiến thấy đúng, hiểu biết đúng rằng:

- 1- **Oai-nghi đi** gọi là thân đi hoặc sắc-đi đó là tư thế đi, dáng đi.
- 2- **Oai-nghi đứng** gọi là thân đứng hoặc sắc-đứng đó là tư thế đứng, dáng đứng.
- 3- **Oai-nghi ngồi** gọi là thân ngồi hoặc sắc-ngồi đó là tư thế ngồi, dáng ngồi
- 4- **Oai-nghi nằm** gọi là thân nằm hoặc sắc-nằm đó là tư thế nằm, dáng nằm.

Nhân-duyên phát sinh tứ-oai-nghi

Chú-giải⁽¹⁾ bài kinh *Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā*, đối-tượng *iriyāpathapabba* giảng giải về oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm như sau:

1- Oai-nghi đi

- *Ko gacchati ? Ai đi?*
- *Kassa gamanam? Oai-nghi đi của ai?*
- *Kiṃ karaṇā gacchati? Oai-nghi đi phát sinh do nhân-duyên nào?*

Giảng giải

- ***Ko gacchati***’ti na koci satto vā puggalo vā gacchati.
- *Ai đi? Nghĩa là không phải chúng-sinh nào, hoặc người nào đi cả.*

- ***Kassa gamanan***’ti na kassaci sattassa vā puggalassa vā gamanam.

- *Oai-nghi đi của ai? Nghĩa là oai-nghi đi không phải của chúng-sinh nào hoặc người nào cả.*

- ***Kiṃ karaṇā gacchati***’ti cittakiriyavāyodhātuvipphārena gacchati. *Tasmā esa evaṃ pajānāti.*

“*Gacchāmī*’ti cittaṃ uppajjati, taṃ vāyaṃ janeti, vāyo viññattiṃ janeti, cittakiriyavāyodhātuvipphārena sakala-kāyassa purato abhinīhāro **gamanam** vuccati.”

Oai-nghi đi phát sinh do nhân-duyên nào? Nghĩa là oai-nghi đi phát sinh do chất gió chuyển động toàn thân do tâm.

Hành-giả nên biết rõ **oai-nghi đi** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến qua nhiều nhân-duyên như sau:

- **Tâm** nghĩ “**tôi đi**”.

¹ Dī. Mahāvaggaṭṭhakathā, M. Mū. Mahāsatipaṭṭhānasuttavaṇṇanā.

- Do **tâm nghĩ đi**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.
 - **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân chuyển động**.
 - **Toàn thân di chuyển bước đi** mỗi tư thế đi, dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.
- Vì vậy, gọi là “**thân đi**” hoặc “**sắc-đi**” là **sắc-pháp** phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

2- Oai-nghi đứng

- *Ko tiṭṭhati ? Ai đứng?*
- *Kassa thānaṃ? Oai-nghi đứng của ai?*
- *Kim karaṇā tiṭṭhati? Oai-nghi đứng phát sinh do nhân-duyên nào?*

Giải đáp

- **Ko tiṭṭhaṭī**’ti na koci satto vā puggalo vā tiṭṭhati.
- *Ai đứng? Nghĩa là không phải chúng-sinh nào, hoặc người nào đứng cả.*
- **Kassa thānaṃ**’ti na kassaci sattassa vā puggalassa vā thānaṃ.
- *Oai-nghi đứng của ai? Nghĩa là oai-nghi đứng không phải của chúng-sinh nào hoặc của người nào cả.*
- **Kim karaṇā tiṭṭhaṭī**’ti cittakiriyavāyodhātuvipphārena tiṭṭhati...

Oai-nghi đứng phát sinh do nhân-duyên nào? Nghĩa là oai-nghi đứng phát sinh do chất gió cử động toàn thân do tâm.

Hành-giả nên biết rõ **oai-nghi đứng** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến qua nhiều nhân-duyên như sau:

- **Tâm** nghĩ “**tôi đứng**”.
- Do **tâm nghĩ đứng**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.
- **Chất gió** phát sinh do **tâm** ấy làm cho **toàn thân cử động**.
- **Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên** theo mỗi tư thế đứng, **dáng đứng** do năng lực của **chất gió** phát sinh do **tâm** ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân đứng**” hoặc “**sắc-đứng**” là **sắc-pháp** phát sinh do **tâm** (*cittajarūpa*).

Nhân-Duyên Phát Sinh Oai-Nghi Ngồi

Oai-nghi ngồi phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do **nhiều nhân-duyên liên tục** như sau:

3- Oai-nghi ngồi

- *Ko nisīdati ? Ai ngồi?*
- *Kassa nisajjam ? Oai-nghi ngồi của ai?*
- *Kim karaṇā nisīdati? Oai-nghi ngồi phát sinh do nhân-duyên nào?*

Giải đáp

- ***Ko nisīdatī**’ti na koci satto vā puggalo vā nisīdati.*
- *Ai ngồi? Nghĩa là không phải chúng sinh nào, hoặc người nào ngồi cả.*
- ***Kassa nisajjan**’ti na kassaci sattassa vā puggalassa vā nisajjā.*
- *Oai-nghi ngồi của ai? Nghĩa là oai-nghi ngồi không phải của chúng sinh nào hoặc của người nào cả.*
- ***Kim kāraṇā nisīdatī**’ti cittakiriyavāyodhātuvipphārena nisīdati...*

Oai-nghi ngồi phát sinh do **nhan-duyên** nào? Nghĩa là **oai-nghi ngồi** phát sinh do **chất gió** cử động **toàn thân** do **tâm**.

Hành-giả nên biết rõ **oai-nghi ngôi** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến qua nhiều nhân-duyên như sau:

- **Tâm** nghĩ “**tôi ngôi**”.
- Do **tâm nghĩ ngôi**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.
- **Chất gió** phát sinh do **tâm** ấy làm cho **toàn thân cử động**.
- **Toàn thân, thân phần trên ngôi yên, thân phần dưới co** theo mỗi tư thế ngôi, dáng ngôi do năng lực của **chất gió** phát sinh do **tâm** ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân ngôi**” hoặc “**sắc-ngôi**” là **sắc-pháp** phát sinh do **tâm** (*cittajarūpa*).

Nhân-Duyên Phát Sinh Oai-Nghi Nằm

Oai-nghi nằm phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

4- Oai-nghi nằm

- *Ko sayati? Ai nằm?*
- *Kassa sayanaṃ? Oai-nghi nằm của ai?*
- *Kiṃ karaṇā sayati? Oai-nghi nằm phát sinh do nhân-duyên nào?*

Giải

- ***Ko sayatī**’ti na koci satto vā puggalo vā sayati.*
- *Ai nằm? Nghĩa là không phải chúng sinh nào, hoặc người nào nằm cả.*
- ***Kassa sayanan**’ti na kassaci sattassa vā puggalassa vā sayanaṃ.*
- *Oai-nghi nằm của ai? Nghĩa là oai-nghi nằm không phải của chúng-sinh nào hoặc của người nào cả.*
- ***Kiṃ kāraṇā sayatī**’ti cittakiriyavāyodhātuvipphārena tiṭṭhati...*

Oai-nghi nằm phát sinh do nhân-duyên nào? Nghĩa là oai-nghi nằm phát sinh do chất gió cử động toàn thân do tâm.

Hành-giả nên biết rõ **oai-nghi nằm** phát sinh do **tâm** qua quá trình diễn biến qua nhiều nhân-duyên như sau:

- **Tâm** nghĩ “**tôi nằm**”.
- Do **tâm nghĩ nằm** nên làm cho phát sinh **chất gió**.
- **Chất gió** phát sinh do **tâm ấy** làm cho **toàn thân cử động**.
- **Toàn thân nằm yên** trên mặt phẳng theo mỗi tư thế nằm, dáng nằm do năng lực của **chất gió** phát sinh do **tâm ấy**.

Vì vậy, gọi là “**thân nằm**” hoặc “**sắc-nằm**” là **sắc-pháp** phát sinh do **tâm** (*cittajarūpa*).

Sự-thật, **tứ-oai-nghi**: **Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm** là của **tứ-đại** thuộc về **sắc-uẩn** trong **ngũ-uẩn**.

Trong Chú-giải kinh Mahāsatiṭṭhānasuttavaṇṇanā như sau:

“*Paramatthato hi dhātūnamyeva gamanam, dhātūnam thānam, dhātūnam nisajjam, dhātūnam sayanam.*”⁽¹⁾

Theo sự-thật chân-nghĩa-pháp thì **oai-nghi đi** chỉ là của **tứ-đại** mà thôi, **oai-nghi đứng** cũng là của **tứ-đại**, **oai-nghi ngồi** cũng là của **tứ-đại**, **oai-nghi nằm** cũng là của **tứ-đại** mà thôi.

Đức-Phật ví “**sắc-thân**” này ví như “**chiếc xe**”.
“**tâm**” ví như “**người lái xe**”.

Thật vậy, **sắc-thân** này gồm có 27 **sắc-pháp** hoàn toàn không biết 6 **đối-tượng**, chỉ có thể **tiếp nhận được** 6 **đối-tượng** làm duyên để cho **tâm** phát sinh mà thôi.

Chiếc xe gồm có các bộ phận ráp lại với nhau không thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... Sở dĩ **chiếc xe** có thể **chạy mau, chạy chậm, rẽ phải,**

¹ M. Mūlapaṇṇāsatiṭṭhakāthā, Sampaññāpabbavaṇṇanā.

rẽ trái, ngừng lại được, v.v... là do người tài xế lái xe điều khiển.

Cũng như vậy, **toàn thân** này gồm có 27 sắc-pháp không thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra được, v.v...

Sở dĩ **toàn thân** này có thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay, co chân vào, duỗi tay, duỗi chân ra được, v.v... là do **tâm** điều khiển.

Tâm có khả năng điều khiển được **thân này**, khi thân này hội đủ nhân-duyên, nếu thiếu nhân-duyên nào thì **tâm không thể điều khiển** được.

Ví dụ: Một người bị bệnh tê liệt, dù **tâm** của họ muốn đi, đứng, ngồi, nằm, v.v... như người bình thường cũng không thể được, bởi vì **chất gió** (*vāyodhātu*) phát sinh do tâm của họ không đủ năng lực làm cử động toàn thân có **chất đất** (*pathavīdhātu*) và **chất nước** (*āpodhātu*) nặng nề trong thân của họ được.

Cũng như nếu chiếc xe bị hư một bộ phận nào thì dù người tài xế lái xe tài giỏi cũng không thể điều khiển chiếc xe chạy được theo ý của mình được.

Vì vậy, tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi là sắc-đi, oai-nghi đứng là sắc-đứng, oai-nghi ngồi là sắc-ngồi, oai-nghi nằm là sắc-nằm phát sinh do tâm (cittajarūpa) là sắc-pháp thuộc về pháp-vô-ngã.*

* Đối với hành-giả thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** với *iriyāpathapabba*: *Đôi-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm trong phần thân-niệm-xứ.*

1- *Oai-nghi đi gọi là thân đi đó là tư thế đi, dáng đi cũng gọi là sắc-đi.*

2- Oai-nghi đứng gọi là **thân đứng** đó là *tư thế đứng*, *dáng đứng* cũng gọi là **sắc-đứng**.

3- Oai-nghi ngồi gọi là **thân ngồi** đó là *tư thế ngồi*, *dáng ngồi* cũng gọi là **sắc-ngồi**.

4- Oai-nghi nằm gọi là **thân nằm** đó là *tư thế nằm*, *dáng nằm* cũng gọi là **sắc-nằm**.

* Đối với hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** với *đối-tượng iriyāpathapabba*: *Tứ-oai-nghi*: Oai-nghi đi gọi là **sắc-đi**, oai-nghi đứng gọi là **sắc-đứng**, oai-nghi ngồi gọi là **sắc-ngồi**, oai-nghi nằm gọi là **sắc-nằm**, mà sắc đi, sắc đứng, sắc ngồi, sắc nằm đều là **sắc-pháp** phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

1- Thế nào gọi là sắc-đi?

* **Sắc-đi** chính là *tư thế đi*, *dáng đi*, toàn thân di chuyển bước đi từng bước theo mỗi *tư thế đi*, mỗi *dáng đi* chuyển động một cách tự nhiên. Cho nên, **sắc-đi** ở trong *trạng-thái động*.

Sắc-đi thuộc về **sắc-pháp** phát sinh do tâm làm *đối-tượng* của pháp-hành thiên-tuệ đó là *tư thế đi*, *dáng đi*.

Có vô số *dáng đi*, nên có vô số **sắc-đi**.

2- Thế nào gọi là sắc-đứng?

* **Sắc-đứng** chính là *tư thế đứng*, *dáng đứng*, toàn thân đứng yên trong mỗi *tư thế đứng*, mỗi *dáng đứng* không cử động trong khoảng khắc tùy theo *nhân-duyên* một cách tự nhiên. Cho nên, **sắc-đứng** ở trong *trạng-thái tĩnh* (*hiện-tại* ngăn ngừa tùy theo *nhân-duyên*).

Sắc-đứng thuộc về **sắc-pháp** phát sinh do tâm làm *đối-tượng* của pháp-hành thiên-tuệ đó là *tư thế đứng*, *dáng đứng*.

Có vô số *dáng đứng*, nên có vô số **sắc-đứng**.

3- Thế nào gọi là sắc-ngôi?

* **Sắc-ngôi** chính là *tư thế* ngôi, *dáng* ngôi, *toàn thân* ngôi, *thân phần trên* ngôi yên, *thân phần dưới* co theo mỗi *tư thế* ngôi, mỗi *dáng* ngôi không cử động trong *khoảnh khắc* tùy theo *nhân-duyên* một cách tự nhiên. Cho nên, **sắc-ngôi** ở trong *trạng-thái tĩnh* (*hiện-tại* *ngẩn ngủi* tùy theo *nhân-duyên*).

Sắc-ngôi thuộc về **sắc-pháp** phát sinh do tâm làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là **tư thế** ngôi, **dáng** ngôi.

Có vô số **dáng** ngôi, nên có vô số **sắc-ngôi**.

4- Thế nào gọi là sắc-nằm?

* **Sắc-nằm** chính là *tư thế* nằm, *dáng* nằm, *toàn thân* nằm nghiêng, *nằm* ngửa theo mỗi *tư thế* nằm, mỗi *dáng* nằm không cử động trong *khoảnh khắc* tùy theo *nhân-duyên* một cách tự nhiên. Cho nên, **sắc-nằm** ở trong *trạng-thái tĩnh* (*hiện-tại* *ngẩn ngủi* tùy theo *nhân-duyên*).

Sắc-nằm thuộc về **sắc-pháp** phát sinh do tâm làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là **tư thế** nằm, **dáng** nằm.

Có vô số **dáng** nằm, nên có vô số **sắc-nằm**.

Cho nên, hành-giả có **chánh-kiến** thấy đúng, hiểu biết đúng rằng:

* **Khi đi**, không phải là *ta đi*, cũng không phải là *ai đi*, mà sự thật đúng theo thật-tánh-pháp chỉ có “**thân đi**” hoặc “**sắc-đi**” mà thôi. Đó là *mỗi tư thế* đi, *mỗi dáng* đi.

* **Khi đứng**, không phải là *ta đứng*, cũng không phải là *ai đứng*, mà sự thật đúng theo thật-tánh-pháp chỉ có “**thân đứng**” hoặc “**sắc-đứng**” mà thôi. Đó là *mỗi tư thế* đứng, *mỗi dáng* đứng.

* **Khi ngồi**, không phải là *ta ngồi*, cũng không phải là *ai*

ngôi, mà sự thật đúng theo thật-tánh-pháp chỉ có **“thân ngôi”** hoặc **“sắc-ngôi”** mà thôi. Đó là *mỗi tư thế ngôi, mỗi dáng ngôi*.

* **Khi nằm**, không phải là *ta nằm*, cũng không phải là *ai nằm*, mà sự thật đúng theo thật-tánh-pháp chỉ có **“thân nằm”** hoặc **“sắc-nằm”** mà thôi. Đó là *mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm*.

Sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngôi, sắc-nằm là **sắc-pháp** phát sinh do tâm (*cittajarūpa*) làm đối-tượng thiên-tuệ thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*).

Phân biệt đối-tượng tứ-oai-nghi thuộc về chế-định-pháp, chân-nghĩa-pháp

Tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngôi, oai-nghi nằm* là 1 trong 14 đối-tượng trong *phần thân-niệm-xứ* thuộc về **sắc-pháp** là *chân-nghĩa-pháp*, nên gọi là *thân đi, thân đứng, thân ngôi, thân nằm* hoặc **sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngôi, sắc-nằm** là **sắc-pháp** phát sinh do tâm.

Như vậy, danh từ ngôn ngữ gọi là *“thân đi, thân đứng, thân ngôi, thân nằm* hoặc **sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngôi, sắc-nằm”** thuộc về *chế-định-pháp* loại **vijjamānapaññatti**: *Chế-định-pháp có thật-tánh-pháp làm nền tảng*.

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ sử dụng *tứ-oai-nghi làm đối-tượng thiên-tuệ*, cần phải học hỏi, nghiên cứu, hiểu biết rõ, phân biệt rõ *tứ-oai-nghi như thế nào thuộc về chế-định-pháp và tứ-oai-nghi như thế nào thuộc về chân-nghĩa-pháp?*

Đó là điều vô cùng hệ trọng đối với hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, bởi vì *đối-tượng chế-định-pháp* và *đối-tượng chân-nghĩa-pháp* dẫn đến kết quả hoàn toàn khác nhau.

* Tứ-oai-nghi thuộc về chế-định-pháp

Tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm hoặc sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm nếu thuộc về đối-tượng chế-định-pháp thì có 2 loại:

- *Atthapaññatti:* Ý nghĩa, hình dạng chế định.
- *Nāmapaññatti:* Danh từ ngôn-ngữ chế định.

1- Atthapaññatti: Ý nghĩa, hình dạng chế định

Nếu hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng tứ-oai-nghi đó là sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm mà hành-giả có khái niệm về tư thế đi, dáng đi; tư thế đứng, dáng đứng; tư thế ngồi, dáng ngồi; tư thế nằm, dáng nằm ở trong tâm.

Như vậy, những đối-tượng khái niệm về tứ-oai-nghi ấy thuộc về *atthapaññatti:* Ý nghĩa, hình dáng chế định.

2- Nāmapaññatti: Danh từ ngôn-ngữ chế định

Nếu hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ hướng tâm đến đối-tượng khái niệm thuộc về *atthapaññatti:* Ý nghĩa, hình dáng chế định tứ-oai-nghi ở trong tâm:

- Về tư thế đi, dáng đi ấy, mà niệm tưởng trong tâm rằng: “Sắc-đi, sắc-đi, ...”

- Về tư thế đứng, dáng đứng ấy, mà niệm tưởng trong tâm rằng: “Sắc-đứng, sắc-đứng, ...”

- Về tư thế ngồi, dáng ngồi ấy, mà niệm tưởng trong tâm rằng: “Sắc-ngồi, sắc-ngồi, ...”

- Về tư thế nằm, dáng nằm ấy, mà niệm tưởng trong tâm rằng: “Sắc-nằm, sắc-nằm, ...”

Như vậy, những đối-tượng khái niệm về tứ-oai-nghi ấy thuộc về *nāmapaññatti:* Danh từ ngôn-ngữ chế định.

Nếu hành-giả đang niệm tưởng đến đối-tượng khái niệm về mỗi oai-nghi ở trong **tâm** thuộc về **ché-định-pháp** (*paññattidhamma*) là **khái niệm về tư thế, về dáng của mỗi oai-nghi và danh từ ngôn-ngữ gọi sắc-đi, ... hoặc sắc-đứng, ... hoặc sắc-ngồi, ... hoặc sắc-nằm, ...** thì **tâm** của hành-giả cũng có thể định-từng-thời trong đối-tượng oai-nghi ấy, nhưng không phải là **thực-hành pháp-hành thiên-định**, bởi vì **tứ-oai-nghi không phải là đề-mục thiên-định**, cũng không phải là **thực-hành pháp-hành thiên-tuệ**, bởi vì đối-tượng mỗi oai-nghi ấy thuộc về **ché-định-pháp** (*paññattidhamma*), nên cũng không phải là **đối-tượng thiên-tuệ**, sẽ dẫn đến kết quả như sau:

- Tâm không thể thấy rõ, biết rõ được **thật-tánh** của sắc-pháp ấy.

- Tâm không thể thấy rõ, biết rõ được **trạng-thái riêng** của mỗi sắc-pháp ấy.

- Tâm không thể thấy rõ, biết rõ được **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Tâm không thể thấy rõ, biết rõ được **3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

Cho nên không thể dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả nào, mà chỉ có được **đục-giới thiện-nghiệp** mà thôi.

* **Tứ-oai-nghi thuộc về chân-nghĩa-pháp**

Tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm hoặc sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm là sắc-pháp phát sinh do tâm thuộc về **chân-nghĩa-pháp** là:

- **Sắc-đi** đó là **tư thế đi, dáng đi** thuần túy tự nhiên.

- **Sắc-đứng** đó là **tư thế đứng, dáng đứng** thuần túy tự nhiên.

- *Sắc-ngôi* đó là *tư thế ngôi*, *dáng ngôi thuần túy tự nhiên*.
- *Sắc-nằm* đó là *tư thế nằm*, *dáng nằm thuần túy tự nhiên*.

Tư thế đi, *dáng đi*; *tư thế đứng*, *dáng đứng*; *tư thế ngôi*, *dáng ngôi*; *tư thế nằm*, *dáng nằm* đều là **sắc-pháp** phát sinh do *đại-thiện-tâm* trong *sạch*, không có phiền-não làm ô nhiễm thì *tư thế đi*, *dáng đi*, *tư thế đứng*, *dáng đứng*, *tư thế ngôi*, *dáng ngôi*, *tư thế nằm*, *dáng nằm* ấy mới thật là **thuần túy tự nhiên**.⁽¹⁾

Nếu hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có *chánh-niệm trực nhận*, *tri-tuệ tỉnh-giác trực giác* ngay *đối-tượng tư thế đi*, *dáng đi*, hoặc *tư thế đứng*, *dáng đứng*, hoặc *tư thế ngôi*, *dáng ngôi*, hoặc *tư thế nằm*, *dáng nằm* là **sắc-pháp** phát sinh do *đại-thiện-tâm* trong *sạch* được thể hiện **toàn thân**, thì *đối-tượng* ấy thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) có khả năng dẫn đến kết quả như sau:

- *Tri-tuệ* có khả năng *thấy rõ*, *biết rõ* được **thật-tánh** của *sắc-pháp*, (*danh-pháp*).
- *Tri-tuệ* có khả năng *thấy rõ*, *biết rõ* được **trạng-thái-riêng** của mỗi *sắc-pháp* ấy, (*mỗi danh-pháp* ấy).
- *Tri-tuệ* thiên-tuệ có khả năng *thấy rõ*, *biết rõ* được **sự sinh**, **sự diệt** của *sắc-pháp*, của *danh-pháp*,
- *Tri-tuệ* thiên-tuệ có khả năng *thấy rõ*, *biết rõ* được **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã* của *sắc-pháp*, của *danh-pháp*, có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, có khả năng chứng đắc *4 Thánh-đạo*, *4 Thánh-quả* và *Niết-bàn*.

Hành-giả có khả năng chứng đắc thành **Thánh-nhân**

¹ Thuần túy tự nhiên nghĩa là tư thế đi, đứng, ngôi, nằm; dáng đi, đứng, ngôi, nằm phát sinh do đại thiện-tâm trong sạch, không có phiền-não làm ô nhiễm.

bậc nào hoàn toàn tùy thuộc vào 10 pháp-hạnh ba-la-mật và năng lực của 5 pháp-chủ (indriya): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của hành-giả ấy.

Cho nên, đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) có tầm quan trọng thiết yếu đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, bởi vì chỉ có sắc-pháp, danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp mới có thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới mà thôi.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến phát sinh **trí-tuệ thứ nhất** gọi là **nāmarūpaparicchedañña** trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, làm nền tảng căn bản để cho các trí-tuệ thiền-tuệ tiếp theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ thứ nhì gọi là **nāmarūpapaccayapariggahañña**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ ba gọi là **sammasanañña**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 gọi là **uddayabbayānupassanāñña**: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại. Tiếp theo tuần tự cho đến:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 gọi là **saccānulomañña**: Trí-tuệ thiền-tuệ thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiền-tuệ

phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiya-dhamma phần sau.

Từ trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpaparicchedañāṇa* cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa* còn thuộc về trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*), bởi vì **tâm** vẫn còn là *đại-thiền-tâm* hợp với trí-tuệ và **đối-tượng thiền-tuệ** vẫn còn là **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới có 3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, liền tiếp theo:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 *gotrabhuñāṇa*: Trí-tuệ thiền-tuệ có đối-tượng Niết-bàn, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân lên bậc Thánh-nhân, ...

Như vậy, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 13 *gotrabhuñāṇa* đặc biệt này tuy **tâm** vẫn còn là *đại-thiền-tâm* hợp với trí-tuệ nhưng có **đối-tượng Niết-bàn, siêu-tam-giới**, liền tiếp theo trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, đó là 2 trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới là:

- Trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 *maggañāṇa*: Thánh-đạo-tuệ trong Thánh-đạo-tâm có khả năng diệt tận được tham-ái, phiền-não, ... và trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 *phalañāṇa*: Thánh-quả-tuệ trong Thánh-quả-tâm có khả năng làm vắng lặng được tham-ái, phiền-não, ... trở thành bậc Thánh-nhân.

Cho nên, **đối-tượng thiền-tuệ** ấy chỉ có **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** mà thôi.

Ngoài mọi đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** ra, các đối-tượng **ché-định-pháp** dù là **đối-tượng vijjamānapaññatti**: **Ché-định-pháp** có **thật-tánh-pháp** làm nền tảng cũng không thể làm đối-tượng thiền-tuệ được, bởi vì các đối-tượng này thuộc về **ché-định-pháp**.

Vì vậy, hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiên-tuệ cần phải biết 3 giai đoạn:

1- *Giai đoạn đầu*: Hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ, phân biệt rõ tất cả mọi đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp** như thế nào thuộc về *chân-nghĩa-pháp* và như thế nào thuộc về *chế-định-pháp*, đó là điều tối quan trọng, bởi vì hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ chỉ có *đối-tượng thiên-tuệ* là **sắc-pháp** hoặc **danh-pháp** thuộc về *chân-nghĩa-pháp* mà thôi.

2- *Giai đoạn giữa*: Khi hành-giả thuộc về hạng người tam-nhân (tīhetukapuggala) có giới hạnh của mình trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **chánh-niệm** trực nhận đúng ngay đối-tượng *sắc-pháp* ấy hoặc *danh-pháp* ấy, và **trí-tuệ tỉnh-giác** trực giác ngay đối-tượng *sắc-pháp* ấy hoặc *danh-pháp* ấy, thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của *sắc-pháp* ấy hoặc của *danh-pháp* ấy có *trạng-thái-riêng* của mỗi *sắc-pháp* ấy hoặc của mỗi *danh-pháp* ấy.

3- *Giai đoạn cuối*: Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, làm cho phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ** theo tuần tự thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi *sắc-pháp*, mỗi *danh-pháp* ấy; trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *sắc-pháp*, của *danh-pháp* ấy, dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não.

Diệt tận được tham-ái, phiền-não nào do năng lực của mỗi Thánh-đạo-tuệ, và trở thành Thánh-nhân bậc nào hoàn toàn tùy thuộc vào 10 pháp-hạnh ba-la-mật và năng lực của 5 pháp-chủ: *Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* của hành-giả.

2- Phân pháp-hành tứ-oai-nghi

Đôi-tượng tứ-oai-nghi (*iriyāpathapabba*) là 1 trong 14 đôi-tượng trong *phần thân-niệm-xứ*, cũng là 1 trong 21 đôi-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*. 21 đôi-tượng của *pháp-hành tứ-niệm-xứ*, mà mỗi đôi-tượng đều có khả năng dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-Đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi tham-ái, mọi phiền-não, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cả thầy.*

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành *pháp-hành tứ-niệm xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* với *đôi-tượng tứ-oai-nghi*. Sau khi đã học hỏi, nghiên cứu, tìm hiểu rõ phần pháp-học tứ-oai-nghi xong rồi, để chuyển sang thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* với *đôi-tượng tứ-oai-nghi*, hành-giả cần phải hội đầy đủ những điều kiện cần thiết như sau:

* Trước tiên, hành-giả là hạng *người tam-nhân* (*tihetukapuggala*) đã từng tích-lũy 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ, kiếp hiện-tại là người có giới-hạnh trong sạch, cần phải tìm *vị Thiên sư* thông hiểu về *pháp-học Phật-giáo*, có đủ kinh nghiệm về *pháp-hành thiên-tuệ*, nhất là đôi-tượng *tứ-oai-nghi*, rồi nương nhờ nơi vị Thiên sư ấy.

Hành-giả trực tiếp thọ giáo với *vị Thiên sư*, theo đúng *nghi lễ thọ pháp-hành thiên-tuệ*⁽¹⁾, để hộ trì, hỗ-trợ hành-giả trong khi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ và để cho hành-giả trình pháp-hành của mình, bởi vì khi hành-giả chưa có khả năng nhận thức đúng hoặc sai, chưa có kinh nghiệm về pháp-hành thiên-tuệ với đôi-tượng tứ oai-nghi, dễ phát sinh tâm hoài-nghi, làm trở ngại cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

¹ Xem nghi lễ thọ “Pháp-hành thiên-tuệ” phần cuối quyển sách này.

Vị Thiên sư giảng giải cho hành-giả hiểu rõ phương pháp thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đúng theo *pháp-hành trung-đạo*.

* Hành-giả là người *có giới-hạnh* của mình trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành pháp-hành thiên-định và thực-hành pháp-hành thiên-tuệ. Nếu *giới* của mình không được trong sạch thì *định* và *tuệ* không có nơi nương nhờ để phát sinh, và tiến triển tốt được.

Cũng ví như không có mặt đất tốt thì cây cối không có nơi nương nhờ để phát sinh và tăng trưởng được, thì còn mong gì đến hoa và quả.

* Hành-giả là người có *đức-tin* trong sạch nơi *Tam-bảo*: *Đức-Phật-bảo*, *Đức-Pháp-bảo*, *Đức-Tăng-bảo*, có *chánh-kiến* đúng đắn, có sự *tinh-tấn* không ngừng thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, để mong giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

* Hành-giả cần phải có đủ điều kiện thuận lợi⁽¹⁾, tránh xa những điều bất lợi, để cho pháp-hành thiên-tuệ được phát triển tốt.

* Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* với đối-tượng *tứ-oai-nghi*: *Oai-nghi đi*, *oai-nghi đứng*, *oai-nghi ngồi*, *oai-nghi nằm*, phương pháp thực-hành pháp-hành thiên-tuệ theo mỗi oai-nghi như sau:

2.1- Đối-tượng oai-nghi đi

Oai-nghi đi là *thân đi* hoặc *sắc-đi* đó chính là *tư thế đi*, *dáng đi* toàn thân di chuyển, bước đi từng bước theo mỗi *tư thế đi*, *mỗi dáng đi*, phát sinh do *đại-thiện-tâm trong sạch* với *tư thế đi*, *dáng đi tự nhiên*, thanh thản,

¹ Tìm hiểu trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IX: *Pháp-Hành Thiên-Định*, cùng soạn giả.

như đi tản bộ, không nên đi chậm quá hoặc đi mau quá, làm cho dáng đi mất tự nhiên, làm che phủ *thật-tánh của sắc-đi ấy*.

Thật-tánh của các pháp luôn luôn ở trong trạng-thái tự nhiên, nên *tư thế đi, dáng đi* làm đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ* cũng phải ở trong trạng-thái *tự nhiên*.

Sắc-đi ở trong *trạng-thái-động* thuộc về *sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)*, làm đối-tượng của *pháp-hành thiền-tuệ* đó là *mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi toàn thân đi chuyển* bước đi từng bước, từng bước một cách tự nhiên.

*** Chủ thể**

Hành-giả có *chánh-niệm (niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi*, theo dõi, ghi nhớ theo quá trình diễn biến *mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi toàn thân đi chuyển do bước đi từng bước, từng bước một cách tự nhiên*.

Toàn thân đi chuyển như thế nào?

Ví dụ: Khi thấy chiếc xe chạy, là thấy *toàn chiếc xe đi chuyển*, không phải thấy bánh xe lăn, ...

Cũng như vậy, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận ngay đối-tượng mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi, theo dõi sự diễn biến của mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi toàn thân đi chuyển bước đi một cách tự nhiên*.

Hành-giả không nên chú tâm ở phần nào của thân như *chân phải bước, chân trái bước từng bước*, không nên có khái niệm về *tư thế đi, dáng đi ở trong tâm*, và cũng không nên niệm tưởng trong tâm rằng: “*Sắc-đi, sắc-đi, ...*” hoặc “*chân phải bước, chân trái bước, ...*”

Nếu hành-giả có khái niệm về *tư thế đi, dáng đi*, hoặc niệm tưởng “*sắc-đi, sắc-đi*” hoặc “*chân phải bước, chân trái bước, ...*” ở trong *tâm* như vậy, thì *đối-tượng sắc-đi* ấy trở thành *đối-tượng chế-định-pháp*, không phải

là *đối-tượng chân-nghĩa-pháp*. Do đó, đối-tượng **sắc-đi** ấy không phải là **đối-tượng thiên-tuệ**.

Theo *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*), đối-tượng **sắc-đi** đó là **tư thế đi, dáng đi** hiện rõ toàn thân di chuyển đang bước đi. Đối-tượng **sắc-đi** hiện-tại hiện rõ ở **toàn thân** (bên ngoài), không ở **trong tâm tưởng**.

Nếu hành-giả niệm tưởng **sắc-đi** ở **trong tâm** thì tâm biết đối-tượng **sắc-đi** không đúng nơi vị trí, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ **thật-tánh của sắc-đi** ấy.

Cho nên, hành-giả có **chánh-niệm** trực nhận đúng ngay đối-tượng **sắc-đi** hiện-tại trong mỗi **tư thế đi, mỗi dáng đi** hiện rõ **toàn thân di chuyển** đang bước đi.

* Hành-giả có **trí-tuệ tỉnh-giác** trực giác thấy rõ, biết rõ **mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi toàn thân di chuyển** bước đi ấy, mà **mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi** ấy gọi là “**sắc-đi**”.

Có vô số **tư thế đi, dáng đi**, nên có vô số **sắc-đi**.

* Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có **trí-tuệ tỉnh-giác** trực giác thấy rõ, biết rõ **mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi** ấy gọi là **sắc-đi** đúng theo **chánh-kiến thiên-tuệ**, đồng thời có khả năng diệt được **tà-kiến** theo **chấp ngã** tưởng lầm là “**ta đi**”.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có **chánh-niệm** trực nhận mỗi **tư thế đi, mỗi dáng đi** toàn thân di chuyển như thế nào thì **trí-tuệ tỉnh-giác** trực giác thấy rõ, biết rõ mỗi **tư thế đi, mỗi dáng đi** toàn thân di chuyển như thế ấy **một cách thoáng qua**.⁽¹⁾

¹ **Một cách thoáng qua** có nghĩa là không quá chú tâm đến đối-tượng hiện-tại ấy, mà chỉ cần có **chánh-niệm** trực nhận ngay đối-tượng ấy, có **trí-tuệ-tỉnh-giác** trực giác đối-tượng ấy một cách thoáng qua mà thôi, nhờ **tỉnh-tán** không ngừng, nên đối-tượng ấy càng lúc càng thêm rõ. Nếu hành-giả quá chú tâm đến đối-tượng ấy thì đối-tượng ấy vượt qua lãnh vực **chân-nghĩa-pháp**, sang lĩnh vực **chế-định-pháp**.

* Hành-giả là người có **tâm tinh-tấn** không ngừng hỗ trợ cho **chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không ngừng, để cho **trí-tuệ thiền-tuệ** phát triển, **chánh-kiến thiền-tuệ** càng thấy rõ, biết rõ “**sắc-đi**” thì đồng thời **tà-kiến theo chấp ngã** tương lầm rằng “**ta đi**” bị lu mờ dần cho đến khi **tà-kiến theo chấp ngã** bị diệt, không phát sinh, do năng lực của **trí-tuệ thiền-tuệ** chỉ thấy rõ, biết rõ **mỗi tư thế đi, mỗi dáng đi** gọi là **sắc-đi mà thôi**.

Trên đây phân tích 3 loại **tâm-sở**: **Niệm tâm-sở** (*satīcetasika*) đó là **chánh-niệm**, **trí-tuệ tâm-sở** (*paññācetasika*) là **trí-tuệ tinh-giác** đó là **chánh-kiến**, **tinh-tấn tâm-sở** (*vīriyacetasika*) đó là **chánh-tinh-tấn** với 3 phạm sự khác nhau, cùng với các **tâm-sở** khác đồng sinh với **đại-thiện-tâm** ấy có **đối-tượng oai-nghi đi** gọi là **sắc đi** đó là **tư-thế đi, dáng đi**.

2.2- Đôi-tượng oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng là **thân đứng** hoặc **sắc-đứng** đó chính là **tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên** theo **mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng, không cử động**, phát sinh do **đại-thiện-tâm trong sạch** với **tư thế đứng, dáng đứng tự nhiên**, không nên đứng dáng này dáng nọ, cũng không nên đứng trôn người, làm cho dáng đứng mất tự nhiên, làm che phủ thật-tánh của **sắc-đứng** ấy.

Thật-tánh của các pháp luôn luôn ở trong trạng-thái tự nhiên, nên **tư thế đứng, dáng đứng** làm **đối-tượng** của **pháp-hành thiền-tuệ** cũng phải ở trong trạng-thái **tự nhiên**.

Sắc-đứng ở trong **trạng-thái-tĩnh**⁽¹⁾ thuộc về **sắc-pháp** phát sinh do **tâm** (*cittajarūpa*), làm **đối-tượng** của pháp-

¹ **Trạng-thái tĩnh** có nghĩa là không cử động trong giây lát ngăn ngại của mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng là **đối-tượng sắc-đứng** hiện-tại.

hành thiên-tuệ đó là **mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên, không cử động trong khoảng khắc tùy theo nhân-duyên**, một cách tự nhiên.

Cho nên, **sắc-đứng hiện tại** ngăn ngại, nếu thân cử động thì **tư thế đứng, dáng đứng** biến đổi khác.

* Chủ thể

* Hành-giả là người có **chánh-niệm (niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng**, theo dõi, ghi nhớ **mỗi tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên, không cử động, trong khoảng khắc tùy theo nhân-duyên**, một cách tự nhiên.

Hành-giả không nên chú tâm ở phần nào của thân như dưới bàn chân, không nên có khái niệm về **tư thế đứng, dáng đứng ở trong tâm**, và cũng không nên **niệm tưởng trong tâm** rằng: “**Sắc-đứng, sắc-đứng,...**” hoặc “**đứng à, đứng à, ...**”

Nếu hành-giả có **khái niệm về tư thế đứng, dáng đứng**, hoặc **niệm tưởng “sắc-đứng, sắc-đứng”** hoặc “**đứng à, đứng à**” ở trong **tâm** như vậy, thì đối-tượng **sắc-đứng** ấy trở thành **đối-tượng chế-định-pháp**, không phải **đối-tượng chân-nghĩa-pháp**. Do đó, đối-tượng **sắc-đứng** ấy không phải là **đối-tượng thiên-tuệ**.

Theo **chân-nghĩa-pháp**, đối-tượng **sắc-đứng** đó là **tư thế đứng, dáng đứng hiện rõ toàn thân đứng thẳng yên, không cử động là đối-tượng sắc-đứng hiện-tại hiện rõ ở toàn thân (bên ngoài), không ở trong tâm tưởng**.

Nếu hành-giả **niệm tưởng sắc-đứng ở trong tâm** thì tâm biết đối-tượng **sắc-đứng** không đúng nơi vị trí, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ **thật-tánh của sắc-đứng** ấy.

Cho nên, hành-giả có **chánh-niệm trực nhận đúng ngay đối-tượng sắc-đứng hiện-tại trong mỗi tư thế đứng,**

mỗi dáng đứng hiện rõ toàn thân đứng thẳng yên, không cử động trong khoảnh khắc tùy theo nhân-duyên của mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng ấy.

* Hành-giả là người có *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên không cử động ấy***, mà mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng ấy gọi là “***sắc-đứng***”.

Có vô số tư thế đứng, dáng đứng, nên có vô số ***sắc-đứng***.

* Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ ***tư thế đứng, dáng đứng ấy*** gọi là ***sắc-đứng*** đúng theo *chánh-kiến* thiền-tuệ, đồng thời có khả năng diệt được *tà-kiến* theo *chấp ngã* tưởng lầm là “***ta đứng***”.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có ***chánh-niệm*** trực nhận mỗi tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên, không cử động như thế nào thì ***trí-tuệ tỉnh-giác*** trực giác thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng yên, không cử động như thế ấy ***một cách thoáng qua***.

* Hành-giả có ***tâm tinh-tấn*** không ngừng hỗ trợ cho *chánh-niệm*, *trí-tuệ tỉnh-giác* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không ngừng, để cho *trí-tuệ thiền-tuệ* phát triển, ***chánh-kiến*** thiền-tuệ càng thấy rõ, biết rõ “***sắc-đứng***” thì đồng thời *tà-kiến* theo *chấp ngã* tưởng lầm rằng “***ta đứng***” bị lu mờ dần cho đến khi *tà-kiến* theo *chấp ngã* bị diệt, không phát sinh, do năng lực của ***trí-tuệ thiền-tuệ***, chỉ thấy rõ, biết rõ ***mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng*** gọi là ***sắc-đứng*** mà thôi.

Trên đây phân tích 3 loại *tâm-sở*: *Niệm tâm-sở* đó là ***chánh-niệm***, *trí-tuệ tâm-sở* (*paññācetasika*) là ***trí-tuệ tỉnh-giác*** đó là ***chánh-kiến***, *tinh-tấn tâm-sở* (*vīriya-*

cetasika) đó là **chánh-tinh-tán** với 3 phận sự khác nhau, cùng với các *tâm-sở* khác đồng sinh với **đại-thiện-tâm** ấy có *đối-tượng oai-nghi đứng*.

2.3- Đối-tượng oai-nghi ngồi

Oai-nghi ngồi là *thân ngồi* hoặc **sắc-ngồi** đó chính là *tư thế ngồi, dáng ngồi toàn thân ngồi yên, không cử động*, thân phần trên ngồi thẳng, thân phần dưới co theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi phát sinh do *đại-thiện-tâm trong sạch* với *tư thế ngồi, dáng ngồi tự nhiên*, không nên ngồi dáng này dáng nọ, cũng không nên ngồi trôn người, làm cho dáng ngồi mất tự nhiên, làm che phủ *thật-tánh* của sắc-ngồi ấy.

Thật-tánh của các pháp luôn luôn ở trong trạng-thái tự nhiên, nên *tư thế ngồi, dáng ngồi* làm đối-tượng của *pháp-hành thiên-tuệ* cũng phải là *tự nhiên*.

Sắc-ngồi ở trong *trạng-thái-tĩnh*⁽¹⁾ thuộc về **sắc-pháp phát sinh do tâm** (*cittajarūpa*), làm đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ đó là *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên, không cử động trong khoảnh khắc tùy theo nhân-duyên*, một cách tự nhiên.

Cho nên, *sắc-ngồi hiện tại* ngăn ngại, nếu thân cử động thì *tư thế ngồi, dáng ngồi* biến đổi khác.

* Chủ Thể

* Hành-giá là người có **chánh-niệm** (*niệm-thân*) trực nhận đúng ngay đối-tượng *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi*, theo dõi, ghi nhớ *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên không cử động, trong khoảnh khắc tùy theo nhân-duyên*, một cách tự nhiên.

¹ *Trạng-thái tĩnh* có nghĩa là không cử động trong giây lát ngăn ngại của mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi là đối-tượng sắc-ngồi hiện-tại.

Hành-giả không nên chú tâm ở phần nào của thân như dưới móng, không nên có khái niệm về **tư thế ngồi, dáng ngồi ở trong tâm**, và cũng không nên niệm tưởng trong tâm rằng: “**Sắc-ngồi, sắc-ngồi...**” hoặc “**ngồi à, ngồi à..**”

Nếu hành-giả có khái niệm về **tư thế ngồi, dáng ngồi**, hoặc niệm tưởng “**sắc-ngồi, sắc-ngồi**” hoặc “**ngồi à, ngồi à**” ở trong tâm như vậy, thì đối-tượng sắc-ngồi ấy trở thành **đối-tượng-chế-định-pháp**, không phải **đối-tượng-chân-nghĩa-pháp**. Do đó, đối-tượng sắc-ngồi ấy không phải là **đối-tượng thiên-tuệ**.

Theo **chân-nghĩa-pháp**, đối-tượng **sắc-ngồi** đó là **tư thế ngồi, dáng ngồi** hiện rõ toàn thân ngồi yên, không cử động là **đối-tượng sắc-ngồi hiện-tại** hiện rõ ở **toàn thân** (bên ngoài), không ở **trong tâm tưởng**.

Nếu hành-giả niệm tưởng sắc-ngồi ở trong tâm thì tâm biết đối-tượng **sắc-ngồi** không đúng nơi vị trí, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ **thật-tánh của sắc-ngồi** ấy.

Cho nên, hành-giả có **chánh-niệm trực nhận** đúng ngay **đối-tượng sắc-ngồi hiện-tại** trong mỗi **tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi** hiện rõ toàn thân ngồi yên, không cử động trong khoảnh khắc tùy theo nhân-duyên của mỗi **tư thế ngồi, dáng ngồi** ấy.

* Hành-giả là người có **trí-tuệ tỉnh-giác** trực giác thấy rõ, biết rõ **mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên** không cử động ấy, mà mỗi **tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi** ấy gọi là “**sắc-ngồi**”.

Có vô số **tư thế ngồi, dáng ngồi**, nên có vô số **sắc-ngồi**.

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ tỉnh-giác** trực giác thấy rõ, biết rõ **tư thế ngồi, dáng ngồi** ấy gọi là **sắc-ngồi** đúng theo **chánh-kiến thiên-tuệ**, đồng thời có khả năng diệt được tà-kiến theo **chấp ngã** tưởng lầm là “**ta ngồi**”.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có **chánh-niệm trực nhận** mỗi tư thế ngồi, dáng ngồi toàn thân ngồi yên, không cử động như thế nào thì **trí-tuệ tỉnh-giác trực giác** thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên không cử động như thế ấy **một cách thoáng qua**.

* Hành-giả là người có **tâm tinh-tấn** không ngừng hỗ trợ cho **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** thực-hành pháp-hành thiên-tuệ không ngừng, để cho **trí-tuệ thiên-tuệ** phát triển, **chánh-kiến thiên-tuệ** càng thấy rõ, biết rõ “**sắc-ngồi**” thì đồng thời **tà-kiến theo chấp ngã** tưởng lầm rằng “**ta ngồi**” bị lu mờ dần cho đến khi **tà-kiến theo chấp ngã** bị diệt, không phát sinh, do năng lực của **trí-tuệ thiên-tuệ**, chỉ thấy rõ, biết rõ **mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi** gọi là **sắc-ngồi** mà thôi.

Trên đây phân tích 3 loại **tâm-sở**: **Niệm tâm-sở** (*satīcetasika*) đó là **chánh-niệm**, **trí-tuệ tâm-sở** (*paññācetasika*) là **trí-tuệ tỉnh-giác** đó là **chánh-kiến**, **tinh-tấn tâm-sở** (*vīriyacetasika*) đó là **chánh-tinh-tấn** với 3 phạm sự khác nhau, cùng với các **tâm-sở** khác đồng sinh với **đại-thiện-tâm** ấy có **đối-tượng oai-nghi ngồi**.

2.4- Đối-tượng oai-nghi nằm

Oai-nghi nằm là **thân nằm** hoặc **sắc-nằm** đó chính là **tư thế nằm, dáng nằm toàn thân nằm yên**, không cử động theo mỗi tư thế nằm, dáng nằm, phát sinh do **đại-thiện-tâm** trong sạch với **tư thế nằm, dáng nằm tự nhiên**, không nên nằm dáng này dáng nọ, cũng không nên nằm trên người, làm cho dáng nằm mất tự nhiên, làm che phủ thật-tánh của **sắc-nằm** ấy.

Thật-tánh của các pháp luôn luôn ở trong trạng-thái tự nhiên, nên **tư thế nằm, dáng nằm** làm đối-tượng của **pháp-hành thiên-tuệ** cũng phải là **tự nhiên**.

Sắc-nằm ở trong **trạng-thái-tĩnh**⁽¹⁾ thuộc về **sắc-pháp** phát sinh do tâm (*cittajarūpa*) làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ đó là **mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm toàn thân nằm yên không cử động trong khoảnh khắc** tùy theo nhân-duyên, một cách tự nhiên.

Cho nên, **sắc-nằm** hiện tại ngăn ngủi, nếu thân cử động thì **tư thế nằm, dáng nằm** biến đổi khác.

* Chủ Thể

* Hành-giả là người có **chánh-niệm** (*niệm-thân*) trực nhận đúng ngay đối-tượng **mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm**, theo dõi, ghi nhớ **mỗi tư thế nằm, dáng nằm toàn thân nằm yên không cử động, trong khoảnh khắc** tùy theo nhân-duyên, một cách tự nhiên.

Hành-giả không nên chú tâm ở phần nào của thân như lưng, hông, v.v.... không nên có **khái niệm về tư thế nằm, dáng nằm ở trong tâm**, và cũng không nên **niệm tưởng trong tâm** rằng: “**Sắc-nằm, sắc-nằm,...**” hoặc “**nằm à, nằm à, ...**”.

Nếu hành-giả có **khái niệm về tư thế nằm, dáng nằm**, hoặc **niệm tưởng “sắc-nằm, sắc-nằm”** hoặc “**nằm à, nằm à**” ở trong **tâm** như vậy, thì đối-tượng **sắc-nằm** ấy trở thành **đối-tượng chế-định-pháp**, không phải **đối-tượng chân-nghĩa-pháp**. Do đó, đối-tượng **sắc-nằm** ấy không phải là **đối-tượng thiền-tuệ**.

Theo **chân-nghĩa-pháp**, đối tượng **sắc-nằm** đó là **tư thế nằm, dáng nằm** hiện rõ **toàn thân nằm yên không cử động là đối-tượng sắc-nằm hiện-tại** hiện rõ ở **toàn thân** (bên ngoài), không ở **trong tâm tưởng**.

Nếu hành-giả **niệm tưởng sắc-nằm ở trong tâm** thì tâm

¹ **Trạng-thái tĩnh** có nghĩa là không cử động trong giây lát ngăn ngủi của mỗi tư thế nằm, dáng nằm là đối-tượng sắc-nằm hiện-tại.

biết đối-tượng **sắc-nằm** không đúng nơi vị trí, nên hành-giả không thể thấy rõ, biết rõ **thật-tánh của sắc-nằm** ấy.

Cho nên, hành-giả có **chánh-niệm trực nhận** đúng ngay **đối-tượng sắc-nằm hiện-tại trong mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm hiện rõ toàn thân nằm yên, không cử động trong khoảng khắc tùy theo nhân-duyên của mỗi tư thế nằm, dáng nằm ấy.**

* Hành-giả là người có **trí-tuệ tỉnh-giác trực giác** thấy rõ, biết rõ **mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm toàn thân nằm yên, không cử động ấy, mà mỗi tư thế nằm, dáng nằm ấy gọi là “sắc-nằm”.**

Có vô số tư thế nằm, dáng nằm, nên có vô số **sắc-nằm**.

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có **trí-tuệ tỉnh-giác trực giác** thấy rõ, biết rõ **tư thế nằm, dáng nằm ấy** gọi là **sắc-nằm** đúng theo **chánh-kiến thiên-tuệ**, đồng thời có khả năng diệt được **tà-kiến theo chấp ngã** tưởng lầm là **“ta nằm”**.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có **chánh-niệm trực nhận** mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm toàn thân nằm yên, không cử động như thế nào thì **trí-tuệ tỉnh-giác trực giác** thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm toàn thân nằm yên, không cử động như thế ấy **một cách thoáng qua.**

* Hành-giả là người có **tâm tinh-tấn** không ngừng hỗ trợ cho **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** thực-hành pháp-hành thiên-tuệ không ngừng, để cho **trí-tuệ thiên-tuệ** phát triển, **chánh-kiến thiên-tuệ** càng thấy rõ, biết rõ **“sắc-nằm”** thì đồng thời **tà-kiến theo chấp ngã** tưởng lầm rằng **“ta nằm”** bị lu mờ dần cho đến khi **tà-kiến theo chấp ngã** bị diệt, không phát sinh, do năng lực của **trí-tuệ thiên-tuệ**, chỉ thấy rõ, biết rõ **mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm** gọi là **sắc-nằm** mà thôi.

Trên đây phân tích 3 loại *tâm-sở*: *Niệm tâm-sở* (*satīcetasika*) đó là **chánh-niệm**, *trí-tuệ tâm-sở* (*paññācetasika*) là *trí-tuệ tinh-giác* đó là **chánh-kiến**, *tinh-tân tâm-sở* (*vīriyacetasika*) đó là **chánh-tinh-tân** với 3 phận sự khác nhau, cùng với các *tâm-sở* khác đồng sinh với **đại-thiện-tâm** ấy có *đôi-tượng oai-nghi* nằm.

Tứ oai-nghi với oai-nghi phụ

* *Tứ oai-nghi* là *oai-nghi đi*, *oai-nghi đứng*, *oai-nghi ngồi*, *oai-nghi nằm*, mà mỗi *oai-nghi* có vô số tư thế, vô số dáng tượng tự nhau nên kể chung một *oai-nghi* ấy. Do đó gọi là **4 oai-nghi** là 1 trong 14 *đôi-tượng* của *phần thân-niệm-xứ*, trong *pháp-hành tứ-niệm-xứ*.

* *Oai-nghi phụ* là những *oai-nghi* nhỏ cử động của thân, khi hỗ trợ cho *mỗi oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* được hoàn thành, cũng có khi *oai-nghi phụ* của thân cử động đơn phương như co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v...

Tứ oai-nghi với các *oai-nghi phụ* đều là **sắc-pháp phát sinh do tâm** (*cittajarūpa*) có tính hỗ trợ với nhau, bởi vì mỗi khi thay đổi *oai-nghi* nào chắc chắn cần phải nhờ các *oai-nghi phụ* hỗ trợ, để hoàn thành *oai-nghi* ấy.

Do đó, *tứ-oai-nghi* và các *oai-nghi phụ* phát sinh nương nhờ lẫn nhau, có khi *oai-nghi phụ* phát sinh đơn thuần như co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... thường phát sinh trong thời gian ngắn ngủi.

Cho nên, các *oai-nghi phụ* có riêng một *đôi-tượng* gọi là **Sampajaññapabba** trong phần *thân-niệm-xứ*.

Thật ra, *tứ oai-nghi* với *oai-nghi-phụ* không hiện hữu cùng một lúc, nếu khi có *oai-nghi-chính* hiện hữu thì không có *oai-nghi-phụ*, và ngược lại, nếu khi có *oai-nghi-phụ* hiện hữu thì không có *oai-nghi-chính*.

Tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm* là **sắc-pháp** phát sinh do tâm; các **oai-nghi phụ** cũng là **sắc-pháp** phát sinh do tâm, cả 2 loại oai-nghi đều là *đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ*.

Thay đổi oai-nghi

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ với *đối-tượng tứ-oai-nghi: Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm*, mỗi khi hành-giả *thay đổi từ oai-nghi cũ sang oai-nghi mới*, đó là **thời điểm rất quan trọng**, để cho *pháp-hành thiên-tuệ* được tiếp tục phát triển hoặc bị ngừng trệ, có 2 trường hợp như sau:

- Nếu thay đổi oai-nghi *không hợp pháp* thì **phiền-não** dễ dàng phát sinh, làm cho *pháp-hành thiên-tuệ* bị ngừng trệ trong thời điểm ấy.

- Nếu thay đổi oai-nghi *hợp pháp* thì **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** tiếp tục phát triển trong thời điểm ấy.

Thay đổi oai-nghi không hợp pháp

- Nếu khi hành-giả đang ở **oai-nghi ngồi**, muốn thay đổi sang *oai-nghi đi*, để cho được thoải mái, thì **oai-nghi đi mới** phát sinh do **tham-tâm**, nên tâm của hành-giả đã bị ô nhiễm, dù cho hành-giả muốn có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** thấy rõ, biết rõ **thật-tánh của sắc-đi ấy không phải dễ dàng**, bởi vì **đại-thiện-tâm có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác trong oai-nghi ngồi cũ** đã bị gián đoạn.

- Hoặc nếu khi hành-giả đang ở **oai-nghi ngồi** cảm thấy bực mình, rồi thay đổi sang *oai-nghi đi* thì **oai-nghi đi mới** phát sinh do **sân-tâm**, nên tâm của hành-giả đã bị ô nhiễm, dù cho hành-giả muốn có **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** thấy rõ, biết rõ **thật-tánh của sắc-đi ấy không phải dễ dàng**, bởi vì **đại-thiện-tâm có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác ở oai-nghi ngồi cũ** đã bị gián đoạn.

- Hoặc nếu khi hành-giả đang ở *oai-nghi ngồi*, phóng-tâm phát sinh, quên mình thay đổi sang *oai-nghi đi* thì *oai-nghi đi mới* phát sinh do *si-tâm*, nên tâm của hành-giả đã bị ô nhiễm, dù cho hành-giả muốn có *chánh-niệm*, *trí-tuệ tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-đi ấy không phải dễ dàng*, bởi vì *đại-thiện-tâm có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* ở oai-nghi ngồi cũ đã bị gián đoạn rồi.

Thay đổi oai-nghi hợp pháp

Để thay đổi từ *oai-nghi cũ* sang *oai-nghi mới*, hành-giả cần phải luôn luôn có *yonisomanasikāra*: *Hiểu biết ở trong tâm hợp với trí-tuệ hiểu biết đúng theo 4 trạng-thái⁽¹⁾ của sắc-pháp, của danh-pháp làm nền tảng*, rồi mới thay đổi oai-nghi mới.

Thay đổi oai-nghi mới chỉ có những trường hợp:

- Thay đổi oai-nghi do thọ khổ bất buộc

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với đối-tượng *oai-nghi ngồi*:

- Có *chánh-niệm* (*niệm-thân*) trực nhận đúng ngay đối-tượng *sắc-ngồi* hiện tại trong *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi*, theo dõi, ghi nhớ mỗi *tư thế ngồi, dáng ngồi toàn thân ngồi yên*, không cử động, một cách tự nhiên.

- Có *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên*, không cử động ấy, mà mỗi *tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi ấy* gọi là “*sắc-ngồi*”.

- Có *tâm tinh-tấn* không ngừng hỗ trợ cho *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để cho *trí-tuệ thiên-tuệ* phát triển, *chánh-kiến thiên-tuệ* càng thấy rõ, biết rõ “*sắc-ngồi*” thì đồng thời *tà-kiến theo chấp ngã* tưởng lầm là “*ta ngồi*” bị lu mờ dần cho

¹ Sắc-pháp, danh-pháp có 4 trạng-thái là vô-thường, khổ, vô-ngã, bất tịnh.

đến khi *tà-kiến theo chấp ngã* bị diệt, không phát sinh, do năng lực của *trí-tuệ thiên-tuệ*, chỉ thấy rõ, biết rõ *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi* gọi là *sắc-ngồi* mà thôi.

Khi hành-giả thực-hành như vậy, trải qua thời gian, nên cảm giác *thọ khổ phát sinh trong sắc-ngồi* ấy, cần phải thay đổi sang *oai-nghi đi*, để làm giảm bớt *thọ khổ* trong oai-nghi ngồi ấy.

Hành-giả vẫn có *chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* theo dõi mọi sự chuyển đổi, diễn biến liên tục do nhờ *các oai-nghi phụ* hỗ trợ từ *oai-nghi ngồi cũ* cho đến khi hoàn thành *oai-nghi đi mới* với *tư thế đi, dáng đi toàn thân đi chuyển bước đi*.

Cho nên, tuy đối-tượng thiên-tuệ thay đổi từ *oai-nghi ngồi cũ sang oai-nghi đi mới*, nhưng *đại-thiện-tâm có chánh-niệm trực nhận, trí-tuệ tỉnh-giác trực giác đối-tượng các tư thế ấy diễn biến từ oai-nghi ngồi cũ, các oai-nghi-phụ cho đến khi hoàn thành oai-nghi đi mới một cách liên tục*.

Như vậy, do nhờ có *yonisomanasikāra*: *Hiểu biết ở trong tâm hợp với trí-tuệ, hiểu biết đúng theo trạng-thái khổ của sắc-ngồi*, khi thay đổi từ *oai-nghi ngồi cũ* do nguyên nhân *thọ khổ* bắt buộc, nên không phát sinh *sân-tâm không hài lòng trong oai-nghi ngồi cũ*, khi thay đổi sang *oai-nghi đi mới* cũng không phát sinh *tham-tâm* hài lòng trong *oai-nghi-đi mới*, chỉ có *đại-thiện-tâm có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* thấy rõ, biết rõ *tư thế đi, dáng đi* gọi là *sắc-đi* ấy mà thôi.

- Thay đổi oai-nghi do nguyên nhân cần thiết

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng *oai-nghi ngồi*, có *chánh-niệm (niệm-thân) trực nhận đúng ngay đối-tượng mỗi tư thế ngồi, mỗi*

dáng ngồi, toàn thân ngồi yên, không cử động, một cách tự nhiên; có trí-tuệ tĩnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên, không cử động ấy, mà mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi ấy gọi là “sắc-ngồi”, v.v...

Khi ấy, nếu cảm giác thọ khổ do **tiểu tiện** hoặc **đại tiện** phát sinh thì hành-giả cần phải thay đổi *oai-nghi* đi, để làm giảm **nỗi khổ** ấy.

Cũng như trường hợp trên, hành-giả vẫn có *chánh-niệm, trí-tuệ tĩnh-giác* theo dõi mọi sự chuyển đổi, diễn biến liên tục do nhờ các *oai-nghi* phụ hỗ trợ từ *oai-nghi ngồi cũ* cho đến khi hoàn thành *oai-nghi đi mới* với *tư thế đi, dáng đi toàn thân di chuyển bước đi* đến phòng vệ sinh, hành-giả ngồi xuống để **giải khổ** ấy.

Sau khi xong rồi, hành-giả nên tiếp tục *oai-nghi đi* hoặc *oai-nghi* nào thích hợp với thời gian và nơi chốn.

Cho dù thay đổi bất cứ *đối-tượng oai-nghi* nào, hành-giả vẫn tiếp tục có *chánh-niệm* trực nhận *đối-tượng tư thế ấy, dáng ấy, có trí-tuệ tĩnh-giác* trực giác *tư thế ấy, dáng ấy, vẫn có trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp oai-nghi ấy, và danh-pháp biết đối-tượng sắc-oai-nghi ấy một cách tự nhiên và hợp với thiện-pháp.*

- Biến chuyển *oai-nghi* do nguyên nhân khác

Hành-giả đang thực-hành pháp-hành *thiên-tuệ* với *đối-tượng oai-nghi ngồi*, có *chánh-niệm (niệm-thân)* trực nhận đúng ngay *đối-tượng mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi, toàn thân ngồi yên, không cử động, một cách tự nhiên; có trí-tuệ tĩnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ *mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên, không cử động ấy, mà mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi ấy gọi là “sắc-ngồi”, v.v...*

Khi ấy, nếu bị *con muỗi* hoặc *con kiến* cắn, thì hành-giả có cảm giác **ngứa khó chịu** mà vẫn còn trong *oai-nghi* ngồi, đưa tay **gãi chỗ ngứa** hoặc *thoa dầu chỗ đau*.

Trong trường hợp ấy, hành-giả vẫn có *chánh-niệm*, *trí-tuệ tỉnh-giác* theo dõi sự biến chuyển **cử động của thân** thuộc về các *oai-nghi phụ* cũng là **sắc-pháp** phát sinh do tâm. Sau khi xong rồi, hành-giả có *chánh-niệm trực nhận tư thế* ngồi, *dáng* ngồi toàn thân ngồi yên, không *cử động*, một cách tự nhiên; có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* thấy rõ, biết rõ **mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi toàn thân ngồi yên**, không *cử động* ấy, mà mỗi *tư thế* ngồi, mỗi *dáng* ngồi ấy gọi là “**sắc-ngồi**”.

Có vô số *tư thế* ngồi, *dáng* ngồi, nên có vô số **sắc-ngồi**.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *chánh-niệm trực nhận*, có *trí-tuệ tỉnh-giác trực giác* không những thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của **đối-tượng sắc-pháp phát sinh do tâm** (*cittajarūpa*), mà còn thấy rõ, biết rõ các *đối-tượng sắc-pháp danh-pháp* khác và đặc biệt thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của **chủ-thể danh-pháp** (*chánh-niệm* và *trí-tuệ tỉnh-giác*) *trực giác biết* *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp* nữa, đúng theo **pháp-hành thiên-tuệ**.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ sử dụng 4 *oai-nghi* hoặc các *oai-nghi phụ* làm *đối-tượng* thiên-tuệ đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả* và *Niết-bàn*, *diệt tận mọi tham ái, mọi phiền-não*, trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi tịch diệt *Niết-bàn*, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Chánh-Niệm, Trí-Tuệ Tỉnh-Giác

2 *pháp chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác* (*satisampajañña*) đóng vai trò **chủ-thể** chính yếu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

* **Sati: Niệm** là **niệm tâm-sở** (*saticesika*) đồng sinh với 59 tâm hoặc 91 tâm đó là 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 12 vô-sắc-giới-tâm + 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm (trừ 12 bất-thiện-tâm và 18 vô-nhân-tâm) ghi nhớ 6 đối-tượng: **Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.**

* **Sati** trong pháp-hành tứ-niệm-xứ gọi là **sammāsati**: Chánh-niệm trong bài kinh *Mahāsatiपाṭṭhānasutta*, Đức-Phật thuyết giảng rằng:

“*Katamā ca bhikkhave, sammāsati?...*”

- *Này chư tỳ-khuru! Thế nào gọi là chánh-niệm?*

- *Này chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, tỳ-khuru:*

1- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tĩnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong phần **thân-niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

2- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tĩnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **các thọ** trong phần **thọ-niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

3- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tĩnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **tâm** trong phần **tâm-niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

4- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tĩnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **các pháp** trong phần **pháp-niệm-xứ**, để diệt

tham-tâm hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

- Nay chư tỳ-khưu! Như vậy, gọi là chánh-niệm.

Đối-tượng **thân, thọ, tâm, pháp** của pháp-hành tứ-niệm-xứ có nghĩa là gì?

Theo Chú-giải Pāli giảng giải rằng:

* **Kāyo'va atthi**: Thân chỉ là **sắc-thân** mà thôi. **Sắc-thân** thuộc về **sắc-pháp** là pháp-vô-ngã (anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã (ta), na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã (ta), nā'ham: Không phải là ta, na mama: Không phải thuộc về của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...

* **Vedanā'va atthi**: Thọ chỉ là **thọ** mà thôi. **Thọ tâm-sở** thuộc về **danh-pháp** là pháp-vô-ngã (anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã (ta), na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã (ta), nā'ham: Không phải là ta, na mama: Không phải thuộc về của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...

* **Cittam'va atthi**: Tâm chỉ là **tâm** mà thôi. **Tâm** thuộc về **danh-pháp** là pháp-vô-ngã (anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã (ta), na attaniyaṃ: Không phải thuộc về ngã (ta), nā'ham: Không phải là ta, na mama: Không phải thuộc

về của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...

* **Dhammo'va atthi**: Pháp chỉ là **pháp** mà thôi. **Pháp** thuộc về **sắc-pháp, danh-pháp** là pháp-vô-ngã (anattā) nghĩa là na satto: Không phải là chúng-sinh, na puggalo: Không phải là người, na itthī: Không phải là người nữ, na puriso: Không phải là người nam, na attā: Không phải là ngã (ta), na attaniyam: Không phải thuộc về ngã (ta), nā'ham: Không phải là ta, na mama: Không phải thuộc về của ta, na koci: Không phải là ai cả, na kassaci: Không phải thuộc về của ai cả, ...

- Nếu hành-giả đang thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong **thân-niệm-xứ** là **sắc-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** thì hành-giả không biết đến **ché-định-pháp**, nghĩa là không biết ta, người, người nam, người nữ, v.v... mà chỉ thấy rõ, biết rõ **sắc-pháp** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác thấy rõ, biết rõ **các thọ** trong **thọ-niệm-xứ** là **danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** thì hành-giả không biết đến **ché-định-pháp**, nghĩa là không biết ta, người, người nam, người nữ, v.v... mà chỉ thấy rõ, biết rõ **danh-pháp** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có chánh-niệm, trí-tuệ tinh-giác thấy rõ, biết rõ **tâm** trong **tâm-niệm-xứ** là **danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** thì hành-giả không biết đến **ché-định-pháp**, nghĩa là không biết ta, người, người nam, người nữ, v.v... mà chỉ thấy rõ, biết rõ **danh-pháp** mà thôi.

- Nếu hành-giả đang thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ*, có chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ *các pháp trong pháp-niệm-xứ* là *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* thì hành-giả không còn biết đến *chế-định-pháp*, nghĩa là không còn biết *ta, người, người nam, người nữ, v.v...* mà chỉ thấy rõ, biết rõ *sắc-pháp, danh-pháp* mà thôi.

Sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác

Trí-tuệ đó là *paññācetasika: Trí-tuệ tâm-sở* đồng sinh với 47 hoặc 79 tâm đó là 4 *đại-thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* + 4 *đại-quả-tâm hợp* với *trí-tuệ* + 4 *đại-duy-tác-tâm hợp* với *trí-tuệ* + 15 *sắc-giới-tâm* + 12 *vô-sắc-giới-tâm* + 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm*, biết 6 *đối-tượng*: *Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*.

Trí-tuệ gọi là *trí-tuệ tỉnh-giác (sampajañña)* đóng vai trò chính yếu thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp* đúng theo *chân-nghĩa-pháp*, bởi vì *trí-tuệ tỉnh-giác* biết rõ 4 pháp theo tuân tỵ như sau:

1- *Sāttaka sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ lợi và bất lợi.*

2- *Sappāya sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ thuận lợi và bất thuận lợi.*

3- *Gocara sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác biết rõ biết đối-tượng và không biết đối-tượng.*

4- *Asammoha sampajañña: Trí-tuệ tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma).*

4 pháp *trí-tuệ tỉnh-giác* này hỗ trợ chính cho hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* được phát triển tốt.

Nhân-duyên phát sinh chánh-niệm, trí-tuệ tĩnh-giác

Tất cả các pháp phát sinh đều do nhân-duyên, *chánh-niệm, trí-tuệ tĩnh-giác phát sinh cũng do nhân-duyên*.

Vậy, do nhân-duyên nào để cho chánh-niệm, trí-tuệ tĩnh-giác phát sinh?

Trong bài kinh *Avijjāsutta*⁽¹⁾ Đức-Phật thuyết giảng đoạn nhân quả liên hoàn tuần tự như sau:

“Thường được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, mới lắng nghe chánh-pháp được đầy đủ.

- Có lắng nghe chánh-pháp được đầy đủ, mới có đức-tin được đầy đủ.

- Có đức-tin được đầy đủ, mới có yonisomanasikāra được đầy đủ.

- Có yonisomanasikāra được đầy đủ, mới có chánh-niệm, trí-tuệ tĩnh-giác được đầy đủ.

- Có chánh-niệm, trí-tuệ tĩnh-giác được đầy đủ, mới có thu thúc giữ gìn lục căn được đầy đủ.

- Có thu thúc, giữ gìn lục căn được đầy đủ, mới có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ.

- Có thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện được đầy đủ, mới có tứ-niệm-xứ được đầy đủ.

- Có tứ-niệm-xứ được đầy đủ, mới có thất-giác-chi được đầy đủ.

- Có thất-giác-chi được đầy đủ, mới có trí-minh (vijjā) Thánh-đạo-tuệ và giải-thoát (vimutti) Thánh-quả-tuệ được đầy đủ.”

Đoạn kinh trên đây “có yonisomanasikāra được đầy đủ, mới có **chánh-niệm, trí-tuệ tĩnh-giác** được đầy đủ”.

Vậy, yonisomanasikāra là pháp như thế nào?

¹ Āṅguttaranikāya, phần Dasakanipāta, kinh Āvijjāsuttapāli.

Ý nghĩa *yonisomanasikāra*

Yonisomanasikāra có 3 từ ghép là:

Yoniso + *manasi* + *kāra*

- *Yoniso*: Với trí-tuệ.

- *Manasi*: Trong tâm.

- *Kāra*: Sự làm nghĩa là sự hiểu biết.

Yonisomanasikāra là sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới là:

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (*anicca*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-thường** (*anicca*).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (*dukkha*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **khổ** (*dukkha*).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (*anattā*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **vô-ngã** (*anattā*).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (*asubha*) thì trí-tuệ hiểu biết đúng là **bất-tịnh** (*asubha*).

Yonisomanasikāra là sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh trong tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, làm nhân-duyên phát sinh **chánh-niệm, trí-tuệ tỉnh-giác** hỗ trợ chính cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, dẫn đến chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn**.

Tính chất đặc biệt của *yonisomanasikāra*

* *Yonisomanasikāra* là 1 trong 4 chi pháp để trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, như trong bài kinh *Sotāpattiyaṅgasutta*⁽¹⁾ Đức-Phật dạy 4 chi pháp để trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** như sau:

¹ Saṃyuttanikāya, Mahāvaggapāli, kinh Sotāpattiyaṅgasutta.

“1- *Sappurisasamseva*: Sự gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo.

2- *Saddhammassavana*: Sự lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí.

3- *Yonisomanasikāra*: Sự hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng theo 4 trạng-thái của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới.

4- *Dhammānudhammapaṭipatti*: Sự thực-hành pháp-hành thiên-tuệ hướng đến chứng đắc 9 siêu-tam-giới-pháp: 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.”

Như vậy, muốn trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, hành-giả cần phải có đầy đủ 4 chi pháp này.

Yonisomanasikāra là chi pháp quan trọng hỗ trợ thực-hành đúng theo pháp-hành thiên-tuệ, để hướng đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là tà-kiến và hoài-nghi, trở thành bậc **Thánh Nhập-lưu**.

Yonisomanasikāra là pháp hỗ trợ hành-giả thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** (*majjhimāpaṭi-padā*) diệt **tham-tâm** và **sân-tâm**, bởi vì nhờ ***yoniso-manasikāra*** nên ngăn chặn được **tham-tâm** và **sân-tâm** không phát sinh trong mọi đối-tượng thiên-tuệ.

Ví dụ: Hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ với đối-tượng **oai-nghi ngôi**, có **chánh-niệm** trực nhận mỗi tư thế ngôi, mỗi dáng ngôi ấy, có **trí-tuệ tĩnh-giác** trực giác thấy rõ, biết rõ mỗi tư thế ngôi, dáng ngôi ấy là **sắc-ngôi** (không phải ta ngôi), nên **tham-tâm** không phát sinh. Dù khi **phóng-tâm** là **danh-pháp** phát sinh, nhưng **sân-tâm** vẫn không phát sinh.

Đó là do nhờ *yonisomanasikāra* trí-tuệ hiểu biết *sắc-ngôi* có *trạng-thái vô-ngã*, nên **tham-tâm** không phát sinh; dù khi *phóng-tâm* là *danh-pháp phát sinh*, cũng có *trạng-thái vô-ngã*, nên **sân-tâm** vẫn không phát sinh.

Cũng như trên, khi *oai-nghi ngôi* là *sắc-ngôi phát sinh thọ khổ, sắc-ngôi khổ* (không phải ta khổ), **sân-tâm không hài lòng** không phát sinh.

Hành-giả cần phải thay đổi *oai-nghi ngôi cũ* sang *oai-nghi đi mới* là *sắc-đi*, để làm giảm bớt thọ khổ của *oai-nghi ngôi cũ*. Dù khi thay đổi *oai-nghi đi mới* cho bớt khổ, **tham-tâm** hài lòng vẫn không phát sinh.

Đó là do nhờ *yonisomanasikāra* trí-tuệ hiểu biết, dù thay đổi đối tượng nào chánh-niệm trí tuệ tỉnh giác vẫn theo dõi đối tượng ấy một cách tự nhiên.

Cho nên, *yonisomanasikāra trí-tuệ hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái của sắc-pháp, của danh-pháp*, nên hỗ trợ cho hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đúng theo **pháp-hành trung-đạo** diệt-tùng-thời được **tham-tâm** và **sân-tâm**.

* **Yonisomanasikāra** còn là pháp hỗ trợ cho mọi thiện pháp, kể từ *dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp* cho đến *siêu-tam-giới-thiện-pháp*.

Ý nghĩa *ayonisomanasikāra*

Trái ngược với *yonisomanasikāra* là *ayonisomanasikāra* có 3 từ ghép là:

Ayoniso + manasi + kāra

- *Ayoniso*: Do si-tâm.

- *Manasi*: Trong tâm.

- *Kāra*: Sự làm nghĩa là sự biết.

Ayonisomanasikāra là sự biết trong tâm do si-tâm

biết sai lầm trong 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới là:

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường (anicca) thì do si-tâm biết sai lầm cho là **thường** (nicca).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ (dukkha) thì do si mê biết sai lầm cho là **lạc** (sukha).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã (anattā) thì do si-tâm biết sai lầm cho là **ngã** (attā).

- Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái bất-tịnh (asubha) thì do si-tâm biết sai lầm cho là **tịnh** (subha).

Ayonisomanasikāra là sự biết trong tâm do si-tâm biết sai lầm trong 4 trạng-thái của tất cả sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**, nên làm nhân-duyên phát sinh **pháp-đảo-điên** (vipallāsa).

Pháp-đảo-điên có 3 loại:

1- **Tướng-đảo-điên** (saññāvipallāsa): Tướng sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng: “Thường, lạc, ngã, tịnh”.

2- **Tâm-đảo-điên** (cittavipallāsa): Tâm biết sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng: “Thường, lạc, ngã, tịnh”.

3- **Tà-kiến-đảo-điên** (diṭṭhivipallāsa): Tà-kiến thấy sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho rằng: “Thường, lạc, ngã, tịnh”.

Như vậy, **pháp-đảo-điên** có 3 pháp nhân với 4 điều sai lầm (thường, lạc, ngã, tịnh) gồm có **12 pháp-đảo-điên** này làm nhân-duyên phát sinh mọi tham-ái, mọi phiền-não tùy theo đối-tượng, làm che phủ mọi thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp, nên chỉ có **yonisomanasikāra**, trí-tuệ hiểu biết trong tâm đúng theo 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, mới ngăn chặn được 12 **pháp-đảo-điên** ấy mà thôi.

Pháp-Hành Trung-Đạo (Majjhimāpaṭipadā)

Pháp-hành trung-đạo là một pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Trong bài *Kinh Dhammacakkappavattanasutta*:⁽¹⁾ *Kinh Chuyển-Pháp-Luân* mà Đức-Phật thuyết giảng lần đầu tiên, để tế độ nhóm 5 tỳ-khuru: Ngài *Đại-Trưởng-lão Koṇḍañña*, Ngài *Vappa*, Ngài *Bhaddiya*, Ngài *Mahānāma* Ngài *Assaji* tại khu rừng phóng sinh nai gọi *Isipatana*, gần kinh thành *Bāraṇasī*.

Hai pháp thấp hèn

Đức-Phật thuyết giảng rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Có hai pháp cực đoan thuộc về hai biên kiến mà bậc xuất gia không nên thực-hành theo.*

Hai pháp ấy như thế nào?

1- *Một là việc thường thụ hưởng lạc trong ngũ-dục do tham-tâm hợp với **thường-kiến**, là pháp thấp hèn của hạng phàm nhân trong đời, không phải pháp-hành của bậc Thánh-nhân, không đem lại sự lợi ích, sự an-lạc.*

2- *Hai là việc thường tự ép xác hành khổ mình do sân-tâm và có **đoạn-kiến** thuộc về pháp-hành khổ-hạnh của ngoại đạo, không phải pháp-hành của bậc Thánh-nhân, không đem lại sự lợi ích, sự an-lạc.*

Pháp-hành trung-đạo (majjhimāpaṭipadā)

- *Này chư tỳ-khuru! Không thiên về hai pháp cực đoan thuộc về hai biên kiến ấy, Như-Lai đã thực-hành theo **pháp-hành trung-đạo**, nên đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế bằng trí-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn phát sinh; trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới phát sinh đã*

¹ Saṃyuttanikāya, Mahāvaggapāli, kinh Dhammacakkappavattanasutta.

làm vắng lặng mọi phiền-não; đã làm cho trí-tuệ siêu-việt thông-suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

- *Này chư tỳ-khuru! Như thế nào gọi là pháp-hành trung-đạo mà Như-Lai đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, bằng trí-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn phát sinh; trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới phát sinh đã làm vắng lặng mọi phiền-não; đã làm cho trí-tuệ siêu-việt thông-suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.*

- *Này chư tỳ-khuru! Pháp-hành trung-đạo là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định.*

- *Này chư tỳ-khuru! Pháp-hành trung-đạo là Thánh-đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng này, mà Như-Lai đã chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, bằng trí-tuệ siêu-tam-giới, làm cho tuệ-nhãn phát sinh; trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới phát sinh đã làm vắng lặng mọi phiền-não; đã làm cho trí-tuệ siêu-việt thông-suốt chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.”*

Trong bài kinh này, Đức-Phật thuyết giảng pháp-hành trung-đạo chính là Thánh-đạo-tâm hợp đủ 8 chánh cao thượng là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tán, chánh-niệm, chánh-định.

Bát chánh này đó là 8 tâm-sở cùng với 28 tâm-sở khác đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Thật ra, 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có 36 tâm-sở đồng sinh. Trong 36 tâm-sở ấy có 8 tâm-sở gọi là bát-chánh-đạo như sau:

- 1- Trí-tuệ tâm-sở gọi là chánh-kiến.
- 2- Hướng-tâm tâm-sở gọi là chánh-tu-duy.
- 3- Chánh-ngữ tâm-sở gọi là chánh-ngữ.
- 4- Chánh-nghiệp tâm-sở gọi là chánh-nghiệp.
- 5- Chánh-mạng tâm-sở gọi là chánh-mạng.
- 6- Tinh-tấn tâm-sở gọi là chánh-tinh-tấn.
- 7- Niệm tâm-sở gọi là chánh-niệm.
- 8- Nhất-tâm tâm-sở gọi là chánh-định.

Tám tâm-sở này cùng với 28 tâm-sở khác đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm cùng có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Pháp-hành trung-đạo đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh trong 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Như vậy, **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh này không phải là **pháp-hành bắt đầu thực-hành**, cũng không phải là **pháp-hành đang thực-hành**, mà sự thật là **pháp-hành đã thực-hành xong rồi**, đã hoàn thành xong mọi phận sự từ Thánh-đế, nên **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh này gọi là **pháp-thành Phật-giáo** (*paṭivedhadhamma*) là kết quả của **pháp-hành Phật-giáo** (*paṭipattidhamma*).

Cho nên, **pháp-hành trung-đạo** là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh ở **giai đoạn cuối**.

Bắt đầu thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo

* Giai đoạn đầu **thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo**, hành-giả cần phải bắt đầu thực-hành **chánh-niệm**: **Niệm-thân, niệm-thọ, niệm-tâm, niệm-pháp**, đó là thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ**.

Thật vậy, trong kinh *Rahogatasutta*⁽¹⁾ Ngài Trưởng-lão Anuruddha từng tư duy rằng:

“Hành-giả nào chán nản thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ**, hành-giả ấy gọi là người chán nản thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo, nên không thể dẫn đến sự giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi.

“Hành-giả nào có tinh-tấn thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ**, hành-giả ấy gọi là người có tinh-tấn thực-hành pháp-hành bát-chánh-đạo, nên có thể dẫn đến sự giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi, ...”

Như vậy, **chánh-niệm** đó là **pháp-hành tứ-niệm-xứ** là pháp-hành phần đầu dẫn đến pháp-hành cuối cùng là **Thánh-đạo** hợp đủ 8 chánh: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định đồng sinh trong 4 **Thánh-đạo-tâm**, 4 **Thánh-quả-tâm** có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Trong Chú-giải kinh *Mahāsatiṭṭhānasuttavaṇṇanā* giảng giải rằng: “*Pubbabhāgasatiṭṭhānamaggo*” **tứ-niệm-xứ** là pháp-hành bát-chánh-đạo phần đầu.

Pháp-hành trung-đạo là pháp-hành tứ-niệm-xứ

Trong Chi-bộ-kinh, phần 3 chi pháp, Đức-Phật thuyết giảng về 3 pháp-hành (*paṭipadā*):

- 1- *Āgāḷhā paṭipadā*: Pháp-hành hưởng lạc cực đoan.
- 2- *Nijjhāmāpaṭipadā*: Pháp-hành khổ hạnh cực đoan.
- 3- *Majjhimāpaṭipadā*: Pháp-hành trung-đạo.

Đức-Phật thuyết giảng về pháp-hành trung-đạo rằng:

- *Này chư tỳ-khuru!* Pháp-hành trung-đạo là thế nào?

¹ *Saṃyuttanikāya*, bộ, *Mahāvaggapāḷi*, kinh *Rahogatasutta*.

- *Này chư tỳ-khuru! Trong Phật-giáo này, tỳ-khuru:*

1- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **toàn thân** trong phần **thân-niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

2- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **các thọ** trong phần **thọ-niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

3- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **tâm** trong phần **tâm-niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

4- Là hành-giả có tâm tinh-tấn không ngừng, có chánh-niệm trực nhận, có trí-tuệ tỉnh-giác trực giác thấy rõ, biết rõ **các pháp** trong phần **pháp-niệm-xứ**, để diệt **tham-tâm** hài lòng, và diệt **sân-tâm** không hài lòng trong ngũ-uẩn chấp-thủ này.

Như vậy, **pháp-hành trung-đạo** phần đầu chính là **pháp-hành tứ-niệm-xứ** hoặc **pháp-hành thiên-tuệ**, và phần cuối là **pháp-hành bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh đồng sinh trong 4 **Thánh-đạo-tâm**, 4 **Thánh-quả-tâm** có đối-tượng **Niết-bàn siêu-tam-giới**.

Pháp-hành trung-đạo có 2 giai đoạn:

1- *Giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo.*

2- *Giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo.*

Pháp-hành trung-đạo là pháp-hành diệt **tham-tâm** hài lòng (*abhijjhā*) và diệt **sân-tâm** không hài lòng

(*domanassa*) đồng thời cũng diệt **si-tâm** si mê không thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, để cho *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh theo tuần tự từ *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* gồm có 16 loại *trí-tuệ thiên-tuệ*.

1- **Giai đoạn đầu** của pháp-hành trung-đạo là hành-giả thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ để phát sinh trí-tuệ từ **trí-tuệ thứ nhất** gọi là *nāmarūpaparicchedañña*: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, và các trí-tuệ thiên-tuệ tuần tự phát sinh cho đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** gọi là *gotrabhuñña*: Trí-tuệ thiên-tuệ chuyển tánh từ dòng phàm-nhân sang dòng Thánh-nhân. Trí-tuệ thiên-tuệ này có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, song tâm vẫn còn đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ.

Đó là giai đoạn đầu của pháp-hành trung-đạo.

2- **Giai đoạn cuối** của pháp-hành trung-đạo là hành-giả đã chứng đắc đến trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là **Maggañña**: **Thánh-đạo-tuệ** đồng sinh với Thánh-đạo-tâm và trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 gọi là **Phalañña**: **Thánh-quả-tuệ** đồng sinh với Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

4 **Thánh-đạo-tâm**, 4 **Thánh-quả-tâm** có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới. Khi ấy, chắc chắn có **bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định đồng sinh với 4 **Thánh-đạo-tâm**, 4 **Thánh-quả-tâm** ấy.

Đó là giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo.

Thực-hành pháp-hành trung-đạo

Pháp-hành trung-đạo (*majjhimāpaṭipadā*) là pháp-hành mà hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu, hiểu biết các *đối-tượng tứ-niệm-xứ* là *thân, thọ, tâm, pháp* hoặc *đối-tượng thiên-tuệ* là *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* một cách rành rẽ.

Khi thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, hành-giả có *đại-thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* đặt **trung dung** trong các *đối-tượng tứ-niệm-xứ thân, thọ, tâm, pháp* hoặc *đối-tượng thiên-tuệ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*, không thiên vị *đối-tượng* nào nghĩa là không coi trọng *đối-tượng* này, cũng không coi khinh *đối-tượng* khác, nên hành-giả có khả năng diệt được **tham-tâm** hài lòng (*abhijjhā*) và diệt **sân-tâm** không hài lòng (*domanassa*) trong *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp* ấy.

Như vậy, hành-giả thực-hành đúng theo *pháp-hành trung-đạo*.

* **Thực-hành không đúng theo pháp-hành trung-đạo như thế nào?**

Số hành-giả không thường gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, không học hỏi, nghiên cứu, không hiểu rõ *thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới* đều có **sự sinh, sự diệt**, đều có **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*.

Hành-giả không hiểu biết rõ *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới* đều là **khổ đế**, là *pháp mà trí-tuệ-hành* có *phận sự nên biết* (*pariññeyya*) **khổ đế** với *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới*.

Do chưa hiểu biết rõ *thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới* như vậy, nên khi thực-

hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, hành-giả coi trọng *đối-tượng sắc-pháp*, danh-pháp này, coi khinh *đối-tượng sắc-pháp*, danh-pháp kia, có tâm thiên vị trong *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc *đối-tượng thiên-tuệ*.

Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, không đặt **tâm trung dung** trong tất cả mọi *đối-tượng sắc-pháp*, mọi *đối-tượng danh-pháp tam-giới*, nên khi thì **tham-tâm** hài lòng phát sinh nơi *đối-tượng sắc-pháp*, danh-pháp này, khi thì **sân-tâm** không hài lòng phát sinh nơi *đối-tượng sắc-pháp*, danh-pháp kia.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, không diệt được **tham-tâm** hài lòng và **sân-tâm** không hài lòng nơi *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc *đối-tượng thiên-tuệ*.

Cho nên, hành-giả thực-hành không đúng theo *pháp-hành trung-đạo*.

Hơn nữa, khi có **tham-tâm** hoặc **sân-tâm** phát sinh, ắt có **si tâm-sở** đồng sinh với **tham-tâm**, **sân-tâm** ấy, nên che phủ thật-tánh của *sắc-pháp*, của *danh-pháp*, không thể chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.

Ví dụ: Hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* có **sắc-ngôi** đó là **tư thể ngôi**, **dáng ngôi** thuộc về *sắc-pháp phát sinh do tâm*, làm *đối-tượng thiên-tuệ*.

- Nếu hành-giả coi trọng *đối-tượng sắc-ngôi* thì **tham-tâm** hài lòng nơi *sắc-ngôi* ấy phát sinh. **Tham-tâm** phát sinh có 19 hoặc 21 **tâm-sở chắc chắn** có **si tâm-sở** đồng sinh với **tham-tâm** ấy làm che phủ thật-tánh của *sắc-ngôi* thuộc về *sắc-pháp* ấy.

- Khi có **phóng-tâm** phát sinh (nghĩ đến chuyện khác), nên tâm buông bỏ *đối-tượng sắc-ngôi* ấy, nếu hành-giả coi khinh **phóng-tâm tâm-sở** (*uddhaccacetāsika*) thuộc

về **danh-pháp** thì **sân-tâm** không hài lòng phát sinh, bởi vì **phóng-tâm phát sinh** làm mất **đối-tượng sắc-ngôi** ấy. **Sân-tâm phát sinh** có 20 hoặc 22 **tâm-sở**, **chắc chắn** có **si tâm-sở** đồng sinh với **sân-tâm** ấy làm che phủ thật-tánh của **danh-pháp phóng-tâm tâm-sở** ấy.

Như vậy, hành-giả thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** hoặc **pháp-hành thiên-tuệ** có **đối-tượng sắc-ngôi**, không diệt được **tham-tâm** hài lòng trong **đối-tượng sắc-ngôi** và cũng không diệt được **sân-tâm** không hài lòng trong **đối-tượng danh-pháp phóng-tâm**, trong khi đang thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** với **đối-tượng sắc-ngôi** ấy.

Cho nên, hành-giả thực-hành **không đúng theo pháp-hành trung-đạo**.

*** Thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo như thế nào?**

Số hành-giả thường gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, thường học hỏi, nghiên cứu, hiểu biết rõ **thật-tánh tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới** đều là **pháp-vô-ngã**. **Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới** đều có **sự sinh, sự diệt**, đều có **3 trạng-thái-chung**: **Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã**.

Hành-giả hiểu biết rõ **tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới** đều là **khổ đế**, là **pháp** mà **trí-tuệ-hành** có **phận sự nên biết (pariññeyya)** **khổ đế** với **trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới**.

Do nhờ có **yonisomanasikāra** trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái của **tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp tam-giới** như vậy, nên khi thực-hành **pháp-hành tứ-niệm-xứ** hoặc **pháp-hành thiên-tuệ**, hành-giả **không coi trọng đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp** này, cũng không coi khinh **đối-**

tượng sắc-pháp, danh-pháp kia, hành-giả không có tâm thiên vị trong các đối-tượng tứ-niệm-xứ thân, thọ, tâm, pháp hoặc đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ*, đặt **tâm trung-dung** trong tất cả mọi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, nên **tham-tâm** hài lòng không phát sinh nơi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp này, và **sân-tâm** không hài lòng cũng không phát sinh nơi đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp kia.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* đúng theo **pháp-hành trung-đạo**, nên diệt được **tham-tâm** hài lòng và **sân-tâm** không hài lòng nơi các đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc các đối-tượng thiên-tuệ.

Cho nên, hành-giả thực-hành đúng theo *pháp-hành trung-đạo*.

Ví dụ: Hành-giả đang thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* có **sắc-ngôi** đó là *tư thể ngôi, dáng ngôi* thuộc về sắc-pháp phát sinh do tâm, làm đối-tượng thiên-tuệ.

- Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, không coi trọng đối-tượng **sắc-ngôi**, nên **tham-tâm** hài lòng nơi đối-tượng sắc-ngôi ấy không phát sinh, chỉ có trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ thật-tánh của sắc-ngôi thuộc về **sắc-pháp** ấy mà thôi.

- Nếu khi có **phóng-tâm** phát sinh (nghĩ đến chuyện khác), làm cho tâm buông bỏ đối-tượng sắc-ngôi ấy thì hành-giả không coi khinh **phóng-tâm tâm-sở** (*uddhaccetasika*) thuộc về **danh-pháp**, nên **sân-tâm** không hài lòng không phát sinh, chỉ có trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ thật-tánh của **phóng-tâm tâm-sở** thuộc về **danh-pháp** mà thôi.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp*

hành thiên-tuệ diệt được **tham-tâm** hài lòng và diệt được **sân-tâm** không hài lòng nơi các đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiên-tuệ ấy.

Cho nên, hành-giả thực-hành **đúng theo pháp-hành trung-đạo** do biết đặt **tâm trung-dung** trong tất cả mọi đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc tất cả mọi đối-tượng thiên-tuệ, không coi trọng đối-tượng thiên-tuệ này, cũng không coi khinh đối-tượng thiên-tuệ kia, bởi vì hành-giả hiểu biết rõ thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới đều có **sự sinh, sự diệt**, đều có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, không hơn không kém, đều có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Sở dĩ, hành-giả thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo là vì có **yonisomanasikāra** hỗ trợ hiểu biết trong tâm với trí-tuệ hiểu biết đúng 4 trạng-thái: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, trạng-thái bất-tịnh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới.

Thật vậy, * **sắc-ngôi** là đối-tượng trong tứ-oai-nghi trong phần thân-niệm-xứ thuộc về **sắc-pháp** phát sinh do tâm có **sự sinh, sự diệt**, có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

* **Phóng-tâm** đó là phóng-tâm tâm-sở (*uddhaccetasika*) là đối-tượng trong 5 pháp-chướng-ngại trong phần pháp-niệm-xứ thuộc về **danh-pháp** cũng có **sự sinh, sự diệt**, cũng có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, cũng có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Dù *đối-tượng sắc-ngôi* thuộc về *sắc-pháp* hoặc dù *đối-tượng phóng-tâm tâm-sở* thuộc về *danh-pháp* thì *tâm* của hành-giả vẫn có *chánh-niệm* trực nhận *đối-tượng* ấy, có *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ thật-tánh của *đối-tượng sắc-ngôi* thuộc về *sắc-pháp* hoặc của *đối-tượng phóng-tâm tâm-sở* thuộc về *danh-pháp* ấy *một cách trung-dung*, không hơn không kém, không coi trọng *đối-tượng sắc-ngôi*, cũng không coi khinh *đối-tượng phóng-tâm*.

Khi *phóng-tâm diệt*, hành-giả có *chánh-niệm* trực nhận *đối-tượng sắc-ngôi* cũ, có *trí-tuệ tỉnh-giác* trực giác thấy rõ, biết rõ trở lại *đối-tượng sắc-ngôi cũ* như trước.

Như vậy, hành-giả *thực-hành đúng theo pháp-hành trung-đạo*.

Khi hành-giả thực-hành *pháp-hành tứ-niệm-xứ* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* trong *giai đoạn đầu đúng theo pháp-hành trung-đạo*, nhờ không thiên về 2 pháp cực đoan là *tham-tâm* và *sân-tâm*, nên *diệt được tham-tâm* hài lòng nơi các *đối-tượng tứ-niệm-xứ* và *diệt được sân-tâm* không hài lòng nơi các *đối-tượng tứ-niệm-xứ*, đồng thời *diệt được si tâm-sở* nơi tất cả mọi *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc tất cả mọi *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp*, nên *trí-tuệ thiên-tuệ* tiến triển từ *trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới*, chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả* và *Niết-bàn*.

Khi chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*. Khi ấy, *bát-chánh-đạo hợp đủ 8 chánh* là *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm*.

Đó là *giai đoạn cuối của pháp-hành trung-đạo*.

Pháp-Hành Giới-Định-Tuệ

Trong Phật-giáo có 3 pháp-hành chính là:

- *Pháp-hành giới.*
- *Pháp-hành thiên-định.*
- *Pháp-hành thiên-tuệ*

Ba pháp-hành này có 2 bậc:

- *Ba pháp-hành thuộc về tam-giới.*
- *Ba pháp-hành thuộc về siêu-tam-giới.*

1- Ba pháp-hành thuộc về tam-giới thực-hành thế nào?

Pháp-hành giới, pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ thuộc về tam-giới, hành-giả cần phải thực-hành theo tuần tự trước sau: Pháp-hành giới, pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ.

* **Pháp-hành giới** là pháp-hành mà hành-giả cần phải thực-hành ở **giai đoạn đầu**, hành-giả thực-hành pháp-hành giới, có *tác-ý (cetanā)* trong *đại-thiện-tâm* giữ gìn giới của mình cho trong sạch và trọn vẹn, tránh xa mọi ác-nghiệp do thân và khẩu.

Tránh xa thân hành-ác có 3 loại:

- *Tránh xa sự sát sinh.*
- *Tránh xa sự trộm cắp.*
- *Tránh xa sự tà dâm.*

Tránh xa khẩu hành-ác có 4 loại:

- *Tránh xa sự nói-dối.*
- *Tránh xa sự nói lời chia rẽ.*
- *Tránh xa sự nói lời thô tục.*
- *Tránh xa sự nói lời vô ích.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành giới, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, đó là điều dễ dàng đối với người thiện biết hô-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi. Cho nên, tất cả mọi người đều nên giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, bởi vì giữ gìn giới là trong khả năng bình thường của mỗi người.

Người nào có giới trong sạch trọn vẹn, sau khi người ấy chết, đại-thiện-nghiệp giữ giới có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện dục-giới là cõi người, 6 cõi trời dục-giới, hưởng sự an-lạc trong cõi-giới ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, rồi tái-sinh kiếp sau cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của người ấy.

Người có giới trong sạch trọn vẹn làm nền tảng làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiên-định* và *pháp-hành thiên-tuệ* được phát triển và tăng trưởng.

* ***Pháp-hành thiên-định*** là pháp-hành mà hành-giả thực-hành ở ***giai đoạn giữa***. Hành-giả thuộc về hạng *người tam-nhân (tīhetukapugala)* có giới của mình được trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, để thực-hành *pháp-hành thiên-định*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-định với đề-mục thiên-định có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm như sau:

Năm bậc thiên sắc-giới thiện-tâm

1- *Đệ nhất thiên sắc-giới thiện-tâm* có 5 chi thiên là *hướng-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được 5 pháp chướng-ngại.

2- *Đệ nhị thiên sắc-giới thiện-tâm* có 4 chi thiên là *quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được chi thiên *hướng-tâm*.

3- *Đệ tam thiên sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi thiên là *hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được chi thiên *quan-sát*.

4- *Đệ tứ thiên sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi thiên là *lạc, nhất-tâm* do chế ngự được chi thiên *hỷ*.

5- *Đệ ngũ thiên sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi thiên là *xả, nhất-tâm* do thay thế chi thiên *lạc* bằng chi thiên *xả*.

Đó là *sắc-giới thiện-tâm* có 5 bậc thiên đối với hành-giả thuộc về hạng *người mandapuggala* có trí-tuệ chậm.

Bốn bậc thiên sắc-giới thiện-tâm

Đối với hành-giả thuộc về hạng *người tikkhapuggala* có trí-tuệ sắc bén nhanh nhạy, thì thiên sắc-giới thiện-tâm chỉ có 4 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm mà thôi.

1- *Đệ nhất thiên sắc-giới thiện-tâm* có 5 chi thiên là *hương-tâm, quan-sát, hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được 5 pháp chương-ngại.

2- *Đệ nhị thiên sắc-giới thiện-tâm* có 3 chi thiên là *hỷ, lạc, nhất-tâm* do chế ngự được 2 chi thiên *hương-tâm* và *quan-sát*.

3- *Đệ tam thiên sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi thiên là *lạc, nhất-tâm* do chế ngự được chi thiên *hỷ*.

4- *Đệ tứ thiên sắc-giới thiện-tâm* có 2 chi thiên là *xả, nhất-tâm* do thay thế được chi thiên *lạc* bằng chi thiên *xả*.

Bốn bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm

Hành-giả sau khi đã chứng đắc được 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, rồi tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-định, để chứng đắc 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm.

Thiên vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc mà mỗi bậc thiên có mỗi đề-mục thiên-định riêng biệt dẫn đến chứng đắc bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm ấy như sau:

1- *Đệ nhất thiên vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *không-vô-biên-xứ-thiên thiện-tâm* có 2 chi thiên là *xả, nhất-tâm*.

2- *Đệ nhị thiên vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *thức-vô-biên-xứ-thiên thiện-tâm* có 2 chi thiên là *xả, nhất-tâm*.

3- *Đệ tam thiên vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *vô-sở-hữu-xứ-thiên thiện-tâm* có 2 chi thiên là *xả, nhất-tâm*.

4- *Đệ tứ thiên vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên thiện-tâm* có 2 chi thiên là *xả, nhất-tâm*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-định, có khả năng chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, đặc biệt chứng đắc 5 phép thần-thông thể-gian.⁽¹⁾

Hành-giả nào có khả năng chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm.

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn chỉ có *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong *đệ tứ thiên vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là *phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên thiện-tâm* có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có *phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên quả-tâm* gọi là *paṭisandhicitta*: *Vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* làm phạm sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là *phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên*.

Vị phạm-thiên ở trong cõi vô-sắc-giới tột đỉnh này, có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất, vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ, chuyển kiếp (chết), dục-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau xuống cõi-thiên dục-giới.

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IX: *Pháp-Hành Thiên-Định*, cùng soạn giả.

- Thiện-nghiệp trong 5 *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* và 3 *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* bậc thấp đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Hành-giả đã chứng đắc 5 *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm* và 4 *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* có thể làm nền tảng, làm **đối-tượng thiền-tuệ**, để thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đặc biệt hỗ trợ cho bậc *Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tướng (nirodhasamāpatti)* hưởng pháp-vị an-lạc suốt 7 ngày đêm.

* **Pháp-hành thiền-tuệ** thuộc về **phần cuối** sau pháp-hành thiền-định.

Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. Hành-giả nào thuộc về hạng người *tam-nhân (tīhetukapugala)* đã từng thực-hành 10 pháp-hành ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ đầy đủ được tích-lũy ở trong **tâm**.

Kiếp hiện-tại, hành-giả ấy là người có giới trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, có phước-duyên đến hầu đánh lễ Đức-Phật, hoặc chư Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có ý nguyện thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

Hành-giả ấy thực-hành *pháp-hành thiền-tuệ* có *đối-tượng thiền-tuệ* là *sắc-pháp* hoặc *danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thiền-tuệ* theo tuần tự từ *trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới* cho đến *trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới* trải qua 16 loại *trí-tuệ thiền-tuệ* như sau:

- **Trí-tuệ thứ nhất** gọi là *nāmarūpaparicchedañāna*: *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh* của mỗi *sắc-pháp*, mỗi *danh-pháp tam-giới* là **pháp-vô-ngã (anattā)** nghĩa là *không phải là ta, không phải là người, không phải là đàn ông, đàn bà, ... tiếp theo:*

- **Trí-tuệ thứ nhì** gọi là *nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ ba** gọi là *sammasanañāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** gọi là *uddayabbayānupasanāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại. Tiếp theo tuần tự cho đến:

- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 12** gọi là *saccānulomañāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiên-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiya-dhamma phần sau.

* Từ **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañāṇa* cho đến **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* còn thuộc về **trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới** (*lokiyavipassanā*), bởi vì **tâm** vẫn còn là **đại-thiện-tâm** hợp với trí-tuệ và **đối-tượng thiên-tuệ** vẫn còn là **sắc-pháp, danh-pháp tam-giới sinh rồi diệt**, có 3 trạng-thái chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, liền tiếp theo:

- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ có đối-tượng Niết-bàn, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phạm-nhân lên bậc Thánh-nhân, ...

Như vậy, **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* đặc biệt này tuy **tâm** vẫn còn là **đại-thiện-tâm** hợp với trí-tuệ

nhưng có **đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới**, liền tiếp theo **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới** chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, đó là 2 trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới là:

- **Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** gọi là *Maggañāṇa*: Thánh-đạo-tuệ trong 4 Thánh-đạo-tâm có khả năng diệt tận được tham-ái, phiền-não, ... liền tiếp theo:

- **Trí-tuệ-thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** gọi là *Phalañāṇa*: Thánh-quả-tuệ trong 4 Thánh-quả-tâm có khả năng làm an tịnh được tham-ái, phiền-não, ... mà 4 Thánh-đạo-tuệ đã diệt tận được, trở thành 4 bậc Thánh-nhân, liền tiếp theo các lộ-trình-tâm gọi là:

- **Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 16** gọi là *paccavekkhaṇāñāṇa*: Trí-tuệ làm phát sinh quán triệt 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, phiền-não đã diệt tận được, phiền-não còn lại chưa diệt tận được.

Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ có 4 bậc:

- Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (*Sotāpattimaggañāṇa*).
- Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ (*Sakadāgāmimaggañāṇa*).
- Bất-lai Thánh-đạo-tuệ (*Anāgāmimaggañāṇa*).
- A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ (*Arahattamaggañāṇa*).

Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ có 4 bậc:

- Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ (*Sotāpattiphalañāṇa*).
- Nhất-lai Thánh-quả-tuệ (*Sakadāgāmiphalañāṇa*).
- Bất-lai Thánh-quả-tuệ (*Anāgāmiphalañāṇa*).
- A-ra-hán Thánh-quả-tuệ (*Arahattaphalañāṇa*).

Maggacitta: Thánh-đạo-tâm có 4 bậc:

- Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (*Sotāpattimaggacitta*).
- Nhất-lai Thánh-đạo-tâm (*Sakadāgāmimaggacitta*).
- Bất-lai Thánh-đạo-tâm (*Anāgāmimaggacitta*).
- A-ra-hán Thánh-đạo-tâm (*Arahattamaggacitta*).

Phalacitta: Thánh-quả-tâm có 4 bậc:

- *Nhập-lưu Thánh-quả-tâm (Sotāpattiphalacitta).*
- *Nhất-lai Thánh-quả-tâm (Sakadāgāmphalacitta).*
- *Bất-lai Thánh-quả-tâm (Anāgāmphalacitta).*
- *A-ra-hán Thánh-quả-tâm (Arahattaphalacitta).*

Ariyapuggala: Bậc Thánh-nhân có 4 bậc:

- *Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).*
- *Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmī).*
- *Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmī).*
- *Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).*

* **Ba pháp-hành:** *Pháp-hành giới, pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiên-tuệ* thuộc về tam-giới, hành-giả cần phải thực-hành theo tuần tự trước sau, bởi vì *pháp-hành giới* làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiên-tuệ*; *pháp-hành thiền-định* làm nơi nương nhờ cho *pháp-hành thiên-tuệ*.

Thật vậy, trong bộ *Visuddhimagga (Thanh-Tịnh-Đạo)* giảng giải 7 **pháp visuddhi (thanh-tịnh)** theo tuần tự từ tam-giới cho đến siêu-tam-giới như sau:

1- **Sīlavisuddhi:** *Giới-thanh-tịnh* thuộc về **pháp-hành giới thanh-tịnh**.

Hành-giả có tác-ý (*cetanā*) trong *đại-thiện-tâm* thực-hành giới, tránh xa 3 thân-hành-ác, 4 khẩu-hành-ác, giữ gìn giới của mình cho được hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh không bị tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nương nhờ nơi giới của mình, để làm nền tảng, làm nhân-duyên nương nhờ phát sinh **pháp-hành thiền-định thanh-tịnh**.

2- **Cittavisuddhi:** *Định-thanh-tịnh* thuộc về **pháp-hành thiền-định thanh-tịnh**.

Hành-giả thực-hành *pháp-hành thiền-định* dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên

vô-sắc-giới thiện-tâm không bị tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến nương nhờ nơi thiên-định, để làm nền tảng, làm nhân-duyên nương nhờ phát sinh **5 loại pháp-hành thiên-tuệ thanh-tịnh**.

3- **Diṭṭhivisuddhi**: Chánh-kiến thiên-tuệ thanh-tịnh thuộc về **pháp-hành thiên-tuệ thanh-tịnh thứ nhất**.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi **trí-tuệ thứ nhất** phát sinh gọi là **nāmarūpaparicchedañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), đều là **pháp-vô-ngã**, nên **diệt-từng-thời** (tadaṅgappahāna) được **tà-kiến theo chấp ngã** (attānudiṭṭhi), nên hành-giả đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **diṭṭhivisuddhi**: Chánh-kiến thiên-tuệ-thanh-tịnh thuộc về pháp-hành thiên-tuệ thanh-tịnh thứ nhất của pháp-hành thiên-tuệ.

4- **Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: Thoát-ly hoài-nghi-thanh-tịnh.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi **trí-tuệ thứ nhì** phát sinh gọi là **nāmarūpapaccayapariggahañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình với **paccakkhañāṇa**: Trí-tuệ trực tiếp thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp **bên trong của mình** (ajjhatta) như thế nào, và với **anumāṇañāṇa**: Trí-tuệ gián tiếp thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp **bên ngoài mình** (bahiddhā) của người khác, của chúng-sinh khác, thậm chí tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong quá-khứ, hiện-tại, vị-lai cũng như thế ấy.

Khi hành-giả có trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccaya-pariggahañāṇa này **diệt-từng-thời** (tadaṅgappahāna)

được **tâm hoại-nghi** (*vicikicchā*) về sự-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, nên hành-giả đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kañkhāvitaraṇavisuddhi**: Thoát-ly hoại-nghi-thanh-tịnh thuộc về pháp-hành thiên-tuệ thanh-tịnh thứ nhì của pháp-hành thiên-tuệ.

5- **Maggāmaggañānadassanavisuddhi**: Đạo-phi-đạo tri-kiến-thanh-tịnh:

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** phát sinh gọi là **udayabbayānupassanā-nāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp ngay hiện-tại, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **3 pháp-đảo-điên** là tướng-đảo-điên, tâm-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên sai lầm nơi sắc-pháp, danh-pháp cho là **thường, lạc, ngã, tịnh**.

Hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ sáng suốt nhận thức, phân biệt rõ ràng: “10 loại pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ (*vipassanupakkilesa*) là **phi-đạo** không dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế. Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, đó là **chánh-đạo** dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, nên hành-giả đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5** gọi là **maggāmaggañānadassanavisuddhi**: Đạo-phi-đạo tri-kiến-thanh-tịnh thuộc về pháp-hành thiên-tuệ thanh-tịnh thứ 3 của pháp-hành thiên-tuệ.

6- **Paṭipadāñānadassanavisuddhi**: Pháp-hành tri-kiến-thanh-tịnh:

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có 9 loại trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh theo tuần tự từ trí-tuệ thiên-tuệ

thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa đến trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 saccānulomikañāṇa như sau:

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, sau khi đã thoát khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ (vipassanupakkilesa), để tiến triển lên trí-tuệ thiên-tuệ bậc cao.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ đặc biệt **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại thật đáng kinh sợ.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại đầy tội chướng.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại thật đáng nhàm chán.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại thật đáng nhàm chán, nên chỉ muốn giải thoát khổ mà thôi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, một cách rõ ràng, để lựa chọn con đường giải thoát khổ của sắc-pháp, của danh-pháp.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại là **pháp-vô-ngã**, nên trí-tuệ thiên-tuệ đặt **trung-dung** giữa sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường, trạng-thái-khổ, trạng-thái vô-ngã làm đối-tượng, không có tham-tâm muốn sắc-pháp, danh-pháp, cũng không có tâm chán ghét sắc-pháp, danh-pháp, rồi lựa chọn 1 trong 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã dẫn đến giải thoát khổ của sắc-pháp, của danh-pháp.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiên-tuệ phần trước, và thuận dòng theo 37 pháp chứng đắc Thánh-đạo phần sau, để dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Theo tuần tự trải qua 9 loại trí-tuệ thiên-tuệ này, nên hành-giả đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 6** gọi là **paṭipadāññadassanavisuddhi**: Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh thuộc về pháp-hành thiên-tuệ thanh-tịnh thứ 4 của pháp-hành thiên-tuệ.

7- *Ñāṇadassanavisuddhi*: Tri-kiến thanh-tịnh

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** phát sinh gọi là **Maggāñāṇa**: Thánh-đạo-tuệ là trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với 4 Thánh-đạo tâm:

Thánh-đạo-tuệ có 4 bậc:

- 1- *Sotāpattimaggañāṇa*: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.
- 2- *Sakadāgāmi maggañāṇa*: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.
- 3- *Anāgāmi maggañāṇa*: Bất-lai Thánh-đạo-tuệ.
- 4- *Arahattamaggañāṇa*: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

Hành-giả chứng đắc 4 Thánh-đạo-tuệ này, nên bậc

Thánh-nhân đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 7** cuối cùng gọi là **ñānadassanavisuddhi**: Tri-kiến thanh-tịnh thuộc về pháp-hành thiền-tuệ thanh-tịnh thứ 5 của pháp-hành thiền-tuệ.

Phương-pháp thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

Trong bộ *Paṭisambhidāmaggapāḷi*, phần *Yuganaddhakathā* có 3 phương pháp thực-hành để chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn được tóm lược như sau:

1- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định trước, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ sau, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

2- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ trước, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, thực-hành pháp-hành thiền-định sau.

3- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-định và pháp-hành thiền-tuệ cả 2 đi đôi với nhau, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

2- Phân giới, phân thiền-định, phân thiền-tuệ thuộc về siêu-tam-giới như thế nào?

Trong **bát-chánh-đạo** hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định đó là **8 tâm-sở** đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, thuộc về **9 pháp siêu-tam-giới**.

Bát chánh đó là 8 tâm-sở:

- Chánh-kiến đó là trí-tuệ tâm-sở.
- Chánh-tư-duy đó là hướng-tâm tâm-sở.
- Chánh-ngữ đó là chánh-ngữ tâm-sở.
- Chánh-nghiệp đó là chánh-nghiệp tâm-sở.

- *Chánh-mạng* đó là *chánh-mạng tâm-sở*.
- *Chánh-tinh-tấn* đó là *tinh-tấn tâm-sở*.
- *Chánh-niệm* đó là *niệm tâm-sở*.
- *Chánh-định* đó là *nhất-tâm tâm-sở*.

Trong 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* có 36 tâm-sở đồng sinh với tâm, đồng diệt với tâm, đồng đối-tượng Niết-bàn với tâm, đồng nơi sinh với tâm.

Trong 36 tâm-sở ấy có 8 tâm-sở gọi là ***bát-chánh-đạo*** cùng với 28 tâm-sở khác đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Bát-chánh-đạo trong 4 *Thánh-đạo-tâm* thuộc về *pháp siêu-tam-giới* này gồm có ***phần giới, phần thiền-định, phần thiền-tuệ*** được phân chia như sau:

- *Chánh-kiến, chánh-tư-duy*, 2 chánh này thuộc về ***phần thiền-tuệ*** của ***bát-chánh-đạo*** trong 4 *Thánh-đạo-tâm*.

- *Chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng*, 3 chánh này thuộc về ***phần giới*** của ***bát-chánh-đạo*** trong 4 *Thánh-đạo-tâm*.

- *Chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định*, 3 chánh này thuộc về ***phần thiền-định*** của ***bát-chánh-đạo*** trong 4 *Thánh-đạo-tâm*.

Như vậy, ***phần thiền-tuệ, phần giới, phần thiền-định*** của ***bát-chánh-đạo*** đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* thuộc về siêu-tam-giới.

Trong ***bát-chánh-đạo*** là *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định*. Sở dĩ đặt ***chánh-kiến*** trước tiên là vì *chánh-kiến* đóng vai trò chính yếu trong sự chứng ngộ chân-lý từ *Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* và *Niết-bàn*.

Bát-chánh-đạo gồm có 8 chánh sắp đặt theo tuần tự trước sau còn có nghĩa là chánh trước hỗ trợ cho chánh sau theo tuần tự như sau:

Chánh-kiến hỗ trợ cho *chánh-tư-duy*; *chánh-tư-duy* hỗ trợ cho *chánh-ngữ*; *chánh-ngữ* hỗ trợ cho *chánh-nghiệp*; *chánh-nghiệp* hỗ trợ cho *chánh-mạng*; *chánh-mạng* hỗ trợ cho *chánh-tinh-tán*; *chánh-tinh-tán* hỗ trợ cho *chánh-niệm*; *chánh-niệm* hỗ trợ cho *chánh-định*.

Ví dụ: Một thang thuốc gồm có 8 vị thuốc, có vị thuốc chính trị bệnh, còn 7 vị thuốc kia phụ trợ. Khi bỏ thang thuốc có 8 vị thuốc vào siêu, đổ 3 chén nước sắc thuốc đun sôi cạn còn 8 phân. Trong chén thuốc 8 phân này có vị thuốc chính hoà lẫn 7 vị thuốc phụ kia, khi uống thuốc vào cùng một lúc, không thể phân biệt vị thuốc nào trước, vị thuốc nào sau.

Cũng như vậy, **bát-chánh-đạo** có 8 chánh là *chánh-kiến*, *chánh-tư-duy*, *chánh-ngữ*, *chánh-nghiệp*, *chánh-mạng*, *chánh-tinh-tán*, *chánh-niệm*, *chánh-định* gồm có phần thiên-tuệ, phần giới, phần thiên-định đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, đồng thời cùng một lúc không trước không sau thuộc về **pháp-thành Phật-giáo** (*paṭivedhadhamma*).

Tuy nhiên trong bát-chánh-đạo có 3 chánh là **chánh-ngữ**, **chánh-nghiệp**, **chánh-mạng** đó là 3 tâm-sở: *Chánh-ngữ tâm-sở*, *chánh-nghiệp tâm-sở*, *chánh-mạng tâm-sở* nếu đồng sinh với *đại-thiện-tâm* thì thuộc loại **aniyatayogī-cetasika**: *Bất-định tâm-sở* không chắc chắn, khi thì đồng sinh, khi thì không đồng sinh với 8 *đại-thiện-tâm*, và 3 tâm-sở này còn thuộc loại **nānākadācīcetasika**: *Bất-định tâm-sở riêng rẽ đồng sinh* với 8 *đại-thiện-tâm*, bởi vì mỗi tâm-sở này có mỗi đối-tượng khác nhau.

Nhưng nếu 3 tâm-sở: *Chánh-ngữ tâm-sở, chánh-nghiệp tâm-sở, chánh-mạng tâm-sở* đồng sinh với *siêu-tam-giới-tâm* thì thuộc loại ***niyata ekatocetasika***: Cố-định tâm-sở chắc chắn đồng sinh với nhau trong 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm* cùng có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Cho nên, ***bát-chánh-đạo*** gồm đủ 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm* và 4 *Thánh-quả-tâm* có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Trí-Tuệ Thiên-Tuệ Có 16 Loại

Pháp-hành thiên-tuệ là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, không có ngoài Phật-giáo.

Pháp-hành thiên-tuệ gồm có 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ được chia ra làm 2 loại:

- *Trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā).*
- *Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới (lokuttaravipassanā).*

1-Trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới có 14 loại trí-tuệ.

Trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới (lokiyavipassanā) gồm có 14 loại *trí-tuệ thiên-tuệ* đồng sinh với *đại-thiện-tâm hợp* với *trí-tuệ* có đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới, kể từ ***trí-tuệ thứ nhất*** gọi là *nāmarūpapariccheda-ñāṇa* theo tuần tự cho đến ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13*** gọi là *gotrabhuñāṇa* và ***trí-tuệ thứ 16*** gọi là *paccavekkhaṇa-ñāṇa* cuối cùng.

2- Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới có 2 loại trí-tuệ.

Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới (*lokuttaravipassanā*) gồm có 2 loại trí-tuệ là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** gọi là *magganāna* và **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** gọi là *phalañāna*.

- Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là *magganāna*: Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với 4 Thánh-đạo-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

- Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 gọi là *phalañāna*: Thánh-quả-tuệ đồng sinh với 4 Thánh-quả-tâm có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn gọi là **9 siêu-tam-giới-pháp** (*lokuttaradhamma*).

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, là hành-giả như thế nào?

* Hành-giả nào phải là **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*) có đủ 3 thiện-nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si (trí-tuệ) từ khi tái-sinh, đã từng thực-hành 10 pháp-hạnh ba-la-mật đầy đủ từ vô số kiếp quá-khứ đã được tích lũy ở trong **tâm** từ kiếp này đến kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài cho đến kiếp hiện-tại.

Kiếp hiện-tại hành-giả ấy là người có giới-hạnh trong sạch trọn vẹn, có duyên lành đến hầu đánh lễ Đức-Phật, hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, trở thành thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, có ý nguyện thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

Hành-giả ấy là người có giới hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh làm nền tảng, làm nơi nương nhờ, hiểu biết rõ

đối-tượng thiên-tuệ là tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (*paramatthadhamma*).

Khi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, hành-giả luôn luôn có **yonisomanasikāra** hỗ trợ cho chánh-niệm và trí-tuệ tỉnh-giác, thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** (*majjhimāpaṭipadā*), có khả năng làm cho trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh theo tuần tự từ **trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới** (*lokiyavipassanā*) cho đến **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới** (*lokuttaravipassanā*), gồm có 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ từ bậc thấp đến bậc cao như sau:

16 Loại Trí-Tuệ Thiên-Tuệ

1- Trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpaparicchedañāṇa*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có **chánh-niệm** trực nhận⁽¹⁾ ngay mỗi đối-tượng **thân** hoặc **thọ** hoặc **tâm** hoặc **pháp** hoặc **sắc-pháp** hoặc **danh-pháp** thuộc về chân-nghĩa-pháp, có **trí-tuệ tỉnh-giác** trực giác⁽²⁾ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi đối-tượng sắc-pháp hoặc mỗi đối-tượng danh-pháp ấy đều là **pháp-vô-ngã**, không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh, không phải vật này vật kia, v.v... mà chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi.

Trí-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ đúng **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp như vậy là **trí-tuệ thứ nhất** gọi là *nāmarūpaparicchedañāṇa*: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy là **pháp-vô-ngã**, thuộc về chân-nghĩa-pháp.

Nāmarūpaparicchedañāṇa gồm có 4 từ *nāma*, *rūpa*, *pariccheda*, *ñāṇa*:

¹ **Chánh-niệm** trực nhận ngay mỗi đối-tượng hiện-tại, không qua suy nghĩ.

² **Trí-tuệ tỉnh-giác** trực giác ngay mỗi đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp hiện-tại ấy không qua suy nghĩ, nên còn ở trong lĩnh vực của chân-nghĩa-pháp.

- *Nāma*: Danh-pháp đó là tâm với tâm-sở là đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ chỉ có 81 tam-giới-tâm (trừ 8 hoặc 40 siêu-tam-giới-tâm) và 52 tâm-sở.

- *rūpa*: Sắc-pháp là đối-tượng thiên-tuệ chỉ có 18 sắc-pháp thật rõ ràng (*nipphannarūpa*) mà thôi (trừ 10 sắc-pháp không rõ ràng (*anipphannarūpa*)).

- *pariccheda*: Phân biệt rõ.

- *ñāṇa*: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ.

Nāmarūpaparicchedañāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy là pháp-vô-ngã, thuộc về chân-nghĩa-pháp.

Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa này không chỉ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **đối-tượng** đúng theo **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp hoặc mỗi danh-pháp ấy mà còn thấy rõ, biết rõ **chủ-thể** đúng theo **thật-tánh** của **danh-pháp** (tâm) biết đối-tượng mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, bởi vì **đối-tượng** và **chủ thể** liên quan với nhau đều là **pháp-vô-ngã**, không phải ta, không phải người, không phải người nam, phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, v.v... mà chỉ là **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp mà thôi.

Trước đây, sự thật **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp bị màn **vô-minh** (*avijjā*) che phủ, nên không thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp ấy, lại còn **tà-kiến** theo **chấp ngã** (*attānuditṭhi*) thấy sai, chấp lầm nơi **sắc-pháp**, nơi **danh-pháp** cho là ta, ngã, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v...

Nay, hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** có đối-tượng **sắc-pháp** hoặc **danh-pháp** hiện-tại, thực-hành đúng theo **pháp-hành thiên-tuệ** nên **trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa** phát sinh thấy rõ, biết rõ

phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma):

- Danh-pháp chỉ là danh-pháp.
- Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp.
- Danh-pháp là một, sắc-pháp là một.
- Trong danh-pháp không có sắc-pháp.
- Trong sắc-pháp không có danh-pháp.
- Khi trí-tuệ thấy sắc-pháp nào thì cũng biết đến danh-pháp biết sắc-pháp ấy, bởi vì liên quan với nhau.
- Khi trí-tuệ thấy danh-pháp nào thì cũng biết đến sắc-pháp nơi phát sinh danh-pháp ấy, bởi vì liên quan với nhau.
- Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, không phải ngã (ta), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, cũng không phải vật này, vật kia, v.v... mà chỉ là **sắc-pháp, danh-pháp** mà thôi.

Khi ấy, diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) được **tà-kiến theo chấp ngã** (attānudiṭṭhi) hoặc **tà-kiến chấp thủ nơi ngũ-uẩn** (sakkāyadiṭṭhi) cả trong đối-tượng lẫn chủ thể, nên gọi là **chánh-kiến thiên-tuệ** (vipassanāsammādiṭṭhi), đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **diṭṭhivisuddhi**: **Chánh-kiến thanh-tịnh** là **pháp-thanh-tịnh thứ nhất** trong pháp-hành thiên-tuệ.

Ví dụ: Trước đó, ông A đi đường vào ban đêm có ánh sáng trăng lờ mờ, thấy **sợi dây ngoằn ngoèo** giống như con rắn nằm giữa đường, ông thấy **sai tưởng lầm** nơi sợi dây ngoằn ngoèo kia cho là **con rắn độc**, ông phát sinh tâm sợ hãi, nên tránh xa **con rắn độc ấy** mà đi.

Sau đó, ông A gặp được **bậc thiện-trí** giảng dạy cho ông biết sự thật đó là **sợi dây** không phải là **con rắn độc** như ông đã thấy sai, tưởng lầm. Bậc thiện trí trao cho

ông một cây đèn, dẫn ông trở lại chỗ sợi dây ngoằn ngoèo ấy. Ông A rọi đèn chiếu sáng đến sợi dây ngoằn ngoèo ấy, tận mắt thấy rõ đúng sự thật là *sợi dây ngoằn ngoèo* này chỉ là *sợi dây ngoằn ngoèo* mà thôi, không phải là **con rắn độc** như trước đó ông đã thấy sai, tưởng lầm, nên tâm của ông trở lại tự nhiên, không còn sợ hãi như trước nữa.

Qua ví dụ trên nên hiểu rằng:

- *Sợi dây* ám chỉ đến sắc-pháp, danh-pháp.

- *Thấy sai, tưởng lầm* nơi *sợi dây* cho là **con rắn độc**, nghĩa là thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-pháp, danh-pháp* cho là *ngã, ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v...*

- *Rọi đèn chiếu sáng, tận mắt thấy rõ sợi dây* chỉ là *sợi dây* mà thôi, nghĩa là *tri-tuệ thứ nhất* phát sinh thấy rõ, biết rõ **cả đối-tượng lẫn chủ thể** liên quan với nhau đúng theo **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp đều là **pháp-vô-ngã**, không phải *ngã (ta), không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh* nào cả, cũng không phải *vật này, vật kia, v.v...* chỉ là *sắc-pháp, danh-pháp* mà thôi.

Attānudiṭṭhi: Tà-kiến theo chấp-ngã

- Đối với hạng *phàm nhân* không gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, không có cơ hội học hỏi, nghiên cứu về môn *Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa (Abhidhammatthasaṅgaha)*, nên có *tà-kiến theo chấp ngã (attānudiṭṭhi)* hoặc *tà-kiến chấp thủ* nơi *ngũ-uẩn (sakkāyadiṭṭhi)*, thấy sai chấp lầm nơi *danh-pháp, nơi sắc-pháp* cho là **ta** như sau:

- Khi *nhãn-thức-tâm* làm phân sự *thấy đối-tượng sắc*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *nhãn-thức-tâm* cho là **ta thấy**.

- Khi *nhĩ-thức-tâm* làm phạm sự *nghe đối-tượng thanh*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *nhĩ-thức-tâm* cho là *ta nghe*.

- Khi *tỷ-thức-tâm* làm phạm sự *ngửi đối-tượng hương*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *tỷ-thức-tâm* cho là *ta ngửi*.

- Khi *thiệt-thức-tâm* làm phạm sự *ném đối-tượng vị*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *thiệt-thức-tâm* cho là *ta ném*.

- Khi *thân-thức-tâm* làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *thân-thức-tâm* cho là *ta xúc giác*.

- Khi *ý-thức-tâm* làm phạm sự *biết đối-tượng pháp*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *ý-thức-tâm* cho là *ta biết*.

- Khi *thân đi* hoặc *sắc-đi*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-đi* cho là *ta đi*.

- Khi *thân đứng* hoặc *sắc-đứng*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-đứng* cho là *ta đứng*.

- Khi *thân ngồi* hoặc *sắc-ngồi*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-ngồi* cho là *ta ngồi*.

- Khi *thân nằm* hoặc *sắc-nằm*, thì **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *sắc-nằm* cho là *ta nằm*, v.v...

Do **tà-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi *danh-pháp*, nơi *sắc-pháp* ấy cho là *ta*, *người*, *người nam*, *người nữ*, *chúng-sinh*, *vật này*, *vật kia*, v.v... ” làm nhân-duyên phát sinh mọi phiền-não.

Đitthivisuddhi: Chánh-kiến-thanh-tịnh

Đối với *thiện-trí phàm-nhân* thường gần gũi thân cận với bậc *thiện-trí* trong Phật-giáo, có cơ hội học hỏi, nghiên cứu về môn **Vi-diệu-pháp yếu-nghĩa** (*Abhidham-*

matthasaṅgaha), học hỏi nghiên cứu, hiểu biết về *tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* đều là *pháp-vô-ngã (anattā)*, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi ***trí-tuệ thứ nhất*** phát sinh gọi là ***nāmarūpaparicchedañāṇa***: *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ đối-tượng đúng theo thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, và chủ thể (tâm) liên quan biết đến đối-tượng mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo thật-tánh đều là pháp-vô-ngã (anattā), không phải ta, không phải người, không phải người nam, không phải người nữ, không phải chúng-sinh nào cả, cũng không phải vật này, vật kia, v.v... chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi, nên diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) được tà-kiến chấp thủ nơi ngũ-uẩn (sakkāyadiṭṭhi) cả trong đối-tượng lẫn chủ-thể liên quan với nhau, nên gọi là chánh-kiến thiền-tuệ (vipassanāsammādiṭṭhi) như sau:*

- Khi *nhãn-thức-tâm* làm phạm sự *thấy đối-tượng sắc*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *nhãn-thức-tâm thấy*.

- Khi *nhĩ-thức-tâm* làm phạm sự *nghe đối-tượng thanh*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *nhĩ-thức-tâm nghe*.

- Khi *tỷ-thức-tâm* làm phạm sự *ngửi đối-tượng hương*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *tỷ-thức-tâm ngửi*.

- Khi *thiệt-thức-tâm* làm phạm sự *ném đối-tượng vị*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *thiệt-thức-tâm ném*.

- Khi *thân-thức-tâm* làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *thân-thức-tâm xúc-giác*.

- Khi *ý-thức-tâm* làm phạm sự *biết đối-tượng pháp*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng là *ý-thức-tâm biết*.

- Khi *thân đi hoặc sắc-đi*, thì ***chánh-kiến*** thấy đúng theo thật-tánh của sắc-pháp là *sắc-đi*.

- Khi *thân đứng* hoặc *sắc-đứng*, thì **chánh-kiến** thấy đúng theo thật-tánh của sắc-pháp là *sắc-đứng*.

- Khi *thân ngồi* hoặc *sắc-ngồi*, thì **chánh-kiến** thấy đúng theo thật-tánh của sắc-pháp là *sắc-ngồi*.

- Khi *thân nằm* hoặc *sắc-nằm*, thì **chánh-kiến** thấy đúng theo thật-tánh của sắc-pháp là *sắc-nằm*, v.v...

Do **chánh-kiến** thấy đúng theo thật-tánh của danh-pháp, của sắc-pháp là:

- *Danh-pháp chỉ là danh-pháp mà thôi.*

- *Sắc-pháp chỉ là sắc-pháp mà thôi.*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến phát sinh *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañña*: *Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ấy là pháp-vô-ngã*, nên không thấy sai, chấp lầm nơi sắc-pháp, nơi danh-pháp ấy cho là ta, người, người nam, người nữ, chúng-sinh, vật này, vật kia, v.v..." làm nhân-duyên phát sinh các trí-tuệ thiên-tuệ tiếp theo.

Cho nên, *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañña* này thấy đúng, biết đúng theo thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo sự thật *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*, nên gọi là **chánh-kiến thiên-tuệ (vipassanāsammādiṭṭhi)**, đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **diṭṭhivissuddhi**: **Chánh-kiến thanh-tịnh**, là **pháp thanh tịnh thứ nhất của pháp-hành thiên-tuệ**.

Vai trò của trí-tuệ thứ nhất

Trong 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ, **trí-tuệ thứ nhất** gọi là *nāmarūpaparicchedañña* có vai trò tối ưu thiết yếu, bởi vì *trí-tuệ thứ nhất* này thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp** thuộc về *chân-*

ngĩa-pháp, thấy rõ, biết rõ *sự-thật chân-lý của sắc-pháp, của danh-pháp* trong tam-giới đều là **khổ-đế**.

Hành-giả có được **trí-tuệ thứ nhất** này như đã gặp được **vị chân-sư** đó là **sắc-pháp, danh-pháp thật**.

Từ nay, *vị chân-sư sắc-pháp, danh-pháp* trực tiếp chỉ dẫn cho các trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ:

- *Thật-tánh của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp.*
- *Trạng thái riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.*
- *Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp trong hiện-tại, quá-khứ, vị-lai.*

- *Ba trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại trong tam-giới.*

- *Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới dẫn dắt phát sinh 14 loại trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới.*

- *Danh-pháp siêu-tam-giới đó là Niết-bàn dẫn dắt phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, thuộc về 9 siêu-tam-giới-pháp.*

Như vậy, *vị chân-sư sắc-pháp, danh-pháp* chỉ dạy, dẫn dắt phát sinh 16 loại trí-tuệ thiền-tuệ từ trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới qua 2 giai đoạn như sau:

- *Giai đoạn đầu: Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới chỉ dạy, dẫn dắt phát sinh từ trí-tuệ thứ nhất gọi là **nāma-rūpaparicchedañāṇa** tiếp tục theo tuần tự cho đến trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 gọi là **saccānulomañāṇa** có đối-tượng sắc-pháp hoặc đối-tượng danh-pháp tam-giới, gồm có 12 loại trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*) chấm dứt phận sự của đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

- Giai đoạn cuối: *Đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* làm đối-tượng của *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13* gọi là *gotrabhuñña*, liền tiếp theo *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* gọi là *maggañña* có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* liền tiếp theo *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15* gọi là *phalañña* có *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Thật vậy, chỉ có *hạt muối* mới cho biết được *vị mặn* của muối mà thôi, cũng chỉ có *trái chanh* mới cho biết được *vị chua* của chanh mà thôi.

Cũng như vậy, chỉ có *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* mới cho *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *thật-tánh* của sắc-pháp, của danh-pháp; *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, của danh-pháp; *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới mà thôi*.

Ngoài *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* ra, không có một ai có khả năng cho biết trực tiếp *sự-thật thật-tánh* của sắc-pháp, của danh-pháp, v.v...

Cho nên, *sắc-pháp, danh-pháp* thuộc về *chân-nghĩa-pháp* là đối-tượng thiết yếu trong *pháp-hành thiên-tuệ*.

Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañña có khả năng thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ *thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp* làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho các *trí-tuệ thiên-tuệ* tuần tự phát sinh cho đến *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 16* gọi là *paccavekkhañña*: *Trí-tuệ quán triệt Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, phiền-não đã bị diệt tận được, và phiền-não còn lại chưa bị diệt tận được*.

Như vậy, *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañña* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thứ nhì*

phát sinh, rồi **trí-tuệ thứ nhì** làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ thiên-tuệ thứ ba** phát sinh, tiếp tục **trí-tuệ thiên-tuệ trước** làm nhân-duyên cho **trí-tuệ thiên-tuệ sau** phát sinh, các **trí-tuệ thiên-tuệ** tuần tự phát sinh từ **trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới** (*lokiyavipassanā*) cho đến **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới** (*lokuttaravipassanā*).

Trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpaparicchedañña* làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ thứ nhì** gọi là ***nāmarūpapaccayapariggahañña*** của pháp-hành thiên-tuệ phát sinh tiếp theo.

2- Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañña*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañña* làm nền tảng, làm nhân-duyên phát sinh **trí-tuệ thứ nhì** gọi là ***nāmarūpapaccayapariggahañña***: **Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.**

Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañña* này phát sinh do nương nhờ **trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedaññ* làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- **Trí-tuệ thứ nhất** *nāmarūpaparicchedañña* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

- **Trí-tuệ thứ nhì** *nāmarūpapaccayapariggahañña* phát sinh, có khả năng thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp khác nhau, tùy theo quan điểm của mỗi hành-giả, nhưng chắc chắn đều có kết quả giống nhau là **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgappahāna*) **tâm hoại-nghi** về sự-sinh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên trong của mình và bên ngoài mình, của người khác, chúng-sinh khác trong hiện-tại, quá-khứ, vị-lai.

Nāmarūpapaccayapariggahañña gồm có 5 từ :
Nāma, rūpa, paccaya, pariggaha, ñña

- ***Nāma***: Danh-pháp.

- ***rūpa***: Sắc-pháp.

- ***paccaya***: Nhân-duyên-sinh của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp.

- ***pariggaha***: Gom nhặt lại.

- ***ñña***: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên-sinh.

Nāmarūpapaccayapariggahañña: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp khác nhau.

Nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp

*** Nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp**

Số hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi trí-tuệ thứ nhì ***nāmarūpapaccayapariggahañña*** phát sinh thấy rõ, biết rõ ***thân*** (sắc-pháp) bắt đầu từ khi đầu thai vào lòng mẹ (như loài người, số loài súc-sinh) do 5 nhân-duyên-sinh⁽¹⁾ là:

1- ***Avijjā***: Vô-minh là không biết từ Thánh-đế.

2- ***Taṇhā***: Tham-ái là nhân dẫn dắt tái-sinh kiếp sau.

3- ***Upādāna***: Chấp-thủ là cố chấp trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp.

4- ***Kamma***: Nghiệp là đại-thiện-nghiệp, hoặc bất-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau.

5- ***Āhāra***: Vật-thực là món ăn nuôi dưỡng sắc-thân.

Trong 5 nhân-duyên-sinh này, vô-minh, tham-ái, chấp-thủ, nghiệp là ***nhân***, vật-thực là ***duyên*** hỗ trợ.

5 nhân-duyên này được phân chia ra 3 phận sự:

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Kaṅkhāvitaraṇavisuddhiniddesa.

- *Vô-minh, tham-ái, chấp-thủ* là **nhân**, là nơi nương nhờ tái-sinh kiếp sau, ví như **người mẹ** là nơi nương nhờ để cho đứa con đầu thai, rồi sinh ra đời.

- *Nghiệp* đó là *đại-thiện-nghiệp* hoặc *bất-thiện-nghiệp* là **nhân** cho quả tái-sinh kiếp sau, ví như **người cha** hỗ trợ tạo nên đứa con, các con súc vật.

- *Vật-thực* là duyên hỗ trợ nuôi dưỡng sắc-thân phát triển, ví như **người vú** nuôi đứa trẻ trưởng thành.

Thân này (sắc-pháp) chỉ phát sinh do 5 *nhân-duyên-sinh* này mà thôi. Ngoài 5 *nhân-duyên-sinh* này ra, chắc chắn không có một ai có khả năng tạo nên sắc-thân này được.

Cho nên, **trí-tuệ thứ nhì** này có khả năng *diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) tâm hoại-nghi*, bởi vì thấy rõ, biết rõ *nhân-duyên* phát sinh mỗi *sắc-pháp*, mỗi *danh-pháp*.

* **Nhân-duyên phát sinh mỗi danh-pháp**

Mỗi *danh-pháp* nào phát sinh do hội đủ *nhân-duyên* riêng biệt của chính *danh-pháp* ấy như sau:

- *Đối-tượng sắc (hình dạng)* tiếp xúc với *nhãn-tịnh-sắc (mắt)*, khi hội đủ 2 *nhân-duyên* ấy, thì **nhãn-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *nhãn-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 *nhân-duyên*:

- 1- *Nhãn-tịnh-sắc (mắt) tốt (không bị bệnh mù)*.
- 2- *Đối-tượng sắc rõ ràng tiếp xúc với nhãn-tịnh-sắc*.
- 3- *Ánh sáng đủ thấy được*.
- 4- *Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng sắc*.

Khi hội đủ 4 *nhân-duyên* ấy thì 2 **nhãn-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *thấy đối-tượng sắc*.

- *Đối-tượng thanh (âm thanh)* tiếp xúc với *nhĩ-tịnh-sắc (tai)*, khi hội đủ 2 *nhân-duyên* ấy, thì **nhĩ-thức-tâm** phát sinh làm phận sự *nghe đối-tượng thanh*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *nhĩ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Nhĩ-tịnh-sắc (tai) tốt (không bị bệnh điếc).*
- 2- *Đối-tượng thanh rõ ràng tiếp xúc với nhĩ-tịnh-sắc.*
- 3- *Không gian không bị vật cản bao kín.*
- 4- *Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng thanh.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy, thì 2 *nhĩ-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *nghe đối-tượng thanh (âm thanh)*.

- *Đối-tượng hương (các mùi) tiếp xúc với tỹ-tịnh-sắc (mũi),* khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì *tỹ-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *ngửi đối-tượng hương*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *tỹ-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Tỹ-tịnh-sắc (lỗ mũi) tốt (không bị bệnh).*
- 2- *Đối-tượng hương rõ ràng tiếp xúc với tỹ-tịnh-sắc.*
- 3- *Chất gió đưa mùi hương đến lỗ mũi.*
- 4- *Ngũ-môn hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng hương.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy, thì 2 *tỹ-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *ngửi đối-tượng hương (các mùi)*.

- *Đối-tượng vị (các vị) tiếp xúc với thiệt-tịnh-sắc (lưỡi)* khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì *thiệt-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *nếm đối-tượng vị*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *thiệt-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Thiệt-tịnh-sắc (lưỡi) tốt (không bị bệnh).*
- 2- *Đối-tượng vị rõ ràng tiếp xúc với thiệt-tịnh-sắc.*
- 3- *Chất nước miếng.*
- 4- *Ngũ-môn-hướng-tâm tiếp nhận đối-tượng vị.*

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 *thiệt-thức-tâm* phát sinh làm phận sự *nếm đối-tượng vị (các vị)*.

5- *Đối-tượng xúc* (cứng, mềm, nóng, lạnh, ...) tiếp xúc với *thân-tịnh-sắc* (thân), khi hội đủ 2 nhân-duyên ấy, thì **thân-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 2 *thân-thức-tâm* phát sinh do hội đủ 4 nhân-duyên:

- 1- *Thân-tịnh-sắc* (thân) tốt (không bị bệnh bại liệt).
- 2- *Đối-tượng xúc* rõ ràng tiếp xúc với *thân-tịnh-sắc*.
- 3- *Chất đất* cứng, mềm.
- 4- *Ngũ-môn hướng-tâm* tiếp nhận *đối-tượng xúc*.

Khi hội đủ 4 nhân-duyên ấy thì 2 **thân-thức-tâm** phát sinh làm phạm sự *xúc giác đối-tượng xúc* (cứng, mềm, nóng, lạnh).

6- *Đối-tượng pháp*⁽¹⁾ tiếp xúc với *hadayavatthurūpa*; *sắc-pháp* là nơi sinh của *ý-thức-tâm*, khi *ý-thức-tâm* nào hội đủ nhân-duyên, thì **ý-thức-tâm** ấy phát sinh làm phạm sự *biết đối-tượng pháp* ấy.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp-Yếu-Nghĩa*, 75 *ý-thức-tâm*⁽²⁾ phát sinh do hội đủ 3 nhân-duyên:

- 1- *Hadayavatthurūpa*: *Sắc-pháp* là nơi sinh của *ý-thức-tâm*.
- 2- *Đối-tượng pháp* ấy tiếp xúc với *hadayavatthurūpa*.
- 3- *Ý-môn hướng-tâm* tiếp nhận *đối-tượng pháp* ấy.

Khi hội đủ 3 nhân-duyên của *ý-thức-tâm* nào thì **ý-thức-tâm** ấy phát sinh làm phạm sự *biết đối-tượng pháp* ấy.

¹ *Đối-tượng pháp* (dhammārammaṇa) gồm có 89 tâm, 52 tâm-sở, 5 tịnh-sắc, 16 sắc vi-tế, Niết-bàn và chế-định-pháp.

² 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm + 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức tâm) + 8 đại-thiện-tâm + 8 đại-quả-tâm + 8 đại-duy-tác-tâm + 15 sắc-giới-tâm + 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới-quả-tâm) + 8 siêu-tam-giới-tâm.

Như vậy, mỗi danh-pháp phát sinh do hội đủ nhân-duyên của nó, nếu thiếu nhân-duyên nào thì *danh-pháp* ấy không thể phát sinh được.

Mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp phát sinh đều do nhân-duyên, nên *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* đều là **pháp-vô-ngã**, không do một ai có khả năng tạo ra một sắc-pháp nào, một danh-pháp nào được cả.

Cho nên, **trí-tuệ thứ nhì** này có khả năng *diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) tâm hoài-nghi trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*, bởi vì trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

* **Sắc-pháp có 4 nhân-duyên**

Số hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañña* phát sinh thấy rõ, biết rõ mỗi sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên là:

1- **Kamma**: Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, đó là 25 nghiệp, ngoại trừ 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp và 4 siêu-tam-giới thiện-nghiệp.

Nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **kammajarūpa**: *Sắc-pháp phát sinh do nghiệp* này trong thân của chúng-sinh suốt mỗi *sát-na-tâm (khaṇacitta)* kể từ khi tái sinh v.v...

2- **Citta**: *Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp*, đó là 75 tâm, (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm).

Tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **cittajarūpa**: *Sắc-pháp phát sinh do tâm* trong thân của chúng-sinh suốt mỗi *sát-na-sinh (uppādakkhaṇa)* của tâm kể từ *hộ-kiếp-tâm* đầu tiên sau *tái-sinh-tâm*, v.v...

3- **Utu**: *Thời tiết làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp*, đó là *sự lạnh, sự nóng* bên trong và bên ngoài thân.

Thời tiết nóng, lạnh làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là **utujarūpa**: *Sắc-pháp phát sinh do nóng hoặc lạnh* trong thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-trụ (*thitikhana*) của tâm kể từ tái-sinh-tâm, v.v...

4- **Āhāra**: *Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp*, đó là *chất bổ* trong các món vật-thực đã dùng vào trong sắc-thân của chúng-sinh.

Vật thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là **āhājarūpa**: *Sắc-pháp phát sinh do vật-thực* trong sắc-thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm, ...

Sắc-pháp phát sinh do tâm

Tứ-oai-nghi là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

* Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đi

Oai-nghi đi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**đi**”.
- Do **tâm nghĩ đi**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.
- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân chuyển động**.
- **Toàn thân di chuyển bước đi** mỗi tư thế đi, dáng đi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân đi**” hoặc “**sắc-đi**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

* Nhân-duyên phát sinh oai-nghi đứng

Oai-nghi đứng phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm** nghĩ “**đứng**”.
- Do **tâm nghĩ đứng**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.
- **Chất gió** phát sinh do tâm ấy làm cho **toàn thân cử động**.

- **Toàn thân từ chân đến đầu đứng yên** theo mỗi tư thế đứng, mỗi dáng đứng do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân đứng**” hoặc “**sắc-đứng**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

*** Nhân-duyên phát sinh oai-nghi ngồi**

Oai-nghi ngồi phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm nghĩ “ngồi”**.

- Do **tâm nghĩ ngồi**, nên làm cho phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động**.

- **Toàn thân, thân phần trên ngồi yên, thân phần dưới co** theo mỗi tư thế ngồi, mỗi dáng ngồi do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân ngồi**” hoặc “**sắc-ngồi**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

*** Nhân-duyên phát sinh oai-nghi nằm**

Oai-nghi nằm phát sinh do tâm qua quá trình diễn biến do nhiều nhân-duyên liên tục như sau:

- **Tâm nghĩ “nằm”**.

- Do **tâm nghĩ nằm** nên làm cho phát sinh **chất gió**.

- **Chất gió phát sinh do tâm ấy làm cho toàn thân cử động**.

- **Toàn thân nằm trên mặt phẳng** theo mỗi tư thế nằm, mỗi dáng nằm do năng lực của chất gió phát sinh do tâm ấy.

Vì vậy, gọi là “**thân nằm**” hoặc “**sắc-nằm**” là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

Các oai-nghi phụ quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... đều là sắc-pháp phát sinh do tâm (*cittajarūpa*).

Đức-Phật ví: “**Sắc-thân**” ví như “**chiếc xe**”,
 “**tâm**” ví như “**người lái xe**”.

Thật vậy, **sắc-thân** này gồm có 27 **sắc-pháp** hoàn toàn không biết 6 **đối-tượng**, chỉ có thể **tiếp nhận được** 6 **đối-tượng** làm duyên để cho **tâm** phát sinh mà thôi.

Chiếc xe gồm có các bộ phận ráp lại với nhau không thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... Sở dĩ **chiếc xe** có thể chạy mau, chạy chậm, rẽ phải, rẽ trái, ngừng lại, v.v... là do người lái xe điều khiển.

Cũng như vậy, **sắc-thân** này không thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v...

Sở dĩ **sắc-thân** này có thể đi, đứng, ngồi, nằm, quay bên phải, quay bên trái, co tay vào, co chân vào, duỗi tay ra, duỗi chân ra, v.v... là do **tâm** điều khiển.

Nếu trường hợp thiếu một nhân-duyên nào thì **sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm,...** không thể phát sinh được.

Ví dụ: Một người bị bệnh tê liệt, dù **tâm** của họ muốn đi, đứng, ngồi, nằm, v.v... như người bình thường cũng không thể được, bởi vì **chất gió** (*vāyodhātu*) trong thân thể của họ không đủ năng lực làm cử động toàn thân với **chất đất** (*pathavīdhātu*) và **chất nước** (*āpodhātu*) nặng nề trong thân thể của họ được.

Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañāna* làm nền tảng với **paccakkhañāna**: **Trí-tuệ trực tiếp** thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi **sắc-pháp**, mỗi **đanh-pháp** hiện-tại **bên trong của mình** (*ajjhatta*) như thế nào, và với **anumānañāna**: **Trí-tuệ gián tiếp** biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi **sắc-pháp**, mỗi **đanh-pháp** **bên ngoài mình** (*bahiddhā*), **của người khác, chúng-sinh khác** cũng như thế ấy.

Hơn nữa *trí-tuệ thứ nhì* này còn có khả năng thấy rõ, biết rõ *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong hiện-tại* phát sinh do nhân-duyên như thế nào, thì *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong quá-khứ, trong vị-lai* cũng phát sinh do nhân-duyên như thế ấy.

Cho nên, *trí-tuệ thứ nhì* này có khả năng *diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) tâm hoại-nghi*, bởi vì thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna trí-tuệ thấy rõ, biết rõ *nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong hiện-tại* như thế này làm nền tảng, với *anumānañāṇa: Trí-tuệ gián tiếp* biết rõ rằng: “Dù *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong thời quá-khứ, trong thời vị-lai* cũng do nhân-duyên phát sinh *mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp cũng như thế ấy*” nên diệt được **16 điều hoại-nghi**⁽¹⁾ như sau:

*** Diệt 5 điều hoại-nghi trong thời quá-khứ**

- 1- Trong *quá-khứ* ta đã có hay không?
- 2- Trong *quá-khứ* ta đã không có phải không?
- 3- Trong *quá-khứ* ta đã là gì?
- 4- Trong *quá-khứ* ta đã là thế nào?
- 5- Trong *quá-khứ* ta đã là thế nào, đến đây như thế này?

*** Diệt 5 điều hoại-nghi trong thời vị-lai**

- 1- Trong *thời vị-lai* ta sẽ có hay không?
- 2- Trong *thời vị-lai* ta sẽ không có phải không?
- 3- Trong *thời vị-lai* ta sẽ là gì?
- 4- Trong *thời vị-lai* ta sẽ là thế nào?
- 5- Trong *thời vị-lai* ta sẽ là thế nào, sau kiếp này?

*** Diệt 6 điều hoại-nghi trong thời hiện-tại**

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Kaṅkhāvitaraṇavisuddhiniddesa.

- 1- Trong thời hiện-tại ta có hay không?
- 2- Trong thời hiện-tại ta không có phải không?
- 3- Trong thời hiện-tại ta là gì?
- 4- Trong thời hiện-tại ta là thế nào?
- 5- Ta từ đâu đến đây?
- 6- Rồi sau khi ta chết, sẽ đi đâu?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi *trí-tuệ thứ nhì* này phát sinh thấy rõ, biết rõ *nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp trong hiện-tại*, nên diệt được **16 điều hoại-nghi** này.

Tóm lại, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ thứ nhì phát sinh, thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp với nhiều đối-tượng khác nhau*, nhưng chắc chắn đều có kết quả giống nhau là *trí-tuệ thứ nhì* này có khả năng *diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna)* được **tâm hoại-nghi** về nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, hoặc thoát ly khỏi **sự hoại-nghi** về nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, danh-pháp trong thời hiện-tại, cả trong thời quá-khứ và trong thời vị-lai nữa.

Cho nên, *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa* này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: *Trí-tuệ thoát-ly hoại-nghi thanh-tịnh, là pháp-thanh-tịnh thứ 4, cũng là pháp-thanh-tịnh thứ nhì của pháp-hành thiên-tuệ, nên diệt-từng-thời (tadaṅgappahāna)* được **tâm hoại-nghi** về nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, hoặc thoát ly khỏi **sự hoại-nghi** về nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, danh-pháp.

Trí-tuệ thứ nhì này chưa có khả năng *diệt tận* được (*samucchēdappahāna*) **tâm hoại-nghi**.

Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa này

đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là **kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi**: Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, cũng gọi là **dhammatṭhitiñāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ vững vàng thật-tánh của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh, hoặc gọi là **yathābhūtañāṇa**: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp đúng theo sự-thật chân-nghĩa-pháp, hoặc gọi là **sammāḍassana**: Chánh-kiến thấy đúng theo chánh-pháp.

Trí-tuệ thứ nhất māmarūpaparicchedañāṇa và **trí-tuệ thứ nhì** nāmarūpapaccayapariggahañāṇa thuộc về **nātapariññā**: Trí-tuệ có khả năng thấy rõ, biết rõ trạng-thái riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Quả của 2 trí-tuệ đầu của pháp-hành thiên-tuệ

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có khả năng phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ theo tuần tự như sau:

- **Trí-tuệ thứ nhất** nāmarūpaparicchedañāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) đều là **pháp-vô-ngã**, không phải ta, không phải người, không phải chúng-sinh nào cả, ... nên có chánh-kiến thiên-tuệ (vipassanāsammādiṭṭhi), đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **diṭṭhivisuddhi**: Chánh-kiến thanh-tịnh, cũng là **pháp-thanh-tịnh thứ nhất** của pháp-hành thiên-tuệ, nên diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) được **tà-kiến** (chưa diệt tận được tà-kiến).

- **Trí-tuệ thứ nhì** nāmarūpapaccayapariggahañāṇa: Trí-tuệ thấy rõ, biết rõ nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại bên trong của mình (ajjhatta) với **paccakkhañāṇa**: Trí-tuệ trực-tiếp như thế nào, và với **anumānañāṇa**: Trí-tuệ gián-tiếp biết rõ

nhân-duyên phát sinh mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bên ngoài mình (bahiddhā), của người khác, của chúng-sinh khác, thậm chí tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại, quá-khứ, vị-lai phát sinh cũng do nhân-duyên của chúng cũng như thế ấy.

*Cho nên, trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggaha-nāṇa này đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ tư gọi là **kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: Trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, là **pháp-thanh-tịnh thứ nhì** của pháp-hành thiên-tuệ, nên diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) được **hoài-nghi** (chưa diệt tận được hoài-nghi).*

Tiểu-nhập-lưu Cūlasotāpanna

*Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi trí-tuệ thứ nhất phát sinh, đạt đến chánh-kiến thanh-tịnh, nên diệt-tùng-thời được **tà-kiến nơi ngũ-uẩn**, tiếp theo trí-tuệ thứ nhì phát sinh, đạt đến trí-tuệ thoát-ly hoài-nghi thanh-tịnh, nên diệt-tùng-thời được **hoài-nghi trong mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp**.*

*Như vậy, hành-giả có 2 trí-tuệ đầu (trong 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ) của pháp-hành thiên-tuệ: Trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì đạt đến 2 pháp-thanh-tịnh có khả năng diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna) được **tà-kiến** và **hoài-nghi**, nên hành-giả được gọi là **cūlasotāpanna**: **Tiểu-nhập-lưu**. Cūlasotāpanna vẫn còn là hạng thiện-trí phạm-nhân, chưa phải là **bậc Thánh Nhập-lưu**, bởi vì hành-giả chưa chứng ngộ **chân-lý tứ Thánh-đế**, chưa chứng đắc **Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả** và **Niết-bàn**, chưa diệt tận được (samucchedappahāna) được **tà-kiến** và **hoài-nghi**.*

Hành-giả vẫn là người có giới hạnh trong sạch, có định tâm vững vàng, vẫn duy trì thực-hành pháp-hành thiên-

tuệ như vậy, nếu **kiếp hiện-tại** chưa trở thành *Thánh-nhân* bậc nào thì sau khi hành-giả ấy chết sẽ không bị sa đọa trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ có *đại-thiên-nghiệp sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-giới*: Cõi người hoặc cõi trời dục-giới, an hưởng mọi sự an-lạc trong cõi ấy cho đến hết tuổi thọ.

Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāna* phát sinh tiếp theo.

3- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 Sammasañāna

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāna* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3** gọi là *sammasañāna*: *Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 này phát sinh do nương nhờ *trí-tuệ thứ nhất* và *trí-tuệ thứ nhì* làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- *Trí-tuệ thứ nhất* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-ngĩa-pháp (paramatthadhamma).

- *Trí-tuệ thứ nhì* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3* là tổng hợp 2 loại trí-tuệ trên làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-**

tuệ thiên-tuệ thứ 3 gọi là *sammasanañāṇa*⁽¹⁾: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt, nên đặc biệt thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

Sammasanañāṇa gồm có 2 từ: **Sammasana**, **ñāṇa**.

- **Sammasana**: Biết thấu suốt.

- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ.

- **Sammasanañāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa là trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của các đối-tượng thiên-tuệ từng phần, mỗi phần có số pháp, mỗi pháp có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã mà mỗi trạng-thái của mỗi pháp là mỗi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa.

Trong *Visuddhimagga*, phần *Sammasanañāṇa* có phân loại ra 23 phần là 5 uẩn, 6 môn, 6 đối-tượng, 6 thức, v.v... gồm có 201 pháp, mỗi pháp có 11 loại thành 2211 loại, mỗi loại có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, mỗi trạng-thái-chung là mỗi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3.

¹ **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa** dù được ghép vào trí-tuệ thiên-tuệ, vẫn chưa chính thức là trí-tuệ thiên-tuệ. Thật ra, trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh**, **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại. Trí-tuệ thứ nhất và trí-tuệ thứ nhì chưa thấy rõ sự sinh, sự diệt và trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, nên chưa gọi là trí-tuệ thiên-tuệ. Còn trí-tuệ thứ 3 chưa thấy rõ sự sinh, chỉ thấy rõ sự diệt, và thấy rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, nên chưa chính thức gọi là trí-tuệ thiên-tuệ.

Như vậy, gồm có 6633 loại *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

Ví dụ: **Ngũ-uẩn** có 5 uẩn, mỗi uẩn có 11 loại:

Sắc-uẩn có 11 loại là *sắc-uẩn quá-khứ, vị-lai, hiện-tại, bên trong hoặc bên ngoài, thô hoặc vi-tế, thấp hèn hoặc cao quý, xa hoặc gần*.

Cũng như vậy, *thọ-uẩn* có 11 loại, *tướng-uẩn* có 11 loại, *hành-uẩn* có 11 loại, *thức-uẩn* có 11 loại.

Như vậy, *ngũ-uẩn* gồm có 55 loại.

Phương pháp thực-hành đối-tượng thiên-tuệ ngũ-uẩn theo 11 loại

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ với *đối-tượng thiên-tuệ là ngũ-uẩn*, mỗi uẩn có 11 loại, mỗi loại có **sự diệt**, nên có 3 *trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, mỗi *trạng-thái-chung* là 1 *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 Sammasanañāṇa*.

*** Sắc-uẩn có 11 loại trạng-thái vô-thường**

1- **Sắc-uẩn nào** trong *quá-khứ*, sắc-uẩn ấy đã diệt trong *quá-khứ*, không còn sót lại đến hiện-tại. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường, bởi vì diệt mất*.

Đó là 1 *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

2- **Sắc-uẩn nào** trong *vị-lai*, sắc-uẩn ấy sẽ diệt trong *vị-lai*, không còn sót lại đến *sắc* sau khác. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường, bởi vì diệt mất*.

Đó là 1 *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

3- **Sắc-uẩn nào** trong *hiện-tại*, sắc-uẩn ấy diệt trong *hiện-tại*, không còn sót lại đến *vị-lai*. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường, bởi vì diệt mất*.

Đó là 1 *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa*.

4- **Sắc-uẩn nào** thuộc về *bên trong*, sắc-uẩn ấy diệt ngay bên trong, không còn sót lại đến sắc bên ngoài. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, bởi vì *diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanāñña*.

5- **Sắc-uẩn nào** thuộc về *bên ngoài*, sắc-uẩn ấy diệt ngay bên ngoài, không còn sót lại đến sắc bên trong. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, bởi vì *diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanāñña*.

6- **Sắc-uẩn nào** thuộc về *loại thô*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại thô, không còn sót lại đến sắc loại vi-tế. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, bởi vì *diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanāñña*.

7- **Sắc-uẩn nào** thuộc về *loại vi-tế*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại vi-tế, không còn sót lại đến sắc loại thô. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, bởi vì *diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanāñña*.

8- **Sắc-uẩn nào** thuộc về *thấp hèn*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại thấp hèn, không còn sót lại đến sắc loại cao quý. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, bởi vì *diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanāñña*.

9- **Sắc-uẩn nào** thuộc về *cao thượng*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại cao quý, không còn sót lại đến sắc loại thấp hèn. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, bởi vì *diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanāñña*.

10- **Sắc-uẩn nào** thuộc về *loại xa*, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại xa, không còn sót lại đến sắc loại gần. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, bởi vì *diệt mất*.

Đó là *1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanāñña*.

11- **Sắc-uẩn** nào thuộc về loại gần, sắc-uẩn ấy diệt ngay khi sắc loại gần, không còn sót lại đến sắc loại xa. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-thường*, bởi vì *diệt mất*.

Đó là 1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa*.

Cũng như trên,

* **Sắc-uẩn có 11 loại trạng-thái khổ**

- **Sắc-uẩn** nào trong *quá-khứ*, sắc-uẩn ấy đã diệt trong quá-khứ, không còn sót lại đến hiện-tại. Vì vậy, sắc-uẩn ấy có *trạng-thái khổ*, vì *đáng kinh sợ*.

Đó là 1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa*.

Cũng như vậy, sắc-uẩn có 11 loại *trạng-thái khổ*, vì *đáng kinh sợ*.

* **Sắc-uẩn có 11 loại trạng-thái vô-ngã**

- **Sắc-uẩn** nào trong *quá-khứ*, sắc-uẩn ấy đã diệt trong quá-khứ, không còn sót lại đến hiện-tại. Vì vậy sắc-uẩn ấy có *trạng-thái vô-ngã*, vì *vô dụng*.

Đó là 1 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa*.

Cũng như vậy, sắc-uẩn có 11 loại *trạng-thái vô-ngã*, vì *vô dụng*.

Như vậy, sắc-uẩn có 11 loại, mỗi loại có 3 trạng-thái-chung gồm có tất cả là 33 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa*.

Cũng như vậy,

- **Thọ-uẩn** có 11 loại cũng có *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã*, gồm có tất cả là 33 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa*.

- **Tưởng-uẩn** có 11 loại cũng có *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã*, gồm có tất cả là 33 trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa*.

- **Hành-uẩn** có 11 loại cũng có *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã*, gồm có tất cả là 33 *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa*.

- **Thức-uẩn** có 11 loại cũng có *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã*, gồm có tất cả là 33 *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa*.

Như vậy, **5 uẩn** gồm có 165 *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa*.

Phương pháp thực-hành đối-tượng thiên-tuệ ngũ-uẩn ngũ-uẩn theo 40 trạng-thái

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ với *đối-tượng thiên-tuệ* là *ngũ-uẩn* có 3 *trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã*.

Nếu khai triển 3 *trạng-thái-chung* thì có 40 *trạng-thái chi-tiết*, để cho *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* được vững chắc.

- **Trạng-thái vô-thường** có 10 trạng-thái chi-tiết.
- **Trạng-thái khổ** có 25 trạng-thái chi-tiết.
- **Trạng-thái vô-ngã** có 5 trạng-thái chi-tiết.

Gồm có 40 trạng-thái chi-tiết⁽¹⁾.

* **Aniccalakkhaṇa**: **Trạng-thái vô-thường** có 10 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa*, mà hành-giả thực-hành như sau:

1- **Aniccato**: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái vô-thường*, vì *mỗi uẩn không tồn tại lâu*.

2- **Palokato**: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái tiêu hoại*, vì *mỗi uẩn bị hoại do bệnh hoại, già, chết*.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Sammasaṇāṇakathā.

3- *Calato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái biến đổi*, vì *mỗi uẩn bị biến đổi do bệnh, già, chết*.

4- *Pabhaṅgato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái tan rã*, vì *mỗi uẩn bị tan rã do nguyên nhân bên ngoài và trạng-thái bên trong ngũ-uẩn*.

5- *Addhuvato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái không bền vững*, vì *mỗi uẩn không vững chắc*.

6- *Vipariṇāmadhammato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái biến đổi là thường*, vì *thường bị biến đổi do sự già, sự chết*.

7- *Asārakato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái vô dụng, không cốt lõi*, vì *yếu, dễ mục nát như gỗ mục*.

8- *Vibhavato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái bị suy*, vì *không phát triển được*.

9- *Saṅkhatato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái bị cấu tạo*, vì *do nhân-duyên tạo nên*.

10- *Maraṇadhammato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái hủy diệt, chết là thường*, vì *có sự chết là thường*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3*** thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, hiện rõ *trạng-thái vô-thường* với 10 *trạng-thái vô-thường chi-tiết* tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

* **Dukkhalakkhaṇa**: **Trạng-thái khổ** có 25 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanānāna*, mà hành-giả thực-hành như sau:

1- *Dukkhatō*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ khó chịu*, vì *sinh rồi diệt liên tục luôn luôn hành hạ*, ngũ-uẩn là nơi phát sinh mọi sự khổ.

2- *Rogaṭo*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ như bệnh tật*, vì *luôn luôn phải chăm sóc như người bệnh*, là nơi phát sinh các thứ bệnh.

3- *Gaṇḍato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ như ung nhọt*, vì *thường chảy ra những đồ dơ bẩn*, nơi phát sinh mọi *phiền-não*, có *sự lão, bệnh, tử*.

4- *Sallato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ như mũi tên độc*, vì *làm cho đau đớn do mọi phiền-não đâm bên trong*, *khó nhổ bỏ ra được*.

5- *Aghato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái bất hạnh*, vì *đem lại sự suy thoái*.

6- *Ābādhato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái bệnh hoạn, ốm đau*, vì *không được khỏe*, và *nguyên nhân phát sinh mọi bệnh tật*.

7- *Ītito*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái suy đồi*, vì *đem lại những điều thiệt hại lớn*.

8- *Upaddavato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái*

khó tai nạn, vì đem lại những điều bất lợi, và là nơi xảy ra mọi tai họa.

9- *Bhayato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khó đáng kinh sợ*, vì là nơi phát sinh mọi điều đáng sợ làm cho *khó tâm lo sợ*.

10- *Upasaggato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khó cản trở*, vì có những điều trở ngại cản trở.

11- *Atāṇato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khó không có nơi bảo hộ*, vì không bảo hộ được.

12- *Aleṇato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khó không có nơi ẩn náu*, vì không có nơi an toàn.

13- *Asaraṇato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khó không nơi nương nhờ*, vì không có nơi an toàn.

14- *Ādīnavato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khó nhiều tội chướng*, vì *khó trong kiếp tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài*.

15- *Aghamūlato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái nguồn gốc của khổ đau*, vì là nguồn gốc của mọi sự tội lỗi.

16- *Vadhakato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khó như kẻ sát hại*, vì người sát hại là người mình tin cậy như người bạn thân.

17- *Sāsavato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái có phiền-não trầm luân*, vì là con đường đi đến khổ trầm luân.

18- *Mārāmisato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ* là *môi của Māra*, vì là *môi của tử thân* và *phiền-não*.

19- *Jātidhammato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ* *sinh* là *thường*, vì có *sự tái-sinh* *kiếp* sau là *thường*.

20- *Jarādhhammato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ* *già* là *thường*, vì có *sự già* là *thường*.

21- *Byādhidhammato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ* *bệnh* là *thường*, vì có *bệnh* là *thường*.

22- *Sokadhammato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ* *sâu* *não* là *thường*, vì có *sâu* *não* là *thường*.

23- *Paridevadhammato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ* *than* *khóc* là *thường*, vì có *sự than* *khóc* là *thường*.

24- *Upāyāsadhammato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ* *nổi* *thống* *khổ* *cùng* *cực*, vì có *nổi* *thống* *khổ* *cùng* *cực* là *thường*.

25- *Samkilesikadhammato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, có *trạng-thái khổ* *do* *phiền-não* *làm* *ô* *nhiễm*, vì *tham* *ái* *làm* *ô* *nhiễm* là *thường*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3*** thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên hiện rõ *trạng-thái khổ* với 25 *trạng-thái khổ* *chi tiết* tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

* **Anattalakkhaṇa**: **Trạng-thái vô-ngã** có 5 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasaṇāna*, mà hành-giả thực-hành như sau:

1- *Anattato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái vô-ngã, không phải ta*, bởi vì *không có ai làm chủ*.

2- *Parato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái khác lạ*, bởi vì *không có quyền lực điều hành được*.

3- *Rittato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái trống không*, bởi vì *không có thường, lạc, ngã, tịnh như thấy sai, chấp lầm*.

4- *Tucchato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái rỗng không*, bởi vì *không có cốt lõi*.

5- *Suññato*: Hành-giả thực-hành có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên có *trạng-thái hoàn toàn không*, bởi vì *không phải ta, không phải của ta, không có ai làm chủ, không chiều theo ý muốn của ai*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3** thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của ngũ-uẩn, nên hiện rõ *trạng-thái vô-ngã* với 5 *trạng-thái vô-ngã chi tiết* tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

Sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên

Sắc-pháp phát sinh do 4 *nhân-duyên* là **nghiệp** (*kamma*), **tâm** (*citta*), **thời tiết** (*utu*), **vật thực** (*āhāra*).

- **Sắc-pháp** phát sinh do nghiệp gọi là *kammajarūpa*.
- **Sắc-pháp** phát sinh do tâm gọi là *cittajarūpa*.
- **Sắc-pháp** phát sinh do thời tiết gọi là *utujarūpa*.

- **Sắc-pháp** phát sinh do vật thực gọi là *āhārajarūpa*.

Theo bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa* giảng giải trong phần *Rūpasamuṭṭhānānaya*: *Pháp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp* có 4 pháp như sau:

1- **Kamma**: **Nghiệp** chỉ có 25 nghiệp đã tạo trong kiếp quá-khứ hoặc kiếp hiện-tại đó là 12 bất-thiện-nghiệp, 8 dục-giới-đại-thiện-nghiệp, 5 sắc-giới-thiện-nghiệp làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **kammajarūpa**: *Sắc-pháp phát sinh do nghiệp*.

Ngoài 25 nghiệp ấy ra, còn lại 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp và siêu-tam-giới thiện-nghiệp không làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp.

Kammajarūpa: *Sắc phát sinh do nghiệp* có 18 sắc-pháp là:

- *Pasādarūpa*: 5 tịnh-sắc: *Nhãn-tịnh-sắc, nhĩ-tịnh-sắc, tỷ-tịnh-sắc, thiệt-tịnh-sắc, thân-tịnh-sắc*.

- *Bhavarūpa*: 2 sắc-tính: *Sắc-nam-tính, sắc-nữ-tính*.

- *Hadayarūpa*: 1 sắc-pháp là nơi sinh của ý-thức-tâm.

- *Jīvitarūpa*: 1 sắc-mạng-chủ.

- *Avinibbhogarūpa*: 8 sắc-pháp bất-phân-tách (đất, nước, lửa, gió, sắc, hương, vị, vật-thực).

- *Paricchedarūpa*: 1 sắc-chân-không.

Sắc-pháp phát sinh do nghiệp trong thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na-tâm (*khaṇacitta*) kể từ khi tái-sinh,..

2- **Citta**: **Tâm** chỉ có 75 tâm đó là 12 bất-thiện-tâm, 8 vô-nhân-tâm (trừ 10 thức-tâm), 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-quả-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 15 sắc-giới-tâm, 8 vô-sắc-giới-tâm (trừ 4 vô-sắc-giới quả-tâm), 8 siêu-tam-giới-tâm làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **cittajarūpa**: *Sắc-pháp phát sinh do tâm*.

Ngoại trừ 14 tâm: 10 thức-tâm và 4 vô-sắc-giới quả-tâm, bởi vì không làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp và các quả-tâm khi làm phận sự tái-sinh kiếp sau và tử-tâm của bậc Thánh A-ra-hán cũng không làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp.

Cittajarūpa: Sắc-pháp phát sinh do tâm có 15 sắc-pháp là:

- Saddarūpa: 1 sắc-âm-thanh.
- Viññattirūpa: 2 sắc-cử động: Thân-cử-động, khẩu-cử-động.
- Vikārarūpa: 3 sắc-biến chuyển: Sắc-nhẹ-nhàng, sắc-mềm-mại, sắc-uyển-chuyển.
- Avinibbhogarūpa: 8 sắc-bất-phân-tách.
- Paricchedarūpa: 1 sắc-chân-không.

Sắc-pháp phát sinh do tâm trong thân của chúng-sinh suốt mỗi sát-na sinh (*uppādakkhaṇa*) của tâm kể từ hộ-kiếp-tâm đầu tiên sau tái-sinh-tâm, v.v...

3- **Utu:** Thời tiết đó là khí lạnh (*sītatejo*), khí nóng (*uṇhatejo*) ở bên trong và bên ngoài thân của chúng-sinh làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp gọi là **utujarūpa:** Sắc-pháp phát sinh do nóng hoặc lạnh.

Utujarūpa: Sắc-pháp phát sinh do thời tiết có 13 sắc-pháp là:

- Saddarūpa: 1 sắc-âm-thanh.
- Vikārarūpa: 3 sắc-biến-chuyển: Sắc-nhẹ-nhàng, sắc-mềm-mại, sắc-uyển-chuyển.
- Avinibbhogarūpa: 8 sắc-bất-phân-tách.
- Paricchedarūpa: 1 sắc-chân-không.

Khí lạnh, khí nóng ở bên trong thân của chúng-sinh làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp.

Sắc-pháp phát sinh do lạnh hoặc nóng trong mỗi sát-na-trụ (*ṭhitikhaṇa*) của tâm kể từ tái-sinh-tâm, v.v...

Còn thời tiết lạnh, nóng ở bên ngoài tiếp xúc với thân của chúng-sinh làm nhân-duyên phát sinh *sắc-pháp lạnh hoặc nóng* tiếp tục không ngừng.

4- *Āhāra: Vật-thực* đó là *ojā*: *Chất bổ* trong các món ăn thức uống, và *chất bổ* trong các thứ thuốc bổ đã dùng vào trong thân, làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp, gọi là *āhārajarūpa*: *Sắc-pháp phát sinh do vật thực*.

Āhārajarūpa: *Sắc-pháp phát sinh do vật thực* có 12 sắc-pháp là:

- *Vikārarūpa*: 3 sắc-biến chuyển: *Sắc-nhẹ-nhàng, sắc-mềm-mại, sắc-uyển-chuyển*.
- *Avinibbhogarūpa*: 8 sắc-bất-phân-tách.
- *Paricchedarūpa*: 1 sắc-chân-không.

Vật-thực làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp đó là *ojā*: *Chất bổ* có 2 loại:

- *Bahiddha ojā*: *Chất bổ bên ngoài* đó là chất bổ trong các món ăn thức uống, các thứ thuốc bổ, ...
- *Ajjhatta ojā*: *Chất bổ bên trong thân* có 2 loại:
- *Kammaja ojā*: *Chất bổ phát sinh do thiện-nghiệp*.
- *Utuja ojā*: *Chất bổ phát sinh do thời tiết*.

Hai loại *ojā* chất bổ này phát sinh trong thân của chúng-sinh, làm phận sự hỗ trợ cho *āhārajarūpa*: *Sắc-pháp phát sinh do vật thực* gọi là *upathambhakasatti*.

Còn *Bahiddha ojā*: *Chất bổ bên ngoài* làm phận sự trực tiếp để cho *āhārajarūpa*: *Sắc-pháp phát sinh do vật thực* gọi là *janakasatti*.

Trong 2 loại *ojā*: *Kammaja ojā* và *utuja ojā*, thì *kammaja ojā* có vai trò quan trọng hỗ trợ cho *āhārajarūpa*: *Sắc-pháp phát sinh do vật thực* hơn *utuja ojā*.

Āhārajarūpa: *Sắc-pháp phát sinh do vật-thực* làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp suốt mỗi sát-na-tâm.

Trong bộ *Visuddhimagga* giảng giải rằng:

- Đối với *con người* trong cõi người dùng đồ ăn thức uống đầy đủ chất bổ một lần có khả năng duy trì sắc-thân suốt 7 ngày.

- Đối với *chư-thiên* cõi trời dục-giới dùng vật thực cõi trời một lần có khả năng duy trì sắc-thân suốt 1- 2 tháng.

Chất bổ (ojā) trong vật thực đã dùng vào trong bụng kết hợp với *kammaja ojā* trong thân của con người, hỗ trợ cho *āhārajarūpa: Sắc-pháp phát sinh do vật-thực* suốt 7 ngày trong cõi người. Còn chất bổ (ojā) trong vật-thực cõi trời tiếp xúc với thân của *chư-thiên*, hỗ trợ cho *āhārajarūpa: Sắc-pháp phát sinh do vật thực* suốt 1 hoặc 2 tháng trong cõi trời dục-giới.

Đó là sắc-pháp phát sinh do 4 nhân-duyên.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammāsanañāṇa*** thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của sắc-pháp phát sinh do **4 nhân-duyên**: *Nghiệp (kamma), tâm (citta), thời tiết (utu), vật thực (āhāra)*; thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp ấy*.

Sắc-pháp phát sinh do tâm (cittajarūpa)

Ví dụ: ***Iriyāpatha: Tứ-oai-nghi***

Tứ-oai-nghi: *Oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm, và các oai-nghi phụ* gồm các cử động của thân như *bước tới trước, bước lui sau, co tay vào, duỗi tay ra, co chân vào, duỗi chân ra, quay bên phải, quay bên trái, nhìn bên phải, nhìn bên trái, v.v...*

Tứ-oai-nghi và các **oai-nghi phụ** của thân đều là **sắc-pháp** phát sinh do tâm, gọi là **cittajarūpa**.

Cittajarūpa: **Sắc-pháp** phát sinh do tâm. Tâm gồm có 75 tâm có khả năng làm nhân-duyên phát sinh sắc-pháp.

- **Sắc-pháp tứ-oai-nghi** và các **oai-nghi phụ** phát sinh chỉ có do 32 tâm mà thôi, đó là:

- *Manodvāravajjanacitta*: 1 ý-môn-hướng-tâm.

- *Kāmajavanacitta*: 29 dục-giới tác-hành-tâm: 12 bất-thiện-tâm, 8 đại-thiện-tâm, 8 đại-duy-tác-tâm, 1 tiểu-sinh-tâm, và 2 thân-thông-tâm (*abhiññācitta*).

Trong 32 tâm này, tâm nào cũng có khả năng làm nhân-duyên phát sinh 4 **oai-nghi** hoặc các **oai-nghi phụ** đều là **sắc-pháp** phát sinh do tâm ấy.

Thực-hành pháp-hành thiền-tuệ

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* thấy rõ sự diệt

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ với **đối-tượng tứ-oai-nghi**: **Oai-nghi đi**, **oai-nghi đứng**, **oai-nghi ngồi**, **oai-nghi nằm** gọi là **sắc-đi**, **sắc-đứng**, **sắc-ngồi**, **sắc-nằm** là **sắc-pháp** phát sinh do tâm (*cittajarūpa*), **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa*** phát sinh, thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-pháp tứ-oai-nghi**.

1- Oai-nghi đi gọi là sắc-đi

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3** thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-đi** đó là **tư thế đi**, **dáng đi toàn thân di chuyển bước đi một cách tự nhiên theo mỗi sự biến chuyển như sau**:

- Toàn thân dờ chân lên (*uddharaṇa*) chưa kịp bước tới (*atiharāṇa*) thì **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3** thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-pháp toàn thân dờ chân lên**, nên hiện rõ

trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.

- Toàn thân bước tới (*atiharāṇa*) chưa kịp dời chân (*vītiharāṇa*) thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp toàn thân bước tới, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.*

- Toàn thân dời chân (*vītiharāṇa*) chưa kịp đặt chân xuống (*vossajjana*) thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp toàn thân dời chân, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.*

- Toàn thân đặt chân xuống (*vossajjana*) chưa kịp đạp chân (*sannikkhepana*) thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp toàn thân đặt chân xuống, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.*

- Toàn thân đạp chân (*sannikkhepana*) chưa kịp đè chân (*sannirumbhana*) thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp toàn thân đạp chân, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi.*

Như vậy, mỗi khi dáng đi cũ bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang đến dáng đi mới, thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự diệt của sắc-đi ấy**, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-đi ấy.*

Tứ đại: Đất, nước, lửa, gió trong sắc-đi

- Khi toàn thân dờ chân lên, thì địa-đại và thủy-đại có năng lực ít và yếu, còn hỏa-đại và phong-đại có năng lực nhiều và mạnh.

- Khi *toàn thân bước tới* và khi *dời chân cũng giống như toàn thân đỡ chân lên*, thì *địa-đại* và *thủy-đại* có năng lực ít và yếu, còn *hỏa-đại* và *phong-đại* có năng lực nhiều và mạnh.

- Khi *toàn thân đặt chân xuống*, thì *hỏa-đại* và *phong-đại* có năng lực ít và yếu, còn *địa-đại* và *thủy-đại* có năng lực nhiều và mạnh.

- Khi *toàn thân đạp chân xuống* và khi *đề chân cũng giống như toàn thân đặt chân xuống*, thì *hỏa-đại* và *phong-đại* có năng lực ít và yếu, còn *địa-đại* và *thủy-đại* có năng lực nhiều và mạnh, ...

Cho nên, khi *toàn thân đỡ chân lên*, các sắc-pháp nương nhờ nơi *tứ-đại* ấy chưa kịp *bước tới* (*atiharana*) thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasanāñāna* thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của *sắc-pháp toàn thân đỡ chân lên* và *các sắc-pháp nương nhờ nơi tứ-đại* ấy, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *sắc-pháp sắc-đi* ấy.

2- Oai-nghi đứng gọi là sắc-đứng

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của *sắc-đứng* đó là *tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng một cách tự nhiên*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của *sắc-đứng* đó là *tư thế đứng, dáng đứng toàn thân đứng thẳng* như sau:

- Khi *dáng đứng ấy bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang dáng đứng mới*, thì *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ *sự diệt* của *dáng đứng cũ* ấy, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *sắc-đứng* ấy.

Như vậy, mỗi khi *dáng đứng cũ bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang đến dáng đứng mới*, thì *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-đứng** ấy, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-đứng* ấy.

3- Oai-nghi ngồi gọi là sắc-ngồi

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-ngồi** đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi, thân phần trên ngồi thẳng, thân phần dưới ngồi co theo mỗi dáng ngồi một cách tự nhiên*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-ngồi** đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi toàn thân ngồi một cách tự nhiên* như sau:

- Khi *dáng ngồi ấy bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang dáng ngồi mới*, thì *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **dáng ngồi cũ** ấy, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-ngồi* ấy.

Như vậy, mỗi khi *dáng ngồi cũ bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang đến dáng ngồi mới*, thì *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-ngồi** ấy, nên hiện rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-ngồi* ấy.

4- Oai-nghi nằm gọi là sắc-nằm

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-nằm** đó là *tư thế nằm, dáng nằm toàn thân nằm thẳng trên mặt phẳng một cách tự nhiên*.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-nằm** đó là

tư thế nằm, dáng nằm toàn thân nằm thẳng trên mặt phẳng một cách tự nhiên như sau:

- Khi dáng nằm ấy bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang dáng nằm mới, thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của dáng nằm cũ ấy, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-nằm ấy.

Như vậy, mỗi khi dáng nằm cũ bắt đầu biến chuyển chưa kịp sang đến dáng nằm mới, thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-nằm ấy, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-nằm ấy.

Phương pháp diệt *diṭṭhi*, *māna*, *nikanti*

Trong bộ *Visuddhimagga*, phần *sammasanañāṇa-kathā* giảng dạy phương pháp diệt *diṭṭhi*, *māna*, *nikanti*:

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp làm nền tảng, hành-giả thực-hành *phương pháp diệt diṭṭhi* (tà-kiến), *māna* (ngã-mạn), *nikanti* (tham-ái) bằng nhiều cách như sau:

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* chỉ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp** mà thôi, không thấy gì khác gọi là *ta*, *ngươi*, *chúng-sinh*, ... nên diệt được *sattasaññā*: Tưởng lầm chúng-sinh, khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp**, không tưởng lầm chúng-sinh, nên **tà-kiến không phát sinh** nghĩa là thoát ra khỏi tà-kiến chấp-ngã (*diṭṭhi ugghāṭitā*).

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, khi thoát ra khỏi tà-kiến chấp-ngã, nên **ngã-mạn** không phát sinh nghĩa là tách rời ra khỏi **ngã-mạn** (*māno samugghāṭito*).

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, khi tách rời ra khỏi ngã-mạn, nên **tham-ái** không phát sinh nghĩa là làm kiệt lực tham-ái (*nikanti pariyādiṇṇā*).

Phân biệt chưa diệt và đã diệt **diṭṭhi, māna, nikanti**

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* đã phát sinh, để nhận thức biết rằng: Hành-giả diệt được **diṭṭhi, māna, nikanti** hay chưa? Bằng cách kiểm tra lại tâm của hành-giả như sau:

- Nếu hành-giả còn chấp-thủ rằng:

“*Ahaṃ vipassāmi, mama vipassanā.*”

Ta thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, hoặc trí-tuệ thiên-tuệ ấy là của ta.

Như vậy, hành-giả chưa thoát ra khỏi **tà-kiến** chấp-ngã.

- Nếu hành-giả khi có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *samma-sanañāṇa* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi, thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 đã thoát ra khỏi tà-kiến chấp-ngã rồi (*diṭṭhisamugghāṭanaṃ nāma*).

- Nếu hành-giả còn chấp-thủ rằng:

“*Suṭṭhu vipassāmi, manāpaṃ vipassāmi.*”

Ta thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp thật là quý hóa quá! Hoặc ta thấy rõ, biết rõ trạng-thái

vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp thật là đáng hài lòng quá!

Như vậy, hành-giả chưa tách rời ra khỏi **ngã-mạn**.

- Nếu hành-giả khi có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *samma-sanañāna* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi, thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 đã tách rời ra khỏi **ngã-mạn** rồi (*mānasamugghāto nāma*).

- Nếu hành-giả còn chấp-thủ rằng:

“*Vipassitum sakkomi.*”

Ta có thể thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái-khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

Như vậy, hành-giả chưa làm kiệt lực được tham-ái.

- Nếu hành-giả khi có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *samma-sanañāna* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp chỉ là sắc-pháp, danh-pháp mà thôi, thì gọi là trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 đã làm kiệt lực được tham-ái (*nikantipariyādānam nāma*).

Tư duy ngăn cản **ditṭhi, māna, nikanti**

- Nếu tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp là **ta (ngã)** thì chấp-thủ là **ta (ngã)** cũng nên, nhưng sự-thật **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, không phải là **ngã**, là **ta**. Cho nên, tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp đều có **trạng-thái vô-ngã**, bởi vì không theo quyền lực của ai, không chiều theo ý muốn của ai; có **trạng-thái vô-thường**, bởi vì sinh rồi diệt, có rồi không, có **trạng-thái khô**, bởi vì sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ.

Như vậy, nên **ditṭhi ugghātītā**: Thoát ra khỏi **tà-kiến chấp-ngã**.

- Nếu tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp là **thường tồn lâu dài** thì chấp-thủ là **thường** cũng nên, nhưng sự-thật **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp là **vô-thường**, không phải là **thường**. Cho nên, tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp đều có **trạng-thái vô-thường**, bởi vì sinh rồi diệt, có rồi không; có **trạng-thái khổ**, bởi vì sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ; có **trạng-thái vô-ngã**, bởi vì không theo quyền lực của ai, không chiều theo ý muốn của ai.

Như vậy, nên **māno samugghāṭito** tách rời ra khỏi **ngã-mạn**.

- Nếu tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp là **lạc** thì chấp-thủ là **lạc** cũng nên, nhưng sự-thật **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp là **khổ**, không phải là **lạc**. Cho nên, tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp đều có **trạng-thái khổ**, bởi vì sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ; có **trạng-thái vô-thường**, bởi vì sinh rồi diệt, có rồi không, có **trạng-thái vô-ngã**, bởi vì không theo quyền lực của ai, không chiều theo ý muốn của ai.

Như vậy, nên **nikantipariyādānaṃ** làm kiệt lực **tham-ái**.

Cho nên, 3 trạng-thái chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, ngăn cản được tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái như sau:

- Nếu khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 **sammasanañāṇa** thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, thường thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp thì **thoát ra khỏi tà-kiến chấp-ngã**.

Để diệt tận được tà-kiến thì chỉ có **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** mà thôi. Cho nên, bậc **Thánh Nhập-lưu** vĩnh viễn không còn tà-kiến nữa.

- Nếu khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *tri-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, thường thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp thì **tách rời ra khỏi ngã-mạn**.

- Nếu khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có *tri-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, thường thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** của sắc-pháp, của danh-pháp thì **làm kiệt lực được tham-ái**.

Đề diệt tận được **ngã-mạn** và **tham-ái** thì chỉ có **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** mà thôi. Cho nên, bậc **Thánh A-ra-hán** đã diệt tận được **ngã-mạn, mọi tham-ái, mọi phiền-não, mọi ác-pháp** không còn dư sót nữa.

Tri-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa được tóm lược như sau:

* *Tri-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp theo 11 loại là **sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, vị-lai, hiện-tại, bên trong, bên ngoài, thô, vi-tế, thấp hèn, cao quý, gần, xa** đều có **trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã**.

- **Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường**, bởi vì **sinh rồi diệt, có rồi không**.

- **Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ**, bởi vì **sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ**.

- **Sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã**, bởi vì **không theo quyền lực của ai, không chiều theo ý muốn của ai**.

* *Tri-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng:

- **Sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp *trong quá-khứ* không sót lại *sắc-pháp, danh-pháp trong hiện-tại*.

- **Sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp *trong hiện-tại*, không sót lại *sắc-pháp, danh-pháp trong vị-lai*.

Sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai có liên quan với nhau do nhân-duyên.

* *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* thấy rõ, biết rõ **sắc-pháp, danh-pháp cũ diệt liền danh pháp, sắc-pháp mới sinh**.

Ví dụ: *Oai-nghi ngồi là sắc-ngồi* đó là *tư thế ngồi, dáng ngồi bắt đầu thay đổi dáng ngồi cũ sang dáng ngồi mới*, thì *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* thấy rõ, biết rõ **dáng ngồi cũ diệt** mà **dáng ngồi mới** chưa hoàn thành.

Đó là tính chất của *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* đang còn non yếu, nên chỉ có khả năng thấy rõ, biết rõ **sắc-ngồi cũ diệt** mà chưa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của những cử động của thân biến chuyển tuần tự sang sắc-ngồi mới, do thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-ngồi cũ**, nên *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3* thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của **sắc-ngồi cũ ấy**.

Như vậy, dù *trí-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* này chưa được chính thức gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ** mà vẫn được ghép vào loại *trí-tuệ thiên-tuệ đầu tiên (thứ nhất)* trong 10 loại *trí-tuệ thiên-tuệ*, cũng gọi là *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 trong 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ*.

* *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* cũng được ghép vào **pháp-thanh-tịnh thứ 5** gọi là **maggāmaggañāṇa-dassanavisuddhi**: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh.

Nguyên nhân nào làm cho trí-tuệ thiên-tuệ không phát triển?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, sau khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāna* đã phát sinh, nhưng chưa có khả năng phát triển lên *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassañāna*, v.v... là do **5 pháp indriya: 5 pháp-chủ** còn non yếu.

Indriya: Pháp-chủ có 5 pháp là:

- *Saddhindriya: Tín-pháp-chủ.*
- *Vīriyindriya: Tấn-pháp-chủ.*
- *Satindriya: Niệm-pháp-chủ.*
- *Samādhindriya: Định-pháp-chủ.*
- *Paññindriya: Tuệ-pháp-chủ.*

Để cho 5 *pháp-chủ: Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* được tăng thêm nhiều năng lực, hành-giả cần phải thực-hành **9 pháp-hỗ-trợ⁽¹⁾** cho 5 pháp-chủ.

Pháp-hỗ-trợ 5 pháp-chủ có 5 pháp

1- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 thường thấy rõ, biết rõ sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt.*

2- *Thường tinh-tấn thấy rõ, biết rõ sự diệt như vậy, một cách kiên trì.*

3- *Thường tinh-tấn thấy rõ, biết rõ sự diệt như vậy, một cách liên tục không ngừng.*

4- *Hành-giả nên có đầy đủ 7 nơi thuận lợi và tránh xa 7 nơi bất lợi⁽²⁾.*

5- *Thường tinh-tấn hướng tâm đến đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp mà thôi.*

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Sammasaññānakathā.

² Xem lại quyển IX: Pháp-Hành Thiên-Định, phần 7 nơi thuận lợi, ...

6- *Thực-hành 7 pháp-giác-chi (bojjhaṅga) thích ứng với mỗi trường hợp⁽¹⁾, để trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 tăng trưởng tốt.*

7- *Thường tinh-tấn thực-hành như vậy, không màng đến thân và sinh mạng của mình.*

8- *Thường tinh-tấn liên tục không ngừng chế ngự tâm biếng nhác.*

9- *Thường tinh-tấn liên tục, không thoái chí nản lòng, chỉ quyết tâm thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, để giải thoát khổ mà thôi.*

Hành-giả đã có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāṇa* rồi, còn phải thực-hành đầy đủ thêm 9 pháp-hỗ-trợ cho 5 pháp-chủ: *Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* tăng thêm nhiều năng lực, để làm nhân-duyên hỗ trợ cho trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *uddayabbayānupassanāñāṇa* và các trí-tuệ thiên-tuệ bậc cao khác được phát triển tốt.

* *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasanañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** gọi là *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

4- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ ba sammasanañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4**: *Trí-*

¹ Nếu khi có *tâm lười biếng* phát sinh thì nên thực-hành 3 pháp-giác-chi: phân-tích-giác-chi, tinh-tấn-giác-chi, hỷ-giác-chi, mà không nên thực-hành tịnh-giác-chi, định-giác-chi, xả-giác-chi.

Nếu khi có *phóng-tâm* phát sinh thì nên thực-hành 3 pháp-giác-chi: tịnh-giác-chi, định-giác-chi, xả-giác-chi, mà không nên thực-hành phân-tích-giác-chi, tinh-tấn-giác-chi, hỷ-giác-chi.

tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này phát sinh do nương nhờ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thứ ba** làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- **Trí-tuệ thứ nhất** thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo chân-ngĩa-pháp (paramatthadhamma).

- **Trí-tuệ thứ nhì** thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-sinh.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ ba** thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp do nhân-duyên-diệt.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** là tổng hợp 3 loại trí-tuệ trên làm nền tảng, làm nhân-duyên, để làm cho phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** gọi là **udayabbayānupassanāñāṇa** hoặc **udayabbayañāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Udayabbayānupassanāñāṇa gồm có 3 từ *udaya*, *vaya*, *anupassanāñāṇa*.

- **Udaya** nghĩa là *nibbattilakkhaṇa*: Trạng-thái-sinh, do nhân-duyên-sinh.

- **vaya**⁽¹⁾ nghĩa là *vipariṇāmalakkhaṇa*: Trạng-thái-biến-chất, trạng-thái-diệt do nhân-duyên-diệt.

¹ *Vaya* biến theo văn phạm Pāli trở thành *baya*, khi ghép với *udaya* thì trở thành *udayabbaya* + *ñāṇa* = *udayabbayañāṇa*.

- *anupassanāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thường dồi theo thấy rõ, biết rõ.

Udayabbayānupassanāñāṇa là trí-tuệ thiên-tuệ thường dồi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này mới chính thức gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ**, bởi vì thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh như thế nào?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh, thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt**, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Giải thích:

- **Sự sinh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại phát sinh do **nhân-duyên-sinh**.

- **Sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại phát sinh do **nhân-duyên-diệt**.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-

pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên phân chia 4 trường hợp như sau:

- **Sự sinh** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-sinh**.
- **Sự diệt** của sắc-pháp là do **nhân-duyên-diệt**.
- **Sự sinh** của danh-pháp là do **nhân-duyên-sinh**.
- **Sự diệt** của danh-pháp là do **nhân-duyên-diệt**.

1- Sự sinh của sắc-pháp là do nhân-duyên-sinh

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh** (*samudaya*):

- Sự sinh của sắc-pháp là do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của sắc-pháp là do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của sắc-pháp là do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của sắc-pháp là do **vật-thực** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của sắc-pháp (*nibbattilakkhaṇa*).

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, nghĩa là *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* có khả năng thấy rõ, biết rõ **quả sinh** do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh**.

2- Sự diệt của sắc-pháp là do nhân-duyên-diệt

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** (*nirodha*):

- Sự diệt của sắc-pháp là do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của sắc-pháp là do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của sắc-pháp là do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của sắc-pháp là do **vật-thực** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của sắc-pháp (*vipariṇāmalakkhaṇa*).

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **sắc-pháp hiện-tại do nhân-duyên-diệt**, nghĩa là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** có khả năng thấy rõ, biết rõ **quả diệt** do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-diệt**.

3- Sự sinh của danh-pháp là do nhân-duyên-sinh

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **danh-pháp hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh (samudaya)**:

- Sự sinh của danh-pháp là do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của danh-pháp là do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của danh-pháp là do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của danh-pháp là do **sắc-pháp, danh-pháp** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của danh-pháp (nibbattilakkhaṇa).

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-sinh**, nghĩa là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** có khả năng thấy rõ, biết rõ **quả sinh** do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-sinh**.

4- Sự diệt của danh-pháp là do nhân-duyên-diệt

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **danh-pháp hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt**:

- Sự diệt của danh-pháp là do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của danh-pháp là do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của danh-pháp là do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của danh-pháp là do **sắc-pháp, danh-pháp** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của danh-pháp (vipariṇāmalakkhaṇa).

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa này có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **danh-pháp**

hiện-tại do **nhân-duyên-diệt**, nghĩa là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4** có khả năng thấy rõ, biết rõ **quả diệt** do thấy rõ, biết rõ **nhân-duyên-diệt**.

Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp theo sát-na

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp:

- *Sắc-pháp sinh theo sát-na-sinh.*
- *Sắc-pháp diệt theo sát-na-diệt.*
- *Danh-pháp sinh theo sát-na-sinh.*
- *Danh-pháp sinh theo sát-na-diệt.*

* Sự sinh, sự diệt của danh-pháp

Danh-pháp đó là **tâm với tâm-sở** có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ. Như Đức-Phật dạy trong *Chi-bộ-kinh*, phần *Ekakanipāta* rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Như-Lai không thấy pháp nào có sự sinh, sự diệt vô cùng mau lẹ như tâm.*

Trong *Chú-giải Pāli* giảng giải rằng:

“*Chỉ một lần búng đầu móng tay, tâm với tâm-sở (danh-pháp) sinh rồi diệt 1,000 tỷ lần.*”⁽¹⁾

Mỗi **tâm với tâm-sở** có 3 sát-na là:

- 1- *Uppāda khaṇa: Sát-na-sinh.*
- 2- *Thiti khaṇa: Sát-na-trụ.*
- 3- *Bhaṅga khaṇa: Sát-na-diệt.*

* Sự sinh, sự diệt của sắc-pháp

Sắc-pháp đó là **nipphannarūpa** có 18 sắc-pháp thật thuộc về **chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)**⁽¹⁾ nên

¹ Chú-giải Sam. Khandhavagga, kinh Phenapiṇḍupamāsuttavaṇṇanā.

có sự sinh, sự diệt chậm hơn sự sinh, sự diệt của danh-pháp so sánh với thời gian 3 sát-na sinh-trụ-diệt của danh-pháp.

Sắc-pháp có 4 lakkhaṇarūpa là:

- 1- *Upacayarūpa*: Sắc-pháp sinh.
- 2- *Santatirūpa*: Sắc-pháp liên tục.
- 3- *Jaratārūpa*: Sắc-pháp già-dặn.
- 4- *Aniccatārūpa*: Sắc-pháp diệt.

Sắc-pháp có 4 trạng-thái: Sắc-pháp sinh, sắc-pháp liên tục, sắc-pháp già-dặn, sắc-pháp diệt, so sánh với 3 sát-na: Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt của danh-pháp:

- **Sắc-pháp-sinh** của sắc-pháp là tương đương với sát-na-sinh của danh-pháp.

- **Sắc-pháp liên tục** và **sắc-pháp già-dặn** là tương đương với sát-na-trụ của danh-pháp.

- **Sắc-pháp diệt** của sắc-pháp là tương đương với sát-na-diệt của danh-pháp.

Sắc-pháp sinh và **sắc-pháp diệt** có thời gian 1 sát-na giống như **sát-na-sinh** và **sát-na-diệt** của danh-pháp.

Nhưng **sắc-pháp trụ** (sắc-pháp liên tục và sắc-pháp già-dặn) có thời-gian trụ lâu hơn **sát-na-trụ** của danh-pháp, bằng 49 sát-na-nhỏ của danh-pháp.

Ví dụ: **Nhãn-môn lộ-trình-tâm** (*cakkhudvāravīthiccitta*) có **đối-tượng sắc** hình dạng rõ ràng gồm có đủ 17 sát-na-tâm, mỗi sát-na-tâm có 3 sát-na-nhỏ: Sát-na-sinh, sát-na-trụ, sát-na-diệt, nên 17 sát-na-tâm gồm có 51 sát-na nhỏ.

¹ 18 sắc-pháp là 4 sắc tứ đại + 5 tịnh sắc + 7 hoặc 4 sắc đối-tượng + 2 sắc tinh + 1 sắc-ý-căn + 1 sắc mạng chủ + 1 sắc vật-thực.

2- <i>Bhavaṅgalana</i> : Hộ-kiếp-tâm rung động	vt	(na)
3- <i>Bhavaṅgupaccheda</i> : Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt	vt	(da)
4- <i>Pañcadvāravajjanacitta</i> : Ngũ-môn hưởng-tâm	vt	(pañ)
5- <i>Cakkhuviññānacitta</i> : Nhãn-thức-tâm	vt	(cak)
6- <i>Sampaticchanacitta</i> : Tiếp-nhận-tâm	vt	(sam)
7- <i>Santīranacitta</i> : Suy-xét-tâm	vt	(san)
8- <i>Voṭṭhabbanacitta</i> : Xét-định-tâm	vt	(vot)
9- 15- <i>Javanacitta</i> : Tác-hành-tâm	vt	(ja)
16- 17- <i>Tadālabana</i> : Tiếp-đối-tượng-tâm	vt	(ta)
<i>Bhavaṅgacitta</i> : Hộ-kiếp-tâm	vt	(bha)

(Xem phần giải thích trong phần trước trang 16)

Sự sinh, sự diệt của ngũ-uẩn

Ngũ-uẩn là sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, mà **sự sinh, sự diệt** của mỗi uẩn có 5 trạng-thái như sau:

1- Sự sinh, sự diệt của sắc-uẩn

* Tri-tuệ thiên-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-uẩn hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh như sau:

- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của sắc-uẩn là do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của sắc-uẩn là do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của sắc-uẩn là do **vật-thực** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của sắc-uẩn.

* Tri-tuệ thiên-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-uẩn hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- Sự diệt của sắc-uẩn do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của sắc-uẩn do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của sắc-uẩn do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của sắc-uẩn do **vật-thực** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của sắc-uẩn.

2- Sự sinh, sự diệt của thọ-uẩn

* Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thọ-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh** như sau:

- Sự sinh của thọ-uẩn do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của thọ-uẩn do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của thọ-uẩn do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của thọ-uẩn do **xúc** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của thọ-uẩn.

* Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thọ-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** như sau:

- Sự diệt của thọ-uẩn do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của thọ-uẩn do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của thọ-uẩn do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của thọ-uẩn do **xúc** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của thọ-uẩn.

3-4- Sự sinh, sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn

* Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **tướng-uẩn, hành-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh** giống thọ-uẩn như sau:

- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của tướng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của tướng-uẩn, hành-uẩn.

* Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **tướng-uẩn, hành-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** giống thọ-uẩn như sau:

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **nghiệp** diệt.

- Sự diệt của tướng-uẩn, hành-uẩn do **xúc** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của tướng-uẩn, hành-uẩn.

5- Sự sinh, sự diệt của thức-uẩn

* *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **thức-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-sinh** như sau:

- Sự sinh của thức-uẩn do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của thức-uẩn do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của thức-uẩn do **nghiệp** sinh.
- Sự sinh của thức-uẩn do **sắc-pháp, danh-pháp** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của thức-uẩn.

* *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **thức-uẩn** hiện-tại do **5 nhân-duyên-diệt** như sau:

- Sự diệt của thức-uẩn do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của thức-uẩn do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của thức-uẩn do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của thức-uẩn do **sắc-pháp, danh-pháp** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của thức-uẩn.

* *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* udayabbayānupassanāññāna có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi **uẩn** hiện-tại do **nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt** như vậy, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi uẩn hiện-tại ấy.

- **Sắc-uẩn** thuộc về **sắc-pháp**.
- **Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn** thuộc về **danh-pháp**.

* *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* udayabbayānupassanāññāna thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **sắc-pháp, của danh-pháp** hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, nên diệt được **tà-kiến** loại **ucchedadiṭṭhi**: Đoạn-kiến, và thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của

sắc-pháp, của danh-pháp *hiện-tại do nhân-duyên-diệt*, nên diệt được **tà-kiến** loại *sassatadiṭṭhi*: Thường-kiến.

* *Trì-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** và **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp *hiện-tại do nhân-duyên-sinh và do nhân-duyên-diệt*, nên diệt được **tà-kiến** loại *attadiṭṭhi*: **Ngã-kiến** thấy sai, chấp lầm nơi danh-pháp, nơi sắc-pháp cho là **ngã**, là **ta**, là **người**, là **người nam**, là **người nữ**, là **chúng-sinh**, v.v...

Sự sinh, sự diệt của tứ-oai-nghi

Tứ-oai-nghi là oai-nghi đi, oai-nghi đứng, oai-nghi ngồi, oai-nghi nằm là sắc-pháp phát sinh do tâm gọi là **sắc-đi**, **sắc-đứng**, **sắc-ngồi**, **sắc-nằm** như sau:

- **Sắc-đi** là sắc-pháp phát sinh do tâm đó là tư thế đi, dáng đi một cách tự nhiên.
- **Sắc-đứng** là sắc-pháp phát sinh do tâm đó là tư thế đứng, dáng đứng một cách tự nhiên.
- **Sắc-ngồi** là sắc-pháp phát sinh do tâm đó là tư thế ngồi, dáng ngồi một cách tự nhiên.
- **Sắc-nằm** là sắc-pháp phát sinh do tâm đó là tư thế nằm, dáng nằm một cách tự nhiên.

* *Trì-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của **sắc-đi**, **sắc-đứng**, **sắc-ngồi**, **sắc-nằm** hiện-tại do 5 nhân-duyên-sinh.

- Sự sinh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **vô-minh** sinh.
- Sự sinh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **tham-ái** sinh.
- Sự sinh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **nghiệp** sinh.

- Sự sinh của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **vật-thực** sinh.
- **Trạng-thái-sinh** của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại.

* Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại do 5 nhân-duyên-diệt như sau:

- Sự diệt của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **vô-minh** diệt.
- Sự diệt của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **tham-ái** diệt.
- Sự diệt của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **nghiệp** diệt.
- Sự diệt của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại là do **vật-thực** diệt.
- **Trạng-thái-diệt** của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại.

* Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna có khả năng thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-đi, sắc-đứng, sắc-ngồi, sắc-nằm hiện-tại do **nhân-duyên-sinh**, do **nhân-duyên-diệt** như vậy, nên hiện rõ 3 **trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mỗi sắc-đi, mỗi sắc-đứng, mỗi sắc-ngồi, mỗi sắc-nằm hiện-tại ấy.

Trạng-thái-chung sāmāññalakkhaṇa

Tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp là pháp-hữu-vi (saṅkhatadhamma) thuộc về chân-nghiã-pháp (paramatthadhamma) trong tam-giới đều có **sự sinh, sự diệt**, đều có 3 **trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.

1- **Trạng-thái vô-thường** (*aniccalakkhaṇa*) với ý nghĩa là tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp sinh rồi diệt (*aniccam khayatṭhena*), vì có rồi không (*hutvā abhavatṭhena aniccā*).

2- **Trạng-thái khổ** (*dukkhalakkhaṇa*) với ý nghĩa là tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thật là đáng kinh sợ, (*dukkham bhayatṭhena*), vì sinh rồi diệt luôn luôn hành hạ (*uppādavayapaṭipīlanatṭhena dukkhā*).

3- **Trạng-thái vô-ngã** (*anattalakkhaṇa*) với ý nghĩa là tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp đều là vô dụng (*anattā asārakatṭhena*), vì không chiều theo ý muốn của ai cả (*avasavattanatṭhena anattā*).

Mỗi sắc-pháp nào, mỗi danh-pháp nào phát sinh do nhân-duyên nào sinh, rồi danh-pháp ấy, sắc-pháp ấy cũng diệt do nhân-duyên ấy diệt.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có 2 loại:

1- **Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa** là trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu.

2- **Balava udayabbayānupassanāñāṇa** là trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 có nhiều năng lực.

1- Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa

Taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa là trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu, nên **vipassanupakkilesa** có 10 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ là **phi-đạo** (*amagga*) phát sinh xen vào làm trở ngại trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy không thể phát triển lên các trí-tuệ thiên-tuệ bậc cao được.

2- Balava udayabbayānupassanāñāṇa

Balava udayabbayānupassanāñāṇa là trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có nhiều năng lực thoát khỏi **vipassanupakkilesa**: 10 loại pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ (vipassanupakkilesavimutta).

Hành-giả tiếp tục thực-hành đúng theo **pháp-hành trung-đạo** (majjhimāpaṭipadā), thực-hành đúng theo **chánh-đạo** (maggapaṭipadā), thực-hành đúng theo pháp-hành thiên-tuệ làm cho các trí-tuệ thiên-tuệ bậc cao phát triển, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Giảng giải Taruṇa Udayabbayānupassanāñāṇa

Hành-giả thuộc về hạng người tam-nhân (tīhetuka-puggala) có giới hạnh trong sạch làm nền tảng, có định-tâm vững vàng, có sự tinh-tấn không ngừng, đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh, thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.

Đối với hành-giả ấy ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, tuy **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** udayabbayānupassanāñāṇa này đã phát sinh, nhưng vẫn còn non yếu, gọi là **taruṇa udayabbayānupassanāñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu, nên vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh xen vào làm trở ngại trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy, không thể phát triển lên các trí-tuệ thiên-tuệ bậc cao hơn được.

Vipassanupakkilesa là thế nào?

Vipassanupakkilesa là do 2 danh từ ghép:

Vipassanā + *upakkilesa*

- ***Vipassanā*** đó là *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu.

- ***upakkilesa***: *Pháp bản* đó là ***tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái*** phát sinh xen vào làm trở ngại *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu không thể phát triển lên *trí-tuệ thiền-tuệ* bậc cao được.

Vipassanupakkilesa có 10 loại *pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu đó là *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upatthāna, upekkhā, nikanti*.

Trong 10 pháp này có 9 loại pháp bản kể từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thuộc về *thiền-pháp*, không phải ác-pháp, chỉ là đối-tượng của ***tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái*** mà thôi.

Còn ***nikanti*** không chỉ là đối-tượng của ***tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái***, mà còn là *phiền-não vô cùng vi-tế* khó biết được nữa.

10 loại *pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy thật là lạ thường, chưa từng có từ trước đây đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành *thiền-tuệ*, làm cho hành-giả hài lòng hoan hỷ dính mắc nơi *pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy*, rồi thấy sai, chấp lầm nơi *pháp bản ấy không phải Thánh-đạo cho là Thánh-đạo, không phải Thánh-quả cho là Thánh-quả*. Cho nên, các *trí-tuệ thiền-tuệ* bậc cao không phát triển được.

Vấn: *Vipassanupakkilesa*: Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ khi nào?

- Và không phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thuộc hạng hành-giả nào?

Đáp: *Vipassanupakkilesa*: Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ này phát sinh đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có sự tinh-tấn thực-hành đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñña* phát sinh còn non yếu.

- Và *vipassanupakkilesa*: Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ không phát sinh đối với 4 hạng hành-giả sau:

1- Bậc Thánh-nhân đã từng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn rồi.

2- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ không đúng theo pháp-hành trung-đạo, nghĩa là không đúng theo pháp-hành tứ-niệm-xứ hoặc pháp-hành thiên-tuệ.

3- Hành-giả không tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ nữa. (ngưng không thực-hành pháp-hành thiên-tuệ).

4- Hành-giả tuy thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đúng ở giai đoạn ban đầu, nhưng là hạng hành-giả không có sự tinh-tấn nhiều.

Đối với 4 hạng hành-giả này, *vipassanupakkilesa*: Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ, không phát sinh.

Vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ

Vipassanupakkilesa có 10 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ:

1- *Obhāsa*: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiên-tuệ.

2- *Nāṇa*: Trí-tuệ của trí-tuệ thiên-tuệ.

- 3- *Pīti*: Hỷ đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.
- 4- *Passadhi*: An-tịnh đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.
- 5- *Sukha*: An-lạc đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.
- 6- *Adhimokkha*: Đức-tin phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.
- 7- *Paggaha*: Tinh-tấn phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.
- 8- *Upaṭṭhāna*: Niệm phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.
- 9- *Upekkhā*: Xả đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ.
- 10- *Nikanti*: Tâm ham muốn phát sinh trong 9 pháp bản từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* ở trên.

Đó là 10 loại pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ⁽¹⁾ phát sinh đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, có sự tinh-tấn nhiều, đến khi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāna* phát sinh còn non yếu.

- Hành-giả hiểu lầm, bị dính mắc trong pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy, nên trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 ấy không thể phát triển lên trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao được, bởi vì hiểu sai chấp lầm nơi pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy, rồi cho là “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả!*”

Cho nên, hành-giả vô cùng hoan hỷ hài lòng dính mắc trong pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy.

Giảng giải 10 pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ

1- *Obhāsa*: *Vipassanobhāsa*: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāna* phát sinh, đang còn non yếu, đồng thời ánh sáng này cũng phát sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

***Vipassanobhāsa*:** Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiền-tuệ thật là lạ thường chưa từng thấy trước đây bao giờ,

¹ Bộ *Visuddhimagga*, phần *Vipassanupakkilesakathā*.

nên hành-giả hiểu sai chấp lầm là “*ánh sáng như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ! Vậy, chắc chắn ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp ánh sáng ấy* không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *pháp ánh sáng ấy* không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Vì vậy, hành-giả bỏ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc* mà trước đây *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna* đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái-vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại ấy.*

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *vipassanobhāsa*: *Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 ấy.*

Vipassanobhāsa: *Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 ấy* tỏa ra hẹp hoặc rộng như thế nào tùy theo năng lực định-tâm của mỗi hành-giả.

- *Ánh sáng này tỏa ra trong căn phòng, trong chùa.*
- *Ánh sáng này tỏa rộng ra nửa do-tuần.*
- *Ánh sáng này tỏa rộng ra 1 do-tuần.*
- *Ánh sáng này tỏa rộng ra 2, 3, 4, 5, ... do-tuần.*
- *Ánh sáng này tỏa rộng ra từ mặt đất lên đến các tầng trời dục-giới, đến các tầng trời sắc-giới phạm-thiên, cho đến tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.*

Vipassanobhāsa: *Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 ấy* thường phát sinh đối với hành-giả trước kia đã từng thực-hành pháp-hành thiên-định, đã chứng đắc các bậc thiên, rồi tiếp theo thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna* phát sinh còn non yếu, nên ánh sáng cũng phát sinh từ *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Vipassanobhāsa: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 ấy gọi là *vipassanupakkilesa*, bởi vì không chỉ làm trở ngại trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayañāṇa* còn non yếu không thể phát triển lên các trí-tuệ thiên-tuệ bậc cao, mà còn làm đối-tượng của *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến chấp thủ* nữa.

Tuy nhiên, trường hợp ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ toàn-giác (*sabbaññutañāṇa*) của Đức-Phật Gotama có khả năng chiếu sáng thấu suốt 10.000 thế giới chúng-sinh, thì không phải là *vipassanupakkilesa*.

2- *Nāṇa*: *Vipassanāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu. Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 này đang thấy rõ, biết rõ sâu sắc **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, thì **trí-tuệ đặc biệt vô cùng sắc bén, thấu suốt các pháp phát sinh chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ**.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm trí-tuệ ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, trí-tuệ ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ **đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc, ...**

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi trí-tuệ đặc biệt này

3- *Pīti*: *Vipassanāpīti*: Hỷ đồng sinh với trí-tuệ thiên-tuệ

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanā-*

ñāṇa phát sinh đang còn non yếu, đồng thời **hỷ tâm-sở** (*pīti*) đồng sinh với trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Pīti có 5 loại:

- 1- *Khuddakāpīti*: Hỷ chút ít, cảm giác nổi da gà.
- 2- *Khaṇikāpīti*: Hỷ mỗi sát-na, cảm nhận như tia chớp.
- 3- *Okkantikāpīti*: Hỷ có trạng-thái rung người qua lại, như ngồi trên thuyền có sóng nhấp nhô.
- 4- *Ubbegāpīti*: Hỷ có trạng-thái làm cho thân tâm nhẹ như bay bổng lên.
- 5- *Pharaṇāpīti*: Hỷ có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu.

Pharaṇāpīti: Hỷ có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu đồng sinh với trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu, nên hành-giả cảm giác **pháp hỷ** có trạng-thái tỏa khắp toàn thân, tâm an-lạc trong thời gian lâu chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là “Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!” ...

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp hỷ* ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *pháp hỷ* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp* gốc...

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *pháp hỷ* ấy.

4- **Passaddhi**: *Vipassanāpassaddhi*: An-tĩnh đồng sinh với trí-tuệ thiên-tuệ.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành-thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanā-*

nāṇa phát sinh đang còn non yếu, đồng thời có **an-tịnh tâm-sở** đồng sinh với *trí-tuệ thiền-tuệ* thứ 4 còn non yếu ấy.

Khi hành-giả ấy thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, ban đêm hoặc ban ngày, cảm giác **thân và tâm an-tịnh**, không có những điều như:

- Không có sự nóng nảy bức dọc.
- Không có sự nặng nề khó chịu.
- Tay chân không cứng nhắc.
- Không có sự cử động khó khăn.
- Không có sự khổ thân, khổ tâm.
- Không có sự giả dối.

Mà chỉ có cảm giác **thân và tâm an-tịnh** như:

- Thân tâm thanh-tịnh an lành.
- Thân tâm nhẹ nhàng.
- Thân tâm nhu nhuyễn.
- Thân tâm uyển chuyển.
- Thân tâm trong sáng.
- Sự chân thật ngay thẳng.

Hành-giả cảm giác **thân tâm an-tịnh** chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*” ...

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp an-tịnh* ấy, không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *pháp an-tịnh* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp* gốc...

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi sắc-thân tâm *an-tịnh* ấy.

5- Sukha: *Vipassanāsukha: An-lạc đồng sinh với trí-tuệ thiên-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-ñāna* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời **thọ lạc tâm-sở** đồng sinh với *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Pháp an-lạc vô cùng vi-tế phát sinh làm cho toàn thân và tâm cảm giác an-lạc không sao diễn tả được. *Pháp an-lạc lạ thường chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.*

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*” ...

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm **thọ lạc** ấy, không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**; **thọ lạc** ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ **đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc**...

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi **thọ lạc** ấy.

6- Adhimokkha: *Saddhā, vipassanāsaddhā: Đức-tin đồng sinh với trí-tuệ thiên-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāna* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời **đức-tin tâm-sở** đồng sinh với *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4* còn non yếu ấy.

Adhimokkha trở nên *vipassanupakkilesa* là sự trong sáng của đại-thiện-tâm có đức-tin vô cùng trong sạch và nhiều năng lực. *Tâm với tâm-sở* trong sáng có đức-tin trong sạch hoàn toàn như vậy, nên hành-giả nghĩ rằng:

“*Ta muốn những người thân của ta cũng thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, để họ có đức-tin trong sạch như ta.*”

“*Ta có được đức-tin hoàn toàn trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo như thế này là nhờ vị Thầy chỉ dạy pháp-hành thiên-tuệ cho ta. Ân đức Thầy thật vô cùng lớn lao quá đối với ta.*”

Nghĩ chuyện này sang chuyện khác, hành-giả hài lòng hoan hỷ trong những chuyện phước-thiện ấy với đức-tin hoàn toàn trong sạch của mình.

Thầy **đức-tin** hoàn toàn trong sạch như vậy, nên hành-giả nghĩ rằng: “*Đức-tin hoàn toàn trong sạch như thế này chưa từng có từ trước đây bao giờ.*”

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”...

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm nơi **đức-tin** ấy, không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, **đức-tin** ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ **đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc**...

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi **đức-tin** ấy.

Thật ra, **đức-tin hoàn toàn trong sạch** là điều tốt, dù **đức-tin đồng sinh** với **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** còn non yếu vẫn là **đức-tin** trong sạch thanh-tịnh mà người thường không dễ có được, nhưng **đức-tin** ấy trở thành **vipassanupakkilesa**, bởi vì tâm hài lòng hoan hỷ trong **đức-tin** ấy, mà sao lãng phận sự thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, làm cho **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñña** còn non yếu không phát triển lên các trí-tuệ thiên-tuệ bậc cao.

7- Paggāha: *Vipassanāvīriya: Tinh-tân đồng sinh với trí-tuệ thiên-tuệ.*

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanā-**

nāna phát sinh, đang còn non yếu đồng thời **tinh-tân tâm-sở đồng sinh** với trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Tâm tinh-tân không hăng hái quá cũng không chênh mảng quá, tinh-tân đều đặn không ngừng thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, không có cảm giác mệt nhọc, nên hành-giả nghĩ rằng:

“*Từ trước đây, dù có vị Thiên-su thường động viên khuyến khích ta cố gắng tinh-tân thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, mà vẫn cảm thấy khó khăn, mệt nhọc, không thể cố gắng tinh-tân nổi. Nhưng bây giờ, ta có tâm tinh-tân đặc biệt tự nhiên, thuận lợi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, thì thật là lạ thường chưa từng có từ trước đây bao giờ.*”

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là “*Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”...

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp tinh-tân ấy*, không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *pháp tinh-tân ấy* không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên, hành-giả bỏ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc*...

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *pháp tinh-tân ấy*.

8- Upaṭṭhāna: *Sati: Niệm đồng sinh* với trí-tuệ thiên-tuệ.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanā-nāna* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời **niệm tâm-sở đồng sinh** với trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Nếu *sati* là *sammāsati*: Chánh-niệm thì đó là niệm-thân, niệm-thọ, niệm-tâm, niệm-pháp mà thôi, gọi là pháp-hành tứ-niệm-xứ.

Upaṭṭhāna: Sati là vipassanupakkilesa là niệm tâm-sở đồng sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa có khả năng đặc biệt niệm ghi nhớ vững chắc các đối-tượng, không bị lay động.

Nếu hành-giả niệm đến đối-tượng nào thì đối-tượng ấy hiện rõ trong tâm ngay. Ví như hành-giả có nhãn thông, muốn nhìn thấy cỗi chúng-sinh nào dù gần dù xa thì cỗi chúng-sinh ấy hiện rõ trong tâm ngay như thế ấy. Niệm là *Upaṭṭhāna* phát sinh đến với hành-giả như vậy.

Đó là niệm chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.

Vì vậy, hành-giả hiểu sai, chấp lầm là “Ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!”...

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm pháp *upaṭṭhāna*: Sati ấy không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, pháp *upaṭṭhāna*: Sati ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả**.

Cho nên hành-giả bỏ *đối-tượng thiền-tuệ sắc-pháp, danh-pháp gốc*...

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi pháp *upaṭṭhāna*: Sati ấy.

9- Upekkhā: Vipassanupekkhā và āvajjanupekkhā:

- Vipassanupekkhā: Xả là tâm trung-dung trong tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Āvajjanupekkhā: Xả là tâm trung-dung khi phát sinh trong ý môn.

Upekkhā này phát sinh đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh đang còn non yếu, đồng thời **upekkhā** phát sinh với trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Khi hành-giả hướng tâm đến bất cứ đối-tượng nào thì *tâm có upekkhā* đặc biệt nhiều năng lực này phát sinh, không hài lòng cũng không nhàm chán các đối-tượng ấy, giống như hành-giả không có phiền-não, tâm hành-giả không hề rung động đối với tất cả các đối-tượng.

Đó là *tâm upekkhā* nhiều năng lực vững chắc, dù có đối-tượng như thế nào tiếp xúc, tâm vẫn không lay động, *tâm có upekkhā* đặt *trung-dung* trong mọi đối-tượng. Cho nên hành-giả cảm thấy quá lạ thường chưa từng có bao giờ. Vì vậy, hành-giả hiểu sai chấp làm là “*Ta là bậc Thánh A-ra-hán rồi! Bởi vì tâm upekkhā của ta đặt trung-dung trong mọi đối-tượng, không còn tham muốn hoặc nhàm chán nữa.*”

Sự diệt phiền-não, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn là như vậy!”

Đó là do **tà-kiến** nương nhờ *upekkhā* ấy.

- Tiếp theo nghĩ sai rằng: “*Ta là người có đầy đủ các pháp-hạnh ba-la-mật, nên thực-hành không lâu thì chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt mọi phiền-não dễ dàng như vậy, không có ai như ta.*”

Đó là do **ngã mạn** nương nhờ *upekkhā* ấy.

- Tiếp theo nghĩ sai rằng: “*Ta được an nhiên tự tại rồi. Đối với tất cả mọi đối-tượng, ta không còn tham muốn, cũng không nhàm chán nữa. Đối với mọi người, ta không còn thương, không còn ghét, không còn vui, không còn buồn, không còn lo lắng khổ tâm như mọi người nữa. Xin cho tôi luôn luôn được như vậy.*”

Đó là do **tham-ái** nương nhờ *upekkhā* ấy.

Thật ra, *tâm upekkhā* này là *vipassanupakkilesa* thuộc về thiện-pháp, không phải ác-pháp, nhưng hành-giả hiểu

sai, chấp lầm *upekkhā* này nên làm nơi nương nhờ của tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái phát sinh.

10- Nikanti: *Vipassanānikanti:* Tâm ham muốn phát sinh từ trí-tuệ thiên-tuệ.

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh đang còn non yếu, đồng thời **tâm ham muốn phát sinh từ trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.**

Nikanti: Tâm ham muốn này vô cùng vi-tế, có trạng-thái ham thích phát sinh đến với hành-giả, làm cho hành-giả ham mê trong các pháp *vipassanupakkilesa* từ *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upatthāna, upekkhā.*

Nikanti: Tâm ham muốn vô cùng vi-tế, có trạng-thái ham thích trong các pháp *vipassanupakkilesa*, mà không dễ có ai biết được rằng: *Tâm ham muốn này là kilesa: Phiền-não (tham-ái).*

Cũng như các pháp *vipassanupakkilesa* như *obhāsa, ñāṇa, v.v...* khác, **nikanti:** Tâm ham muốn tha thiết trong các pháp từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thật là lạ thường chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ, nên hành-giả hiểu sai chấp lầm là “*ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!*”

Do hiểu sai như vậy, nên hành-giả chấp lầm *pháp nikanti* ấy, không phải là **Thánh-đạo** cho là **Thánh-đạo**, *pháp nikanti* ấy không phải là **Thánh-quả** cho là **Thánh-quả.**

Vì vậy, hành-giả bỏ *đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp* gốc mà trước đây *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, nên hiện rõ 3

trạng-thái-chung: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.*

Bây giờ, hành-giả hài lòng hoan hỷ nơi *nikanti*: *Tâm ham muốn phát sinh từ 9 pháp phiền-não từ obhāsa cho đến upekkhā.*

* Tích Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera

Tích Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera trú tại *Uccavālika*, là vị Thầy của *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera*.

Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera ở tại *Talaṅgara*, chúng đắc thành bậc *Thánh A-ra-hán* cùng với *tứ tuệ phân tích, các phép thần-thông*.

Một hôm, ngồi nghỉ trưa, *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* suy xét rằng:

“*Kinnu kho amhākaṇ ācariyassa Uccavālikavāsīmahānāgatttherassa samaṇabhāvakkiccam matthakam pattam, no.*”

“*Phận sự của bậc xuất gia nên thực-hành của Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera* trú tại *Uccavālika*, vị Thầy của chúng ta đã hoàn thành hay chưa?”

“*Với tâm thần-thông, Ngài Trưởng-lão thấy rõ, biết rõ Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera* vẫn còn là hạng *phàm-nhân, chưa phải bậc Thánh-nhân. Nếu ta không đến thức tỉnh Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera* thì Ngài sẽ vẫn còn là hạng *phàm-nhân* đến khi chết.”

Sau khi suy xét như vậy, dùng *phép thần thông* bay lên hư không, *Ngài Trưởng-lão Dhammadinnatthera* đến

¹ Bộ *Visuddhimagga*, trong phần *Vipassanupakkilesakathā*.

hầu đánh lễ Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera*, rồi ngồi một nơi hợp lễ.

Thấy Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* đến không phải lúc, Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* bèn hỏi rằng:

- *Này Dhammadinna! Có việc gì mà con đến gặp thầy trong lúc này vậy con?*

Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* bạch rằng:

- *Kính bạch Thầy, con đến để hỏi những câu hỏi, kính xin Thầy giải đáp.*

- *Này Dhammadinna! Con hãy hỏi những câu hỏi ấy, nếu biết thì Thầy giải đáp cho con rõ.*

Được có cơ hội, Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* bạch hỏi hàng ngàn câu hỏi, câu hỏi nào Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* đều giải đáp rành rẽ đúng đắn hợp với giáo pháp của Đức-Phật. Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* tán dương ca tụng trí-tuệ của Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera*, tiếp theo Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* bạch hỏi rằng:

- *Kính bạch Thầy, Thầy đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán cùng với tứ tuệ phân tích từ khi nào vậy? Bạch Thầy.*

Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* cho biết rằng:

“*Ito satthivassakāle, āvuso.*”

- *Này Dhammadinna! Thầy đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán cách đây 60 năm qua rồi.*

- *Kính bạch Thầy, xin Thầy hóa phép thân thông?*

- *Này Dhammadinna! Điều ấy không khó đối với Thầy.*

- *Kính bạch Thầy, xin Thầy hóa ra một con voi.*

Nghe Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* yêu cầu như vậy, Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* liền hóa ra một con bạch tượng to lớn.

Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* yêu cầu Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* sai khiến cho con bạch tượng dựng 2 lỗ tai, dựng thẳng đuôi, dở vòi chạy đến.

Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* sai khiến con bạch tượng làm như vậy.

Khi nhìn con bạch tượng chạy nhào đến như gậy tai hoạ thì Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* đứng dậy để chạy thoát thân.

Ngay khi ấy, Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* nắm chéo y của Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera*, rồi bạch rằng:

“*Bhante, khīṇāsavassa sārattaṃ nāma hoti.*”

- Kính bạch Thầy, gọi là bậc Thánh *A-ra-hán* có còn sợ hãi nữa không?”

Ngay khi ấy, Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* mới biết mình còn là phàm-nhân, nên xin Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* rằng:

“*Avassayo me āvuso Dhammadinna hohi.*”

- Này *Dhammadinna!* Xin con làm nơi nương nhờ của Thầy! Rồi Ngài *Trưởng-lão* ngồi chồm hóm dưới chân. (*padamūle ukkuṭikaṃ nisīdi*).

Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* bạch rằng:

- Kính bạch Thầy, con đã đến đây, chỉ làm nơi nương nhờ của Thầy mà thôi. Kính xin Thầy không nên bận tâm.

Bạch với Thầy như vậy, Ngài *Trưởng-lão Dhammadinnatthera* hướng dẫn đối-tượng thiên-tuệ cho Thầy.

Sau khi học đối-tượng thiên-tuệ ấy xong, Ngài *Trưởng-lão Mahānāgatthera* bắt đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, sử dụng *oai-nghi đi* gọi là *sắc-đi* đến

bước thứ ba, (tatiye padavāre), liền chứng ngộ chân-lý từ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán ngay khi ấy.

Thật ra, 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm chỉ có khả năng diệt bằng cách chế-ngự, đè nén phiền-não (*vikkhambhanappahāna*) mà thôi, nếu khi có cơ hội thì phiền-não phát sinh trở lại; chỉ có 4 Thánh-đạo-tuệ mới có khả năng diệt tận được (*samucchadappahāna*) mọi phiền-não mà thôi. Phiền-não nào đã bị diệt tận được rồi, bất cứ cơ hội nào, phiền-não ấy cũng không bao giờ phát sinh lên được nữa.

Trường hợp Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera từ trước đây vốn đã chứng đắc bậc thiên sắc-giới thiện-tâm, bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, nên chỉ có khả năng diệt bằng cách chế-ngự, đè nén phiền-não (*vikkhambhanappahāna*) mà thôi, cho nên suốt 60 năm, phiền-não nào cũng không phát sinh. Vì vậy, Ngài Trưởng-lão Mahānāgattthera tưởng lầm là “*ta đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán*”.

Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ có 10 loại

Tóm lại, mười loại pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu như sau:

- Chín loại pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu kể từ *obhāsa* cho đến *upekkhā* thuộc về thiện-pháp, không phải là ác-pháp, chỉ là đối-tượng của tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái mà thôi.

- *Nikanti* không chỉ là đối-tượng của phiền-não tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái mà còn là *phiền-não* nữa.

Tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái chấp thủ trong 10 loại pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu như thế nào?

Đối với hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa phát sinh đang còn non yếu, nên thường phát sinh vipassanupakkilesa gồm có 10 loại pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 ấy.

Mười loại pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ ấy không những làm trở ngại cho trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu không thể phát triển lên trí-tuệ thiên-tuệ bậc cao được, mà còn làm đối-tượng của **tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái** dính mắc trong 10 loại pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ ấy nữa.

Bộ Visuddhimagga, trong phần Vipassanupakkilesa-kathā giảng giải về sự dính mắc như sau:

Ví dụ: **Obhāso**: Ánh sáng phát sinh từ trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy rằng:

“Mama obhāso uppanno.”

Ánh sáng đã phát sinh đến với ta rồi!

Nếu hành-giả chấp thủ như vậy, thì gọi là *ditthigāha*: Chấp thủ do năng lực của **tà-kiến**.

“Manāpo vata obhāso uppanno.”

Ánh sáng đã phát sinh đối với ta, xinh đẹp lạ thường thật đáng hài lòng hoan hỷ quá!

Nếu hành-giả chấp thủ như vậy, thì gọi là *mānagāha*: Chấp thủ do năng lực của **ngã-mạn**.

“Obhāsaṃ assādayato.”

Hành-giả vô cùng hài lòng hoan hỷ nơi ánh sáng ấy.

Nếu hành-giả chấp thủ như vậy, thì gọi là *taṇhāgāha*: *Chấp thủ do năng lực của tham-ái*.

Chín pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu còn lại cũng tương tự như *obhāsa*, mỗi *vipassanupakkilesa* có **tà-kiến, ngã-mạn, tham-ái** chấp thủ như vậy, nên 10 loại pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy gồm có 30 loại pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy.

*** Không nhận thức được pháp bản của thiền-tuệ**

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, chưa có đủ kinh nghiệm, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu, nên thường phát sinh *vipassanupakkilesa*: *Pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ* có 10 pháp là *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upaṭṭhāna, upekkhā, nikanti* thật lạ thường mà hành-giả chưa từng có từ trước đây như thế này bao giờ.

Hơn nữa, hành-giả là người ban đầu phát sinh trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 còn non yếu, tâm không biết nhận thức như thế nào là *magga*: *Chánh-đạo*, như thế nào là *amagga*: *Phi-đạo*, nên chấp thủ trong *vipassanupakkilesa*: *10 pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy*, do năng lực của **tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến** chấp thủ rằng:

“*Etam mama, eso ’ham ’asmi, eso me attā.*”

- *Pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy là của ta (etam mama)* chấp thủ do năng lực của **tâm tham-ái**.

- *Pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy là ta (eso ’ham ’asmi)* chấp thủ do năng lực của **tâm ngã-mạn**.

- *Pháp bản của trí-tuệ thiền-tuệ ấy là tự ngã của ta (eso me attā)* chấp thủ do năng lực của **tâm tà-kiến**.

Mười pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy bị chấp thủ do năng lực của *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến*, nên gồm có 30 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy.

Thật ra, trong 10 loại pháp bản của trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy, có 9 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 ấy kể từ *obhāsa, ñāṇa, pīti, passaddhi, sukha, adhimokkha, paggaha, upatthāna, upekkhā* thuộc về thiện-pháp, không phải là ác-pháp, bởi vì 9 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 còn non yếu ấy phát sinh do hành-giả đã thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đúng theo pháp-hành trung-đạo phần đầu, đạt đến trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa tuy còn non yếu, nhưng không phải là điều dễ được.

Như vậy, 9 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ ấy vốn là thiện-pháp, không phải ác-pháp.

Sở dĩ 9 pháp ấy gọi là *vipassanupakkilesa*: Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ là vì *tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến* nương nhờ nơi 9 pháp ấy làm cho 9 pháp ấy trở thành pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa còn non yếu ấy.

Còn *nikanti* là phiền-não vô cùng vi-tế thật khó biết.

* Nhận thức được pháp bản của thiên-tuệ

Khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sâu sắc biết nhận thức đúng đắn thấy rõ, biết rõ được rằng:

- 10 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa ấy, đó là *amagga*: Phi-đạo không dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

- Còn đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp mà trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa đã

thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, đã thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, đó chính là **chánh-đạo** (magga) dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi tà-kiến, mọi tham-ái, mọi ngã-mạn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Khi ấy, 9 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayab-bayānupassanāñāṇa không còn bản nữa, bởi vì tham-ái, ngã-mạn, tà-kiến không còn nương nhờ nơi 9 pháp vipassanupakkilesa ấy nữa. Cho nên, 9 loại pháp ấy trở lại thuần túy thiện-pháp mà thôi.

Hành-giả có trí-tuệ sáng suốt biết nhận thức đúng đắn thấy rõ, biết rõ rằng:

“*Netam mama, neso ’ham ’asmi, na meso attā.*”

- Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ ấy không phải là của ta (*netam mama*), không còn chấp thủ do năng lực của **tâm tham-ái**.

- Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ ấy không phải là ta (*neso ’ham ’asmi*), không còn chấp thủ do năng lực của **tâm ngã-mạn**.

- Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ ấy không phải là tự ngã của ta (*na meso attā*), không còn chấp thủ do năng lực của **tâm tà-kiến**.

Ví dụ: *Nñāṇa*: Vipassanāññāṇa là vipassanupakkilesa như sau:

- *Nñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ ấy không phải là của ta (*netam mama*), không còn chấp thủ do năng lực của **tâm tham-ái**.

- *Nāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ ấy không phải là ta (*neso'ham'asmi*), không còn chấp thủ do năng lực của **tâm ngã-mạn**.

- *Nāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ ấy không phải là tự ngã của ta (*na meso attā*), không còn chấp thủ do năng lực của **tâm tà-kiến**.

Cũng như vậy, hành-giả có trí-tuệ sáng suốt biết nhận thức đúng đắn thấy rõ, biết rõ 9 *vipassanupakkilesa* còn lại tương tự như **nāṇa** vậy.

Khi ấy, hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt, sâu sắc thấu suốt, biết nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng:

- Mười pháp *vipassanupakkilesa* là **amagga**: **Phi-đạo** không phải là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, không phải là pháp-hành dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

- Và đối-tượng thiên-tuệ sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại mà trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanā-nāṇa* đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại; đã thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại. Đó chính là **magga**: **Chánh-đạo** đúng là pháp-hành trung-đạo, pháp-hành thiên-tuệ là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, là pháp-hành dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh *A-ra-hán*.

Sau khi biết nhận thức đúng đắn thấy rõ, biết rõ như vậy, hành-giả từ bỏ **amagga**: Phi-đạo thực-hành theo **magga**: Chánh-đạo đó là thực-hành theo pháp-hành trung-đạo, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ như trước,

đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh trở lại có nhiều năng lực, thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có năng lực phát sinh, chính thức đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5** gọi là **maggāmaggañāṇadassanavisuddhi**: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh là **pháp-thanh-tịnh thứ 3** trong pháp-hành thiền-tuệ.

Khi đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5, maggāmaggañāṇadassanavisuddhi**: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh, thì xem như hành-giả biết rõ được **3 sự thật chân-lý** với *trí-tuệ trong tam-giới (lokiyañāṇa)* như sau:

- Hành-giả thấy rõ, biết rõ **sự-thật chân-lý khổ-đế** (*dukkhasacca*) với *trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa*, đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3 ditthivisuddhi**: Chánh-kiến thanh-tịnh.

- Hành-giả thấy rõ, biết rõ **sự-thật chân-lý nhân sinh khổ-đế** (*samudayasacca*) với *trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa*, đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4 kaṅkhāvitaraṇavisuddhi**: Trí-tuệ thoát-ly hoại-nghi thanh-tịnh.

- Hành-giả thấy rõ, biết rõ **sự-thật chân-lý pháp-hành dẫn đến diệt khổ-đế** (*maggasacca*) với *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 3 sammasañāṇa* và *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa*, đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5 maggāmaggañāṇadassanavisuddhi**: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến-thanh-tịnh.

2- Balava udayabbayānupassanāñāṇa

Sau khi hành-giả là bậc thiện-trí có trí-tuệ sáng suốt nhận thức thấy rõ, biết rõ *các pháp phi-đạo (amagga)*, và *chánh-đạo (magga)*, nên từ bỏ *các pháp phi-đạo*, rồi thực-hành theo *pháp-hành chánh-đạo* là thực-hành theo *pháp-hành trung-đạo (majjhimāpaṭipadā)*, tiếp tục thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực (*balava udayabbayānupassanāñāṇa*) phát sinh, nên có khả năng thoát khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ (*upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa*) thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Tính chất đặc biệt của udayabbayānupassanāñāṇa

- Khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có năng lực đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 5* gọi là *maggāmaggañāṇadassanavisuddhi*: *Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh* là *pháp-thanh-tịnh thứ 3* trong *pháp-hành thiên-tuệ*.

- Khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực (*balava udayabbayānupassanāñāṇa*) có khả năng thoát khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ (*upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa*) đạt đến *pháp-thanh-tịnh thứ 6* gọi là *paṭipadāñāṇadassanavisuddhi*: *Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh* thuộc về *pháp-thanh-tịnh thứ 4* của *pháp-hành thiên-tuệ*.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* này thuộc về *tiraṇapariññā*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-

pháp hiện-tại, nên hiện rõ 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Ba gút mắt thực-hành pháp-hành thiên-tuệ

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ thường gặp phải 3 điều gút mắt là:

1- Gút mắt thứ nhất về pháp-học của pháp-hành thiên-tuệ

Hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, trước tiên hành-giả cần phải học hỏi, nghiên cứu kỹ tất cả *mọi đối-tượng tứ-niệm-xứ là thân, thọ, tâm, pháp, mọi đối-tượng thiên-tuệ là mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp* một cách rành rẽ từng chi tiết trạng-thái-riêng của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Thân, thọ tâm, pháp, sắc-pháp, danh-pháp mà hành-giả học hỏi, nghiên cứu ấy thuộc về *vijjamānapaññatti: Chế-định-pháp* danh từ ngôn-ngữ có *thật-tánh* của sắc-pháp, của danh-pháp làm nền tảng không phải là *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*).

Thật ra, *thân, thọ, tâm, pháp* là *đối-tượng tứ-niệm-xứ* hoặc *sắc-pháp, danh-pháp* là *đối-tượng thiên-tuệ* chỉ thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*) mà thôi, không phải là *chế-định-pháp* (*paññattidhamma*).

Thật vậy, *sắc-pháp, danh-pháp* là *đối-tượng thiên-tuệ* chỉ thuộc về *chân-nghĩa-pháp* mới có *thật-tánh*, có *sự sinh, sự diệt*, có *3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp* mà thôi.

Cho nên, hành-giả cần phải có trí-tuệ sáng suốt phân biệt rõ sự khác biệt nhau 2 loại đối-tượng:

- **Đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chế-định-pháp**.

- **Đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp**.

Bởi vì mỗi đối-tượng **sắc-pháp, danh-pháp** có tính chất hoàn toàn khác nhau:

- Nếu **đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chế-định-pháp** thì không có **thật-tánh** của **sắc-pháp, của danh-pháp**, không có **sự sinh, sự diệt**, không có **3 trạng-thái-chung** của **sắc-pháp, của danh-pháp**, nên không phải là **đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ**.

- Nếu **đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** thì có **thật-tánh** của **sắc-pháp, của danh-pháp**, có **sự sinh, sự diệt** của **sắc-pháp, của danh-pháp**, có **3 trạng-thái-chung**: **Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã** của **sắc-pháp, của danh-pháp** là **đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ**.

Pháp-hành thiên-tuệ chỉ có **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** mới là **đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ** mà thôi.

Khi hành-giả học hỏi, nghiên cứu, phân biệt hiểu biết rõ được **mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** (*paramatthadhamma*), để làm **đối-tượng của trí-tuệ thiên-tuệ**.

Như vậy, hành-giả **đã tháo gỡ được gút mắt quan trọng đầu tiên**, trước khi bắt đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, biết sử dụng **sắc-pháp** hoặc **danh-pháp** thuộc về **chân-nghĩa-pháp** làm **đối-tượng của pháp-hành thiên-tuệ**.

2- Gút mắt thứ nhì về thực-hành pháp-hành thiên-tuệ

Sau khi học hỏi, nghiên cứu, phân biệt hiểu biết rõ được tất cả **mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp** thuộc về

chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma), không phải **sắc-pháp, danh-pháp** thuộc về *vijjamānapaññatti*: **Chế-định-pháp** danh từ ngôn-ngữ **sắc-pháp, danh-pháp** có **thật-tánh-pháp** làm nền tảng.

Hành-giả bắt đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, để thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của **sắc-pháp** của **danh-pháp** đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*.

Thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp là sự-thật chân-lý hiển nhiên trong đời, sở dĩ **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp không hiện rõ là vì **vô-minh (avijjā)** che phủ.

Vậy, để thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại được hiện hữu, hành-giả cần phải luôn luôn có *yonisomanasikāra*: **Trí-tuệ** hiểu biết trong tâm đúng theo 4 trạng-thái của tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới đều là **vô-thường, khổ, vô-ngã, bất-tịnh** làm nhân-duyên phát sinh **chánh-niệm** và **trí-tuệ tỉnh-giác** mới ngăn được tâm **vô-minh (avijjā)** không phát sinh, đồng thời ngăn được **3 pháp-đảo-điên (vipallāsa)** là **tướng-đảo-điên, tâm-đảo-điên, tà-kiến-đảo-điên** thấy sai, hiểu lầm cho sắc-pháp, danh-pháp là **thường, lạc, ngã, tịnh** không phát sinh, để hỗ trợ cho **chánh-niệm** và **trí-tuệ tỉnh-giác** phát sinh, để thực-hành pháp-hành thiên-tuệ cho **trí-tuệ thứ nhất** gọi là *nāmarūpaparicchedañāṇa* phát sinh, thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp đúng theo *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*.

Trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpaparicchedañāṇa* là **trí-tuệ** đầu tiên trong 16 **trí-tuệ thiên-tuệ**, đóng vai trò quan trọng, làm nền tảng, làm nhân-duyên để giúp cho 15 **trí-tuệ thiên-tuệ** tuần tự phát sinh.

Như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã tháo gỡ được gút mắt thứ nhì rồi, chỉ còn gút mắt cuối cùng nữa mà thôi.

3- Gút mắt thứ ba ở giai đoạn trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4

Hành-giả ban đầu thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh còn non yếu, thường có *vipassanupakkilesa*: *Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy phát sinh rất lạ thường mà hành-giả chưa từng thấy từ trước đây bao giờ, nên hành-giả thấy sai chấp lầm là “ta đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả rồi!”

Như vậy, không phải là Thánh-đạo cho là Thánh-đạo, không phải là Thánh-quả cho là Thánh-quả. Chính *upakkilesa* là pháp bản làm trở ngại *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu không phát triển lên các *trí-tuệ thiên-tuệ* bậc cao được.

Đó là điều gút mắt thứ ba của pháp-hành thiên-tuệ.

- Khi hành-giả là bậc thiện trí có trí-tuệ sáng suốt biết nhận thức đúng đắn thấy rõ biết rõ rằng:

Vipassanupakkilesa có 10 pháp bản của *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* còn non yếu ấy là phi-đạo không dẫn đến chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- Và tiếp theo trí-tuệ sáng suốt nhận thức thấy rõ biết rõ rằng:

Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại mà *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa* đã thấy rõ, đã biết rõ **sự sinh, sự diệt**, đã thấy rõ, đã biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp. Đó chính là **maggā**:

Chánh-đạo dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

Hành-giả từ bỏ **amagga**: Phi-đạo, trở lại thực-hành theo **magga**: Chánh-đạo, đó là pháp-hành trung-đạo, thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* phát sinh có nhiều năng lực, thoát khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 ấy, gọi là *upakkilesavimutta udayabbayānupassanāñāṇa*: Trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* đã thoát khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ-thiền-tuệ ấy.

Như vậy, hành-giả đã thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đến **giai đoạn đã tháo gỡ được gút mắt thứ ba cuối cùng**, hành-giả không còn gút mắt nào trong pháp-hành thiên-tuệ nữa.

Nếu hành-giả là người có đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, và có đủ 5 pháp-chủ (*indriya*): Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ thì có khả năng tiếp tục thực-hành pháp-hành-thiền-tuệ, làm cho trí-tuệ-thiền-tuệ phát triển theo tuần tự từ trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 cho đến trí-tuệ thứ 16 của pháp-hành thiên-tuệ, nghĩa là trí-tuệ-thiền-tuệ phát triển từ trí-tuệ-thiền-tuệ tam-giới cho đến trí-tuệ-thiền-tuệ siêu-tam-giới, chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não, mọi tham-ái, trở thành bậc Thánh A-ra-hán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Cho nên, trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 5 gọi là *bhāṅgānupassanāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

5- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 uddayabbayānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực đã thoát khỏi *vipassanupakkilesa* làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5** gọi là *bhaṅgānupassanāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-diệt mà thôi, nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 uddayabbayānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5* là tổng hợp 4 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 làm nền tảng, làm nhân-duyên, để làm cho phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5** gọi là *bhaṅgānupassanāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-diệt mà thôi, nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Bhaṅgānupassanāñāṇa: Gồm có 2 từ *bhaṅga* + *anupassanāñāṇa*.

- *Bhaṅga*: Sự diệt do nhân-duyên-diệt.

- *anupassanāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ bỏ qua sự sinh, chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt**.

Bhaṅgānupassanāñāṇa là trí-tuệ thiên-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-

pháp hiện-tại, do nhân-duyên-diệt mà thôi, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa phát sinh như thế nào?

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 thường thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khô, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, làm cho trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 tăng thêm nhiều năng lực.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 có nhiều năng lực thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại một cách mau lẹ.

Đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa ấy bỏ qua **sự sinh** của sắc-pháp, của danh-pháp, mà chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **đối-tượng** danh-pháp, hoặc sắc-pháp hiện-tại, còn thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể** tâm biết đối-tượng nữa, làm cho hành-giả phát sinh động tâm vô cùng kinh ngạc chưa từng thấy trước kia bao giờ, cho nên, chỉ hướng tâm đến **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại mà thôi, mà không quan tâm đến **sự sinh và sự trụ** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại nữa.

Như vậy, **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa** đặc biệt này chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt mất** (khaya), **sự tận diệt** (vaya) **sự tan vỡ** (bheda) **sự diệt** (nirodha) của các sắc-pháp, các danh-pháp hiện-tại mà thôi.

Tuy nhiên **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại mà **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* đặc biệt này thấy rõ, biết rõ là **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại này, còn làm nhân-duyên cho **sự sinh** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại kia, hoàn toàn không giống **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp như bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tướng (*nirodha-samāpatti*) (**sự diệt** của danh-pháp trong khi “nhập diệt-thọ-tướng” là **sự diệt** của danh-pháp suốt 7 ngày đêm, đến ngày thứ 8 mới có **sự sinh** của danh-pháp trở lại).

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa* đặc biệt này là trí-tuệ thiên-tuệ chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ rằng **sự diệt** do nhân-duyên-diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại mà thôi, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Hoặc **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* đặc biệt này chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt mất, sự tận diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại mà thôi, do nhân-duyên-diệt, nên gọi là *bhaṅgānupassanāñāṇa*.

Dõi theo thấy rõ, biết rõ như thế nào?

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa* chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt mất, sự tận diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại như sau:

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-thường**, không phải thấy **thường**.

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái khổ**, không phải thấy **lạc**.

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-ngã**, không phải thấy **ngã**.

- Nên phát sinh **tâm nhàm chán**, không phải **tâm ham muốn**.

- Nên phát sinh **tâm ly dục**, không phải **tâm tham dục**.

- Nên phát sinh **tâm diệt**, không phải **tâm sinh**.

- Nên phát sinh **tâm từ bỏ**, không phải **tâm chấp thủ**.

- Khi thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-thường**, nên diệt được **nicca-saññā**: Tưởng lầm cho là thường.

- Khi thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái khổ**, nên diệt được **sukhasaññā**: Tưởng lầm cho là lạc.

- Khi thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có **trạng-thái vô-ngã**, nên diệt được **atta-saññā**: Tưởng lầm cho là ngã.

- Khi phát sinh **tâm nhàm chán**, nên diệt được **tâm ham muốn**.

- Khi phát sinh **tâm ly-dục**, nên diệt được **tâm tham-dục**.

- Khi phát sinh **tâm diệt**, nên diệt được **tâm sinh**.

- Khi phát sinh **tâm từ bỏ**, nên diệt được **tâm chấp thủ**.

Theo bộ *Paṭisambhidāmagga*, phần *ñāṇakathā* trình bày **18 mahāvipassanā**:⁽¹⁾ Đại-trí-tuệ thiên-tuệ diệt các pháp đối nghịch.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa* chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt mất** (*khaya*), **sự tận diệt** (*vaya*) của pháp đối nghịch theo 18 *mahāvipassanā*: Đại-trí-tuệ thiên-tuệ như sau:

¹ Bộ *Paṭisambhidāmagga*, phần *ñāṇakathā*, và bộ *Visuddhimagga*, phần *Maggāmaggañāṇadassanavisuddhi*.

Mahāvīpassanā có 18 đại trí-tuệ thiên-tuệ

1- Aniccānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **nīcassaññā**: Tưởng làm cho là **thường**.

2- Dukkhānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **sukhasaññā**: Tưởng làm cho là **lạc**.

3- Anattānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **attasaññā**: Tưởng làm cho là **ngã**.

4- Nibbidānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự nhàm chán** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **nandī**: Tâm tham hài lòng hoan hỷ.

5- Virāgānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự ly-dục** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **rāga**: Tâm tham-dục.

6- Nirodhānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **samudaya**: Sự sinh của tham-ái.

7- Paṭinissaggānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự từ-bỏ** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **ādāna**: Sự chấp-thủ.

8- Khayānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt mất** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **ghanasaññā**: Tưởng làm cho là đồng-nhất.

9- Vayānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự tận diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **āyūhana**: Tham-tâm tích-lũy.

10- Vipariṇāmānupassanā: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự biến-chất** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên

diệt được **dhuvasaññā**: Tưởng lầm cho là bất-biến trường-tồn.

11- *Animittānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **phi-hiện-tượng** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **nimitta**: Hiện-tượng của sắc-pháp, của danh-pháp.

12- *Appaṇihitānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự vô-vọng** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **paṇidhi**: Sự ước-vọng.

13- *Suññatānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ tính chất hoàn toàn **vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **abhinivesa**: Tà-kiến theo chấp-ngã.

14- *Adhipaññādharmavipassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **các pháp nên hành** bằng trí-tuệ thiên-tuệ, nên diệt được **sārādānābhinivesa**: Tà-kiến, tham-ái chấp-thủ cho là thường, lạc, ngã trong sắc-pháp, danh-pháp.

15- *Yathābhūtañāṇadassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ đúng **sự-thật chân-lý**, nên diệt được **sammohābhinivesa**: Tà-kiến chấp-thủ do si-mê tăm tối.

16- *Ādīnavānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **tội-lỗi** của sắc-pháp, của danh-pháp, nên diệt được **ālayābhinivesa**: Sự chấp-thủ do tham-ái quuyến-luyến không rời.

17- *Paṭisaṅkhānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **con đường giải-thoát** khỏi sắc-pháp, danh-pháp, nên diệt được **appaṭisaṅkhā**: Tâm si-mê đối nghịch với trí-tuệ thiên-tuệ theo con đường giải-thoát khổ.

18- *Vivaṭṭānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **saṅkhārupekkhāñāṇa** và **anulomañāṇa**, để dẫn dắt giải-thoát khổ, nên diệt được **samyogābhinivesa**: Sự chấp-thủ do phiền-não ràng-buộc trong ngũ-dục.

Đó là 18 *đại-trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh tùy theo 5 **pháp-chủ**: *Tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* hoặc tùy theo năng lực **pháp-hành giới, pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ** của hành-giả.

Tuy nhiên, 18 *đại-trí-tuệ thiên-tuệ* này được tóm lại chỉ còn có 3 **loại đại trí-tuệ thiên-tuệ căn bản chính** là:

1- **Aniccānupassanā**: *Trí-tuệ thiên-tuệ* dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

2- **Dukkhānupassanā**: *Trí-tuệ thiên-tuệ* dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

3- **Anattānupassanā**: *Trí-tuệ thiên-tuệ* dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Còn lại 15 *đại trí-tuệ thiên-tuệ* khác được sáp nhập vào trong 3 **đại trí-tuệ thiên-tuệ căn bản chính** tùy theo trạng-thái tương tự như sau:

- **Aniccānupassanā** có 5 *đại-trí-tuệ thiên-tuệ* được sáp nhập vào chung là *animittānupassanā, nirodhānupassanā, khayānupassanā, vayānupassanā, vipariṇāmapassanā*, bởi vì 5 *đại-trí-tuệ thiên-tuệ* này có trạng-thái tương tự với *aniccānupassanā*.

- **Dukkhānupassanā** có 4 *đại-trí-tuệ thiên-tuệ* được sáp nhập vào chung là *appaṇihitānupassanā nibbidānupassanā, virāgānupassanā, ādīnavānupassanā*, bởi vì 4 *đại trí-tuệ thiên-tuệ* này có trạng-thái tương tự với *dukkhānupassanā*.

- **Anattānupassanā** có 4 *đại trí-tuệ thiên-tuệ* được sáp nhập vào chung là *suññatānupassanā, paṭinissaggā-*

nupassanā, paṭsaṅkhānupassanā, vivatṭānupassanā, bởi vì 4 *đại-trí-tuệ thiên-tuệ* này có trạng-thái tương tự với *anattānupassanā*.

- *Adhipaññādharmavipassanā* có thể sáp nhập vào tất cả mọi *đại-trí-tuệ thiên-tuệ*.

- *Yathābhūtañāṇadassanā* thuộc về *kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi*.

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có 3 *đại-trí-tuệ thiên-tuệ căn bản chính* đã thuần thực rồi, còn các loại *đại-trí-tuệ thiên-tuệ* khác tùy theo năng lực của 5 *pháp-chủ* hoặc *pháp-hành giới, pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ* mà phát sinh.

Ba đại-trí-tuệ thiên-tuệ này gọi là *căn bản chính* là vì có khả năng dẫn đến chứng ngộ *Niết-bàn* riêng biệt:

- *Aniccānupassanā*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-thường** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, có khả năng dẫn đến chứng ngộ ***animittanibbāna*: Vô-hiện-tượng Niết-bàn**.

- *Dukkhānupassanā*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái khổ** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, có khả năng dẫn đến chứng ngộ ***appaṇihitanibbāna*: Vô-ái Niết-bàn**.

- *Anattānupassanā*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* dõi theo thấy rõ, biết rõ **trạng-thái vô-ngã** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, có khả năng dẫn đến chứng ngộ ***suññatanibbāna*: Chơn-không Niết-bàn**.

Tính chất của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp theo *aniccānupassanā*, v.v... như đã trình bày

ở trên, nên diệt phiền-não bằng cách *tadaṅgappahāna*: Diệt-tùng-thời phiền-não, và hướng tâm đến mong chứng ngộ Niết-bàn.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāna thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp bằng nhiều cách như:

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **đối-tượng sắc-pháp**.

- Thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể**: Tâm biết đối-tượng danh-pháp.

- Thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **đối-tượng danh-pháp**.

- Thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể**: Tâm biết đối-tượng danh-pháp.

- Khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāna* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp hoặc danh-pháp hiện-tại như thế này, cũng thấu triệt **sự diệt** của sắc-pháp hoặc danh-pháp quá-khứ, vị-lai cũng như thế ấy.

- Khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāna* thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **đối-tượng sắc-pháp**, tiếp theo trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **chủ thể**: Tâm biết sự diệt của đối-tượng sắc-pháp ấy (nghĩa là trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của đối-tượng sắc-pháp, tiếp theo trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 khác thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của chủ thể danh-pháp: Tâm biết đối-tượng).

- Khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāna* dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, do nhân-duyên-diệt liên tục như vậy, nên hành-giả nhận thức rằng:

“Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này có **sự diệt mất**, **sự tan rã** là thường. Chính sự diệt mất, sự tan rã của

ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp mà người ta chế định danh từ ngôn-ngữ gọi rằng: “**Người chết**”, “**chúng-sinh chết**”. Sự thật đúng theo chân-nghĩa-pháp (paramattha-dhamma) thì không có người nào chết, không có chúng-sinh nào chết, mà chỉ có ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp diệt mất, tan rã mà thôi.”

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa** thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của **đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại** liên tục lẫn **sự diệt** của **chủ thể tâm biết đối-tượng** như vậy, nên hiện rõ “**suññatā: Không**”, nghĩa là không phải ta, không phải của ta.

Hành-giả phát sinh động tâm vô cùng kinh ngạc chưa từng có từ trước đây bao giờ. Hành-giả nhận thức biết rõ ràng rằng:

“Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này là **pháp vô-ngã**.”

- Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này sinh rồi diệt là **vô-thường như thế này!**

- Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này sinh rồi diệt vô-thường luôn luôn hành hạ là **khổ như thế này!**

- Ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp này sinh rồi diệt vô-thường luôn luôn hành hạ là **khổ, không chiều theo ý muốn của ta là vô-ngã như thế này!**

Hành-giả khi có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa** đã phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, và thường dõi theo thấy rõ, biết rõ rằng:

Aniruddhameva nirujjhati, abhinnameva bhijjati.

Sắc-pháp, danh-pháp nào chưa diệt thì sắc-pháp, danh-pháp ấy đang diệt mất; sắc-pháp, danh-pháp nào chưa tan rã thì sắc-pháp, danh-pháp ấy đang tan rã.

Cho nên, *diệt-tùng-thời* được **thường-kiến** thấy sai, chấp làm cho rằng:

Sắc-pháp, danh-pháp là thường, mọi phiền-não cũng bị diệt-tùng-thời.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa thường thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp liên tục như vậy, nên hành-giả nhận thức thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp chỉ có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, chung quy cũng chỉ có **khổ-đế** mà thôi. Cho nên hành-giả hướng tâm đến **Niết-bàn giải thoát khổ-đế**.

Khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa* phát sinh, thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, do nhân-duyên-diệt, nên **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5** này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 6** gọi là *paṭipadāñānadassanavisuddhi*: *Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh* thuộc về **pháp-thanh-tịnh thứ 4** của *pháp-hành thiên-tuệ*.

Và *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa* là *trí-tuệ thiên-tuệ* đầu tiên trong 10 loại *trí-tuệ thiên-tuệ* thuộc về **pahānapariññā**: *Trí-tuệ thiên-tuệ* có khả năng *diệt-tùng-thời (tadaṅgappahāna)* phiền-não.

Quả báu của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng đạt đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa**: *Trí-tuệ thiên-tuệ* thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, do nhân-duyên-diệt, nghĩa là thường thấy rõ, biết rõ rằng:

“*Sabbe saṅkhārā bhijjanti bhijjanti.*”

“*Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới đều diệt, diệt.*”

Hành-giả có được *aṭṭhānisaṃsa*⁽¹⁾: **8 quả báu**:

- *Bhavadiṭṭhippahāna*: Hành-giả diệt từng thời được thường-kiến trong kiếp hiện-tại.

- *Jīvitānikantipariccāga*: Hành-giả từ bỏ sự say mê trong sinh-mạng.

- *Sadāyuttapayuttatā*: Hành-giả tinh-tấn ngày đêm thực-hành pháp-hành thiền-tuệ.

- *Visuddhājīvitā*: Hành-giả nuôi mạng trong sạch thanh-tịnh.

- *Ussukkappahāna*: Hành-giả bỏ sự cố gắng trong mọi công việc lớn nhỏ khác, bởi vì phát sinh động tâm cực độ.

- *Vigatabhayatā*: Hành-giả không có điều tai họa.

- *Khantisoraccapaṭilābha*: Hành-giả có đức nhẫn-nại hoan hỷ trong pháp-hành thiền-tuệ.

- *Aratiratisahanatā*: Hành-giả có sự chế-ngự được sự hài lòng và không hài lòng.

Hành-giả có **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* thường dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, và biết **8 quả báu cao quý của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5** này, nên kiên trì thực-hành pháp-hành thiền-tuệ không thoái chuyển, với ý nguyện chỉ mong chứng đạt đến **Niết-bàn, giải thoát khổ** mà thôi.

Ví như người bị lửa cháy chiếc khăn quấn trên đầu, chỉ quyết tâm dập tắt lửa mà thôi.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhaṅgānupassanāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6** gọi là **bhayatupaṭṭhānañāṇa** phát sinh tiếp theo.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Bhaṅgānupassanāñāṇakathā.

6- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên, để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6** gọi là **bhayatupaṭṭhānañāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại **thật đáng kinh sợ**, nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5** *bhaṅgānupassanāñāṇa* chỉ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-diệt mà thôi, làm nền tảng, làm nhân-duyên như sau:

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6** là tổng hợp 5 loại trí-tuệ trên từ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5** làm nền tảng, làm nhân-duyên, để làm cho phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6** gọi là **bhayatupaṭṭhānañāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại do nhân-duyên-diệt, **thật đáng kinh sợ**, nên hiện rõ ràng **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Bhayatupaṭṭhānañāṇa gồm có 3 từ **Bhaya,upaṭṭhāna,ñāṇa**.

- **Bhaya**: Sự kinh sợ.
- **upaṭṭhāna**: Sự hiểu biết.
- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ.

Bhayatupaṭṭhānañāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng **sự diệt** của mỗi danh-pháp, mỗi sắc-pháp hiện-tại liên tục do nhân-duyên-diệt, **thật đáng kinh sợ**, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-

thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa phát sinh như thế nào?

- Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, đến khi *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực thường dỗi theo thấy rõ, biết rõ ***sự diệt mất (khaya), sự tận diệt (vaya), sự tan vỡ (bheda), sự diệt (nirodha)*** của ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại.

Các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp có ***sự diệt*** trong ***3 cõi-giới (bhava), 4 loài (yonī), 5 cõi-giới tái-sinh (gati), 7 thức trụ (viññāṇaṭṭhiti), 9 cõi chúng-sinh (sattāvāsa)*** đang hiện-hữu ***thật đáng kinh sợ cực độ.***

Cũng như ***con thú dữ*** như *sur tử, hổ, beo, trâu rừng, bò rừng, voi rừng, con rắn hổ mang, hầm lửa đang cháy, v.v...* đó là những vật ***đáng kinh sợ*** đối với người nhát gan có tính hay sợ sệt, muốn sống an-lạc.

- Khi hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ đặc biệt*** thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời rằng:

Atīta saṅkhārā niruddhā, paccuppannā nirujjhanti, anāgate nibbattanakasaṅkhārāpi evameva nirujjhissanti”

Các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ ***đã diệt rồi*** trong thời quá-khứ; sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại ***đang diệt*** trong thời hiện-tại; và sắc-pháp, danh-pháp sẽ phát sinh trong thời vị-lai cũng ***sẽ diệt*** trong thời vị-lai mà thôi.

Khi hành-giả có ***trí-tuệ thiền-tuệ đặc biệt*** thấy rõ, biết rõ thấu suốt trong 3 thời như vậy, đó là ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6*** gọi là ***bhayatupaṭṭhānañāṇa.***

Ví dụ dựa theo ***trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa*** như sau:

Một người mẹ có 3 người con trai yêu quý, 3 người con trai của bà bị phạm luật triều đình, nên Đức vua truyền lệnh chặt đầu 3 người con trai yêu quý của bà.

Hôm ấy, bà đang đứng nhìn thấy đoàn lính dẫn 3 người con trai yêu quý của bà ra pháp trường xử trảm.

Bà đứng nhìn chăm chú thấy người đao phủ đã chém cái đầu của người con trai lớn yêu quý của bà rơi xuống đất, rồi y tiếp tục đang chém cái đầu của người con trai giữa yêu quý của bà.

Bà nhìn thấy cái đầu của người con trai lớn yêu quý đã rơi xuống đất rồi, và nhìn thấy cái đầu của người con trai giữa yêu quý của bà đang bị chém.

Bà khóc than thảm thiết đến người con trai út yêu quý rằng: *Đến người con trai út yêu quý của ta chắc chắn cũng sẽ bị chém đầu như người con trai lớn và giữa vậy!*”

Ví dụ này so sánh với 3 thời như sau:

- Bà mẹ chăm chú nhìn thấy người đao phủ đã chém cái đầu của người con trai lớn yêu quý của bà rơi xuống đất. Cũng như hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ đặc biệt** thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp **quá-khứ đã diệt rồi** trong thời quá-khứ.

- Bà mẹ chăm chú nhìn thấy người đao phủ đang chém cái đầu của người con trai giữa yêu quý của bà. Cũng như hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ đặc biệt** thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp **hiện-tại đang diệt** trong thời hiện-tại.

- Bà mẹ khóc than thảm thiết đến người con trai út yêu quý rằng: *Đến người con trai út yêu quý của ta chắc chắn cũng sẽ bị chém đầu như người con trai lớn và giữa vậy!*

Cũng như hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ đặc biệt** thấy

rõ, biết rõ **sự diệt** của pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp **vị-lai cũng sẽ diệt** trong thời vị-lai.

- Khi hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ đặc biệt** này thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong 3 thời như vậy, đó là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa**.

Tính chất của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa không phải là trí-tuệ thiên-tuệ có sự **đáng kinh sợ** nào cả, mà trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 là trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thấu suốt sắc-pháp, danh-pháp trong 3 thời **đáng kinh sợ** rằng:

Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ đã diệt trong thời quá-khứ rồi; sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại đang diệt trong thời hiện-tại; sắc-pháp, danh-pháp vị-lai chắc chắn cũng sẽ diệt trong thời vị-lai.

Thật vậy, ví như một người nhìn thấy **3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực**, chính người ấy không có sự kinh sợ gì cả, nhưng suy xét thấy **3 hầm lửa than hồng** ấy, cảm thấy đáng kinh sợ rằng:

Nếu có người nào bị rơi xuống 3 hầm lửa than hồng ấy thì chắc chắn phải chịu khổ vì lửa thiêu nóng kinh khủng.

Cũng như vậy, **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa** này không có sự kinh sợ nào cả, mà chỉ nhận thức thấy rõ, biết rõ rằng:

Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới: Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới ví như 3 hầm lửa than hồng đang cháy hừng hực ấy.

- Sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ đã diệt rồi.
- Sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại đang diệt.
- Sắc-pháp, danh-pháp vị-lai chắc chắn cũng sẽ diệt.

Pháp đáng kinh sợ của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6

Mūlavatthu: Nguồn gốc của sự khổ có 5 loại:

1- *Uppāda* là sự sinh của ngũ-uẩn trong kiếp hiện-tại là quả của nghiệp đã tạo trong kiếp quá-khứ. Ngũ-uẩn thật là khổ đáng kinh sợ.

2- *Pavatta* là sự hiện-hữu của sắc-pháp, của danh-pháp trong 11 cõi dục-giới, 16 cõi sắc-giới, 4 cõi vô-sắc-giới. Sắc-pháp, danh-pháp sinh rồi diệt liên tục không ngừng là vô-thường, là khổ luôn luôn hành hạ thật là khổ đáng kinh sợ.

3- *Nimitta* (saṅkhāranimitta) là pháp-hữu-vi cấu tạo, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai đều là vô-thường, là khổ thật khó chịu đựng nổi, là vô-ngã không phải của ta, không chiều theo ý muốn của một ai cả, là vô chủ, vô dụng vì không có cốt lõi, v.v... sắc-pháp, danh-pháp chỉ có tan rã mà thôi. Cho nên sắc-pháp, danh-pháp thật là khổ đáng kinh sợ.

4- *Āyūhana* là sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau.

Nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau có 4 loại nghiệp:

- Ác-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 ác-tâm, nên có 12 ác-nghiệp.

- Dục-giới thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới thiện-tâm, nên có 8 dục-giới thiện-nghiệp.

- Sắc-giới thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm, nên có 5 sắc-giới thiện-nghiệp.

- Vô-sắc-giới thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm, nên có 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp.

Nghiệp gồm có 29 loại cho quả tái-sinh kiếp sau trong

tam-giới. Cho nên, nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau đáng kinh sợ.

5- **Paṭisandhi** là sự *tái-sinh kiếp sau*, do nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới.

- Nếu **ác-nghiệp** trong 11 ác-tâm (trừ si-tâm hợp với phóng-tâm) có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh 1 trong 4 cõi ác-giới: *Địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh*, bị sinh trong cõi ác-giới nào, thuộc loại chúng-sinh nào hoàn toàn tùy thuộc vào *quả của ác-nghiệp* của chúng-sinh ấy, chịu quả khổ của ác-nghiệp cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

- Nếu **dục-giới thiện-nghiệp** trong 8 dục-giới thiện-tâm có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh 1 trong 7 cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới, hưởng quả an-lạc trong cõi-giới ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp của chúng sinh ấy.

- Nếu **sắc-giới thiện-nghiệp** trong 5 sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm vị *phạm-thiên 1 trong 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên*, được sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên nào hoàn toàn tùy thuộc vào *quả của sắc-giới thiện-nghiệp*, hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ, rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

- Nếu **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong 4 vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp thì hóa-sinh làm vị *phạm-thiên 1 trong 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên*, được sinh trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên nào hoàn toàn tùy thuộc vào *vô-sắc-giới quả-tâm*, hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ, rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Hễ còn tái-sinh kiếp sau là còn khổ, chúng-sinh có **ngũ-uẩn**: *Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* trong 11 cõi dục-giới và 15 cõi sắc-giới, chúng-sinh có **nhất-uẩn** là *sắc-uẩn* trong cõi *sắc-giới vô-tướng-thiên*, chúng-sinh có **tứ-uẩn**: *Thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn* trong 4 cõi vô-sắc-giới cũng đều có khổ cả, chỉ có khác nhau khổ nhiều khổ ít mà thôi.

Trong tam-giới: Cõi dục-giới có 11 cõi-giới, cõi sắc-giới có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, cõi vô-sắc-giới có 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, gồm có 31 cõi-giới chỉ là nơi **tạm trú** của tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới mà thôi, không có cõi nào gọi là cõi **thường trú** dành cho chúng-sinh nào cả.

Cho nên, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới chỉ là **khổ thật đáng kinh sợ** là đối-tượng của **trí-tuệ thiên-tuệ đặc biệt** gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa**.

- Khi hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa** thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp *quá-khứ, hiện-tại, vị-lai* đều có **trạng-thái vô-thường** thật đáng kinh sợ.

- Khi hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa** thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp *quá-khứ, hiện-tại, vị-lai* đều có **trạng-thái khổ** thật đáng kinh sợ.

- Khi hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa** thấy rõ, biết rõ thấu suốt **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp *quá-khứ, hiện-tại, vị-lai* đều có **trạng-thái vô-ngã** thật đáng kinh sợ.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7** gọi là **ādinavānupassanāñāṇa** phát sinh tiếp theo.

7- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *āḍīnavānupassanāñāṇa*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7*** gọi là *āḍīnavānupassanāñāṇa*: *Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp đầy tội chướng.*

- ***Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa***: *Trí-tuệ thiên-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng sự diệt của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại liên tục, do nhân-duyên-diệt, thật đáng kính sợ có nhiều năng lực, để trở thành trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 như sau:*

- ***Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 āḍīnavānupassanāñāṇa*** là tổng hợp 6 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 làm nền tảng, làm nhân-duyên, để cho phát sinh ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 āḍīnavānupassanāñāṇa***: *Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại vị-lai trong tam-giới đầy tội chướng.*

Āḍīnavānupassanāñāṇa gồm có 3 từ *āḍīnava*, *anupassanā*, *ñāṇa*.

- *Āḍīnava*: Tội chướng.
- *anupassanā*: Dõi theo thấy rõ, biết rõ.
- *ñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ.

Āḍīnavānupassanāñāṇa: *Trí-tuệ thiên-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới đầy tội chướng.*

Tính chất của *āḍīnavānupassanāñāṇa*

- Khi hành-giả phát triển ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa*** thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng ***sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp ***thật***

đáng kính sợ có nhiều năng lực, trở thành **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp **đầy tội chướng**, nên không dính mắc trong mọi sắc-pháp, danh-pháp trong **3 giới** (*bhava*), **4 loài** (*yoni*), **5 cõi tái-sinh** (*gati*), **7 thức trụ** (*viññāṇathiti*), **9 cõi chúng-sinh** (*sattāvāsa*) đang hiện-hữu thật đáng kính sợ tột độ, bởi vì tất cả mọi nơi, mọi cõi đang hiện-hữu ấy không phải là **nơi ẩn náu** (*neva tānaṃ*), không phải là **nơi an toàn** (*na leṇaṃ*), không phải là **nơi đi lánh nạn** (*na gati*), không phải là **nơi nương nhờ** (*nappatisaranaṃ*), và cũng không phải nơi mong muốn đối với hành-giả. Tại sao vậy?

Bởi vì, **tam-giới** (11 cõi dục-giới, 16 cõi sắc-giới, 4 cõi vô-sắc-giới) đang hiện-hữu như 3 hầm lửa đầy than hồng đang hùng hực cháy rực không có khói.

- **Tứ đại** (địa-đại, thủy-đại, hoả-đại, phong-đại) trong sắc-thân đang hiện-hữu như 4 con rắn độc kinh khủng.

- **Ngũ-uẩn** (sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn) đang hiện-hữu như tên đao phủ đang giơ thanh đao chém xuống đầu.

- **6 xứ bên trong** (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đang hiện-hữu như xóm làng hoang, không có người.

- **6 xứ bên ngoài** (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) đang hiện-hữu như kẻ trộm cướp lấy của cải tài sản.

- **7 thức trụ, 9 cõi chúng-sinh** đang hiện-hữu như bị 11 thứ lửa (lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sinh, lửa già, lửa chết, lửa sầu não, lửa than khóc, lửa khổ thân, lửa khổ tâm, lửa thống khổ cùng cực) đang cháy ngầm thiêu đốt ngày đêm.

- Tất cả các pháp-hữu-vi, ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp đang hiện-hữu như là **ung nhọt đau nhức**

(gaṇḍabhūtā), như là **căn bệnh trầm kha** (rogabhūtā), như là **mũi tên độc** (sallabhūtā), như là **sự đau khổ bất hạnh triền miên** (aghabhūtā), như là **bệnh tật đau khổ** (ābādhabhūtā), không có chút an-lạc nào cả, chỉ là đại tội chướng (mahā ādīnavarāsibhūtā) mà thôi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa như thế nào?

Ví như một người có tính nhát gan hay sợ sệt, chỉ mong muốn cuộc sống an-lạc mà thôi. Khi người ấy đi gặp phải hang có hùm beo, hoặc xuống sông gặp dạ-xoa dưới nước, hoặc đi đường gặp kẻ cướp sát nhân, gặp kẻ thù giở thanh đao đang chém xuống đầu, hoặc nằm trong căn nhà đang bị cháy, hoặc dùng vật-thực có thuốc độc, v.v... Người ấy phát sinh sự sợ hãi, sự kinh hồn bạt vía, bởi vì thấy những điều xảy ra ấy thật đáng kinh sợ, đối với hành-giả cũng như thế ấy.

Khi hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatu-paṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp cả 3 thời trong tam-giới thật **đáng kinh sợ**, nên cũng thấy rõ, biết rõ ràng tất cả các pháp-hữu-vi, ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong các cõi tam-giới **đầy tội chướng**, không có chút nào an-lạc.

Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**, nên gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa.

Vấn: Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ** có nhiều năng lực, để trở thành trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng** bằng cách nào?

Đáp: Để trở thành trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa*, thì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatu-paṭṭhānañāṇa* cần phải thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ** bằng cách thấy rõ, biết rõ trong 5 đối-tượng như sau:

1- **Uppāda:** **Sự sinh** của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

2- **Pavatta:** **Sự hiện-hữu** của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

3- **Nimitta:** **Các pháp-hữu-vi** sắc-pháp, danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi**, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

4- **Āyūhana:** **Sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **đầy tội chướng**.

5- **Paṭisandhi:** **Sự tái-sinh** kiếp sau trong tam-giới **thật đáng kinh sợ**, nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng sắc-pháp, danh-pháp **đầy tội chướng**,

nên không dính mắc trong mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong **3 giới** (bhava), **4 loài** (yoni), **5 cõi tái-sinh** (gati), **7 thức trụ** (viññānāthiti), **9 cõi chúng-sinh** (sattāvāsa) đang hiện-hữu **thật đáng kinh sợ tội độ**, bởi vì tất cả mọi nơi, mọi cõi đang hiện-hữu ấy không phải là **nơi ẩn nấu** (neva tāṇaṃ), không phải là **nơi an toàn** (na lenaṃ), không phải là **nơi đi lánh nạn** (na gati), không phải là **nơi nương nhờ** (nappaṭisaraṇaṃ). Cho nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa này chỉ hướng đến Niết-bàn giải thoát khổ mà thôi.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6** bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới với 5 đối-tượng **uppāda, pavatta, nimitta, āyūhana, paṭisandhi** **thật đáng kinh sợ** (bhaya); còn **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn với 5 đối-tượng đối nghịch là **anuppāda, appavatta, animitta, anāyūhana, appaṭisandhi** bằng nhiều cách như sau:

1- Đối-tượng kinh sợ (bhaya) và an-tĩnh (khema)

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6** bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự sinh** (uppāda) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (bhaya), nên **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- **Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không sinh** (anuppāda) (của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới) là **pháp an-tĩnh** (khema), nên **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7** ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự hiện-hữu** (pavatta) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (bhaya), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không có sự hiện-hữu** (appavatta) của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới là **pháp an-tịnh** (khemā), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 thấy rõ, biết rõ rằng: **Pháp-hữu-vi** (saṅkhāranimitta) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (bhaya), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **pháp-vô-vi** (animitta) là **pháp an-tịnh** (khemā), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự tích lũy nghiệp chướng** (āyūhana), cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (bhaya), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không tích lũy nghiệp chướng** (anāyūhana) là **pháp an-tịnh** (khemā), nên trí-tuệ thiên-

tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới **thật là đáng kinh sợ** (*bhaya*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không tái-sinh kiếp sau** (*appaṭisandhi*) là **pháp an-tịnh** (*khema*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

2- Đối-tượng khổ (dukkha) và an-lạc (sukha)

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự sinh** (*uppāda*) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không sinh** (*anuppāda*) (của danh-pháp, sắc pháp trong tam-giới) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự hiện-hữu** (*pavatta*) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không có sự hiện-hữu** (*appavatta*) của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng: **Pháp-hữu-vi** (*saṅkhāranimitta*) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **pháp-vô-vi** (*animitta*) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*), cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không tích lũy nghiệp chướng** (*anāyūhana*) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới **thật là khổ** (*dukkha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không tái-sinh kiếp sau** (*appaṭisandhi*) là **pháp an-lạc** (*sukha*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

3- Đối-tượng pháp-hữu-vi (*saṅkhāra*) và Niết-bàn

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự sinh** (*uppāda*) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāra*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự sinh** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không sinh** (*anuppāda*) (của danh-pháp, sắc pháp trong tam-giới) là Niết-bàn (*Nibbāna*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự hiện-hữu** (*pavatta*) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (*saṅkhāra*), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **sự hiện-hữu** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* biết rằng: Niết-bàn **không có sự hiện-hữu** (*appavatta*) (của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới) nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: **Pháp-hữu-vi** (saṅkhāranimitta) của sắc-pháp, của danh-pháp 3 thời trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (saṅkhāra), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **pháp-hữu-vi** của sắc-pháp, của danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn là **pháp-vô-vi** (animitta) nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự tích lũy nghiệp chướng** (āyūhana), cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (saṅkhāra), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự tích lũy nghiệp chướng** cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không tích lũy nghiệp chướng** (anāyūhana) nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañāṇa thấy rõ, biết rõ rằng: **Sự tái-sinh kiếp sau** (paṭisandhi) trong tam-giới là **pháp-hữu-vi** (saṅkhāra), nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ **sự tái-sinh kiếp sau** trong tam-giới **đầy tội chướng**.

- Và trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa biết rằng: Niết-bàn **không tái-sinh kiếp sau** (appaṭisandhi) nên trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa hướng đến Niết-bàn diệt tất cả mọi pháp-hữu-vi.

Thực-hành 10 loại trí-tuệ thiên-tuệ

Hành-giả kiên trì thực-hành 10 loại trí-tuệ thiên-tuệ rất thuần thực là:

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng 5 đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp có **sự sinh** (*uppāda*), **sự hiện-hữu** (*pavatta*), **pháp-hành hữu-vi** (*saṅkhāranimitta*), **sự tích lũy nghiệp chướng** (*āyūhana*), **sự tái-sinh kiếp sau** (*paṭisandhi*) trong tam-giới đầy tội chướng, và

- 5 *santipadañāṇa* là trí-tuệ thiên-tuệ hướng tâm đến **Niết-bàn** có 5 đối-tượng hoàn toàn đối nghịch với 5 đối-tượng của trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa*, đó là **Niết-bàn không sinh** (*anuppāda*), **không hiện-hữu** (*appavatta*), **pháp-vô-vi** (*animitta*), **không tích lũy nghiệp chướng** (*anāyūhana*), **không tái-sinh kiếp sau** (*appaṭisandhi*).

Khi kiên trì thực-hành 10 trí-tuệ thiên-tuệ này một cách thuần thực rồi, hành-giả ấy không hề bị lay chuyển bởi các tà-kiến.

Như vậy, **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* với **trí-tuệ thiên-tuệ** *santipadañāṇa*, mỗi loại có 5 đối-tượng hoàn toàn đối nghịch với nhau, và dẫn đến như sau:

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7** *ādīnavānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **đầy tội chướng, thật đáng kinh sợ tột độ**, bởi vì **tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp không phải là nơi ẩn náu** (*neva tāṇaṃ*), **không phải là nơi an toàn** (*na leṇaṃ*), **không phải là nơi đi lánh nạn** (*na gati*), **không phải là nơi nương nhờ** (*nappaṭisaraṇaṃ*), **chỉ có khổ thật sự** mà thôi.

Cho nên, hành-giả phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ nhằm chán, không dính mắc vào sắc-pháp, danh-pháp ấy.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ santipadañāṇa* hướng đến *Niết-bàn tịch tịnh đầy ân-đức*. *Niết-bàn là pháp an-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải-thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.*

Cho nên, hành-giả phát sinh đức-tin trong sạch vững chắc trong pháp-hành thiên-tuệ này dẫn đến chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong 3 giới 4 loài.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

8- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8* gọi là *nibbidānupassanāñāṇa*: *Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp thật đáng nhằm chán.*

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa*: *Trí-tuệ thiên-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại vị-lai trong tam-giới đầy tội chướng* có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* như sau:

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* là tổng hợp 7 loại trí-tuệ trên từ *trí-tuệ thứ nhất* cho đến *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7* làm nền tảng, làm nhân-duyên để

cho phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **thật đáng nhàm chán**.

Nibbidānupassanāñāṇa gồm có 3 từ **nibbidā, anupassanā, ñāṇa**.

- **Nibbidā**: Thật đáng nhàm chán.
- **anupassanā**: Dõi theo thấy rõ, biết rõ.
- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp.

Nibbidānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thường dõi theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **thật đáng nhàm chán...**

Nibbidā: Thật đáng nhàm chán có nghĩa là hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã trải qua 7 loại trí-tuệ thiên-tuệ từ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa** như sau:

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 **uddayabbayānupassanāñāṇa** đã thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, hiện rõ **3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 **bhaṅgānupassanāñāṇa** đã thấy rõ, biết rõ **đặc biệt sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, hiện rõ **3 trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp chỉ có **khổ thật sự** mà thôi.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 **bhayatupaṭṭhānañāṇa** đã thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **thật đáng kinh sợ tột độ** (bhaya).

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 **ādīnavānupassanāñāṇa** đã

thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **đầy những tội chướng** (*ādīnava*).

Vì vậy, đến khi **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāna** này phát sinh thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới **thật đáng nhàm chán tội độ**, nên chỉ hướng tâm đến *Niết-bàn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi*.

Ví dụ: * **Con chim** bị bắt, rồi được nhốt trong chiếc lồng làm bằng vàng, bạc quý giá, được nuôi nâng chăm sóc ăn uống đầy đủ sung túc, nhưng nó cảm thấy *nhàm chán* cuộc sống trong chiếc lồng ấy, chỉ muốn trốn thoát ra khỏi lồng ấy mà thôi, trở lại rừng núi, nó được tự do bay khắp đó đây như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đến khi **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāna** phát sinh, thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên cảm thấy **nhàm chán** tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp trong 3 giới, trong 4 loài chúng-sinh, v.v... Hành-giả chỉ muốn hướng tâm đến *Niết-bàn, giải thoát khổ* như thế ấy mà thôi.

Hoặc * **con bạch tượng** không hài lòng, nhàm chán với cuộc sống trong hoàng cung của Đức-vua, nó chỉ hài lòng hoan hỷ sống trong khu rừng lớn, gần hồ nước sâu trong vắt, rộng lớn như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đạt đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāna** thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên cảm thấy **nhàm chán tội độ** tất cả mọi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, mà chỉ hài lòng hướng tâm đến *đối-tượng santipada Niết-bàn diệt tất cả các pháp-hữu-vi*, bởi vì hành-giả hiểu biết rõ rằng:

Nếu được chứng ngộ Niết-bàn, diệt khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài thì mới an-lạc thật sự mà thôi, cũng như thế ấy.

Cho nên, hành-giả cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành dõ theo **7 pháp anupassanā**, để mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, diệt khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

7 pháp anupassanā

- **Aniccānupassanā**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-thường.

- **Dukkhānupassanā**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái khổ.

- **Anattānupassanā**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp có trạng-thái vô-ngã.

- **Nibbidānupassanā**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp thật đáng nhàm chán.

- **Virāgānupassanā**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp không đáng say mê.

- **Nirodhānupassanā**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp đáng diệt bỏ.

- **Paṭinissaggānupassanā**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, danh-pháp đáng xả bỏ.

Giải thích:

1- **Aniccānupassanā**: Trí-tuệ thiên-tuệ dõ theo thấy rõ, biết rõ sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-thường**; và trí-tuệ thiên-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-thường** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **niccasaññā**: Thấy sai, tưởng lầm cho là sắc-pháp, danh-pháp là **thường**.

2- *Dukkhānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái khổ**; và trí-tuệ thiên-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái khổ** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được *sukhasaññā*: Thấy sai, tưởng lầm cho là sắc-pháp, danh-pháp là **lạc**.

3- *Anattānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại, nên hiện rõ **trạng-thái vô-ngã**; và trí-tuệ thiên-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng có **trạng-thái vô-ngã** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được *attasaññā*: Thấy sai, tưởng lầm cho là sắc-pháp, danh-pháp là **ngã**.

4- *Nibbidānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng nhàm chán**; và trí-tuệ thiên-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng nhàm chán** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được *nandi*: Tâm tham-ái hài lòng trong sắc-pháp, danh-pháp.

5- *Virāḡānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật không đáng say mê**; và trí-tuệ thiên-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật không đáng say mê** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được *rāga*: Tâm tham-ái say mê trong sắc-pháp, danh-pháp.

6- *Nirodhānupassanā*: Trí-tuệ thiên-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại

chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng diệt bỏ**; và trí-tuệ thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng diệt bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **samudaya**: Nhân-sinh-khổ của sắc-pháp, của danh-pháp.

7- **Paṭinissaggānupassanā**: Trí-tuệ thiền-tuệ dõi theo thấy rõ, biết rõ **sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên **thật đáng xả bỏ**; và trí-tuệ thiền-tuệ này cũng có khả năng biết rõ danh-pháp sắc-pháp quá-khứ, vị-lai cũng **thật đáng xả bỏ** như sắc-pháp, danh-pháp hiện-tại này, nên diệt được **āḍāna**: Sự chấp-thủ trong sắc-pháp, danh-pháp.

Trong 7 pháp **ānupassanā** này có 3 **ānupassanā** căn bản là **aniccānupassanā**, **dukkhānupassanā**, **anattānupassanā**, bởi vì trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ 3 **trạng-thái chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.

Ba loại trí-tuệ thiền-tuệ

Ba loại trí-tuệ thiền-tuệ là:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 **bhayatupaṭṭhānāñāṇa** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đáng kinh sợ**.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 **ādīnavānupassanāñāṇa** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đầy tội chướng**.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 **nibbidānupassanāñāṇa** thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đáng nhàm chán**.

Ba loại trí-tuệ thiền-tuệ này chỉ có khác nhau về tên gọi mà thôi, còn giống nhau về ý nghĩa.

- Nếu trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đáng kinh sợ** thì gọi là **bhayatupaṭṭhānāñāṇa**.

- Nếu *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đầy tội chướng** thì gọi là *ādinānupassanāñāṇa*.

- Nếu *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **đáng nhàm chán** thì gọi là *nibbidānupassanāñāṇa*.

Khi *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới **thật đáng nhàm chán tốt độ**, nên hướng tâm đến **đối-tượng santipada**, **Niết-bàn** là pháp ẩn-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải-thoát khổ hoàn toàn, chỉ có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.

Đối-tượng santipada, Niết-bàn như thế nào?

Hành-giả có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* thấu suốt biết rõ rằng:

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng:

Uppāda: Sự sinh của sắc-pháp, của danh-pháp thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có **khổ** mà thôi.

Và **anuppāda**: Sự không sinh của sắc-pháp, của danh-pháp, đó là **santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối**.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng:

Pavatta: Sự hiện-hữu của sắc-pháp, của danh-pháp thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có **khổ** mà thôi.

Và **anuppāda**: Sự không sinh của sắc-pháp, của danh-pháp, đó là **santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối**.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng:

Nimitta (saṅkhāranimitta): *Pháp-hữu-vi của sắc-pháp, danh-pháp thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi.*

Và **animitta**: *Pháp-vô-vi, không bị cấu tạo, đó là santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.*

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ rằng:*

Āyūhana: *Sự tích lũy nghiệp chướng cho quả tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi.*

Và **anāyūhana**: *Sự không tích lũy nghiệp chướng, đó là santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.*

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa thấy rõ, biết rõ rằng:*

Paṭisandhi: *Sự tái-sinh kiếp sau trong tam-giới thật là đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán, chỉ có khổ mà thôi.*

Và **appaṭisandhi**: *Sự không tái-sinh kiếp sau, đó là santipada, Niết-bàn an-lạc tuyệt đối, v.v...*

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tột độ, chỉ có khổ mà thôi, nên chỉ hướng đến đối-tượng santipada, Niết-bàn diệt tất cả các pháp-hữu-vi, là pháp ân-náu an toàn, là pháp nương-nhờ an toàn, là pháp giải-thoát khổ hoàn toàn, có sự an-lạc tuyệt đối mà thôi.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa** phát sinh tiếp theo.

9- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 Muñcitukamyatāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa** có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** gọi là **muñcitukamyatāñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới ấy mà thôi.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thường dỗi theo thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp quá-khứ, hiện-tại vị-lai trong tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa** như sau:

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa** là tổng hợp 8 loại trí-tuệ trên từ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8** làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ, nên chỉ mong giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới mà thôi.

Muñcitukamyatāñāṇa gồm có 3 từ **muñcitu**, **kamyatā**, **ñāṇa**.

- **Muñcitu**: Giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi.
- **kamyatā**: Sự mong muốn tha thiết.
- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự thật.

Muñcitukamyatāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ mong muốn tha thiết giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, danh-pháp, sắc-pháp trong tam-giới.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa phát sinh như thế nào?

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa có khả năng thấy rõ, biết rõ mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp quá-khứ, hiện-tại, vị-lai trong tam-giới *đáng kinh sợ, đầy tội chướng, đáng nhàm chán tội độ, chỉ có khổ mà thôi*, nên hướng tâm đến *đối-tượng santipada, Niết-bàn diệt tất cả các pháp-hữu-vi* làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9* muñcitukamyatāñāṇa *chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn* giải thoát khỏi khổ tử sinh luân-hồi trong *ba giới bốn loài* mà thôi.

* **Ba giới** gồm có 31 cõi là:

- *Dục-giới* có 11 cõi-giới.
- *Sắc-giới* có 16 tầng trời *sắc-giới phạm-thiên*.
- *Vô sắc-giới* có 4 tầng trời *vô-sắc-giới phạm-thiên*.

1- **Dục-giới** có 11 cõi-giới chia làm 2 cõi

- *Cõi ác-giới* có 4 cõi.
- *Cõi thiện-giới* có 7 cõi.

* **Cõi ác-giới** có 4 cõi là cõi *địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*. Chúng-sinh bị sa đọa trong 4 cõi ác-giới này do *quả của ác-nghiệp*, rồi phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Ác-nghiệp đó là *tác-y tâm-sở (cetanā)* trong 12 *bất-thiện-tâm: 8 tham-tâm, 2 sân-tâm, 2 si-tâm*.

Chúng-sinh nào đã tạo ác-nghiệp nào rồi, sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu *ác-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau thì sinh 1 trong 4 cõi ác-giới: *Địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh*. Chúng-sinh sinh trong cõi ác-giới nào do năng lực của *quả của ác-nghiệp* ấy.

Đặc biệt có ít loài thú như *voi báu, ngựa báu, chó, mèo,...* do nhờ *quả của đại-thiện-nghiệp* từ những kiếp trước, nên chúng được người ta nuôi nấng chăm sóc đầy đủ, ít khổ hơn các con thú khác.

* **Cõi thiện-giới** có 7 cõi là *cõi người và 6 cõi trời dục-giới*. Chúng-sinh được sinh trong 7 cõi thiện-giới này do *quả của đại-thiện-nghiệp*, hưởng quả an-lạc trong cõi-giới ấy cho đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp ấy, rồi phải tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác, tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

Đại-thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở trong 8 dục-giới thiện-tâm.

2- **Sắc-giới** có 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên.

Chư phạm-thiên được hóa-sinh lên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên này do quả của *sắc-giới thiện-nghiệp*.

Sắc-giới thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở trong 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm.

3- **Vô sắc-giới** có 4 tầng trời vô sắc-giới phạm-thiên.

Chư phạm-thiên được hóa-sinh lên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên này do quả của *vô-sắc-giới thiện-nghiệp*.

Vô-sắc-giới thiện-nghiệp đó là tác-ý tâm-sở trong 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm.⁽¹⁾

* **Bốn loài** đó là 4 loài chúng-sinh:

1- **Thai-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài thai-sinh, đầu tiên cần phải nương nhờ nơi bụng mẹ, từ từ lớn dần cho đến khi đủ tháng đủ ngày, mới sinh ra đời. Đó là *loài người, loài súc-sinh như trâu, bò, v.v...*

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo*, quyển IV: *Nghiệp Và Quả Của Nghiệp*, cùng soạn giả.

2- **Noãn-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài noãn-sinh, đầu tiên cần phải nương nhờ nơi bụng mẹ, sinh trong trứng từ từ lớn dần cho đến khi đủ tháng đủ ngày, trứng sinh ra ngoài, rồi từ trứng sinh ra con. Đó là *loài gà, vịt, chim, v.v...*

3- **Thấp-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài thấp-sinh nương nhờ nơi âm thấp dơ dáy, dưới đất, lá cây, trái cây chín, máu, mủ, v.v... Đó là *con giun đất, trùn, dòi, các loài sán, v.v...*

4- **Hóa-sinh**: Chúng-sinh thuộc về loài hóa-sinh không cần nương nhờ vào nơi nào cả, chỉ nương nhờ nơi nghiệp quá-khứ của mình mà thôi. Khi hóa-sinh ngay tức khắc to lớn tự nhiên. Đó là *chúng-sinh địa-ngục, các loài ngựa-quỷ, các loài a-su-ra, chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, chư phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, ...*

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, đạt đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāna* hiểu biết rằng:

Hễ còn tái-sinh kiếp sau là còn có ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, dù ở trong cõi nào cũng chắc chắn còn phải chịu khổ của sắc-pháp, của danh-pháp ấy.

Đối với hạng phạm-nhân, hễ còn tiếp tục tử sinh luân-hồi thì khó mà tránh khỏi 4 cõi ác-giới: Địa-ngục, a-su-ra, ngựa-quỷ, súc-sinh.

Cho nên, hành-giả phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng kinh sợ, đầy tội chướng, **thật đáng nhàm chán thật sự**. Vì vậy, hành-giả cảm thấy kinh sợ, nhàm chán trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, nên chỉ quyết tâm tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ để

mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khỏi vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.

Tính chất của muñcitukamyatāñāna như thế nào?

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** muñcitukamyatāñāna chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới mà thôi, qua những ví dụ như sau:

- Ví như con cá bị mắc lưới, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi lưới như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới cũng như thế ấy.

- Ví như con ếch bị con rắn ngậm trong miệng, cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi miệng con rắn như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn... cũng như thế ấy.

- Ví như con gà rừng là con vật sống trong rừng, khi nó bị sa vào bẫy, người thợ săn đem nó về nhốt trong chuồng, nó cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi chuồng như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn, ... cũng như thế ấy.

- Ví như con nai bị sa vào bẫy, người thợ săn đem nó về nhốt trong chuồng, nó cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi chuồng như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn, ... cũng như thế ấy.

- Ví như con rắn bị nắm trong tay thầy rắn, nó cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi tay thầy rắn như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn, ... cũng như thế ấy.

- Ví như con voi bị sa xuống hầm sâu, nó cố gắng hết sức mình leo lên để thoát ra khỏi hầm như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn, ... cũng như thế ấy.

- Ví như long vương bị nằm trong mỏ của điều vương, nó cố gắng hết sức mình vùng vẫy để thoát ra khỏi mỏ của điều vương như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn, ... cũng như thế ấy.

- Ví như một người bị kẻ thù vây hãm, người ấy cố gắng hết sức mình tìm đường chạy thoát ra khỏi vòng vây của kẻ thù như thế nào. Cũng như vậy, hành-giả có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** mong chứng ngộ Niết-bàn giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới cũng như thế ấy, v.v...

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi đạt đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** *muñcitukamyatāñāṇa* này thấy rõ, biết rõ ràng mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong 31 cõi trong tam-giới đều sinh rồi diệt, tan rã, là vô-thường, chỉ có **khổ thật sự** mà thôi, nên tâm của hành-giả chỉ mong chứng ngộ Niết-bàn, mới giải thoát ra khỏi mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, đồng thời giải thoát khổ ra khỏi vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Cho nên, hành-giả không muốn dính mắc trong sắc-pháp, danh-pháp nào nữa, chỉ cố gắng tinh-tấn không ngừng tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, để mong chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khổ ra khỏi vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

10- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 muñcītukamyatāñāṇa có nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 gọi là paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 muñcītukamyatāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ mong muốn tha thiết giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm chán tột độ làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 gọi là paṭisaṅkhānupassanāñāṇa như sau:

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa là tổng hợp 9 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 gọi là paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.

Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa gồm có 4 từ paṭi, saṅkhā, ānupassanā, ñāṇa.

- Paṭi: Trở lại.
- aṅkhā: Suy xét.
- nupassanā: Dõi theo thấy rõ, biết rõ.
- ñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sự thật.

Paṭisaṅkhānupassanāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.

Theo bộ *Visuddhimagga*⁽¹⁾, hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, khi đạt đến *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* này thấy rõ, biết rõ trở lại đây đủ **4 trạng-thái** gồm có 53 trạng-thái chi-tiết:

- *Trạng-thái vô-thường* có 12 trạng-thái chi-tiết.
- *Trạng-thái khổ* có 27 trạng-thái chi-tiết.
- *Trạng-thái bất-tịnh* có 7 trạng-thái chi-tiết.
- *Trạng-thái vô-ngã* có 7 trạng-thái chi-tiết.

1-Aniccalakkhaṇa: *Trạng-thái vô-thường* có 12 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- *Anaccantikato:* *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không thường tồn, sinh rồi diệt liên tục không ngừng.*

2- *Tāvakālikato:* *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái tạm thời ngắn ngủi.*

3- *Uppādavayaparicchinnakato:* *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái phân tích sự sinh, sự diệt.*

4- *Palokato:* *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái tiêu hoại.*

5- *Calato:* *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái biến đổi bệnh, già, chết.*

6- *Pabaṅguto:* *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái tan rã.*

7- *Addhuvato:* *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái không bền vững.*

8- *Vipariṇāmadhammato:* *Trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có *trạng-thái biến đổi là thường.*

¹ Bộ *Visuddhimagga*, phần *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā*.

9- *Asārakato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái vô dụng, không cốt lõi.

10- *Vibhavato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái bị suy.

11- *Saṅkhatato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái bị cấu tạo.

12- *Maraṇadhammato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái huỷ diệt, chết là thường.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết phát sinh tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

2- Dukkhalakkhaṇa: Trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- *Abhiṅhapaṭipīlanato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ luôn luôn hành hạ.

2- *Dukkhato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ khó chịu đựng nổi.

3- *Dukkhavatthuto*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ của nơi sinh.

4- *Rogato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ bệnh.

5- *Gaṇdato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ như ung nhọt.

6- *Sallato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ như mũi tên độc phiền-não.

7- *Aghato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ vì bất hạnh.

8- *Ābādhato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ bệnh hoạn, óm đau.

9- *Ītito*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái suy đồi.

10- *Upaddavato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ tai nạn.

11- *Bhayato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ đáng kinh sợ.

12- *Upasaggato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ cản trở.

13- *Atāṇato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ không có nơi bảo hộ.

14- *Aleṇato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ không có nơi ẩn náu.

15- *Asaraṇato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ không nơi nương nhờ.

16- *Ādīnavato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ đầy tội chướng.

17- *Aghamūlato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái nguồn gốc của khổ đau.

18- *Vadhakato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ như kẻ sát hại.

19- *Sāsavato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ phiền-não trầm luân.

20- *Mārāmisato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ môi của Ma.

21- *Jātidhammato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ sinh là thường.

22- *Jarādhammato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ già là thường.

23- *Byādhidhammato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ bệnh là thường.

24- *Sokadhammato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ sầu não là thường.

25- *Paridevadhhammato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ than khóc là thường.

26- *Upāyāsadhhammato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái thống khổ cùng cực là thường.

27- *Samkilesikadhammato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái khổ do phiền-não làm ô nhiễm.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết phát sinh tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

3- Asubhalakkhaṇa: Trạng-thái bất-tịnh có 7 trạng-thái chi-tiết là đối-tượng của **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- *Ajaññato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái không tốt đẹp.

2- *Duggandhato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái hôi hám.

3- *Jegucchato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái đáng ghê tởm.

4- *Paṭikkūlato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái dơ bẩn.

5- *Amaṇḍanārahato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái không có xinh đẹp gì cả.

6- *Virūpato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái xấu xí.

7- *Bībhacchato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có trạng-thái đáng gớm ghiếc.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ **trạng-thái bất-tịnh**, có 7 **trạng-thái chi-tiết** phát sinh tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

Bảy trạng-thái-bất-tịnh chi-tiết này là **trạng-thái phụ** của **trạng-thái khổ** được ghép chung vào **trạng-thái khổ**.

4- Anattalakkhaṇa: Trạng-thái vô-ngã có 7 **trạng-thái chi tiết** là đối-tượng của **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* mà hành-giả nên thực-hành như sau:

1- *Parato*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có **trạng-thái khác lạ**.

2- *Rittato*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có **trạng-thái rỗng không**.

3- *Tucchato*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có **trạng-thái rỗng tuếch rỗng toác**.

4- *Suññato*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có **trạng-thái hoàn toàn không**, không phải ta, không phải của ta.

5- *Assāmikato*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có **trạng-thái vô chủ**.

6- *Anissarato*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có **trạng-thái không quyền hành**.

7- *Avasavattito*: *Trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn có **trạng-thái không chiều theo ý muốn của ai**.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại **trạng-thái vô-ngã** có 7 **trạng-thái chi tiết** phát sinh tùy theo khả năng của mỗi hành-giả.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* này thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ **4 trạng-thái**: **Trạng-thái vô-thường**, **trạng-thái khổ**, **trạng-thái vô-ngã**, **trạng-**

thái bất-tịnh của các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới một cách rõ ràng đầy đủ các trạng-thái chi-tiết, nên **diệt-tùng-thời** (*tadaṅgappahāma*) được 3 pháp-đạo-điên (*vipallāsa*): *Tương-đạo-điên* (*saññāvipallāsa*), *tâm-đạo-điên* (*cittavipallāsa*), *tà-kiến-đạo-điên* (*ditṭhivipallāsa*) cho là sắc-pháp, danh-pháp là **thường, lạc, ngã, tịnh**.

Cho nên, **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* này sáng suốt tìm ra phương pháp giải thoát khỏi khổ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới này.

Hành-giả tiếp tục cố gắng tinh-tấn không ngừng thực-hành pháp-hành thiên-tuệ với phương pháp như vậy, **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh có nhiều năng lực.

Trong Visuddhimagga, phần *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā* dạy rằng:

“*Aniccatō manasikaroto nimittam paṭisaṅkhāñāṇam uppajjati.*

Dukkhatō manasikaroto pavattam paṭisaṅkhāñāṇam uppajjati.

Anattato manasikaroto nimittaṅca pavattaṅca paṭisaṅkhā ñāṇam uppajjati.⁽¹⁾”

Hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, biết rõ pháp-hữu-vi không bền lâu, chốc lát, trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh.

Hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái khổ, biết rõ sự hiện hữu các pháp-hữu-vi, trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần *Paṭisaṅkhānupassanāñāṇakathā*.

Hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-ngã, biết rõ pháp-hữu-vi không bền lâu và sự hiện hữu các pháp-hữu-vi, trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* phát sinh.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* này làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* phát sinh tiếp theo.

11- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 *Saṅkhārupekkhāñāṇa*

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* nhiều năng lực làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** gọi là *saṅkhārupekkhāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ rằng **thật-tánh** của sắc-pháp danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, có **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt **tâm trung-dung** giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp, để quyết định phương pháp giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* như sau:

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* là tổng hợp 10 loại trí-tuệ trên từ trí-tuệ thứ nhất cho đến trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ rằng sắc-

pháp, danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt **tâm trung-dung** (*majjhata*) giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp, để quyết định phương pháp giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Saṅkhārupekkhāñāṇa gồm có 3 từ **saṅkhāra**, **upekkhā**, **ñāṇa**.

- **Saṅkhāra**: Các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp.
- **upekkhā**: Tâm trung-dung.
- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh.

Saṅkhārupekkhāñāṇa: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, có 3 trạng-thái chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt **tâm trung-dung** (*majjhata*) giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp để quyết định chọn phương pháp giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới, để tìm ra phương-pháp giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi này. Cho nên hành-giả trở lại suy xét rằng:

Sabbe saṅkhārā suññā.

Tất cả các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp, ngũ-uẩn, 6 xứ bên trong với 6 xứ bên ngoài, 18 tự-tánh (*dhātu*), ... đều là **hoàn toàn không** (không phải ta, không phải của ta).

Thật vậy, hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 **saṅkhārupekkhāñāṇa** thấy rõ, biết rõ 2 pháp bên trong chính mình:

Suññamidam attanena vā attaniyena vā.

Thật-tánh của các pháp-hữu-vi này không phải là ta và không thuộc về của ta.

Khi hành-giả có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna* thấy rõ, biết rõ ràng các pháp-hữu-vi **hoàn toàn không phải là ta, không thuộc về của ta** với *paccakkhañāna*, *trí-tuệ trực tiếp* biết rõ bên trong của mình như vậy, và cũng thấy rõ, biết rõ ràng các pháp-hữu-vi bên trong của người khác bằng *anumānañāna*, *trí-tuệ gián tiếp* biết rõ 4 pháp rằng:

- “*Nāhaṃ kvaçani,*
- *Kassaci kiñcanatasmim,*
- *Na ca mama kvaçani,*
- *Kismiñci kiñcanatatthi.*⁽¹⁾”

- *Hành-giả không thấy có ta trong bất cứ nơi nào, thời gian nào, trong pháp nào cả.*

- *Hành-giả không thấy ta có quan hệ mật thiết đến một ai cả.*

- *Hành-giả thấy không có của ta, cũng không có của người khác, bất cứ nơi nào, thời gian nào, trong pháp nào cả.*

- *Hành-giả không thấy người khác có quan hệ với ta.*

Pháp-hữu-vi là hoàn toàn không

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna* thấy rõ, biết rõ các pháp-hữu-vi rằng:

- *Trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ **6 xứ bên trong**: *Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ*, là **hoàn**

¹ Bộ Visuddhimagga Saṅkhārupekkhāñānakathā.

toàn không (*suñña*), không phải là ta, không thuộc về của ta, vô-thường, không bền, không vững, ...

- Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **6 xứ bên ngoài**: Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ là **hoàn toàn không** (*suñña*), không phải là ta, không thuộc về của ta, vô-thường, không bền, không vững, ...

- Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **6 thức-tâm**: Nhãn-thức-tâm, nhĩ-thức-tâm, tỷ-thức-tâm, thiệt-thức-tâm, thân-thức-tâm, ý-thức-tâm là **hoàn toàn không**, không phải là ta, không thuộc về của ta, vô-thường, không bền, không vững, ...

- Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn là **hoàn toàn không** (*suñña*), không phải là ta, không thuộc về của ta, là vô dụng, vì không có lỗi, không bền vững, vô-thường, không an-lạc, vô-ngã, luôn luôn biến đổi, ví như cây sậy, cây chuối, bong bóng nước, bọt nước, giọt sương, ...

- Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn với 10 tính chất như sau:

Sắc-uẩn có 10 tính chất:

1- *Rūpaṃ rittato passati*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là vô ích, bởi vì vô-thường, khổ, vô-ngã.

2- *Tuccho*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là rỗng tuếch, bởi vì không có cốt lõi.

3- *Suññato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là rỗng không, không phải là ta, không thuộc về của ta.

4- *Anattato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là vô-ngã, bởi vì vô chủ, không chiều theo ý muốn của ai.

5- *Anissariyato*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không có chủ quyền, bởi vì không ai có quyền hành.

6- *Akāmakāriyato*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không làm theo ý muốn của ai.

7- *Alabbhanīyato*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ không thể muốn sắc-uẩn như thế này, đừng như thế kia.

8- *Avasavattakato*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không chiều theo ý muốn của ai.

9- *Parato*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là khác lạ.

10- *Vivittato pasati*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là vô chủ, bởi vì không phải người, không phải chúng-sinh nào cả.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là **hoàn toàn không** với 10 tính chất ấy như thế nào.

Cũng như vậy, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cũng là **hoàn toàn không** với 10 tính chất như thế ấy.

- **Trí-tuệ thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn**: Sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn là **hoàn toàn không** với 12 tính chất như sau:

Sắc-uẩn có 12 tính chất:

1- *Rūpaṃ na satto*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là chúng-sinh.

2- *Na jīvo*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là sinh mạng vĩnh cửu như ngoại đạo.

3- *Na naro*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người nam.

4- *Na māṇavo*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người nam trẻ.

5- *Na itthī*: Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người nữ.

6- *Na puriso*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là người.

7- *Na attā*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là ngã (ta).

8- *Na attaniyam*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về ngã (ta).

9- *Nāham*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải là ta.

10- *Na mama*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về của ta.

11- *Na aññassa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về của người khác.

12- *Na kassaci*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn không phải thuộc về của một ai.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn là **hoàn toàn không** với 12 tính chất ấy như thế nào.

Cũng như vậy, thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cũng là **hoàn toàn không** với 12 tính chất như thế ấy.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-uẩn **hoàn toàn không** với trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết; trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết; trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi-tiết của sắc-uẩn.

Cũng như vậy, trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **thọ-uẩn, tướng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn** hoàn toàn không với trạng-thái vô-thường có 12 trạng-thái chi-tiết; trạng-thái khổ có 27 trạng-thái chi-tiết; trạng-thái vô-ngã có 7 trạng-thái chi-tiết như sắc-uẩn.

Khi hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **ngũ-**

uẩn, sắc-pháp, danh-pháp hoàn toàn không như vậy, gọi là trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới hoàn toàn không**, không phải là ta, không phải thuộc về của ta.

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ có **trí-tuệ thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới hoàn toàn không** với nhiều phương pháp như vậy, tâm của hành-giả đặt **trung-dung giữa tất cả các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp** trong tam-giới.

Như vậy, hành-giả đạt đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11** gọi là **saṅkhārupekkhāñāṇa**.

Tính chất của trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11

Khi hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa** thấy rõ, biết rõ **các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới hoàn toàn không** (không phải ta, không phải thuộc về của ta), thấy rõ, biết rõ **đầy đủ trạng-thái chi-tiết của trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới**, cho nên, hành-giả có được tính chất đặc biệt của **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa** như sau:

- Hành-giả diệt được **bhayañca nandiñca vippahāya: Tâm kinh-sợ (bhaya) và tâm hoan-hỷ (nandi)** trong các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, bởi vì đặt **tâm trung-dung (majjhata)** giữa các sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

- Hành-giả không chấp-thủ trong sắc-pháp, danh-pháp cho **là ta (ahaṃ), thuộc về của ta (mama)**, bởi vì thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp **thật đáng kinh-sợ, đầy tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tội độ**.

Ví dụ:

Một **chàng trai** yêu say đắm người **vợ trẻ đẹp**, không muốn rời xa, vì quá yêu vợ. Nếu thấy người vợ đứng, ngồi nói chuyện, cười cợt với người đàn ông nào thì chàng trai ấy nổi cơn ghen tức, khô tâm cùng cực.

Một hôm, chàng trai ấy bắt gặp vợ của mình ngoại tình với người đàn ông khác, thấy rõ, biết rõ người vợ phụ bạc, không có chung thủy với mình, đây tội-lỗi như vậy, nên phát sinh tâm nhàm-chán tội độ, không còn yêu say đắm người vợ như trước nữa.

Chàng trai ấy quyết tâm ly dị với vợ, rồi đuổi vợ ra khỏi nhà, không còn chấp nhận là vợ của mình nữa.

Từ đó về sau, dù chàng trai trẻ thấy người vợ cũ đi theo với người ông khác, chuyện trò cười cợt với người đàn ông khác, chàng trai trẻ ấy vẫn tự nhiên, không hề nổi cơn ghen tức như trước nữa, bởi vì chàng trai trẻ đặt tâm trung-dung giữa người vợ cũ và người đàn ông ấy.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupēkkhāṇāna** thấy rõ, biết rõ ràng **sắc-pháp, danh-pháp hoàn toàn không, là pháp-vô-ngã, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên không còn chấp-thủ trong ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp cho là ta (aham), thuộc về của ta (mama), đặt tâm trung-dung giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp.**

Hành-giả đã đạt đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupēkkhāṇāna** này thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp** thật đáng kinh sợ, đầy tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tội độ, chỉ mong giải thoát ra khỏi ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới mà thôi.

Hành-giả trở lại thấy rõ, biết rõ **ngũ-uẩn, sắc-pháp,**

danh-pháp hoàn toàn không, không phải là ta, không phải thuộc về của ta, nên đặt *tâm trung-dung* giữa ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp, đó là đại-thiện-tâm có nhiều năng lực chỉ còn hướng đến Niết-bàn giải thoát khổ mà thôi.

Nếu đại-thiện-tâm chưa thấy *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn* thì trở lại với *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới*, và hành-giả tiếp tục thực-hành như vậy, cho đến khi *trí-tuệ thiên-tuệ* có khả năng thấy được *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn*.

Khi nào *trí-tuệ thiên-tuệ* có khả năng thấy được *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, khi ấy, mới buông bỏ *đối-tượng sắc-pháp*, *danh-pháp tam-giới*.

Ví dụ: *Chiếc thương thuyền đi trên đại dương*.

Thời xưa, con người chưa có chiếc *la bàn chỉ phương hướng*. Chiếc thương thuyền trước khi khởi hành đi ra biển đại dương, người thuyền trưởng bắt một *con quạ* đem theo để chỉ phương hướng. Nếu khi chiếc thuyền bị gió mạnh đi lạc hướng, nhìn không thấy bến thì khi ấy người thuyền trưởng *thả con quạ* bay đi tìm bến.

Con quạ rời từ đỉnh cột buồm bay thẳng lên hư không, bay quanh các hướng, nếu nó thấy bến thì nó bay thẳng về hướng ấy, nhưng nếu nó chưa thấy bến thì nó bay trở lại đậu trên đỉnh cột buồm như trước.

Con quạ ấy tiếp tục bay như vậy, cho đến khi tìm thấy bến bay thẳng về hướng ấy, chiếc thuyền cũng đi theo hướng ấy đến bến.

Cũng như vậy, hành-giả có *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāṇāna*, nếu khi thấy được *đối-tượng santipada Niết-bàn siêu-tam-giới* thì buông bỏ *đối-tượng*

sắc-pháp, danh-pháp tam-giới **sinh rồi diệt** liên tục không ngừng, có *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã*.

Nếu khi chưa thấy được *đối-tượng santipada Niết-bàn siêu-tam-giới* thì vẫn còn có *đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới sinh rồi diệt* liên tục không ngừng, có *trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã*.

Hành-giả tiếp tục thực-hành như vậy, bởi vì **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* này phát sinh càng lâu càng vi-tế sâu sắc, thì càng có nhiều năng lực, đặt **tâm trung-dung** giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới.

Ba trí-tuệ thiên-tuệ cùng mục đích

Ba trí-tuệ thiên-tuệ có cùng mục đích giống nhau là:

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9** *muñcītukamyatāñāṇa* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm-chán tột độ, nên chỉ mong **giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp** trong tam-giới mà thôi.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10** *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* thấy rõ, biết rõ trở lại đầy đủ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của các pháp-hữu-vi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, để tìm ra phương pháp giải thoát ra khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* thấy rõ, biết rõ rằng **thật-tánh** của danh-pháp, sắc pháp là **pháp-vô-ngã**, có *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã*, đặt **tâm trung-dung** giữa mọi sắc-

pháp, mọi danh-pháp trong tam-giới, nên có khả năng đặc biệt quyết định phương pháp thực-hành để giải thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới.

Như vậy, 3 trí-tuệ thiền-tuệ này đều giống nhau về phạm vi, về mục đích giải-thoát ra khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, nhưng chỉ có khác nhau về thời gian qua 3 giai đoạn như sau:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa* ở giai đoạn đầu.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa* ở giai đoạn giữa.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñāṇa* ở giai đoạn cuối.

Tính chất của Saṅkhārupekkhāñāṇa

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ đã đạt đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa*, nên có những tính chất đặc biệt như sau:

- Hành-giả không thối chí nản lòng, chỉ có quyết tâm kiên trì thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, để mong chóng chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài mà thôi.

- Hành-giả có 5 pháp đặc biệt là:

1- **Bojjhaṅgavisesa**: Pháp đặc biệt **thất-giác-chi**: Niệm-giác-chi, phân-tích-giác-chi, tinh-tấn-giác-chi, hỷ-giác-chi, tịnh-giác-chi, định-giác-chi, xả-giác-chi. Đó là 7 pháp-giác-chi hỗ trợ chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn.

2- **Maggāṅgavisesa**: Pháp đặc biệt **bát-chánh-đạo**: Chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định.

Đó là 8 pháp-chánh-đạo hỗ trợ chính trực tiếp chứng ngộ chân-lý từ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận mọi phiền-não, mọi tham-ái.

3- **Jhānaṅgavisesa**: Pháp đặc biệt thiên-định. Jhāna nghĩa là định-tâm trong đối-tượng, có 2 loại:

- *Lakkhaṇūpanijjhāna*: Định-tâm trong mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp, để trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của sắc-pháp, của danh-pháp, thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

- *Ārammaṇūpaṇūpanijjhāna*: Định-tâm trong 40 đề-mục thiên-định.

4- **Paṭipadāvīsesa**: Pháp-hành đặc biệt có 4 pháp thực-hành:

- *Dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*: Thực-hành pháp-hành khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- *Dukkhāpaṭipadā khippābhiññā*: Thực-hành pháp-hành khó nhọc, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- *Sukhāpaṭipadā dandhābhiññā*: Thực-hành pháp-hành dễ dàng, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

- *Sukhāpaṭipadā khippābhiññā*: Thực-hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

Nguyên nhân của mỗi pháp-hành

- Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả?

Do 10 vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh xen vào làm trở ngại cho hành-giả đang thực-hành pháp-hành thiên-tuệ khó phát triển.

Khi hành-giả thực-hành khó nhọc mới thoát ra khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ rồi, đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñña phát sinh gần chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả vẫn còn chút trở ngại mới chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

Vì vậy, gọi là “*dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*: Thực-hành pháp-hành khó nhọc, chậm chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả”.

- Do nguyên nhân nào mà hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả?

Do hành-giả thực-hành dễ dàng thoát ra khỏi 10 vipassanupakkilesa: Pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ, và đến khi trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñña phát sinh gần chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả cũng dễ dàng chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.

Vì vậy, gọi là “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*: Thực-hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả”.

* Đối với chư Phật chỉ có điều thứ 4 là “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*”: Thực-hành pháp-hành dễ dàng, mau chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả mà thôi.

* Đối với Ngài Đại-trưởng-lão Sāriputta chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả thuộc về điều thứ 4 “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*”.

* Đối với Ngài Đại-trưởng-lão Mahāmoggallāna, khi chứng đắc *Sotāpattimagga*, *Sotāpattiphala* thuộc về điều thứ 4 “*sukhāpaṭipadā khippābhiññā*”. Nhưng đến khi chứng đắc 3 Thánh-đạo và 3 Thánh-quả bậc cao thuộc về điều thứ nhất “*dukkhāpaṭipadā dandhābhiññā*”.

* Đối với các hành-giả khác đều có 1 trong 4 pháp-hành tùy theo khả năng của mỗi vị.

5-**Vimokkhavisesa**: Pháp đặc biệt vimokkha có 3 pháp:

- **Animittavimokkha**: Vô-hiện-tượng giải-thoát là hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ dôi theo trạng-thái vô-thường dẫn đến giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi tam-giới (*animitta*), chứng ngộ Niết-bàn **animittanibbāna**: Vô-hiện-tượng Niết-bàn.

- **Appaṇihitavimokkha**: Vô-tham-ái giải thoát là hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ dôi theo trạng-thái khổ dẫn đến giải thoát khỏi tham-ái trong các pháp-hữu-vi tam-giới (*appaṇihita*), chứng ngộ Niết-bàn **appaṇihitanibbāna**: Vô-tham-ái Niết-bàn.

- **Suññatavimokkha**: Chơn-không vô-ngã giải-thoát là hành-giả có trí-tuệ thiên-tuệ dôi theo trạng-thái vô-ngã dẫn đến giải thoát khỏi chấp ngã trong các pháp-hữu-vi tam-giới (*suññata*), chứng ngộ Niết-bàn **suññatanibbāna**: Chơn-không vô-ngã Niết-bàn.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 dôi theo 3 **anupassanā** cơ bản là:

1- **Aniccānupassanā**: Dôi theo trạng-thái vô-thường.

2- **Dukkhānupassanā**: Dôi theo trạng-thái khổ.

3- **Anattānupassanā**: Dôi theo trạng-thái vô-ngã.

Khi **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa* dôi theo 3 loại **anupassanā** này liên quan đến 3 loại **indriya**, có khả năng đạt đến 3 **pháp-giải-thoát vimokkha**, chứng ngộ 3 loại **Nibbāna**, chứng đắc thành bậc **Thánh-nhân ariyapuggala**, phân định 7 **nhóm Thánh-nhân** trong Phật-giáo.

* Hành-giả đạt đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** gọi là

saṅkhārupekkhāñāna này có một tiềm lực mãnh liệt, có khả năng đặc biệt quyết định chọn phương pháp thực hành để giải thoát khỏi khỏi tam-giới như sau:

- Bằng 1 trong 3 pháp-chủ **Indriya**: *Saddhindriya, samādhindriya, paññindriya*.

- Bằng 1 trong 3 **anupassanā**: *Aniccānupassanā, dukkhānupassanā, anattānupassanā*.

- Bằng 1 trong 3 **sāmaññalakkhaṇa**: *Aniccalakkhaṇa, dukkhalakkhaṇa, anattalakkhaṇa*.

- Bằng 1 trong 3 pháp-giải-thoát **vimokkha**: *Animittavimokkha, appaṇihitavimokkha, suññatavimokkha*.

- Bằng 1 trong 3 loại **Nibbāna**: *Animittanibbāna, appaṇihitanibbāna, suññatanibbāna*.

* Phân-định 7 nhóm Thánh-nhân:

1- Nhóm Thánh-nhân *Saddhānusārī*.

2- Nhóm Thánh-nhân *Saddhāvimutta*.

3- Nhóm Thánh-nhân *Kāyasakkhi*.

4- Nhóm Thánh-nhân *Ubhatobhāgavimutta*.

5- Nhóm Thánh-nhân *Dhammānusārī*.

6- Nhóm Thánh-nhân *Diṭṭhipatta*.

7- Nhóm Thánh-nhân *Paññāvimutta*.

1- Nếu hành-giả là hạng người có **đức-tin trong sạch** đặc biệt thì **saddhindriya**: Tín-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tân-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ), dôi theo **aniccānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **aniccalakkhaṇa**: Trạng-thái vô-thường, dẫn đến pháp-giải-thoát **animittavimokkha**: Vô-hiện-tượng giải-thoát là giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi tam-giới (animitta), chứng ngộ Niết-bàn **animittanibbāna**: Vô-hiện-tượng Niết-bàn, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo* thuộc về nhóm **Saddhānusārī**: *Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng đức-tin trong sạch,*

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả* gồm có 7 bậc *Thánh-nhân* này thuộc về nhóm **Saddhāvimutta**: *Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch.*

2- Nếu hành-giả là hạng người có **định-tâm vững chắc** đặc biệt thì **samādhindriya**: *Định-pháp-chủ* có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (*tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ*), dõng theo **dukkhānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **dukkhalakkhaṇa**: *Trạng-thái khổ, dẫn đến pháp-giải-thoát appanīhita-vimokkha*: *Vô-tham-ái giải thoát là giải thoát khỏi tham-ái trong các pháp-hữu-vi tam-giới (appanīhita), chứng ngộ Niết-bàn appanīhitanibbāna*: *Vô-tham-ái Niết-bàn, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:*

- Chứng đắc 4 *Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* gồm có 8 bậc *Thánh-nhân* đều thuộc về nhóm **Kāyasakki**: *Bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiên sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.*

- Nếu hành-giả trước đã chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, sau thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả* thì thuộc về nhóm **Ubbatobhāgavimutta**: *Bậc Thánh A-ra-hán giải-thoát cả 2: Tứ thiên vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.*

3- Nếu hành-giả là hạng người có **trí-tuệ siêu-việt** đặc biệt thì **paññindriya**: Tuệ-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại (tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ), dõ theo **anattānupassanā**, thấy rõ, biết rõ **anattalakkhaṇa**: Trạng-thái vô-ngã, dẫn đến pháp-giải-thoát **suññatavimokkha**: Chơn-không vô-ngã giải-thoát là giải thoát khỏi chấp ngã trong các pháp-hữu-vi tam-giới (suññata), chứng ngộ Niết-bàn **suññatanibbāna**: Chơn-không vô-ngã Niết-bàn, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo thuộc về nhóm **Dhammānusārī**: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng trí-tuệ siêu-việt.

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo gồm có 6 bậc Thánh-nhân này thuộc về nhóm **Diṭṭhipatta**: Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt.

- Chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả thuộc về nhóm **Paññāvimutta**: Bậc Thánh A-ra-hán giải-thoát bằng trí-tuệ siêu-việt, (không có bậc thiền nào làm nền tảng).

7 nhóm thánh-nhân theo 4 thánh-đạo, 4 thánh-quả

Phân loại 7 **nhóm Thánh-nhân** tương xứng với 8 bậc Thánh-nhân như sau:

1- Nhóm Thánh-nhân **Saddhānusārī** có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng đức-tin trong sạch.

2- Nhóm Thánh-nhân **Dhammānusārī** có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng trí-tuệ siêu-việt.

3- Nhóm Thánh-nhân **Diṭṭhipatta** gồm có 6 bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt, đó là

Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo.

4- Nhóm Thánh-nhân **Saddhāvimutta** gồm có 7 bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

5- Nhóm Thánh-nhân **Kāyasakkhi** gồm có 8 bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiên sắc-giới thiện-tâm làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, dẫn đến chứng đắc đầy đủ 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.

6- Nhóm Thánh-nhân **Ubhatobhāgavimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng cả 2 pháp: Tứ thiên-vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

7- Hạng Thánh-nhân **Paññāvimutta** có 1 bậc Thánh-A-ra-hán Thánh-quả giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt, (không có bậc thiên nào làm nền tảng).

* Trong thời-kỳ giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, nếu hành-giả là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác hoặc Đức-Bồ-tát Độc-giác do nguyện lực trong tiền-kiếp thì sẽ dừng ngay tại trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna này, không thể phát triển lên trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāna được.

Còn nếu hành-giả là vị **Bồ-tát thanh-văn-giác** thuộc về hạng người tam-nhân (*tihetukapuggala*) đã từng tích-lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, đặc biệt 5 pháp-chủ (*indriya*), 5 pháp-lực (*bala*), 7 pháp-giác-chi (*bojjhaṅga*) để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả và Niết-

bàn, mới có khả năng tiếp tục phát triển lên **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa*** trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthiccita)*.

Đối-tượng trước thánh-đạo lộ-trình-tâm

Trong bộ *Visuddhinagga*, phần *saṅkhārupekkhāñāṇa* trình bày nhiều trường hợp hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ* ban đầu có *đối-tượng thiên-tuệ khi thì sắc-pháp, khi thì danh-pháp* khác nhau, *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh *thấy rõ, biết rõ sự sinh, sự diệt* của mỗi *sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới*, hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới*. Những *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh theo tuần tự cho đến *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* có những *đối-tượng thiên-tuệ tam-giới* này không chắc chắn, có thể thay đổi *đối-tượng thiên-tuệ* theo mỗi *lộ-trình-tâm*, trước khi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthiccita)* có ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12*** gọi là *saccānulomañāṇa*.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthiccita)*, có *đối-tượng thiên-tuệ tam-giới chắc chắn*, không thay đổi, đó là *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *đối-tượng danh-pháp tam-giới*, có **1 trong 3 trạng-thái-chung** là *trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã*, có **1 trong 3 pháp-chủ** là *tín-pháp-chủ, hoặc định-pháp-chủ, hoặc tuệ-pháp-chủ* tùy theo năng lực *pháp-chủ* đặc biệt của hành-giả.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa*** phát sinh tiếp theo.

12- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 Saccānulomañāṇa

Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, có **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa** nhiều năng lực đặc biệt làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12** gọi là **saccānulomañāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiên-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiya-dhamma phần sau.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ ràng sắc-pháp, danh-pháp là **pháp-vô-ngã**, có trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã, nên đặt **tâm trung-dung** giữa mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp, để quyết định phương-pháp giải thoát khỏi sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới, làm nền tảng, làm nhân-duyên để phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa** như sau:

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa** là tổng hợp 11 loại trí-tuệ trên từ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** nhiều năng lực đặc biệt làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiên-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau.

Saccānulomañāṇa gồm có 3 từ **sacca, anuloma, ñāṇa**.

- **Sacca**: Chân-lý tứ Thánh-đế: Khổ Thánh-đế, nhân sinh khổ Thánh-đế, diệt khổ Thánh-đế, pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế.

- **anuloma**: Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiên-tuệ phần trước, và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiya-dhamma phần sau.

- **ñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp.

Saccānulomañña: Trí-tuệ thiên-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiên-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau.

Giải giải

- **Sacca:** Chân-lý tứ Thánh-đế là 4 sự thật chân-lý mà bậc Thánh-nhân đã chứng ngộ, đó là:

1- **Khổ Thánh-đế** (*dukkha ariyasacca*): Đó là 81 tam-giới-tâm (trừ 8 siêu-tam-giới-tâm), 51 tâm sở (trừ tham-tâm-sở) và 28 sắc-pháp, gọi là khổ Thánh-đế.

2- **Nhân sinh khổ Thánh-đế** (*dukkhasamudaya ariyasacca*): Đó là **tham-ái** là tham-tâm-sở (*lobhacetāsika*), gọi là nhân sinh khổ Thánh-đế.

3- **Diệt khổ Thánh-đế** (*dukkhanirodha ariyasacca*): Đó là **Niết-bàn** (*Nibbāna*), gọi là diệt khổ Thánh-đế.

4- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế** (*dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasacca*): Đó là **pháp-hành bát-chánh-đạo**: Chánh-kiến, chánh-tư-đuy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định, gọi là pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế.

- **Anuloma:** Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiên-tuệ phần trước, và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau.

* Thuận dòng theo 8 loại trí-tuệ thiên-tuệ phần trước:

1- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñña*.

2- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñña*.

3- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānāñña*.

4- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñña*.

5- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñña*.

6- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñña*.

7- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñña*.

8- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhānāna.*

* Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma chứng đắc Thánh-đạo phần sau là:

- **Satipaṭṭhāna:** 4 pháp-niệm-xứ:

- 1- Thân niệm-xứ. 2- Thọ niệm-xứ.
3- Tâm niệm-xứ. 4- Pháp niệm-xứ.

- **Samappadhāna:** 4 pháp-tinh-tấn:

- 1- Tinh-tấn ngăn ác-pháp chưa sinh, không phát sinh.
2- Tinh-tấn diệt ác-pháp đã sinh.
3- Tinh-tấn làm cho thiện-pháp phát sinh.
4- Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

- **Iddhipāda:** 4 pháp-thành-tựu:

- 1- Pháp-thành-tựu do hài-lòng.
2- Pháp-thành-tựu do tinh-tấn.
3- Pháp-thành-tựu do quyết-tâm.
4- Pháp-thành-tựu do trí-tuệ.

- **Indriya:** 5 pháp-chủ:

- 1- Tín-pháp-chủ. 2- Tấn-pháp-chủ.
3- Niệm-pháp-chủ. 4- Định-pháp-chủ.
5- Tuệ-pháp-chủ.

- **Bala:** 5 pháp-lực:

- 1- Tín-pháp-lực. 2- Tấn-pháp-lực.
3- Niệm-pháp-lực. 4- Định-pháp-lực.
5- Tuệ-pháp-lực.

- **Bojjhaṅga:** 7 pháp-giác-chi:

- 1- Pháp niệm giác-chi. 2- Pháp phân-tích giác-chi.
3- Pháp tinh-tấn giác-chi. 4- Pháp hỷ-giác-chi.
5- Pháp tịnh giác-chi. 6- Pháp định-giác-chi.
7- Pháp xả giác-chi.

- **Magga:** 8 pháp-chánh-đạo:

- 1- *Pháp chánh-kiến.* 2- *Pháp chánh-tư-duy.*
 3- *Pháp chánh-ngữ.* 4- *Pháp chánh-nghiệp.*
 5- *Pháp chánh-mạng.* 6- *Pháp chánh-tinh-tấn.*
 7- *Pháp chánh-niệm.* 8- *Pháp chánh-định.*

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāna phát sinh như thế nào?

* **Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna)**

Hành-giả nào là hạng **người tam-nhân** (*tihetukapuggala*), đã tích-lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, và đủ 5 pháp-chủ: *Tin-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ* đã được lưu-trữ ở trong **tâm** từ vô số kiếp quá-khứ trong vòng tử sinh luân-hồi, từ kiếp này sang kiếp kia cho đến kiếp hiện-tại này.

Kiếp hiện-tại hành-giả ấy là người có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ để thực-hành đúng theo pháp-hành thiền-tuệ, trí-tuệ thiền-tuệ đã phát sinh tuần tự từ **trí-tuệ thứ nhất nānarūpaparicchedañāna** đến **trí-tuệ-thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna** có nhiều năng lực đặc biệt, nên hành-giả nghĩ rằng:

Dāni maggo uppajjissati.

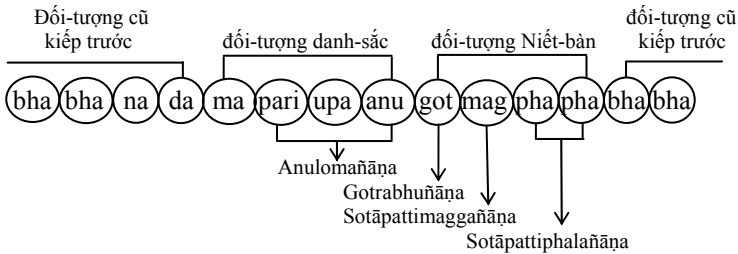
Bây giờ Thánh-đạo-tâm sẽ phát sinh.

Thánh-đạo-tâm (*Maggacitta*) chỉ phát sinh trong **Thánh-đạo lộ-trình-tâm** (*Maggavīthiccitta*) mà thôi.

Trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm gồm có 4 loại trí-tuệ thiền-tuệ là:

- 1- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāna.*
 2- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāna.*
 3- *Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāna.*
 4- *Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāna.*

Đồ biểu nhập-lưu thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthiccita)



Giải thích Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm

- 1- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm trước viết tắt (*bha*)
- 2- *Bhavaṅgalana*: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (*na*)
- 3- *Bhavaṅgupaccheda*: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (*da*)
- 4- *Manodvāravajjanacitta*: Ý-môn hướng-tâm vt (*ma*)
- 5- *Parikamma*: Tâm chuẩn bị Thánh-đạo-tâm vt (*pari*)
- 6- *Upacāra*: Tâm cận Thánh-đạo-tâm vt (*upa*)
- 7- *Anuloma*: Tâm thuận dòng trước-sau vt (*anu*)
- 8- *Gotrabhu*: Tâm chuyển dòng phàm-nhân vt (*got*)
- 9- *Sotāpattimaggacitta*: Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm vt (*mag*)
- 10- *Sotāpattiphacitta*: Nhập-lưu Thánh-quả-tâm vt (*pha*)
- 11- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm sau vt (*bha*)

Chấm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

Xem xét Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm kể từ *manodvāravajjanacitta*: Ý-môn hướng-tâm phát sinh 1 sát-na tiếp nhận đối-tượng sắc-pháp hoặc đối-tượng danh-pháp tam-giới có 1 trong 3 trạng-thái chung là **trạng-thái vô-thường**, hoặc **trạng-thái khổ**, hoặc **trạng-thái vô-ngã** làm đối-tượng sinh rồi diệt, làm duyên cho *javanacitta*: Tác-hành-tâm phát sinh liên tục gồm có 7 sát-na-tâm là:

- 1- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là **parikamma**: Tâm-chuẩn-bị cho Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-

na-tâm, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

2- Sát-na-tâm thứ nhì gọi là **upacāra**: Tâm-cận Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm, có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

3- Sát-na-tâm thứ ba gọi là **anuloma**: Tâm-thuận-dòng trước và sau phát sinh 1 sát-na-tâm có 1 trong 3 trạng-thái-chung làm đối-tượng giống như ý-môn hướng-tâm.

Cả 3 sát-na-tâm *parikamma*, *upacāra*, *anuloma* này gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiên-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp *bodhipakkhiyadhamma* phần sau, sinh rồi diệt, đồng thời diệt **buông bỏ** luôn cả đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp có trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, rồi làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**: Tâm-chuyển-dòng từ phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu phát sinh 1 sát-na-tâm, tuy tâm còn là đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn siêu-tam-giới**.

Như vậy, hành-giả vẫn còn là bậc thiên-trí phàm-nhân, chưa phải là bậc Thánh Nhập-lưu, cho dù đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới vẫn chưa có khả năng diệt tận được (*samucchadapahāna*) phiền-nã, sinh rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là **Sotāpattimaggacitta**: Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm phát sinh chỉ 1 sát-na-tâm mà

thôi, tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, có khả năng đặc biệt **diệt tận được** (*samucchēdapahāma*) 2 loại *phiền-nã* là **diṭṭhi**: *Tà-kiến chấp-ngã*, (trong 4 *tham-tâm* hợp với *tà-kiến*) và **vicikicchā**: *Hoài-nghi* (trong *si-tâm* hợp với *hoài-nghi*) không còn dư sót, (còn lại 8 loại *phiền-nã* chưa bị **diệt tận được**), sinh rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

6- *Sát-na-tâm* thứ 6, thứ 7 gọi là **Sotāpatti-phalacitta**: *Nhập-lưu Thánh-quả-tâm* phát sinh 2 hoặc 3 *sát-na-tâm*, tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, an hưởng sự *an-lạc tịch tịnh* của *Niết-bàn siêu-tam-giới*.

- *Hộ-kiếp-tâm* sau *bhavaṅgacitta* chấm dứt *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

Như vậy, trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Maggavīthi-citta*) có 7 *sát-na-tâm javanacitta* đặc biệt có 2 loại *tâm*, 2 loại *đối-tượng* như sau:

* 2 loại *tâm*

1- **Dục-giới thiện-tâm** (*đại-thiện-tâm*) hợp với *trí-tuệ* có 4 *sát-na-tâm* là *sát-na-tâm* thứ nhất gọi là **parikamma**, *sát-na-tâm* thứ nhì gọi là **upacāra**, *sát-na-tâm* thứ 3 gọi là **anuloma**, *sát-na-tâm* thứ 4 gọi là **gotrabhu**.

2- **Siêu-tam-giới-tâm** có 3 *sát-na-tâm* là *sát-na-tâm* thứ 5 gọi là **Sotāpattimaggacitta** thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm*, và *sát-na-tâm* thứ 6, thứ 7 gọi là **Sotāpatti-phalacitta** thuộc về *siêu-tam-giới quả-tâm*.

* 2 loại *đối-tượng*

1- *Đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới* (*lokiya ārammaṇa*) có 3 *sát-na-tâm* là *sát-na-tâm* thứ nhất gọi là **parikamma**, *sát-na-tâm* thứ nhì gọi là **upacāra**, *sát-na-tâm* thứ 3 gọi là **anuloma**.

2- *Đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới (lokuttara ārammaṇa)* có 4 sát-na-tâm là *sát-na-tâm thứ 4* gọi là **gotrabhu**, *sát-na-tâm thứ 5* gọi là **Sotāpattimaggacitta**, *sát-na-tâm thứ 6*, *thứ 7* gọi là **Sotāpattiphalacitta**.

* *Sát-na-tâm thứ 4 gọi là gotrabhu* có 1 sát-na-tâm đặc biệt, tuy tâm còn là *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Tính chất đặc biệt trí-tuệ thiên-tuệ Saccānulomañāṇa

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa có 2 phận sự là:

1- *Thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiên-tuệ phần trước* kể từ *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayañāṇa* cho đến *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa* đã được thuần thục, có nhiều năng lực, để có khả năng dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo*.

2- *Thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau* chắc chắn dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc *Thánh-đạo*.

Ví dụ: *Đức vua* là *đấng minh quân ngự trên ngai vàng* ngồi tại *pháp đình lắng nghe 8 vị quan cận thân* trong *triều xử án*, *Đức vua* không có *tâm thiên vị*, *đặt tâm trung-dung* truyền bảo rằng:

- *Này các khanh! Quả nhân vô cùng hoan hỷ* nghe 8 *khanh xét xử đúng theo pháp luật của triều đình xưa*.

Điều ấy như thế nào, thì *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* cũng như thế ấy được ví dụ như sau:

- *Đức vua là đấng minh quân* ví như ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa***.

- 8 vị quan cận thân trong triều xét xử đúng ví như thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiên-tuệ phần trước.

- Đúng theo pháp-luật của triều đình ví như thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 *saccānulomañña* là trí-tuệ thiên-tuệ có đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới tột cùng trong Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Maggavīhicitta*) cũng là trí-tuệ thiên-tuệ tột cùng trong **pháp-thanh-tịnh thứ 6** gọi là **paṭipadāññadassanavisuddhi**: Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh.

Paṭipadāññadassanavisuddhi: Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh thứ 6 này gồm có 9 loại trí-tuệ thiên-tuệ là:

1- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñña* đã thoát khỏi 10 pháp bản của trí-tuệ thiên-tuệ.

2- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñña*.

3- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānāñña*.

4- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñña*.

5- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñña*.

6- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñña*.

7- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñña*.

8- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñña*.

9- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 *saccānulomañña*.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 *saccānulomañña* còn có 2 phận sự cuối cùng của sắc-pháp hoặc danh-pháp trong tam-giới như sau:

- Phận sự thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới.

- Phận sự diệt-tùng-thời (*tadaṅgappahāma*) các phiền-não làm ô nhiễm, che phủ sự thật chân-lý Thánh-đế, nhờ 37 pháp bodhipakkhiyadhamma, để cho Thánh-đạo-tâm (*Maggacitta*) sẽ phát sinh.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa* sinh rồi diệt, làm nền tảng, làm duyên (*paccaya*) có 6 duyên là *anantarapaccaya*: Liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: liên-tục-năng-duyên, *āsevanapaccaya*: Tác-hành-duyên, *upanissayapaccaya*: Tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: Ly-duyên, để **trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

13- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 Gotrabhuñāṇa

Theo trong cùng Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (*Sotāpattimaggavīthiccitta*) có 7 sát-na-tâm *javanacitta*, theo tuần tự: *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là **parikamma**, *sát-na-tâm thứ nhì* gọi là **upacāra**, *sát-na-tâm thứ 3* gọi là **anuloma**, 3 sát-na-tâm đầu này gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thuận dòng theo 8 trí-tuệ thiên-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp *bodhipakkhiyadhamma* phần sau, sinh rồi diệt, đồng thời diệt **buông bỏ** luôn cả đối-tượng danh-pháp hoặc sắc-pháp có trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khổ, hoặc trạng-thái vô-ngã, rồi làm duyên cho *sát-na-tâm* liền tiếp theo sau là:

* *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là **gotrabhu**: Tâm-chuyển-dòng từ phạm-nhân lên dòng bậc Thánh-nhân phát sinh 1 sát-na-tâm, tuy tâm còn là *dục-giới thiện-tâm hợp* với trí-tuệ, nhưng có khả năng đặc biệt tiếp nhận **Niết-bàn siêu-tam-giới** làm đối-tượng.

Sát-na-tâm gotrabhu này gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ có đối-tượng Niết-bàn, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phạm-nhân (*kalyāṇaputhujana*) lên bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (*Sotāpattimaggacitta*).

Như vậy, hành-giả vẫn còn là *bậc thiện-trí phàm-nhân* (*kalyāṇaputhujjana*), cho dù *dục-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* vẫn chưa có khả năng diệt tận được (*samucchēdappahāma*) *phiền-não*.

* *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñña* là tổng hợp 12 loại trí-tuệ trên từ *trí-tuệ thứ nhất* cho đến *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañña* làm nhân-duyên để cho phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñña*: *Trí-tuệ thiên-tuệ có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana) lên dòng bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta)*.

Gotrabhuñña gồm có 2 từ **gotrabhu, ñña**

- **Gotrabhu**: Nghĩa là *chuyển dòng từ bậc thiện-trí-phàm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu, hoặc chuyển dòng từ Thánh bậc thấp lên dòng Thánh bậc cao,...*

- **ñña**: *Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.*

Gotrabhuñña: *Trí-tuệ thiên-tuệ có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự chuyển dòng từ bậc thiện-trí phàm-nhân (kalyāṇaputhujjana) lên dòng Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta)*.

Giảng giải

Puthujjana nghĩa là phàm-nhân còn có đủ mọi *phiền-não, tham-ái, v.v...* chưa phải là bậc Thánh-nhân.

Puthujjana có 2 hạng theo ý nghĩa trong bộ *Paṭisambhidāmagga* giảng giải:

1- **Andhaputhujjana**: *Tối-trí phàm-nhân không tìm hiểu học hỏi, nghiên cứu 6 pháp cơ bản của pháp-hành*

thiền-tuệ (vipassanābhūmi) là ngũ-uẩn (khandha), 12 pháp-xứ (āyatana), 18 pháp-tự-tánh (dhātu), 22 pháp-chủ (indriya), tứ Thánh-đế (ariyasacca), 12 pháp-duyên-sinh (paṭiccasamuppāda), v.v...

2- **Kalyāṇaputhujjana**: *Bậc thiện-trí phạm-nhân có giới hạnh trong sạch, có trí-tuệ sáng suốt rất ham thích lắng nghe chánh-pháp của các bậc thiện-trí, đặc biệt tìm hiểu học hỏi, nghiên cứu 6 pháp cơ bản của pháp-hành thiền-tuệ (vipassanābhūmi) là ngũ-uẩn (khandha), 12 pháp-xứ (āyatana), 18 pháp-tự-tánh (dhātu), 22 pháp-chủ (indriya), tứ Thánh-đế (ariyasacca), 12 pháp-duyên-sinh (paṭiccasamuppāda), v.v...*

Gotrabhuñña là *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13* này làm phận sự chuyển dòng từ *bậc thiện-trí phạm-nhân* lên dòng *bậc Thánh Nhập-lưu*; hoặc từ dòng *bậc Thánh Nhập-lưu* lên dòng *bậc Thánh Nhất-lai*; hoặc từ dòng *bậc Thánh Nhất-lai* lên dòng *bậc Thánh Bất-lai*; hoặc từ dòng *bậc Thánh Bất-lai* lên dòng *bậc Thánh A-ra-hán cao thượng*.

Như vậy, **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñña* này chỉ có 1 sát-na-tâm mà thôi, tuy tâm còn là *dục-giới-thiền-tâm (đại-thiền-tâm)* hợp với *trí-tuệ*, nhưng có khả năng đặc biệt như sau:

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13* *gotrabhuñña* có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13* *gotrabhuñña* làm phận sự đặc biệt chuyển dòng từ *bậc thiện-trí phạm-nhân* lên dòng *bậc Thánh Nhập-lưu*, ...

- *Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13* *gotrabhuñña* làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm* phát sinh liền tiếp theo sau.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñña phát sinh như thế nào?

Ví dụ: Một người nhận thức thấy rõ, biết rõ bờ bên này đầy nguy hiểm, còn bờ bên kia là an-toàn, an-lạc, nên người ấy tìm phương pháp sang bờ bên kia cho được an-toàn, an-lạc.

Người ấy cột sợi dây trên cành cây cao, (hoặc cầm cây sào), rồi chạy nhanh lấy trớn, nắm đầu sợi dây nhảy tung người lên cao, lao người qua bờ bên kia, rồi buông sợi dây, đứng vững trên bờ bên kia an toàn, vẫn còn bờ ngỡ như thế nào.

Cũng như vậy, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đã nhận thức thấy rõ, biết rõ **3 giới**: *Dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới* này như 3 hầm lửa than hồng cháy đỏ vô cùng nóng nảy đang thiêu đốt các chúng-sinh, và **4 loài chúng-sinh**: *Thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh* phải chịu mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, chỉ muốn chứng đắc Niết-bàn giải thoát khổ tử sinh luân-hồi, được an-toàn, an-lạc tuyệt đối mà thôi.

Hành-giả chạy lấy trớn từ *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñña*, v.v... nắm sợi dây đó là *1 trong 5 uẩn* hoặc *sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới* có *1 trong 3 trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khô*, hoặc *trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp*, hoặc *danh-pháp* làm đối-tượng, đến khi ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañña*** phát sinh trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có *7 sát-na-tâm javanacitta*: *Tác-hành-tâm* phát sinh theo tuần tự.

* ***Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañña*** có 3 sát-na-tâm đầu:

- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là ***parikamma*** phát sinh lấy

trón tung người lên cao rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là **upacāra** phát sinh lao người qua gần bờ, *Niết-bàn siêu-tam-giới* rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là **anuloma** phát sinh sắp đến bờ, *Niết-bàn siêu-tam-giới*, nên **buông bỏ sợi dây** đó là **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới có 1 trong 3 trạng-thái-chung** rồi diệt, đồng thời *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* đã hoàn thành xong phận sự rồi diệt, làm nhân-duyên cho sát-na-tâm tiếp theo.

- *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là **gotrabhu** phát sinh đứng bên bờ, *Niết-bàn siêu-tam-giới*, an-toàn, an-lạc tuyệt đối, gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa** là *trí-tuệ thiền-tuệ có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*, làm phận sự chuyển dòng từ bậc *thiện-trí phạm-nhân (kalyāṇaputhujjana)*, để lên dòng bậc *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta)*.

Như vậy, hành-giả vẫn còn là *bậc thiện-trí phạm-nhân (kalyāṇaputhujjana)*, dù cho *đại-thiện-tâm* hợp với *trí-tuệ* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, vẫn chưa có khả năng *diệt tận (samuccheda-pahāma)* *phiền-não* được.

Anulomañāṇa và gotrabhuñāṇa

Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa và *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* là 2 *trí-tuệ thiền-tuệ* cùng trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthiccitta)*. Hai *trí-tuệ thiền-tuệ* này có pháp giống nhau và khác nhau như sau:

- *Xét về tâm, trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa* với *trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* cùng có

loại *tâm javanacitta* hoàn toàn giống nhau, đó là *dục-giới thiên-tâm* (*đại-thiên-tâm*) *hợp* với *trí-tuệ*.

- Xét về *đối-tượng*, ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāna* với ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāna* có *đối-tượng* hoàn toàn khác nhau:

- ***Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāna* tiếp nhận *đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp tam-giới* có 1 trong 3 *trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường* hoặc *trạng-thái khổ* hoặc *trạng-thái vô-ngã*.

- ***Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāna* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

- ***Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāna* có khả năng đặc biệt làm tan biến sự tối tăm do phiền-não che phủ *sự thật chân-lý Thánh-đế*, nhưng không thể tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

- ***Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāna* có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, nhưng không có khả năng làm tan biến sự tối tăm do phiền-não che phủ *sự thật chân-lý Thánh-đế*.

Vuṭṭhānagāminīvipassanā: *Trí-tuệ thiên-tuệ đến cận Thánh-đạo-tâm* (*Maggacitta*) có 2 loại *trí-tuệ thiên-tuệ* *tột cùng của tam-giới* là:

- ***Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12*** *saccānulomañāna* là *trí-tuệ thiên-tuệ tột cùng của đối-tượng sắc-pháp* hoặc *danh-pháp trong tam-giới* (*lokiya ārammaṇa*), tiếp theo sau là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāna* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới* (*lokuttara ārammaṇa*).

- ***Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13*** *gotrabhuñāna* là *trí-tuệ thiên-tuệ tột cùng của trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* (*lokiya vipassanā*), tiếp theo sau là ***Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14*** (*lokuttaravipassanā*) gọi là *Maggāñāna*.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự chuyên dòng từ bậc thiên-trí phạm-nhân (*kalyāṇaputhujjana*), để lên dòng bậc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (*Sotāpattimaggacitta*).

Cho nên, **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* là trí-tuệ thiên-tuệ tột cùng của trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới (*lokiyavipassanā*), nên không ghép vào pháp-thanh-tịnh thứ 6 *paṭipadāññānadassanavisuddhi* thuộc về *lokiyavisuddhi*: Pháp-thanh-tịnh tam-giới, bởi vì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 này không thấy rõ, biết rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khó, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới.

Và **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* cũng không ghép vào pháp-thanh-tịnh thứ 7 *ñāṇadassanavisuddhi* thuộc về *lokuttaravisuddhi*: Pháp-thanh-tịnh siêu-tam-giới, bởi vì trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 này không có khả năng diệt tận phiền-não.

Như vậy, trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 *gotrabhuñāṇa* này ở khoảng giữa pháp-thanh-tịnh thứ 6 *paṭipadāññānadassanavisuddhi* và pháp-thanh-tịnh thứ 7 *ñāṇadassanavisuddhi*.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* này đặc biệt tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới sinh rồi diệt, làm duyên (*paccaya*), có 6 duyên là *anantarapaccaya*: Liên-tục-duyên, *samanantarapaccaya*: Liên-tục-hệ-duyên, *āsevanapaccaya*: Tác-hành-duyên, *upanissayapaccaya*: Tiềm-năng-duyên, *natthipaccaya*: Vô-hiện-duyên, *vigatapaccaya*: Ly-duyên, để **trí-tuệ thiên-tuệ thứ siêu-tam-giới 14** *maggañāṇa* phát sinh liền tiếp theo sau.

* **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 14 maggañāṇa:** **Thánh-đạo-tuệ** đó là Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (Sotāpattimaggacitta) này tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới sinh rồi diệt làm duyên (paccaya), có 6 duyên là anantarapaccaya: Liên-tục-duyên, samanantarapaccaya: Liên-tục-hệ-duyên, āsevanapaccaya: Tác-hành-duyên, upanissayapaccaya: Tiềm-năng-duyên, natthipaccaya: Vô-hiện-duyên, vigatapaccaya: Ly-duyên, để **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa** phát sinh liền tiếp theo sau.

* **Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa:** **Thánh-quả-tuệ** đó là Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ đồng sinh với Nhập-lưu Thánh-quả-tâm (Sotāpattiphala-citta) này tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới phát sinh (2-3 sát-na-tâm) rồi diệt, đồng thời chấm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.

14- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 14 Maggañāṇa

15- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 15 Phalañāṇa

Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthicitta) có 7 **sát-na tác-hành-tâm** (javanacitta) phát sinh theo tuần tự, thì 3 sát-na-tâm đầu gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa** làm 3 phận sự:

1- **Sát-na-tâm thứ nhất** gọi là **parikamma:** Tâm-chuẩn-bị cho Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho **sát-na-tâm** sau là:

2- **Sát-na-tâm thứ nhì** gọi là **upacāra:** Tâm-cận Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho **sát-na-tâm** sau là:

3- Sát-na-tâm thứ ba gọi là **anuloma**: Tâm-thuận-dòng theo 8 trí-tuệ thiên-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm, phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc danh-pháp tam-giới, có 1 trong trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khô, hoặc trạng-thái vô-ngã, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**: Tâm-chuyển-dòng từ thiện-trí phạm-nhân lên dòng bậc Thánh Nhập-lưu gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñña** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là **magga**: Thánh-đạo-tâm (maggacitta) đó là **Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm** (Sotāpattimaggacitta) thuộc về **siêu-tam-giới thiện-tâm** phát sinh chỉ có 1 sát-na-tâm tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**.

Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm có **trí-tuệ** gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañña**: Thánh-đạo-tuệ này đó là Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ (Sotāpattimaggañña) tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, làm phận sự diệt tận được **phiền-não** (samucchedappahāma).

6-7- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là **phala**: Thánh-quả-tâm (Phalacitta) đó là **Nhập-lưu Thánh-quả-tâm** (Sotāpattiphacitta) thuộc về **siêu-tam-giới quả-tâm** phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**.

Nhập-lưu Thánh-quả-tâm có **trí-tuệ** gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa**: Thánh-quả-tuệ này là Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ (Sotāpattiphalañāṇa) tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự an-tĩnh (patippassaddhippahāna).

Châm dứt Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīhicitta), hành-giả trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu: Sotāpanna** là bậc Thánh-nhân thứ nhất trong Phật-giáo.

Giảng giải

14- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 14 maggañāṇa

Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 gọi là **maggañāṇa** này là tổng hợp 13 loại trí-tuệ trên từ **trí-tuệ thứ nhất** cho đến **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ**.

Trong Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīhicitta) có 7 sát-na tác-hành-tâm (javanacitta):

Sát-na-tâm thứ 5 gọi magga là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa**: Thánh-đạo-tuệ đồng sinh với Thánh-đạo-tâm (maggacitta).

Maggañāṇa: Thánh-đạo-tuệ có 4 bậc:

- 1- Sotāpattimaggañāṇa: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.
- 2- Sakadāgāṃimaggañāṇa: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.
- 3- Anāgāṃimaggañāṇa: Bất-lai Thánh-đạo-tuệ.
- 4- Arahattimaggañāṇa: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

Mỗi **Thánh-đạo-tuệ** có khả năng đặc biệt **diệt tận được phiền-não** (*samucchedappahāma*), nghĩa là **phiền-não** nào đã bị **diệt tận** do **Thánh-đạo-tuệ** nào, loại **phiền-não** ấy vĩnh viễn không bao giờ còn phát sinh lên nữa, bất cứ lúc nào, bất cứ kiếp nào khi còn tái-sinh kiếp sau như:

1- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** (*Sotāpattimaggañāṇa*) thuộc về **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới** đồng sinh với **Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm** (*Sotāpattimaggacitta*) tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, có khả năng đặc biệt **diệt tận được** (*samucchedappahāna*) 2 loại **phiền-não** là **tà-kiến** (*diṭṭhi*) (trong 4 **tham-tâm** hợp với **tà-kiến**) và **hoài-nghi** (*vicikicchā*) (trong **si-tâm** hợp với **hoài nghi**) không còn dư sót nữa.

Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ có khả năng **diệt tận được** 4 **tham-tâm** hợp với **tà-kiến** và 1 **si-tâm** hợp với **hoài-nghi**, gồm có 5 **bất-thiện-tâm** đã bị **diệt tận** không còn dư sót (nghĩa là bậc **Thánh Nhập-lưu** đã **diệt tận** được 5 **si-tâm-sở** trong 5 **bất-thiện-tâm** ấy, còn lại 7 **si-tâm-sở** trong 7 **bất-thiện-tâm** chưa **diệt** được).

* **Bậc Thánh Nhập-lưu** (*Sotāpanna*) chính thức gọi là "**Sammāsambuddhassa orasaputtabhāvaṃ**".⁽¹⁾

"Con của Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác."

2- **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** (*Sakadāgāmmimaggañāṇa*) là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới** đồng sinh với **Nhất-lai Thánh-đạo-tâm** (*Sakadāgāmmimaggacitta*) tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, có khả năng đặc biệt **diệt tận được** (*samucchedappahāna*) 1 loại **phiền-não** là **sân** (*dosa*) **loại thô** (trong 2 **sân-tâm**), chưa **diệt tận** được **sân** loại **vi-tê**.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Sotāpannapuggalakathā.

3- **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** (*Anāgāmicarigaṇā*) là tri-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với Bất-lai Thánh-đạo-tâm (*Anāgāmicarigacitta*) tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có khả năng đặc biệt diệt tận được (*samucchedappahāna*) 1 loại phiền-não là **sân** (*dosa*) loại vi-tế (trong 2 sân-tâm) không còn dư sót, và **tham** (*lobha*) (trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến) trong cõi dục-giới, (chưa diệt được phiền-não **tham** loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới).

4- **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** (*Arahattacarigaṇā*) là tri-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với A-ra-hán Thánh-đạo-tâm (*Arahattacarigacitta*) tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, có khả năng đặc biệt diệt tận được (*samucchedappahāna*) tất cả 7 loại phiền-não còn lại là **tham** (*lobha*), **si** (*moha*), **ngã-mạn** (*māna*), **buồn chán** (*thīna*), **phóng-tâm** (*uddhacca*), **không biết hổ-thẹn tội-lỗi** (*ahirika*), **không biết ghê-sợ tội-lỗi** (*anottappa*), tất cả mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót.

4 Thánh-đạo-tuệ (*Maggaṇā*):

1- *Sotāpatticarigaṇā*: Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ.

2- *Sakadāgāmicarigaṇā*: Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ.

3- *Anāgāmicarigaṇā*: Bất-lai Thánh-đạo-tuệ.

4- *Arahattacarigaṇā*: A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ.

4 **Thánh-đạo-tuệ** này đạt đến pháp-thanh-tịnh thứ 7 gọi là **ñānadassanavisuddhi**: Tri-kiến-thanh-tịnh.

4 **Thánh-đạo-tuệ** đồng sinh với 4 **Thánh-đạo-tâm** thuộc về siêu-tam-giới thiện-tâm có đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.

Thánh-đạo-tâm phát sinh đối với hành-giả

* Đối với hành-giả ban đầu không thực-hành **pháp-hành thiền-định** mà chỉ thực-hành **pháp-hành thiền-tuệ** mà thôi, đến khi **Thánh-đạo-tâm** (*Maggacitta*) phát sinh có đối-tượng danh-pháp **Niết-bàn** siêu-tam-giới, thì chắc chắn có **đệ-nhất-thiền** siêu-tam-giới **Thánh-đạo-tâm**. Đó là **định-luật-tự-nhiên** của **pháp-hành thiền-tuệ**.

Thật vậy, trong bộ Visuddhimagga giảng giải rằng:

“*Vipassanāniyāmena hi sukkhavipassakassa uppannamaggopi, samāpattilābhino jhānaṃ pādaḥ akatvā uppannamaggopi, paṭhamajjhānaṃ pādaḥ katvā pakiñṇakasañkhāre sammāsivā uppāditamaggopi, paṭhamajjhānikāva honti. Sabbesu satta bojjaṅgāni, attha maggaṅgāni, pañca jhānaṅgāni honti.*”⁽¹⁾

“Thật vậy, theo định-luật tự nhiên của pháp-hành thiền-tuệ, **Thánh-đạo-tâm** phát sinh đến 3 hạng hành-giả:

* **Thánh-đạo-tâm** (*Maggacitta*) chỉ phát sinh đối với hành-giả thực-hành pháp-hành thiền-tuệ mà thôi.

* **Thánh-đạo-tâm** (*Maggacitta*) phát sinh đối với hành-giả đã từng chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, nhưng không sử dụng bậc thiền làm đối-tượng của pháp-hành thiền-tuệ.

* **Thánh-đạo-tâm** (*Maggacitta*) phát sinh đối với hành-giả đã chứng đắc đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, rồi trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp khác, không phải là đối-tượng danh-pháp của đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm ấy.

Cả 3 hành-giả này đều chỉ chứng đắc **đệ nhất thiền** siêu-tam-giới **Thánh-đạo-tâm** mà thôi.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Saṅkhārupekkhāñānakathā.

* 7 pháp-giác-chi, 8 pháp-chánh-đạo, 5 chi-thiền cùng đồng sinh với **đệ nhất thiền siêu-tam-giới Thánh-đạo-tâm ấy.**”

* Hành-giả trước đã chứng đắc từ **đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm** cho đến **đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm**, rồi sau đó thực-hành pháp-hành thiên-tuệ.

Nếu hành-giả sử dụng **bậc thiền ấy làm nền tảng**, làm **đối-tượng thiên-tuệ** thì khi thực-hành trong giai đoạn đầu, trước khi **Thánh-đạo-tâm (Maggacitta)** phát sinh, khi thì **thọ hỷ** đồng sinh với **đại-thiện-tâm**, khi thì **thọ xả** đồng sinh với **đại-thiện-tâm**, khi **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna** đã phát sinh, sẽ giải thoát khỏi phiền-não, sẽ buông bỏ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, sẽ chuyển dòng phàm-nhân, đến khi **Thánh-đạo-tâm (Maggacitta)** phát sinh, thì chỉ có **thọ hỷ** đồng sinh với **bậc thiền siêu-tam-giới Thánh-đạo-tâm** mà thôi.

* Hành-giả trước đã chứng đắc **đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm**, hoặc **4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm**, rồi sau thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, lấy bậc thiền làm nền tảng, làm **đối-tượng thiên-tuệ**.

Nếu hành-giả sử dụng **bậc thiền ấy làm nền tảng**, làm **đối-tượng thiên-tuệ** thì khi thực-hành trong giai đoạn đầu, trước khi **Thánh-đạo-tâm (Maggacitta)** phát sinh, dù **thọ hỷ** đồng sinh với **đại-thiện-tâm** hoặc dù **thọ xả** đồng sinh với **đại-thiện-tâm**, khi **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāna** đã phát sinh, sẽ giải thoát khỏi phiền-não, sẽ buông bỏ sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, sẽ chuyển dòng phàm-nhân, đến khi **Thánh-đạo-tâm (Maggacitta)** phát sinh, cũng chỉ có **thọ xả** đồng sinh với **đệ ngũ thiền siêu-tam-giới Thánh-đạo-tâm** mà thôi.

Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāna làm duyên có 6 paccaya là anantarapaccaya, samantara-

paccaya, āsevanapaccaya, upanissayapaccaya, natthipaccaya, vigatapaccaya, để trí-tuệ thiên-tuệ thứ 15 Phalañāṇa phát sinh.

15- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 15 Phalañāṇa

Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 gọi là *phalañāṇa* này là tổng hợp 14 loại trí-tuệ trên từ *trí-tuệ thứ nhất* cho đến *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 14 maggañāṇa* làm nền tảng, làm nhân-duyên để cho phát sinh *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 15 phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ*.

Trong *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sotāpattimaggavīthiccitta)* có 7 sát-na tác-hành-tâm (*javanacitta*):

* *Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi phala* là *trí-tuệ thiên-tuệ thứ 15 phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ* đồng sinh với *Thánh-quả-tâm (Phalacitta)*.

Phalañāṇa: Thánh-quả-tuệ có 4 bậc:

- 1- *Sotāpattiphalañāṇa: Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ.*
- 2- *Sakadāgāmiṭṭhaphalañāṇa: Nhất-lai Thánh-quả-tuệ.*
- 3- *Anāgāmiṭṭhaphalañāṇa: Bất-lai Thánh-quả-tuệ.*
- 4- *Arahattaphalañāṇa: A-ra-hán Thánh-quả-tuệ.*

Mỗi *Thánh-quả-tâm* là *quả* trực tiếp tương xứng với mỗi *Thánh-đạo-tâm*, nghĩa là 4 *Thánh-đạo-tâm* thuộc về 4 *siêu-tam-giới thiện-tâm* liền cho quả tương xứng với 4 *Thánh-quả-tâm* thuộc về 4 *siêu-tam-giới quả-tâm* không có thời gian ngăn cách (*akālika*).

Khi chứng đắc *Thánh-đạo-tâm* nào phát sinh 1 sát-na-tâm làm xong phận sự rồi diệt, liền cho *Thánh-quả-tâm* ấy phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm làm xong phận sự, rồi diệt trong cùng *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* ấy (*Maggavīthiccitta*).

4 Thánh-Quả-Tuệ (Phalañāṇa)

1- **Nhập-lưu Thánh-quả-tuệ** (*Sotāpattiphalañāṇa*) là trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với Nhập-lưu Thánh-quả-tâm (*Sotāpattiphacitta*) là quả trực tiếp của Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (*Sotāpattimaggacitta*).

Khi Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm (*Sotāpattimaggacitta*) phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, làm xong phận sự rồi diệt, liền cho quả Nhập-lưu Thánh-quả-tâm (*Sotāpattiphacitta*) không có thời gian ngăn cách (*akālika*), phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm cũng tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, đặc biệt làm phận sự an-tĩnh phiền-nã (*paṭippassaddhippahāna*).

2- **Nhất-lai Thánh-quả-tuệ** (*Sakadāgāmiphalañāṇa*) là trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với Nhất-lai Thánh-quả-tâm (*Sakadāgāmiphacitta*) là quả trực tiếp của Nhất-lai Thánh-đạo-tâm (*Sakadāgāmimaggacitta*).

Khi Nhất-lai Thánh-đạo-tâm (*Sakadāgāmimaggacitta*) phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, làm xong phận sự rồi diệt, liền cho quả Nhất-lai Thánh-quả-tâm (*Sakadāgāmiphacitta*) không có thời gian ngăn cách (*akālika*), phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm cũng tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, đặc biệt làm phận sự an-tĩnh phiền-nã (*paṭippassaddhippahāna*).

3- **Bất-lai Thánh-quả-tuệ** (*Anāgāmiphalañāṇa*) là trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với Bất-lai Thánh-quả-tâm (*Anāgāmiphacitta*) là quả trực tiếp của Bất-lai Thánh-đạo-tâm (*Anāgāmimaggacitta*).

Khi Bất-lai Thánh-đạo-tâm (*Anāgāmimaggacitta*) phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-**

bàn siêu-tam-giới, làm xong phạm sự rồi diệt, liền cho quả *Bát-lai Thánh-quả-tâm* (*Anāgāmi-phalacitta*) không có thời gian ngăn cách (*akālika*), phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm cũng tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, đặc biệt làm phạm sự an tịnh phiền-não (*paṭippassaddhippahāna*).

4- **A-ra-hán Thánh-quả-tuệ** (*Arahattaphalañāṇa*) là trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới đồng sinh với *A-ra-hán Thánh-quả-tâm* (*Arahattaphalacitta*) là quả trực tiếp của *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* (*Arahattamaggacitta*).

Khi *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* (*Arahattamaggacitta*) phát sinh 1 sát-na-tâm tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, làm xong phạm sự rồi diệt, liền cho quả *A-ra-hán Thánh-quả-tâm* (*Arahattaphalacitta*) không có thời gian ngăn cách (*akālika*), phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm cũng tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, đặc biệt làm phạm sự an tịnh phiền-não (*paṭippassaddhippahāna*).

Vấn: Do nguyên nhân nào *Thánh-quả-tâm Phalacitta* phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm?

Đáp: **Tác-hành-tâm** (*javanacitta*) của *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*maggavīthicitta*) chỉ có 7 sát-na-tâm mà thôi.

- Nếu hành-giả là hạng người tam-nhân (*tihetukapuggala*) thuộc về **hạng người mandapuggala** có trí-tuệ chậm thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi đạt đến *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* có **tác-hành-tâm** (*javanacitta*) có 7 sát-na-tâm.

- *Sát-na-tâm* thứ nhất gọi là **parikamma**, *sát-na-tâm* thứ nhì gọi là **upacāra**, *sát-na-tâm* thứ 3 gọi là **anuloma**, 3 *sát-na-tâm* này gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa**.

- Sát-na-tâm thứ 4 gọi **gotrabhu** là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa.

- Sát-na-tâm thứ 5 gọi **magga** là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** maggañāṇa.

- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi **phala** là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** phalañāṇa.

Cho nên, **Thánh-quả-tâm**: Phalacitta phát sinh chỉ có 2 sát-na-tâm mà thôi (tác-hành-tâm đủ 7 sát-na-tâm).

- Nếu hành-giả là hạng người tam-nhân (tīhetukapuggala) thuộc về **hạng người tikkhapuggala** có trí-tuệ sắc bén, nhanh nhạy thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, khi đạt đến Thánh-đạo lộ-trình-tâm có tác-hành-tâm (javanacitta) có 7 sát-na-tâm.

- Sát-na-tâm thứ nhất gọi là **upacāra**, sát-na-tâm thứ nhì gọi là **anuloma**, 2 sát-na-tâm này gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12** saccānulomañāṇa (không có sát-na-tâm parikamma).

- Sát-na-tâm thứ 3 gọi **gotrabhu** là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** gotrabhuñāṇa,

- Sát-na-tâm thứ 4 gọi **magga** là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** maggañāṇa.

- Sát-na-tâm thứ 5, thứ 6 và thứ 7 gọi **phala** là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** phalañāṇa.

Cho nên, **Thánh-quả-tâm**: Phalacitta phát sinh 3 sát-na-tâm, để tác-hành-tâm (javanacitta) đủ 7 sát-na-tâm.

Gotrabhuñāṇa với Maggañāṇa

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa với **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** maggañāṇa có pháp giống nhau và khác nhau như sau:

*** Pháp giống nhau:**

- *Gotrabhuñña* với *maggañña* cùng phát sinh trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- *Gotrabhuñña* với *maggañña* cùng tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

*** Pháp khác nhau:**

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñña* là *trí-tuệ thiên-tuệ* đồng sinh với *dục-giới thiện-tâm* (đại-thiện-tâm) *hợp* với *trí-tuệ* có khả năng đặc biệt tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, nhưng “*tâm*” *biết đối-tượng* vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm* (đại-thiện-tâm) *hợp* với *trí-tuệ*, nên gọi là *ekato vuṭṭhāna*: Nghĩa là *tâm* vẫn còn là *dục-giới thiện-tâm* *hợp* với *trí-tuệ*, về *đối-tượng* là *danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*. Như vậy, chỉ giải-thoát được 1 phần *đối-tượng* mà thôi.

* *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 14 maggañña* là *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* đồng sinh với *Thánh-đạo-tâm* (*Maggacitta*) thuộc về *siêu-tam-giới thiện-tâm* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*, nên gọi là *dubhato vuṭṭhāna* nghĩa là *giải thoát cả 2 phần*: *Tâm* là *Thánh-đạo-tâm siêu-tam-giới* và *đối-tượng* là *danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Maggañña với Phalañña

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 14 maggañña với *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañña* có *pháp giống nhau* và *khác nhau* như sau:

*** Pháp giống nhau:**

- *Maggañña* và *phalañña* phát sinh cùng trong *Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- **Maggañāṇa** đồng sinh với **Thánh-đạo-tâm** và **phalañāṇa** đồng sinh với **Thánh-quả-tâm** đều thuộc về **siêu-tam-giới-tâm** tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**.

* **Pháp khác nhau:**

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 14 maggañāṇa** đồng sinh với **Thánh-đạo-tâm** thuộc về **siêu-tam-giới thiện-tâm**.

- **Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 15 phalañāṇa** đồng sinh với **Thánh-quả-tâm** thuộc về **siêu-tam-giới quả-tâm**.

- **Thánh-đạo-tâm** và **Thánh-quả-tâm** phát sinh cùng trong **Thánh-đạo lộ-trình-tâm**, **Thánh-đạo-tâm** nào phát sinh 1 sát-na-tâm làm xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho quả **Thánh-quả-tâm** ấy phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm, không có thời gian ngăn cách, nên gọi là “*akāliko*”.

Ví dụ: **Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm** phát sinh 1 sát-na-tâm làm xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho **Nhập-lưu Thánh-quả-tâm** liền phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm làm xong phận sự rồi diệt.

- Mỗi **Thánh-đạo-tâm** (*maggacitta*) chỉ phát sinh 1 sát-na-tâm 1 lần duy nhất trong mỗi **Thánh-đạo lộ-trình-tâm** (*maggavīthiccitta*) và một kiếp duy nhất mà thôi.

- Mỗi **Thánh-quả-tâm** (*phalacitta*) có thể phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm trong mỗi **Thánh-đạo lộ-trình-tâm** (*maggavīthiccitta*).

- Nếu khi bậc **Thánh-nhân nhập Thánh-quả** (*phala-samāpatti*) thì **Thánh-quả-tâm** phát sinh vô số trong suốt thời gian nhập **Thánh-quả** ấy.

Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 15 phalañāṇa này làm nền tảng, làm nhân-duyên để **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 16** gọi **paccavekkhañāṇa** phát sinh tiếp theo.

16- Trí-tuệ-thứ 16 Paccavekkhaṇaṇāṇa

Sau khi *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*maggavīthiccitta*) chấm dứt, nghĩa là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa** chấm dứt, hành-giả đương nhiên trở thành **bậc Thánh-nhân** trong *Phật-giáo*.

Sau khi trở thành *bậc Thánh-nhân*, theo định luật tự nhiên, tiếp theo **trí-tuệ thứ 16** gọi là **paccavekkhaṇa-ñāṇa**: *Trí-tuệ làm phân sự quán triệt rằng*:

Maggam paccavekkhati, phalam paccavekkhati, pahīnakilese paccavekkhati, avasiṭṭhakilese paccavekkhati, Nibbānam paccavekkhati.”⁽¹⁾

Trí-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇaṇāṇa: *Trí-tuệ làm phân sự quán triệt 5 pháp mà mỗi pháp mỗi lộ-trình-tâm như sau*:

1- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Thánh-đạo này rồi.*

2- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Thánh-quả này rồi.*

3- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được các phiền-não này rồi.*

4- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được các phiền-não còn lại kia.*

5- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng ngộ Niết-bàn rồi.*

Trí-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇaṇāṇa là trí-tuệ cuối cùng của mỗi *bậc Thánh-nhân*.

* **Trí-tuệ thứ 16 paccavekkhaṇaṇāṇa** của *bậc Thánh Nhập-lưu*, quán triệt 5 pháp, mà mỗi pháp bằng mỗi lộ-

¹ Bộ Visuddhinagga, phần Sotāpannapuggalakathā.

trình-tâm gọi là *dục-giới ý-môn lộ-trình-tâm đơn thuần* (*suddhamanodvāravīthicitta*) với *dục-giới tác-hành thiện-tâm* (*kāmajavanakusalacitta*) (không tùy thuộc vào *ngũ-môn lộ-trình-tâm*) như sau:

1- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo này rồi.

2- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả này rồi.

3- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến** và **hoài nghi** rồi.

4- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được 8 loại phiền-não còn lại là *tham, sân, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi*.

5- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng ngộ Niết-bàn rồi.

Trí-tuệ thứ 16 *paccavekkhanañāṇa* là trí-tuệ cuối cùng của bậc Thánh Nhập-lưu (*Sotāpanna*).

Cũng như vậy,

* Đối với bậc **Thánh Nhất-lai** và bậc **Thánh Bất-lai**, trí-tuệ thứ 16 *paccavekkhanañāṇa* quán triệt **5 pháp** hầu như giống bậc Thánh Nhập-lưu, chỉ có khác về bậc Thánh-nhân và đã diệt tận được phiền-não nào rồi và phiền-não nào còn lại. chưa diệt tận được.

* Đối với bậc Thánh A-ra-hán, trí-tuệ thứ 16 *paccavekkhanañāṇa* quán triệt chỉ có **4 pháp** mà thôi.

Trí-tuệ quán triệt biết rõ A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, đã diệt tận được các phiền-não còn lại không còn dư sót nữa (không có chưa diệt tận được phiền-não còn lại).

Như vậy, **trí-tuệ thứ 16** *paccavekkhaṇāṇāna* của 4 bậc Thánh-nhân gồm có 19 loại.

Tuy nhiên, **trí-tuệ thứ 16** *paccavekkhaṇāṇāna* của 3 bậc Thánh-nhân là bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai quán triệt pháp thứ 4 và pháp thứ 5 có vị Thánh-nhân đầy đủ, có vị Thánh-nhân không đầy đủ.

Ví dụ 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ

* Một người đi bắt cá, mang chiếc nơm lội xuống ao chụp chiếc nơm xuống nước, biết có con cá đựng mạnh chiếc nơm, nên người ấy thò tay vào miệng nơm, nắm bắt ngay cái đầu **con rắn cực độc ở dưới nước**. Người ấy phát sinh tâm vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng: **Ta đã bắt được con lươn**. Thận trọng nắm chặt nó đưa lên khỏi mặt nước, thì mới biết sự thật không phải là con lươn, mà là **con rắn cực độc cắn chết người ngay tức khắc**, cho nên người ấy thấy rõ, biết rõ **con rắn ấy thật đáng kinh-sợ, đầy tội-chướng, đáng nhàm-chán**, không còn có tâm hoan hỷ như trước nữa.

Người ấy chợt nghĩ rằng: *Thả nó ra bằng cách nào để ta thoát khỏi chết đây!*

Giữ bình tĩnh sáng suốt tìm phương pháp, người ấy dùng hết sức mình bóp mạnh đầu con rắn ấy làm cho nó mất sức, đưa tay lên cao, tay kia liền nắm cái đuôi, buông thả cái đầu, nhanh nhẹn đưa tay lên khỏi đầu, quay quanh nhiều vòng, để làm cho con rắn ấy đuối sức, đồng thời lấy trốn vừa buông vừa ném nó ra xa.

Sau khi ném con rắn cực độc ấy, người ấy vội bước lên bờ ao, mới hoàn hồn, đứng nhìn về hướng con rắn ấy, vô cùng vui sướng thốt lên rằng: *Ta đã thoát chết khỏi chất độc của con rắn quái ác kia!*

Ví dụ này xét tâm trạng của người bắt cá qua từng các giai đoạn với *các loại trí-tuệ thiên-tuệ* như sau:

* **Người bắt cá** nắm bắt được ***con rắn cực độc*** mà tưởng lầm rằng: *Ta đã bắt được con lươn*, nên người ấy phát sinh tâm vui mừng hoan hỷ trong *con lươn ấy*.

Cũng như ***người trí*** có được sắc-thân này, khi chưa gặp bậc thiện-trí, chưa nghe chánh-pháp, họ luôn luôn cảm thấy vui mừng say mê trong *sắc-thân* này.

Khi người bắt cá nắm chặt cái đầu *con rắn cực độc* ấy đưa lên khỏi nước, thì biết rõ rằng: *“Không phải là con lươn, mà là con rắn cực độc cắn chết người ngay tức khắc”*. Cho nên, người ấy thấy rõ, biết rõ ***con rắn ấy thật đáng kinh sợ***.

Cũng như khi ***người trí*** ấy gặp bậc thiện-trí, có cơ hội lắng nghe chánh-pháp, nên hiểu biết rõ rằng: ***Thân tâm*** này chỉ là *ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp* là ***pháp-vô-ngã*** mà thôi, *không phải ta, không phải của ta*.

Sau khi lắng nghe chánh-pháp, học hỏi pháp-hành thiên-tuệ, hành-giả thực-hành *pháp-hành thiên-tuệ*, khi *trí-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ ***thật-tánh*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) này đúng là ***pháp-vô-ngã***.

Đó là ***trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañāṇa***.

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Đó là ***trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañāṇa***

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp.

Đó là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 sammasañāṇa***.

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ***sự sinh, sự diệt*** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, hiện rõ **3 trạng-thái chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp.*

Đó là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4*** *udayabbayānupassanāna*.

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ ***sự diệt*** của ngũ-uẩn, của sắc-pháp, của danh-pháp trong tam-giới.

Đó là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5*** *bhaṅgānupassanānāna*.

* Hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ thiên-tuệ* thấy rõ, biết rõ sắc-pháp, danh-pháp ***thật đáng kinh-sợ***.

Đó là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6*** *bhayatupaṭṭhānānāna*.

* Người bắt cá biết rõ *con rắn cực độc ấy thật đáng kinh-sợ, đầy tội chướng* chắc chắn gây tai hại đến sinh mạng của mình.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới ***thật đáng kinh-sợ, đầy những tội-chướng***.

Đó là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7*** *Ādīnavānupassanānāna*.

* Người bắt cá biết rõ *con rắn cực độc ấy đầy những tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tột độ*, không còn có vui mừng như trước nữa.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *trí-tuệ thiên-tuệ* phát sinh thấy rõ, biết rõ ngũ-uẩn, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới ***đầy những tội-chướng, thật đáng nhàm-chán tột độ***.

Đó là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8*** *nibbidānupassanānāna*.

* Người bắt cá biết rõ con rắn cực độc này chắc chắn sẽ gây tai hại đến sinh mạng của mình, nên chỉ muốn tìm phương pháp ném con rắn ấy ra thật xa mà thôi.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, trí-tuệ thiên-tuệ phát sinh chỉ ***mong muốn tha thiết giải thoát khỏi các pháp-hữu-vi, sắc-pháp, danh-pháp trong tam-giới thật đáng nhàm-chán tội độ mà thôi.***

Đó là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9*** *muñcitukamyatāñāna*.

* Người bắt cá muốn tìm phương pháp ném con rắn ấy ra thật xa, bằng cách bóp chặt cái đầu rắn làm cho nó mất sức, đưa tay lên cao, tay kia liền nắm cái đuôi, buông thả cái đầu, nhanh nhẹn đưa tay lên khỏi đầu quay quanh nhiều vòng.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, *bằng phương pháp thực-hành trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ trở đi trở lại nhiều lần đầy đủ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của các pháp-hữu-vi trong tam-giới.*

Đó là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10*** *Paṭisaṅkhānupassanāna*.

* Người bắt cá nắm chặt cái đuôi quay quanh nhiều vòng cốt để làm cho con rắn độc ấy đuôi sức, không thể quay đầu cắn, không thể gây tai hại đến sinh mạng của mình được nữa, nên *tâm đặt trung-dung*.

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ *dõi theo thấy rõ, biết rõ nhiều lần trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp, cốt để làm cho mọi phiền-não yếu dần, diệt được niccasaññā, sukhasaññā, attasaññā, subhasaññā, không thấy sai, không tưởng lầm cho rằng: Sắc-pháp, danh-pháp tam-giới là thường, lạc, ngã, tịnh, nên tâm đặt trung-dung giữa tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp.*

Đó là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11** *saṅkhārupekkhāñāṇa*.

* Người bắt cá biết rõ con rắn độc ấy đuổi súc, nên lấy trón vừa buông vừa ném nó ra thật xa. Đứng nhìn theo hướng con rắn độc ấy rơi chỗ xa, người bắt cá vô cùng sung sướng thốt lên rằng: *Ta chắc chắn đã thoát chết khỏi con rắn độc quái ác kia rồi!*

Cũng như khi hành-giả tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ *dõi theo thấy rõ, biết rõ ràng trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khổ*, hoặc *trạng-thái vô-ngã*, sắp chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*.

Đó là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa*.

* Người bắt cá sau khi ném con rắn cực độc ấy, vội bước lên bờ ao được an toàn.

Cũng như khi hành-giả đang buông bỏ đối-tượng danh-pháp hoặc sắc-pháp, đang chuyển dòng, tiếp nhận đối-tượng Niết-bàn.

Đó là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa*.

* Người bắt cá đứng nơi an toàn trên bờ ao.

Cũng như khi hành-giả đã chứng đắc *Thánh-đạo-tuệ*.

Đó là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14** *maggāñāṇa*.

* Người bắt cá đứng an hưởng an-lạc tại nơi an toàn trên bờ ao.

Cũng như khi hành-giả đã chứng đắc *Thánh-quả-tuệ*.

Đó là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15** *phalañāṇa*.

* Người bắt cá đứng nhớ lại những sự việc đã xảy ra.

Cũng như bậc *Thánh-nhân* quán triệt *Thánh-đạo, Thánh-quả* đã chứng đắc, *phiền-não* đã bị diệt tận, *phiền-não* còn lại chưa bị diệt được, *Niết-bàn* đã chứng ngộ.

Đó là **trí-tuệ thứ 16** *paccavekkhanañāṇa*.

Để trở thành **bậc Thánh-nhân** trong Phật-giáo, trong thời quá-khứ, trong thời hiện-tại, và trong thời vị-lai, tất cả mọi hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ đều phải trải qua 16 loại trí-tuệ thiên-tuệ này.

Bậc Thánh Nhất-Lai (Sakadāgāmī)

Để trở thành **bậc Thánh Nhất-lai** (*Sakadāgāmī*), hành-giả phải là **bậc Thánh Nhập-lưu** (*Sotāpanna*) đã từng tạo **đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật**, đặc biệt 5 **pháp-chủ** (*indriya*), 5 **pháp-lực** (*bala*), 7 **pháp-giác-chi** (*bojjaṅga*) có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Nhập-lưu, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, và Niết-bàn.

* Hành-giả là **bậc Thánh Nhập-lưu** tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi danh pháp, mỗi sắc pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Và tiếp theo trí-tuệ thiên-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñāṇa*.

Tiếp theo *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Sakadā-gāmimaggavīthiccitta*) có 7 **sát-na tác-hành-tâm** (*javanacitta*) phát sinh theo tuần tự, thì 3 sát-na-tâm đầu gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12** *saccānulomañāṇa* làm 3 phận sự:

1- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là **parikamma**: Tâm chuẩn bị cho *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là **upacāra**: Tâm cận *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là **anuloma**: Tâm thuận dòng theo 8 *trí-tuệ thiền-tuệ phần trước* và thuận dòng theo 37 pháp *bodhipakkhiyadhamma phần sau*, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm*, phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới**, có 1 trong 3 **trạng-thái-chung**: **Trạng-thái vô-thường**, hoặc **trạng-thái khổ**, hoặc **trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp**, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

4- *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là **gotrabhu**:⁽¹⁾ Tâm chuyển-dòng từ bậc Thánh Nhập-lưu lên dòng bậc Thánh *Nhất-lai* gọi là **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13** *gotrabhuñāṇa* phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

5- *Sát-na-tâm thứ 5* gọi là **maggā**: *Thánh-đạo-tâm* (*maggacitta*) đó là ***Nhất-lai Thánh-đạo-tâm*** (*Sakadā-gāmimaggacitta*) thuộc về **siêu-tam-giới thiện-tâm** phát

¹ Bộ sách khác, đối với 3 bậc Thánh cao gọi là “Vodāna”.

sinh chỉ có 1 sát-na-tâm tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.

Nhất-lai Thánh-đạo-tâm có trí-tuệ gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāna**: Thánh-đạo-tuệ này đó là Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ (Sakadāgāmi-maggañāna) tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự **diệt tận được** (samucchēdapahāna) được 1 loại phiền-não là **sân (dosa) loại thô** (trong 2 sân-tâm) (chưa diệt tận được sân loại vi-tế).

6-7- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là **phala**: Thánh-quả-tâm (Phalacitta) đó là **Nhất-lai Thánh-quả-tâm** (Sakadāgāmi-phalacitta) thuộc về siêu-tam-giới quả-tâm phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới.

Nhất-lai Thánh-quả-tâm có trí-tuệ gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 Phalañāna**: Thánh-quả-tuệ này đó là Nhất-lai Thánh-quả-tuệ (Sakadāgāmi-phalañāna) tiếp nhận đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự an-tĩnh phiền-não (paṭippassaddhipahāna).

Châm dứt Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Sakadāgāmi-maggavīthicitta), hành-giả trở thành **bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmi)** là bậc Thánh-nhân thứ nhì trong Phật-giáo.

Sau khi trở thành bậc Thánh Nhất-lai, theo định luật tự nhiên, tiếp theo **trí-tuệ thứ 16** gọi là **paccavekkhañāna**: Trí-tuệ làm phận sự quán triệt 5 pháp mà mỗi pháp mỗi lộ-trình-tâm như sau:

1- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo này rồi.

2- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Nhất-lai Thánh-quả này rồi.*

3- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được 1 loại phiền-não là **sân** (dosa) **loại thô** (trong 2 sân-tâm), (chưa diệt tận được sân loại vi-tế).*

4- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được 8 loại phiền-não còn lại là tham, sân, si, ngã-mạn, buồn chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.*

5- *Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Niết-bàn rồi.*

Trí-tuệ thứ 16 gọi *paccavekkhanañāṇa* là trí-tuệ cuối cùng của bậc Thánh Nhất-lai (*Sakadāgāmi*).

Bậc Thánh Bất-Lai (Anāgāmi)

Để trở thành **bậc Thánh Bất-lai** (*Anāgāmi*), hành-giả phải là **bậc Thánh Nhất-lai** (*Sakadāgāmi*) đã từng tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, đặc biệt 5 pháp-chủ (*indriya*), 5 pháp-lực (*bala*), 7 pháp-giác-chi (*bojjhaṅga*) có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Nhất-lai, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn.

* Hành-giả là **bậc Thánh Nhất-lai** tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4** *udayabbayānupassanāñāṇa*: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Và tiếp theo *trí-tuệ thiên-tuệ* phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñāṇa.*
- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñāṇa.*

Tiếp theo *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Anāgāmi-maggavīthiccitta*) có 7 *sát-na tác-hành-tâm* (*javanacitta*) phát sinh theo tuần tự, thì 3 sát-na-tâm đầu gọi là ***trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa*** làm 3 phận sự:

1- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là ***parikamma***: *Tâm chuẩn-bị cho Bất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là ***upacāra***: *Tâm cận-Bất-lai Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là ***anuloma***: *Tâm thuận-dòng theo 8 trí-tuệ thiên-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo-tâm*, phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, đồng thời ***buông bỏ đối-tượng sắc-pháp*** hoặc ***danh-pháp tam-giới***, có 1 trong 3 *trạng-thái-chung*: *Trạng-thái vô-thường*, hoặc *trạng-thái khô*, hoặc *trạng-thái vô-ngã*, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

4- *Sát-na-tâm thứ 4* gọi là ***gotrabhu***: *Tâm chuyển-dòng từ bậc Thánh Nhất-lai lên dòng bậc Thánh Bất-lai*

gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñña** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phận sự rồi diệt, làm duyên cho **sát-na-tâm** sau là:

5- **Sát-na-tâm thứ 5** gọi là **maggā**: **Thánh-đạo-tâm (maggacitta)** đó là **Bất-lai Thánh-đạo-tâm (Anāgāmi-maggacitta)** thuộc về **siêu-tam-giới thiện-tâm** phát sinh chỉ có 1 **sát-na-tâm** tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**.

Bất-lai Thánh-đạo-tâm có **trí-tuệ** gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañña**: **Thánh-đạo-tuệ** này đó là **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ (Anāgāmi-maggañña)** tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, làm phận sự diệt tận (**samucchadappahāna**) được 1 loại **phiền-não** là **sân (dosa) loại vi-tế** (trong 2 **sân-tâm**) không còn dư sót, và **tham (lobha)** (trong 4 **tham-tâm** không hợp với **tà-kiến**) trong cõi **dục-giới**. (chưa diệt được **phiền não tham** loại **vi-tế** trong cõi **sắc-giới**, cõi **vô-sắc-giới**).

6-7- **Sát-na-tâm thứ 6** và **thứ 7** gọi là **phala**: **Thánh-quả-tâm (phalacitta)** đó là **Bất-lai Thánh-quả-tâm (Anāgāmi-phalacitta)** thuộc về **siêu-tam-giới quả-tâm** phát sinh 2 hoặc 3 **sát-na-tâm** tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**.

Bất-lai Thánh-quả-tâm có **trí-tuệ** gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañña**: **Thánh-quả-tuệ** này đó là **Bất-lai Thánh-quả-tuệ (Anāgāmi-phalañña)** tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, làm phận sự **an-tĩnh phiền-não (paṭippassaddhippahāna)**.

Chấm dứt **Bất-lai-Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Anāgāmi-maggavīthicitta)**, hành-giả trở thành **bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)** là **bậc Thánh-nhân thứ ba** trong Phật-giáo.

Sau khi trở thành *bậc Thánh Bất-lai*, theo định luật tự nhiên, tiếp theo **trí-tuệ thứ 16** gọi là ***paccavekkhaṇāṇa***: Trí-tuệ làm phận sự quán triệt 5 pháp mà mỗi pháp mỗi lộ-trình-tâm như sau:

1- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo này rồi.

2- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Bất-lai Thánh-quả này rồi.

3- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận (*samucchadappahāna*) được 1 loại phiền-não là **sân** (*dosa*) **loại vi-tế** (trong 2 sân-tâm) không còn dư sót, và **tham** (*lobha*) (trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến) trong cõi dục-giới (chưa diệt được phiền não **tham** loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới).

4- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Chưa diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là tham (trong cõi trời sắc-giới, vô-sắc-giới), si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi.

5- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc Niết-bàn rồi.

Trí-tuệ thứ 16 gọi *paccavekkhaṇāṇa* là trí-tuệ cuối cùng của bậc Thánh Bất-lai (*Anāgāmi*).

Bậc Thánh A-Ra-Hán (Arahanta)

Để trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** hành-giả phải là *bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi)*, đã từng tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật, đặc biệt 5 pháp-chủ (*indriya*), 5 pháp-lực (*bala*), 7 pháp-giác-chi (*bojjhaṅga*) có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Bất-lai, để chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn.

* Hành-giả là *bậc Thánh Bất-lai* tiếp tục thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñāṇa**: Trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp hiện-tại, do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp hiện-tại.

Và tiếp theo trí-tuệ thiên-tuệ phát triển theo tuần tự phát sinh như sau:

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāṇa*.
- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñāṇa*.

Tiếp theo *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Arahattamaggavīthiccitta)* có **7 sát-na tác-hành-tâm (javanacitta)** phát sinh theo tuần tự, thì 3 sát-na-tâm đầu gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañāṇa** làm 3 phận sự:

1- *Sát-na-tâm thứ nhất* gọi là **parikamma**: Tâm chuẩn-bị cho *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

2- *Sát-na-tâm thứ nhì* gọi là **upacāra**: Tâm cận *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm* phát sinh 1 sát-na-tâm làm phận sự xong rồi diệt, làm duyên cho *sát-na-tâm* sau là:

3- *Sát-na-tâm thứ ba* gọi là **anuloma**: Tâm thuận-dòng theo 8 trí-tuệ thiên-tuệ phần trước và thuận dòng theo 37 pháp bodhipakkhiyadhamma phần sau, để chứng

ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo-tâm, phát sinh 1 sát-na-tâm làm phạm sự xong rồi diệt, đồng thời **buông bỏ đối-tượng sắc-pháp** hoặc **danh-pháp tam-giới**, có 1 trong 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, hoặc trạng-thái khô, hoặc trạng-thái vô-ngã, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

4- Sát-na-tâm thứ 4 gọi là **gotrabhu**: Tâm chuyển-dòng từ bậc Thánh-Bát-lai lên dòng bậc A-ra-hán gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñāna** phát sinh 1 sát-na-tâm có khả năng đặc biệt tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới** mở đầu xong phạm sự rồi diệt, làm duyên cho sát-na-tâm sau là:

5- Sát-na-tâm thứ 5 gọi là **maggā**: Thánh-đạo-tâm (*maggacitta*) đó là **A-ra-hán Thánh-đạo-tâm** (*Arahattamaggacitta*) thuộc về **siêu-tam-giới thiện-tâm** phát sinh chỉ có 1 sát-na-tâm tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**.

A-ra-hán Thánh-đạo-tâm có **trí-tuệ** gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāna**: Thánh-đạo-tuệ đó là A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ (*Arahattamaggañāna*) tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**, làm phạm sự diệt tận (*samucchēdappahāna*) được tất cả 7 loại phiền-não còn lại là **tham** (*lobha*), **si** (*moha*), **ngã-mạn** (*māna*), **buồn-chán** (*thīna*), **phóng-tâm** (*uddhacca*), **không biết hổ-thẹn tội-lỗi** (*ahirika*), **không biết ghê-sợ tội-lỗi** (*anottappa*), tất cả mọi tham-ái, mọi ác-pháp không còn dư sót.

6-7- Sát-na-tâm thứ 6 và thứ 7 gọi là **phala**: Thánh-quả-tâm (*Phalacitta*) đó là **A-ra-hán Thánh-quả-tâm** (*Arahattaphalacitta*) thuộc về **siêu-tam-giới quả-tâm** phát sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm tiếp nhận **đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới**.

A-ra-hán Thánh-quả-tâm có **trí-tuệ** gọi là **trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa**: Thánh-quả-tuệ đó là *A-ra-hán Thánh-quả-tuệ (Arahattaphalañāṇa)* tiếp nhận *đối-tượng danh-pháp Niết-bàn siêu-tam-giới, làm phận sự an-tĩnh mọi phiền-não (patippassaddhip-pahāna)*.

Chấm dứt *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Arahattamaggavīthiccitta)*, hành-giả trở thành **bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta)** là bậc Thánh-nhân thứ tư cao thượng nhất trong Phật-giáo.

* Sau khi trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, theo định luật tự nhiên, tiếp theo **trí-tuệ thứ 16** gọi là **paccavekkhañāṇa**: Trí-tuệ làm phận sự quán triệt 4 pháp mà mỗi pháp mỗi lộ-trình-tâm như sau:

1- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo* này rồi.

2- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc *A-ra-hán Thánh-quả* này rồi.

3- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã diệt tận được 7 loại *phiền-não* còn lại là *tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi* không còn dư sót.

4- Trí-tuệ quán triệt biết rõ rằng: Đã chứng đắc *Niết-bàn* rồi.

Trí-tuệ thứ 16 paccavekkhañāṇa là trí-tuệ cuối cùng của bậc *Thánh A-ra-hán (Arahanta)*.

Bậc Thánh-Nhân (Ariyapuggala)⁽¹⁾

Trong Phật-giáo có **4 bậc Thánh-nhân**:

- 1- *Bậc Thánh Nhập-lưu (Sotāpanna).*
- 2- *Bậc Thánh Nhất-lai (Sakadāgāmi).*
- 3- *Bậc Thánh Bất-lai (Anāgāmi).*
- 4- *Bậc Thánh A-ra-hán (Arahanta).*

1- Bậc Thánh Nhập-Lưu (Sotāpanna)

Bậc Thánh Nhập-lưu là bậc Thánh-nhân thứ nhất đã diệt tận được (*samucchadappahāna*) 2 loại phiền-não là **tà-kiến** (trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến) và **hoài-nghi** (trong si-tâm hợp với hoài-nghi), gồm có 5 bất-thiện-tâm không còn dư sót nữa.

Bậc Thánh Nhập-lưu đã nhập vào dòng Thánh-nhân chỉ có tiến triển lên đến *bậc Thánh A-ra-hán* mà thôi, chắc chắn không còn thoái hóa trở lại hạng phàm-nhân nữa.

Bậc Thánh-Nhập-lưu có 3 hạng:

- *Sattakkhattuparamasotāpanna.*
- *Kolaṃkolasotāpanna.*
- *Ekabījīsotāpanna.*⁽²⁾

1- **Sattakkhattuparamasotāpanna**: *Bậc Thánh Nhập-lưu* có 5 pháp-chủ (*indriya*) bậc hạ. Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu* chết, chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong *đại-thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là *paṭisandhicitta*: *Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới, nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ

¹ Bộ Visuddhimagga, Pāli Āhuneyyabhāvādisiddhikathā.

² Chú-giải Samyuttanikāya, Mahāvagga, Kinh Ekabījīsuttavaṇṇanā.

trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

2- **Koḷamkolasotāpanna**: *Bậc Thánh Nhập-lưu* có 5 pháp-chủ (*indriya*) bậc trung. Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu* chết, chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong *đại-thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là *paṭisandhicitta*: *Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới chỉ từ 2 kiếp, 3 kiếp cho đến 6 kiếp mà thôi, rồi *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- **Ekabījīsotāpanna**: *Bậc Thánh-Nhập-lưu* có 5 pháp-chủ (*indriya*) bậc thượng. Sau khi *bậc Thánh Nhập-lưu*, chết, chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong *đại-thiện-tâm* cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là *paṭisandhicitta*: *Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Sở dĩ *bậc Thánh Nhập-lưu* có 3 hạng khác nhau, là vì mỗi vị *Thánh Nhập-lưu* có năng lực của 5 pháp-chủ (*indriya*) khác nhau.

Bậc Thánh Nhập-lưu đặc biệt

Tuy nhiên, trường hợp đặc biệt ngoại lệ, có các *bậc Thánh Nhập-lưu Sotāpanna*⁽¹⁾ tái-sinh kiếp sau quá 7 kiếp như sau:

¹ Chú giải Samyuttanikāya, Mahāvagga, kinh Ekabījīsuttavaṇṇanā.

- Ông phú hộ *Anāthapiṇḍika*.
- Bà *Visākhā upāsikā*.
- Đức vua trời *Sakka*.
- Vị thiên-nam *Cūḷaratha*.
- Vị thiên-nam *Mahāratha*.
- Vị thiên-nam *Anekavaṇṇa*.
- Vị thiên-nam *Nāgadatta*.

Các bậc Thánh Nhập-lưu này phát nguyện thích hưởng sự an-lạc các tầng trời dục-giới cho đến các tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Akaṇiṭṭha*: *Sắc-cửu-cánh-thiên*, mới trở thành bậc Thánh *A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Các bậc Thánh-nhân ấy gọi là *vaṭṭābhiratā sotāpannā*: *Bậc Thánh Nhập-lưu thích hưởng sự an-lạc trong các tầng trời dục-giới và các tầng trời sắc-giới phạm-thiên*.

2- Bậc Thánh Nhất-Lai (*Sakadāgāmi*)

Bậc Thánh Nhất-lai là bậc Thánh-nhân thứ nhì đã diệt tận được (*samucchedappahāna*) các **phiền-não loại thô** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, trong 2 sân-tâm và trong 1 si-tâm hợp với phóng-tâm (chưa diệt được các **phiền-não loại vi-tế**). Sau khi bậc Thánh Nhất-lai chết, **đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm** gọi là *paṭisandhicitta*: *Tái-sinh-tâm* làm phận sự tái-sinh kiếp sau làm người tam-nhân hoặc hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ tam-nhân trên cõi trời dục-giới chỉ có 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh *A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- Bậc Thánh Bất-Lai (Anāgāmi)

Bậc Thánh Bất-lai là bậc Thánh-nhân thứ ba đã diệt tận được (*samucchadappahāna*) **phiền-não sân vi-tế** trong 2 sân-tâm không còn dư sót và **phiền-não tham** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới. Sau khi bậc Thánh Bất-lai không còn tái-sinh trở lại trong cõi dục-giới, chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm nào cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy gọi là *paṭisandhicitta*: Sắc-giới tái-sinh-tâm làm phạm sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy.

Bậc Thánh Bất-lai có 5 hạng:

1- **Antarāparinibbāyī**: Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán lúc chưa đến một nửa tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

2- **Upahaccaparinibbāyī**: Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán lúc một nửa tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- **Asaṅkhāraparinibbāyī**: Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai không cần phải tinh-tấn nhiều cũng sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4- **Saṅkhāraparinibbāyī**: Vị phạm-thiên Thánh-Bất-lai cần phải tinh-tấn nhiều mới trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

5- ***Uddhamsoto Akaniṭṭhagāmi***: Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai khi hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc thấp, tuần tự hóa-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên bậc cao cho đến tầng sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh *Akaniṭṭha*, mới trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4- **Bậc Thánh A-Ra-Hán (Arahanta)**

Bậc Thánh-A-ra-hán là *bậc Thánh-nhân thứ tư cao thượng nhất trong Phật-giáo*, Ngài đã *diệt tận được (samucchadappahāna)* tất cả ***mọi phiền-não*** còn lại, ***mọi tham-ái*** còn lại không dư sót nữa.

Bậc Thánh A-ra-hán ngay kiếp hiện-tại, đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Bậc Thánh A-ra-hán có nhiều hạng:

- ***Bậc Thánh A-ra-hán Saddhāvimutta***: *Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng đức-tin siêu-việt.*

- ***Bậc Thánh A-ra-hán Paññāvimutta***: *Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt.*

- ***Bậc Thánh A-ra-hán Ubhatobhāgavimutta***: *Bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng 2 pháp: Đệ tứ thiên vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-quả-tâm.*

- ***Bậc Thánh A-ra-hán Tevijjā***: *Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc Tam-minh:*

1. ***Tiền-kiếp-minh (pubbenivāsānussatiñāṇa)*** *trí-tuệ nhớ rõ những tiền kiếp của mình.*

2. ***Thiên-nhãn-minh (dibbacakkhuñāṇa)*** *trí-tuệ thấy rõ, biết rõ như mắt của chư-thiên, phạm-thiên.*

3. **Trầm-luân tận-minh** (*āsavakkhayañāṇa*) trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới đó là 4 Thánh-đạo-tuệ diệt tận được 4 loại phiền-não trầm-luân (*āsava*):

- *Kāmāsava*: Ngũ-dục trầm-luân.
- *Ditthāsava*: Tà-kiến trầm-luân.
- *Bhavāsava*: Kiếp trầm-luân.
- *Avijjāsava*: Vô-minh trầm-luân.

- Bậc Thánh A-ra-hán **Chalabhiññā**: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc lục thông:

- *Iddhividhañāṇa*: Đa-dạng thần-thông.
- *Dibbacakkhuñāṇa*: Thiên-nhãn-thông.
- *Dibbasotañāṇa*: Thiên-nhĩ-thông.
- *Cetopariyañāṇa*: Tha-tâm-thông.
- *Pubbenivāsānussatiñāṇa*: Tiên-kiếp-thông.
- *Āsavakkhayañāṇa*: Trầm-luân tận-thông.

- Bậc Thánh A-ra-hán **Paṭisambhidappabhedappatta**: Bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc tứ tuệ phân-tích:

- *Atthapaṭisambhidā*: Trí-tuệ phân-tích biết rõ pháp-quả từ pháp-nhân.

- *Dhammapaṭisambhidā*: Trí-tuệ phân-tích biết rõ pháp-nhân từ pháp-quả.

- *Niruttipaṭisambhidā*: Trí-tuệ phân-tích biết rõ bằng danh từ ngôn-ngữ Pāli của attha, của dhamma.

- *Paṭibhānapaṭisambhidā*: Trí-tuệ phân-tích biết rõ thấu suốt 3 pháp: Attha, dhamma, nirutti trên.

* 16 trí-tuệ thiên-tuệ liên quan với 5 pháp Visuddhi⁽¹⁾

- Trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpaparicchedañāṇa* đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 3** gọi là **dīṭṭhivisuddhi**: Chánh-kiến-thanh-tịnh.

¹ Bộ Visuddhimagga.

- Trí-tuệ thứ nhì *nāmarūpapaccayapariggahañāna* đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 4** gọi là ***kaṅkhāvitaraṇa-visuddhi***: Thoát-ly hoài-nghi-thanh-tịnh.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 3 *sammasanañāna* và

- Trí-tuệ-thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāna* gồm có 2 loại trí-tuệ thiên-tuệ này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 5** gọi là ***maggāmaggañānadassanavisuddhi***: Chánh-đạo phi-đạo tri-kiến thanh-tịnh.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāna* đã thoát ra khỏi 10 pháp bản (*vipassanupakkilesa*).

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 5 *bhaṅgānupassanāñāna*.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 6 *bhayatupaṭṭhānañāna*.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 7 *ādīnavānupassanāñāna*.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 8 *nibbidānupassanāñāna*.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 9 *muñcitukamyatāñāna*.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 10 *paṭisaṅkhānupassanāñāna*.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 11 *saṅkhārupekkhāñāna*.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 *saccānulomañāna*.

9 loại trí-tuệ thiên-tuệ này đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 6** gọi là ***paṭipadāñānadassanavisuddhi***: Pháp-hành tri-kiến thanh-tịnh.

- Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 *maggañāna* đạt đến **pháp-thanh-tịnh thứ 7** gọi là ***ñānadassanavisuddhi***: Tri-kiến thanh-tịnh.

- Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 *gotrabhuñāna* ở khoảng giữa pháp-thanh-tịnh thứ 6 và pháp-thanh-tịnh thứ 7.

- Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 *phalañāna* và

- Trí-tuệ thứ 16 *paccavekkhañāna* gồm có 2 loại trí-tuệ này không thuộc về pháp-thanh-tịnh nào.

*** 16 trí-tuệ thiền-tuệ liên quan với 3 pháp Pariññā⁽¹⁾**

1- **Nātapariññā** là trí-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của sắc-pháp, của danh-pháp, có 2 loại trí-tuệ là:

- Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañña.
- Trí-tuệ thứ nhì nāmarūpapaccayapariggahañña.

2- **Tiraṇapariññā** là trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **3 trạng-thái-chung**: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới không chỉ có trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 udayabbayānupassanāñña, mà còn liên quan các trí-tuệ thiền-tuệ bậc cao khác cho đến trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañña nữa.

3- **Pahānapariññā** là các trí-tuệ thiền-tuệ diệt mọi pháp đối nghịch với thật-tánh của các sắc-pháp danh-pháp tam-giới, có 10 loại trí-tuệ thiền-tuệ, bắt đầu là:

- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 5 bhāṅgānupassanāñña.
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 6 bhayatupaṭṭhānañña.
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 7 ādīnavānupassanāñña.
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 8 nibbidānupassanāñña.
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 9 muñcitukamyatāñña.
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 10 paṭisaṅkhānupassanāñña.
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 11 saṅkhārupekkhāñña.
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 saccānulomañña.
- Trí-tuệ thiền-tuệ thứ 13 gotrabhuñña.
- Trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañña.

*** 16 trí-tuệ thiền-tuệ liên quan với 3 pháp Pahāna**

- Trí-tuệ thứ nhất nāmarūpaparicchedañña, ... đến

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Pariññāḍippabhedakathā.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 anulomañāṇa* gồm có 12 loại trí-tuệ thiên-tuệ có khả năng **diệt-từng-thời** (*tadañ-gappahāna*) các tà-kiến, tham-ái trong sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.

- *Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14 maggañāṇa* có khả năng đặc biệt **diệt tận được** (*samucchedappahāna*) các phiền-não, các tham-ái tùy theo năng lực của mỗi Thánh-đạo-tuệ (*Maggañāṇa*).

- *Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15 phalañāṇa* có khả năng đặc biệt **làm an-tĩnh** (*paṭipassaddhippahāna*) các phiền-não, các tham-ái tùy theo năng lực của mỗi Thánh-quả-tuệ (*maggañāṇa*).

- *Trí-tuệ thiên-tuệ thứ 13 gotrabhuñāṇa* và *trí-tuệ thứ 16 paccavekkhañāṇa* không làm phạm sự diệt phiền-não, tham-ái.

Bốn Thánh-Đạo-Tuệ (Maggañāṇa)

Thánh-đạo-tuệ (*maggañāṇa*) có 4 bậc, mà mỗi bậc *Thánh-đạo-tuệ* có khả năng đặc biệt **diệt tận được** (*samucchedappahāna*) tham-ái, phiền-não, ác-pháp theo năng lực của mỗi *Thánh-đạo-tuệ* như sau:

• Ba loại tham-ái (taṇhā)

Tham-ái (*taṇhā*) đó là *tham tâm-sở* (*lobhacetāsika*) đồng sinh với 8 *tham-tâm* (*lobhacitta*) là nhân sinh khổ-đế dẫn dắt tái-sinh kiếp sau trong ba giới bốn loài.

Tham-ái có 3 loại:

1- *Kāmatāṇhā*: Dục-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

2- *Bhavataṇhā*: Hữu-ái là **tham-ái** trong 6 đối-tượng hợp với thường-kiến, và **tham-ái** trong thiên sắc-giới, thiên vô-sắc-giới; cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới.

3- *Vibhavataṇhā*: Phi-hữu-ái là tham-ái trong 6 đối-tượng hợp với đoạn-kiến.

* *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 loại tham-ái là:

- *Vibhavataṇhā*: Tham-ái hợp với đoạn-kiến, và

- *Bhavataṇhā*: Tham-ái hợp với thường-kiến. Đó là **tà-kiến tâm-sở** (*diṭṭhīcetasika*) đồng sinh với 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót.

* *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 1 loại tham-ái là:

- *Kāmataṇhā*: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại thô trong cõi dục-giới. Đó là **tham tâm-sở** (*lobhacetasika*) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 1 loại tham-ái là:

- *Kāmataṇhā*: Tham-ái trong 6 đối-tượng loại vi-tế trong cõi dục-giới. Đó là **tham tâm-sở** (*lobhacetasika*) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 loại tham-ái còn lại là:

- *Bhavataṇhā*: Tham-ái trong thiên sắc-giới, thiên vô-sắc-giới; trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới, và

- *Kāmataṇhā*: Tham-ái trong đối-tượng loại vi-tế trong cõi sắc-giới, cõi vô-sắc-giới. Đó là **tham tâm-sở** (*lobhacetasika*) đồng sinh với 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.

Bậc Thánh A-ra-hán đã diệt tận được tất cả mọi tham-ái là nhân sinh khổ Thánh-đế, cho nên bậc Thánh A-ra-hán không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

• **Bốn pháp trầm-luân (āsava)**

Pháp trầm-luân (āsava) là pháp làm cho tất cả mọi chúng-sinh bị chìm đắm trong ba giới bốn loài, không thể vươn lên trở thành *bậc Thánh-nhân* được.

Pháp trầm-luân có 4 pháp:

1- **Kāmāsava**: *Cõi-dục trầm-luân* là chìm đắm trong 6 đối-tượng cõi dục-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với 8 *tham-tâm*.

2- **Bhavāsava**: *Kiếp trầm-luân* là chìm đắm trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp với tà-kiến*.

3- **Diṭṭhāsava**: *Tà-kiến trầm-luân* là chìm đắm trong mọi *tà-kiến*. Đó là *tà-kiến tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp với tà-kiến*.

4- **Avijjāsava**: *Vô-minh trầm-luân* là chìm đắm trong *vô-minh* không biết chân-lý *tứ Thánh-đế*. Đó là *si tâm-sở* đồng sinh với 12 *bất thiện-tâm*.

* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân* là:

- *Diṭṭhāsava*: *Tà-kiến trầm-luân* là chìm đắm trong mọi *tà-kiến*. Đó là *tà-kiến tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm hợp với tà-kiến* không còn dư sót.

* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân* là:

- *Kāmāsava*: *Cõi-dục trầm-luân* là chìm đắm trong 6 *đối-tượng loại thô* trong cõi dục-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp với tà-kiến* trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 1 *pháp-trầm-luân* là:

- *Kāmāsava*: *Cõi-dục trầm-luân* là chìm đắm trong 6 đối-tượng loại vi-tế cõi dục-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp* với *tà-kiến* trong cõi dục-giới không còn dư sót.

* *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* diệt tận 2 pháp *trầm-luân* là:

- *Bhavāsava*: *Kiếp trầm-luân* là chìm đắm trong cõi trời sắc-giới, cõi trời vô-sắc-giới. Đó là *tham tâm-sở* đồng sinh với 4 *tham-tâm không hợp* với *tà-kiến* không còn dư sót.

- *Avijjāsava*: *Vô-minh trầm-luân* là chìm đắm trong vô-minh không biết chân-lý tứ *Thánh-đế*. Đó là *si tâm-sở* đồng sinh với *bất-thiện-tâm* không còn dư sót.

• 10 loại phiền-não (kikesa)

Phiền-não (*kilesa*) là pháp làm tâm ô nhiễm, nóng nảy khổ tâm, *phiền-não* có 10 pháp: *Tham, sân, si, tà-kiến, ngã-mạn, hoài-nghi, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi*.

10 pháp *phiền-não* này là 10 *bất-thiện tâm-sở* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm*.

* *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 loại *phiền-não* là: *Tà-kiến (ditṭhi)* và *hoài-nghi (vicikicchā)* không còn dư sót.

* *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 1 loại *phiền-não* là: *Sân (dosa)* loại thô không còn dư sót.

* *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 1 loại *phiền-não* là: *Sân (dosa)* loại vi-tế không còn dư sót.

* *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 7 loại *phiền-não* là: *Tham (lobha), si (moha), ngã-mạn (māna), buồn-chán (thīna), phóng-tâm (uddhacca), không biết hổ-thẹn tội-lỗi (ahirika), không biết ghê-sợ tội-lỗi (anottappa)* không còn dư sót.

• **12 bất-thiện-tâm (Akusalacitta)**

Bất-thiện-tâm gọi là ác-tâm có 12 tâm là 8 tham-tâm, 2 sân-tâm, 2 si-tâm. Sở dĩ gọi là bất-thiện-tâm hoặc ác-tâm là vì 14 bất-thiện tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm này.

* **Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 5 bất-thiện-tâm là:

- 4 tham-tâm hợp với tà-kiến không còn dư sót.
- 1 si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.

* **Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 bất-thiện-tâm là:

- 2 sân-tâm loại thô không còn dư sót.

* **Bất-lai Thánh-đạo-tuệ** diệt tận được 2 bất-thiện-tâm là:

- 2 sân-tâm loại vi-tế không còn dư sót.

* **A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ** diệt tận 5 bất-thiện-tâm còn lại là:

- 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến không còn dư sót.
- Si-tâm hợp với phóng-tâm không còn dư sót.

• **14 bất-thiện-tâm-sở (akusalacetasika)**

14 bất-thiện tâm-sở như sau:

- 3 tâm-sở nhóm tham đó là tham tâm-sở, tà-kiến tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở.

- 4 tâm-sở nhóm sân đó là sân tâm-sở, ganh-tỵ tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở, hối-hận tâm-sở.

- 4 tâm-sở nhóm si đó là si tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở.

- 2 tâm-sở nhóm buồn-chán đó là buồn-chán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở.

- Hoài-nghi tâm-sở.

Gồm có 14 loại *bất-thiện-tâm-sở* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm*.

* *Nhập-lưu Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 4 *bất-thiện-tâm-sở* là tà-kiến tâm-sở, hoài-nghi tâm-sở, ganh-ty tâm-sở, keo-kiệt tâm-sở không còn dư sót.

* *Nhất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 *bất-thiện-tâm-sở* loại thô là sân tâm-sở và hối-hận tâm-sở không còn dư sót.

* *Bất-lai Thánh-đạo-tuệ* diệt tận được 2 *bất-thiện-tâm-sở* vi-tế là sân tâm-sở và hối-hận tâm-sở không còn dư sót.

* *A-ra-hán Thánh-đạo-tuệ* diệt tận 8 *bất-thiện-tâm-sở* còn lại là tham tâm-sở, ngã-mạn tâm-sở, si tâm-sở, buồn-chán tâm-sở, buồn-ngủ tâm-sở, không biết hổ-thẹn tội-lỗi tâm-sở, không biết ghê-sợ tội-lỗi tâm-sở, phóng-tâm tâm-sở không còn dư sót.

Trên đây trình bày một phần *bất-thiện-pháp* mà mỗi *Thánh-đạo-tuệ* (*Maggāñāṇa*) có khả năng đặc biệt **diệt tận được** (*samucchedappahāna*). Thật ra, *Thánh-đạo-tuệ* nào đã **diệt tận được** *bất-thiện-pháp* nào rồi, thì *bất-thiện-pháp* ấy có liên quan đến trong các phần *bất-thiện-pháp* khác cũng đều bị diệt tận được (*samucchedappahāna*) không còn dư sót, trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai nếu còn tái-sinh kiếp sau trong các cõi-giới khác.

Quả Báo Của Pháp-Hành Thiên-Tuệ

Pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả* và *Niết-bàn*, diệt tận được mọi *phiền-nã*, mọi *tham-ái* trở thành 4 *bậc Thánh-nhân*.

Quả báo của pháp-hành thiên-tuệ có nhiều:

- *Quả báo đặc biệt là chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.*
- *4 Thánh-đạo-tuệ diệt tận được mọi phiền-nã.*
- *4 Thánh-đạo-tâm liền cho quả là 4 Thánh-quả-tâm tương xứng không có thời gian ngăn cách.*
- *Nhập Thánh-quả-tâm hưởng Niết-bàn an-lạc.*
- *Nhập diệt-thọ-tướng giải thoát khổ thân, khổ tâm, ...*

* Chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế

Pháp-hành thiên-tuệ là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo, hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* đó là:

1- **Khổ Thánh-đế** đó là *ngũ-uẩn chấp-thủ, sắc-pháp, danh-pháp tam-giới* là pháp mà *bậc Thánh-nhân* đã biết.

2- **Nhân sinh khổ Thánh-đế** đó là *tham-ái* là pháp mà *bậc Thánh-nhân* đã diệt.

3- **Diệt khổ Thánh-đế** đó là *Niết-bàn* là pháp mà *bậc Thánh-nhân* đã chứng ngộ.

4- **Pháp-hành dẫn đến diệt khổ Thánh-đế** đó là *bát-chánh-đạo* là pháp mà *bậc Thánh-nhân* đã tiến hành.

* Bốn thánh-đạo-tâm cho quả là bốn thánh-quả-tâm

Hành-giả chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo-tâm*, 4 *Thánh-quả-tâm* và *Niết-bàn*.

4 Thánh-đạo-tâm thuộc về 4 siêu-tam-giới thiện-tâm liền cho quả tương xứng là **4 Thánh-quả-tâm** thuộc về 4 siêu-tam-giới quả-tâm sau 1 sát-na-tâm sinh rồi diệt, trong cùng *Thánh-đạo lộ-trình-tâm* (*Maggavīthīcitta*) ấy, không có thời gian ngăn cách (*akālika*) như sau:

- **Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm** diệt, liền cho quả là **Nhập-lưu Thánh-quả-tâm** sinh trong cùng *Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- **Nhất-lai Thánh-đạo-tâm** diệt, liền cho quả là **Nhất-lai Thánh-quả-tâm** sinh trong cùng *Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- **Bất-lai Thánh-đạo-tâm** diệt, liền cho quả là **Bất-lai Thánh-quả-tâm** sinh trong cùng *Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

- **A-ra-hán Thánh-đạo-tâm** diệt, liền cho quả là **A-ra-hán Thánh-quả-tâm** sinh trong cùng *A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm*.

Hành-giả chứng đắc *Thánh-đạo-tâm* nào hoàn toàn tùy thuộc vào 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (*indriya*) của mỗi hành-giả ấy.

Thiện-tâm và quả-tâm

Kusalacitta: Thiện-tâm, vipākacitta: Quả-tâm

Trong Phật-giáo có đầy đủ 4 loại thiện-tâm:

- *Kāma vacarakusalacitta: Dục-giới thiện-tâm.*
- *Rūpa vacarakusalacitta: Sắc-giới thiện-tâm.*
- *Arūpa vacarakusalacitta: Vô-sắc-giới thiện-tâm.*
- *Lokuttarakusalacitta: Siêu-tam-giới thiện-tâm.*

1- Dục-giới thiện-tâm

Dục-giới thiện-tâm có 8 đại-thiện-tâm.

Người thiện nào có giới-hạnh trong sạch, tạo đại-thiện-nghiệp trong 8 đại-thiện-tâm có cơ hội cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi người thiện ấy chết, **đại-thiện-nghiệp** trong 8 **đại-thiện-tâm** có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **9 quả-tâm** đó là **8 đại-quả-tâm** và **1 suy-xét-tâm** đồng sinh với thọ xả là quả của đại-thiện-nghiệp gọi là **tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau trong 7 cõi thiện dục-giới là cõi người và 6 cõi trời dục-giới, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trong cõi thiện dục-giới ấy.⁽¹⁾

2- Sắc-giới thiện-tâm

Sắc-giới thiện-tâm có 5 tâm.

Hành-giả nào thuộc về hạng **người tam-nhân** (tīhetukapuggala) có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiên-định có khả năng chứng đắc 5 **bậc thiên sắc-giới thiện-tâm**, hành-giả ấy có khả năng nhập **bậc thiên sắc-giới thiện-tâm** (jhāna-samāpatti), hưởng an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn **sắc-giới thiện-nghiệp** trong **thiên sắc-giới thiện-tâm** nào **bậc cao** có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (paṭisandhikāla) có **thiên sắc-giới quả-tâm bậc cao** ấy gọi là **sắc-giới tái-sinh-tâm** (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên **tầng trời sắc-giới phạm-thiên** tương xứng với **thiên sắc-giới quả-tâm bậc cao** ấy. Vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy.

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ **Nền-Tảng-Phật-Giáo**, quyển IV: **Nghiệp Và Quả Của Nghiệp**, cùng soạn giả.

3- Vô-sắc-giới thiện-tâm

Vô-sắc-giới thiện-tâm có 4 tâm.

Hành-giả nào thuộc về hạng *người tam-nhân* (*tihetuka-puggala*) có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiền-định có khả năng chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, hành-giả ấy có khả năng nhập bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm (*jhānasamāpatti*), hưởng an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi hành-giả ấy chết, chắc chắn *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong thiền vô-sắc-giới thiện-tâm nào bậc cao có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp sau (*paṭisandhikāla*) có thiền vô-sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy gọi là *vô-sắc-giới tái-sinh-tâm* (*paṭisandhicitta*) làm phạm-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tương xứng với thiền vô-sắc-giới quả-tâm bậc cao ấy. Vị phạm-thiên hưởng an-lạc cho đến hết tuổi thọ tại tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên ấy.⁽¹⁾

4- Siêu-tam-giới thiện-tâm

Siêu-tam-giới thiện-tâm có 4 tâm liền cho quả là 4 siêu-tam-giới quả-tâm.

4 siêu-tam-giới thiện-tâm đó là 4 Thánh-đạo-tâm và 4 siêu-tam-giới quả-tâm đó là 4 Thánh-quả-tâm.

Chúng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, hành-giả thuộc về hạng người như thế nào?

¹ Tìm hiểu rõ trong bộ Nền-Tảng-Phật-Giáo, quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định, cùng soạn giả.

Hành-giả nào thuộc về hạng **người tam-nhân** (*tihetuka-puggala*) đã từng tích-lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại.

Kiếp hiện-tại hành-giả ấy là người có giới-hạnh trong sạch, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có duyên lành đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật hoặc bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, rồi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, chứng đắc *Thánh-đạo* nào, *Thánh-quả* ấy tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, tuệ-pháp-chủ của mỗi vị thanh-văn Bồ-tát như sau:

- Chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến* và *hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

- Chứng đắc đến *Nhất-lai Thánh-đạo*, *Nhất-lai Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại thô* không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

- Chứng đắc đến *Bát-lai Thánh-đạo*, *Bát-lai Thánh-quả*, *Niết-bàn*, diệt tận được 1 loại phiền-não là *sân loại vi-tế* không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Bát-lai**.

- Chứng đắc đến *A-ra-hán Thánh-đạo*, *A-ra-hán Thánh-quả* và *Niết-bàn*, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là *tham*, *si*, *ngã-mạn*, *buồn-chán*, *phóng-tâm*, *không biết hổ-thẹn tội-lỗi*, *không biết ghê-sợ tội-lỗi* không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**.

4 Thánh-quả-tâm thuộc về 4 *siêu-tam-giới quả-tâm* không làm phận sự cho quả tái-sinh kiếp sau, mà trái lại

có khả năng đặc biệt làm giảm dần sự tái-sinh kiếp sau tùy theo mỗi bậc Thánh-nhân như sau:

* Sau khi **bậc Thánh Nhập-lưu** chết, tuyệt đối không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, chỉ có đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-đục-giới là cõi người, cõi trời đục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, chắc chắn bậc Thánh Nhập-lưu sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi **bậc Thánh Bất-lai** chết, không còn tái-sinh trở lại trong cõi thiện-đục-giới, chỉ có sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm nào cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy. vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* **Bậc Thánh A-ra-hán** ngay kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, trong 4 loại thiện-tâm, đục-giới thiện-tâm, sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm có trong Phật-giáo và ngoài Phật-giáo, vẫn còn luân-quần tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Còn siêu-tam-giới thiện-tâm dẫn đến tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, chỉ có trong Phật-giáo mà thôi,

* **Nhập Thánh-quả hưởng an-lạc Niết-bàn**

Mỗi bậc Thánh-nhân có khả năng nhập Thánh-quả (phalasamāpatti) của mình, để hưởng vị giải thoát an-lạc Niết-bàn (vimuttirasa) trong kiếp hiện-tại.

- *Bậc Thánh Nhập-lưu nhập Nhập-lưu Thánh-quả.*
- *Bậc Thánh Nhất-lai nhập Nhất-lai Thánh-quả.*
- *Bậc Thánh Bất-lai nhập Bất-lai Thánh-quả.*
- *Bậc Thánh A-ra-hán nhập A-ra-hán Thánh-quả.*

Nếu bậc *Thánh-nhân* nào đã chứng đắc *Thánh-quả* nào cuối cùng thì có thể *nhập Thánh-quả ấy*.

Bậc Thánh-nhân bậc thấp không thể *nhập Thánh-quả bậc cao*, vì chưa chứng đắc, và *bậc Thánh-nhân bậc cao* cũng không *nhập Thánh-quả bậc thấp*.

Bậc Thánh-nhân nếu đã chứng đắc 5 *bậc thiền sắc-giới liên quan siêu-tam-giới*, khi *nhập Thánh-quả* với *bậc thiền* nào tùy theo ý muốn của mình.

Phương pháp nhập Thánh-quả

Bậc Thánh-nhân có ý nguyện muốn *nhập Thánh-quả (phalasangāpatti)*, để *hưởng vị giải thoát an-lạc Niết-bàn (vimuttirasā)* trong suốt thời gian ấn định theo lời phát nguyện, *bậc Thánh-nhân* ấy cần phải có đủ 3 chi pháp như sau:

- *Phát nguyện thời gian nhập Thánh-quả và quy định thời gian xả Thánh-quả.*

- *Trí-tuệ thiên-tuệ không dôi theo đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới.*

- *Trí-tuệ thiên-tuệ chỉ hướng đến đối-tượng Niết-bàn.*

Bậc Thánh-nhân nhập *Thánh-quả* có 2 giai đoạn:

- Trước tiên, *bậc Thánh-nhân* phát nguyện bằng lời chơn thật rằng:

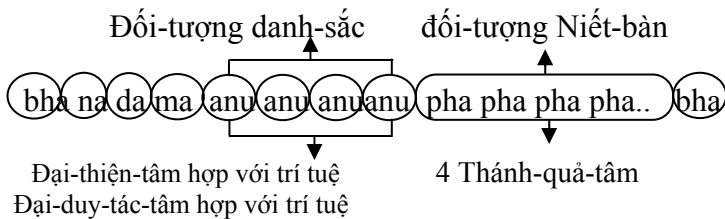
Nguyện xin nhập Thánh-quả trong suốt thời gian 1 giờ, 2 giờ, 3 giờ, ... 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, ... (nhưng không đến 7 ngày). Xin Thánh quả-tâm phát sinh liên tục không ngừng trong suốt thời gian ấy.

- Khi nhập Thánh-quả, bậc Thánh-nhân quán triệt 2 pháp rằng:
- *Quán triệt về Thánh quả-tâm bậc cao đã chứng đắc.*
- *Quán triệt về bậc thiền siêu-tam-giới đã chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả.*

Ví dụ: Bậc **Thánh Bất-lai** đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới liên quan siêu-tam-giới, muốn nhập Bất-lai Thánh-quả (*Anāgāmi-phalasamāpatti*) với bậc thiền siêu-tam-giới nào có đối-tượng Niết-bàn, tùy theo ý muốn.

Sau khi phát nguyện xong, bậc **Thánh Bất-lai** thực-hành pháp-hành thiền-tuệ, bắt đầu từ **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 4 *udayabbayānupassanāñāṇa*** thấy rõ, biết rõ *sự sinh, sự diệt* của sắc-pháp, của danh-pháp, hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, của danh-pháp, và trí-tuệ thiền-tuệ phát sinh theo tuần tự đến **trí-tuệ thiền-tuệ thứ 12 *saccānulomañāṇa*** trong **Bất-lai Thánh-quả lộ-trình-tâm** (*Anāgāmi-phalasamāpattivīthiccitta*) như sau:

Đồ biểu nhập Bất-lai Thánh-quả lộ-trình-tâm



Giải thích nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm

- 1- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm trước viết tắt (bha)
- 2- *Bhavaṅgalana*: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (na)
- 3- *Bhavaṅgupaccheda*: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (da)
- 4- *Manodvāravajjanacitta*: Ý-môn-hướng-tâm vt (ma)
- 5-8- *Anuloma*: Thuận-dòng-tâm vt (anu)

- 9- *Anāgāmi-phalacitta*: Bất-lai Thánh-quả-tâm vt (pha)
 10- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm sau vt (bha)

Nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm (*phalasangāpattivīthi-citta*) có điểm đặc biệt khác với *nhập thiên lộ-trình-tâm* (*jhānasamāpattivīthi-citta*) và *nhập diệt-thọ-tướng lộ-trình-tâm* (*nirodhasamāpattivīthi-citta*) như sau:

* *Nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm* trong *tác-hành-tâm* (*javanacitta*) có 4 sát-na-tâm cùng làm phạm sự **anuloma** rồi diệt, liền tiếp theo sau *Bất-lai Thánh-quả-tâm* sinh rồi diệt liên tục, có đối-tượng Niết-bàn, trong suốt thời gian đã phát nguyện.

* *Nhập thiên lộ-trình-tâm* và *nhập diệt-thọ-tướng lộ-trình-tâm* trong *tác-hành-tâm* (*javanacitta*) có 4 sát-na-tâm, mà mỗi sát-na-tâm làm mỗi phạm sự **parikamma, upacāra, anuloma, gotrabhu**.

Niết-bàn là đối-tượng của Thánh-quả lộ-trình-tâm

Niết-bàn là đối-tượng của *Thánh-quả lộ-trình-tâm* có 3 loại *Niết-bàn*, tùy theo năng lực của *pháp-chủ* (*indriya*) của *bậc Thánh-nhân* như sau:

1- *Animittanibbāna*: Vô-hiện-tượng *Niết-bàn* là đối-tượng của *Thánh-quả lộ-trình-tâm* đối với *bậc Thánh-nhân* có *tín-pháp-chủ* (*saddhindriya*) có nhiều năng lực hơn 4 *pháp-chủ* còn lại.

Giai đoạn đầu, *bậc Thánh-nhân* có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của *danh-pháp* hoặc của *sắc-pháp*.

Đến khi *nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm* chỉ có **đối-tượng trạng-thái vô-thường** của *danh-pháp* mà thôi, khi *Thánh-quả-tâm* sinh rồi diệt liên tục, có *animittanibbāna*: Vô-hiện-tượng *Niết-bàn* làm đối-tượng.

2- *Appaṇihitanibbāna*: Vô-ái Niết-bàn là đối-tượng của *Thánh-quả lộ-trình-tâm* đối với bậc *Thánh-nhân* có *định-pháp-chủ* (*samādhindriya*) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại.

Giai đoạn đầu, bậc *Thánh-nhân* có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp, hoặc sắc-pháp.

Đến khi *nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm* chỉ có **đối-tượng trạng-thái khổ** của danh-pháp mà thôi, khi *Thánh-quả-tâm* sinh rồi diệt liên tục, có *appaṇihitanibbāna*: Vô-ái Niết-bàn làm đối-tượng.

3- *Suññatanibbāna*: Chơn-không Niết-bàn là đối-tượng của *Thánh-quả lộ-trình-tâm* đối với bậc *Thánh-nhân* có *tuệ-pháp-chủ* (*paññindriya*) có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại.

Giai đoạn đầu, bậc *Thánh-nhân* có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ *trạng-thái vô-thường*, *trạng-thái khổ*, *trạng-thái vô-ngã* của danh-pháp, hoặc sắc-pháp.

Đến khi *nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm* chỉ có **đối-tượng trạng-thái vô-ngã** của danh-pháp mà thôi, khi *Thánh-quả-tâm* sinh rồi diệt liên tục, có *suññatanibbāna*: Chơn-không Niết-bàn làm đối-tượng.

Phương pháp xả Thánh-quả lộ-trình-tâm

Bậc *Thánh-nhân* đang *nhập Thánh-quả lộ-trình-tâm*, nếu muốn *xả Thánh-quả lộ-trình-tâm* thì cần phải có 2 chi pháp như sau:

- Trí-tuệ thiên-tuệ hướng đến đối-tượng danh-pháp hoặc sắc-pháp.

- Trí-tuệ thiên-tuệ không dôi theo đối-tượng Niết-bàn.

Khi bậc *Thánh-nhân* có đủ 2 chi pháp ấy, *Thánh-quả-tâm* cuối cùng diệt, làm nhân-duyên cho *hộ-kiếp-tâm* (*bhavaṅgacitta*) phát sinh, chấm dứt *Thánh-quả lộ-trình-tâm*.

Nhập Thánh-quả là quả báo của pháp-hành thiền-tuệ đối với bậc *Thánh-nhân* hưởng Niết-bàn an-lạc tuyệt đối.

* **Nhập diệt-thọ-tưởng (Nirodhasamāpatti)**

Nhập diệt-thọ-tưởng (*nirodhasamāpatti*) trong *nhập diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm* (*nirodhasamāpattivīthiccitta*) **diệt thọ và tưởng** có nghĩa là **diệt tâm với tâm-sở** và **sắc-pháp phát sinh từ tâm**, suốt thời gian 7 ngày, không ăn uống, tiêu tiện, đại tiện, ... giống như tịch diệt Niết-bàn, an-lạc tuyệt đối, hoàn toàn giải thoát khỏi *khổ thân, khổ tâm, khổ của sắc-pháp, của danh-pháp* trong suốt 7 ngày.

Vấn: Bậc Thánh-nhân nào có khả năng nhập diệt-thọ-tưởng được?

Đáp: Chỉ có 2 bậc Thánh-nhân có khả năng đặc biệt nhập diệt-thọ-tưởng (nirodhasamāpatti) đó là bậc Thánh Bất-lai và bậc Thánh A-ra-hán đã chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới mà thôi, bởi vì, nhập diệt-thọ-tưởng cần phải nhờ đến 2 năng lực:

- *Năng lực của thiền-định (samathabala): Bậc Thánh Bất-lai hoặc bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc đến đệ tứ thiền vô-sắc-giới: Phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền.*

- *Năng lực của thiền-tuệ (vipassanābala): Bậc Thánh-nhân chứng đắc Bất-lai Thánh-quả hoặc A-ra-hán Thánh-quả.*

Ngoài 2 bậc Thánh ấy ra, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán không chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới, và bậc Thánh Nhất-

lai và bậc Thánh Nhập-lưu, dù đã chứng đắc đầy đủ 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới, cũng không có khả năng nhập diệt-thọ-tưởng được, bởi vì không đủ 2 năng lực cần thiết.

Phương pháp nhập diệt-thọ-tưởng

Bậc Thánh Bất-lai hoặc bậc Thánh A-ra-hán có khả năng **nhập diệt-thọ-tưởng** (*nirodhasamāpatti*)⁽¹⁾ cần phải có đầy đủ 5 chi pháp như sau:

- 1- Phải có đầy đủ 2 năng lực (*bala*).
- 2- Phải có khả năng chế ngự 3 pháp-hành (*saṅkhārā*).
- 3- Phải có 16 pháp-hành thiền-tuệ (*ñāṇacariyā*).
- 4- Phải có 9 pháp-hành thiền định (*samādhicariyā*).
- 5- Phải có 5 pháp thuần thực trong 9 bậc thiền (*vasībhāvata*).

Đó là 5 chi pháp cần thiết hỗ trợ nhập diệt-thọ-tưởng (*nirodhasamāpatti*).

Giải thích

1- Hai năng lực (*bala*)

- **Năng lực thiền-định** (*samāthabala*): Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán có đủ 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới, đến đệ tứ thiền vô-sắc-giới “phi-tưởng-phi-phi-tưởng xứ-thiền” mới có đủ năng lực thiền-định vi-tế diệt thọ, tưởng.

- **Năng lực thiền-tuệ** (*vipassanābala*): Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán có đủ 7 loại **anupassanā**: *Aniccānupassanā*, *dukkhānupassanā*, *anattānupassanā*, *nibbidānupassanā*, *virāgānupassanā*, *nirodhānupassanā*, *paṭinissaggānupassanā* mới có đủ năng lực thiền-tuệ diệt thọ, tưởng.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Nirodhasamāpattikathā.

2- Khả năng chế ngự 3 pháp-hành (saṅkhārā)

- *Kāyasāṅkhāra*: Thân-hành đó là hơi thở vào, hơi thở ra.
- *Vacīsāṅkhāra*: Khẩu-hành đó là hương-tâm tâm-sở (*vitakkacetāsika*) và quan-sát tâm-sở (*vicāracetasika*).
- *Cittasāṅkhāra*: Ý-hành đó là thọ tâm-sở (*vedanācetasika*) và tưởng tâm-sở (*saññācetasika*).
- Đệ nhị thiền sắc-giới có khả năng diệt được 2 chi thiền *vitakka*, *vicāra*, nên chế ngự được **khẩu-hành** nghĩa là khẩu không nói năng được nữa.
- Đệ ngũ thiền sắc-giới⁽¹⁾ có khả năng diệt được hơi thở vào, hơi thở ra, nên chế ngự được **thân-hành**: Tịnh thân nghĩa là thân không còn hơi thở vào, hơi thở ra nữa.
- Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán khi nhập phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thì **thọ tâm-sở** và **tưởng tâm-sở** trở nên vô cùng vi-tế, tưởng như không có, nên bậc thiền này có khả năng diệt được **thọ tâm-sở** và **tưởng tâm-sở**, chế ngự được **ý-hành**: Tịnh ý nghĩa là tâm như không còn biết rõ các đối-tượng nữa.

3- 16 pháp-hành thiền-tuệ (ñāṇacariyā)

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán đã thuần thực thực-hành 16 pháp-hành thiền-tuệ:

- 1- Thực-hành *aniccānupassanā*.
- 2- Thực-hành *dukkhānupassanā*.
- 3- Thực-hành *anattānupassanā*.
- 4- Thực-hành *nibbidānupassanā*.
- 5- Thực-hành *virāgānupassanā*.
- 6- Thực-hành *nirodhānupassanā*.
- 7- Thực-hành *paṭinissaggānupassanā*.
- 8- Thực-hành *vivaṭṭānupassanā*.

¹ Trường hợp nếu thiền sắc-giới có 4 bậc thiền, thì đệ tứ thiền.

- 9- *Sotāpattimagga.*
- 10- *Nhập Sotāpattiphalasamāpatti.*
- 11- *Sakadāgāmimagga.*
- 12- *Nhập Sakadāgāmiphalasamāpatti.*
- 13- *Anāgāmimagga.*
- 14- *Nhập Anāgāmiphalasamāpatti.*
- 15- *Arahattamagga.*
- 16- *Nhập Arahattaphalasamāpatti.*

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán đã thuần thực thực-hành 16 pháp-hành thiền-tuệ từ trí-tuệ thiền-tuệ tam-giới đến trí-tuệ thiền-tuệ siêu-tam-giới.

4- Chín Pháp-hành thiền-định (samādhicariyā)

- 1- *Nhập đệ nhất thiền sắc-giới.*
- 2- *Nhập đệ nhị thiền sắc-giới.*
- 3- *Nhập đệ tam thiền sắc-giới.*
- 4- *Nhập đệ tứ thiền sắc-giới.*
- 5- *Nhập đệ ngũ thiền sắc-giới.*
- 6- *Nhập không-vô-biên-xú-thiền.*
- 7- *Nhập thức-vô-biên-xú-thiền.*
- 8- *Nhập vô-sở-hữu-xú-thiền.*
- 9- *Nhập phi-tướng-phi-phi-tướng-xú-thiền.*

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán thuần thực nhập 5 bậc thiền sắc-giới và 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

5- Năm pháp thuần thực (vasībhāvata)

- 1- *Āvajjanavasī: Thuần thực quán triệt chi thiền với ý-môn-hướng-tâm.*
- 2- *Samāpajjanavasī: Thuần thực nhập các bậc thiền.*
- 3- *Adhiṭṭhānavasī: Thuần thực phát nguyện ấn định thời gian nhập các bậc thiền.*
- 4- *Vuṭṭhānavasī: Thuần thực ấn định thời gian xả các bậc thiền.*

5- *Paccavekkhaṇavasī*: Thuần thực quán triết chi thiền với tác-hành-tâm.

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán có đầy đủ 5 pháp thuần thực cần thiết hỗ trợ nhập diệt-thọ-tưởng (*nirodhasamāpatti*).

* Nhập diệt-thọ-tưởng nhờ 2 năng lực

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng cần phải nhờ 2 năng lực: Năng lực thiền-định (*samathabala*) và năng lực thiền-tuệ (*vipassanābala*).

Hai bậc Thánh-nhân ấy **nhập thiền rồi xả thiền**, tiếp theo *trí-tuệ thiền-tuệ* thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** của bậc thiền ấy theo tuần tự như sau:

A- Bậc Thánh Bất-lai nhập diệt-thọ-tưởng

Bậc Thánh Bất-lai thực-hành theo tuần tự như sau:

1- Nhập đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ nhất thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

2- Nhập đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ nhị thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

3- Nhập đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ tam thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

4- Nhập đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ tứ thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

5- Nhập đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Xả đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi đệ ngũ thiền sắc-giới thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

6- Nhập không-vô-biên-xứ-thiện-tâm.

- Xả không-vô-biên-xứ thiện-tâm.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi không-vô-biên-xứ-thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

7- Nhập thức-vô-biên-xứ-thiện-tâm.

- Xả thức-vô-biên-xứ-thiện-tâm.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi thức-vô-biên-xứ-thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

8- Nhập vô-sở-hữu-xứ-thiện-tâm.

- Xả vô-sở-hữu-xứ-thiện-tâm.

- Trí-tuệ thiền-tuệ thấy rõ, biết rõ **sự diệt của danh-pháp** nơi vô-sở-hữu-xứ-thiện-tâm, hiện rõ trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã.

Bốn phạm sự trước khi nhập diệt-thọ-tưởng

Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện 4 phạm sự (pubba-kicca) trước khi nhập diệt-thọ-tưởng như sau:

1- Nānābaddha avikopana: Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện rằng: Trong suốt 7 ngày đêm nhập diệt-thọ-

tướng, tất cả mọi thứ vật dụng như y, bát, chỗ ở, ... không bị hư hại do lửa, nước, trộm cướp, ...

Do nguyện lực này, tất cả mọi thứ vật dụng hoàn toàn không bị hư hại.

2- *Samghapaṭimānana*: Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện rằng: Trong suốt 7 ngày đêm nhập diệt-thọ-tướng, nếu chư tỳ-khuru Tăng hội họp hành Tăng-sự nào, cần đến tôi thì tôi sẽ xả diệt-thọ-tướng ngay tức khắc, không để vị tỳ-khuru nào đến gọi.

Do nguyện lực này, khi chư tỳ-khuru Tăng hội họp, bậc Thánh Bất-lai xả diệt-thọ-tướng, đến trình diện ngay.

3- *Satthupakkosana*: Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện rằng: Trong suốt 7 ngày đêm nhập diệt-thọ-tướng, nếu Đức-Thế-Tôn truyền hội họp chư tỳ-khuru-Tăng, để ban hành giới điều, ... cần đến tôi thì tôi sẽ xả diệt-thọ-tướng ngay tức khắc, không để vị tỳ-khuru nào đến gọi.

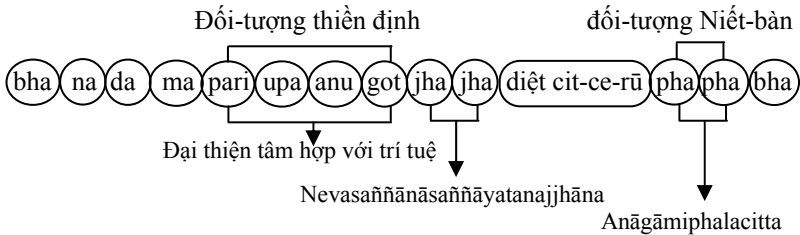
Do nguyện lực này, khi Đức-Thế-Tôn có việc cần, bậc Thánh Bất-lai xả diệt-thọ-tướng, đến trình diện Đức-Thế-Tôn ngay.

4- *Addhānapariccheda*: Bậc Thánh Bất-lai phát nguyện rằng: *Sinh mạng của tôi còn tồn tại quá 7 ngày đêm hay không?* Nếu biết sinh mạng sẽ hết trong vòng 7 ngày thì bậc Thánh Bất-lai phải xả diệt-thọ-tướng trước khi chuyển kiếp (cuti), bởi vì sự chết không thể xảy ra trong lúc đang nhập diệt-thọ-tướng.

Do nguyện lực này, nên bậc Thánh Bất-lai biết rõ tuổi thọ, để chuẩn bị trước khi chuyển kiếp (cuti).

Sau khi phát nguyện 4 *pubbakicca* xong, bậc Thánh Bất-lai trở lại tiếp tục Nhập phi-tướng-phi-phi-tướng-xú-thiện-tâm cuối cùng trong diệt-thọ-tướng lộ-trình-tâm (*nirodhasamāpattivīthiccitta*) như sau:

Đồ biểu diệt-thọ-tướng-lộ-trình-tâm



Giải thích:

Bậc Thánh Bất-lai đã trải qua quá trình diễn tiến đi đôi giữa 2 năng lực: *Năng lực thiên-định* và *năng lực thiên-tuệ*, bắt đầu từ *đệ nhất thiên sắc-giới thiện-tâm* cho đến *đệ tứ thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiện-tâm*, trong **diệt-thọ-tướng lộ-trình-tâm** (*nirodhasamāpattivīthicitta*) cuối cùng phát sinh như sau:

- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm trước vt (bha)
- *Bhavaṅgacalana*: Hộ-kiếp-tâm rung động vt (na)
- *Bhavaṅgupaccheda*: Hộ-kiếp-tâm bị cắt đứt vt (da)
- *Manodvāravijjana*: Ý-môn-hướng-tâm vt (ma)
- *Parikamma*: Tâm-chuẩn-bị *nevasaññā* ... vt (pari)
- *Upacāra*: Tâm-cận *nevasaññā* ... vt (upa)
- *Anuloma*: Tâm-thuận-dòng *nevasaññā* ... vt (ma)
- *Gotrabhu*: Tâm-chuyển từ dục-giới-tâm sang vô-sắc-giới-tâm *nevasaññā* ... vt (got)
- *Nevasaññānāsaññāyatanañjāhānakusalacitta*:
(2 sát-na-tâm) diệt vt (jha)
- Diệt *citta*+*cetasika*+*cittarūpa* suốt 7 ngày đêm không còn biết khổ thân, khổ tâm nữa.
- Đến ngày thứ 8
- *Anāgāmiphala citta*: Bất-lai Thánh-quả-tâm phát sinh (2 sát-na-tâm) vt (pha)
- *Bhavaṅgacitta*: Hộ-kiếp-tâm sau vt (bha).

Nhập diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm (nirodhasamāpatti-vīthicitta) suốt 7 ngày đêm, **diệt tâm với tâm-sở, sắc-pháp phát sinh từ tâm**, bậc Thánh Bất-lai không ăn uống, cũng không đi tiểu tiện, đại tiện, không biết khổ thân, khổ tâm nào cả.

Đến ngày thứ 8 hết kỳ hạn, *xả diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm* của bậc Thánh Bất-lai, thì **Bất-lai Thánh-quả-tâm** có đối-tượng Niết-bàn phát sinh 2 *sát-na-tâm* rồi diệt, tiếp theo *hộ-kiếp-tâm* phát sinh, chấm dứt **diệt-thọ-tưởng lộ-trình-tâm**, trở lại đời sống bình thường.

Bậc Thánh Bất-lai suốt 7 ngày đêm không ăn uống, đến ngày thứ 8, để duy trì sinh mạng, nên bậc Thánh Bất-lai đi khát thực. Những thí chủ nào để bát cúng dường đến bậc Thánh Bất-lai sau khi *xả diệt-thọ-tưởng*, chắc chắn sẽ được quả báu cao quý vô lượng.

B- Bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng

Về *phương pháp nhập diệt-thọ-tưởng* đối với bậc Thánh Bất-lai như thế nào, thì đối với bậc Thánh A-ra-hán cũng như thế ấy.

Nhưng xét về **tâm** bậc Thánh Bất-lai với bậc Thánh A-ra-hán là hoàn toàn khác nhau:

* Đối với bậc Thánh Bất-lai có các loại tâm thuộc về **thiện-tâm** (*kusalacitta*) như *dục-giới thiện-tâm, sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-tâm, Bất-lai Thánh-quả-tâm*.

* Đối với bậc Thánh A-ra-hán có các loại tâm thuộc về *duy-tác-tâm* (*kiriyacitta*) như *dục-giới đại-duy-tác-tâm, sắc-giới duy-tác-tâm, vô-sắc-giới duy-tác-tâm, A-ra-hán Thánh-quả-tâm*.

Nhập diệt-thọ-tưởng là quả báu của pháp-hành thiên-tuệ đối với bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán giải

thoát khổ thân, khổ tâm, khổ của sắc-pháp, của danh-pháp trong suốt thời gian 7 ngày đêm.

Bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán chỉ có thể nhập diệt-thọ-tướng trong cõi dục-giới, cõi sắc-giới mà thôi, không thể nhập diệt-thọ-tướng trong cõi vô-sắc-giới, bởi vì không thể nhập 5 bậc thiên sắc-giới.

Người chết khác với bậc Thánh nhập diệt-thọ-tướng

Trong kinh Mahāvedallasutta⁽¹⁾ Ngài Đại-trưởng-lão Sāriputta dạy Ngài Trưởng-lão Mahākoṭṭhika rằng:

- Nay hiền đệ! Người chết rồi thì **thân-hành** đó là hơi thở bị diệt, **khẩu-hành** đó là hương-tâm tâm-sở (vitakka-cetasika) và quan-sát tâm-sở (vicāracetasika) bị diệt, **ý-hành** đó là thọ tâm-sở (vedanācetasika) và tướng tâm-sở (saññācetasika) cũng đều bị diệt, hết tuổi thọ, không còn hơi ấm, các tịnh-sắc đều bị tan rã.

Còn bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tướng rồi, thì cũng diệt **thân-hành** đó là diệt hơi thở vào, hơi thở ra, **khẩu-hành** đó là diệt hương-tâm tâm-sở và quan-sát tâm-sở, diệt **ý-hành** đó là diệt thọ tâm-sở và tướng tâm-sở, (giống như người chết). Nhưng bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán khi nhập diệt-thọ-tướng, tuổi thọ vẫn còn, hơi ấm trong sắc-thân vẫn còn, các tịnh-sắc (nhãn-tịnh-sắc, nhĩ-tịnh-sắc, tỷ-tịnh-sắc, thiệt-tịnh-sắc, thân-tịnh-sắc, ý-sắc-căn) vẫn còn nguyên vẹn, không bị tan rã.

Đó là điều giống nhau và khác nhau giữa người chết với bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tướng.

¹ Bộ Majjhimanikāya, Mūlapaṇṇāsa, kinh Mahāvedallasutta.

Tóm lược kết-quả của pháp-hành thiên-tuệ

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ nếu có **saddhindriya**: Tín-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ là *tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *định-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ*, đến khi Thánh-đạo lộ-trình-tâm phát sinh, *tri-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañña* thì chỉ thấy rõ, biết rõ **aniccalakkhaṇa**: Trạng-thái vô-thường của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng, dẫn đến **animittavimokkha**: Vô-hiện-tượng giải-thoát, chứng ngộ **animittanibbāna**: Vô-hiện-tượng Niết-bàn chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo thuộc về nhóm **Saddhānusārī**: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng đức-tin trong sạch.

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả gồm có 7 bậc Thánh-nhân này thuộc về nhóm **Saddhāvimutta**: Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ nếu có **samādhindriya**: Định-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ là *tín-pháp-chủ*, *tán-pháp-chủ*, *niệm-pháp-chủ*, *tuệ-pháp-chủ*, đến khi Thánh-đạo lộ-trình-tâm phát sinh, *tri-tuệ thiên-tuệ thứ 12 saccānulomañña* thì chỉ thấy rõ, biết rõ **dukkhalakkhaṇa**: Trạng-thái khổ của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng, dẫn đến **appañihita-vimokkha**: Vô-tham-ái giải-thoát, chứng ngộ **appañihita-nibbāna**: Vô-tham-ái Niết-bàn, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả gồm có 8 bậc Thánh-nhân đều thuộc về nhóm **Kāyasakki**: Chư bậc

Thánh-nhân trước có các bậc thiên sắc-giới làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.

- Nếu hành-giả trước đã chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới và 4 bậc thiên vô-sắc-giới, sau thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả* thì thuộc về nhóm **Ubhatobhāga-vimutta**: Bậc Thánh A-ra-hán giải-thoát cả 2: Tứ thiên vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

* Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ nếu có **paññindriya**: Tuệ-pháp-chủ có nhiều năng lực hơn 4 pháp-chủ còn lại là tín-pháp-chủ, tấn-pháp-chủ, niệm-pháp-chủ, định-pháp-chủ, đến khi Thánh-đạo lộ-trình-tâm phát sinh, trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 *saccānulomañña* thì chỉ thấy rõ, biết rõ **anattalakkhaṇa**: Trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp hoặc danh-pháp tam-giới cuối cùng, dẫn đến **suññatavimokkha**: Chơn-không vô-ngã giải-thoát, chứng ngộ **suññatanibbāna**, chơn-không vô-ngã Niết-bàn, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả như sau:

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo thuộc về nhóm **Dhammānusāri**: Bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng trí-tuệ siêu-việt.

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo gồm có 6 bậc Thánh-nhân này thuộc về nhóm **Diṭṭhipatta**: Bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt.

- Chứng đắc A-ra-hán Thánh-quả thuộc về nhóm **Paññāvimutta**: Bậc Thánh A-ra-hán giải-thoát bằng trí-tuệ siêu-việt (không có bậc thiên nào làm nền tảng).

7 nhóm Thánh-nhân theo 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả

Phân loại 7 **nhóm Thánh-nhân** tương xứng với 8 bậc Thánh-nhân như sau:

1- Nhóm Thánh-nhân **Saddhānusārī** có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng đức-tin trong sạch.

2- Nhóm Thánh-nhân **Dhammānusārī** có 1 bậc Thánh Nhập-lưu chứng đắc bằng trí-tuệ siêu-việt.

3- Nhóm Thánh-nhân **Diṭṭhipatta** gồm có 6 bậc Thánh-nhân giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo.

4- Nhóm Thánh-nhân **Saddhāvimutta** gồm có 7 bậc Thánh-nhân giải thoát bằng đức-tin trong sạch, đó là Nhập-lưu Thánh-quả, Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

5- Nhóm Thánh-nhân **Kāyasakkhi** gồm có 8 bậc Thánh-nhân trước có các bậc thiền sắc-giới làm nền tảng, sau thực-hành pháp-hành thiên-tuệ, dẫn đến chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả.

6- Nhóm Thánh-nhân **Ubhatobhāgavimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng cả 2 pháp: Tứ thiền vô-sắc-giới và A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả.

7- Hạng Thánh-nhân **Paññāvimutta** có 1 bậc Thánh A-ra-hán giải thoát bằng trí-tuệ siêu-việt (không có bậc thiền nào làm nền tảng).

(Xong phần II, pháp-hành thiên-tuệ)

Pháp-Hành Thiền-Định Và Pháp-Hành Thiền-Tuệ

Giáo-pháp của Đức-Phật Gotama có 2 pháp-hành:

1- *Pháp-hành thiền-định* (*Samathabhāvanā*).

2- *Pháp-hành thiền-tuệ* (*Vipassanābhāvanā*).

1- *Pháp-hành thiền-định* (*samathabhāvanā*) có 40 đề-mục thiền-định, một số đề-mục thiền-định có trong Phật-giáo và cũng có ngoài Phật-giáo; đặc biệt một số đề-mục thiền-định chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Pháp-hành thiền-định là pháp-hành dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, và chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả có 4 bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm làm phạm-sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên.

Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm của pháp-hành thiền-định vẫn còn luân-quản trong vòng tứ sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Pháp-hành thiền-định đã được trình bày trong quyển IX: *Pháp-Hành Thiền-Định* của bộ *Nền-Tảng-Phật-Giáo* cùng soạn giả.

2- *Pháp-hành thiền-tuệ* (*vipassanābhāvanā*) là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo. *Pháp-hành thiền-tuệ* là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được mọi

phiên-nã, mọi tham-ái, mọi ác-pháp, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Thật vậy, *pháp-hành thiên-tuệ* có từ khi Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác có danh hiệu là Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, và được các hàng thanh-văn đệ-tử có đầy đủ 10 *pháp-hạnh ba-la-mật* và 5 *pháp-chủ* có khả năng thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.*

Các hàng thanh-văn đệ-tử có trí-tuệ kế thừa theo truyền thống thực-hành pháp-hành thiên-tuệ giữ gìn, duy trì tồn tại cho đến nay.

Khi giáo pháp của Đức-Phật Gotama bị suy đồi dần dần, bị tiêu hoại dần dần thì ***pháp-hành thiên-tuệ*** sẽ bị suy đồi, bị tiêu hoại trước, bởi vì trí-tuệ của các hàng thanh-văn đệ-tử không có khả năng giữ gìn duy trì được *pháp-hành thiên-tuệ* nữa.

Tuổi thọ của Phật-giáo có khoảng 5.000 năm, sau 5.000 năm, giáo pháp của Đức-Phật Gotama bị tiêu hoại hoàn toàn không còn trên thế gian này.

Tìm hiểu những điểm khác biệt nhau giữa ***pháp-hành thiên-định*** (trong quyển IX) với ***pháp-hành thiên-tuệ*** (trong quyển X này), để giúp cho hành-giả phân biệt rõ *pháp-hành thiên-định* với *pháp-hành thiên-tuệ*.

Điểm Khác Biệt Giữa Thiên-Định Với Thiên-Tuệ

Tìm thấy những điểm khác biệt giữa *pháp-hành thiên-định* và *pháp-hành thiên-tuệ* như sau:

1- Ý nghĩa (Atṭha)

- *Thiền-định: Thiền-định* nghĩa là **định-tâm** trong *đối-tượng thiền-định duy nhất*, để chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới, 4 bậc thiền vô-sắc-giới.

- *Thiền-tuệ: Thiền-tuệ* nghĩa là **trí-tuệ thiền-tuệ** thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi **sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới**, nên hiện rõ **3 trạng-thái-chung**: *Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã* của sắc-pháp, danh-pháp tam-giới, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn*.

2- Chi-pháp (Aṅga)

- *Thđ: Chi-pháp* của thiền-định là *ekaggatācetasika*: *Nhất-tâm tâm-sở* đồng sinh với tam-giới thiện-tâm, tam-giới duy-tác-tâm.

- *Tht: Chi-pháp* của thiền-tuệ là *paññindriyacetasika*: *Tuệ-chủ tâm-sở* đồng sinh với tất cả tam-giới thiện-tâm hợp với trí-tuệ, tam-giới duy-tác-tâm hợp với trí-tuệ.

3- Trạng-thái-riêng (Lakkhaṇa)

- *Thđ: Trạng-thái-riêng* của thiền-định là không phóng-tâm, định-tâm trong đối-tượng thiền-định.

- *Tht: Trạng-thái-riêng* của thiền-tuệ là thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của tất cả sắc-pháp, danh-pháp.

4- Phận sự (Rasa)

- *Thđ: Phận sự* của thiền-định là gom các pháp đồng sinh lại với nhau.

- *Tht: Phận sự* của thiền-tuệ là **diệt vô-minh** che phủ thật-tánh của tất cả sắc-pháp, danh-pháp.

5- Quả hiện-hữu (Paccuppaṭṭhāna)

- *Thđ*: **Quả hiện-hữu** của thiên-định là an trú trong một đối-tượng thiên-định duy nhất.

- *Tht*: **Quả hiện-hữu** của thiên-tuệ là trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ, biết rõ **thật-tánh** của tất cả sắc-pháp, danh-pháp, không có si mê lầm lạc.

6- Nguyên nhân gần (Padatṭhāna)

- *Thđ*: **Nguyên nhân gần** của thiên-định là *thọ lạc*.

- *Tht*: **Nguyên nhân gần** của thiên-tuệ là *sát-na định-tâm trong mỗi đối-tượng thiên-tuệ*.

7- Đối-tượng (Ārammaṇa)

- *Thđ*: **Đối-tượng** của thiên-định là 40 đề-mục-thiên-định thuộc về *ché-định-pháp (paññattidhamma)*.

- *Tht*: **Đối-tượng** của thiên-tuệ là tất cả *mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp*, hoặc **thân, thọ, tâm, pháp** là đối-tượng của pháp-hành tứ-niệm-xứ, thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*.

8- Sinh-diệt (Udaya-Vaya)

- *Thđ*: **Sự sinh, sự diệt** của đối-tượng thiên-định không có.

- *Tht*: **Sự sinh, sự diệt** của đối-tượng thiên-tuệ đó là *sự sinh* của mỗi sắc-pháp do nhân-duyên-sinh, *sự diệt* của mỗi sắc-pháp do nhân-duyên-diệt; *sự sinh* của mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-sinh, *sự diệt* của mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-diệt.

9- Trạng-thái-chung (Sāmaññalakkhaṇa)

- *Thđ*: **Trạng-thái-chung** của đối-tượng thiên-định

không có, bởi vì đối-tượng thiên-định thuộc về chế-định-pháp (*paññattidhamma*), không có sự sinh, sự diệt, nên không có 3 trạng-thái-chung.

- *Tht: Trạng-thái-chung* của đối-tượng thiên-tuệ là *trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp tam-giới*, bởi vì đối-tượng sắc-pháp, danh-pháp tam-giới thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)*, có sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp, nên có 3 trạng-thái-chung.

10- Thời gian (Kāla)

- *Thđ: Thời gian* của đối-tượng thiên-định thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* là *kālavimutta*: Ngoại 3 thời, không thuộc về quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.

- *Tht: Thời gian* của đối-tượng thiên-tuệ thuộc về *chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma)* là *tekālika*: Có 3 thời: Quá-khứ, hiện-tại, vị-lai.

11- Bản tính (Carita)

- *Thđ: Bản tính* của hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-định phân chia ra 6 loại tính, để phù hợp với 40 đối-tượng thiên-định.

- *Tht: Bản tính* của hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ phân chia 2 loại tính (tham-ái và tà-kiến), mỗi loại có 2 hạng hành-giả, để phù hợp với 4 đối-tượng tứ-niệm-xứ hoặc đối-tượng thiên-tuệ.

12- Hiện-tượng (Nimitta)

- *Thđ: Hiện-tượng* của đối-tượng thiên-định có 3 giai đoạn: *Đối-tượng parikammanimitta, đối-tượng uggahanimitta, đối-tượng paṭibhāganimitta*, bởi vì đối-tượng thiên-định thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)*.

- *Tht: **Hiện-tượng*** của đối-tượng thiên-tuệ hoàn toàn không có nimitta nào, bởi vì đối-tượng thiên-tuệ thuộc về *chân-nghĩa-pháp* (*paramatthadhamma*).

13- Định-tâm (Samādhi)

- *Thđ: **Định-tâm*** của pháp-hành thiên-định có 3 loại: *Parikammasamādhi: Sơ-định ban đầu, upacārasamādhi: Cận-định, appanāsamādhi: An-định* trong 1 đề-mục thiên-định.

- *Tht: **Định-tâm*** của pháp-hành thiên-tuệ chỉ có 1 loại là *khaṇikasamādhi: Sát-na-định* nơi mỗi đối-tượng thiên-tuệ, sắc-pháp, danh-pháp.

14- Chứng đắc (Adhigama)

- *Thđ: **Sự chứng đắc*** của pháp-hành thiên-định là đạt đến *appanāsamādhi: An-định-tâm* có đối-tượng *paṭi-bhāganimitta*, chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới, 4 bậc thiên vô-sắc-giới.

- *Tht: **Sự chứng đắc*** của pháp-hành thiên-tuệ là chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 *Thánh-đạo*, 4 *Thánh-quả* và *Niết-bàn*.

15- Diệt Phiền-não (Pahāna)

- *Thđ: **Diệt phiền-não***: Pháp-hành thiên-định, *đệ nhất thiên sắc-giới thiện-tâm diệt phiền-não loại trung* (5 pháp-chướng-ngại *nīvaraṇa*) bằng cách *ché-ngự, đè-nén* phiền-não (*vikhambhanappahāna*).

- *Tht: **Diệt phiền-não***: Pháp-hành thiên-tuệ có 12 loại trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới từ trí-tuệ thứ nhất *nāmarūpa-paricchedañāna* cho đến trí-tuệ thiên-tuệ thứ 12 *saccānulomañāna* diệt phiền-não từng-thời (*tadaṅgappahāna*) theo khả năng của mỗi loại trí-tuệ thiên-tuệ.

Đến *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 14* đó là 4 *Thánh-đạo-tuệ* mà mỗi *Thánh-đạo-tuệ* có khả năng đặc biệt diệt tận được *phiền-não (samucchadappahāna)* theo năng lực của mỗi *Thánh-đạo-tuệ*, tiếp theo *trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới thứ 15* đó là 4 *Thánh-quả-tuệ* mà mỗi loại *Thánh-quả-tuệ* có khả năng đặc biệt làm an-tĩnh *phiền-não (paṭippassaddhippahāna)* theo năng lực của mỗi *Thánh-quả-tuệ*, và *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới giải thoát khổ (nissaraṇappahāna)*.

16- Tâm (Citta)

- *Thđ: Tâm* của các bậc thiên-định là 15 *sắc-giới tâm*, và 12 *vô-sắc-giới-tâm*, thuộc về 27 *mahaggatacitta: Tâm bậc cao hơn dục-giới-tâm*.

- *Tht: Tâm* của thiên-tuệ thuộc về siêu-tam-giới-tâm đó là 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm*, và 4 hoặc 20 *Thánh-quả-tâm* gồm có 8 hoặc 40 *siêu-tam-giới-tâm*.

17- Đối-tượng - Chủ thể (Ārammaṇa - Ārammaṇika)

- *Thđ: * Đối-tượng thiên-định* thuộc về *chế-định-pháp (paññattidhamma)* diễn biến qua 3 giai đoạn từ thô đến vi-tế như sau:

- *Giai đoạn ban đầu: Parikammanimitta: Đối-tượng thiên-định thực-hành ban đầu của đề-mục thiên-định* diễn biến đến

- *Giai đoạn giữa: Uggahanimitta: Đối-tượng thô ảnh tương tự của đề-mục thiên-định*, diễn biến đến

- *Giai đoạn cuối: Paṭibhāganimitta: Đối-tượng quang ảnh trong sáng của đề-mục thiên-định*.

* *Chủ-thể thiên-định* là *tâm hành* trong *đối-tượng thiên-định* cũng tiến triển theo 3 giai đoạn theo *đối-tượng thiên-định* như sau:

- *Giai đoạn ban đầu: Parikammabhāvanā: Tâm-hành ban đầu của đề-mục thiên-định có parikammasamādi: Sơ-định trong đối-tượng parikammanimitta, và đối-tượng uggahanimitta.*

- *Giai đoạn giữa: Upacārabhāvanā: Tâm-cận-hành gần bậc thiên sắc-giới có upacārasamādi: Tâm-cận-định trong đối-tượng paṭibhāganimitta gần bậc thiên sắc-giới.*

- *Giai đoạn cuối: Appanābhāvanā: Tâm-an-hành chứng đắc bậc thiên sắc-giới có appanāsamādi: Tâm-an-định vững chắc trong đối-tượng paṭibhāganimitta chứng đắc bậc thiên sắc-giới.*

- *Tht: * Đối-tượng thiên-tuệ thuộc về chân-nghĩa-pháp (paramatthadhamma) có thật-tánh của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, có sự sinh, sự diệt của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, có 3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới,*

** Chủ-thể thiên-tuệ là trí-tuệ thiên-tuệ diễn tiến qua 3 giai đoạn:*

- *Giai đoạn ban đầu: Trí-tuệ thứ nhất* thấy rõ, biết rõ, phân biệt rõ **thật-tánh** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới.

- *Giai đoạn giữa: Trí-tuệ thiên-tuệ tam-giới* gồm có 9 loại thấy rõ, biết rõ **sự sinh, sự diệt** của mỗi sắc-pháp, mỗi danh-pháp tam-giới do nhân-duyên-sinh, do nhân-duyên-diệt, hiện rõ **3 trạng-thái-chung: Trạng-thái vô-thường, trạng-thái khổ, trạng-thái vô-ngã của sắc-pháp, của danh-pháp tam-giới, v.v...**

- *Giai đoạn cuối: Trí-tuệ thiên-tuệ siêu-tam-giới* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn.

18- Quả báu (Ānisaṃsa)

- *Thở: Quả báu của 5 bậc thiên sắc-giới, 4 bậc thiên vô-sắc-giới có nhiều quả báu như sau:*

a) Kiếp hiện-tại của hành-giả

- *Nhập thiên để hưởng sự an-lạc trong bậc thiên ấy.*
- *Có khả năng luyện phép ngũ-thông (abhiññā).*
- *Làm nền tảng, làm đối-tượng để thực-hành pháp-hành-thiên-tuệ.*
- *Hỗ trợ bậc Thánh-nhân nhập Thánh-quả-tâm.*
- *Nếu chứng đắc đủ 9 bậc thiên (5 bậc thiên sắc-giới và 4 bậc thiên vô-sắc-giới) thì hỗ trợ bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán nhập diệt-thọ-tưởng, ...*

b) Kiếp vị-lai của hành-giả

- *Nếu hành-giả nào chứng đắc các bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và các bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm giữ gìn duy trì đến lúc chết, sau khi hành-giả ấy chết, thì chỉ có thiên thiện-tâm bậc cao nào có quyền ưu tiên cho quả là thiên quả-tâm bậc cao ấy làm phạm-sự tái-sinh kiếp kế-tiếp, hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, hoặc tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, tương xứng với thiên quả-tâm bậc cao ấy mà thôi.*

Các thiên thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô hiệu quả.

- *Thở: Quả báu của 4 Thánh-đạo-tâm liền cho quả tương xứng là 4 Thánh-quả-tâm trong cùng Thánh-đạo lộ-trình-tâm (Maggavīthiccita) ấy, không có thời gian ngăn cách (akālika) như sau:*

- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm 1 sát-na-tâm diệt, liền cho quả là Nhập-lưu Thánh-quả-tâm sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm trong cùng Nhập-lưu Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

- *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm 1 sát-na-tâm diệt, liền cho quả là Nhất-lai Thánh-quả-tâm sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm trong cùng Nhất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

- *Bất-lai Thánh-đạo-tâm 1 sát-na-tâm diệt, liền cho quả là Bất-lai Thánh-quả-tâm sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm trong cùng Bất-lai Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

- *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm 1 sát-na-tâm diệt, liền cho quả là A-ra-hán Thánh-quả-tâm sinh 2 hoặc 3 sát-na-tâm trong cùng A-ra-hán Thánh-đạo lộ-trình-tâm.*

a) Kiếp hiện-tại của 4 bậc Thánh-nhân

- *Nhập Thánh-quả-tâm để hưởng sự an-lạc tịch-tĩnh Niết-bàn.*

- *Nếu bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán chứng đắc đủ 9 bậc thiên thì nhập diệt-thọ-tướng, ...*

b) Kiếp vị-lai của 4 bậc Thánh-nhân

- *Sau khi bậc Thánh Nhập-lưu chết, tuyệt đối không tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người, hoặc cõi trời dục-giới, nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- *Sau khi bậc Thánh Nhất-lai chết, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người, hoặc cõi trời dục-giới, 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- *Sau khi bậc Thánh Bất-lai chết, tuyệt đối không tái-sinh trở lại cõi dục-giới, mà chỉ có sắc-giới thiện-nghiệp*

trong *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm* nào cho quả *bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy* làm phạm sự tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy*. Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- **Bậc Thánh A-ra-hán** ngay kiếp hiện-tại, đến khi hết tuổi thọ đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

19- Người (Puggala)

- *Thđ*: Dù hành-giả chứng đắc 5 *bậc thiên sắc-giới* và 4 *bậc thiên vô-sắc-giới* cũng vẫn còn là hạng người phạm-nhân (puthujjana).

- *Tht*: Hành-giả chứng đắc *Nhập-lưu Thánh-đạo*, *Nhập-lưu Thánh-quả* trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu*.

- Chứng đắc *Nhất-lai Thánh-đạo*, *Nhất-lai Thánh-quả* trở thành *bậc Thánh Nhất-lai*.

- Chứng đắc *Bất-lai Thánh-đạo*, *Bất-lai Thánh-quả* trở thành *bậc Thánh Bất-lai*,

- Chứng đắc *A-ra-hán Thánh-đạo*, *A-ra-hán Thánh-quả* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*.

Đó là 4 bậc *Thánh-nhân (ariyapuggala)* trong Phật-giáo.

20- Pháp-hành (bhāvanā)

- *Thđ*: **Pháp-hành thiền-định** (samathabhāvanā) là pháp-hành có trong *Phật-giáo* và ngoài *Phật-giáo*, là pháp-hành có thể dẫn đến chứng đắc 5 *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm*, 4 *bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm*.

Nếu hành-giả nào có khả năng chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm, sau khi hành-giả ấy chết, thì chắc chắn đệ tứ thiên vô-sắc-giới thiện-nghiệp gọi là phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là Phi-tướng phi-phi-tướng-xứ-thiên. Vị phạm-thiên trên tầng trời ấy có tuổi thọ 84.000 đại-kiếp trái đất lâu dài nhất, hưởng an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại tầng trời ấy, rồi đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau xuống cõi thiện dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới.

Năm bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và 3 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma) không có cơ hội cho quả được nữa.

- *Tht: **Pháp-hành thiên-tuệ** (vipassanābhāvanā) là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo, là pháp-hành dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc như sau:*

- Chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu.

- Chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai.

- Chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai.

- Chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

* Sau khi bậc Thánh Nhập-lưu chết, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới là cõi người và cõi trời dục-giới, nhiều

nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Kiếp thứ 7 ấy, *bậc Thánh Nhập-lưu* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi *bậc Thánh Nhất-lai* chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm* cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi người hoặc cõi trời dục-giới chỉ 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, *bậc Thánh Nhất-lai* chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* Sau khi *bậc Thánh Bất-lai* chết, không tái-sinh trở lại cõi dục-giới, chỉ có *sắc-giới thiện-nghiệp trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm* nào cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với *bậc thiên sắc-giới quả-tâm* ấy. Vì *phạm-thiên Thánh Bất-lai* ấy chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh A-ra-hán*, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

* *Bậc Thánh A-ra-hán* ngay kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, *pháp-hành thiên-định* và *pháp-hành thiên-tuệ* là 2 pháp-hành có những điểm khác biệt nhau tìm thấy được bấy nhiêu! Chắc chắn còn có điểm khác nữa.

Tuy nhiên, * hành-giả nào trước thực-hành *pháp-hành thiên-định*, có khả năng chứng đắc *bậc thiên sắc-giới thiện-tâm* nào, sau hành-giả ấy sử dụng *chi-thiền lạc* hoặc *tâm-thiền* làm *đối-tượng thiên-tuệ danh-pháp*, rồi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành *bậc Thánh-nhân*.

Hoặc * hành-giả nào không thực-hành pháp-hành thiên-định, hành-giả ấy thực-hành pháp-hành thiên-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân.*

Trong 2 hành-giả ấy, khi *Thánh-đạo-tâm* nào phát sinh, ắt có *bát-chánh-đạo* hợp đủ 8 chánh đồng sinh với *Thánh-đạo-tâm* ấy.

Bát-chánh-đạo có đủ 8 chánh là *chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định* đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*. Trong 8 chánh ấy, ***chánh-kiến*** thuộc về ***thiền-tuệ***, và ***chánh-định*** thuộc về ***thiền-định*** cùng có chung *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Như vậy, nếu trường hợp *bát-chánh-đạo* có đủ 8 chánh đồng sinh với 4 *Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm* có *đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới*, thì ***thiền-tuệ*** đó là *chánh-kiến* và ***thiền-định*** đó là *chánh-định* có *đối-tượng giống nhau là Niết-bàn siêu-tam-giới*.

Nghi Thức Thọ Pháp-Hành Thiên-Tuệ

Lễ thọ pháp-hành thiên-tuệ là việc làm theo truyền thống từ thời-kỳ Đức-Phật cho đến nay. Khi Đức-Phật còn trên thế gian, các tỳ-khưu đên hầu đánh lễ Đức-Phật kính xin thọ pháp-hành thiên-định hoặc pháp-hành thiên-tuệ, rồi tìm nơi thanh vắng để thực-hành, hoặc đến xin thọ pháp-hành nơi Ngài Đại-trưởng-lão, hoặc Ngài Trưởng-lão, hoặc Ngài Thiên-sư, v.v...

Trước khi làm *lễ thọ pháp-hành thiên-tuệ*, nếu hành-giả là *cận-sự-nam*, *cận-sự-nữ* nên làm *lễ thọ tam-quy và chánh-mạng đệ-bát-giới (ājīvatṭhamakasīla)* nghĩa là *giới thứ 8 là giới-chánh-mạng* từ vị Thiên-sư.

Trước khi thọ tam-quy, hành-giả nên làm lễ sám hối lỗi lầm của mình trước sự hiện diện vị Thiên-sư chứng minh, để tránh mọi sự trở ngại, trong khi thực-hành pháp-hành thiên-tuệ như sau:

1- Nghi thức sám hối

Hành-giả nên thành tâm sám hối rằng:

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, xin phép Ngài, con xin thành tâm sám hối những lỗi lầm do cố ý hoặc vô ý phạm đến Đức-Phật, Đức-Pháp. Đức-Tăng, Tam-bảo, cùng với các bậc Thầy tổ, cha mẹ, ... từ trước cho đến hiện-tại này. Kể từ nay về sau, con hết sức cố gắng cần trọng giữ gìn không để tái phạm.*

Kính xin Ngài chứng minh cho con, và nhận biết những lỗi lầm của con. Bạch Ngài.

Do tác-ý thiện-tâm này, nên tất cả mọi điều tai hại không xảy đến với con, và nguyện vọng thực-hành pháp-hành thiên-tuệ cho được thành tựu. (Đánh lễ 3 lần)

Ngài Thiên-sư khuyên dạy:

- *Này hành-giả! Con đã nhận biết những lỗi lầm do cố ý hoặc vô ý phạm đến Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Tam-bảo, cùng với các bậc Thầy tổ, cha mẹ, ... từ trước cho đến hiện-tại này.*

Sư chứng minh và nhận biết sự thành tâm sám hối, sửa chữa những lỗi lầm của con.

Vậy, kể từ nay về sau, con phải nên cố gắng cẩn trọng giữ gìn thân, khẩu, ý tránh không để tái phạm. Người nào đã nhận biết được lỗi lầm của mình, rồi biết sám hối, sửa chữa đúng theo pháp luật của Đức-Phật, thì người ấy chắc chắn sẽ tiến hóa trong mọi thiện-pháp trong giáo pháp của Đức-Phật.

Hành-giả bạch rằng: “*Sādhu! Bhante, Sādhu! Lành thay! Lành thay! Bạch Ngài.*”

2- Lễ thọ tam-quy và chánh-mạng đệ bát-giới

Hành-giả đánh lễ vị Thiên-sư xong, rồi hành nghi lễ theo tuần tự như sau:

Lễ sám hối Tam-bảo

*** Lễ sám hối Đức-Phật-bảo**

*Uttamaṅgena vande ’haṃ, pādapaṃsuṃ varuttamaṃ.
Buddhe yo khaliko doso, Buddho khamatu taṃ mama.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức-Phật.
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Phật-bảo,
Cúi xin Phật-bảo xá tội ấy cho con. (đánh lễ)*

*** Lễ sám hối Đức-Pháp-bảo**

*Uttamaṅgenavande ’haṃ, Dhammañca duvidhaṃ varaṃ.
Dhamme yo khaliko doso, Dhammo khamatu taṃ mama.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai hạng Pháp-bảo: Pháp-học và pháp-hành,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Pháp-bảo,
Cúi xin Pháp-bảo xá tội ấy cho con. (đánh lễ)*

*** Lễ sám hối Đức-Tăng-bảo**

*Uttamaṅgena vande 'haṃ, Saṃghaṅca duvidhuttamaṃ.
Saṃghe yo khaliko doso, Saṃgho khamatu taṃ mama.
Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai bậc Tăng-bảo: Phạm-Tăng và Thánh-Tăng,
Lỗi lầm nào con đã phạm đến Tăng-bảo,
Cúi xin Tăng-bảo xá tội ấy cho con. (đánh lễ)*

Bài kệ cầu nguyện

*Iminā puññakammaṇa, sabbe bhayā vinassantu.
Nibbānaṃ adhigantaṃ hi, sabbadukkhā pamuccāmi.
Do nhờ năng lực thiện-tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai họa hãy đều tiêu diệt,
Mong chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái-sinh.*

*** Lễ thọ tam-quy và ājivaṭṭhamakasīla**

Nếu một hành-giả (số ít) thì đọc như sau:

*Ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājivaṭṭhamakasīlaṃ
dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha me.
Bhante.*

*Dutiyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājivaṭṭhamaka-
sīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha
me. Bhante.*

*Tatīyampi, ahaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājivaṭṭhamaka-
sīlaṃ dhammaṃ yācāmi anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha
me. Bhante.*

* Nếu nhiều hành-giả (số nhiều) thì đọc như sau:

Mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Dutiyampi, mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Tatīyampi, mayaṃ Bhante, tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ yācāma anuggahaṃ katvā, sīlaṃ detha no Bhante.

Nghĩa:

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới.

Kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới cho con. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới.

Kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới cho con, lần thứ nhì. Bạch Ngài.

- Kính bạch Ngài Trưởng-lão, Con xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới.

Kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới cho con, lần thứ ba. Bạch Ngài. (đánh lễ).

Ths: *Yamaṃ vadāmi, taṃ vadehi.*

(Su hướng dẫn từng câu nào, con nên đọc theo đúng từng câu ấy).

Hg: *Āma. Bhante. (Dạ, xin vâng. Bạch Ngài).*

Ths: *Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsam-buddhassa.*

Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

*** Thọ phép quy-y Tam-bảo**

- *Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật.

- *Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp.

- *Sammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng.

- *Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ nhì.

- *Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.

- *Dutiyampi Sammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.

- *Tatiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Phật, lần thứ ba.

- *Tatiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

- *Tatiyampi Sammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.*

Con đem hết lòng thành kính xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

Ths: *Tisaraṇagamanam paripuṇṇam.*

(Phép quy-y Tam-bảo trọn vẹn bảy nhiều).

Hg: *Āma. Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

*** Thọ trì ājīvaṭṭhamakasiḷa**

1- *Pāṇātipātā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.

2- *Adinnādānā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.

3- *Kāmesu micchācārā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

4- *Musāvādā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự nói-dối.

5- *Pisunavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.

6- *Pharusavācā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời thô tục.

7- *Samphappalāpā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa sự nói lời vô ích.

8- *Micchājīvā veramaṇisikkhāpadaṃ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác-ý tránh xa cách sống tà mạng.

Tisaraṇena saha ājīvaṭṭhamakasīlaṃ dhammaṃ sādhukaṃ katvā, appamādena sampādettha.

(Các con đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì chánh-mạng đệ-bát-giới (ājīvaṭṭhamakasīla) xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho mọi thiện-pháp được phát triển, bằng pháp không để duôi, thực-hành pháp-hành tứ-niệm-xứ.

Hg: *Āma, Bhante. (Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).*

Ths: *Sīlena sugatiṃ yanti, sīlena bhogasampadā.*

Sīlena nibbutiṃ yanti, tasmā sīlaṃ visodhaye.

Chúng-sinh tái-sinh cõi trời, nhờ giữ giới,

Chúng-sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,

Chúng-sinh giải thoát Niết-bàn, nhờ giữ giới,

Vậy, các con nên giữ giới, cho trong sạch!

Hg: *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Sau khi đã thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ājīvaṭ-

thamakasīla xong, tiếp theo hành-giả nên đọc 3 bài kệ khẳng định quy-y Tam-bảo rằng:

*Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.*

*Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.*

*Natthi me saraṇaṃ aññaṃ, Saṃgho me saraṇaṃ varaṃ.
Etena saccavajjena, hotu me jayamaṅgalaṃ.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng-bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

Hoàn thành xong lễ thọ quy-y Tam-bảo và thọ-trì *ājīvaṭṭhamakasīla*: Chánh-mạng đệ-bát-giới.

Nhận xét về giới *ājīvaṭṭhamakasīla*

Hành-giả là bậc xuất gia *sa-di*, *tỳ-khuru* hoặc người tại gia *cận-sự-nam*, *cận-sự-nữ* đều có giới-hạnh theo phạm-hạnh của mình và còn phải nghiêm chỉnh thực-hành *ājīvaṭṭhamakasīla*: Chánh-mạng đệ-bát-giới này nữa, bởi vì giới này còn có tên là *ādibrahmacariyakasīla*.⁽¹⁾ Giới-hành phạm-hạnh phần đầu.

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

Chánh-mạng đê-bát-giới nghĩa là **chánh-mạng** là giới thứ 8. Giới này gồm có 8 điều-giới như sau:

- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự sát-sinh.
- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự trộm-cắp.
- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự tà-dâm.

Ba điều-giới này thuộc về **chánh-nghiệp**.

- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói-dối.
- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.
- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói lời thô tục.
- Điều-giới có tác-ý tránh xa sự nói lời vô ích.

Bốn điều-giới này thuộc về **chánh-ngữ**

8- Điều-giới có tác-ý tránh xa cách sống tà-mạng thuộc về **chánh-mạng**.

Ājīvattṭhamakasīla: Chánh-mạng đê-bát-giới còn gọi là *ādibrahmacariyakasīla*: Giới-hành phạm-hạnh phần đầu có 3 chánh là chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng thuộc về **phần-giới** trong **pháp-hành bát-chánh-đạo**.

- Nếu **pháp-hành bát-chánh-đạo** thuộc về **tam-giới** thì 3 chánh này gọi là **anīyatayogīcetasika**: 3 bất-định tâm-sở còn thuộc về **nānākadācīcetasika**: Mỗi bất-định tâm-sở này riêng rẽ đồng sinh với 8 **đại-thiện-tâm** có mỗi đối-tượng khác nhau.

- Nếu **pháp-hành bát-chánh-đạo** thuộc về **siêu-tam-giới** thì 3 chánh này gọi là **niyata ekato cetasika**: 3 cố-định tâm-sở chắc chắn đồng sinh với nhau trong 4 **Thánh-đạo-tâm**, 4 **Thánh-quả-tâm** có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới.

Cho nên, hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ**, đến khi chứng đắc **Thánh-đạo-tâm** nào **Thánh-đạo-tâm ấy** có đối-tượng Niết-bàn siêu-tam-giới, thì **bát-chánh-**

đạo hợp đủ 8 chánh là chánh-kiến, chánh-tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh-tinh-tân, chánh-niệm, chánh-định đồng sinh với Thánh-đạo-tâm, Thánh-quả-tâm ấy, nên chánh-nghiệp, chánh-ngữ, chánh-mạng thuộc về **phân-giới** trong **bát-chánh-đạo siêu-tam-giới**.

3- Lễ hiến dâng sinh-mạng

* Lễ hiến dâng sinh mạng lên Đức-Phật

Hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-định, hoặc pháp-hành thiên-tuệ ở một mình nơi thanh vắng, phát sinh sợ hãi, hoặc các hàng phi nhân đến quấy nhiễu, hoặc các loài thú dữ có thể làm hại đến sinh-mạng của mình.

Để tránh khỏi những trở ngại cho việc thực-hành pháp-hành thiên-định hoặc pháp-hành thiên-tuệ, hành-giả nên làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình lên Đức-Phật, trước khi thực-hành pháp-hành thiên-định hoặc pháp-hành thiên-tuệ.

Trong bộ Visuddhimagga: Thanh-Tịnh-Đạo hướng dẫn đọc lời hiến dâng sinh mạng lên Đức-Phật rằng:

“Imā’ham Bhagavā, attabhāvaṃ tumhākaṃ pariccajāmi.”⁽¹⁾ (3 lần, rồi đánh lễ Đức-Phật)

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin thành kính hiến dâng sinh-mạng của con lên Ngài.

Sau khi đã làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình lên Đức-Phật rồi, hành-giả nên phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, đó là thiện-pháp phát sinh hộ trì hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-định hoặc pháp-hành thiên-tuệ được thuận lợi, tiến hóa trong mọi thiện-pháp.

Đức-Phật dạy rằng:

¹ Bộ Visuddhimagga, phần Kammaṭṭhānaggaṇa niddesa.

“*Dhammo have rakkhati dhammacārim, ...*”⁽¹⁾

Thật vậy, thiện-pháp hộ trì người hành pháp.

*** Lễ hiến dâng sinh-mạng đến thiên-sư**

Hành-giả ban đầu thực-hành *pháp-hành thiên-định* hoặc *pháp-hành thiên-tuệ* cần phải nương nhờ nơi vị *Thiên-sư* thông hiểu rành rẽ về *pháp-học Phật-giáo* và có đầy đủ kinh nghiệm về *pháp-hành Phật-giáo*, nhất là *pháp-hành thiên-định* và *pháp-hành thiên-tuệ*.

Đề cho vị *Thiên-sư* tận tâm chỉ dạy tỉ mỉ các đối-tượng thiên-tuệ mà hành-giả có ý nguyện muốn thực-hành, và giảng giải rành rẽ tất cả mọi sắc-pháp, mọi danh-pháp thuộc về *chân-nghiã-pháp* (*paramatthadhamma*) mà hành-giả cần phải hiểu biết rõ để thực-hành đúng theo pháp-hành-tuệ.

Hành-giả nên làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình đến vị *Thiên-sư*.

Trong bộ *Visuddhimagga*: Thanh-Tịnh-Đạo hướng dẫn đọc lời hiến dâng sinh-mạng đến vị *Thiên-sư* rằng:

“*Imā ’haṃ Bhante, attabhāvaṃ tumhākaṃ pariccajāmi.*”⁽²⁾ (3 lần, rồi đánh lễ Ngài)

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, con xin thành kính hiến dâng sinh-mạng của con đến Ngài.*

Sau khi đã làm lễ hiến dâng sinh-mạng của mình đến vị *Thiên-sư* rồi, hành-giả là người đệ-tử để dạy, biết vâng lời dạy dỗ của vị *Thiên-sư* ấy⁽³⁾, trong suốt thời gian thực-hành.

¹ *Dhammapadaṭṭhakatthā*, tích *Sambahulabhikkhuvatthu*.

² Bộ *Visuddhimagga*, phần *Kammaṭṭhānaggahana niddesa*.

³ Nếu hành-giả xét thấy pháp-hành của mình không phát triển thì có thể thay đổi vị *Thiên-sư* khác, đó là việc bình thường.

* Lễ thọ pháp-hành thiên-tuệ

Phật-giáo gồm có 3 pháp:

- *Pháp-học Phật-giáo* đó là theo học *Tam-tạng Pāli* và *Chú-giải Pāli* gồm tất cả lời giáo huấn của Đức-Phật.

- *Pháp-hành Phật-giáo* đó là *pháp-hành-giới, pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ*.

- *Pháp-thành Phật-giáo* đó là 4 *Thánh-đạo, 4 Thánh-quả* và *Niết-bàn*.

Đề tỏ lòng tôn kính *Pháp-bảo, hành-giả* cần phải làm "*Lễ cầu pháp-hành*" với vị *Thiền-sư*, nên đọc câu:

"Nibbānassa me Bhante, sacchikaraṇatthāya vipassanākammatthānaṃ detha." (3 lần, rồi đánh lễ)

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm từ tế độ hướng dẫn, chỉ dạy cho con pháp-hành thiên-tuệ, để con thực-hành hầu mong chứng ngộ Niết-bàn, giải thoát khổ sinh. Bạch Ngài.*

Sau khi hành-giả lễ cầu pháp-hành thiên-tuệ xong, vị *Thiền-sư* tận tâm chỉ dạy về pháp-hành thiên-tuệ cho hành-giả.

* Cúng-dường Tam-bảo và lời phát-nguyện

Cúng dường Tam-bảo là cúng dường *Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo* là nơi quy-y nương nhờ đối với các hàng thanh-văn đệ-tử, để tỏ lòng tôn kính ngôi Tam-bảo, hằng ngày đêm, các hàng thanh-văn đệ-tử thường lễ bái, cúng dường đến ngôi Tam-bảo.

Đức-Phật dạy cách cúng-dường:

- *Amisapūjā: Cúng dường bằng phẩm vật, ...*

- *Paṭipattipūjā: Cúng dường bằng pháp-hành: Pháp-hành-giới, pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ, ...*

Trong 2 cách cúng dường, Đức-Phật tán dương ca tụng *paṭipattipūjā* là cao thượng hơn cả.

Đề lòng tôn kính Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nhân dịp may, cơ hội tốt hy hữu này, hành-giả thành kính cúng-dường bằng pháp-hành thiên-tuệ lên ngôi Tam-bảo, đọc bằng lời như sau:

- *Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā
Buddhaṃ pūjemi.*

Con đem hết lòng thành kính cúng dường Đức-Phật-bảo bằng pháp-hành thiên-tuệ này.

- *Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā
Dhammaṃ pūjemi.*

Con đem hết lòng thành kính cúng dường Đức-Pháp-bảo bằng pháp-hành thiên-tuệ này.

- *Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā
Saṃghaṃ pūjemi.*

Con đem hết lòng thành kính cúng dường Đức-Tăng-bảo bằng pháp-hành thiên-tuệ này.

Lời phát nguyện

- *Addhā imāya paṭipattiyā jāti-jarā-maraṇamhā
parimuccissāmi. (3 lần).*

Chắc chắn, con sẽ giải thoát khỏi khổ sinh, lão, tử bằng pháp-hành thiên-tuệ này.

Như vậy, mục đích cứu cánh của hành-giả thực-hành pháp-hành thiên-tuệ cốt yếu là chứng đắc Niết-bàn giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

(Xong nghi thức thọ pháp-hành thiên-tuệ)

Đoạn Kết

Pháp-hành-thiền-tuệ là pháp-hành chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, hoàn toàn không có ngoài Phật-giáo.

Pháp-hành thiền-tuệ có từ khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, khi giáo-pháp của Đức-Phật Gotama được phát triển, được lưu truyền trên thế gian, rồi sẽ bị mai một dần dần theo thời gian thì **pháp-hành thiền-tuệ** bị mất trước, còn tuổi thọ Phật-giáo đến 5000 năm sẽ bị suy đồi hoàn toàn trên cõi người này.

Pháp-hành thiền-tuệ là pháp-hành dẫn đến giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, đối với chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật (pāramī) và 5 pháp-chủ (indriya) từ vô số kiếp quá-khứ được lưu trữ ở trong **tâm** sinh rồi diệt, từ kiếp này sang kiếp kia, cho đến kiếp hiện-tại.

Kiếp hiện-tại chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác có duyên lành đến hầu đánh lễ Đức-Phật hoặc chư bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

Chư vị Bồ-tát thanh-văn-giác ấy là hành-giả có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, thực-hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc Thánh-đạo nào, Thánh-quả ấy trở thành bậc Thánh thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật bậc nào tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ của mỗi vị Bồ-tát thanh-văn-giác.

Thánh thanh-văn đệ-tử có 4 bậc, mà mỗi bậc Thánh thanh-văn giảm dần được sự **khổ tâm** trong kiếp hiện-tại và kiếp vị-lai như sau:

1- **Bậc Thánh Nhập-lưu** đã diệt tận được 2 loại phiền-não là **tà-kiến** trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và đã diệt tận được **hoài-nghi** trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót.

- Kiếp hiện-tại, bậc Thánh Nhập-lưu không còn **khổ tâm** do 2 loại phiền-não **tà-kiến** và **hoài-nghi** trong 5 bất-thiện-tâm (ác-tâm) là 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và 1 si-tâm hợp với hoài-nghi ấy nữa, chỉ còn **khổ tâm** do 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, 2 sân-tâm và 1 si-tâm hợp với phóng-tâm mà thôi.

- Kiếp vị-lai, sau khi bậc Thánh Nhập-lưu chết, tuyệt đối không tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới, mà chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam, vị thiên-nữ** trên cõi trời dục-giới, nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Đến kiếp thứ 7, bậc Thánh Nhập-lưu chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

2- **Bậc Thánh Nhất-lai** đã diệt tận được 1 loại phiền-não **sân loại thô** trong 2 sân-tâm không còn dư sót.

- Kiếp hiện-tại, bậc Thánh Nhất-lai không còn **khổ tâm** do phiền-não **sân loại thô** trong 2 sân-tâm ấy nữa, chỉ còn **khổ tâm** do 2 sân-tâm loại vi-tế, 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, 1 si-tâm hợp với phóng-tâm mà thôi.

- Kiếp vị-lai, sau khi bậc Thánh Nhất-lai chết, chỉ có **đại-thiện-nghiệp** trong đại-thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp sau đầu thai làm **người** hoặc hóa-sinh làm **vị thiên-nam, vị thiên-nữ** trên cõi trời dục-giới, 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, bậc Thánh Nhất-lai chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

3- **Bậc Thánh Bất-lai** đã diệt tận được 1 loại phiền-não **sân loại vi-tế** trong 2 sân-tâm không còn dư sót.

- Kiếp hiện-tại, bậc Thánh Bất-lai không còn **khổ tâm** do phiền-não **sân** trong 2 sân-tâm ấy nữa, chỉ còn khổ tâm do 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến và 1 si-tâm hợp với phóng-tâm mà thôi.

- Kiếp vị-lai, sau khi bậc Thánh Bất-lai chết, không còn tái-sinh trở lại cõi dục-giới, chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm nào cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm **vị phạm-thiên** trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy. Vị phạm-thiên Thánh Bất-lai ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

4- **Bậc Thánh A-ra-hán** đã diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là **tham, ngã-mạn, buồn-chán, si, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi** trong 4 tham-tâm không hợp với tà-kiến, 1 si-tâm hợp với phóng-tâm không còn dư sót.

- Kiếp hiện-tại, bậc Thánh A-ra-hán hoàn toàn không còn **khổ tâm** do phiền-não trong bất-thiện-tâm nào nữa, chỉ còn **khổ thân** mà thôi. Bậc Thánh A-ra-hán đến khi hết tuổi thọ, đồng thời tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Sở dĩ người nào chịu nổi **khổ tâm** là vì phiền-não trong bất-thiện-tâm (ác-tâm) của người ấy.

Về phần **khổ thân** là do **tứ đại** không điều hòa, hễ chúng sinh có **thân** thì ắt có nỗi **khổ thân** đó là điều dĩ nhiên khó tránh khỏi được.

Vị Bồ-tát thanh-văn-giác nào thuộc về hạng **người tam-nhân** (tīhetukapuggala) đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ từ vô số kiếp quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại, có duyên lành gặp được Phật-giáo đang được lưu truyền trên thế gian.

Vị Bồ-tát thanh-văn-giác ấy đến hầu đánh lễ Ngài Trưởng-lão thiên sư, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, có giới-hạnh trong sạch làm nơi nương nhờ, là hành-giả thực-hành **pháp-hành thiên-tuệ** dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế y theo Đức-Phật, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn, diệt tận được **mọi tham-ái, mọi phiền-nã** không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán hoàn toàn không có **khổ tâm** nữa, chỉ còn có **khổ thân** mà thôi.

Bậc Thánh A-ra-hán kiếp hiện-tại đến khi hết tuổi thọ gọi là tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi **khổ thân**, đồng thời giải thoát khỏi mọi cảnh khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài. Đó là quả-báu đặc biệt của pháp-hành thiên-tuệ trong Phật-giáo.

Patthanā

*Iminā puññakammena, sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo, loka sattā sumaṅgalā.
Vietnam-raṭṭhikā sabbe ca, janā pappontu sāsane.
Vuddhiṃ viruḥhivepullaṃ, patthayāmi nirantaram.*

*Do nhờ phước thiện thanh cao này,
Cho chúng con thường được an-lạc.
Cầu mong chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.
Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật giáo.
Bản sư cầu nguyện với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.*

*Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmim.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnam-raṭṭhasmim.
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên thế gian.
Cầu nguyện chánh-pháp được trường tồn trên Tổ quốc
Việt Nam thân yêu.*

*PL. 2562 / DL. 2018
Rừng Núi Viên Không
Xã Tóc Tiên, Huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.*

*Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Vinayapiṭakapāḷi* và *Vinayaṭṭhakathāpāḷi*.
- *Suttantapiṭakapāḷi* và *Suttantaṭṭhakathāpāḷi*.
- *Abhidhammapiṭakapāḷi* và *Abhidhammaṭṭhakathāpāḷi*.
- *Bộ Visuddhimagga* và *Bộ Visuddhimaggamahāṭīkā*.
- *Bộ Abhidhammatthasaṅgaha* của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Anuruddha.
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa* của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Vicittasārābhivaṃsa (*Viṣiṭṭhatipiṭakadhara*, *Mahātipiṭakakoviḍa*, *Tipiṭakadharadhammabhaṇḍāgārika*).
- *Toàn bộ sách giáo khoa “Paramatthajotika”* của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Saddhammajotika.
- *Các bộ sách của Ngài Đại-Trưởng-Lão Bhaddanta Ledi Sayadaw*, v.v...

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khuru Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v... cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiên-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiên-Tuệ.

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web “trungtamhotong.org”. Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web “trungtamhotong.org”, vào mục “**thư viện**”, tìm đến soạn giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn “**Mở trong iBooks**”, sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô “**Mục lục**”, chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang “**Mục lục**”. Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển

sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v... không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ (Tái Bản)
- 8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC
- Hạnh Phúc An Lành: THIỆN ÁC
- **GUƠNG BẠC XUẤT-GIA**
- TÌM HIỂU PHƯỚC BỐ-THÍ (Tái Bản)
- Hạnh Phúc An Lành: HIỂU NGHĨA
- Hạnh Phúc An Lành: NHẪN NẠI
- Hạnh Phúc An Lành: GIÁO-PHÁP
- Hạnh Phúc An Lành: TÂM-TỬ
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái Bản)
- Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: ĐỐI-TƯỢNG TỬ OAI-NGHI
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- Ý NGHĨA ĐÊM RẪM THÁNG TƯ
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: 10 **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT BẠC THƯỢNG**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: **TRÍ -TUỆ SIÊU-VIỆT**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo: **CẨM NANG QUY-Y TAM-BẢO**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển I: **TAM-BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển II: **QUY-Y TAM- BẢO** (Tái Bản)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển III: **PHÁP-HÀNH-GIỚI** (Tái Bản)
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển IV: **NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển V: **PHƯỚC-THIỆN**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển VI: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 1**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển VII: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển VIII: **PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển IX: **PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
- Nền-Tầng-Phật-Giáo Quyển X: **PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
- **NGŨ-GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**
- **KINH CHUYỀN-PHÁP-LUÂN**

NỀN-TẢNG-PHẬT-GIÁO
QUYỂN X
PHÁP-HÀNH THIÊN-TUỆ
TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 24-3782 2845 – FAX: 24-3782 2841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS. BÙI THANH HÀ

Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in
TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỎ BỬU LONG
81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: +84 - 28 3889 7653 / DĐ: +84 (0) 778608925
E-mail: tkhophap@yahoo.com

*Số lượng in: 1.000 bản, Khổ 13.5 x 20.5 cm,
In tại: Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, 510 Trường Chinh,
phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Số ĐKXB: 3964 - 2018/CXBIPH/05 – 174/TG
Mã ISBN: 978-604-61-5877-6
QĐXB: 444/QĐ-NXBTG Ngày 21 tháng 11 năm 2018
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2019.*

Giá: 90.000Đ

Pháp-hành thiên-tuệ chỉ có trong Phật-giáo mà thôi, không có ngoài Phật-giáo. Hành-giả nào thực-hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng chứng ngộ chân-lý từ Thánh-đế, chứng đắc như sau:

- Nếu chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, thì chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi, rồi sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Nếu chứng đắc đến Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhất-lai, thì chỉ còn tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện dục-giới 1 kiếp nữa mà thôi, rồi sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Nếu chứng đắc đến Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Bất-lai, thì không còn tái-sinh trở lại cõi thiện dục-giới, mà tái-sinh kiếp sau trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, rồi sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

- Nếu chứng đắc đến A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả và Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán, thì ngay kiếp hiện-tại sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

ISBN 978-604-61-5877-6



9 786046 1158776